

Tác giả có tiểu thuyết bán chạy nhất theo bình chọn của New York Times.

JODI PICOULT



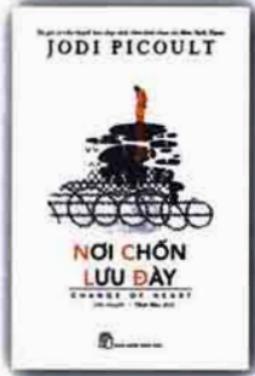
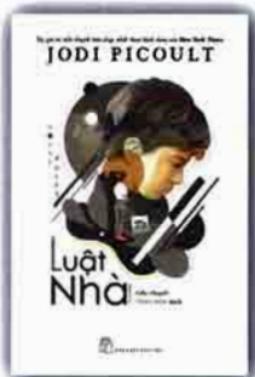
HAI CÔI NGƯỜI TA

tiểu thuyết | Trần Nguyên Hương dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Sách cùng tác giả:



HAI CƠI
NGƯỜI TA

Copyright © 2003 by Jodi Picoult. All rights reserved.
Published by arrangement with the original publisher,
Atria Books, a Division of Simon & Schuster, Inc.
Bản tiếng Việt © NXB Trẻ, 2020

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Picoult, Jodi, 1966-

Hai cõi người ta / Jodi Picoult. - In lần thứ 1. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020.
780 tr. ; 20 cm.
Nguyên bản : Second glance.

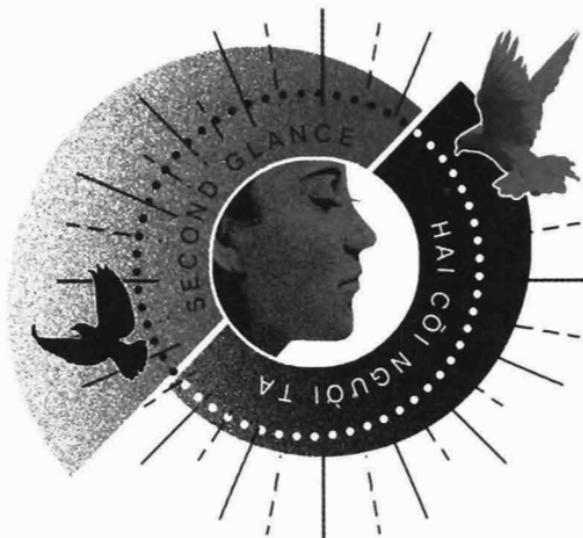
1. Người da đỏ Abenaki -- Tiêu thuyết. 2. Tiêu thuyết Mỹ -- Thé kỷ 20. 3. Văn
học Mỹ -- Thé kỷ 20. I. Ts. II. Ts: Second glance.

813.54 -- ddc 23
P599

Hei cõi người ta



JODI PICOUT



HAI CƠI
NGƯỜI TA

SECOND GLANCE

tiểu thuyết | Trần Nguyên Hương dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

**Dành tặng Sammy, độc giả kiêm nhà văn
Mẹ yêu con hơn mọi thứ trên đời**

XOXO, Mẹ

Nếu như bạn ngủ?
Và trong giấc ngủ, bạn nằm mơ?
Và trong mơ, bạn đến được thiên đường
ngắt một đóa hoa lạ tuyệt đẹp
ở đó?
Và nếu như, khi tỉnh giấc, bông hoa ấy
nằm trong tay bạn?
À! Vậy rồi sao nhỉ?

— SAMUEL TAYLOR COLERIDGE

Phần Một

Năm 2001

Tình yêu đích thực tựa như ma
Ai ai cũng nhắc đến
Có mấy người trải qua

— FRANCOIS, CÔNG TƯỚC XỨ LA ROCHEFOUCAULD,
CHÂM NGÔN THỨ 76

chương

Một

Lần đầu tự đẩy mình vào chỗ chết, Ross Wakeman suýt thành công, nhưng lần thứ hai và thứ ba chết hụt thì không phải do anh.

Lần thứ hai, anh ngủ gục trên tay lái nên phóng xe lao qua thành cầu và rớt xuống hồ nhưng được đội cứu hộ tìm thấy. Khi chiếc Honda nửa chìm nửa nổi được trục vớt, cửa xe đều còn khóa kín, kính cửa sổ cường lực rạn như mạng nhện mà vẫn nguyên vẹn. Sau vụ tai nạn chẳng ai hiểu làm sao anh ta thoát khỏi xe mà không hề trầy xước.

Lần thứ ba, Ross bị cướp ở New York. Tên cướp trấn lột ví tiền, đập Ross một trận nhừ tử, nã một phát vào lưng anh rồi trốn mất dạng. Với cự ly

gắn như thế, viên đạn lē ra phải khiến xương vai vỡ vụn và đâm thủng phổi. Vậy mà như có phép thần, viên đạn kẹt lại ngay khi vừa chạm xương. Mẫu đạn chì bé tẹo giờ đang được Ross dùng làm móc chìa khóa.

Còn lần đầu tiên suýt chết là vài năm trước, khi Ross mắc kẹt giữa một trận bão sét. Tia sét màu xanh tuyệt đẹp bất chợt xuất hiện trên nền trời rồi phóng thẳng trúng tim anh. Máy bác sĩ đều nói anh đã chết lâm sàng khoảng bảy phút. Họ nói rằng tia sét không đánh trúng Ross trực tiếp. Nếu dòng điện mạnh 50,000 ampe thực sự truyền thẳng vào lồng ngực, nó sẽ làm nước trong tế bào bốc hơi và khiến anh nổ tung đúng theo nghĩa đen. Tia sét chỉ sượt qua, tạo ra dòng điện cảm ứng khiến nhịp tim anh rối loạn. Máy tay bác sĩ đều trầm trồ cái gã này sao mà may mắn quá.

Mấy gã đó đều sai bét.

Lúc này, Ross chẳng buồn cẩn trọng khi dò dẫm trên mái nhà đèn thui ướt nhẹp của gia đình O'Donnells' Oswego vào ban đêm. Trời đã vào tháng Tám mà gió lùa vào từ hồ Ontario vẫn còn lạnh buốt, thổi mẩy sợi tóc dài vào mắt khi anh khéo léo rướn mình qua ô cửa sổ xiêu vẹo. Nước mưa vỗ xuống gáy khi anh loay hoay gắn mấy cái kẹp vào máng xối và chỉnh lại máy quay phim chống thẩm nước hướng vào tầng gác mái.

Đôi ủng của anh trượt một phát, khiến vài tấm ván lợp cũ mềm rơi xuống. Ông O'Donnell che ô đứng dưới đất, nheo mắt dõi theo anh. "Cẩn thận đấy," ông ta hét lên. Ross ngầm hiểu lời O'Donnell muốn nói: Chừng ấy hồn ma là đủ lầm rồi.

Nhưng Ross sẽ chẳng làm sao cả đâu. Anh sẽ không trượt chân; anh sẽ không ngã. Đây là lý do vì sao hết lần này đến lần khác, anh sẵn sàng lao vào nguy hiểm và liều mạng như nhảy bungee, leo núi và hút ma túy. Anh vẫy tay với ông O'Donnell, ra hiệu rằng mình đã nghe thấy. Nhưng Ross biết mặt trời sẽ mọc sau tám tiếng nữa, cuộc sống của anh vẫn tiếp diễn, và dù muốn đến đâu thì mình cũng không chết được.

Tiếng trẻ con khiến Spencer Pike tỉnh giấc và loay hoay ngồi dậy. Tất cả phòng trong Viện Dưỡng Lão Shady Pines đều bật đèn ngủ, nhưng ông biết dù có bật điện hết công suất đủ để chiếu sáng cả thành phố Burlington này thì mình cũng chẳng thấy gì quá phạm vi chân giường. Bệnh đục thủy tinh thể khiến ông chẳng nhìn được gì. Những lúc bước ngang qua gương soi để vào phòng vệ sinh, ông loáng thoáng thấy ai đó đang nhìn mình – một anh chàng với hàng lông mày chưa lốm đốm ngả vàng; một người hoàn toàn khác với làn da nhăn nheo bọc ngoài khung xương hiện

tại. Nhưng bóng dáng Spencer một thời trẻ trung vụt tan biến, bỏ lại ông với những mảnh vụn sót lại của đời mình.

Dù vậy, đôi tai ông vẫn còn rất thính. Khác với mấy lão già lầm cầm ở đây, Spencer chưa bao giờ cần đến máy trợ thính. Quỷ thật, ông còn nghe được những thứ ông chẳng buồn quan tâm.

Trời ơi, đứa nhỏ lại khóc nữa rồi.

Ông vén chăn, bấm nút bên cạnh giường. Một lúc sau, y tá trực đêm bước vào hỏi, “Ông Pike, có việc gì sao?”

“Có đứa nhỏ cứ khóc mãi.”

Cô y tá nhanh nhẹn xoay gối và nâng cao đầu giường sau lưng ông. “Ông Pike, chẳng có đứa trẻ nào ở đây cả. Đó chỉ là mơ thôi.” Cô vỗ nhẹ lên bờ vai một thời rắn rỏi của Spencer. “Bây giờ thì ông nên ngủ tiếp đi. Ngày mai sẽ bận rộn lắm đấy. Ông có hẹn đúng không?”

Ông tự hỏi vì sao cô ta nói chuyện như đang dỗ con nít vậy? Vì sao ông lại ngoan như một đứa con nít – mặc cô đỡ ông nằm xuống giường và kéo chăn lên ngực? Một loạt ký ức chực chờ dâng trào nơi cổ họng, tiếp đó là một cảm giác mơ hồ khiến ông rơm rớm nước mắt. Cô y tá ân cần hỏi: “Ông có cần vài viên Naproxen cho dễ chịu không?”

Spencer lắc đầu. Từng là nhà khoa học, ông

biết rõ chẳng có phòng thí nghiệm nào bào chế được loại thuốc xoa dịu nỗi đau này.

Curtis Warburton ngoài đời trông nhỏ con hơn trên truyền hình. Nhưng chuyện này chẳng hề ảnh hưởng đến sức quyến rũ của anh, thứ khiến chương trình Đêm Rùng Rợn trở thành một trong những tiết mục ăn khách nhất. Mái tóc đen ngắn với vệt tóc bạc trông như lông chồn hôi – anh thành ra thế từ chín năm trước, khi hôn ma của ông nội hiện về ngay chân giường. Sau đêm ấy, anh ta bắt đầu dấn thân vào lĩnh vực điều tra hiện tượng tâm linh. Maylen vợ anh ta có dáng người thấp bé nhưng khả năng ngoại cảm vang danh đến tận sở cảnh sát Los Angeles. Cô đang ngồi bên cạnh và mải miết ghi chép khi Curtis đặt câu hỏi cho ông bà chủ nhà.

“Đầu tiên là tại nhà bếp,” bà Eve O’Donnell thì thào, và chồng bà gật gù. Hai vợ chồng đều đã nghỉ hưu. Hai người mua căn nhà bên hồ này làm nơi nghỉ hè, nhưng suốt ba tháng ở đây, họ gặp nhiều hiện tượng kỳ quái ít nhất hai lần mỗi tuần. “Khoảng mười giờ sáng, tôi khóa hết cửa, đặt chuông báo động và đi đến bưu điện. Lúc về nhà, chuông báo động vẫn đang bật... nhưng tất cả tủ bếp trong nhà đều mở toang, mấy hộp ngũ cốc nằm la liệt trên bàn và vương vãi xung quanh.

Tôi gọi tên Harlan vì nghĩ rằng ông ấy mới về nhà và là thủ phạm của đống lộn xộn này.”

“Tôi ở câu lạc bộ Elks suốt buổi sáng,” chồng bà ngắt lời. “Chưa từng về nhà. Nhà chẳng ai làm chuyện đó cả.”

“Lúc hai giờ sáng, chúng tôi nghe thấy tiếng đàn calliope vọng lại từ tầng gác mái. Nhưng khi chúng tôi bước lên đó thì tiếng nhạc ngừng lại. Lúc mở cửa ra, chúng tôi thấy một chiếc đàn piano đồ chơi không hề gắn pin nằm ngay giữa sàn.”

“Chúng tôi không có cây đàn piano đồ chơi nào,” ông Harlan nói thêm. “Nhà cũng chẳng có trẻ con.”

“Khi chúng tôi thử gắn pin vào thì tiếng nhạc phát ra từ cái đàn lại không giống với âm thanh kia.” Bà Eve ngập ngừng. “Anh Warburton, tôi hy vọng anh hiểu rằng chúng tôi không phải là những người tin... tin vào những thứ như thế. Chỉ là... chỉ là nếu như không phải là nó thì có lẽ tôi đang mất trí rồi.”

“Bà O’Donnell, bà không bị mất trí đâu.” Curtis khẽ nắm tay bà ra vẻ cảm thông. “Đến sáng mai là chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về chuyện gì đang diễn ra tại nhà hai vị.” Anh ngoái đầu ra sau để đảm bảo Ross ghi lại đoạn phim này. Tùy vào việc xảy ra sau đó, nhà O’Donnells có thể xuất hiện trên chương trình Đêm Rùng Rợn. Nếu vậy thì

thước phim này rất quan trọng. Mỗi ngày, nhóm Warburtons nhận được hơn ba trăm thư điện tử từ những người tin rằng nhà họ bị ma ám. Tám mươi lăm phần trăm vụ việc hóa ra là những trò chơi khám hoặc do chuột trên nóc nhà. Những vụ còn lại thì – theo kinh nghiệm của Ross – không thể giải thích một cách đơn giản được.

“Ông bà từng thấy ma chưa?” Curtis hỏi.
“Hoặc là cảm giác nhiệt độ thay đổi đột ngột?”

“Phòng ngủ hai vợ chồng tôi đột nhiên nóng như địa ngục khoảng một phút, sau đó lại lạnh đến rùng mình,” ông Harland trả lời.

“Ông bà có cảm thấy đặc biệt không thoái mái với chỗ nào trong nhà không?”

“Tầng gác mái. Còn cả phòng tắm trên lầu nữa.”

Curtis đưa mắt nhìn từ tấm thảm thủ công đậm chất Đông phương đến chiếc bình cổ trên bệ lò sưởi. “Tôi phải khuyến cáo hai vị rằng bắt ma là công việc rất tốn kém đấy.”

Là nhà nghiên cứu thực địa trong nhóm Warburtons, Ross được cử đến thư viện, khu tư liệu báo chí để tìm tài liệu về căn nhà hay vụ giết người hoặc tự tử từng xảy ra ở đó. Công tác điều tra của anh chẳng mang lại thông tin gì đáng giá, nhưng Curtis không hề muốn bỏ cuộc. Dù sao thì ma quỷ có thể ám cả người lẫn nhà. Lịch sử luôn

để lại vết tích, như mùi nước hoa nhàn nhạt hay vệt ký ức in đậm sau ánh mắt.

“Cứ tiến hành thôi,” bà Eve O’Donnell đáp.
“Tiền bạc không thành vấn đề.”

“Tất nhiên là vậy rồi.” Curtis vừa cười vừa vỗ tay đánh bối lên đầu gối. “Tốt lắm. Chúng tôi có vài việc phải làm.”

Đó là ám hiệu của Ross. Trong quá trình điều tra, anh chịu trách nhiệm thiết lập và giám sát các thiết bị điện tử, máy quay video kỹ thuật số, nhiệt kế hồng ngoại. Bất chấp lợi nhuận kέch xù do chương trình truyền hình và những vụ làm ăn kiểu này mang lại, Ross làm việc với mức lương rẻ mạt. Chín tháng trước, sau khi đọc về nhóm Warburtons trên tờ tạp chí *L.A. Times* vào ngày lễ Halloween, Ross đã phải nài nỉ họ nhận mình vào làm. Khác với Curtis và Maylene, dù rất muốn nhưng anh chưa từng thấy một linh hồn nào cả. Anh hy vọng khả năng ngoại cảm có thể lây qua đường tiếp xúc giống như bệnh đậu mùa và in lại dấu ấn vĩnh viễn trên người anh.

“Tôi nghĩ mình nên kiểm tra tầng gác mái,” Ross đề nghị.

Anh đứng giữa hành lang, đợi bà Eve O’Donnel dẫn đường. Dù anh chẳng hề thắc mắc nhưng bà vẫn thừa nhận, “Tôi cảm thấy thật là ngu ngốc, từng tuổi này rồi mà còn thấy ma Casper.”

Ross mỉm cười. “Ma có thể làm bà rùng mình một tí, hoặc khiến bà nghĩ mình bị mất trí nhưng sẽ không làm hại bà đâu.”

“Ồ, tôi cũng không nghĩ cô ấy sẽ hại tôi.”

“Cô ấy?”

Bà Eve ngập ngừng. “Harlan dặn tôi không được chia sẻ quá nhiều thông tin để tránh việc các anh hiểu sai vấn đề.” Bà rùng mình, liếc mắt về phía cầu thang. “Em gái tôi mất hồi tôi bảy tuổi. Thỉnh thoảng tôi tự hỏi... liệu ma có tìm được người nào đó nếu nó muốn?”

Ross hướng mắt ra chỗ khác. “Tôi không biết nữa,” anh đáp, thầm ước giá mà mình có thể đáp lời bà ấy với một câu trả lời cụ thể hay chia sẻ trải nghiệm cá nhân. Mắt anh sáng lên khi nhìn thấy cánh cửa nhỏ ngay trên bậc cầu thang. “Ở đây à?”

Bà gật đầu, để anh vượt lên trước và mở cửa. Chiếc máy quay phim Ross gắn ngoài cửa sổ trông như con mắt của người khổng lồ Cyclops đang dõi theo hai người. Eve sợ đến rúm ró cả người. “Bước vào đây là tôi thấy ớn lạnh.”

Ross dời mấy cái hộp để tránh trường hợp hình bóng kỳ lạ nào đó xuất hiện trong thước phim bị nhận nhầm. “Curtis nói đó là cách tìm ra họ, chỉ cần nghe theo cảm giác mách bảo.” Mắt anh nhìn trúng thứ gì đó lấp lánh trên sàn nhà. Anh khuỵ

gối nhặt lên vài đồng xu. “Tất cả có 6 xu.” Anh mỉm cười. “Kỳ quái thật.”

“Thinh thoảng cô ấy vẫn làm vậy.” Bà Eve lùi dần về phía cửa, hai tay ôm lấy vai. “Luôn để lại cho chúng tôi mấy đồng xu lẻ ấy.”

“Con ma đấy sao?” Ross xoay người lại thắc mắc nhưng bà Eve đã chạy xuống lầu.

Hít một hơi thật sâu, Ross đóng cửa phòng gác mái lại và tắt hết đèn, để bóng tối tràn ngập căn phòng nhỏ. Anh lách mình sang góc phòng, tránh khỏi tầm máy quay phim rồi khởi động nó bằng điều khiển từ xa. Sau đó Ross cố tập trung vào bóng tối bủa vây trước ngực và sau hai đầu gối, giống như chỉ dẫn của Curtis Warburton. Ross thả lỏng tất cả giác quan, chờ đến khi sự hoài nghi giảm dần và khoảng không xung quanh mở rộng. Anh thậm nghĩ, có lẽ chính là cảm giác này. Cảm giác khi những bóng ma vây quanh giống như cổ họng lúc nắc nghẹn.

Bên trái có tiếng bước chân, kèm theo tiếng leng keng không lẫn vào đâu được của mấy đồng xu rớt trên sàn. Ross bật đèn pin rời quanh phòng, đến chỗ đôi ủng của mình thì thấy có ba đồng xu nằm đó. “Aimee?” anh thì thào với khoảng không trống trải. “Có phải em không?”

Thị trấn Comtosook bang Vermont nằm giữa

nhiều ranh giới tự nhiên: vùng trũng dẫn nước chảy vào hồ Champlain, vách núi dựng đứng bao quanh mỏ đá granite nơi nửa số dân thị trấn đang làm việc. Đường như có một giới tuyến vô hình ngăn giữa vùng nông thôn bang Vermont và thành phố Burlington liền kề. Nhà thờ thuộc Tự trị giáo đoàn ở trung tâm thành phố có treo một bảng hiệu ca ngợi Comtosook là vùng đất đẹp nhất tiểu bang do tạp chí *Đời Sống Vermont* trao tặng năm 1994. Thật không sai. Có những ngày, Eli Rochert chỉ biết nín thở ngắm nhìn tán lá đang chuyển màu, nào là màu hồng ngọc, màu hổ phách và cả màu ngọc lục bảo.

Nhưng dù khách du lịch có nghĩ gì về Comtosook thì đây vẫn là quê hương Eli. Đã từng, và mãi mãi. Anh vẫn cho là vậy. Tất nhiên, với cương vị là một trong hai cảnh sát của thị trấn, anh biết rõ những gì du khách thấy chỉ là ảo ảnh. Từ lâu Eli đã biết có những thứ dù có cố nhìn chằm chằm thì cũng không thấy được những gì nằm ẩn sâu dưới mặt ngoài.

Anh lái xe dọc con phố Nghĩa Trang. Anh vẫn hay tuần tra vào những đêm trăng tròn vành vạnh tỏa ra ánh vàng như mắt diều hâu. Mấy cửa sổ xe đều kéo xuống nhưng chẳng có ngọn gió nào thổi qua. Phần tóc đen ngắn ngùn sau gáy Eli nhấp nháp dính vào gáy. Ngay cả Watson, chú chó săn của anh, cũng đang thở hổn hển trên ghế sau.

Mấy tấm bia mộ cũ kỹ nằm ngả nghiêng như những chiến binh với đôi chân rệu rã. Bên trái khu nghĩa trang, gần chỗ cây sồi, là bia mộ kỳ quặc nhất của thị trấn Comtosook. Bia đế, WINNIE SPARKS. SINH NĂM 1835. QUA ĐỜI NĂM 1901. QUA ĐỜI NĂM 1911. Truyền thuyết kể rằng khi đang trên đường đưa tang cho bà lão cay nghiệt có tiếng ra khu nghĩa địa thì mấy con ngựa kéo lồng lên, khiến quan tài rớt xuống. Sau đó nắp quan tài bật ra, bà Winnie ngồi dậy, leo ra khỏi đó rồi khạc nhổ điên cuồng. Mười năm sau khi bà chết – thêm một lần nữa – thì ông chồng tội nghiệp đã đóng đến 150 chiếc đinh trên nắp quan tài để phòng chuyện trước kia.

Câu chuyện đó dù có thật hay không thì cũng chẳng liên quan gì tới Eli. Nhưng mấy đứa choai choai trong thị trấn lại nghĩ rằng chuyện bà Winnie sống dậy sau khi chết là lý do để bọn nó mang bia rượu đến nghĩa trang. Eli duỗi thân hình cao lớn ra khỏi chiếc xe tải. “Mày đi chứ?” anh hỏi chú chó của mình, nhưng nó ngồi phịch xuống ghế thay cho câu trả lời. Eli lắc đầu, len lỏi ngang qua nghĩa trang rồi dừng bước trước ngôi mộ của bà Winnie. Ngay chỗ đó là bốn cậu nhóc đã say xỉn đến mức chẳng nghe thấy tiếng bước chân anh. Bọn nhóc đang vây quanh ngọn lửa màu xanh nhô xíu được đốt bằng côn khô.

“Ê,” Eli cộc lốc.

“Cảnh sát đến!”

“Chết rồi!” Tiếng giãm đập của mấy đôi giày sneaker, tiếng chai bia đập vào nhau lanh canh khi bọn nhóc nháo nhào bỏ chạy. Dĩ nhiên Eli có thể tóm gọn chúng ngay tức khắc nhưng lần này anh quyết định tha cho chúng. Anh rời đèn vào cậu nhóc cuối cùng đang chạy trốn, sau đó lia đèn xuống đống lộn xộn dưới đất. Bọn nhóc để lại làn khói mang hương vị ngòn ngọt và hai chai bia Rolling Rock chưa mở. Eli có thể hưởng chúng sau giờ làm việc.

Eli cúi người xuống, hái cành hoa bồ công anh mọc dưới bia mộ của bà Winnie. Ngay khi cành hoa bồ công anh rời khỏi đất, một từ lóe lên trong tâm trí anh: *chibaiak*... nghĩa là hồn ma. Thứ thở ngữ của bà ngoại khé cháy trong cổ họng Eli như kẹo bạc hà. “Làm gì có thứ ấy,” anh nói to lên rồi quay về xe để tiếp tục tuần tra.

Sau một ngày ngủ li bì, Shelby Wakeman mệt nhoài tinh giấc. Cô lại mơ giấc mơ đó. Cô lại mơ thấy Ethan vừa đứng cạnh cô tại sân bay, nhưng lúc quay sang thì cậu bé đã biết mất. Cô điên cuồng chạy từ nhà ga này sang nhà ga khác để tìm con trai. Cuối cùng, khi rượt tới cửa dẫn ra đường băng trải nhựa, cô nhìn thấy đứa con chín

tuổi đứng chắn ngay trước chỗ máy bay phản lực đang hạ cánh.

Cảnh tượng đó làm Shelby khiếp sợ, dù đã tự nhủ với bản thân không biết bao nhiêu lần rằng chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra – cô sẽ không bao giờ dẫn Ethan đến sân bay vào ban ngày, lại càng không rời mắt khỏi cậu bé. Nhưng điều khiến cô hãi hùng nhất chính là hình ảnh con cô đứng đó, hai tay dang rộng, khuôn mặt non nớt bung ra sửa hướng về phía mặt trời.

“Mẹ ơi dậy đi... Mẹ ơi?”

“Xin lỗi con.” Shelby mím cười. “Chỉ là giấc mộng ngày thôi.”

Ethan dùng nước tráng sơ qua đĩa thức ăn rồi để vào máy rửa bát. “Mẹ vẫn nghĩ đó là giấc mộng ngày khi mơ thấy nó ban đêm sao?” Trước khi cô kịp trả lời, cậu bé đã túm lấy chiếc ván trượt như vật bất ly thân. “Gặp mẹ ngoài kia nhé?”

Cô gật đầu nhìn theo hình bóng Ethan chạy ào ra sân trước. Chẳng biết đã bao nhiêu lần cô phải dặn Ethan giữ im lặng – mới 4 giờ sáng, người ta còn đang ngủ nên cậu bé không được nghịch ngợm bằng ván trượt như thế. Ethan thường quên mất, và Shelby cũng chẳng buồn nhắc nhở con trai nhiều.

Ethan mắc bệnh khô da sắc tố. Đây là một căn bệnh di truyền hiếm gặp khiến cậu bé cực kỳ mẫn

cảm với tia cực tím từ mặt trời. Trên thế giới chỉ có khoảng hơn 1000 trường hợp mang bệnh này. Nếu như mắc phải, người đó sẽ mang bệnh từ khi sinh ra và phải chịu đựng nó suốt đời.

Khi Ethan mới được 6 tuần tuổi, Shelby đã để ý con mình có gì đó không ổn, nhưng phải sau hơn một năm mới chẩn đoán được cậu bé bị bệnh khô da sắc tố. Theo lời giải thích của bác sĩ thì tia cực tím sẽ gây hại đến ADN của con người. Hầu hết mọi người đều có khả năng tự hồi phục... nhưng người bệnh khô da sắc tố thì không. Bởi cuối cùng tia cực tím sẽ ảnh hưởng đến việc phân chia tế bào và dẫn đến bệnh ung thư. Bác sĩ cho rằng Ethan may ra sống đến tuổi thiếu niên.

Nhưng Shelby nghĩ nếu ánh mặt trời có thể giết chết con mình thì những gì cô cần làm là duy trì bóng tối. Cô ở trong nhà cả ngày. Cô kể chuyện đêm khuya cho Ethan dưới ánh nến. Cô dùng khăn tắm và rèm cửa che hết cửa sổ. Nhưng đêm nào cũng vậy, chồng cô về nhà là lại giật phăng chúng xuống và khăng khăng lý luận, “Làm gì có ai bị dị ứng với ánh nắng mặt trời kia chứ.”

Lúc hai người ly hôn, Shelby đã học được rất nhiều về các loại ánh sáng. Cô biết rằng có nhiều thứ khác còn đáng sợ hơn ánh sáng ngoài trời. Cửa hàng bách hóa và văn phòng bác sĩ đều có đèn huỳnh quang tỏa ra tia cực tím. Ethan có tới

22 cái mũ để đội thay đổi hằng ngày như những đứa trẻ khác thay đồ lót vậy.

Tối nay cậu bé đội một cái mũ có dòng chữ “BÊN CẠNH TÔI LÀ THẮNG NGU”. Vành mũ vểnh lên như vỏ ốc sên. Ethan đã tạo ra hình dạng đó bằng cách gài vành mũ vào khe chỉnh độ rộng phía sau. Khi Shelby thấy mấy cái mũ được gài thế này, cô thường nhớ đến cảnh bầy thiên nga rúc đầu dưới cánh; hay tưởng tượng ra những đôi chân nhỏ bé bị bó chặt của người Trung Quốc.

Cô dọn bếp, rồi ngồi xuống cạnh con đường nhỏ dẫn vào nhà với một quyển sách. Mái tóc đen dài được búi thành một túm dày như nắm tay, vậy mà cô vẫn cảm thấy nóng nực. Làm thế nào mà Ethan có thể chạy nhảy lắm thế? Cậu bé điều khiển ván trượt chạy trên dốc gỗ tự tạo rồi thực hiện động tác nhảy lật khá khó. “Mẹ! Mẹ ơi? Mẹ thấy không? Con làm giống y như Tony Hawk ấy.”

“Mẹ thấy rồi,” Shelby tán thưởng.

“Mẹ không nghĩ rằng sẽ rất tuyệt vời nếu như chúng ta...”

“Ethan, mẹ con mình sẽ không xây đường trượt hình ống trên khúc đường này đâu.”

“Nhưng...”

“Xì. Thôi sao cũng được.” Và cậu bé lại bắt đầu trượt ván trượt, tiếng bánh xe vang lên ầm ầm.

Shelby cười thầm trong lòng. Cô yêu dáng vẻ ngang bướng dần xuất hiện ở Ethan. Cô thích lúc cậu bé tưởng cô đang ở đâu đó trong nhà nên bật chương trình *Buổi tối với Conan O'Brien* rồi cố gắng hiểu được tất cả những lời bóng gió ẩn dụ của người ta. Những điều này làm cậu bé... thật *bình thường*. Nếu mặt trăng không phải đang tỏa sáng trên bầu trời, và gương mặt Ethan không tái nhợt đến mức mạch máu dưới da nổi lên như những con đường cô đã quá quen – nếu không có mấy thứ vụn vặt đó, Shelby đã tin rằng cuộc sống của cô chẳng khác gì với cuộc sống của những bà mẹ đơn thân khác.

Ethan thực hiện một cú đảo trọng tâm, rồi một cú kiểu Casper. Shelby nhận ra cô chẳng thể nào phân biệt được một cú xoay kiểu helipop với cú xoay chữ G. Nhiều lần Shelby nhìn con, ngẫm phận mình rồi cảm thấy chua xót. Nhưng Shelby chẳng nhớ nổi cuộc sống trước kia, trước khi căn bệnh bủa vây lấy hai mẹ con. Thật ra, quãng thời gian mà cô trải qua trước khi có Ethan chẳng đáng được gọi là cuộc sống tí nào.

Cậu bé trượt đến trước mặt cô. “Con đói rồi.”
“Con vừa mới ăn đấy!”

Ethan nháy mắt với cô như tìm lý do. Shelby thở dài. “Con có thể vào trong ăn vặt nếu muốn nhưng trời đã chuyển hồng rồi đấy.”

Ethan quay về phía bình minh từ phía chân trời đang vươn móng vuốt. "Cho con đứng đây ngắm mặt trời nhé," cậu bé nài nỉ. "Chỉ một lần thôi mà."

"Ethan..."

"Con biết rồi." Giọng cậu bé chùng xuống. "Ba lần trượt nữa nhé."

"Chỉ một thôi."

"Hai nhé." Không đợi cô cho phép – hai mẹ con đều biết Shelby sẽ thỏa hiệp – Ethan lại phóng đi lần nữa. Shelby mở cuốn tiểu thuyết của mình, những dòng chữ trượt qua tâm trí cô như dây xe ô-tô trên con tàu chở hàng – nối đuôi nhau nhưng chẳng hề để lại ấn tượng gì khác biệt. Lúc lật sang trang, cô nhận ra ván trượt của Ethan không còn di chuyển nữa.

Ethan giữ chiếc ván trượt in hình Người Sói lấm tấm đốm trăng thăng bằng dưới chân. "Mẹơi?" Cậu bé thắc mắc. "Tuyết rơi sao?"

Bang Vermont vẫn thường có tuyết rơi, nhưng không phải vào tháng Tám. Một đốm trăng bay qua và mắc kẹt giữa gáy sách; nhưng đây đâu phải bông tuyết. Cô nhặt cánh hoa lên và ngửi. Cánh hoa hồng.

Shelby từng nghe về những hiện tượng thời tiết kỳ lạ như ếch bị hút lên không trung rồi rơi

xuống biển như mưa; cô cũng từng chứng kiến bão châu chấu. Nhưng chuyện này là sao...?

Cơn mưa cánh hoa tiếp tục rơi, đọng lại lên tóc cô và Ethan. “Ngộ ghê”, cậu bé thở hổn hển rồi ngồi xuống cạnh Shelby, chiêm ngưỡng hiện tượng tự nhiên kỳ lạ.

“Tiền xu à.” Curtis Warburton lật lật đồng xu mà Ross đưa. “Còn gì khác không?”

Ross lắc đầu. Đã ba giờ trôi qua, cơn bão đang gào thét ngoài trời tạo ra nguồn năng lượng mạnh, nhưng chẳng có hiện tượng tâm linh nào xảy ra. “Tôi tưởng mình thấy bóng tròn gì đó nhưng hóa ra là thiết bị báo cháy gắn sau gác mái.”

“Ừ, còn tôi thì chẳng cảm nhận được cái gì cả,” Curtis thở dài. “Lẽ ra chúng ta nên nhận vụ ở Buffalo.”

Ross cất cuộn phim đã dùng vào hộp đựng rồi nhét vào túi. “Bà vợ, bà Eve ấy? Bà ta nhắc đến cô em gái đã qua đời hồi bà ấy bảy tuổi.”

Curtis nhìn anh. “Thú vị nha.”

Hai người xuống lầu. Trong bóng tối, Maylene đang ngồi trên băng ghế dài trong phòng khách với nhiệt kế hồng ngoại. “Cậu thấy gì không?” Curtis hỏi.

“Không. Căn nhà này bất động như người thực vật ấy.”

“Mọi việc sao rồi?” Bà Eve O’Donnell cắt ngang. Bà đứng ngay hành lang phòng khách, tay nắm lấy cổ áo đầm.

“Tôi cho rằng bà không cô đơn trong căn nhà đâu. Vì,” Curtis giơ ra đồng xu mà Ross đưa anh, “tôi tìm thấy cái này.”

“Vâng... thỉnh thoảng có mấy đồng xu vương vãi xung quanh. Tôi đã kể với Ross rồi.”

“Vậy sao?”

Ross quay sang chỗ khác và nhăn mặt. Nhưng trước khi anh kịp chất vấn Curtis vì sao lại chơi trò giả vờ, sếp anh tiếp tục liến thoảng. “Mấy con ma thường thích trêu đùa kiểu này. Đặc biệt là hồn ma trẻ con.”

Ross cảm thấy không khí căng lên khi bà Eve O’Donnell dồn hết niềm tin vào Curtis. “Tôi phải nói với bà điều này,” Curtis nói tiếp. “Tôi cảm nhận được có gì đó mãnh liệt ở đây. Có ai đó hiện diện, đó là người mà bà biết và người đó cũng biết bà.” Curtis nghiêng đầu qua một bên và nhíu mày. “Đó là một cô bé... tôi có cảm giác đó là một cô bé và tôi cảm nhận được con số... *số bảy*. Bà có em gái đã qua đời sao?”

Ross chôn chân sững sờ. Kinh nghiệm nói cho anh biết 85% tin báo là mấy trò dựng lên bởi đám người rồi hơi muốn giết thời gian, muốn xuất hiện trên truyền hình quốc gia hoặc chứng minh mấy

vụ điều tra tâm linh này chẳng có chút gì khoa học. Anh không thể đếm nổi bao nhiêu lần họ tìm thấy loa giấu trong bức tường phát ra tiếng than khóc; dây cước quấn quanh cái đèn chùm hay rung lắc. Nhưng anh không hề nghĩ nhóm Warburton cũng bày trò bịp như vậy.

“Tất nhiên sẽ tốn thêm phí,” Curtis lại nói, “nhưng tôi thấy nên thực hiện một buổi cầu hôn.”

Đầu Ross đau nhói. “Curtis, tôi có thể nói chuyện riêng với anh được không?”

Họ mặc áo khoác và đi ra ngoài, đứng dưới mái hiên của ga-ra khi cơn mưa tầm tã trút xuống. “Phải có lý do chính đáng đấy,” Curtis hăm hè. “Cậu cắt ngang khi tôi đang dụ bà ta.”

“Anh không nghĩ là có ma cỏ gì ở đây. Lý do duy nhất anh biết về em gái bà ta là do tôi nói với anh.”

Curtis châm một điếu thuốc, đầu thuốc cháy lên như một con mắt hí. “Thì sao?”

“Thì... anh không thể nào nói dối trước mặt bà ta chỉ để kiểm thêm vài đồng và quay được phản ứng của bà ấy được.”

“Tất cả những gì tôi làm là nói cho hai ông bà O’Donnel những gì họ muốn nghe. Mấy người này tin rằng nhà họ có ma. Họ muốn tin rằng nhà họ có ma. Thậm chí nếu chẳng có gì khác thường

diễn ra trong đêm nay thì không chừng do con ma chịu yên tĩnh khi có khách đến thăm nhà."

"Đây không phải chỉ là một con ma vớ vẩn," Ross run giọng đáp. "Đây là một người có ý nghĩa với bà ta."

"Tôi không nghĩ cậu là một kẻ khờ khạo như vậy. Sau chừng ấy tháng, cậu phải hiểu rõ thông lệ làm việc chứ."

Ross không nghĩ mình là kẻ khờ khạo. Suốt cả đời mình, anh đã trải nghiệm và va chạm để luôn tìm kiếm những điều có thực, vì anh thường thấy mình không hề như thế. "Tôi biết rõ thông lệ làm việc. Tôi chỉ không biết rằng tất cả những chuyện này đều là giả dối."

Curtis quăng điếu thuốc xuống đất. "Tôi không phải là kẻ bịp bợm. Bóng ma của ông tôi hiện ra trước mắt tôi, Ross à. Tôi đã chụp được tấm hình đó khi ông tôi đứng dưới chân giường. Cậu tự suy diễn rồi đấy. Khi thật, cậu có nhớ đến bức hình cậu chụp được về gương mặt xuất hiện trong hồ không? Cậu nghĩ tất cả là do tôi sắp đặt sao? Tôi thậm chí khi đó còn chẳng ở cùng một tiểu bang với cậu nữa kia." Curtis hít một hơi để trấn tĩnh. "Nghe này, tôi không phải đang lừa hai ông bà O'Donnells. Ross à, tôi là một nhà kinh doanh, và tôi hiểu khách hàng của mình."

Ross không thể trả lời được. Tất cả những gì

anh biết là chính Curtis đã lén thả đồng xu anh ta tìm thấy dưới cái giá ba chân. Tất cả những gì anh biết là khoảng thời gian chín tháng vừa qua hoàn toàn lãng phí. Anh chẳng hơn gì ông bà O'Donnell – anh chỉ thấy những thứ mà mình muốn tin.

Có lẽ Maylene đúng là có khả năng ngoại cảm, vì ngay lúc ấy cô ta bước ra ngoài. "Curtis? Chuyện gì thế?"

"Ross ấy mà. Cậu ta đang quyết định xem nên về bằng đường nào – I-81 hay Moral High Ground."

Ross bỏ đi luôn dù đang mưa. Mặc kệ hai người kia muốn nghĩ sao cũng được; họ chắc chắn cũng muốn Ross làm điều tương tự. Anh cũng chẳng buồn quay lại để lấy máy quay phim kỹ thuật số hay ba lô của mình; đó là những thứ anh có thể mua lại được, khác với sự bình tĩnh đang chực chờ biến mất. Anh mở máy sưởi trong xe ở số lớn nhất, cố đánh bay cảm giác lạnh buốt lớn vờn xung quanh. Anh lái xe khoảng một dặm đường rồi nhận ra đèn xe chưa bật. Sau đó anh tấp xe vào lề đường, thở dốc và cố gắng hồi phục lại nhịp tim.

Ross am hiểu phương pháp ghi lại những hiện tượng tâm linh một cách khoa học và giải thích kết quả. Anh từng quay được những đốm sáng

lướt qua khu nghĩa trang; anh đã từng ghi âm giọng nói trong mây căn hầm trống rỗng; anh từng cảm thấy lạnh buốt tại những nơi chẳng hề có gió. Trong chín tháng, Ross nghĩ rằng mình đã tìm thấy cánh cửa bước vào thế giới nơi mà Aimee đang ở... và nó hóa ra lại biến thành cánh cửa giả sơn trên tường.

Khi thật, anh coi như hết cách.

Az Thompson thức dậy, trong miệng nhét đầy mây hòn đá nhỏ và trơn mịn như hạt ô liu. Ông phải vỗ mười lăm lần vào lòng bàn tay nhăn nheo trước khi tin rằng mình vẫn thở được mà không bị nghẹn. Ông sải chân bước qua bên cạnh chiếc giường quân đội. Ông cố gắng dẹp tan ý nghĩ rằng nếu bị chôn dưới lớp đất nén chặt dưới đôi chân trần của mình ngay lúc này đây, thì mớ đá cuội này sẽ tích tụ thành một bụi cây độc địa đen thui, giống như rừng cây bao quanh lâu đài trong câu chuyện cổ tích của người Da Trắng về một cô gái không bao giờ tỉnh giấc nếu chưa nhận được một nụ hôn.

Ông không ngại cắm trại ngoài trời. Ông vẫn nhớ một chân mình đặt giữa thiên nhiên còn chân kia bước vào thế giới của người Da Trắng. Az ló đầu ra khỏi cửa lều. Có mấy người đang tụ tập ăn sáng bên ngoài. Dấu hiệu của họ – mấy miếng

kim loại đeo trên cổ, vài tấm áp phích dán trên gỗ – nằm rải rác như đống hình nộm của mấy tay nghệ sĩ biểu diễn. Mớ hình nộm ấy có vẻ vô hại vì chẳng có hồn ma nào phía sau chúng. “E hèm,” ông tầng hắng rồi bước về phía lửa trại, biết rõ sẽ có chỗ dành cho mình.

Mấy người kia đối xử với ông giống như cách mà họ sẽ xử sự nếu gặp được Abe Lincoln sống dậy và bước ra khỏi lều – với sự kính trọng và ngưỡng mộ vì vẫn thấy ông còn sống sau chừng ấy thời gian. Az sinh sau Abe, nhưng không thua kém mấy. Chừng 102, 103 tuổi gì đó, ông đã ngừng tính tuổi từ lâu. Ông được tôn trọng như một người thầy vì thông thạo ngôn ngữ bộ lạc vốn đang lui tàn. Chỉ cần tính đến tuổi tác thì ông đã xứng chức vị già làng. Chức vị này lẽ ra rất có vai vế nếu bộ lạc Abenaki được chính quyền công nhận.

Ngồi lên ghế xếp, Az nghe tiếng từng khớp xương sống kêu cót két. Ông cầm lấy ống nhòm đặt bên đống lửa, dõi mắt nhìn ra lô đất tại giao lộ Tây Bắc của đường Montgomery và đường Otter Creek Pass. Phía trên đỉnh núi là ngôi nhà trắng to đẽn chường mắt. Az biết căn nhà đó sẽ là thứ bị dỡ bỏ đầu tiên. Ông hiểu vanh vách về mảnh đất này, từ những số đo trắc địa của nhân viên khảo sát đến những số liệu ghi chép trên bản đồ quy

hoạch. Ông biết rõ khi mùa đông tới, chỗ nào bị đóng băng đâu tiên và khu vực nào cây cối không mọc nổi. Ông biết cửa sổ nào của căn nhà hoang bị lũ trẻ con nghịch ngợm đập vỡ; góc nào của mái hiên rơi xuống trước, tấm ván nào trên cầu thang đã mục nát.

Ông cũng biết rõ biển số từng chiếc xe của tập đoàn Redhook đã đỗ trên khoảnh đất này. Có tin đồn rằng Newton Redhook muốn xây dựng một trung tâm thương mại lớn đầu tiên tại thị trấn Comtosook. Ngay trên một trong những khu nghĩa trang *của họ*.

“Tôi nói với anh rồi,” Charlie Béo cất tiếng, “Đây là hiện tượng El Niño.”

Winks lắc đầu nguầy nguậy. “Mọi thứ bị đảo lộn hết cả. Mưa hoa hồng đúng là bất thường như đồng hồ chạy ngược hoặc nước giếng chuyển sang màu máu vậy.”

Charlie Béo cười ngặt nghẽo. “Winks, ông nên chuyển sang xem chương trình của Letterman đi. Mấy chuyện kinh dị đang khiến ông ám ảnh đấy à.”

Az nhìn xung quanh và thấy cánh hoa vương vãi trên đất. Ông tặc lưỡi cảm nhận mấy viên sỏi lần nữa. “Ông nghĩ sao, ông Az?” Winks thắc mắc.

Az thầm nghĩ cứ cố giải thích hiện tượng cánh hoa từ trên trời rơi xuống đúng là vừa vô ích vừa

hết sức vờ vắn vì những chuyện xảy ra đã được sắp đặt hết rồi. Ông cho rằng là hiện tượng ấy chỉ là vấn đề còn con nhất với họ. Az lấy ống nhóm dõi theo chiếc xe ủi đất đang bình bịch leo dốc. “Tôi nghĩ các cậu không thể nào xới tung mặt đất,” ông lớn tiếng, “mà không khai quật được cái gì đó.”

Đây là cảnh tượng khi Ross đã gặp Aimee: Tại góc đại lộ Broadway và đường 112, dưới bóng tòa nhà trường Đại học Columbia, anh tông thẳng vào cô, khiến đồng sách của cô rơi vào vũng bùn. Cô là sinh viên y khoa đang ôn tập cho bài thi cuối kỳ môn giải phẫu. Cô lên cơn thở dốc khi nhìn thấy tất cả công sức vất vả của mình đều tiêu tan. Ngay cả lúc ngồi bệt giữa đường phố New York, cô vẫn là người con gái đẹp nhất mà Ross từng gặp. “Tôi sẽ giúp cô,” Ross hứa hẹn, mặc dù anh còn chẳng phân biệt nổi xương mác và đốt ngón tay. “Xin hãy cho tôi cơ hội.”

Còn đây là cách Ross cầu hôn Aimee: Một năm sau đó, anh bỏ tiền thuê taxi chở họ qua góc đường cũ để ăn tối tại nhà hàng. Như đã dặn trước, anh chàng lái taxi tấp vào lề đường, sau đó Ross mở cửa xe và bước xuống khuỷu gối trên lề đường bẩn thỉu. Anh bật mở chiếc hộp nhẫn nhỏ xíu và nhìn vào đôi mắt căng thẳng của cô. “Lấy

anh nhé,” anh cất tiếng, rồi mất thăng bằng và chiếc nhẫn kim cương rơi thẳng xuống cổng.

Aimee há hốc mồm. “Hãy nói với em rằng,” cô cuối cùng cũng nói thành lời, “là việc vừa nãy chưa từng xảy ra nhé.”

Ross nhìn xuống ống cổng đen ngòm và nhìn vào cái hộp rỗng. Anh ném luôn cái hộp xuống cổng rồi móc chiếc nhẫn khác ra, chiếc nhẫn thật, từ túi quần mình. Anh nói, “Cho anh cơ hội thứ hai nhé.”

Lúc này, anh dốc ngược chai bia trong bãi đỗ xe vắng hoe. Thỉnh thoảng Ross muốn cào tróc hết da mình ra xem thử bên trong có gì. Anh muốn nhảy cầu rót xuống bãi bê tông. Anh muốn la hét tới khi cổ họng chảy máu; muốn chạy tới khi gót chân rách toác. Những lúc thất bại như thủy triều dâng cao, cuộc sống của anh giống như một đoạn thẳng chặng đầu chặng đuôi, mà nực cười ở chỗ giới hạn tận cùng lại là thứ mà anh không cách nào với tới.

Ross lên kế hoạch tự tử rất bài bản, tập trung đến từng chi tiết giống như người ta lên kế hoạch mua sắm. Có những ngày anh cảm thấy thoải mái. Cũng có những ngày anh thống kê bao nhiêu người đang hạnh phúc và bao nhiêu người đau khổ. Có những ngày anh cảm thấy cũng có lý lầm nếu chọn chết bằng cách uống nước sôi, chết ngôp

trong tủ lạnh hay trần truồng đi ngoài đường cho tới khi gục xuống mà ngất đi.

Ross đã đọc về các vụ tự tử và trầm trồ vì sự sáng tạo. Phụ nữ thì quấn mái tóc dài của mình thành dây thừng thắt cổ. Đàn ông thì tiêm sốt mayonnaise vào người. Bọn nhóc trẻ trâu thì nuốt pháo. Nhưng mỗi khi sít sao cái ngưỡng tự mình thử xem xà nhà chịu được bao nhiêu sức nặng hay rạch một đường máu me bằng con dao cạo, anh đều nghĩ đến mớ lộn xộn mình để lại.

Anh không biết cái chết sẽ mang lại điều gì. Nhưng anh biết thứ mà cái chết mang lại không phải là cuộc sống. Vậy là đủ. Anh chẳng còn tí cảm xúc nào từ ngày Aimee qua đời. Chính là cái ngày khi anh chọn làm người hùng, kéo vị hôn thê của mình ra khỏi nơi xảy ra tai nạn, rồi quay lại cứu tài xế xe kia trước khi nó bốc cháy. Lúc anh quay lại với Aimee, cô đã tắt thở. Cô ra đi trong lè loi và cô độc, khi anh đang lăng quăng đóng vai Siêu Nhân ở đâu đó.

Anh là một thằng anh hùng cứu nhầm người.

Anh ném cái chai rỗng lên sàn xe Jeep, đạp chân ga phóng ra khỏi bãi đậu xe như một đứa trẻ trâu. Chẳng thấy cảnh sát ở quanh đây. Cảnh sát thì có bao giờ xuất hiện khi người ta cần đâu. Thế là Ross tăng tốc cho tới khi vượt quá tốc độ 80 cây số trên làn đường cao tốc.

Anh dừng xe trên một cây cầu đường sắt, ngay đúng chỗ rào chắn chầm chậm hạ xuống như diễn viên đang múa ba lê. Tâm trí anh không nghĩ gì cả ngoài việc nhích chiếc xe của mình tới trước cho đến khi tông vỡ rào chắn, để chiếc xe Jeep nằm trên đường ray như vật hiến tế.

Xe lửa chạy xinh xịch. Đường ray bắt đầu xướng lên bản giao hưởng thép. Ross mặc cho cái chết đến gần, cắn răng thì thầm lời trăn trối trước khi va chạm xảy ra: *Kết thúc rồi.*

Âm thanh tuyệt vời đến điếc tai. Vậy mà xe lửa vẫn lướt qua anh, chạy xa dần, tới khi Ross đủ can đảm mở mắt.

Mui xe bốc khói nhưng vẫn hoạt động. Chiếc xe khập khiễng như có một bánh xe bị xì hơi. Đầu xe chĩa về hướng ngược khi nãy, hướng anh vừa đi qua.

Chẳng có chuyện gì xảy ra cả: Nước mắt đầm đìa, Ross lái xe đi.

Rod van Vleet sẽ không về nhà nếu chưa ký được hợp đồng. Lý do đầu tiên là Newton Redhook đã giao cho anh trách nhiệm giành bằng được khoảnh đất rộng mười chín mẫu Anh bao gồm khu nhà của gia đình Pike. Lý do thứ hai là phải mất sáu tiếng mới đến được viện dưỡng lão khi

ho cò gáy này, và Rod không có ý định quay trở lại đây trong tương lai gần.

“Ông Pike,” Rod chào hỏi, mỉm cười với lão già xấu đến mức chắc anh sẽ phải gặp ác mộng cả tuần liền. Trời đất, nếu lúc chín mươi lăm tuổi mà Rod trở nên giống vậy thì thà có ai đó cho mình một liều móc-phin trước khi ngủ rồi đem chôn luôn cho rồi. Cái đầu hói lốm đốm như trái dưa hồng; hai tay co quắp như thắt nút; còn dáng người thì chẳng khác gì dấu phẩy. “Như ông đã biết, tập đoàn Redhook đã chuẩn bị thỏa thuận hôm nay bằng cách gửi một tấm séc có trị giá 50 ngàn đô la cho ông. Đây là thiện ý của chúng tôi trong khi chờ chữ ký.”

Lão già nheo đôi mắt trắng đục. “Tôi phải quan tâm tới tiền làm cái quái gì?”

“Ô. Ông có thể đi nghỉ mát. Ông và cô y tá.” Rod cười với người phụ nữ đứng khoanh tay trước ngực sau lưng ông Pike.

“Không đi du lịch được. Lệnh của bác sĩ. Gan có thể... ngừng hoạt động.”

Rod cười gượng, thầm nghĩ gã nghiệm rượu sống gần cả thế kỷ kia cứ lên máy bay tới đảo Fiji, còn hậu quả sau đó thì ai quan tâm làm quái gì. “Ô”.

“Cậu lại nói chữ đó rồi. Cậu bị đăng trí à?”

“Không hề, thưa ông.” Rod tảng hắng. “Tôi hiểu khu đất này thuộc về gia đình vợ ông qua nhiều thế hệ rồi?”

“Đúng vậy.”

“Ông Pike, chúng tôi tin rằng tập đoàn Readhook có thể đóng góp cho sự phát triển của thị trấn Comtosook bằng cách quy hoạch khu đất để thúc đẩy kinh tế địa phương.”

“Các người muốn xây cửa hàng ở đó.”

“Đúng vậy, thưa ông, chúng tôi sẽ làm thế.”

“Các cậu sẽ mở tiệm bán bánh mì vòng ở đó chứ?”

Rod nháy mắt, lúng túng. “Tôi nghĩ ngài Redhook chưa biết tới việc này.”

“Xây đi. Tôi thích bánh mì vòng lắm.”

Rod đầy tẩm séc qua lần nữa, kèm theo bản hợp đồng. “Ông Pike, tôi không thể xây dựng thứ gì cho tới khi có được chữ ký của ông ở đây.”

Ông Pike nhìn chằm chằm vào anh một lúc, sau đó vươn tay cầm bút. Rod thở phào một hơi. “Quyền sở hữu đứng tên vợ ông sao? Bà Cecelia Pike đúng không?”

“Khu đất đúng là thuộc về Cissy.”

“Và có tin đồn... rằng bộ lạc Abenaki vẫn luôn tranh chấp quyền quản lý khu đất này... Có căn cứ gì không?”

Ngón tay của ông Pike trở nên trắng bệch vì siết chặt. “Khu đất đó không phải là nghĩa trang của đám thổ dân đâu.” Ông liếc nhìn Rod. “Tôi không thích cậu.”

“Tôi cũng thấy vậy, thưa ông.”

“Lý do duy nhất tôi ký vào hợp đồng là vì tôi thà bán đi thay vì nhìn khu đất đó bị sung công.”

Rod cuộn bản hợp đồng và gõ gõ lên bàn. “Ô!” Anh lặp lại từ đó, khiến ông Pike nhường mày. “Chúng tôi sẽ thực hiện quy trình thẩm tra và hy vọng hoàn tất bản hợp đồng này sớm nhất có thể.”

“Ý cậu là trước khi tôi chết chứ gì,” ông Pike lạnh nhạt đáp khi Rod đang khoác áo. “Cậu không muốn ở lại chơi đố chữ sao? Hoặc ăn trưa chẳng hạn... Tôi nghe nói chúng ta có món thạch Jell-O vị cam đấy.” Ông cười, tiếng cười như lưỡi cưa chĩa vào lưng Rod. “Cậu van Vleet... cậu sẽ làm gì với căn nhà đó?”

Rod biết đây là một chủ đề nhạy cảm. Đây vẫn luôn là chủ đề nhạy cảm với tập đoàn Redhook vì họ luôn tháo dỡ nhà cửa trước khi xây trung tâm thương mại hiện đại. “Thực sự căn nhà không phải là hình mẫu tốt nhất,” Rod lựa lời giải thích. “Chúng tôi có thể phải... chỉnh sửa một chút. Nhiều phòng hơn, như ông biết đấy, cho cửa hàng bán pizza của ông chẳng hạn.”

“Bánh mì vòng mới đúng chứ.” ông Pike cau mày. “Vậy có nghĩa là các cậu sẽ tháo dỡ căn nhà đó chứ gì.”

“Không may là đúng vậy.”

“Thế cũng tốt,” ông nói. “Nhiều hồn ma quá rồi.”

Trạm xăng duy nhất trong thị trấn Comtosook nằm gần cửa hàng bách hóa. Hai máy bơm xăng từ những năm 1950 được đặt trong bãi đỗ xe. Rod mất tới năm phút để nhận ra rằng ở đây cơ bản là không có khe nhét thẻ tín dụng. Anh nhét đầu bơm vào bình xăng và rút điện thoại ra bấm phím tắt. “Mỏ đá Angel xin nghe,” một giọng nữ trả lời.

Rod bỏ điện thoại ra khỏi tai và cúp máy. Anh có lẽ đã gọi nhầm số lúc muốn liên hệ văn phòng công ty để thông báo cho Newton Redhook biết rào cản đầu tiên đã vượt qua. Anh nhăn mặt quay số lần nữa.

“Mỏ đá Angel xin nghe. Tôi có thể giúp gì được cho ngài?”

Rod lắc đầu. “Tôi đang gọi cho số 617-569...”

“Ồ, ngài nhầm số rồi.” Tit.

Cảm thấy bối rối, anh nhét điện thoại vào túi và bơm thêm xăng. Anh móc ví ra và tiến tới quầy thanh toán.

Một người đàn ông trung niên với mái tóc đỏ như củ cà rốt đang đứng dưới hiên quét cánh hoa hồng trên sàn. Rod ngược nhìn bảng hiệu – Trạm xăng và tạp hóa của Abe – rồi quét mắt qua chủ tiệm. “Ông là ông Abe hả?”

“Ừ.”

“Có điện thoại trả phí ở đây không?”

Abe chỉ vào góc mái hiên nơi có bốt điện thoại quay về phía rào chắn, ngay cạnh ông già say rượu cố ý không muốn đi ra chỗ khác. Rod vừa quay số vừa cảm nhận ánh mắt chủ tiệm đang nhìn chằm chằm. Một lúc sau anh nghe được, “Mỏ đá Angel xin nghe.”

Anh dập máy, nhìn chằm chằm vào bốt điện thoại. Abe quét một, hai, ba nhát, dọn sạch đường đi giữa mình và Rod. “Có vấn đề gì sao?” ông hỏi.

“Hình như đường dây điện thoại có vấn đề gì đó.” Rod móc tờ hai mươi đô la từ ví để trả tiền xăng.

“Có lẽ vậy. Cũng có thể những gì mà đám thổ dân bàn tán là sự thật – Nếu họ không lấy lại được đất của mình, cả thị trấn sẽ bị nguyền rủa.”

Rod đảo mắt. Đi nửa đường thì anh sực nhớ lời ông Spencer Pike nói về mấy con ma. Anh quay lại định hỏi Abe về việc đó nhưng ông ta đã biến mất. Dưới mái hiên, chiếc chổi đang dựa vào lan

can gỗ trông như rào chắn; khi gió thổi qua, đống cánh hoa được chất gọn gàng lại bay tung lên như ban phước lành.

Đột nhiên một chiếc xe tấp vô máy bơm xăng còn lại. Một người đàn ông với mái tóc nâu dài ngang vai và đôi mắt xanh nước biển bước ra, vươn vai khiến lưng kêu răng rắc. “Xin lỗi,” anh hỏi, “anh có biết đường đến nhà Shelby Wakeman không?”

Rod lắc đầu. “Tôi không phải dân vùng này.”

Lúc bước vào trong xe, Rod không hiểu vì sao mình cứ nhìn vào kính chiếu hậu. Người đàn ông vẫn đứng đấy như không biết phải làm gì tiếp theo. Điện thoại bỗng reo lên. Rod móc điện thoại từ túi áo trước ngực và trả lời. “Van Vleet xin nghe.”

“Mở đá Angel đây,” giọng người phụ nữ cất lên ở đầu dây bên kia cứ như anh đúng là người cần liên lạc; cứ như đây là chuyện hết sức hợp lý vậy.

“Vâng, tôi đến đây,” Shelby cắn nhầm khi tiếng gỗ cửa mạnh hơn. Mới có 11 giờ sáng mà. Nếu cha già ngớ ngẩn nào đó mà đánh thức Ethan thì... Cô túm tóc thành kiểu đuôi ngựa, chỉnh lại áo quần mặc ở nhà và liếc nhìn mặt trời khi mở cửa. Trong phút chốc, ánh mặt trời hắt vào khiến cô không nhận ra anh ta là ai.

“Shel?”

Đã hai năm trôi qua kể từ khi cô gặp Ross. Hai người rất giống nhau – cùng vóc dáng khẳng khái, cùng ánh mắt sắc sảo khiến người ta khó lòng rời mắt. Nhưng Ross đã ốm đi và còn để tóc dài. Quầng mắt anh còn thâm hơn cô.

“Em làm chị thức giấc sao,” anh rối rít xin lỗi.
“Em có thể...”

“Vào đây,” Shelby ngắt lời, ôm chầm lấy đứa em trai bé bỏng của mình.

“Chị đi ngủ lại đi,” Ross giục, sau khi Shelby đã dành hơn một giờ hỏi anh đủ chuyện. “Ethan sẽ cần chị đấy.”

“Ethan sẽ cần *em* đấy,” Shelby chỉnh lại. “Cứ chờ đến khi cậu nhóc gặp được em thì quên việc nghỉ ngơi đi.” Chị anh đặt một chồng khăn tắm lên giường tại phòng cho khách và ôm anh. “Em có thể ở lại bao lâu tùy thích.” Anh dùi mặt vào vai chị và nhắm mắt lại. Shelby vẫn có mùi thơm dễ chịu như hồi còn bé.

Đột nhiên cô lùi lại. “Ô, Ross.” Cô thì thào, luồn tay vào trong cổ áo của anh rồi kéo ra một sợi dây chuyền. Bên dưới sợi dây có treo một chiếc nhẫn kim cương hình ngôi sao băng. Tay Shelby siết chặt chiếc nhẫn.

Ross đột nhiên lùi lại, khiến sợi dây chuyền bị đứt. Anh chộp lấy cổ tay Shelby, giằng mạnh cho tới khi cô thả chiếc nhẫn ra, để nó nằm an toàn trong lòng bàn tay anh. “Đừng làm vậy,” anh nghiến răng cảnh cáo.

“Đã qua...”

“Chị nghĩ em không biết đã qua bao lâu rồi sao? Chị nghĩ em không biết chính xác?” Ross quay lưng đi. Tại sao không ai nói rằng sự quan tâm cũng có thể đậm vào lòng người ngọt như dao sắc?

Khi Shelby nắm tay anh, Ross không phản ứng. Cô không muốn làm căng thêm nên chỉ khẽ chạm vào rồi quay người ra khỏi phòng.

Shelby nói đúng – Ross cần một giấc ngủ nhưng lại không chợp mắt được. Anh quen dần với bệnh mất ngủ. Nhiều năm qua, chứng ấy cứ khiến anh cứ thao thức nhìn đồng hồ điện tử mãi tới khi con số báo hiệu đến giờ rời giường.

Nằm trên giường, anh ngược mắt nhìn lên trần nhà. Anh siết chặt chiếc nhẫn đến mức cảm nhận được mấy mảnh nhọn cưa vào da. Anh phải tìm sợi dây khác để luồn chiếc nhẫn này vào. Anh hướng tầm mắt đến đồng hồ, nhìn những con số nối tiếp nhau; 12:04; 12:05; 12:06. Anh còn đếm hết mấy bông hoa in trên chăn bông và cố nhớ cách đánh vần cụm từ “Waltzing Matilda.”

Ross không thể tin được anh giật mình tỉnh giấc lúc 5:58. Anh chớp mắt và cảm thấy tràn trề năng lượng hơn mấy tháng vừa rồi. Anh vung chân bước xuống giường và đứng dậy tự hỏi Shelby còn dư bàn chải đánh răng nào không. Cảm giác trống trải trên ngực làm anh nhớ đến chiếc nhẫn. Ross duỗi tay ra trong hoảng loạn. Chiếc nhẫn kim cương nắm chặt trong tay lúc thiếp đi giờ lại không thấy đâu cả – không có dưới chăn, không có dưới thảm, bên kia giường cũng không. Ross nghĩ mình đánh mất cô ấy rồi. Anh trừng trừng nhìn vào vật thể bí ẩn trong lòng bàn tay mình khi thức dậy: một đồng xu năm 1932 vẫn còn ấm.

chương Hai

Mới tám tuổi mà Lucy Oliver đã biết rất nhiều thứ. Cô bé có thể liệt kê thủ phủ của từng bang, giải thích mây dông hình thành như thế nào và còn biết đánh vần từ RHYTHM xuôi ngược. Cô bé còn biết nhiều điều mà trường học chưa từng dạy. Ví dụ chuyện tháng trước bà cố đi khám bệnh về liền giấu mấy viên thuốc màu trắng vào mũi giày chỉnh hình đặt trong tủ quần áo. Cô bé biết cần phải chăm chú lắng nghe khi người lớn bắt đầu hạ giọng. Cô cũng biết người thông minh nhất thế giới cũng sợ hãi những thứ mình không hiểu được.

Lucy còn biết chắc rằng việc một trong số họ tóm được cô bé chỉ là vấn đề thời gian.

Hình dạng của họ luôn biến đổi mỗi đêm. Đôi khi họ là những họa tiết di động trên rèm cửa. Có lúc họ biến thành mảng sàn gỗ lạnh toát mà Lucy phải băng qua để trèo lên giường. Thỉnh thoảng họ chính là mùi hương khiến Lucy mơ về lá cây, bóng đêm và xác chết.

Tối nay cô bé đóng vai một con rùa. Không gì có thể xuyên qua lớp vỏ cứng đó được, kể cả thứ mà cô bé chắc chắn đang thở pháp phồng trong tủ quần áo. Lucy mở trừng mắt nhìn bóng đêm biến đổi. Vài hình bóng dần trở nên sắc nét, những nét khác lại mơ hồ... cho đến khi hình thành gương mặt một người phụ nữ mờ ảo mang vẻ đau buồn đến nhói lòng.

Lời bà ta nói hiện lên trong đầu Lucy: *Ta sẽ tìm đến con.*

Lucy trùm chăn kín đầu, cổ không thét lên vì sợ đánh thức bà cố. Ngực cô bé pháp phồng hổn hển. Nếu bà ta *có thể* tìm thấy Lucy ở bất kỳ chỗ nào thì cô bé biết trốn nơi đâu đây? Mẹ có biết con bị bắt hay không nếu chỉ thấy vết lõm để lại trên giường?

Cô bé len lén cầm lấy điện thoại đặt trên kệ rồi bấm phím tự động gọi đến phòng thí nghiệm của mẹ. Lucy tưởng tượng một đường dây vô hình kết nối từ điện thoại này đến điện thoại mẹ. Chắc giống như sợi dây rốn vô hình nhi. Hình ảnh

tưởng tượng đó đó khiến cô bé thấy yên lòng ấm áp đến mức không nói nên lời.

“Ôi, Lucy,” mẹ cô thầm thở dài. “Chuyện gì thế con?”

“Không khí,” Lucy thì thào. Cô bé ghét bỏ giọng nói nghe vừa lí nhí vừa hốt hoảng giống như lũ chuột đang sợ hãi của mình. “Không khí ngọt ngạt quá.”

“Con đã dùng ống hít chưa?”

Lucy đã dùng ống hít. Cô đã đủ lớn để biết phải làm gì khi lên cơn hen suyễn. Nhưng đây không phải ngọt ngạt *kiểu đó*. “Không khí như sắp ép nát con.” Lúc này, tình trạng còn tệ hơn nữa. Lucy nằm dưới bóng tối nặng nề, đè dặt từng hơi thở để kéo dài thời gian tiêu hao lượng ô-xy trong phòng.

“Con yêu.” Giọng mẹ khiến Lucy nhớ đến đám chai thủy tinh đựng thuốc lạnh lẽo trên quầy thuốc trắng toát dài vô tận. “Con biết trọng lượng không khí không thể thay đổi mà, chuyện đó không thể xảy ra trong phòng con đâu. Con chỉ tưởng tượng thôi.”

“Nhưng mà...” Lucy xoay người lùi xa khỏi tủ quần áo vì cảm thấy bà ta đang nhìn mình. “Mẹ, con không bịa chuyện đâu.”

Lúc này, mẹ cô bé đã mất bình tĩnh. “Lucy. Chẳng có ma, yêu tinh hay quỷ dữ, hay... hay

con quái vật vô hình nào đè ép không khí cả. *Đi ngủ đi.*"

Lucy vẫn giữ ống nghe sau khi kết nối bị ngắt. Đến khi giọng Tổng Đài máy móc yêu cầu Lucy gác máy nếu muốn gọi số khác thì cô bé đành giấu điện thoại dưới gối. Mẹ nói đúng; nếu suy luận theo lý trí thì trong phòng chẳng có gì nhảy ra bắt mình đi mất; đám quái vật đó không thể trốn trong tủ quần áo hay núp dưới giường, một người phụ nữ đang khóc không thể tự dung xuất hiện được. Nếu không khí trở nên đặc quánh như món súp đậu thì sẽ có lý do theo vật lý và hóa học giải thích hiện tượng này.

Dù vậy, vài giờ sau, khi về đến nhà, bà Meredith Oliver bắt gặp con gái ngủ trong bồn tắm được lót gối và chăn; phòng tắm bật đèn sáng trưng như ban ngày.

Ross ngắm nhìn cháu trai thách thức trọng lực một lần nữa, chiếc ván trượt lơ lửng trong không khí dưới đôi chân thăng bằng của cậu bé. "Đây là một cú trượt kiểu năm mươi/ năm mươi nhé." Ethan khoe khoang, má cậu ửng đỏ vì cố sức; chân tóc ướt đẫm dưới vành mũ bóng chày.

Anh vờ nhấc chân Ethan lên. "Cháu không cột dây cước vào chân đấy chứ?"

Ethan cười toét miệng phóng đi một lần nữa,

rồi quay đầu trượt về chỗ cũ. “Cậu Ross?” cậu bé reo lên. “Có cậu ở đây đúng là tuyệt cú mèo.”

Ngồi trên tấm chăn đặt cạnh Ross, Shelby tiện tay bút mẩy cọng cỏ. “Đây là lời khen đáng giá nhất rồi đấy.”

“Em biết.” Ross nằm xuống, gối đầu lên hai tay. Một ngôi sao băng vừa vụt qua tầm mắt anh, vê nên một chiếc đuôi bạc trên bầu trời. “Cậu nhóc được quá, Shel à.”

Mắt cô dõi theo Ethan. “Chị biết chứ.”

Ethan phóng rầm xuống đoạn dốc gỗ. “Đủ giỏi để đi săn ma với cậu không?” cậu nhóc gào lên.

“Ai bảo cháu là cậu đi săn ma?”

“Cháu có nguồn tin riêng mà.” Ethan vừa xoay ván trượt vừa nhảy lên cao, cố dùng tay chộp lấy tấm ván. “Cháu nhanh nhẹn lắm, cậu thấy không? Còn nữa, cháu không buồn ngủ vào buổi tối... và khả năng giữ bí mật của cháu thì cậu không tin nổi đâu...”

“Chắc rồi,” Ross cười phá lên.

“Không, cậu Ross à, thật đấy, sao cậu không dẫn cháu theo?”

“Để xem nào. Vì mẹ cháu sẽ lột da cậu; và cậu cũng nghỉ hưu rồi.”

“Nghỉ hưu?” Cậu bé kéo dài giọng. “Nghĩa là cậu mệt mỏi vì việc săn ma rồi sao?”

“Xét về mặt nào đó thì đúng là thế.”

Ethan sững sờ vì tin này. “Vậy thì đúng là chán thấy bà.”

“Ethan.” Shelby lắc đầu cảnh cáo.

“Giờ thì cậu có khác gì người thường đâu,” cậu nhóc lầm bầm.

Ross nhìn cậu nhóc trượt ván ra xa. “Đây là câu xì và sao?”

Shelby phớt lờ câu hỏi, quay qua nhìn chằm chằm vào Ross. “Vậy em ổn chứ?”

“Ôn mà.” Anh mỉm cười với cô. “Hoàn toàn ổn.”

“Em biết mà, chị hơi lo lắng khi em chẳng liên lạc gì. Suốt 6 tháng trời.”

Ross nhún vai. “Em phải đi đây đi đó suốt với nhóm Warburton.”

“Chị không biết em đã ngừng điều tra mấy hiện tượng tâm linh rồi.”

“Chính em còn không ngờ. Nhưng em chán ngấy vì chẳng gặp được thứ mà mình muốn.”

“Chuyện một nhà cổ sinh vật học không tìm thấy thứ mình muốn so với chuyện một nhà săn ma không gặp được thứ mà mình truy đuổi khác nhau rất xa,” Shelby trầm ngâm. “Ý chị là xương khủng long có đầy ngoài kia, vấn đề là em có gặp may để khai quật chúng hay không. Nhưng ma...

nếu ma có ở khắp mọi nơi, vậy sao đến giờ vẫn chưa ai chứng minh được chuyện đó?"

"Em đã từng đến một căn phòng mà nhiệt độ giảm xuống hai mươi độ chỉ trong vòng vài giây. Em ghi âm được bài đồng ca của nhà thờ vang lên trong dãy phòng trống rỗng bị khóa kín. Em từng thấy vòi nước tự động mở. Nhưng em chưa bao giờ thấy linh hồn nào xuất hiện. Trời đất, em biết là chuyện gì cũng cách giải thích. Có lẽ là do Chúa Trời, yêu tinh, hay một thiên tài máy móc ở cách đó ba dặm vừa bấm nút điều khiển từ xa."

Shelby cười toét miệng. "Có phải giống như cậu nhóc nào đó đến năm mươi lăm tuổi vẫn tin vào ông già Noel không?"

"Em đã ngừng tin lúc mười tuổi rồi," Ross đính chính. "Còn chị chắc không phải là người đặt bẫy trên mái nhà và bị bắt quả tang đâu nha."

"Em còn vết sẹo thủy đậu nha."

"Có dấu móng bò trên đó hẳn hoi." Ross thò tay rút một điếu thuốc, nhưng lại nhìn sang Ethan và đổi ý. "Em nên từ bỏ việc này lâu rồi."

"Hút thuốc hả?"

"Săn ma."

"Tại sao em lại không từ bỏ sớm hơn?"

Ross nhớ đến lời Curtis Warburton nói: *Một nửa công việc trong nghề này là phải nói với người ta*

những gì họ muốn nghe. Anh nhớ đến chiếc nhẫn đính hôn của Aimee lạc mất sau một đêm dù anh đã lật tung cả phòng lên. “Vì chuyện xảy ra toàn là những thứ em không hiểu... và em nghĩ phải điều tra cẩn thận thì mới hiểu được nguyên nhân.”

“Có lẽ trước kia em nên theo ngành vật lý mới phải.”

Ross nhún vai. “Khoa học không thể giải thích được tất cả mọi chuyện.”

“Như không giải thích được Chúa Trời sao?”

“Không đến mức cao siêu như vậy. Điều gì sẽ khiến một người vội lướt qua ba mươi nghìn người mà không ngoái đâu nhìn lại một lần, nhưng lúc nhìn đến người thứ ba mươi nghìn lẻ một, người đó lại nhận ra mình không thể rời mắt khỏi cô ấy lần nữa?”

“Ross à, tình yêu đúng là không thể giải thích bằng lý trí, nhưng đó đâu phải hiện tượng tâm linh.”

Ai nói? Ross nghĩ. “Ý em không phải vậy. Khi không thể nhìn thấy nhưng lại cảm nhận được thứ gì đó ngay trước mắt, vì sao chị sẵn sàng tin vào cảm giác của mình lúc đó nhưng lại không tin vào lúc khác?” Anh đứng dậy phủi quần. “Chị biết không, em đến những ngôi nhà đó... và tất cả những gì em cần làm là mở lòng lắng nghe người ta kể hết mọi chuyện. Họ không phải bị tâm thần,

Shel.... Có những người là tiến sĩ hoặc giám đốc điều hành của mấy công ty nằm trong bảng xếp hạng Fortune 500. Khi một người nhìn thấy ma, người đó sẽ chỉ mong tìm được ai đó không cho là họ bị điên chỉ vì thừa nhận những điều cha mẹ dạy bảo là không đúng sự thật."

Đó là những gì Ross từng muốn tin. Anh đã gặp những nhà ngoại cảm tuyên bố rằng nhìn đâu cũng thấy linh hồn, rằng những hồn ma ấy liên tục thu hút sự chú ý của họ. Nhưng giờ đây anh lại nghi ngờ. Anh bắt đầu tin rằng khi ai đó qua đời, thì thế là hết.

"Tiến sĩ hay giám đốc điều hành cũng có thể nói dối mà. Hoặc điên mà," Shelby đáp lại.

"Thế thì một đứa nhóc 4 tuổi thì sao?" Ross quay qua nhìn chị. "Có một cậu nhóc chạy tới ôm mẹ giữa đêm khuya và bảo có một ông cụ trong phòng bảo hai mẹ con phải rời khỏi xưởng để ông ta đóng một cái bàn thì sao? Sau đó chị vào thư viện tìm hiểu và phát hiện căn nhà được xây dựng trên nền một xưởng mộc hai trăm năm về trước thì sao?"

"Chuyện đó... có thật sao?"

Cậu nhóc bốn tuổi đó cuối cùng phải tự đánh vào đầu mình để khỏi nghe thấy giọng nói của con ma; phải dụi mắt để không thể thấy nó. "Đúng là trẻ con cũng có thể phát điên. Nhưng

quan trọng là em từng tự mình chứng kiến.” Tuy vậy, chính Ross phải tự hỏi liệu anh đang cố gắng thuyết phục chị gái hay bản thân mình.

Shelby vỗ vai anh. “Ross à, chị không biết nữa, nhưng nếu có ai đó tìm được bằng chứng về ma thì chị chắc chắn người đó sẽ là em.”

Anh chần chừ nhìn cô, thọc tay vào túi, móc ví tiền rồi lôi ra một tấm hình.

“Cậu đừng nói với chị là thứ này nhìn giống cái miệng và con mắt nhé.” Cô nheo mắt. “Còn có một bàn tay nữa này.”

“Em chưa nói gì với chị. Là chị tự nói với em đấy nhé.”

“Vậy cái này là cái gì?”

“Curtis Warburton gọi chúng là vật thể duy linh, hay còn gọi là ngoại khí. Khi em chụp tấm ảnh này, trong hô không có sương mù, không có hơi thở, không có bất kỳ thứ gì cả. Nhưng đây là hình ảnh hiện trên phim âm bản. Phim chụp nhạy đến nỗi có thể bắt được ánh sáng, nhiệt độ và năng lượng điện từ... nói chung là những nguồn năng lượng mà linh hồn sử dụng để hiện hình.” Ross đút tấm hình vào ví. “Nhưng nói cho cùng, đây cũng có thể là do trong phòng rửa ảnh người ta đổ nhầm hóa chất gì đó.”

Anh không kể lúc chụp bức hình đó, không khí bỗng trở nên lạnh buốt, khiến lông tay, lông

chân anh dựng đứng, rồi suốt cả ngày hôm đó, tay anh run rẩy còn mắt như không tài nào nhìn tập trung nổi.

“Em chắc là không có sương khói gì khi chụp ảnh chứ?” Shelby hỏi lại.

“Không có.”

Cô cau mày. “Nếu thấy bức ảnh trên báo, chị sẽ nghĩ nó đã qua chỉnh sửa. Nhưng...”

“...nhưng vì em là em trai chị nên chị phải tin em sao?”

Ethan phóng đến trước mặt hai người và kêu lên. “Ở một mỏ đá trong thành phố có người đàn ông bị sát hại vào nhiều năm trước. Mọi người đều nghĩ mỏ đá đó bị ma ám. Chúng ta có thể đi và...”

“Không” Ross và Shelby đồng thanh.

“Ôi trời,” Ethan càu nhau rồi lượn ra xa.

Ross nhìn về phía chân trời, màn đêm đã bắt đầu ửng hồng. “Đến lúc vào nhà rồi đúng không?”

Shelby gật đầu và bắt đầu thu gọn đồ đạc. “Vậy giờ em sẽ làm gì?”

“Theo dấu vật thể bay không xác định.” Anh nhìn cô chị. “Giờ thôi mà.”

“Em có thể làm bảo mẫu khi chị đi làm. Mặc dù trông nom Ethan có thể còn đáng sợ hơn công việc trước kia đấy.”

“Ma không hề đáng sợ,” Ross phản bác trước khi sự nhớ nhác phải chọn từ cẩn thận hơn. “Họ là người. Họ từng là người mà.”

Đang gấp chăn, Shelby khụng lại. “Nhưng em chưa từng thấy con ma nào.”

“Đúng là vậy.”

“Mặc dù em rất muốn.”

Ross gượng cười. “Này, em chưa từng thấy một tờ mười ngàn đô la nhưng em vẫn luôn muốn thấy một tờ đấy.”

Nghỉ việc lúc này đúng là sáng suốt. Anh chỉ phải tự thuyết phục bản thân yên lòng với quyết định đó. Sự thật là suốt chín tháng qua, anh chẳng tìm thấy thứ cần tìm. Anh chưa bao giờ nhìn thấy ma quỷ vì đâu có gì hiện hình lên mà nhìn.

Nhưng có lần, một bức hình kỳ quái đốt cháy một lỗ sau túi quần anh; có lẽ hồn ma đó đã sử dụng sức mạnh từ nhiệt lượng, ánh sáng hoặc thậm chí từ pin của máy chụp hình, để hiện hình cho người ta nhìn thấy. Đối với Ross, chuyện này hoàn toàn hợp lý. Dù sao đi nữa, Aimee chính là người tiếp thêm sinh lực cho anh. Không có cô, anh chẳng khác gì một hồn ma, sống vô định lay lắt qua ngày.

“Tôi chưa hề ủi vào anh ta!” viên đốc công đang trong ca trực hét lên. Gương mặt ông ta bóng

lưỡng đỏ ửng như quả mận. Từ trên xe ủi, ông ta trừng mắt nhìn xuống Eli, hai khoanh tay lại trước cái bụng phệ.

“Ông Champigny...”

“Winks.” Người đàn ông nằm uể oải dưới đất cười gian trá với Eli. “Đấy là tên mọi người hay gọi tôi.”

Chú chó của Eli đột nhiên nhảy ra và vồ lên ngực Winks. “Đi xuống, Watson,” Eli ra lệnh. “Ông Champigny, tôi yêu cầu ông đứng dậy. Tập đoàn Redhook đã được cấp phép theo hợp đồng để thẩm tra khu đất này.”

“Anh ta đang nói tiếng Anh đấy à?” Winks hỏi nhóm người đứng gác gần đó.

“Anh không thể bắt giam bọn họ sao?” Rod van Vleet hỏi.

“Họ chưa hề gây sự. Đây chỉ là tranh chấp dân sự thôi.” Đây là những gì ngài cảnh sát trưởng Follensbee đã ra lệnh cho Eli. Ông ta không hề muốn làm trầm trọng thêm chuyện vốn có thể bùng nổ thành cuộc tranh chấp sắc tộc. Eli biết bộ tộc Abenaki sẽ không làm to chuyện nếu họ không bị dồn ép quá mức. Đồng thời anh cũng chẳng có tâm trạng đâu ra cho chuyện này. Anh còn phải đi tóm một gã say tên là Abbott Thule ở cửa tiệm tạp hóa và đưa hắn tới phòng tạm giam để tinh rượu. Anh còn phải kiểm gì đó cho con

Watson ăn. Anh lại càng không muốn phí thời gian với đám thổ dân sở hữu sự kiêu căng láo xược đủ để lấp đầy hồ Champlain.

Anh xoa xoa gáy. Vào những lúc thế này, Eli tự hỏi tại sao mình không chuyển đến Florida sau khi mẹ qua đời. Mới ba mươi sáu tuổi mà anh đã quá vất vả. Quỷ sứ thật, anh lẽ ra có thể đi dạo cùng bố, đánh một trận golf chẳng hạn. Anh lẽ ra đang ngồi dưới gốc cây cọ. Chú chó Watson ngồi cạnh nhe răng như cười với anh.

“Có người còn sống tại khu đất này,” Winks khăng khăng lý sự.

“Thật thế sao?” Eli hỏi.

Mặt Rod sa sầm. “Chưa tìm thấy thứ gì cả. Chỉ có một hộp thiếc nhỏ, mảnh vỡ đồ gốm và một đồng xu năm 1932.”

“Một đầu mũi tên nữa,” Az Thompson nói to. “Đừng quên có đầu mũi tên đấy nhé.”

Nhân viên quy hoạch đảo mắt. “Vâng, đúng vậy, họ tìm thấy một đầu mũi tên. Nhưng thứ này chẳng minh chứng được gì ngoài việc có một đứa con nít nào đó chơi trò Cao bồi và Thổ dân ở đây.”

Az Thompson tiến về phía họ. “Chúng tôi cũng chẳng quan tâm tới những đầu mũi tên. Cái chúng tôi quan tâm là tổ tiên mình. Ông chưa từng xem bộ phim Quỷ Ám sao? Nếu các ông đào

bởi nơi yên nghỉ của họ, đảm bảo dù có xây dựng thứ gì ở đó thì cũng không yên ổn được đâu."

Eli tự hỏi lão già này có liên hệ quái gì đến khu đất. Theo như anh biết thì Az chuyển từ nơi nào đó ở phía tây đến thị trấn Comtosook. Phải công nhận là thời gian Az sống ở thị trấn cũng ngang ngửa với Eli, nhưng dường như ông ta chẳng liên quan gì đến khu đất. Chắc ông ta căm hận dự án quy hoạch không phải vì lý do cá nhân mà là vì nguyên tắc thôi.

"Đây là lời đe dọa," Rod tố cáo với Eli. "Cậu nghe ông ta nói rồi đấy."

Az cười lớn. "Tôi đe dọa anh cái gì?"

"Nguyền rủa. Một... lời nguyền."

Ông lão thồ dân khum tay quanh tẩu thuốc và mồi lửa. Ông hít khói vào, từng chữ nhả ra theo làn khói. "Cậu nên tin vào những chuyện này trước khi nó thực sự ra tay với cậu. Cậu có tin vào mấy chuyện thế này không, cậu van Vleet?"

"Nghe này, Az" Eli thở dài. "Tôi biết các người cảm thấy thế nào về công ty phát triển này. Nhưng nếu có khiếu nại gì thì nên đến tòa án là tốt nhất."

"Lần gần nhất hệ thống pháp lý này phán xét điều gì tốt nhất cho bộ tộc Abenaki, họ đã tiêu diệt gần hết bộ tộc chúng tôi," Az mỉa mai. "Không, Thám tử Rochert, tôi nghĩ chúng tôi sẽ không khiếu nại với tòa án của anh đâu."

“Tòa án của anh?” Winks lập tức đứng dậy, khịt khịt mũi và phủi bụi trên quần jean. “Eli, ai nói với cậu rằng bộ đồng phục màu xanh đẹp đẽ sẽ làm làn da của cậu trông ít giống thổ dân hơn?”

Không hề nghĩ ngợi, Eli lao đến tấn công Winks, túm lấy vạt áo và ném anh ta vào cạnh chiếc xe ủi đất. Watson lao theo ngay, nhẹ răng. Eli nghe thấy tiếng đầu Winks đập bịch vào khung sắt, sau đó lý trí quay lại với anh. Anh cảm thấy Az Thompson đang nhìn mình chằm chằm, không khí như nghẹn trong phổi.

Khi Eli quay người đi và gọi chú chó của mình, anh nhớ tới chuyến câu cá bên hồ suốt mùa hè với người họ hàng của mẹ. Những cậu bé da nâu rám nắng đi chân trần, thích thú rượt đuổi nhau và dẫm bẹp đám cỏ cao trong phạm vi gần một dặm vuông. Lúc hơn mười tuổi Eli mới biết ra cái hồ tên *Pitawbagw* – nghĩa là vùng nước trung tâm – có tên trên bản đồ là hồ Champlain.

Gật đầu với tay tài xế xe ủi, Eli ra hiệu tiếp tục. Anh cố ý quay lưng lại với đám thổ dân để tránh mất bình tĩnh.

Một tuần sau khi đến Comtosook, Ross thơ thẩn dọc bờ hồ, lờ đi tiếng đá sỏi sột soạt dưới chân. Nước hồ lạnh – lạnh buốt quá mức so với tháng

Tám – nhưng anh chẳng hề quan tâm. Chỉ cần còn có cảm giác, dù không thoải mái, cũng tốt rồi.

Hồ Champlain dài đến nỗi không thể nhìn thấy cuối hồ bên kia từ đầu hồ bên này. Dãy núi Adirondacks thấp thoáng bên bờ đối diện trông như những người lính. Aimee được sinh ra bên kia hồ, tại vùng ngoại ô New York. Vào cái ngày bầu trời sụp đổ ấy, hai người đang trên đường lái xe đến nhà bố mẹ cô.

Một lần nọ, tại hiệu sách ở Manhattan nơi Ross làm việc có một tác giả đến diễn thuyết về nghi thức tang lễ. Trong nghi thức chôn cất của người Tây Tạng, nhà sư sẽ xẻo thịt từ cái xác, cắt thành từng miếng để chim kền kền dễ ăn. Ở Bali, thi thể người chết được chôn trong nhiều năm để lên kế hoạch cho một nghi lễ hỏa thiêu đầy công phu. Nhưng trước khi mai táng, xác chết sẽ được đặt trên một tháp tre trang trí sắc sỡ, quay tròn, vẩy nước và lắc lư để linh hồn không tìm được đường quay về.

Đêm đó, Ross phải quần quật xếp ghế cho khán giả rồi sắp xếp sách ký tặng lên bàn, lại còn phải đưa nước cho tác giả tại buc diễn thuyết. Đúng là đông khủng khiếp – mấy nhà xã hội học chen chúc giữa đám chơi style Goth tóc tai lìa chia khoác áo đen. Ross đứng đằng sau lắng nghe,

cảm thấy ngạc nhiên vì có quá nhiều cách để con người vĩnh biệt cuộc sống.

Aimee vội vàng lách vào đám đông giữa bài diễn thuyết. Cô vẫn đang khoác áo bệnh viện. Ross nghĩ ngay rằng chắc cô lạnh cóng rồi. Lúc ở nhà Aimee vẫn mặc cái áo đó thay đồ mặc nhà mà còn thấy lạnh, huống chi cô lại vừa băng qua mấy con phố vào tháng Mười Hai.

Ý nghĩ thứ hai của anh: có gì đó không ổn rồi.

“Này.” Ross ôm chầm lấy Aimee khi cô suýt bước ngang qua anh để tiến vào khu giá sách.

Cô nhào thảng vào lòng anh rồi thút thít khóc. Vài khán giả quay lại, còn tay diễn giả thì liếc mắt vì bị phân tâm.

Ross kéo Aimee vào khu sách làm vườn, nơi mà chẳng kẻ nào ở New York buồn ngó đến. Anh dùng tay ôm lấy gương mặt cô, tim anh đập thình thịch: Cô bị ung thư sao; hay có thai; hay là cô không còn yêu anh nữa.

“Martin đi rồi,” cô nghẹn ngào thốt lên.

Ross ôm cô, cố gắng nhớ cái tên. Từng đoạn ngắn thông tin hiện lên trong đầu anh – Martin Birenbaum, 53 tuổi, là nạn nhân vụ cháy ở nhà máy hóa chất. 85 phần trăm cơ thể ông bị bỏng cấp độ ba. Ca bệnh này được giao cho Aimee, một sinh viên y khoa năm ba đang làm việc ở phòng cấp cứu. Cô phải cố gắng giúp ông ấy cảm thấy dễ

chịu bằng cách xử lý vết thương, giữ chúng sạch sẽ và bôi thuốc Silvadine. Khi ông hỏi mình sắp chết phải không, cô đã nhìn vào mắt ông ấy và trả lời là đúng.

Martin là bệnh nhân đầu tiên chết trên tay Aimee, vì vậy cô chẳng thể nào quên được gương mặt ông ấy. “Em cố ở cạnh ông ấy vì biết mình không giúp được gì,” Aimee tâm sự. “Em biết thời gian có thể khiến mọi thứ dễ chấp nhận hơn. Nhưng cũng có thể không. Lê ra em không nên học y.” Cô đột nhiên nhìn chằm chằm vào anh. “Khi em chết, anh phải ở cạnh em nhé. Như hôm nay em đã làm với bệnh nhân.”

“Em đâu phải là người sắp chết...”

“Ross, lạy Chúa, em vừa trải qua một trải nghiệm đau đớn tột cùng... Anh không thể hứa với em sao?”

“Không được,” anh trả lời thẳng thừng. “Vì anh sẽ là người ra đi trước.”

Cô im lặng một lúc, rồi một tiếng cười nhỏ xíu vang lên. “Anh đặt vé chưa?”

“Ngạ quỷ, hay còn gọi là ma đói,” tay diễn giả đang thao thao bất tuyệt, “là hồn ma của những người Trung Hoa chết bất đắc kỳ tử... nên họ mới lang thang khắp nơi gây họa cho người sống.”

Aimee lập tức ngẩng đầu lên. “Chúng ta đang nghe thử quái quỷ gì vậy, Ross?”

“Đúng vậy,” anh trả lời. “Đúng là tào lao thật.”

Sau đó, hai người không bao giờ nhắc đến Martin Birenbaum nữa. Ross đi cùng Aimee tới dự đám tang. Hồi Aimee còn sống, có những bệnh nhân khác nữa đã qua đời, nhưng anh chẳng nhớ cô có suy sụp thêm lần nào nữa hay không. Rốt cuộc, cô cũng như đa số bác sĩ đều hiểu cái chết chỉ là đoạn cuối của cuộc đời.

Anh lia một hòn đá xuống hồ Champlain, hòn đá chìm xuống trước khi hòn đá thứ hai ném trượt trên mặt nước. Aimee được hỏa táng. Tro cốt của Aimee được rải ở đâu đó bên kia hồ, gần với cha mẹ cô ấy. Anh không biết bọn họ giờ ra sao. Ba năm sau khi Aimee qua đời, anh không nhận điện thoại và thư từ của họ vì quá đau khổ.

Ross nhặt giày lên, định quay về xe. Lúc ngồi vào ghế lái, anh sực nhớ đến câu chuyện của nhà diễn thuyết tại hiệu sách. Người Mexico tin rằng hằng năm có một ngày bức màn âm phủ được vén lên và những linh hồn xa xưa có thể quay về thăm hỏi người mà họ đã bỏ lại sau lưng.

Khi em chết đi, anh phải ở cạnh em nhé.

Nhưng lúc đó anh chẳng ở cạnh cô. Và bây giờ anh cũng chẳng theo cô được.

Văn phòng của Meredith Oliver tại Viện Nghiên Cứu Generra mang mã bưu điện của thủ đô

Washington D.C. Nhìn từ cửa sổ văn phòng, người ta có thể thấy được Đài Tưởng Niệm Jefferson. Cô thấy đúng là mía mai khi đám nhà khoa học tại đây vẫn luyên thuyên mãi về tư tưởng con người sinh ra đều bình đẳng – nhưng trong mắt họ chỉ có tinh trùng và trứng khỏe nhất mới nên tồn tại.

Ông bà De la Corria ngồi trước mặt cô đang lo lắng nắm chặt tay nhau. “Tin tốt đây,” Meredith mỉm cười thông báo. Hơn mười năm kinh nghiệm chẩn đoán di truyền tiền cấy phôi, cô hiểu chuyện khiến các cặp vợ chồng căng thẳng còn hơn quá trình thụ tinh trong ống nghiệm chính là việc chờ đợi kết quả kiểm tra trước khi thụ tinh. “Có ba phôi sống được.”

Carlos De la Corria mắc chứng rối loạn đông máu. Vì sợ di truyền sang con, ông và vợ đã chọn phương án hỗ trợ sinh sản, nghĩa là Meredith sẽ tiến hành sàng lọc di truyền các phôi tạo ra từ tinh trùng và trứng của hai người. Trước khi phôi thai được cấy vào tử cung, bà mẹ biết chắc con mình sẽ không mắc chứng rối loạn đông máu.

“Bao nhiêu phôi là con trai?” Carlos hỏi.

“Hai.” Meredith nhìn thẳng vào mắt ông. Gene rối loạn đông máu nằm trên nhiễm sắc thể X. Điều này có nghĩa những bé trai sinh ra trong nhà De la Corria sẽ không tiếp tục di truyền căn bệnh của cha. Vậy nếu chúng tiếp tục có con trai,

chứng rối loạn đông máu sẽ được xóa sổ khỏi thế hệ tương lai của gia đình.

Carlos nhắc vợ khỏi ghế và xoay tròn bà quanh văn phòng nhỏ của Meredith. Tất cả những nhà đạo đức học luôn sợ hãi về hậu quả khi tác động lên gene đúng là nên chứng kiến những khoảnh khắc thế này. Trên bàn làm việc của Meredith là hai bức ảnh – một bức ảnh của Lucy và bức ảnh kia là bệnh nhân đầu tiên của cô, một người phụ nữ mắc bệnh xơ nang đang ôm con trai cười rạng rỡ. Nhờ có Meredith, con cô ấy sinh ra không mang căn bệnh đó.

Bà De la Corria ngồi xuống ghế một lần nữa, vẫn chưa hít thở được bình thường. “Còn phôi nũ?” bà nhẹ giọng thắc mắc.

“Phôi thai thứ 3 có nguy cơ truyền bệnh cho đời sau. Tôi rất tiếc,” Meredith trả lời.

Ông Carlos siết tay vợ. “Vậy thì,” ông nói với vẻ lạc quan. “Có vẻ như chúng tôi sắp có hai cậu con trai sinh đôi.”

Vẫn còn nhiều trở ngại cần vượt qua, và có khả năng phôi thai không phát triển được tới cùng – Nhưng Meredith đã hoàn thành trách nhiệm. Kể từ lúc này, những bác sĩ khác tại Viện Nghiên Cứu Generra sẽ đảm nhận việc cấy phôi cho người mẹ. Meredith đáp lại lời cảm ơn của vợ chồng nhà De la Corria rồi in ra lịch khám của mình. Còn hai ca

hội chẩn khác, sau đó cô sẽ có nguyên buổi chiều làm việc trong phòng thí nghiệm.

Meredith đeo kính đọc sách – vì chẳng muốn phô trương nên cô vẫn nhét kính trong túi – rồi kéo cây bút gài mói tóc xoăn của mình. Mái tóc vàng hoe xoăn tít phủ ngang vai như có cá tính riêng nên lúc nào cũng lộn xộn. Đây đúng là trò đùa của Chúa dành cho Meredith Oliver, một người thích kiểm soát mọi thứ. Cô xoa tay lên mặt, dụi dụi đôi mắt nâu đỏ ngầu. “Tôi nay,” cô tự nói thành tiếng với chính mình, “Tôi sẽ không làm việc nữa. Tôi sẽ về nhà, tắm nước nóng, và đọc cho Lucy nghe một bài gì đó không phải trích từ tạp chí *Lý thuyết di truyền*.”

Cô tự hỏi nếu nói thành lời thay vì nghĩ trong đầu chẳng biết có quyết tâm thực hiện hơn hay không.

“Bác sĩ Oliver?” Tiếng gỗ cửa vang lên, rồi cô thư ký xuất hiện. “Gia đình nhà De la Corria đã ký giấy xác nhận.”

Không cần nhìn, Meredith cũng biết đây là cái gì – Giấy xác nhận để Viện Nghiên Cứu Generra loại bỏ phôi thứ ba của họ, phôi nữ. “Họ lẽ ra nên đợi đến khi cấy ghép xong. Vẫn có khả năng không cấy được phôi, và sau đó...”

Giọng cô nhỏ dần. Chuyện này cũng chẳng thay đổi được gì. Gia đình De La Corria thà không có

con còn hơn sử dụng phôi thai bé gái này. Đứa con của họ vẫn có khả năng không di truyền chứng rối loạn đông máu... vẫn có khả năng cô bé sở hữu mái tóc bóng mượt của mẹ và đôi mắt màu hạt dẻ của cha sẽ lớn lên khỏe mạnh. Nhưng vì mang nguy cơ di truyền bệnh cho đời sau nên cha mẹ thà rằng không sinh ra bé thì hơn.

Meredith ký vào giấy xác nhận rồi đặt sang một bên. "Vợ chồng nhà Albertsons đến rồi," cô thư ký thông báo.

"Chờ tôi một phút."

Ngay khi cánh cửa đóng lại, Meredith nhấc điện thoại gọi về nhà. Cô tưởng tượng ra cảnh con gái đang ngồi trên bàn ăn tập viết những từ bắt đầu bằng chữ U hay chữ V. Hai bím tóc xoăn xõa xuống lưng cô bé như mô hình hệ gene con người. Lucy nhắc máy. "Ai đấy ạ?"

"Chào con, Cộng Mì Bé Bóng."

"Mẹ! Mẹ đang ở đâu vậy?"

"Mẹ đang ở trên sao Mộc. Còn con?"

"Ồ sa mạc Calamari."

Meredith mim cười. "Phải là Kalahari chứ."

"Khi nào mẹ về nhà thế?"

"Sớm thôi con."

Bỗng dung cô bé im lặng. "Trước khi trời tối được không mẹ?"

Meredith nhắm mắt. “Mẹ sẽ về ăn tối,” cô hứa. “Nói với bà Ruby đi. Và không được ăn thêm bánh Oreo cho tới khi mẹ về nhà nhé.”

Lucy nấc một cái. “Làm thế nào mà mẹ biết con đang...”

“Bởi vì mẹ là mẹ của con. Yêu con.” Meredith gác máy, sau đó xoắn tóc cao lên đỉnh đầu. Cô mò mẫm tìm một sợi dây thun trong ngăn kéo, nhưng chỉ thấy mấy chiếc kẹp giấy có tác dụng như kẹp ghim. Mắt cô liếc qua giấy xác nhận của vợ chồng De la Corria đã ký. Trong cơn bốc đồng, Meredith nhét tờ giấy vào ngăn kéo dưới bàn làm việc. Tạm thời cô sẽ coi như tờ giấy này bị thất lạc, phòng khi có gì ngoài ý muốn.

Meredith nhấn nút điện thoại nội bộ. Một khắc sau cánh cửa mở ra và vợ chồng nhà Albertson xuất hiện. Như hầu hết các cặp vợ chồng lần đầu tiên đến văn phòng của cô, hai người trông vừa chán nản vừa kiệt quệ. Meredith chìa tay ra, nói dứt khoát. “Tôi là bác sĩ Oliver. Tôi đã đọc qua trường hợp của hai vị. Và tôi có thể giúp.”

Az biết trong trường hợp khẩn cấp, ông còn chẳng đuổi được một con sóc ra khỏi mỏ đá Angel, huống hồ là một kẻ đột nhập có vũ trang. May ông chủ giữ Az lại làm bảo vệ chỉ vì lòng trắc ẩn hay thương hại, hoặc có lẽ vì ông chỉ lấy phân nửa

tiền lương. May mắn thay, chỉ có một con đường dẫn đến khu mỏ, mà thật ra Az cũng chẳng buồn quan tâm đến chuyện đó. Ông ngồi trong căn lều nhỏ thấp đèn tại văn phòng khu mỏ. Thay vì phải theo dõi ba màn hình giám sát khắp nơi, ông lại dán mắt vào màn hình thứ tư đang chiếu trận đấu của đội tuyển bóng chày Red Sox.

“Hả,” ông Az khịt mũi liên tục. “Người ta trả cho mấy đứa mươi một triệu đô la một năm chỉ để vậy thôi sao?”

Nơi này là một trong những mỏ đá granite ở bang Vermont. Vân đá in đậm vào vách núi như những nếp nhăn hằn sâu trên gương mặt Az. Hồi trước, người ta khoan đá bằng cách thủ công, cho nổ tung rồi nghiên đá để xuất khẩu. Ngày nay hầu hết mọi công đoạn đều do máy móc điều khiển. Lúc làm việc một mình ban đêm, Az chưa từng thấy bóng dáng ai khác, dù giữa giờ làm cao điểm thì chỗ này cũng vắng ngắt như vậy. Đôi khi Az tự hỏi có phải mình là người duy nhất được thuê làm việc ở đây.

Suốt ba mươi năm làm việc ở mỏ đá, ông chỉ trình lên hai bản báo cáo an ninh. Một bản liên quan tới cơn bão sét kích nổ một chỗ vốn dự kiến sẽ cho nổ vào ngày hôm sau. Bản thứ hai là về một người đàn ông muốn tự tử. Ông ta cố tình trèo lên bức tường bảo vệ rồi nhảy xuống đống

đá nhọn bên dưới. Người đàn ông ngốc nghếch này bị gãy hai chân, rồi hồi phục và thành lập một công ty mạng.

Ông Az thích làm việc một mình vào ban đêm. Nếu im lặng khi đi tuần xung quanh, ông có thể nghe thấy tiếng nụ hoa nở; ngửi thấy hương vị lúc giao mùa. Thỉnh thoảng ông còn nằm ngủ, gối đầu lên hai tay để ngắm những vì sao tự biến đổi thành những chòm sao tái hiện lại đời mình – chòm sao hình bò tót giận dữ, chòm sao cán cân công lý bị lệch, chòm sao sinh đôi đáng yêu mà ông đã đánh mất nhiều năm về trước.

Ông tự hỏi điều gì đang diễn ra tại khu Otter Creek Pass này. Tuần vừa rồi, Rod van Vleet đến thẩm tra khu đất, sự kháng nghị của bộ tộc Abenaki trở nên căng thẳng, lôi kéo sự chú ý của dư luận. Có ích nhất là chuyện tên sâu rượu Abbott Thule của thị trấn tinh dậy vào buổi sáng với mái tóc thẳng trở nên xoăn tít. Gã ta đành phải dành cả ngày trong nhà thờ kể lể với Chúa và đổ tội cho ma quỷ vì việc xui xẻo của mình. Tin đồn lan khắp Comtosook như đám cánh hoa hồng lác đác rơi lên dây xe đỗ tại cửa hàng Dairy Twirl và làm tắc ống cống phòng tắm ngoài trời của hồ bơi thị trấn.

Nếu Rod van Vleet có chút đầu óc thì gã ta sẽ biết tranh thủ đêm khuya mà đưa mói thiết bị xây

dụng vào khu đất, khi đám thổ dân đang ngáy khò khò trong lều ở phía xa. May mắn là tên cầm đầu của tập đoàn Redhook đúng thiếu năng. Xét tới cuộc chống đối vô tổ chức của bộ tộc Abenaki thì hai phe đang ở vị thế cân bằng.

Một con côn trùng phát sáng nhỏ xíu vụt qua mắt Az. Nhưng ông nhận ra đây không phải là một con bọ mà là một đốm sáng trên màn hình quan sát tối đen như mực hướng đến bờ tường phía Bắc. Một cơn hưng phấn rùng cả hai vai của Az – Phải mất một lúc ông mới hiểu vì sao mình lại phấn khích đến thế. Az chỉnh lại chiếc mũ trên đầu rồi hướng về nơi phát ra đốm sáng. Dấu vết của tuổi già rơi rụng theo từng bước chân, khiến ông mạnh mẽ tiến tới với dáng đi thẳng tắp như cây sồi lao về phía bầu trời.

Ross không biết nêu trách ai nhiều hơn: Ethan đã gieo hạt giống tò mò vào đầu anh, hay do chính anh quá để tâm. Cậu cháu nói *khu mỏ Angel bị ma ám, mọi người đều nói thế*. Ross rảo bước dọc theo đường mòn đến khi thấy tóc gáy dựng đứng. Vậy anh sẽ bắt đầu điều tra từ nơi này. Bài học từ nhóm Warburton là không được sử dụng đèn pin. Chính quyền thường mặc kệ những người săn ma, nhưng đột nhập đất riêng vẫn là trái phép. Nếu muốn thăm dò nghĩa trang, phải biết cho xe

đi thut lùi và không bật đèn pha để nhạnh chóng chạy trốn lúc cần. Nếu lén vào đất tư nhân thì càng phải làm mọi cách để tránh gây chú ý.

Nỗi nhớ nhung về Aimee lúc chiều làm Ross muốn thử một lần cuối cùng, dù đã tuyên bố bỏ nghề. Vậy nên anh đi từ hồ Champlain đến Burlington, tìm tới cửa hàng điện tử hạ giá để mua một cái máy quay phim hồng ngoại mới toanh. Khi Shelby dọn bữa tối lên bàn, anh bảo với chị gái rằng tối nay mình có hẹn.

“Thật sao?” Nụ cười rạng rỡ của Shelby mức khiến Ross cảm thấy chói mắt. “Ai thế?”

“Không phải chuyện của chị.”

“Ross,” Shelby đáp lại, “đây đúng là chuyện em cần.”

Ross không thích nói dối Shelby. Ross ghét cách chị ấy với tay qua kính xe chỉnh lại cổ áo cho anh rồi nói rằng cửa sẽ để mở đến lúc anh trở về.

Lúc này, khi Shelby đang tò mò rốt cuộc Ross đang hẹn hò với ai thì anh đang đặt đèn pin lên tảng đá, bắt tay lắp đặt để ba chân cho máy quay phim. “Mình không cố ý đến tìm cái gì hết,” Ross nhìn qua ống ngắm và thì thầm. Anh do dự rồi lại tự nhủ.

Anh đã bỏ nghề rồi.

Anh không tin vào ma quỷ nữa, không còn nữa.

Nhưng nếu cái gì đó xuất hiện bây giờ thì sao? Nếu anh lập tức bỏ đi mà không tìm hiểu cẩn kẽ thì sao? Nếu Ethan nói đúng về chuyện có ai đó bị giết tại mỏ đá – thì chắc sẽ có một linh hồn không yên nghỉ quanh quẩn đâu đây. Nếu hồn ma không chịu lên thiên đường hay cõi nào khác vì có chuyện chưa hoàn thành – kiểu như những người chết tức tưởi hoặc tự tử mà không để lại lời nhắn nào. Cũng có thể họ ở lại vì không muốn xa rời người mình yêu.

Ross biết nếu gặp may thì anh có thể bắt được một hay hai luồng sáng gì đó vụt qua. Anh có thể thu được vài hiện tượng giọng nói điện tử. Và nếu có bằng chứng về hiện tượng tâm linh ở khu mỏ này, thì Aimee chắc cũng đang quanh quẩn đâu đó.

Mặc cho cảm giác dẫn dắt, Ross hướng máy quay vào một chỗ trong khu mỏ mà anh không tài nào rời mắt khỏi, dù chẳng biết có vụ giết người nào từng xảy ra hay không. Anh đổi qua cuộn phim mới, kiểm tra pin rồi ngồi xuống đợi.

Đột nhiên anh lóa mắt trước ánh đèn pha. “Cho tôi giải thích,” anh thốt lên.

Nhưng dù muốn nói gì thì Ross cũng cứng họng khi nhận ra mình đang đối mặt với một người tiền sử trong bộ đồng phục bảo vệ cũ kỹ; một người đàn ông với ánh mắt chứa chất đủ

thăng trầm dâu bể, đến nỗi Ross chắc chắn mình đang gặp một bóng ma.

“Ông là ai?” anh lắp bắp. Dáng điệu lóng ngóng như chưa bao giờ thấy một người thổ dân nào của Ross khiến Az tức giận.

“Cậu đột nhập trái phép,” Az gầm gừ.

“Vùng đất này từng là của ông sao?”

Chúa Jesus thân mến, thế là hai người bắt đầu tán gẫu về những người thổ dân bị treo trên cây xương rồng peyote. Az trông hom hem già nua trong bộ đồng phục đã mặc suốt hai mươi lăm năm, dù sao thì... Anh chàng này có vẻ bình thường với mái tóc dài đen nhánh đặc trưng của dòng máu tộc Abenaki. Chỉ thế thôi cũng đủ khiến Az mềm lòng. “Nghe này, tôi nói cho cậu biết. Cậu cứ thu dọn tất cả những gì đang làm và rời khỏi đây đi, tôi sẽ không kể với ai về việc bắt quả tang cậu đâu.”

Ross gật đầu rồi tiến lại gần, định chạm vào Az. Giật mình, Az lùi ra sau và rút dùi cui ra.

“Làm ơn! Tôi chỉ... tôi chỉ muốn hỏi ông vài câu thôi.”

Chúa ơi. Nếu cứ kiểu này thì Az sắp bỏ lỡ cả hiệp đấu thứ mươi bảy mất.

“Ông sống ở đây sao?”

“Không, và tôi cũng không sống trong lều thổ dân, nếu đó là câu hỏi tiếp theo.” Az chộp tay anh. “Giờ thì tắt cái thứ đó đi và...”

“Ông có thể chạm vào tôi sao...?”

“Tôi còn có thể đánh cho cậu ra bã nữa nếu cậu còn tiếp tục hành động như thế,” Az càu nhau. “Đội Red Sox đang hòa với đội Yankee nên phải nhanh lên.”

Gương mặt kẻ đột nhập héo đi thấy rõ. Lúc ngồi bên giường bệnh của bạn mình, Az từng thấy vẻ mặt ấy, cứ như sinh khí của cậu ta bỗng vụt tắt. “Đội Red Sox sao,” anh ta lẩm bẩm. “Vậy ông không phải ma rồi.”

“Tôi có thể đã già nhưng tôi chắc rằng mình chưa chết.”

“Tôi cứ nghĩ ông là...” Anh lắc đầu và vươn tay ra. “Tôi là Ross Wakeman.”

“Cậu đúng là đồ điên, điên nặng rồi.”

“Tôi cũng nghĩ vậy.” Ross vuốt tóc. “Tôi là một người nghiên cứu về các hiện tượng tâm linh. À, đúng ra khi trước có làm.”

Az nhún vai. “Cậu từng tìm được gì chưa?”

Ross khụng lại. “Vậy ở đây có gì để tìm không?”

“Chưa từng thấy gì khác ngoài tôi ra. Dù sao thì ở đây cũng chẳng có gì.”

“Vậy ông biết chỗ nào khác sao?”

Az lảng tránh câu hỏi. “Cậu không được đến đây. Đất sở hữu tư nhân.”

Ross vờ bận rộn lau chùi thiết bị nhằm tranh thủ chút thời gian. “Tôi nghe kể nhiều năm trước ở đây có vụ giết người.”

“Người ta đồn thế thôi.”

“Ông biết chuyện gì xảy ra không?”

Az nhìn vào đường hầm của khu mỏ. “Chuyện này xảy ra trước khi tôi làm bảo vệ.”

“Được rồi.” Ross nhấc túi đựng máy quay lên và đeo lên vai. “Xin lỗi về việc... nhận nhầm kia.”

“Không có gì đâu.” Az tiễn chàng trai trẻ ra ngoài. Khi Ross đến chỗ đậu xe, Az vòng tay qua khung cửa bằng gang. “Cậu Wakeman,” ông gọi. “Những hồn ma cậu đang tìm đó? Không cách cậu quá xa đâu.”

Ông quay lại phòng bảo vệ, bỏ mặc Ross bối rối nên xem đó là một lời hứa hẹn hay là đe dọa.

• • •

Vài tuần sau, cư dân thị trấn Comtosook cũng dần tin mấy chuyện quái lạ là có thật. Mấy bà mẹ sau khi ngủ dậy không tài nào gọi được tên con mình vì cổ họng tắc nghẹn. Vài doanh nhân soi gương mà không nhận ra được khuôn mặt mình. Còn có mấy cặp tình nhân trẻ tuổi hay đậu xe tại công

viên Point để xoắn xuýt lấy nhau, thì thầm những lời thề thốt cháy bồng, nhận ra từng câu chữ ấy nhanh chóng vỡ tan như bong bóng xà phòng.

Shelby Wakeman thấy bọ rùa bám đầy mẩy ô cửa sổ hướng ra phía bắc. Rod van Vleet không lái nổi xe của công ty quá một phần tư dặm đường vì hương quả mọng ùa vào khe thông gió làm không khí bên trong chiếc xe Taurus phát ngấy và đặc quánh như mứt. Ông Spencer Pike thò tay xuống gối đầu và phát hiện 3 quả trứng chim cổ đỏ màu xanh da trời.

Ethan giờ đã khá hiểu bệnh mình, tự nhiên thấy mình với tay bắt những tia nắng.

Đám mèo lũ lượt lên khỏi nhà và chạy ra sông tắm. Mực nước hồ Champaign lên xuống hai lần một ngày như bị ảnh hưởng bởi thủy triều. Giàn hồng rụng sạch hoa, lá mọc thành một tầng dày lọn xộn. Các món trong bữa tối còn chẳng có vị bình thường.

Mặc dù thời tiết tháng Tám vẫn ôn hòa, khu đất đang tranh chấp trên đường Otter Creek Pass lại đóng băng cứng ngắc, khiến cho công tác đào móng trở nên bất khả thi xét về mặt vật chất lẫn tâm linh.

“Cậu nghĩ gì về chuyện này?” Winks Cáo Già thì thào thắc mắc lúc di chuyển dàn trống qua trái

vài tấc. Mặt đất chõ họ đang ngồi đều đóng băng. Nhưng trên đó, hoa bô công anh vẫn nở.

Xứ New Zealand từng ghi nhận hiện tượng mặt đất đóng băng suốt mùa hè. Vào năm 1794, Niên giám Nông nghiệp dự đoán có sương giá vào tháng Bảy vì lỗi in ấn. Vậy mà chuyện đó lại trở thành sự thật khi núi lửa Vesuvius phun trào. Khói bụi bay vào bầu khí quyển tạo nên mùa đông bất thường. Cứ vài năm sương giá sẽ lan tới bang Vermont, làm nhiệt động giảm xuống dưới mức đóng băng, khiến trái cây chết héo trên cành. Nhưng thiệt hại đều xảy ra trên diện rộng toàn thị trấn chứ không chỉ ở một khu đất nhỏ.

“Anh nhớ những câu truyện về Azeban chứ?” Winks hỏi. “Mấy chuyện nghe hồi nhỏ? Tôi cứ nghĩ tới mãi.”

“Azeban?” Charlie Béo hỏi lại. “Cái con gấu mèo lửa đảo ấy à?”

“Ờ.” Winks gật gù. “Nhớ lúc nó ta bẫy người khác nhưng tự dính vào bẫy không? Có lần nó lén đi dập tắt đống lửa mà Cáo đang ngủ kề bên, rồi chính đuôi nó bắt lửa.”

“Bây giờ mà có đống lửa thật thì tốt quá, thật đấy, ngay bây giờ...”

“Không, Charlie,” giọng ông Az vang lên từ phía sau. “ý của Winks là nếu cậu làm chuyện xấu với người khác, thì ác giả ác báo đấy.”

Ông nhìn mấy người bạn chọn chỗ ngồi rồi cầm dùi trống lên. Họ thường giết thời gian kiểu vậy, cùng hòa giọng thành một giai điệu mạnh mẽ và dai dẳng. Nếu không nghe bài hát bằng tiếng mẹ đẻ mà họ mãi không quên dù thế nào, thì chẳng ai biết được những người này thuộc bộ lạc Abenaki. Họ đã học rất tốt từ những bài học của quá khứ, tổ tiên của họ phải thông hôn để có tên họ gốc Âu và diện mạo của dân da trắng. Winks có mái tóc vàng còn làn da của Charlie Béo thì trắng như người Ireland.

“Ông nghĩ sẽ có chuyện nghiêm trọng hơn thế nữa không?” Winks thắc mắc. “Ý tôi là mấy chuyện quái lạ cứ tiếp diễn mãi.”

Winks chẳng cần phải giải thích vì ai cũng biết ngoài chuyện mặt đất đóng băng thì còn có chuyện đám ve sầu làm nghẽn máy xúc đất, khiến ông chủ hăng vận tải phải dùng máy hút bụi để tống khứ bọn chúng.

“Dân thị trấn đồn rằng nếu dân da đỏ không đuổi được tập đoàn Redhook ra khỏi khu đất thì các hồn ma sẽ ra tay,” Charlie Béo bổ sung.

“Nếu mộ của tôi bị máy ủi xúc lên thì tôi cũng điên tiết. Hù, không biết chúng cũng sẽ hiện về nổi cơn thịnh nộ ấy chứ.” Winks khít mũi. “Ông thấy thằng cha chuyên gia khảo cổ chứ? Mỗi khi

cho rằng người ta chẳng thèm lăng nghe là gã ta sẽ nhắc đến “cha ông chúng ta”. Chẳng cần biết hồn ma có thật hay không thì cái từ đó cũng dọa cho đám dân thường chết khiếp rồi.”

“Không có thật sao? Hồn ma cụ tổ có viếng thăm tôi vào hè năm ngoái đấy,” Charlie Béo phản bác. “Ông cũng từng thấy ma rồi, đúng không Az?”

“Những người đã siêu thoát rất khác với những linh hồn còn kẹt lại,” Az trả lời. Ông cầm dao vót nhọn một nhánh cây. “Ở quê tôi có một cô gái bị cha mẹ ngăn không cho phép cưới người cô ấy yêu. Vì thế cô ấy treo cổ lên cây sồi trên đỉnh đồi. Sau khi chôn cất cô ấy, anh bạn trai cũng đến chỗ cây sồi treo cổ tự tử. Nếu một người thổ dân treo cổ thì linh hồn không thể bay lên trời mà sẽ mắc kẹt trong cái xác.” Ông gại thử đầu nhọn của nhánh cây. “Sau khi họ chết, vào ban đêm thường có hai ngọn lửa màu xanh xuất hiện trên đỉnh đồi.”

Winks chồm người về phía trước, khuỷu tay đặt lên đầu gối. “Có ai từng đến đó chưa?”

Az vẫn tiếp tục gọt nhánh cây bằng con dao. Cảm nhận được Rod van Vleet đang ra sức giả vờ như không nghe thấy gì, ông đáp: “Chẳng có ai dại dột đi thử cả.”

• • •

“Ethan?”

Đang núp ngay dưới rèm cửa sổ, Ethan sững người khi nghe tiếng mẹ gọi. Cậu bé lùi xa khỏi ô cửa sổ ấm áp rồi quẳng cặp kính râm của mình vào kẽ hở giữa giường ngủ và bức tường. Ethan cất tiếng khi mẹ cậu bé mở cửa phòng ngủ, “Chào mẹ.”

Đôi mắt diều hâu của Shelby nhìn chằm chằm vào cái chăn nhau nhĩ, cái mũ trên đầu Ethan, rồi liếc qua tấm rèm khép kín. Cô tiến lại gần cậu nhóc, nheo mắt và chỉnh lại ống tay áo sơ mi hụt một khúc so với cổ tay. “Mẹ sắp đi làm,” cô thông báo. “Lê ra con phải ngủ rồi chứ.”

“Con không thấy mệt mà,” Ethan phân bua. Nhưng cậu nhóc biết mẹ mình rất mệt. Thức cùng cậu cả đêm mà còn làm việc bán thời gian ở thư viện vào ban ngày còn gì? “Mẹ ơi,” cậu nhóc hỏi, “Mẹ có mệt không?”

“Lúc nào cũng mệt,” cô đáp rồi hôn tạm biệt cậu.

Cậu nhóc đợi đến khi nghe thấy tiếng bước chân mẹ vọng ra từ sàn bếp. Mẹ và cậu Ross cứ đối đáp chan chát với nhau mỗi khi tranh luận về chuyện Ethan có thể thức đến mấy giờ và phải làm gì lúc khẩn cấp. Ethan với tay vào khe hở bên

giường để tìm cặp kính râm gọng bạc. Cậu chỉnh mũ lưỡi trai sụp xuống lông mày, rồi nháu rèm cửa và cuộn mình như chú mèo con ngồi bên bậc cửa sổ. Chỉ sau ít phút vài vết bỏng xuất trên lớp da tái nhợt, lại thêm vài đốm ửng đỏ trên mặt nhưng Ethan không quan tâm. Cậu nhóc tình nguyện chịu thêm vài vết sẹo nếu đó là thứ cần thiết để chứng tỏ mình là một phần của thế giới này.

Mấy nhà nghiên cứu đến từ CRREL hay còn gọi là Đội Kỹ sư Quân Đội đã chạy xe từ Hanover, New Hampshire đến thị trấn Comtosook và cả ngày hôm đó khoan xuyên qua lớp đất đóng băng cứng như đá để thu thập mẫu vật. Bọn họ chỉ giải thích qua loa với Rod van Vleet rằng họ đến đây đơn thuần vì sự tò mò học thuật, rằng băng đá ảnh hưởng đến giao thông thế nào... nhưng không giải thích tại sao hoặc làm thế nào mà băng đá xuất hiện ngay thời điểm này, tại đây.

Một gã đến từ Viện Nghiên Cứu Địa Cực Scott cho rằng chỗ này giống như đất đóng băng vĩnh cửu, một hiện tượng khí hậu xảy ra khi nhiệt độ mặt đất dưới mức đóng băng từ hai năm trở lên. Chẳng đúng gì với tình hình thực tế ở đây, vậy mà gã ta cứ thao thao bất tuyệt về hố băng, băng trôi, gò băng và còn dạy dò Rod rằng rất lâu về

trước, cả vùng Burlington và khu vực lân cận đều bị băng bao phủ.

Một nhóm nghiên cứu từ Đan Mạch đã liên lạc để hỏi việc vùng đất đột ngột đóng băng có ảnh hưởng tới tính chất hóa học của không khí và liệu Rod có cần nhắc bán khu đất lại cho mục đích nghiên cứu hay không?

Tuy nhiên cả đám khoa học gia đó không một ai có thể giải thích được cơn thèm thuồng kỳ lạ – Cứ đặt chân đến Comtosook là bọn họ đột nhiên thèm ăn chuối sấy giòn, hoa violet tẩm đường và bánh pudding nhà làm vỏ mềm tan. Họ cũng không thể lý giải cảm giác cô đơn như đường dây điện thoại chùng xuống dưới sức nặng của con quạ. Bọn họ chỉ biết phán rằng thường ở những vùng khí hậu quá rét lạnh, người ta cũng khó lòng giao lưu với nhau hơn.

Ngay khi họ quay lại phòng thí nghiệm và văn phòng, lấy các mẫu vật ra, phủi sạch mó cánh hoa đọng trên ống nghiệm và bình giữ lạnh thì những lời đồn đại cũng bị lãng quên. Cũng như cư dân thị trấn Comtosook, bọn họ đã hiểu được một điều: Thế giới là nơi những thứ bất thường chỉ tồn tại cách những thứ bình thường một lần ranh mỏng manh; dù môi trường có khắc nghiệt với con người đến đâu, nhiều sinh vật khác vẫn sinh sôi nảy nở.

Thư viện công cộng trong thị trấn Comtosook thường chẳng có mấy độc giả. Đây đúng là một điều may mắn, bởi dây phòng nhỏ xíu nối tiếp nhau như chuỗi ngọc trai có vẻ hợp làm nhà nghỉ đồng quê hơn là nơi lưu trữ văn thư. Thời điểm đông khách nhất là vào sáng thứ Năm hàng tuần, khi chừng ba mươi học sinh mẫu giáo đến nghe kể chuyện trong hai phòng nhỏ thuộc khu vực trẻ em. Mấy cô thủ thư phải chạy qua lại giữa các phòng với cuốn sách mở rộng trên tay để chỉ cho bọn trẻ xem.

Một dây kệ sách nằm trong góc, tràn ra đến giữa phòng, quay ngang quay dọc nếu cần, để chứa cho đủ sách vở trong không gian nhỏ hẹp này. Vào buổi sáng các ngày trong tuần, Shelby là nhân viên hỗ trợ tìm sách. Công việc của cô cần sự am hiểu không chỉ về hệ thống phân loại Dewey và những công cụ tìm kiếm khác nhau trên máy tính mà còn phải nắm rõ vị trí sách trên kệ. Nhưng hầu hết thời gian Shelby rảnh rỗi làm gì tùy thích, ví dụ như nghiên cứu từ ngữ.

Shelby yêu ngôn ngữ như những người sành ẩm thực yêu thức ăn – Mỗi âm tiết là miếng ngon để cuốn vào trong cổ họng mà nhâm nhi thưởng thức. Thỉnh thoảng cô cầm quyển từ điển và hào hứng lần dò từng mục từ như người ta đọc truyện trinh thám. *Griseous*: lốm đốm. *Kloof*: hẻm núi.

Nidicolous: (chim non) Được nuôi một thời gian trong tổ.

Cô tưởng tượng một ngày nào đó mình được nhận một cuộc gọi từ Meredith Vieira trong chương trình *Ai Là Triệu Phú*, hay từ chương trình quà tặng âm nhạc trên radio thông báo sẽ tặng cô một món quà may mắn nếu biết nghĩa của một từ kỳ quái. “*Pilose à?*” Cô lặp lại và vờ như không biết để tạo không khí hồi hộp. “nghĩa là phủ đầy lông tơ.”

Sau bốn năm đại học và hai năm cao học, cô đủ thông minh để hiểu rằng cách mình sử dụng ngôn ngữ giống như dân miền biển xài túi cát: tự tạo ra bức tường ngăn cách giữa cô và phần còn lại của thế giới. Cô biết mình có thể học hết cả cuốn từ điển nhưng vẫn không giải thích được vì sao đời mình lại thành ra thế này.

Cô lo lắng hết cho Ethan rồi đến Ross. Cô tất bật quan tâm tới thế giới trước mắt đến mức không để ý đến chuyện dường như chẳng ai xung quanh buồn quan tâm tới cô cả.

Thư viện vắng hoe vì mấy độc giả quen thuộc mấy hôm nay không lòng dạ nào mà liều ra đường trong khi bao nhiêu chuyện kỳ quái xảy ra ngay trước mắt. Nhưng với Shelby, mấy chuyện quái dị gần đây chỉ đồng nghĩa với việc cô phải quét dọn mớ cánh hoa trên bậc thang dẫn vào thư viện; cô

chẳng hề lo lắng về Ngày Phán Xét sắp xảy ra, hiện tượng nóng lên toàn cầu hoặc hồn ma xuất hiện theo như tin đồn của dân trong trấn. Với một phụ nữ vun đắp được mái ấm trên nền móng khác thường thì những chuyện xảy ra gần đây chẳng đáng quan tâm tí nào.

Shelby ngược lên khi cửa cót két mở ra. Một người đàn ông lạ mặt bước vào, trên người là bộ com-lê đắt tiền mà cô tin chắc rằng không có cửa tiệm nào trong bán kính năm mươi dặm quanh đây có bán cả. Tuy nhiên, có gì đó... khác thường. Cà vạt của lệch qua bên trái còn làn da thì trắng bệch như Ethan. Anh ta quét mắt một vòng từ sàn thư viện dốc kỳ cục đến mấy góc tường đây đó, rồi lướt qua dãy bách khoa toàn thư. “Đây là thư viện sao?”

“Đúng vậy. Tôi có thể giúp gì được cho anh?”

Ánh mắt anh đảo quanh như chim, rồi dừng lại chỗ Shelby. “Cô có thể tìm thấy bất cứ thứ gì ở đây hả?”

Rhabdomancy, đó là từ mà Shelby nghĩ tới. Từ đó có nghĩa là thuật dò tìm mạch nước bằng que. “Còn tùy. Thế anh muốn tìm cái gì?”

“Nghĩa trang của thổ dân da đỏ. Chuyện gì đã xảy ra khi có người xây nhà trên đó. Những tiền lệ mang tính pháp lý. Đại loại thế.”

“Anh chắc là nhân viên quy hoạch rồi,” Shelby đoán. Cô dẫn anh ra phía sau, tới quầy vi phim đặt sau cái kệ thấp chứa sách dạy nấu ăn. “Khoảng một năm trước, ở vùng Swanton có tranh chấp xảy ra đấy. Chắc là anh muốn thử tìm đọc từ vụ đó trước.”

“Cô không nhớ kết quả thế nào đúng không?”

“Chính quyền mua lại khu đất đó.”

“Ôi, tuyệt. Tuyệt cú mèo.” Anh thở hắt, uể oải ngả người lên ghế. “Vậy hóa ra khu đất ở Swanton đó cũng bị nguyên rùa à?”

“Xin lỗi?”

Anh ta có vẻ uất ức đến mức không nói nên lời mất một lúc. “Đám thổ dân đó, họ đã làm gì... chắc chỉ biết gọi hồn tổ tiên đã mất? Lại còn giở đủ trò để tống cổ chúng tôi ra khỏi thị trấn nữa sao?”

Shelby khẽ cắn móng tay.

“Chúng tôi muốn xây dựng một trung tâm thương mại, thể có Chúa. Tôi đã lấy được chữ ký của chủ đất trên giấy tờ rõ ràng và hợp lệ. Tôi đã chi hơn năm mươi ngàn đô la để khởi công. Tôi đã làm hết mọi thủ tục đúng luật, đổi lại nhận được chuyện nhiệt độ giảm xuống dưới không độ mà chẳng biết nguyên nhân vì sao; lại còn tiếng gào thét giữa đêm khuya. Tôi phải cho nhân công nghỉ việc. Chúa ơi... Sáng nay, tôi bị người ta đẩy

một cái nhung khi quay lại thì chẳng có ai!” Anh nhìn thẳng vào Shelby. “Tôi không có bị điên. Tôi thực sự không có.”

“Tất nhiên là ông không bị điên,” cô thì thào.

Người đàn ông vuốt mặt. “Tôi không biết tại sao mình lại phí thời gian đến đây. Cô đâu thể giúp được tôi.”

“Đúng vậy,” Shelby trả lời. “nhưng tôi biết người có thể giúp anh.”

Ross nằm dài trong phòng khách, chỉnh âm lượng tivi sao cho đứa cháu không thức giấc. Máy quay phim đang nối vào tivi, chiếu đoạn phim ngắn anh quay được tại khu mỏ. Anh dùng điều khiển từ xa dừng băng, tua đi tua lại và chồm ra trước để quan sát thêm lần nữa. Nhưng đốm sáng nhấp nháy tại góc màn hình chỉ do phản chiếu – chẳng có gì bất thường ở đây cả.

Anh tắt tivi, ngả người ra sau và nhắm mắt lại. “Đúng là phí thời gian.”

“Chán nhỉ?” Shelby bước vào và ném cuốn sổ tay lên ghế dài.

“Ethan vẫn ổn.”

“Chị đang nói về buổi hẹn hò của em. Em không định kể với chị cô bé ấy là ai sao, hay đây là bí mật quốc gia hử?”

“Chị không biết ai đâu mà.”

“Thì em cứ kể thử mới biết chứ?” Shelby ngồi xuống. “Máy quay phim gì đây?”

Ross lật đật chuyển sang đề tài khác. “Công việc của chị thế nào?”

“Thực ra hôm nay chị nghĩ mình tìm được việc cho em rồi.”

“Cám ơn bà chị nhưng em không nghĩ làm việc tại thư viện hợp với em. Chị biết không đến Mùa Chay là em kiêng chữ nghĩa đó.”

“A. Giờ đâu phải Mùa Chay. B. Cũng không phải là việc ở thư viện.”

“Chị còn xếp vần nữa chứ,” Ross cười.

Shelby co hẳn chân lên ghế. “Có một ông tên là Rod van Vleet đến thư viện hôm nay. Ông ta làm việc cho công ty đã mua mảnh đất tại khu vực Otter Creek Pass...”

“Ở đâu?”

“Ô, chuyện đó không quan trọng. Điều quan trọng là ông ta sợ hãi vì cho rằng khu đất bị ma ám.” Shelby mỉm cười, đắc thắng. “Thử đoán em sẽ làm gì đi.”

Ross mím môi. “Vì chuyện tiền nong à? Chị muốn em phải trả tiền thuê nhà...”

“Ross, thôi nào. Chị giới thiệu em với ông ta vì nghĩ việc này có thể làm em hứng thú. Từ lúc đến

đây em vẫn luôn ủ rũ và chẳng buồn ra khỏi nhà mấy tuần rồi."

"Chị cũng có mấy khi ra khỏi nhà đâu."

"Em biết đây là hai chuyện khác nhau mà."

Ross đứng bật dậy, giật mạnh dây cáp ra khỏi tivi và ném máy quay phim vào túi. "Em không nhận ra chị lại kỳ vọng nhiều đến thế," anh nói một cách cay đắng. "Em không biết nghỉ xả hơi lại là chuyện sai trái."

"Nghỉ xả hơi à? Em có chắc đó là lý do em đến đây?" Shelby đứng đối mặt với Ross. "Hay là em tới kiểm chở để nghỉ thở luôn?"

Ross nhìn chằm chằm vào mắt cô gần một phút. "Shel. Việc đó chỉ xảy ra một lần sau khi cô ấy mất thôi."

Shelby nắm lấy cổ tay Ross. Ngón tay cái của cô lướt dọc tay áo của cậu em như đang hồi tưởng chuyện gì đó. "Chỉ một lần sao. Hôm đó chị chỉ vào hỏi em có muốn ăn súp cho bữa trưa không, súp, thế mà lại thấy em máu me đầm đìa."

"Khi đó chị cứ mặc em thì hơn," Ross khẽ rụt tay lại.

"Đi chết đi." Mắt Shelby ẩng ặng nước. "Mỗi khi em đóng cửa phòng tắm chị lại lo em có đang lén uống thuốc ngủ không. Khi em lái xe, chị cũng hoang mang liệu em có đâm sầm vào cái cây

nào đó không. Đã bao giờ em nghĩ đến việc mình không phải là người duy nhất từng mất người thân chưa? Aimee đã qua đời. Mà ai rồi cũng chết. Em vẫn còn sống thì phải sống cho ra sống chứ.”

Ánh mắt anh trở nên lạnh lùng. “Vài năm nữa, nếu đến lượt Ethan, không biết chị có nghĩ vậy nữa không?”

Một tiếng động nhỏ làm hai người quay lại nhìn về phía hành lang, Ethan đã kịp nghe hết và chạy mất.

Ethan đang mặc áo len tay dài và quần dài, kèm chiếc mũ bóng chày nhưng mặt và bàn tay cậu để trần. Lúc Ethan chạy đến khu mỏ, chính là chỗ vách đá cao nhất thị trấn đang vươn thẳng về phía bầu trời – tay cậu đã sưng phồng như xúc xích, đỏ chót và nhức nhối theo từng nhịp tim.

Có lẽ một chiếc xe tải sẽ tông phải cậu trên đường. Có lẽ cậu sẽ bị nướng giòn, bùng cháy như anh chàng trong cuốn sách Kỷ lục Guinness. Nếu chết đi lúc này thì có gì khác biệt đâu?

Những gì Ethan biết được về thị trấn Comtosook đều học được từ bản đồ và mạng Internet. Cậu cũng có ra khỏi nhà, nhưng vào ban ngày mọi thứ trông thật khác lạ. Cậu không dời mắt khỏi những con đường tấp nập xe cộ và dòng người hối hả trên vỉa hè. Ethan không biết

bình thường thị trấn phải đông gấp đôi, với cậu bé thì thế giới tràn ngập ánh nắng này vội vã đến ngộp ngạt.

Ethan biết mình sẽ chết. Cậu đã đến gặp các bác sĩ tâm lý, bác sĩ điều trị và nhân viên xã hội, họ giúp cậu hiểu thêm về chứng bệnh khô da sắc tố. Cậu có thể sống tới năm mươi tuổi, hay chỉ mươi lăm tuổi. Tất cả đều phụ thuộc vào tốc độ hủy hoại tế bào.

Ethan hiểu cái chết là một trong những điều ít ỏi khiến mình giống với những người khác. Một ngày nào đó, ai rồi cũng chết. Điều khác biệt ở chỗ nếu Ethan muốn ngày đó đến chậm hơn, thì cậu không được phép sống thực sự.

Ethan biết chỉ còn vài dây nhà nữa là đến khu mỏ đá vì vách đá lù lù càng lúc càng to dần. Cậu không biết mình sẽ làm gì khi đến được vách đá. Cởi áo thun ra, mặc cho cơn đau dữ dội khiến cậu ngất lịm. Hay nằm ngửa mặt nhìn trời cho tới khi giác mạc bong cháy.

Cậu rẽ sang lối vào khu mỏ và khụng lại. Đứng dựa vào mui xe móp méo, tay khoanh trước ngực là cậu Ross. “Sao cậu tìm được cháu?”

“Tìm cháu sao? Cậu đến đây trước mà.” Ross nhìn thấy khuôn mặt và các ngón tay cháy nắng của cậu cháu nhưng không nói lời nào mà chỉ đưa áo của mình cho Ethan mặc vào, tay áo dài phủ

xuống hai bàn tay chấn tia cực tím. Sau đó anh nheo mắt nhìn trời. “Cậu cho là một cậu nhóc đối mặt với mặt trời thì sẽ chọn chơi chính diện. Đây là nơi cao nhất của thị trấn.” Anh quay về phía Ethan. “Mẹ cháu đang hoảng loạn đấy.”

“Mẹ cháu đâu?”

“Đang ở nhà chờ phòng trường hợp cháu chạy về đó trước.” Anh mở cửa xe. “Chúng ta kết thúc cuộc trò chuyện trong xe được không?”

Một lúc sau Ethan gật đầu. Cậu chui vào trong xe, cởi mũ bóng chày và gãi đầu. “Có thật là cậu từng định tự tử không?”

“Đúng vậy.”

Ethan cảm thấy cổ họng tắc nghẹn. Cậu Ross là một trong số ít những người đàn ông mà Ethan đã từng tiếp xúc qua và cũng là người bảnh nhất. Cậu từng chơi những trò hay ho như nhảy dù hay leo núi băng. Nếu sống sót đến trưởng thành, Ethan muốn trở thành một người như cậu Ross. Nhưng cậu không thể hiểu tại sao người đàn ông mà mình hâm mộ nhất đời lại một mực muốn chết. “Vì sao cậu làm vậy?”

Ross rướn qua người Ethan gõ mạnh lên tấm kính rồi nhấn nút điều khiển hạ cửa kính xuống; Ethan có thể ngửi thấy mùi liễu đắng mọc đều tăm tắp bên đường. “Để cậu có thể đến thế giới bên kia,” Ross giải thích.

“Chúa ơi,” Shelby òa khóc rồi chạy xuống đường kéo Ethan ra khỏi xe. Ross ngắm nhìn khoảnh khắc hai mẹ con ôm nhau, chuyện không may rốt cuộc cũng qua đi. Hai mẹ con lảo đảo đưa nhau vào nhà, Shelby ôm con trai chặt cứng như muốn biến cậu nhóc thành một phần cơ thể mình.

Ross tựa vào mui xe, tạ ơn Chúa vì linh cảm đi tìm Ethan tại đúng nơi đó. Rosss không dám nghĩ đến hậu quả nếu anh trở về nhà một mình, hay nếu Ethan phải phơi nắng quá lâu.

Anh bước vào cửa chính, giật mình khi nhìn thấy một người lạ mặt đứng trước hiên nhà cạnh chị gái mình. “Đây là Rod van Vleet,” chị nói với chất giọng còn giận dỗi. “Anh ta ghé qua để trò chuyện với em.”

Anh liếc chị gái với ánh mắt âm trầm nhất có thể vì bị đưa vào chuyện đã rồi. Người đàn ông này lùn hơn Ross, mảng hói trên đầu có hình như trái đậu phộng. Anh ta mặc bộ com-lê sang trọng, áo sơ mi hồ cứng phổi với cà vạt chín chu. “Anh Wakeman,” anh ta mở lời với nụ cười ngập ngừng. “Tôi nghe nói anh là người săn ma.”

chương
Ba

C hỉ một lần duy nhất, nhưng cảm giác được mọi người chú ý đúng là tuyệt cú mèo.

Ethan chẳng hề kêu ca dù phải vác chiếc máy quay phim nặng trịch. Dù sao cậu Ross của nó cũng đang phải khiêng hết tất cả đồ đạc còn lại, từ túi ngủ đến đồ ăn vặt (cậu Ross bảo đi điều tra giám sát phải đúng lệ bộ đàng hoàng, dù những người mà họ muốn điều tra đều đã ngùm củ tỏi). Hai cậu cháu đi ngang qua mấy tay chơi trống, chiếc xe ủi và đám thợ xây. Lúc hai người đi ngang qua, Ethan nhận ra ai cũng khụng lại một lúc. Ánh mắt ông lão thổ dân nhìn như đóng đinh vào gáy cậu bé. Nhưng cái nhìn đó không phải vì

ông ta vốn lập dị, mà chỉ vì tò mò trước hai cậu cháu đường hoàng đi ngang khu đất như đi trong đất nhà họ.

Ethan dừng chân, nhìn một cậu sinh viên đang sảng cát. Cậu ta chỉ mặc mỗi cái quần cộc, bờ vai và lưng rám nắng. Ethan nhìn xuống ống tay áo dài ngoằng cùng cái quần dài dày cộm của mình và khẽ trề môi sau lớp khẩu trang.

“Này, đi nào,” Ross quay lại gọi to, khiến Ethan cuống cuồng đuổi theo.

Van Vleet sốt sắng chạy đến ngay khi nhìn thấy hai cậu cháu. Đôi giày kiểu doanh nhân thành đạt cứ khiến anh ta trượt chân trên mặt băng trải rộng khắp khu đất như lớp kem bơ quét trên mặt bánh. “Anh Wakeman,” Rod van Vleet lịch sự chào hỏi. “Anh nhớ tôi đã nói chuyện này nên... kín đáo chứ?”

“Anh cũng nhớ tôi đã nói tôi sẽ tiến hành điều tra theo cách của mình chứ?” Ross đáp trả rồi quay lưng lại. Anh thận trọng bước lên mấy bậc thang trong căn nhà cũ kỹ. Một bậc thang gãy đỏi ngay dưới chân anh. “Cẩn thận đấy,” anh dặn dò Ethan.

Căn nhà trông như đang khóc lóc thảm thương, những cánh cửa chớp lắc lìa lủng lẳng trên bản lề như hàng mi dài đẫm lệ. Ethan lùi lại, rướn cổ lên nhìn dãy cầu thang dẫn lên lầu. Cầu thang khi

xưa hẳn là màu trắng. Hầu hết cửa sổ đều bị mây đứa trẻ xung quanh đập vỡ từ lâu. Cây thường xuân quấn quanh khung cửa sổ như bộ ria mép vểnh ngược lốm đốm.

“Ethan!”

Giật mình bởi tiếng gọi của cậu Ross, Ethan phóng nhanh lên bậc thang nhưng khụng lại ngay lối vào. Thạch cao rụng lả tả từ trần nhà, mặt sàn dày bụi. Giấy hoa văn dán tường in đầy dấu tay và chữ phun sơn: SARI LẮNG LƠ. Dưới cầu thang còn có dấu vết của lửa trại và tẩm ba mươi chai bia rỗng.

Ethan quét mắt từ ban công đổ nát đến căn phòng tối đen cạnh đó, rồi ngược nhìn lên trần nhà. Cậu thầm nghĩ, ớn lạnh thật. Nhưng thế thì sao. Ethan vươn vai tự nhủ nếu làm tốt chuyện này, cậu có thể được chọn tham gia chương trình *Nhân Tố Kinh Di* hay mấy chương trình truyền hình thực tế khác. Cậu có thể xin cậu Ross dẫn mình theo trong những vụ sau. Dù sao thì Ethan chỉ được ra ngoài vào ban đêm. Phải thử mới biết được chứ.

Cậu gan dạ hơn bất kỳ đứa bạn nào cậu biết... nhưng thật ra cậu cũng chẳng có mấy người bạn.

Cứ thế Ethan tự luyện thuyên với bản thân cho tới khi có một bàn tay chạm vào gáy làm cậu nhảy dựng lên.

Kerrigan Klieg là phóng viên của tờ báo *New York Times*. Anh là tác giả những bài viết kiểu hội chứng ma cà rồng trong lễ Halloween, bản chất hóa học của tình yêu trong lễ Valentine, phỏng vấn cha mẹ của những đứa trẻ sinh vào đúng thời khắc đầu thiên niên kỷ của thành phố này. Nói cách khác, anh thích nhàn hạ. Kerrigan chẳng có tham vọng hay hoài bão để theo dõi những vụ tham nhũng của cảnh sát hay tranh chấp chính trị; những bài viết của anh ta toàn là về thông tin tâm phào đại chúng mặc dù anh chẳng hề thích thú với mấy chủ đề đó. Vậy mà Kerrigan lại thích lang thang nghiên cứu ngoài thực địa, như viếng mộ Mercy Brown tại đảo Rhode để tìm cương thi hoặc đến bệnh viện Johns Hopkins để chứng kiến những nhà khoa học đo lường mối quan hệ giữa nồng độ của melatonin và cảm giác ham muốn tình dục. Kerrigan thích một thế giới khác bên ngoài ốc đảo Manhattan, nơi người ta thực sự bước ra phố và nhìn vào mắt nhau thay vì giả vờ mình đang ở nơi khác hay đóng vai người khác.

Những nhân tố ở đây sẽ đảm bảo một bài báo bất bại: ông già da đỏ một trăm tuổi, đám dân thị trấn đang khiếp sợ, tay trùm bất động sản, và một hồn ma giận dữ. Đây là mới những thứ diễn ra bên rìa của khu đất, chính là phần có căn nhà. Ai mà biết có cái gì ẩn khuất trong mấy mảnh rừng đằng sau?

Kerrigan bước đến cạnh ông Az Thompson, người đã gọi cho biên tập viên mục điều tra. Anh tự hỏi làm cách nào một cụ già có thể sống lâu đến vậy. Ông ta ăn sữa chua như quảng cáo của hãng Dannon? Hay tập thiền? Chẳng lẽ là tiêm vitamin B-12? “Người ta đã cướp đi đất đai của chúng tôi mãi mãi,” Thompson nói. “Nhưng nếu chuyện này cứ tiếp diễn, thậm chí khi chúng tôi đã chết rồi, thì đúng là điên tiết.”

Kerrigan bước ngang qua một chú chó đang gặm chiếc giày cũ. “Theo tôi được biết thì Spencer Pike, ông chủ đất đã không sống ở đây được một thời gian rồi.”

“Không đến hai mươi năm đâu.”

“Thế ông có nghĩ từ đâu ông ta đã biết khu đất này là nơi mai táng?”

Ông lão dừng lại. “Tôi nghĩ Spencer Pike biết nhiều hơn những thứ mà ông ta tiết lộ.”

Giờ thì mọi chuyện thú vị hơn rồi. Kerrigan tính mở miệng hỏi một câu khác thì bị phân tâm bởi người đàn ông và cậu bé đang dạo bên trong khu đất. “Họ là ai vậy?”

“Có tin đồn rằng đó là người mà van Vleet thuê,” ông Thompson trả lời. “Để đảm bảo không có ma cỏ gì cả.” Ông quay sang tay phóng viên. “Anh nghĩ sao?”

Kerrigan đã quen với việc phỏng vấn chứ không phải bị phỏng vấn. “Đó là toàn bộ yếu tố làm nên một câu chuyện ly kỳ,” anh dè dặt đáp.

“Anh đã bao giờ thức giấc vì giấc mơ của người khác? Hoặc mang ủng rồi thấy bên trong đầy tuyết vào tháng Tám? Hay hoa bí thò ra từ lỗ thoát nước trong bồn rửa sau một đêm chưa, anh Krieg?”

“Chưa, tôi chưa hề thấy.”

Thompson gật gù, “Vậy thì cứ ở đây mà chứng kiến nhé.”

Khi Ross đặt tay lên cổ Ethan, cậu nhóc giật thót. “Ethan”, Ross gọi, “cháu không sao đấy chứ?”

Ethan vẫn còn run lẩy bẩy. “Vâng. Ô, chắc mà, cháu hoàn toàn ổn mà.”

“Cậu có thể đưa cháu về nhà. Không sao đâu.” Ross nghiêm nghị nhìn Ethan. “Cháu có thể nói với mọi người là chính cậu không cho cháu ở lại.”

Đáp lại lời anh, Ethan nắm lấy lan can cầu thang gãy vụn và bắt đầu leo lên.

Thở dài một cái, Ross cất bước theo sau. Có lẽ Ethan thực sự muốn đến đây, nhưng anh chẳng muốn tí nào. Khi van Vleet đề nghị điều tra mấy hiện tượng tâm linh tại khu đất của ông Pike, anh đã từ chối. Nhưng rồi anh thấy ánh mắt trông đợi của chị mình.

Anh đặt ra bốn điều kiện. Một, chính anh phải là người phụ trách điều tra và không nhận mệnh lệnh từ bất kỳ ai, bao gồm cả người đứng đầu của Tập đoàn Redhook. Hai, chỉ có anh và trợ lý được phép vào khu đất lúc điều tra. Anh tuyên bố trợ lý không ai khác ngoài Ethan, trước sự ngạc nhiên và mừng rỡ vô hạn của cậu bé. Ba, anh không muốn biết bất kỳ thông tin lịch sử nào của khu đất cho tới khi mình yêu cầu – nếu không, suy luận của anh sẽ bị ảnh hưởng. Bốn, anh không nhận thù lao – không giống như nhóm Warburton vẫn thường vẽ ra cho từng khách hàng một con ma dựa vào mức thù lao.

Đổi lại, Ross hứa sẽ giữ “im lặng” về cuộc điều tra này vì mấy sếp nắm quyền tại Tập đoàn Redhook không muốn cả thế giới biết họ tin vào vào hiện tượng tâm linh.

Vậy nên anh ở đây, chuẩn bị cho buổi quan sát đêm và đắm mình vào công việc quen thuộc. Ethan đợi ngay trên bậc cao nhất của cầu thang như một chú chó con bướng bỉnh. “Đặt máy quay phim xuống,” Ross ra lệnh. “Đi dạo xung quanh xem thử cháu có tìm thấy gì không?”

“Tìm thấy gì à? Ví dụ như?”

Ross khụng lại suy ngẫm vài phút. Anh phải giải thích cho một đứa nhỏ về cảm giác tâm trí chia nhỏ thành nhiều mảnh để từng mùi hương

và hình ảnh được khắc sâu như thế nào? Làm sao để diễn tả cảm giác không khí trở nên nặng nề như tấm chăn bông thịt chặt quanh sườn? “Nhắm mắt lại,” Ross hướng dẫn, “và nói cậu nghe xem cháu thấy gì.”

“Nhưng...”

“Cứ làm đi.”

Ban đầu Ethan im lặng. “Ánh sáng... chiếu ra từ các góc.”

“Được rồi.” Ross nhẹ nhàng xoay cậu bé một vòng rồi nắm lấy vai Ethan. “Giờ... không nhìn trộm nhé... cầu thang ở đâu?”

“Đằng sau cháu,” Ethan run rẩy đáp vì nhận ra sự kỳ diệu của giác quan thứ sáu.

“Làm sao cháu biết?”

“Vì... cháu cảm thấy có một lỗ hổng trong không gian phía sau.”

Ross xoay Ethan lại rồi vỗ đầu thằng cháu cái bốp khiến cậu nhóc lập tức mở mắt.

“Giỏi lắm, Cậu Nhóc Phi Thường. Đây là bài học số một.”

“Vậy bài học số hai là gì?”

“Là phải dừng thắc mắc về bài học.”

Ross bước dọc hành lang. Những nội thất hay kỷ vật gia đình đã được chuyển đi từ lâu, chỉ còn mấy vệt sơn hay vết xước mờ trên mặt sàn lấm

lem. Lầu trên có ba phòng ngủ và một phòng tắm. Thêm một cầu thang dẫn lên gác xép của người giúp việc.

“Cậu Ross? Khi nào ma sẽ đến?”

“Nếu có ma thì họ đã ở đây rồi.” Ross liếc vào phòng tắm. Bên trong là cái bồn tắm với chân để hình móng vuốt đã nứt toác và bồn vệ sinh kiểu cũ với bồn chứa nước đặt phía trên. “Chắc là họ đang xem xét cậu cháu mình đấy. Nếu hứng thú thì họ sẽ cố gắng thu hút sự chú ý của chúng ta sớm thôi.”

Ethan vặn vòi nước, một dòng nước đọng màu nâu chảy ra. “Họ có để ý tới việc chúng ta đang ở đây không?

“Có thể đấy.” Ross rà soát dọc cửa sổ rồi kiểm tra dấu niêm phong. “Vài con ma cực kỳ muốn người ta chú ý tới nó. Nhưng một số khác thì không biết mình đã chết rồi. Họ thấy chúng ta và tự hỏi tại sao chúng ta lại ở trong nhà họ. Đó là nếu quả có ma trong nhà này,” anh khiêu khích nói to lên.

Đến băt tao đi, Ross thầm nghĩ.

Anh bước xuống cầu thang, kiểm tra phòng bếp, phòng ăn, hầm rượu và phòng khách. Trong phòng làm việc nhỏ có cửa đối với chiếc ghế bập bênh đặt phía trong và một đống da nát vụn đã biến thành nơi trú ngụ cho gia đình nhà chuột.

Mấy tờ báo cũ vương vãi trên sàn, còn bức tường lấm đầy thứ gì như mõ bôi trực bánh xe.

“Cậu Ross? Cô Aimee là ma sao?”

Anh cảm thấy tóc gáy dựng ngược. Nhưng điều này chẳng hề liên quan tới hiện tượng tâm linh nào mà chỉ do anh bị sốc. “Cậu không biết nữa, Ethan à.” Hình ảnh Aimee dâng trào trong tâm trí anh như nàng tiên cá hiện lên từ đại dương thế giới bên kia nhưng anh gạt nó sang một bên. “Cái chết sao... chú nghĩ giống như đi xe buýt vậy. Hầu hết mọi người đều tận hưởng chuyến đi và cứ thế đi tiếp đến trạm tiếp theo. Nhưng sẽ có vài người xuống xe trước khi đến được trạm cuối cùng.”

“Có lẽ cô Aimee xuống xe để được gặp cậu.”

“Có thể lầm đấy,” Ross đáp. Anh quay người lại, định bước lên cầu thang trước khi tự khiến mình xấu hổ trước mặt đứa cháu.

“Tại sao cậu nghĩ những hồn ma ở đây xuống xe giữa chừng?”

“Cậu không biết”

“Giả sử như...”

“Ethan,” Ross cắt ngang. “Suyt.” Anh xoay một vòng cổ nắm bắt ý nghĩ vừa lóe lên trong đầu nhưng áo vụt qua nhanh đến nỗi không tài nào nhìn rõ được. Anh tựa vào lan can, cố gắng tập trung, cau mày nhìn vào đống rác bẩn đọng

ở chân cầu thang, rồi quét mắt qua mấy con vật gặm nhấm đang âm thầm run rẩy. Anh liếc thấy tổ ong bắp cày ngay trong góc.

Dấu vết của sự sống rải rác đầy sảnh – nào là tơ nhện, xác ve, rong rêu và nấm mốc – đúng là tiêu biểu của sự hoang phế và ẩm thấp. Ross bước vào phòng ngủ phía sau. Trong phòng ngủ, sàn gỗ két bẩn đen xỉn, mảnh gốm vỡ cùng vỏ kẹo vương vãi khắp nơi. Nhưng trần nhà thì lại sạch bong như vừa được quét dọn sáng nay. Không mạng nhện, không nấm mốc, không côn trùng. Dù tình trạng của mấy phòng khác có ra sao thì rõ ràng lâu nay chẳng hề có sinh vật nào vào trong phòng này.

Ross quay qua nhìn cậu bé và bảo. “Đây là nơi chúng ta sẽ dựng máy móc.”

“Tôi không biết chuyện gì xảy ra nữa,” người quản lý trại hè của Lucy nói. Cô quản lý trẻ đến mức người ta nhầm cô là trẻ con. Cô vội vàng dẫn Meredith chạy dọc con đường dẫn tới kho chứa vật dụng. Lucy đã tự nhốt mình trong đó khoảng bốn mươi lăm phút trước. “Cô bé đang chơi bóng né, đột nhiên vừa bỏ chạy vừa la hét.”

Giày cao gót của Meredith bị mắc kẹt trong kẽ đá khiến cô suýt tí nữa thì ngã nhào. Cô có nhớ mang theo thuốc của Lucy không nha? Nếu con bé sơ hãi đến nỗi không chịu bước ra khỏi

nàng kho tối thì con bé có thể lên cơn hen suyễn. “Chúng tôi đã gọi về nhà ngay,” người quản lý nói. “Nhưng mẹ bé bảo bà ấy không lái xe được.”

“Mẹ tôi chứ,” Meredith thản thờ đính chính. Với cái tuổi hơn bảy mươi có lẻ, bà Ruby vẫn minh mẫn nhưng không vững tay lái nữa. Bà liền gọi đến phòng nghiên cứu cho Meredith, có chuyện gấp, bà nhắn thế.

Hai người chạy đến căn nhà gỗ nhỏ bên bìa rừng. “Lucy?” Meredith lắc mạnh tay nắm. “Lucy, con mở cửa ngay cho mẹ!” Cô tông vào cánh cửa hai lần liên tiếp. Vào lần tông thứ ba, cánh cửa bung bản lề và Meredith lách vào trong.

Cái nóng mang theo mùi hôi xộc lên đầu tiên. Một túi lưới chứa đầy bóng cao su to tướng ngăn cô tới gần Lucy. Cô bé đang thở khò khè sau chồng cọc tiêu màu cam và đám vọt cầu lông. Con gái cô đang ôm trước ngực một túm vải xa-tanh màu tím. Đó là mảnh lẽ phục dùng trong lễ hội nhạc hè lâu lắm rồi. Cô bé đang khóc.

“Thuốc đây này,” Meredith dỗ dành, đưa thuốc Albuterol tới. Lucy ngoan ngoãn nhét vào miệng rồi hít vào. Từ lâu Meredith đã học được rằng dù nhìn thấy con mình vật vã khó thở như thế nào, thì mình cũng không thể thở giúp con bé được. Bản năng đầu tiên của Meredith là phải đưa Lucy ra khỏi căn phòng đầy mùi ẩm mốc này để tránh

cơn suyễn; nhưng có gì đó mách bảo cô rằng nếu không làm dịu cơn sợ hãi của Lucy trước thì không ổn. Vậy nên cô vòng tay ôm vai con gái. “Vì sao lại gọi là bóng né nhỉ?” Meredith cố tỏ ra hài hước giống như mẹ con nói chuyện bình thường. “Sao không gọi môn đó là bóng núp hay bóng trốn chặng hạn?”

“Tại vì mẹ phải né khỏi đường bóng bay.” Lucy nép chặt vào vai Meredith. “Đó là lý do vì sao từ “né” lại được sử dụng.”

“À, ra thế.” Cô chậm rãi gật gù. “Giờ mẹ mới biết đấy.”

Ngực Lucy vẫn phồng trướng như bễ thổi. “Không phải tại trận đấu đâu mẹ,” cô bé thú nhận. “Con đã nhìn thấy một thứ.”

“Thứ gì?”

“Thấy cái gì đó... đang treo lủng lẳng. Chỗ cái cây. Treo trên dây thừng.”

“Giống như xích đu làm bằng lốp xe sao?”

Lucy lắc đầu. “Giống như một người phụ nữ.”

Meredith cố giữ bình tĩnh. “Con chỉ cho mẹ xem được chứ?”

Hai mẹ con loạng choạng ra ngoài, đi ngang cô quản lý trại hè, xuyên qua gian triển lãm nghệ thuật và đồ thủ công, tới cây cầu hẹp bắt ngay hạ nguồn con suối để đến khu thể thao. Một nhóm

học sinh cắm trại lớn tuổi hơn Lucy vẫn đang chơi bóng né.

“Ở đâu vậy con?” Meredith hỏi. Lucy chỉ vào lùm cây bên trái. Nắm chặt tay con gái, Meredith tiến đến gốc cây và ngược lên. “Không có sợi dây thừng nào cả,” cô thì thào. “Chẳng có gì cả.”

“Nó ở đó mà.” Sự thất vọng vang lên qua giọng Lucy. “Hồi nãy có.”

“Luce. Mẹ tin là con thấy thứ gì đó. Mẹ cho rằng ở đâu đó giữa võng mạc và màng não của con hơi bị lộn xộn tí thôi. Hắn là có cách giải thích hợp lý mà chẳng liên quan gì tới chuyện người phụ nữ treo cổ trên cây. Có thể do mặt trời chiếu vào mắt con chẳng hạn.”

“Có lẽ thế,” Lucy lẩm bẩm nhưng không mấy tin tưởng.

“Có lẽ cành cây bị gió thổi đung đưa đó mà.”

Lucy nhún vai.

Đột nhiên Meredith cởi giày cao gót và đưa áo choàng phòng thí nghiệm cho Lucy. “Giữ lấy này,” cô dặn con gái và bắt đầu trèo lên cây.

Meredith không thể trèo lên quá cao vì đang mặc váy và đi vớ dài nhưng cô vẫn trèo lên được một nhánh cây cao quá đầu người và ngồi trên đó như một chú sóc ngoại cỡ. Lúc này, tất cả mọi người đến cắm trại đều đang đứng xem. Giờ Lucy

cũng hơi hé cười. "Không," Meredith la lớn, chủ động làm trò để đám người đi cắm trại khi rồi việc sẽ nói về một bà điên ngồi trên cây sồi thay vì một đứa trẻ sơ hãi vừa chạy vừa la hét. "Luce, bờ biển không có gì lạ.. ối ối...!" Với một cú ngã điệu nghệ đủ khiến anh em nhà Ringling tự hào, Meredith nhảy xuống khỏi cây, tiếp đất trong tư thế ngồi xổm rồi lăn tròn một quãng.

Người Meredith dính đầy bụi bẩn và xâxát, tóc xổ khỏi trâm kẹp nhưng Lucy đã lấy tay ôm lấy mặt mẹ. "Chắc là mặt trời chiếu vào mắt con," Lucy thì thào.

Meredith ghì chặt con gái vào lòng. "Thế mới là con gái dũng cảm của mẹ," cô đáp trong khi biết rõ cả hai mẹ con đều chẳng tin vào những gì vừa nói.

Eli Rochert không muốn tỉnh giấc. Anh quen với giấc mơ này như quen với mùi nước hoa pha trộn kỳ lạ giữa mùi táo và nước mưa phảng phất trong giấc mơ. Anh cũng nhận ra độ trầm bổng của giọng phụ nữ, ngân nga như một nốt chưa bao giờ tồn tại trong thang âm. Anh mới leo lên giường hai tiếng trước vì phải tăng ca để ngăn đám thổ dân và mấy gã quy hoạch nhà đất khỏi choảng nhau. Vậy mà điện thoại lại không ngừng reo, rốt cuộc anh đành thò tay ra khỏi chăn gối

lùng nhùng trên giường và chộp lấy ống nghe.
“Có chuyện gì?” anh càu nhau.

“Tôi xin gặp cô Rochert. Cô ấy có ở đây không?”

“Không.”

“Anh có thể cho tôi biết khi nào cô ấy sẽ trở về không?”

Không bao giờ về nữa, Eli nghĩ, sững sờ vì cảm giác đau nhói ở ngực sau từng ấy thời gian. Anh gác điện thoại mà không buồn đáp lại, rồi lăn một vòng, và bắt gặp Watson đang giành gối. “Ôi, lạy Chúa,” Eli lùa bàu, đẩy cái mõm Watson ra xa. Watson chớp chớp đôi mắt khuất sau mấy nếp gấp trên khuôn mặt, rồi khụt khịt bò lại chỗ cũ.

“Tao không nên để mày ngủ trên giường,” Eli nói thành tiếng, lưng anh ép sát tấm lưng to bè của chú chó săn. Anh nghe Watson bắt đầu ngáy và nhận ra mình sẽ không thể nào quay lại với giấc mơ nữa rồi. Đẩy chǎn ra, Eli bước xuống giường và lạch bạch vào bếp, mở tủ lạnh nhìn chầm chằm vào bên trong.

Bác sĩ bảo anh không nên ăn thịt đỏ. Việc này đối với người khác thì chẳng là gì nhưng với Eli thì đúng là thảm họa. Anh vẫn luôn coi thịt đỏ là một trong hai nhóm thức ăn cơ bản (nhóm còn lại là khoai tây). Nhìn xem, mấy thứ trong tủ lạnh đúng là chán như mớ công thức nấu món chay tǎi

về từ Internet – hai lọ mù tạt, sáu hộp sữa có mùi kỳ quái, một miếng – tạ ơn Chúa – thịt hộp trông giống thịt gà tây để từ một đến ba tuần rồi, và đậu hủ – một loại thực phẩm mà anh chẳng tài nào chịu nổi vì nó cứ trôi xuống cổ họng một cách nhạt nhẽo như chuyện tầm phào.

Không khí lạnh phả vào quần cộc và ván vít lấy chân anh. Eli đóng cửa tủ lạnh và điện thoại lại reng lên lần nữa. Anh nhấc điện thoại đặt trong bếp. “Xin chào?”

“Tôi hy vọng được nói chuyện với cô Rochert?”

Eli đếm đến mười. “Cô Rochert không có ở đây. Cô Rochert đã bỏ đi từ khoảng bảy năm sáu tháng trước với tình nhân rồi. Cô ta cuỗm hết tiền trong tài khoản tiết kiệm của chúng tôi, mang theo cả con mèo và áo len tay dài tôi thích nữa. Ngay trước khi ra khỏi cửa, cô ta đã giải thích rằng không phải do tính cách của tôi, mà là vì tôi đã không ở bên cạnh để chăm lo cho cô ta. Trong khi nếu nói cho công bằng thì tất cả những gì tôi đã làm là buơn chải gần chết để kiểm tiền bỏ vào tài khoản ngân hàng mà cô ta đã cướp sạch. Thông tin cuối cùng mà tôi nghe được là cô ta đang sống ở New Mexico, nhưng đấy chỉ là tin đồn thôi. Nên dù có hy vọng đến đâu thì ông cũng không thể nói chuyện với cô Rochert. Nếu ông có cơ hội nói chuyện với cô ta thì hãy

nói để cô ta biết ông đứng thứ nhất trong hàng chờ hẹn cô ta."

Nói xong, Eli thở hổn hển. Tiếng thở lấn át không khí trầm lặng ở đầu dây bên kia.

"Ô," cuối cùng anh cũng nghe thấy một tiếng trả lời yếu ớt.

"Có lẽ ông nên xóa số điện thoại này ra khỏi danh sách của mình đi," Eli nói rồi ném điện thoại cầm tay vào tường.

Lúc Watson tìm thấy chủ, Eli đang ngồi trên sàn, hai tay xọc vào mớ tóc. Chú chó nhả điện thoại vào lòng Eli rồi dụi dụi vào người anh. Eli lấy tay vuốt mặt. "Nếu chú mà hy vọng có bữa ăn nhẹ thì chú mà gặp xui rồi. Trừ phi mà thấy món đậu hủ nhấm bia ngon lành."

Eli vòng tay ôm chặt cái cổ to tướng và nhìn chằm chằm vào đôi mắt nâu buồn bã của Watson. Đây là một trong những lý do Eli đem Watson về từ tổ chức nhân đạo. Chỉ cần một ánh nhìn cũng đủ để anh biết chú chó săn đó chưa từng hạnh phúc. Điều này có nghĩa Eli không được phép làm nó khổ thêm nữa.

Ross học được từ nhóm Warburton rằng thời gian ma quỷ hoạt động là vào khoảng 10 giờ đêm tới 3 giờ sáng. Hầu hết những tiếng đập, tiếng va chạm và những hình ảnh mà Curtis đã thấy – hoặc vò

thấy được – đều diễn ra trong thời gian này. Đúng 10 giờ 30, Ross và Ethan đã sắp xếp phòng ngủ trong nhà hoang theo ý anh, và rõ là không như ý cậu cháu.

“Máy thiết bị đâu hết rồi à?” Ethan thắc mắc. “Máy thứ đồ coi rất ngầu đó. Như những gì người ta có trong chương trình *Những chuyện rùng rợn có thực*.” Cậu nhóc nghi ngờ nhìn cái máy quay phim.

“Curtis bảo lần đầu tiên ra ngoài điều tra thì đừng nên quá lệ thuộc vào những thứ rườm rà,” Ross lý giải. “Người ta sẽ bị phân tâm bởi những thiết bị này và dựa dẫm vào chúng thay vì chính bản thân người nghiên cứu. Thêm nữa, hồn ma có thể làm nhiễu sóng điện từ. Khả năng hồn ma có thể khiến thiết bị chập mạch cũng ngang bằng với khả năng họ để lại dấu vết cho mình thấy.”

“Dù vậy,” Ethan càu nhau. “Không có những thiết bị và công cụ, chúng ta cũng mù tịt giống như Shaggy và Scooby.”

Ross cười ngặt nghẽo. “Như Zoinks chứ,” anh kêu lên rồi liếc qua khuôn mặt tiu nghỉu của cháu mình. “Nghe này. Mỗi khi Curtis cảm giác rằng có thứ gì đó, anh ta thường quay lại chỗ đó với những thiết bị ngầu hơn. Chúng ta cũng có thể làm vậy. Dĩ nhiên là trước tiên phải mua được những thiết bị đó đã.”

Máy quay phim hướng về một vách tường phòng ngủ, thức ăn vật trong tay, còn túi ngủ được trải ra như hòn đảo nhân tạo trên mặt sàn lấm lem. Nguồn sáng duy nhất trong căn phòng là đèn pin Maglite được đặt giữa Ross và Ethan. Ross móc ra một cỗ bài nhỏ và bắt đầu xáo bài.

Ethan lúng búng hỏi, miệng còn vướng bong bóng kẹo cao su mới thổi vỡ. “Cậu nói cái ông Warburton kia là tên đê tiện nhưng cậu cũng trích dẫn lời ông ta hơi bị nhiều đấy.”

“Ăn nói cho cẩn thận. Ông ta không phải đê tiện mà là kẻ dối trá. Nhưng dù dựng chuyện hơi nhiều thì tay đó cũng hơi bị rành nghề.”

“Ăn nói cho cẩn thận,” Ethan nhái lại rồi chộp lấy bộ bài. “Cậu Ross? Cậu có nghĩ con ma trong nhà này chết rất thảm không?”

“Cậu còn không biết có ma ở đây không nữa. Cháu muốn cá cược không?”

“Quá được.” Cậu bé bắt đầu chia bài. “Cháu tự hỏi nó có điên lên với chúng ta hay không nếu tưởng nhầm chúng ta là người chặt đầu nó bằng rìu.”

“Cái rìu nào?” Ross nghiêng tay cầm bài về phía nguồn sáng duy nhất từ đèn pin. “Được rồi, vậy cứ có nhiều quân bồi, đầm, già là ngon hả?”

“Cháu không thể tin được là cậu chưa từng chơi trò này. Đúng vậy, có càng nhiều bồi đầm già

càng tốt, con át nữa. Nhưng quan trọng hơn là cậu phải có quân bài cùng chất liên tiếp nhau, ví dụ như hai-ba-bốn-năm-sáu. Đầu tiên cậu phải cược cái gì đó... cậu có tiền mặt không?"

"Có kẹo thôi."

"Ồ, sao cũng được. Thùng phá sảnh thắng tứ quý, tứ quý thắng cù lũ. Như vậy là đủ để bắt đầu chơi rồi. Cháu rút nhé." Cậu nhóc ngược mắt lên. "Nghĩa là chọn một lá bài đấy."

"Cảm ơn," Ross đáp gọn. "Cược hai viên kẹo."

"Chơi luôn, cháu không sợ, cậu biết mà, cho dù bị cái gì đuổi theo."

Thắng thắn ra thì Ross sê nói anh không tin khu đất của ông Pike bị ma ám. Thứ nhất, suốt mấy tháng trời săn ma Ross chưa bao giờ thấy gì. Thứ hai, dù xét trên lý thuyết đi nữa, đúng là điên mới cho rằng ma có thể thu thập đủ năng lượng để gây ra những hiện tượng kỳ quái như làm mặt đất đóng băng hay tạo nên cơn mưa cánh hoa từ không trung. Các nguyên nhân tự nhiên như tảng băng ngầm trôi dưới đất hay do nước bốc hơi bất thường nghe còn thuyết phục hơn.

Nhưng Ross cũng từng nhận định sai lầm về nhiều việc trước kia.

Ít nhất là đêm nay Ethan rất vui vẻ. Ross chống tay ngả người ra sau, nhìn cháu mình xòe bài ra. "Cháu có một sảnh nhé."

“Xám này. Ba con bồi nhé.”

“Hay là chú cược chấp đi,” Ethan đề nghị. Cậu nhóc chia bài cho lượt thứ hai. “Cháu nghĩ cháu sẽ quay về.”

“Về đây?”

“Không, không phải chỗ này... mà là thế giới này. Sau khi cháu chết.” Cậu nhóc đảo mắt quanh phòng, rồi nhìn vào Ross với ánh mắt đầy thách thức. “Cháu còn chuyện chưa dứt được. Cậu hiểu mà, phải không?”

Ross từng đến những căn nhà có trẻ con chết do bệnh tật hoặc tai nạn cùng nhóm Warburton. Những người mẹ mang theo hy vọng như tấm khăn choàng quần quanh mặt, mòn mỏi chờ đợi Curtis tìm lại những gì đã mất. Trong mấy vụ như vậy, nhóm Warburton được gọi đến không phải vì tiếng than khóc, đập thình thịch hay hiện tượng kỳ quái, mà là vì *không có* những điều đó.

Anh nhớ đến chị mình, tay bẻ gập lá bài.

“Cháu đói bụng,” Ethan than thở. Cậu nhóc lẩn vào góc tối, mò mẫm xung quanh và gây ra một tiếng động chói tai.

“Cháu ổn chứ?” Ross lia đèn pin về phía đống đồ ăn nhẹ mang theo, nhưng góc đó trống trơn.

Từ phía sau, Ethan lên tiếng. “Cháu ở đây,” cậu nhóc run rẩy đáp. “Âm thanh đó, à ừ, không phải do cháu gây ra.”

Cậu nhóc dán chặt vào lưng Ross. “Đi kiểm tra nào,” Ross lẩm bẩm. Lúc này, mọi thứ đều tĩnh lặng, và chẳng có thứ gì bị rớt. “Có thể do viên gạch rớt ngoài sân hoặc con chuột đấy.” Anh vòng tay ôm vai Ethan. “Có thể là bất kỳ thứ gì, Ethan à.”

“Dạ.”

“Sao chúng ta không ngồi xuống để cậu cho cháu biết thế nào là thua nhi?”

Ethan thoảng thả lỏng. “Đúng thật là,” cậu lùi bước, cố xốc lại lòng dũng cảm để tách mình ra khỏi cậu Ross và ngồi xuống lại.

Ross chia bài, nhưng mắt anh cứ đảo quanh căn phòng. Chẳng có gì bất thường hay đáng chú ý ngoại trừ việc nắp ống kính camera treo trên sợi dây đen nối với rìa máy đang dung đưa qua lại.

Dù trong phòng không hề có tí gió nào.

Một tiếng thích vang lên phía ngoài, nghe như cây đổ, hay ai đó ngã chồng vó. “Cậu nghe thấy không?” Ethan thì thào run lẩy bẩy.

“Có chứ.” Ross tiến lại gần ô cửa sổ bị vỡ và dõi mắt nhìn ra khoảnh rừng phía sau. Một đốm trắng đậm vào mắt anh, nhìn giống như đuôi hươu, sao băng, hoặc là mắt chim lợn.

Có tiếng lá khô kêu sột soạt và hai tiếng bước chân khác nhau rõ ràng. Kèm theo tiếng khóc nghèn nghẹt như của trẻ con.

“Để đi xuống coi thử,” Ross lẩm bẩm.

Ethan lắc đầu nguầy nguậy. “Không đời nào. Cháu sẽ ở lại đây.”

“Có lẽ chỉ là một con chồn thôi.”

“Vậy nếu không phải thì sao?”

Ross chầm chậm mỉm cười. “*Nếu à,*” anh thì thào.

Shelby không có thói quen để con mình dấn thân vào mấy trò mạo hiểm vì thế giới này đã rất nguy hiểm cho Ethan rồi. Nhưng Ethan lại có tính tò mò và ưa mạo hiểm đúng kiểu một đứa nhóc chín tuổi. Cậu nhóc tin mình là một phần trong nhiệm vụ của cậu Ross. Thôi được, biết đâu chuyện này tốt cho cả hai cậu cháu thì sao.

Cô bước vào phòng con trai dọn dẹp máy Game Boy nằm trên sàn và mấy cuộn phim rơi dưới gầm giường. Lịch thi đấu của đội Red Sox dán trên tường, kèm mớ sách giáo khoa Shelby dùng để dạy Ethan, và cả bài thơ haiku cậu bé viết hồi năm ngoái lúc học về Nhật Bản.

*Sâu trong bóng đêm
Tôi thức giấc lấy đêm thành ngày
Mặt trời cảm thấy thế nào nhi?*

Shelby ngồi phịch xuống giường con trai. Cô băn khoăn liệu Ross có bảo vệ Ethan an toàn hay

không. Cô tự hỏi Ethan có nhớ mẹ dù chỉ một chút hay không.

Cô bồn chồn liếc qua máy tính. Lần trước khi lén xem email của Ethan, cô phát hiện cậu nhóc có sáu người bạn qua mạng – tất cả đều trạc tuổi cậu và sống ở khắp nơi trên thế giới. Lúc đầu, Shelby cảm thấy đây là chuyện đáng mừng vì Ethan đã học được cách kết bạn với những đứa trẻ khỏe mạnh khác. Nhưng khi bắt đầu đọc vài bức thư, Shelby nhận ra Ethan không kể chính xác về bản thân mình. Với Sonya ở Đan Mạch, cậu bé là một học sinh chuyên toán lớp Sáu. Với Tony ở Indianapolis, cậu bé là một vận động viên bóng chày cù khôi đang chơi cho đội địa phương. Với Marco ở Colorado, cậu bé lại là một tay leo núi đầy nhiệt huyết luôn đi khám phá với bố mỗi dịp cuối tuần.

Trong mọi bức thư, cậu bé chẳng hề nhắc đến chứng bệnh của mình. Cậu chưa bao giờ tỏ ra mình khác với mấy cậu nhóc Mỹ khỏe mạnh bình thường, yêu thể thao và có cha mẹ đầy đủ.

Tóm lại Ethan biến mình thành kẻ khác.

Khẽ thở dài, Shelby rời khỏi phòng Ethan ra ngoài hành lang. Cô chầm chừ khi băng qua phòng Ross. Cô chỉ lớn hơn Ross tám tuổi nhưng chừng như đã dành cả đời để chăm sóc em trai – từ thay tã lúc cậu em còn nhỏ đến ở cạnh Ross sau lần tự

tử không thành, rồi lại lo lắng khi em trai chẳng hề gọi điện cho cô suốt mấy tháng trời. Bản năng làm mẹ đến với Shelby rất tự nhiên vì cô phải đứng ra gánh lấy gia đình từ khi cha mẹ qua đời nhiều năm về trước.

Cô tin rằng sự thành tâm trọn vẹn có quyền năng bảo vệ, khiến tình yêu biến thành tấm khiên thép mà Số Phận không thể đâm thủng. Cô cũng cho rằng giây phút thoảng lơi lỏng cảnh giác, giây phút người ta cho phép mình mềm yếu hơn bình thường, thì đó chính là lúc mọi thứ có thể bị tước đoạt.

Suy nghĩ này khiến cô lại băn khoăn liệu Ross có đưa Ethan về đến nhà hay không.

Cô đẩy cửa bước vào và bắt đầu dọn dẹp căn phòng. Cô dọn giường cho Ross. Cô đặt lại bàn chải đánh răng và lược chải tóc lên kệ. Cô cất dầu gội, kìm cắt móng tay và kem đánh răng vào túi đồ dùng cá nhân của Ross và khóa lại.

Đống quần áo nhau nhĩ chất cao trên ghế ngồi. Cô thở dài rồi nhấc cái áo sơ mi lên, gấp gọn và đặt lên giường. Cô gom mấy đôi vớ lại với nhau, xếp mờ đồ lót, áo thun và còn lôi ra được một cái quần jean chưa mặc. Lúc cô gấp quần jean lại với sự chuẩn xác đúng kiểu quân đội, có gì đó rơi ra từ túi quần. Shelby cúi xuống nhặt mấy thứ bị rơi:

ba đồng xu in năm 1932. Cô đặt chúng lên kệ để Ross dễ tìm.

Ross quay người vẫy tay với Ethan đang đứng bên cửa sổ, sau đó cẩn thận tiến đến địa điểm mà anh đã thấy cái bóng trắng. Anh để đèn pin lại cho Ethan, nghĩa là bất cứ khi nào anh cũng có thể vấp ngã lộn cổ. Mặc dù trời tối mịt đến cách hai bước chân đã không thấy gì, nhưng, anh có thể nghe được tiếng ai đó – hoặc là cái gì đó – đang sục sạo quanh đây.

Ross rùng mình; bên ngoài lạnh hơn anh tưởng. Anh ước giá mà mình có mang theo áo khoác. Anh có thể ngửi thấy mùi hoa hồng dại, cứ như dưới chân anh là một thảm hoa hồng. Và anh học được từ Curtis rằng đây cũng là một cách mà hồn ma có thể chứng minh sự hiện diện của mình. *Xuất hiện đi nào*, anh thầm nghĩ.

Nhưng tất cả mọi hy vọng được chạm mặt với ma đều tắt phut khi anh bắt gặp một người phụ nữ trẻ tuổi đang lúi húi đào bới trên mặt đất đóng băng.

Cô mặc chiếc váy đầm hoa với mái tóc màu nhạt, buông rủ tự nhiên quanh mặt. Cái bóng trắng Ross nhìn thấy chính là phần cổ áo bằng ren. Cô ta đang tất bật và chăm chú làm việc của

mình. Và cô ta có thật, thật như mặt đất dưới chân anh.

Rõ ràng là cô ta không hề nghe thấy anh đến gần, nếu không thì cô ta đã nhận ra mình bị bắt quả tang khi đang... ô, làm cái quái gì đó. Ross không nói nên lời – không phải vì cô ấy không phải con ma mà anh đang tìm, mà là vì cô ấy trẻ trung, xinh đẹp nhưng lại là khách không mời. Anh nắm lấy lý do đó để lên tiếng hỏi: “Cô đang làm gì ở đây?”

Cô ta chầm chậm quay người lại, chớp mắt như sững sốt vì nhận ra mình đang đứng giữa rừng cây. “Tôi... tôi không biết nữa.” Cô ta liếc nhìn hai bàn tay mình, móng tay bám đầy bụi bẩn, và cau mày.

“Ông van Vleet bảo cô đến đây sao?”

“Tôi không hề quen ngài van Fleet...”

“Vleet”. Ross nhăn mặt. Có lẽ đây chỉ là sự tình cờ kỳ quái, vào đêm anh bắt đầu điều tra thì một cô nàng mộng du lại lang thang trong khu đất. Vài nhà quanh khu này còn gặp phải những hiện tượng kỳ quái hơn. Anh áy náy vì khi nãy mình bắt chuyện hơi gay gắt. Anh cũng mong cô gái ấy ngược mắt lên nhìn anh lần nữa. “Cô đang tìm cái gì?” anh gặng hỏi, hất hàm về phía cái lỗ mà cô đang đào.

Mặt người phụ nữ đỏ như gấc. Khi cô ấy lắc đầu nguầy nguậy, anh lại ngửi thấy mùi nước hoa. “Tôi không biết. Lần mộng du gần nhất, tôi chỉ lang thang qua vựa cỏ khô của nhà hàng xóm thôi.”

“Lang thang một mình hay cùng với gã hàng xóm?” Ross buột miệng hỏi, và người phụ nữ trông có vẻ xấu hổ đến mức anh ước mình có thể rút lại câu nói đó. Anh đút tay vào túi quần, cố vót vát. “Tôi là Ross Wakeman,” anh tự giới thiệu.

Cô ta ngược mắt nhìn lên nhưng vẫn tỏ vẻ lúng túng. “Tôi phải đi đây.”

“Không, nghe này, ở quê tôi, câu trả lời thích hợp phải là: Xin chào, tôi là Susan. Hoặc là: Chào, tên tôi là Hannah. Hay là: Chào đằng ấy, tớ là Madonna.”

“Madonna là sao?”

Ross nhe răng cười. “Sao cũng được.”

Một nụ cười nhẹ xuất hiện trên môi cô ấy. “Tôi là Lia,” cô nói.

“Lia thế thôi à?”

Cô chần chừ. “Beaumont. Lia Beaumont.”

Cô rõ ràng chỉ muốn đi. Dù sao thì đụng phải người lạ trong rừng khi đang mộng du đúng là phiền. Cô gật đầu chào ngượng ngập rồi bắt đầu rời đi. Ross không hiểu sao mình rất muốn giữ cô

lại, muốn cố nghĩ ra điều gì để nói, nhưng mọi từ ngữ như bị dồn nén lại trong cổ họng.

Đột nhiên cô ấy quay lại nhìn anh. “Anh cũng mộng du sao?”

“Không, thực ra tôi đang làm việc.” Ross cố cuốn nội dung câu chuyện về phía mình.

“Ở đây? Vào giờ này sao?”

“Đúng vậy, tôi là nhà điều tra các hiện tượng tâm linh.” Anh nhìn ra được cô chẳng hiểu mấy từ này nên giải thích. “Hồn ma ấy. Tôi tìm ma. Thực ra tôi đến đây là vì tưởng phần cổ áo của cô là... ô, mặc kệ đi. Cô không phải là thứ tôi đang tìm kiếm.”

“Tôi rất tiếc.”

“Không sao đâu.”

Cô khẽ nghiêng đầu quan sát anh. “Anh thực sự tin rằng con người có thể quay về sau khi chết đi? Giống như Harry Houdini?”

“Chẳng phải ai cũng vậy sao?” Vẻ u buồn phủ lên người cô ấy như mủ trùm đầu che khuất thân hình mảnh khảnh. “Ai mà biết được” anh giở giọng trêu chọc. “Biết đâu lúc này chúng ta đang có người đi theo đấy.”

Nhưng câu nói của Ross khiến Lia liếc ra sau trong hoảng loạn. “Nếu anh ta tìm thấy tôi...”

Ai cơ? Ross muốn hỏi vì anh nhận ra cô lo sợ

không phải vì bị anh tìm thấy, mà là một ai khác. Trước khi anh kịp hỏi, một tiếng hét chói tai vang lên từ ngôi nhà. “Cậu Ross!” Ethan rú lên. “Cậu Ross, quay lại đây!”

Ross ngược nhìn lên ô cửa sổ nhưng chẳng còn thấy được ánh sáng phát ra từ đèn pin hay camera. Anh tái mặt khi tưởng tượng ra Ethan có lẽ đã thấy cái gì. “Tôi phải đi đây,” anh nói với Lia, không giải thích gì thêm mà chỉ chạy trối chết.

Trích từ thời báo *New York Times*:

VA CHẠM GIỮA ĐÊM KHUYA?

viết bởi Kerrigan Klieg

Comtosook, VT – Cư dân Comtosook, một thị trấn nhỏ phía tây bắc tiểu bang Vermont đang hào hứng kể chuyện giật gân. Có rất nhiều câu chuyện như nhựa cây phong tuôn chảy trong những tháng mùa hè khô hạn, về cánh hoa rơi từ những đám mây dông, mặt đất đóng băng ngay giữa tháng Tám, và xe cộ đột nhiên chỉ có thể di chuyển ngược hướng. Tuy nhiên, điều kỳ quặc nhất chính là những lời đồn trên đều có thật, và những hiện tượng kỳ quái nói trên chỉ là bề nổi của tảng băng chìm. Nhiều chuyên gia thuộc nhiều ngành tại Đại học Vermont vẫn chưa thể

giải thích được những hiện tượng trên, còn cư dân địa phương tin rằng chuyện xảy ra là có nguyên nhân: do một hồn ma chưa yên nghỉ không muốn bị di dời.

Chỉ mới vài tuần trước, Comtosook vẫn còn là một thị trấn thôn quê. Sau đó Tập đoàn Phát triển Redhook đã đạt được thỏa thuận với chủ đất để thu mua một khu đất. Ngay lập tức một nhóm người bộ tộc Abenaki bắt đầu kháng nghị và khăng khăng cho rằng khu đất trên là nghĩa trang của những thổ dân bản địa. Quá trình khám nghiệm khảo cổ tiến hành bởi chính quyền liên bang vẫn chưa tìm ra được hài cốt của con người, dù sao đó chỉ là yếu tố phụ, như ông Az Thompson, đại diện bộ tộc Abenaki đã phát biểu: "Tôi không mong tập đoàn bất động sản biết rõ tổ tiên của tôi được chôn ở đâu, nhưng tôi chắc chắn không ngờ họ lại nói với tôi rằng tôi đang nói dối về việc đó. Ai cho bọn họ quyền được viết lại lịch sử của bộ tộc tôi?" Ông Winks Smiling Fox, một người tham gia kháng nghị, còn nói thêm: "Những chuyện xảy ra gần đây dù để kết luận rằng dù tập đoàn Redhook có muốn dọn **vào**, thì cũng có cái gì đó không muốn bị dời **ra**."

Ông ta đang nhắc đến một loạt những hiện tượng kỳ quái càng lúc càng nhiều và bắt đầu gây hoang mang cho dân chúng,

thậm chí những người sống hàng mẩy dặm cách khu đất đang tranh chấp. Abe Huppinworth, ông chủ một cửa hàng tạp hóa, nay đã quen quét cánh hoa hồng khỏi hàng hiên, cho biết: "Cánh hoa hồng rơi suốt đêm như tuyết. Dày gần cả gang tay khi tôi mở cửa hiệu. Và trong vòng bán kính ba dặm quanh đây còn không có đến một khóm hoa hồng." Ava Morgan phải đưa đứa con trai hai tuổi của mình đến Bệnh Viện Fletcher Allen ở thành phố Burlington sau khi con bà thức giấc vào buổi sáng và bắt đầu nói tiếng Bồ Đào Nha, thứ ngôn ngữ mà không ai trong gia đình bà biết chử đừng nói là thành thạo. "Bác sĩ cũng không giải thích được chuyện gì đã xảy ra. Họ làm xét nghiệm đủ loại cho thằng bé, và rồi một buổi sáng năng lực ấy lại biến mất, Cole lại nói năng như cũ. Không phải cư dân nào cũng chủ quan như vậy. Hơn sáu trăm người đã ký vào bản kiến nghị gửi đến Rod van Vleet, quản lý dự án tại chỗ của Tập đoàn Redhook. Ông van Vleet từ chối phỏng vấn. Được biết trước đó ông đã phủ nhận toàn bộ thông tin về những hiện tượng tâm linh trên khu đất vì cho là vô lý.

Tin đồn lại ám chỉ rằng ông van Vleet có lẽ không hề tự tin như những gì mình tuyên bố. Vài nguồn tin tiết lộ rằng Tập đoàn Redhook đã trả tiền cho một chuyên gia đến điều tra khu đất.

Đối với cư dân thị trấn, cả động cơ bí ẩn của công ty bất động sản và sự giận dữ của bộ tộc Abenaki đều chẳng hề quan trọng mấy. "Tôi chỉ biết là tôi chán chuyện này lắm rồi," ông Huppinworth than vãn lúc ngừng tay quét dọn đám cánh hoa vương vãi. "Sớm muộn cũng xảy ra chuyện thôi."

• • •

Rõ ràng ràng là Meredith không bao giờ gặp được người đàn ông nào cho tử tế. Trong công việc, cô quá thông minh, đến mức khiến người ta phải e dè. Hẹn hò giấu mặt chẳng còn hiệu quả. Người cuối cùng mà cô hẹn gặp kiểu đấy chính là một anh chàng diễn viên mà bà ngoại cô gặp tại công viên. Anh ta đến nhà hàng trong trang phục của Hamlet. Lúc đó Meredith nghĩ: "Bỏ đi hay không bỏ đi, đó là vấn đề." Sau cuộc hẹn thất bại ấy, bà ngoại cô đã đưa cho cô thêm số điện thoại của một người chuyên tổ chức đám tang, một bác sĩ thú y và một người xem bói bằng chỉ tay, nhưng Meredith cứ tiện tay quăng đâu đó. Cứ hai ba tháng là bà Ruby lại cằn nhằn, "Bà muốn ôm cháu ngoại trước khi qua đời."

"Bà đã có một đứa rồi mà," Meredith nhắc.

"Một đứa có cha ấy," bà Ruby nói cho rõ.

Meredith rốt cuộc cũng phải nhẫn nhượng

khi bà Ruby kể anh chàng lần này thích dành thời gian rảnh để làm công tác tình nguyện với người cao tuổi. Vậy nên lúc này, Meredith đang ngồi đối diện Michael DesJardins, cố gắng thuyết phục bản thân rằng chắc chuyện không đến mức tệ vậy đâu.

Anh ta đang chảy nước dãi. Được rồi, cứ cho là vì hôm nay anh ta phải chữa răng đi, nhưng cảnh tượng này đúng là khiến Meredith mất sạch cảm giác ngon miệng. “Vậy thì,” anh ta lắp bắp, “cô làm việc ở phòng thí nghiệm sao? Công việc của cô là gì... cho lũ chuột bạch ăn và làm mấy việc linh tinh khác à?”

“Tôi thực hiện PDG. Chẩn đoán di truyền trước khi cấy phôi.”

“Tôi đang làm dịch vụ cung cấp thức ăn.”

“Ô thế sao?” Meredith khoanh tay quan sát cảnh tượng anh ta trét bơ lên miếng bánh mì và tống vào mồm. May mắn là miếng bánh mì giúp thấm hết mớ nước dãi. “Anh là đầu bếp sao?”

“Nói vậy cũng đúng.”

Cô luôn ấp ú ao ước được một người đàn ông dắt vào một căn hộ ấm cúng với bữa tiệc thịnh soạn đã được bày biện sẵn sàng cho mình. “Thế tôi đoán là ngôi trong nhà hàng thế này cũng giống như đang ở chỗ làm việc với anh nhỉ?”

“Nhà hàng này cao cấp hơn hẳn chỗ làm của tôi, thực ra thì... cô đã bao giờ ghé cửa hàng Wendy's trên Phố Mười Sáu chưa?”

Meredith nhịn câu trả lời xuống khi người phục vụ bưng món khai vị đến gần. Michael bắt đầu cắt miếng bít-tết ra thành từng khối vuông nhỏ. Hành động của anh ta khiến cô nhớ đến bữa cơm hay được phục vụ trong bệnh viện tâm thần.

Cô trải khăn ăn ra, nhìn xuống khúc xúc xích chipolata nằm trên đĩa bột polenta và tự nhủ: May là mình cũng được một bữa ăn ngon.

Michael chia con dao về phía bữa tối của cô và cười cợt. “Nhìn giống như một thằng cha người Đan Mạch đang nấu ăn ở đây.” Rồi một đường nước dài chảy xuống cầm anh ta.

Mình sẽ đứng dậy xin phép đi vệ sinh, Meredith cân nhắc. Và sau đó mình sẽ không thèm quay lại đâu.

Nhưng nếu cô làm vậy, bà ngoại Ruby sẽ cho rằng cô cố ý làm hỏng một cuộc hẹn hò nữa. Vậy nên Meredith bắt đầu nghĩ đến những cách để khiến Michael phải bỏ đi. Cô sẽ hỏi xin bút sáp và vẽ bậy lên tấm khăn trải bàn lồng lẫy này. Cô sẽ dùng món bột polenta để tạo hình gì đó. Cô sẽ liếm đĩa thức ăn của mình và đòi liếm đĩa của anh ta luôn. Cô sẽ giao tiếp theo kiểu ra dấu hoặc nói lái gì đó.

“Tôi hỏi một câu riêng tư được không?” Michael nói. “Cô đang trong kỳ rụng trứng sao?”

“Sao cơ?”

“Chỉ là mấy ngày nay khi nhìn vào gương, tôi thấy Cha mình.” Anh ta nhẹ răng cười và chỉ lên trán mình như thể trên đó có in chữ gì đó.

Lúc đó Meredith ao ước rất nhiều thứ: bà ngoại cô bị bêu đầu trên cọc nhọn, sự kiên nhẫn, xu hướng đồng tính nữ. Cô sực nhớ đến chuyện anh này làm việc từ thiện cho người cao tuổi. Cô nhìn chằm chằm vào đĩa thức ăn của Michael và hỏi. “Anh có ăn cái đó không?”

“Miếng bít-tết này sao?”

“Không, khúc xương ấy. Tôi muốn mang về nhà cho bà ngoại.” Meredith ghé người lại gần. “Bà ấy hơn bảy mươi tuổi rồi, cũng coi như sắp chết, và dùng xương cho bà ấy ăn thì đỡ tốn kém hơn.”

Michael sắc nước. Sau khi hồi phục lại thần trí, anh ta giơ tay ngoắc người phục vụ để tính tiền. “Cô đã dùng xong bữa tối rồi, đúng không?”

Meredith gấp khăn ăn lại đặt trên bàn. “Ồ, vâng.”

• • •

Ethan giờ đã biết cảm giác kinh hãi là như thế nào: đầu óc như bị từ phía dồn ép, mặc dù xung

quanh cậu chẳng hề có gì. Tóc gáy đều lần lượt dựng đứng lên như hiệu ứng ôm-mi-nô đảo ngược. Hai chân lạnh toát, run lẩy bẩy đến mức nó phải ngồi sụp xuống nếu không muốn ngã.

“Cháu không có sợ,” Ethan khăng khăng đến lần thứ một trăm từ lúc hét lên gọi cậu mình vào đêm đó. “Cháu chỉ cảm thấy kỳ quái, cậu hiểu mà đúng không? Bỗng dưng mọi thứ xung quanh tối đen.”

Ross ngồi cạnh cậu nhóc trong phòng khách, máy quay video gắn với tivi. Hình ảnh không rõ ràng và tối om. Lại thêm việc máy quay bị gắn cố định vào giá ba chân nên không có gì đáng xem. Ethan chẳng biết cứ nhìn chằm chằm vào cảnh quay một bức tường suốt ba tiếng đồng hồ thì có gì thú vị. Dù biết rằng đây là một Yếu Tố Cực Kỳ Quan Trọng trong quá trình điều tra hiện tượng tâm linh, nhưng cậu nhóc vẫn không kìm néń được cơn ngáp.

Đó là việc mà cậu Ross đã dạy Ethan: Khi cháu đang ở cùng chỗ với ma, ma sẽ khiến cháu càng lúc càng mệt.

Cậu Ross vẫn luôn điềm tĩnh. Nhưng nói thật thì Ethan phải thừa nhận rằng mình sợ chết khiếp khi đèn pin tắt ngúm và máy quay tự tắt đi. Hóa ra là máy quay đã quay hết băng. Còn đèn thì hết pin.

Lúc này mẹ cậu nhíu mày nhìn vào hình ảnh trên tivi. “Mẹ có bỗn mất chuyện gì không?”

“Chưa đâu.” Ross đáp rồi quay sang Ethan. “Cháu biết cậu nghĩ gì không? Cậu nghĩ là nó ở trong phòng với cháu đó.”

Ethan không kìm được cơn rùng mình. Liệu ma có theo cậu về nhà không? Cậu có mắc phải con ma, như mắc virus sởi hay cúm không? Cậu nhóc cảm thấy mẹ vòng tay ôm mình nên dựa người ra sau, nép vào lòng mẹ. “Cháu... cháu tưởng cậu chạy ra ngoài vì thấy cái gì ở đó.”

“Không, thấy người ta thôi.” Đột nhiên Ross chộp lấy điều khiển và nhấn nút dừng. “Thấy mấy cái kia không?”

“Đom đóm sao?” Shelby đoán.

“Có khi nào chị thấy một đám đom đóm bay vòng vòng như bão tuyết thế này?” Anh tua lại đoạn băng và tăng âm lượng lên để nghe thấy đoạn hội thoại của anh và Ethan. “Đây là lúc cậu ra ngoài,” Ross tường thuật. Trong đoạn phim, tiếng anh bước chân càng lúc càng nhỏ dần. “Thấy không? Mấy đóm sáng đó xuất hiện ngay khi cậu rời đi.”

Sau đó máy quay phim tắt phupy.

Ross vặn vai răng rắc. “Cậu nghĩ có gì đó vào phòng chỗ Ethan đứng khi cậu ra ngoài. Mấy

đốm sáng xuất hiện trên khung hình là một dạng chuyển hóa năng lượng. Và hiện tượng này lý giải vì sao đèn pin tắt ngúm. Ma cần năng lượng để hiện hình và di chuyển xung quanh; hồn ma này sử dụng hết nguồn năng lượng pin trong đèn pin.” Anh lại thấy Ethan ngáp dài. “Và rõ ràng là hút cả sức mạnh khiến Ethan nhũn chân đi không nổi.”

Nhưng Ethan vẫn ở một mình trong phòng và chẳng nhìn thấy gì. Hay là có?

Cái bồn tắm. Một bàn chân, hiện lên phía trên mờ bợt xà phòng.

Cảnh tượng đó thoảng hiện lên trong tâm trí nặng trĩu rồi lại chìm xuống trước khi cậu bé kịp nắm bắt. Đến lúc này, hai mí mắt của Ethan đều muốn sụp xuống. Cậu nhóc nghe giọng mẹ mình trầm trầm như tiếng mạch nước ngầm. “Em định nói gì với công ty nhà đất đây?”

Nhưng Ethan không nghe thấy câu trả lời của cậu mình. Cậu nhóc đang mơ về bờ biển, với bãi cát nóng như dao cắt vào bàn chân nhạy cảm của mình.

Shelby biết có những thủ thư vẫn cho rằng bộ não con người giống như tập vi phim. Những hình ảnh và chữ viết bé xíu in trên tấm vi phim trong suốt, được sắp xếp trang này tiếp trang

kia để độc giả dễ xem. Nhưng mỗi khi nhìn thấy những tập hồ sơ bé xíu, cô thường nghĩ nếu có bộ phận nào được sắp xếp giống vậy thì chắc là trái tim. Cô tưởng tượng ra hình ảnh giải phẫu khi trái tim được xắt thành từng lát mỏng. Lát này lưu lại khoảnh khắc bạn nâng niu con mình; lát kia ghi lại tình cảm dành cho ba mẹ và anh chị em. Lát kia nữa, màu tím, lại in những khoảnh khắc của khát khao; không bao giờ lo thiếu chỗ. Và với những ai may mắn, lát cắt mỏng nhất sẽ chứa đầy kỷ niệm về tình yêu mãnh liệt đến mức khiến người ta thay đổi hoàn toàn và thở dốc, và trong trái tim người tri kỷ cũng có một lát cắt y như vậy.

Desiderate: có nghĩa là mong nhớ.

“Cô có cần giúp gì không?”

Shelby đầy kính lên mũi và quay sang nhìn cô thư ký mặt rỗ hoa làm cho tòa án dân sự. “Không cần đâu, cảm ơn chị. Tôi quen tay lăm rồi.” Để chứng minh, Shelby kéo phần đế của máy vi phim và lật mấy tấm phim để xem sang trang khác.

Chính Ross là người yêu cầu cô giúp đỡ điều tra – và vì cậu em cứ lảng nhằng mãi, cô đành phải đồng ý. Anh muốn biết khu đất này được nhà Pike sở hữu trong bao lâu, và có tài liệu nào chứng minh thổ dân châu Mỹ từng sinh sống ở đó hay không. Shelby đã lái xe đến tòa nhà thị chính

vốn là trụ sở của cục cảnh sát, tòa án quận, văn phòng luật thừa kế và cơ quan hành chính của thị trấn. Cô chỉ tìm hiểu được rằng nhà Pike chỉ nắm quyền sở hữu khu đất từ những năm 30.

Chẳng có hồ sơ nào chứng minh thổ dân châu Mỹ từng định cư ở đó.

Shelby đã chủ động tìm hiểu thêm làm cách nào Spencer Pike có được chứng thư cho khu đất. Ngạc nhiên thay Spencer Pike không hề mua mà là được thừa kế khu đất ấy, từ người vợ quá cố của ông ta.

Shelby chưa từng lập di chúc cho mình. Dù sao của cải của cô cũng chẳng có nhiều như cỡ quý bà Ivana Trump, nhưng nếu lát nữa cô bị đâm xe ngay lúc ra khỏi tòa án thì Ethan cũng chẳng đến mức trắng tay. Tuy nhiên, lý do cô chẳng buồn đến gặp luật sư để lập di chúc chẳng hề liên quan đến lượng tài sản mà là vì người thụ hưởng. Người làm cha mẹ trên thế gian này đều muốn để lại tài sản cho con cái. Nhưng nếu biết chắc mình sẽ sống lâu hơn con mình thì sao đây?

Tôi, phu nhân Spencer T. Pike của thị trấn Comtosook, xác nhận đây là di chúc cuối cùng, và bác bỏ mọi di chúc và tài liệu bổ sung được tôi lập từ trước đây.

Shelby cau mày khi nhìn thấy ngày tháng – di chúc được lập năm 1931. Chữ ký của bà ấy trông mảnh khảnh và rướm rà như con nhện. Bà ấy đã ký tờ di chúc với chữ ký "Bà. Spencer T. Pike" – như thể trước khi kết hôn bà không hề tồn tại. Gạt qua đống ngôn từ pháp lý, mục đích của tờ di chúc hết sức rõ ràng: phu nhân Spencer Pike để lại tất cả mọi thứ cho chồng mình. Gần như tất cả.

Tôi cho và để lại tất cả tài sản cố định, bao gồm nhưng không giới hạn ở đồ nội thất, vật dụng trang trí, đồ trang sức và xe cộ cho chồng tôi, ông Spencer Pike. Tôi cho và để lại bất động sản mà tôi sở hữu nằm tại ngã tư đường Otter Creek Pass và Montgomery tại thị trấn Comtosook, hạt Chittenden, bang Vermont, cho con cái của tôi với ông Spencer Pike, và được quản lý bởi người thi hành di chúc cho đến năm chúng tròn 21 tuổi. Bất động sản trên được sở hữu chung bởi tất cả con cái. Nếu ông Spencer Pike và tôi không có con cái tính đến thời điểm tôi qua đời, tôi cho và để lại bất động sản được nêu trước đó cho chồng tôi, ông Spencer Pike.

Trong bản di chúc của người phụ nữ rộng lượng đó chẳng hề nhắc đến vì sao bà sở hữu khu

đất đó. Chẳng có thông tin gì về chuyện chồng bà đã suy sụp ra sao khi bà qua đời đột ngột; liệu ông ta có bao giờ nhìn đến khu đất bây giờ nằm trong tay mình và thà đánh đổi tất cả đất đai để vợ mình sống lại.

Shelby yêu thích ngôn từ, nhưng cô cũng sớm biết rằng từ ngữ thường mang lại sự thất vọng. Hầu hết những từ ngữ không được viết ra mới nói lên những điều mà người ta cần nhất.

Cô rút tấm vi phim ra khỏi máy, nhét vào trong tấm bìa ngăn bụi, trao nó cho cô thư ký và rời văn phòng luật thừa kế. Nhưng ngay khi cô ra khỏi tòa nhà, một chiếc xe cảnh sát lao vào con đường vòng dẫn đến tòa nhà thị chính rồi dừng lại sát Shelby đến mức tưởng như sắp đâm sầm vào cô. Viên cảnh sát lẩm bẩm xin lỗi nhưng chẳng buồn ngược lên nhìn cô vì anh ta đang vội vàng lao vào cục cảnh sát.

Shelby vẫn còn run rẩy cho đến khi ngồi vào xe, tự hứa rằng cuối tuần này cô sẽ đi lập một bản di chúc.

Eli đến trễ. Anh lao vào đại sảnh và ló đầu vào quầy lễ tân. “Họ đang tìm anh đấy,” anh trung sĩ nhắc.

“Nói với tôi chuyện gì mà tôi không biết ấy. Họ đâu rồi?”

“Trong phòng hội nghị. Với cảnh sát trưởng.”

Lầm bầm, Eli bước dọc hành lang để tìm cảnh sát trưởng Follensbee đang ngồi với hai cậu nhóc choai choai. “À, Thám tử Rochert. Cậu Madigan và cậu Quinn nói rằng anh đặc biệt bảo họ đến gặp anh lúc mười giờ ba mươi để lấy khẩu cung. Và bây giờ là hơn mười một giờ rồi đấy.”

“Tôi xin lỗi, cảnh sát trưởng,” Eli nói một cách cứng nhắc. “Tôi bị, à ừ, kẹt công chuyện.” Thực ra thì anh ngủ quên. Sau một đêm gần như thức trắng, anh chỉ chợp mắt được lúc bình minh. Anh đã mơ về người phụ nữ có mùi hương táo, giống với người phụ nữ mà anh mơ thấy lúc trước. Thế nên anh quên chuông báo thức thì có gì là lạ?

Sau đó, lúc lái xe ngang qua khu đất của nhà Pike, hai cô bé đang chạy xe đạp dừng xe anh lại và nói rằng có một người phụ nữ lang thang dọc phố Montgomery như bị lạc đường. Năm ngoái, một bà già mắc bệnh Alzheimer đã lái xe ra khỏi nhà và bị phát hiện chết trong xe vì giảm nhiệt hai ngày sau đó tại bãi đỗ xe trong siêu thị – chỉ vì lý do đó mà Eli phải quay xe lại chở hai cô nhóc chỉ cho anh. Nhưng người mà hai cô bé thấy đã biến đâu mất, và lúc đó Eli đã muộn hơn hai mươi phút rồi.

Anh ngồi xuống đối diện Jimmy Madigan và Knott Quinn. Hai đứa uể oải ngồi trên ghế trong

trang phục áo thun hình đầu lâu, quần jean xé te tua và mang ủng màu đen. Hai đứa đều bỏ học trung học và giờ đang sống bên lề xã hội. Muốn chúng tự nguyện bước vào cục cảnh sát thì hẳn là vì chúng đã bị dọa một trận chết khiếp. “Vậy hai cậu nói rằng mình thấy cái gì đó trong khu đất nhà Pike?”

“Đúng vậy,” Jimmy xác nhận. “Ba đêm trước. Hai đứa bọn cháu thử đi đến đấy, chú biết đấy, vì những chuyện mà người ta đồn đại ở đó. Và đó là lúc chúng cháu thấy cái đó.”

“Cái đó?”

Jimmy nhìn qua bạn mình. “Hai chúng cháu đều thấy nó. Nó giống như cao hơn hai đứa chúng cháu. Và nó còn có răng nanh...”

“Mấy cái răng lận,” Knott phụ họa. “Răng sắc nhọn như dao găm ấy.”

“Vậy sinh vật đó có nói chuyện với hai đứa không?”

Hai cậu nhóc liếc nhau. “Đúng vậy, kỳ quái là ở chỗ đó. Trông nó như sắp giết hai đứa chúng cháu. Nhưng khi nó mở miệng ra thì lại òa khóc như trẻ con.”

“Khóc? Có chảy nước mắt không?”

Knott lắc đầu. “Không, nó rên rỉ. Oa, oa.”

“Và sau đó nó biến mất,” Jimmy thêm vào. “Như một làn khói.”

“Khói,” Eli lặp lại. “Khói. Thú vị nhỉ.”

“Này, cháu biết chú cho là bọn cháu dựng chuyện, nhưng không phải vậy. Knott và cháu đều thấy nó. Vậy cũng đáng tin chứ.”

“Ồ, chú tin là bọn cháu thấy nó. Nói về chuyện bắt gặp mấy thứ lạ lùng, hai đứa thấy cái này bao giờ chưa?” Eli lôi từ trong túi áo trước ngực ra một túi khóa zip có vài cây nấm héo queo.

Gương mặt Knott trắng bệch. “Ừ, nấm truffle à?”

“Ồ, lại còn nấm truffle nữa ha,” Eli nói. “Nhà cháu trông thứ này hả Knott? Vì một trong những khách hàng của Jimmy lại nói khác đấy?”

“Cái quái gì thế? Cháu chả hiểu chú đang nói gì,” Jimmy gào lên.

“Tốt.” Eli quăng hai tờ giấy lên bàn. “Vậy thì chắc bọn cháu sẽ không phiền để chúng tôi lục soát phòng hai đứa rồi. Vì nếu chúng tôi không tìm thấy gì, cháu sẽ không cáo buộc hai đứa vì tội danh sở hữu chất kích thích với mục đích tiêu thụ.” Anh nghiêng người ra trước, khoanh tay lại. “Khu đất nhà Pike có thể có ma, cũng có thể không. Nhưng sử dụng chất kích thích trước khi đi tìm hiểu có thể khiến thần hồn nát thần tính đấy.”

Đêm nay, Ross có mang theo dụng cụ đầy đủ – không chỉ có máy quay phim thường mà còn có

máy quay phim kỹ thuật số và máy tầm nhiệt – đều được đặt hàng qua Internet với thẻ tín dụng của Shelby. Ross chưa hề nói với Shelby về chuyện này. Ethan lẽ ra phải nhảy lên hào hứng vì mớ dụng cụ này, nhưng cậu nhóc phải ở nhà – sự khoan nhượng của Shelby đã đến mức giới hạn. Lúc này mới hơn mười một giờ, khoảng nửa tiếng trước khi hồn ma xuất hiện trước mặt Ethan lần trước. Ross ngồi khoanh chân chờ đợi. Anh chỉ muốn gặp may như cháu mình lần trước.

Anh xếp dụng cụ trên khoảng đất trống phía sau nhà, nơi có tầm nhìn bao quát sân sau. Rod van Vleet đã cho tháo dỡ xong một nửa căn nhà. Điều này có nghĩa là hồn ma sẽ đi đến chỗ khác – và khu đất này rộng đến mười chín mẫu Anh. Ross tự nhủ với mình rằng việc anh đứng đúng tại địa điểm gặp Lia Beaumont mấy đêm trước chỉ là sự tình cờ.

Ross đang lắng nghe bản hòa tấu của lũ dế cùng tiếng gọi tình của đám ếch. Vài ngôi sao lấp lánh, trăng tỏa sáng phía sau lưng anh. Anh không biết khi nghe thấy tiếng bước chân vào đêm đó là lúc mấy giờ. Anh liếc nhìn qua máy tầm nhiệt, nhưng nhiệt độ chưa hề hạ xuống đủ để kết luận rằng ma đã đến. Nhưng ngay sau đó một hình bóng lọt vào tầm mắt anh, tim anh đập rộn ràng.

Ông bảo vệ mò đá lúc này không mặc đồng

phục, nhưng Ross nhận ra ông ta ngay lập tức; chẳng có bao nhiêu người thổ dân sống quanh thị trấn Comtosook. Ông ta đang cầm trên tay thứ gì đó giống như một đóa hoa hồng trắng. “Lại là anh?” Az lén tiếng, khẽ cau mày.

Ross nhún vai. “Tôi thường đi theo những gì hồn ma dẫn dắt.”

Ông thổ dân khịt mũi. “Vậy thì lần này anh đang làm việc cho bọn đĩa hút máu ấy à.”

“Tôi làm việc với tư cách cá nhân,” Ross đính chính. “Bọn họ còn chẳng trả cho tôi dù chỉ một đồng xu lẻ.”

Ông già tỏ vẻ khâm phục, mặc dù vẫn ra vẻ cau có. “Anh lại đi tìm hồn ma sao?”

“Vâng.”

“Anh sẽ làm gì nếu gặp phải ma?”

“Ma? Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ tìm được.”

“Anh nghĩ mấy tay nhà đất này có kế hoạch gì nào?”

Ross tưởng tượng ra ông van Vleet. “Tôi cho là họ sẽ muốn tôi tống khứ nó.”

Miệng Az thoảng co rút. “À vâng, gom bọn họ lại rồi ném họ vào trong kho kín à. Anh chuyển họ đi đủ xa thì cũng dễ tin là họ chưa bao giờ tồn tại ở đây nhỉ. Mấy kẻ định cư trái phép đúng không, bọn họ chả là cái thá gì, đúng vậy không?”

Ross không trả lời. Anh không chắc ông già có chờ anh trả lời hay không, và anh cũng ngại rằng dù mình có nói gì thì cũng là nói sai. “Ông sống ở gần đây sao?” anh cố tình chuyển chủ đề.

Az chỉ đến bãi cắm trại khuất xa bên kia đường. “Thỉnh thoảng tôi vẫn đến đây vào ban đêm. Già rồi nên chẳng ngủ được mấy,” ông ta đáp khô khốc. “Vì sao phải phí thời gian cho một việc mà chẳng bao lâu nữa tôi sẽ phải làm vĩnh viễn?” Az bắt đầu rời đi. Khi đến rìa bãi đất trống, ông quay lại và nói. “Nếu anh tìm thấy ma, anh phải biết là anh sẽ không tổng khứ được nó đâu. Bất kể là thằng cha Rod van Vleet muốn gì đi nữa.”

Ross nhún vai. “Đó là một giả thiết táo bạo đấy.”

“Không hẵn đâu. Anh bị hồn ma vây quanh suốt cả đời mình. Anh chỉ không biết mình đang nhìn thấy gì thôi,” Az phản bác. “Tạm biệt, cậu Wakeman.”

Ông ta biến mất ngay phía trước căn nhà, và gió nổi lên. Ross co mình vào áo khoác. Anh cứ nuốt nước miếng liên tục, nhưng lại không loại bỏ được hương vị của sự thất vọng trên đầu lưỡi. Anh tự nhủ đó là vì Az đã đến ngay lúc anh đang mong được gặp ma. Rằng chuyện chẳng hề liên quan đến việc Az đã đến, trong khi Ross lại mong được gặp Lia.

“Tôi chịu hết nổi rồi!” cô y tá òa khóc, làm đổ cả khay thuốc. “Tôi không cần phải chịu đựng bệnh nhân đối xử thế này nữa!”

Spencer Pike ngồi trên xe lăn dõi mắt quan sát, hai tay ông đặt trên đùi. Khi nào cần thiết, ông vẫn biết cách ra vẻ ngó ngắn đúng lúc. Ông nhìn chằm chằm vào vở kịch trên tivi, tỏ vẻ hứng thú khi bà quản lý chạy đến.

Bà ta có khổ người to cao với mái tóc nhuộm màu quả mơ. Spencer vẫn thầm gọi bà ta là mụ Thô Lỗ. “Có vấn đề gì sao Millicent?”

“Đúng vậy, có vấn đề,” cô ý tá trẻ tuổi nỗi đóa lên. “Ông Pike lúc nào cũng nói những câu xúc phạm.”

Ratchet thở dài. “Lần này ông ấy nói gì?”

Môi dưới của Millicent mấp máy. “Ông ta bảo... ông ta bảo tôi là một đứa ngu.”

“Thú lỗi cho tôi được phép cắt ngang, tôi không hề nói vậy.” Spencer quay sang y tá Ratchet. “Tôi bảo là cô ta xuất thân từ một gia đình đần độn. Không phải là ngu ngốc. Có sự khác biệt, dù chỉ là nhỏ thôi.”

“Bà thấy chưa?” Millicent gắt gỏng.

“Tôi chỉ thắc mắc là có phải cô ấy có liên quan đến gia đình họ Cartwrights ở vùng Swanton. Ai chả biết gần một nửa người của gia đình đó lớn

lên trong trung tâm dành cho người thiểu năng của chính phủ.” Ông vẫn còn lịch sự nói tránh, mặc dù nếu xét trên số lần Millicent nhầm ông với một bệnh nhân ngoại trú khác, thì cô ta đúng là có di truyền từ dòng họ.

Millicent cởi áo cotton đồng phục của nhân viên viện dưỡng lão ra. “Tôi nghỉ việc,” Millicent tuyên bố rồi bỏ ra ngoài, gót giày nghiến nát mấy viên thuốc, tạo thành vệt màu cầu vồng theo bước chân cô.

“Ông Pike,” mụ Thô Lỗ nói, “chuyện này không hay ho gì đâu.”

Spencer nhún vai. Người ta chẳng bao giờ muốn đối mặt với lỗi lầm của chính mình. Ông phải biết chứ.

Trong văn phòng Bác sĩ Calloway, Meredith có cảm giác mình giống như người khổng lồ giữa đám bàn ghế tí hon, ngôi nhà đồ chơi bánh gừng với cầu trượt gỗ, cô càng không thể cầm mẩy cây chì sáp nhỏ xíu mà tó vẽ. Nhưng Lucy thì lại hoàn toàn phù hợp với nơi này. Trong phòng bên kia, ngoài tầm nghe, cô bé nằm úp mặt vào một con ếch nhồi bông to tướng, mặc đồ y như đám búp bê Barbie gây nhom.

“Chúng ảo tưởng chỉ ảnh hưởng đến thị giác rất hiếm gặp,” bác sĩ tâm lý giải thích. “Thường

thì những biểu hiện của bệnh tâm lý liên quan đến ảo giác về âm thanh, hoặc là hành vi kích động.” Bác sĩ Calloway liếc mắt qua Lucy đang yên lặng vui chơi. “Cô có thấy tính cách cô bé thay đổi đột ngột không?”

“Không có.”

“Bạo lực? Giả vờ?” Meredith lắc đầu. “Vậy còn thói quen ăn ngủ thì sao?”

Lucy rất biếng ăn nên trông còi cọc. Meredith vẫn hay nói đùa rằng con gái cô quang hợp chứ không màng ăn uống. Còn chuyện ngủ thì cô bé chưa bao giờ ngủ tròn giấc suốt một đêm từ nhiều năm rồi. “Con bé ngủ không yên,” Meredith thừa nhận. “Lucy vẫn hay tưởng tượng quá nhiều. Con bé thường để đèn sáng để ngủ, và vẫn hay sợ hãi về những thứ núp trong tủ quần áo hay dưới giường. Khi nào cháu mệt quá mới thiếp đi.”

“Có thể Lucy đang trải qua những triệu chứng lo âu mà bất kỳ đứa trẻ tám tuổi nào cũng gặp phải.” Bác sĩ Holloway lý giải. “Nhưng nói lại thì cũng có thể cô bé quả có thấy thứ gì đó trong tủ quần áo và dưới giường.”

Meredith nuốt nước miếng. Con gái cô không thể nào bị tâm thần, không thể nào. Không phải Lucy, cô bé luôn nhảy chân sáo thay vì đi bộ; đọc sách cho đám thú nhồi bông; vừa học được hết các

từ trong bài “Miss Mary Mack”. Trong thâm tâm, Meredith nghĩ đến một sự thật bỗng rát: Trước đây cô đã từng không muốn giữ lại con gái mình, vậy đây là sự trùng phạt dành cho cô.

“Tôi nên làm gì?” cô dò hỏi.

“Chỉ cần nhớ rằng tám tuổi là lứa tuổi còn tin ông già Noel, những người bạn trong tưởng tượng và trò chơi sắm vai. Trẻ con trong độ tuổi của Lucy đang bắt đầu phân chia rạch rời giữa tưởng tượng và hiện thực – và rất có khả năng những gì cô bé nhìn thấy chỉ là một phần của quá trình đó thôi.”

“Nhưng nếu nó cứ tái diễn thì sao?”

“Vậy thì tôi đề nghị Lucy nên uống một liều Risperdal nhẹ, thử xem có hiệu quả hay không. Hãy chờ xem thế nào.”

“Được rồi.” Meredith lặng nhìn Lucy đang tết tóc cho búp bê. “Được thôi.”

• • •

Ross không hề thấy đói bụng, vậy nên anh chẳng hiểu vì sao mình lại mò đến quán ăn trong thị trấn, vốn lâu đời như lịch sử của Comtosook và dai dẳng truyền đời như bệnh dịch giữa các đời chủ quán béo phệ bèo nhèo, luôn tin rằng dầu mỡ là thứ gia vị thượng hạng. Dù vậy, xem chừng

việc làm ăn vẫn khá: khi Ross đến nơi, tất cả mọi chỗ ngồi, kể cả quầy đều đã đầy khách. Đúng dựa lưng vào bức tường kính chờ đến lượt, anh lôi gói thuốc lá ra. “Xin thứ lỗi,” cô phục vụ nhắc nhở ngay lúc anh tính mồi lửa, “quán này không thuốc lá.”

Đúng là nực cười khi một quán ăn có thực đơn đầy những món khiến người ta có cơ nhồi máu cơ tim sớm lại có quy định đạo đức giả như thế, nhưng Ross vẫn đút gói thuốc Merits vào túi. “Tôi sẽ quay lại sau,” anh nói với cô phục vụ. “Cô giúp tôi giữ một bàn được không?”

“Còn tùy.” Cô mỉm cười. “Anh sẽ để dành cho tôi một điếu thuốc chứ?”

Năm phút sau, anh dựa vào thùng rác sau quán và châm lửa, nuốt làn khói thuốc uốn lượn như dấu hỏi. Anh lé mắt nhìn vào đầu thuốc đang cháy.

Lẽ ra anh nên mang theo áo khoác – ở đây chắc phải lạnh đến mươi độ. Nhiệt độ lên xuống thất thường kiểu này như đã thành quen trong thị trấn, và cư dân ở đây cũng đã thay đổi thái độ – thay vì sợ hãi những hiện tượng kỳ quái, họ bắt đầu lôi đám ủng mùa đông và găng tay ra đặt ngay bên cạnh khăn đi tắm biển, kem bôi rám da vì tùy thời tiết mà có thể cần dùng đến cả hai. Ross thậm nghĩ đức tính hay ho nhất của dân New England là khi đã phàn nàn chán rồi, họ sẽ nuốt số phận

như một liều thuốc – không ngon lành gì nhưng nuốt được và rồi sẽ mạnh mẽ hơn. Ross dựa vai mình lên thành thùng rác kim loại tối màu, cố gắng hướng chút hơi ấm còn tích lại. Khẽ vặn cổ, anh quẳng đi điều thuốc hút dở.

“Anh còn chưa hút xong mà.”

Anh quay lại. “Lia.”

Ross lẽ ra phải biết cô ấy đang đứng sau mà không cần cô ấy lên tiếng; mùi hoa thơm thoang thoảng trong không khí. Cô nghiền tắt đầu thuốc cháy dưới đế giày, mấy ngón tay vung vẩy. Cô ấy vẫn mặc một chiếc đầm chấm bi nhưng hôm nay phối với áo khoác cardigan đính cườm, cứ như cảm thấy xấu hổ nếu mặc đúng một bộ trang phục và muốn làm nó trông mới mẻ hơn.

“Tôi vẫn luôn tìm anh đấy,” Lia nói.

Lời nói của cô ấy chẳng phù hợp với dáng điệu sẵn sàng chạy trốn bất kỳ lúc nào. Cô gợi cảm giác tuyệt vọng, gò bó sao đó, khiến Ross cảm thấy rất thân quen. “Tôi cũng luôn tìm cô mãi.” Khi nói xong, anh mới nhận ra câu nói đó chân thực như thế nào. Anh vẫn luôn tìm kiếm Lia trong hình ảnh phản chiếu qua ô kính cửa sổ, nhìn qua cửa xe ô tô đỗ sát xe anh lúc chờ đèn giao thông hay liếc mắt vào dòng người xếp hàng tại hiệu thuốc.

“Anh tìm thấy hồn ma của mình chưa?”

“Không phải hồn ma *của tôi*,” Ross đính chính.

“Một hồn ma xa lạ thôi.” Anh lấy lại tinh táo và mỉm cười. “Vì sao cô lại muốn tìm tôi?”

Lia nói liền thoảng. “Bởi vì... tôi chưa kể với anh rằng vào đêm đó... tôi cũng đi tìm ma.”

“Cô cũng vậy sao?” Câu trả lời thảng thắn và bất ngờ của cô ấy khiến Ross phải ngạc nhiên vì hầu hết những người tin vào hiện tượng siêu nhiên đều thừa nhận chuyện này một cách rất miễn cưỡng.

“So với anh thì tôi chắc vẫn còn nghiệp dư lắm.”

“Cô tìm thấy được gì không?” Ross thắc mắc.

Cô ấy lắc đầu. “Đã có người nào tìm thấy chưa?”

“Chắc là có rồi. Ý tôi là ngoại trừ những bức ảnh về hồn ma và mấy bà đồng cốt, đã có nhiều nghiên cứu được thực hiện bởi Đại học Princeton, Đại học Edinburgh. Ngay cả CIA cũng từng nghiên cứu về khả năng ngoại cảm và thần giao cách cảm.”

“CIA sao?”

“Đúng vậy,” Ross cam đoan. “Chính phủ còn kết luận rằng con người có thể nhận thông tin mà không cần thông qua năm giác quan.”

“Đó đâu phải là bằng chứng cuộc sống sau cái chết.”

“Đúng thế, nhưng nó cho thấy rằng ý thức còn

vượt trên những gì hữu hình. Có lẽ thấy được hồn ma chỉ là một hình thức khác của khả năng nhìn thấy những vật vô hình. Có lẽ ma không thực sự là vật chết, mà là vật sống trong quá khứ, và..." Giọng Ross lạc đi. "Xin lỗi. Chỉ là... hầu như ai cũng cho rằng việc tôi làm là điên khùng."

"Tôi cũng thường bị như vậy." Lia cười nhẹ. "Và đừng nên xin lỗi. Tôi chưa bao giờ gặp một nhà khoa học nào mà không tỏ ra hào hứng về công trình nghiên cứu của họ."

Một nhà khoa học. Ross đã bao giờ được gọi như thế chưa nhỉ? Cách gọi này khiến lòng anh nở hoa vì cảm giác hân diện, thành công và kinh ngạc nữa. Biết chắc dù mình có làm gì cũng sẽ phá hỏng khoảnh khắc này, anh rút ra bao thuốc lá để cố kéo dài thời gian, và mời Lia một điếu. Bàn tay cô đưa lên khẽ khàng như chú chim ruồi, sau đó lại rụt ra sau lưng. Tuy nhiên, chỉ thế thôi cũng đủ để Ross kịp thấy chiếc nhẫn vàng cô đang đeo.

Và vậy là thế giới của anh lại một lần nữa vỡ tan tành.

"Anh ta không biết được đâu," Ross trấn an.

Lia nhìn chằm chằm vào anh. Rồi cô rút một điếu thuốc và để Ross mỗi lửa cho mình. Dáng điệu cô hút thuốc trông như đang nuốt xuống một bí mật – có vẻ là một kho tàng cần được cất

giấu. Đôi mắt cô khẽ nhắm; cầm ngược lên để lộ đường nét trên cổ.

Vào giây phút đó, việc cô là vợ của ai đó, việc cô cứ ngoài nhìn ra sau, hay chuyện những giây phút Ross được ở bên cô ấy chỉ là tạm bợ, thì cũng chẳng quan trọng mấy nữa. Đây có lẽ là khởi đầu của một sai lầm, nhưng Ross không dành lòng để cô ấy rời đi. Anh lên tiếng mời, “Để tôi mời cô ly cà phê nhé.”

Cô ấy lắc đầu. “Tôi không thể...”

“Không ai biết đâu mà lo.”

“Mọi người đều đến dự tiệc tối nay. Nếu anh ấy biết tôi đang ở cùng với anh...”

“Vậy thì sao? Cô cứ nói với anh ta sự thật. Chúng ta là bạn bè, đang thảo luận về chuyện ma thôi mà.”

Có vẻ nói sai rồi. Gương mặt Lia tái nhợt đi trông thấy, và Ross lại chứng kiến sự mỏng manh yếu đuối của cô lần nữa. “Tôi không có bạn bè,” cô lí nhí đáp.

Không có bạn bè. Và cô không được phép uống cà phê cùng bạn, cô phải lén ra khỏi nhà lúc đêm khuya thanh vắng. Ross không tài nào tưởng tượng nổi hình ảnh một thằng cha tàn bạo đang áp chế Lia hoàn toàn. Ở thời đại này, có ông chồng nào còn làm chuyện đó? Có người phụ nữ nào lại

ít nghĩ cho bản thân mình đến mức để chuyện đó xảy ra? “Nếu tôi dùng túi giấy chụp lên đầu cô ngụy trang rồi bảo với mọi người rằng cô mắc bệnh phong thì sao?”

Cô cố nặn ra một nụ cười. “Tôi không thể uống cà phê qua túi giấy được.”

“Tôi sẽ lấy ống hút.” Nhìn đầu gối cô đung đưa nhẹ nhè Ross biết Lia đang mềm lòng. “Một ly thôi mà,” Ross nài nỉ.

“Được rồi,” cô chấp nhận. “Một ly thôi nhé.” Cô rít một hơi thuốc dài, cổ họng như rút lại khi ánh mắt cô dán lên người anh. “Chúng ta đã từng gặp nhau chưa?”

“Hai đêm trước.”

“Ý tôi là trước đó nữa kia.”

Ross lắc đầu. “Tôi không nghĩ vậy,” anh đáp lại nhưng lại cảm giác như mình biết cô ấy từ rất lâu rồi. Hay ít ra là anh muốn thế. Liệu có gì khác biệt chứ?

Anh muốn hỏi vì sao cô lại sợ chồng mình đến vậy. Anh muốn hỏi vì sao cô lại tham gia bữa tiệc tối nay, ngay đúng lúc Ross đến nơi. Nhưng anh lo rằng nếu mình nói gì không phải, cô sẽ biến mất như làn khói thuốc phảng phất giữa hai người.

“Thực sự anh có cho rằng ở đây có ma không?” Lia thắc mắc.

“Ở mảnh đất nhà Pike sao? Có thể đấy. Nếu đó đúng là nghĩa trang của thổ dân da đỏ.”

“Nghĩa trang của thổ dân da đỏ sao?” Lia có vẻ giật mình vì giả thiết này. “Tôi không nghĩ thế.”

“Cô có biết gì nhiều về vùng này không?”

“Tôi từ nhỏ đến giờ sống ở đây mà.”

“Vậy thì có gì chứng minh khu đất đó đã từng là nơi người da đỏ định cư không?”

“Người nào nói với anh điều đó chắc chắn là đang dựng chuyện.”

Ross cân nhắc. Cũng có thể vậy lăm chứ.

“Nhưng hồn ma người thổ dân này... đó không phải là hồn ma đầu tiên mà anh gặp nhỉ,” Lia nói.

“Nó sẽ là hồn ma đầu tiên, nếu nó hiện hình.”

“Không, ý tôi là, đây không phải là hồn ma mà anh muốn tìm kiếm.” Cô cúi đầu xuống, mái tóc lòa xòa che khuất gương mặt. Đường ngôi trên tóc cô bị lệch cù như bàn tay cầm lược chải tóc tới đoạn ấy hơi chêch đi. “Mẹ tôi mất khi tôi vừa sinh ra. Bà ấy là người tôi muốn tìm.”

Anh hiểu ra việc Lia tin vào hiện tượng tâm linh không phải vì tư tưởng cởi mở mà là vì quá tuyệt vọng. Anh soi thấy chính nỗi đau của mình nơi cô.

Lia duỗi tay ra và xắn tay áo khoác lên, để lộ vài đường sẹo chằng chịt trên da thịt. “Thỉnh thoảng

tôi phải tự hành xác,” cô thú nhận, “vì tôi biết chắc mình sẽ không cảm thấy đau đớn.”

Đã lâu lăm rồi mới có người hiểu cảm giác đó. “Hồn ma của tôi,” Ross thốt lộ bằng giọng nói nghẹn ngào như của ai khác. “Tên là Aimee.”

Một khi bắt đầu, anh không thể ngừng lại. Anh kể về những điều khiến mình yêu Aimee – những điều bình dị như nụ cười rạng rỡ, chỗ da trên cùi chỏ lúc nào cũng ram ráp, hay cách cô không tài nào phát âm được chuẩn một từ nào đó. Anh chỉ lướt nhanh qua vụ tai nạn, không dám kể chi tiết vì sợ rằng trái tim mình lại vỡ tan tành. Anh chia sẻ cảm giác khi nhận ra có những lỗi lầm không sao tẩy được. Anh cứ nói mãi đến khi cổ họng bỗng rát và nỗi đau buồn chồng chất dưới chân Lia như vật hiến tế.

Khi anh nói xong, cô khóc. “Anh có tin rằng mình có thể yêu ai đó thật nhiều, rất rất nhiều, bất chấp cách biệt giữa hai thế giới?”

Câu hỏi quặn cả lòng; từ nỗi đau của mình, Ross thấu hiểu câu hỏi ấy. “Làm sao tôi có thể không tin được?”

Cô xoay người. “Tôi phải đi đây.” Ross vô thức vươn tay về phía cô, và Lia lập tức lùi phắt ra sau gần như phản xạ.

“Lia, nói cho tôi biết anh ta đã làm gì với cô.”

“Anh ta yêu tôi,” cô thì thầm khe khẽ. “Anh ta yêu một người phụ nữ không hề tồn tại.”

Ross đã nghĩ đến việc bạo hành nhưng rõ ràng chuyện này không phải vậy. Làm sao bạn có thể yêu một người nhiều đến mức khiến người đó tồn thương, dù không hề cố ý?

Lia phủi phủi tay áo, nước mắt trên đầu ngón tay cô để lại vết ẩm trên vải. “Khi anh tìm được Aimee,” cô nói khẽ, “hãy nói cho cô ấy biết cô ấy may mắn đến nhường nào.”

Khi Ross ngẩng đầu lên, cô đang bước đi xa dần. Bao nhiêu câu hỏi cồn cào trong lòng anh: Lê nào Lia đã làm ra chuyện gì khiến cô ấy cảm thấy mình chẳng đáng giá gì đối với tình yêu của chồng? Và nếu Lia yêu chồng, vì sao cô ấy trông đầy đau khổ?

Ross không cố ý khiến cô ấy buồn. Anh chỉ muốn cô hiểu rằng cô ấy không hề đơn độc. “Lia,” anh lớn tiếng gọi, vội vàng đuổi theo nhưng cô ấy chỉ ngoái đầu lại nhìn rồi lại rảo bước thật nhanh. Tàn thuốc lá ánh lên bên vệ đường.

“Này.” Cô phục vụ mà anh trò chuyện lúc trước ló đầu ra cửa sau. “Anh vẫn còn tìm bàn chứ?”

Ross theo cô ta vào bên trong. Anh được đưa đến một chỗ ngồi còn chưa hề được dọn dẹp. Ngay khi bước vào quán, anh tuôn cho cô ta một điều thuốc như đã hứa.

Cô ta cười rộ lên, nhét điếu thuốc vào trong tay áo rồi lau bàn. “Hôm nay anh đi một mình sao?”

Anh liếc nhìn ra phía cửa sổ. “Vâng, tôi cho là vậy.”

Phía đối diện, cô phục vụ moi đồng tiền boa ra. Cô nhét vào túi mấy tờ tiền giấy và vài đồng hai mươi lăm xu, hừ mũi khinh khỉnh trước đồng xu lẻ còn lại. “Bực cả mình, mấy người kia lúc nào cũng cho tôi là ống heo tiết kiệm” cô lầm bầm. “Làm như tôi muốn bỏ túi đám xu lẻ này hơn họ đấy.”

“Một trăm đồng như thế đủ để cô mua một cốc cà phê đấy.”

Chiếc tạp dề của cô ta kêu lên leng keng. “Kèm thêm chứng thoát vị lưng hả.” Cô ta tung đồng xu về phía Ross. “Mặt ngửa. Anh giữ lấy nó đi, may mắn đấy.”

Khi cô ta rời đi để lấy thêm dao nĩa và cà phê, Ross nhặt đồng xu lên. Anh tung đồng xu, bắt lấy rồi lại xoay xoay chơi đùa với nó. Phải đến lúc đồng xu rớt xuống, lật mặt ngửa lần nữa thì Ross mới nhận ra đồng xu này đúc năm 1932.

Chiều hôm ấy, Ross lật lại trong đầu những gì mình biết về Lia:

Mỗi lần gặp phải anh là cô ấy lại cực kỳ thẹn thùng. Cô ấy thích thú với những hiện tượng tâm linh nhưng lại cứ sợ bóng sợ gió. Với cô ấy, tự

do chỉ đến cùng đêm tối. Cô ấy kết hôn với một người đàn ông luôn muốn giữ cô ấy trong lồng.

À, thêm vào đó, trái tim cô ấy đã từng tan vỡ. Cô ấy giấu kín chuyện này rất tốt, nhưng từ kinh nghiệm của bản thân, Ross biết một khi người ta ráp lại từ từng mảnh vỡ, thì dù nhìn bể ngoài có nguyên lành đến đâu cũng không bao giờ như trước.

Ross tua nhanh đoạn phim quay được vài đêm trước, tua đi tua lại đoạn đối thoại giữa mình và ông già Az Thompson. Vấn đề là ở chỗ anh quan tâm đến bí mật của Lia Beaumont hơn là chuyện khu đất đó có bị ma ám hay không.

Anh vẫn chưa mời được nàng ly cà phê.

Ross cọ cầm mình vào góc cạnh của chiếc điều khiển từ xa. Chẳng có cái quái gì trong đoạn phim. Anh biết nói gì với Rod van Vleet bây giờ?

Điện thoại đột nhiên reo lên, khiến anh sực tỉnh. Anh chộp lấy điện thoại trước khi Shelby và Ethan thức giấc. “Xin chào?”

Chẳng có ai ở đầu dây bên kia, nhưng điện thoại vẫn kết nối. Ross cảm nhận được có người ẩn sau sự im lặng đó. Anh kẹp điện thoại ở cổ và lầm bầm: “Lia phải không?”

Đúng là cô ấy; anh dám cá với tất cả tài sản của mình rằng chính là cô ấy. Cô ấy có thể không gấp

được anh nhưng cô ấy biết tìm anh ở đâu. Đây là cách cô ấy nói cho anh biết.

Ross không định cúp máy. Anh ngủ thiếp đi với điện thoại kẹp ở cổ. Đó là một giấc ngủ thật ngon sau mấy ngày trời. Anh thiếp đi, nhận ra rằng mình mệt rã rời mà không biết.

Mấy ngàn năm về trước, bộ tộc Abenaki đã phủ rộng từ phía tây bắc của bang Vermont đến phía đông nam, đến tận miền tây bang Massachusetts, trải dài sang mấy tỉnh của bang New Hampshire và xa đến tận Quebec. Họ gọi vùng đất là *Nd'akina*, nghĩa là Vùng Đất Của Chúng Ta. Tên của bộ tộc, *Abenaki*, nghĩa là Bộ tộc của Bình Minh. Họ tự gọi mình là *Alnobak*, nghĩa là Con Người. Đã từng có thời điểm cư dân của bộ tộc lên đến con số bốn mươi ngàn người.

Cả bộ tộc phụ thuộc vào nông nghiệp, làng mạc đều tập trung ở những đồng bằng ven sông. Việc săn bắt và đánh cá cung cấp thêm nguồn dinh dưỡng cho bộ tộc. Phân lớn thời gian trong năm, người của bộ tộc sống tản mác theo gia tộc, nhưng mỗi mùa hè, tất cả quây quần gần nhau. Họ không hề có chính quyền trung ương, nên những lúc chiến tranh, bộ tộc Abenaki có thể bỏ làng mạc, phân tán thành từng nhóm nhỏ rồi lại tụ họp lại ở đâu đó thật xa để tổ chức phản công.

Trong thời chiến, cả bộ tộc có thể tháo chạy đến tận Quebec, khiến thực dân vùng New England lầm tưởng họ chính là người da đỏ ở Canada. Tính đến năm 2001, có khoảng 2,500 người Abenaki định cư tại bang Vermont.

Sau khi thử đến sáu trang tìm kiếm khác nhau trên Internet và lật tung từng quyển sách tư liệu lịch sử tại Thư Viện công cộng Comtosook, Ross vẫn chưa tìm ra thông tin về chyện liệu có người da đỏ nào từng sống ở khu đất nhà Pike.

Anh bực bội gục đầu trên bàn. Shelby tiến lại, xoa bóp vai cho em trai. “Tìm được gì không?”

“Này là công việc chị làm hàng ngày để sống đó hả?” Ross thở dài.

“Chắc là em chẳng tìm thấy gì rồi.” Cô ngồi xuống ghế bên cạnh, liếc nhanh qua chỗ bàn để tài liệu tham khảo để chắc là Ethan vẫn ngồi đó mải mê với trò Game Boy. Cô an ủi, “Vermont không phải là thư viện nổi tiếng với việc lưu trữ tài liệu chính xác. Hầu hết tư liệu nằm mốc meo trên sàn văn phòng thư ký thị trấn, mặc dù đống tài liệu đó chính là lịch sử định cư của người Anh trên châu lục này. Rõ ràng là từ hơn một ngàn năm trước, thổ dân châu Mỹ không hề nhận thấy hồ sơ công chứng nhà đất quan trọng như thế nào.”

“Đúng vậy, và giờ thì xem suy nghĩ đó đã dẫn họ đến đâu.”

“Em sẽ bỏ cuộc sao?”

“Không hề.” Anh liếc mắt lên màn hình sáng lóa kêu rì rì. “Em sẽ cố tìm hiểu thêm về mấy gã chủ đất người Anh kia. Xem thử nhật ký của mấy người đó có nhắc gì đến việc thổ dân châu Mỹ định cư ở đây hay không?”

“Thôi tùy em. Chị sẽ đưa Ethan về nhà.”

Ross nhìn chị gái mình tán gẫu với cô thủ thư mới đến thay ca ở đằng xa, rồi chị đeo túi xách lên vai, đặt tay lên đầu Ethan trong khi vẫn đang nói chuyện, tự nhiên như bản năng.

“Shel,” anh gào lên khi chị Shelby ra đến cửa và vẫy tay tạm biệt cậu em. “Chị từng nghe đến tên ai có họ là Beaumont chưa?”

“Có phải là họ của một trong những người Anh định cư ở đây không?”

“Không phải.” Tay Ross như tự động lướt trên bàn phím. Trang tìm kiếm mà anh đang mở chẵng hề liên quan đến tư liệu lịch sử. Nó chỉ là một hệ thống danh bạ của thị trấn Comtosook.

Cô thủ thư vừa đến thay ca nhìn chằm chằm về phía anh qua cặp kính dày cộp. “Có một thư viện sinh học tại Đại học Vermont được đặt theo tên ông Beaumont nào đó. Thinh thoảng chúng tôi có mượn sách từ thư viện đó.”

“Chị rất tiếc Ross à,” Shelby lắc đầu. “Chị không nhớ nổi.”

Cô đẩy Ethan ra khỏi cửa trong khi Ross nhập tên vào máy tính.

BEAUMONT, ABEL. Số 33 đường Casteton.

*BEAUMONT, C. Đường Nông thôn số 2
hòm thư 358.*

BEAUMONT, W. Số 569 đường West Oren.

Anh chẳng tìm thấy tên Lia từ danh sách được liệt kê; chồng cô ấy chắc không phải dạng người để cô ấy đứng tên chủ hộ. Chẳng thể nào tìm được người tên Beaumont ở vùng nông thôn, nhưng địa chỉ hai người kia ở gần đây. Anh tắt máy tính và thu dọn đồ đạc.

“Thành công không?” cô thủ thư mỉm cười hỏi thăm.

Ross huýt sáo. “Cứ cho là vậy đi.”

Az tức điên vì chuyện phải có một mảnh giấy phép vớ vẩn mới được câu cá ngay vũng nước chẳng thuộc quyền sở hữu của ai. Thằng cha quản lý khu vực cho mình là ai mà dám bảo ông cần phải xin giấy phép có chứng nhận để được ngồi bên bờ hồ câu mấy con cá hồi về nấu bữa tối?

Nhưng lúc nào ông cũng mang giấy phép theo người, nhét trong túi áo phòng trường hợp đụng phải thằng cha quản lý khu vực lúc sáu giờ sáng.

Ông ngồi xuống, móc một con cá tuế màu bạc vào lưỡi câu và quăng vào chỗ nước tối màu hơn mấy nơi khác.

Ông thả dây câu để con cá mồi bơi loanh quanh. Dây câu cá màu neon như đường xích đạo chia cái hồ thành hai nửa. Az nhắm mắt và giữ cần câu thăng bằng giữa hai đầu gối. Tuổi già vẫn luôn khiến ông ngạc nhiên. Đúng là buồn cười khi ông chẳng tài nào nhớ nổi mình ăn gì cho bữa tối hôm qua nhưng lại có thể kể vanh vách về những chấm bạc trên lưng con cá hồi mình câu được lần đầu tiên. Ông chẳng nhớ nổi tên bạn bè nhưng nhớ như in những gương mặt người quen. Mấy năm qua, lưng Az khòn đến mức ông tưởng tượng đến lúc chết, bộ xương già của mình chắc đã biến thành vòng tròn. Nhưng đôi khi trí óc vẫn lóe lên sắc bén trước lúc thả lỏng và chìm vào giấc ngủ.

Az câu nhau vì chẳng thấy động tĩnh gì từ dây câu. Cha Az đã dạy cho ông tính kiên nhẫn, vùng nước nông sâu thế nào thì thả mồi câu tốt nhất, kèm thêm cách thả mồi nhẹ đến mức lũ cá nghe tiếng lưỡi câu chìm vào nước chỉ như tiếng hồi ức vọng lại. Nhưng đạo này Az chẳng kiên nhẫn nổi. Sự kiên nhẫn cần thời gian, và thời gian của ông sắp hết.

Mặt trời như con mắt đỏ ngầu còn soi sáng viền bờ hồ. Chợt có luồng lửa bùng lên. Những

tiếng nổ dội lên như pháo hoa, rực sáng trời chiếu chạng vạng.

Mặt đất dưới chân Az khẽ chấn động khi người ta cho nổ đợt hai tại mỏ đá Angel, khai thác thêm nhiều đá granite về làm mặt bếp và bia mộ. Dây câu bắt đầu rung lên khi con cá hồi đớp con cá tuế. Az đếm nhẩm một, hai, rồi từ tốn thu dây câu.

Con cá bị ném vào xô, tất cả sắc màu của bình minh ánh lên trên từng chiếc vảy. Một đợt nổ thứ hai làm chấn động khu hồ, và lần này Az thấy mấy con cá vượt bơi vòng vòng trong hoảng loạn, tuyệt vọng tìm cách thoát ra khỏi trận động đất không hề được báo trước.

Ông móc vào lưỡi câu một con cá tuế khác. Thỉnh thoảng cuộc sống cũng nên có chút xáo trộn.

Meredith bận rộn ghé mắt vào kính hiển vi để xem xét một phôi vừa được thụ tinh trong ống nghiệm. Có vẻ như phôi này không bị di truyền bệnh xơ nang. Đây đúng là phép màu khi cặp vợ chồng này đã thử thụ tinh đến bốn lần mà chẳng hề thành công. Cô duỗi lưng và mim cười: phôi này được đấy. Phôi này sẽ sống sót. Meredith biết chắc là vậy.

Lucy ngày trước cũng không dễ dàng gì mới ra được với đời. Không phải vì bệnh di truyền mà vì

hoàn cảnh. Tám năm trước Meredith chia tay với giảng viên của mình, một vị giáo sư ngành công nghệ y sinh bận rộn đến mức chẳng có thời gian đi cùng cô về chịu tang mẹ tại Maryland. Mẹ cô mới hơn năm mươi tuổi, qua đời một cách bất ngờ và chóng vánh sau một cơn đau tim. Meredith suy sụp, nhưng bà ngoại cô còn đau đớn gấp mấy, vậy nên cô gái hai mươi sáu tuổi dành phải lo hết tang sự cho mẹ. Cô vẫn nhớ như in lần đến cửa hàng tang lễ để chọn màu vải sa tanh đính trên quan tài mẹ; lựa kiểu bia mộ khắc trên đá granite khai thác ở Vermont. Cô nhớ đến lẽ hạ táng khi bà ngoại Ruby dựa vào cô. Sự nương tựa ấy từ bà cụ mảnh khảnh buộc cô phải đứng thẳng một cách vững vàng.

Cô định đến Boston bảo vệ luận án, sau đó quay lại Silver Spring sống với bà ngoại. Nhưng bốn đêm thức trắng liên tiếp khiến cô kiệt sức; vài giờ sau, trên đường lái xe về phía bắc, cô lạc tay lái.

Meredith thức dậy trong bệnh viện với chân trái bó bột, mình mẩy thâm tím và cô y tá đứng cạnh giường luôn miệng trấn an rằng đứa bé vẫn khỏe mạnh. Đứa bé? Cô nghĩ thầm, có khi lúc đó còn bật hỏi ra lời. Đứa bé nào? Câu trả lời như thuốc giảm đau tiêm vào người cô – kết quả siêu âm để chẩn đoán nội thương cho thấy một bào thai tám tuần. Tim cô đập thình thịch.

Cô chưa bao giờ muốn trở thành bà mẹ đơn thân. Suốt một thời gian dài, cô còn chẳng muốn làm mẹ. Cô chỉ muốn mẹ mình sống lại. Vậy nên cô đặt hẹn phá thai.

Nhưng cô rồi cô không đến.

Meredith biết rõ khía cạnh khoa học của quá trình thụ tinh; cô hiểu cha mẹ có thể di truyền những gì cho con cái. Nhưng cô không tài nào nén được suy nghĩ rằng phải chăng những thứ vô hình cũng thẩm thấu vào đứa con. Nếu lúc biết mình mang thai, cô thực sự muốn giữ lại đứa bé – thay vì cứ ước ao mình bị sảy thai – thì liệu Lucy có cảm thấy an toàn hơn không nhỉ? Nay giờ cô yêu con gái mình; thậm chí còn không tưởng tượng được cuộc sống của mình sẽ ra sao nếu không có con gái. Nhưng nếu nói thực với lòng mình, tám năm trước, cô hoàn toàn có thể chọn phương án ngược lại.

Cuộc sống chính là sự hiện diện ở đúng nơi đúng lúc.

Cô thảm nghĩ, “Ôi Lucy, giá mà mẹ có thể làm lại từ đầu.” Cô sẽ làm việc ít đi, dành thời gian dẫn con gái đi leo núi. Cô sẽ dạy con gái tập võ. Cô sẽ thừa nhận mình không biết và cũng không thể tìm ra mọi câu trả lời.

Thở dài, Meredith đành quay lại với kính hiển vi. Hai ngày sau phôi thai này sẽ được cấy vào tử

cung của người mẹ. Cảm giác mỉa mai vẫn vây lấy cô – cô, chính là cái người không hề muốn nhưng lại mang thai, giờ trở thành niềm hy vọng cuối cùng của những cặp cha mẹ muốn có con hơn tất cả mọi thứ trên đời. Đứa bé này sẽ không di truyền bệnh xơ nang, nhưng không có nghĩa nó sẽ không mắc bệnh viêm màng não. Ai mà biết mình sẽ mắc bệnh gì. Dù đóng hết cửa nhưng người ta vẫn cảm thấy gió luôn qua khe cửa đấy thôi.

Hóa ra cả hai con đường Castlet và West Oren chẳng hề gần với khu đất nhà Pike, nhưng Ross vẫn đánh dấu tuyến đường và địa chỉ nhà lên tấm bản đồ mua tại trạm xăng rồi đánh xe đi tìm. Dù vậy, Lia Beaumont chẳng hề sống trong căn nhà ủ rũ kiểu Victoria với hàng rào bạc phếch, hay căn nhà gỗ có con chó chăn cừu Đức tên là Armageddon. Có thể Lia sống tại nơi khác, nhưng chắc chắn anh sẽ hỏi thăm khi gặp lại cô ấy.

Nếu anh gặp lại cô ấy.

Ross luôn đến dùng bữa tại quán ăn trong thị trấn và thức hai hai đêm liền trong khu đất, nhưng Lia Beaumont không hề xuất hiện. Anh gặp phải ông già Az Thompson trốn việc, thấy hai con gấu trúc Mỹ giao phối, và máy quay phim của anh đã vài lần bắt được mấy đốm sáng – lớn

cõ quả bóng rổ và có màu trắng ngà như ngọc trai vụt qua màn hình.

Anh muốn khoe đoạn phim với Lia biết bao.

Ross muốn hỏi liệu Lia có bao giờ nghĩ rằng sau bao nhiêu năm đã qua, mẹ cô ấy vẫn luôn chờ đợi được tìm thấy. Anh muốn hỏi có phải cô ấy yêu chồng như anh yêu Aimee. Anh muốn biết giữa hai người bọn họ có gì khác biệt đến mức không thể nào văn hồi, như cái chết.

Anh cũng lo lắng có lẽ người chồng biết được Lia đã gặp Ross tại quán ăn nên đã trừng phạt cô ấy. Anh không biết cô ấy bị phạt như thế nào. Thể xác? Tinh thần? Cũng có thể lý do Lia biến mất là vì cô ấy – người vốn từng thừa nhận đã thử cắt tay để tìm lại chút cảm giác – quyết định cách chắc chắn nhất để tìm thấy mẹ chính là tự biến mình thành ma.

Ross lướt qua mấy bản cáo phó rồi lại thở phào nhẹ nhõm vì không thấy tên cô. Anh bắt đầu tự đặt cược với bản: Nếu mình có thể nín thở trong vòng ba phút, thì đêm nay cô ấy sẽ đến. Nếu mình kịp phóng xe qua trước khi đèn chuyển sang màu đỏ, thì cô ấy sẽ xuất hiện.

Có những đêm hiện tượng tâm linh ở khu đất nhà Pike trở nên náo nhiệt hơn bình thường. Vài đợt thay đổi nhiệt độ chóng vánh, mấy đốm sáng màu xanh lóe lên giữa mấy cành cây, và mùi cây độc

cần tỏa ra nồng nặc đến nghẹt thở. Ross còn nghe thấy tiếng trẻ con khóc ngằn ngặt đến hai lần.

Đêm thứ ba, khi Ross đang ngồi bên rìa khoảng đất trống được nhắm cho buổi điều tra, màn đêm xung quanh dày đặc bao chặt lấy người, thì một hòn đá từ trên trời rơi xuống. Hòn đá có kích cỡ gần bằng cái đĩa ăn và phẳng gần như vậy, rơi từ trên cao với vận tốc đủ để đập gãy xương chân. “Mẹ nó chứ!” Ross chửi ầm lên, nhảy tung tung. Cơn đau lan khắp chân anh và một lần sưng đỏ hiện lên ngay dưới đầu gối. Anh vội lia đèn pin đến cái cây gần nhất nhưng chẳng hề thấy gì. Anh không thể nào trèo lên cây được. Vì vậy anh chụp lấy viên đá kia và ném nó mạnh đến mức cái cây rung lên bần bật. “Này!” anh quát to. “Ai đó?”

Anh cứ tưởng đó là một con thú nào đó – gấu con, hoặc là mấy con sóc đột biến gene siêu mạnh – nhưng chẳng hề có gì ở trên cây. Anh bẻ lấy một cành cây rồi dùng nó đập vào những cành cây còn lại. Anh đập ầm ĩ một lúc, không phải vì cho rằng mình sẽ tìm thấy cái gì đó, mà là vì muốn xem có gì đó đáp trả hay không. Ngay khi dừng tay vì mệt, anh nghe thấy tiếng đào đất.

Tiếng đào đất nghe rất nhỏ, như tiếng chuột chui đào hang trong vườn. Ross khập khiễng tiến đến mé kia của khu đất thì tiếng đào đất trở nên

rõ ràng hơn. Ánh sáng đèn pin để lộ ba mươi mô đất không theo bất kỳ trật tự sắp xếp nào.

Nhiều chuyên gia khảo cổ và đội khai quật đã san phẳng nhiều phần của khu đất. Khi Ross đến đây lúc chạng vạng, chỗ này vẫn chưa hề bị đào bới. Vậy mà bây giờ, đất lại bị đào lên thành đống. Nhưng lúc Ross cúi xuống lấy một cái que thử đào sâu cái hố hơn, mặt đất vẫn cứng ngắc và đóng băng như mấy ngày trước.

Thực chất Ross chưa bao giờ nhìn thấy khu nghĩa trang của thổ dân thời xưa, nhưng anh đoán nó sẽ giống với cảnh tượng lúc này.

Anh lôi máy chụp hình ra khỏi túi và chụp lại theo nhiều góc độ. Sau đó anh cúi đầu nhìn xuống màn hình LCD để kiểm tra lại mấy tấm ảnh vừa chụp. Nhưng trong tất cả mọi bức ảnh, mặt đất đều cực kỳ băng phẳng, lớp băng tuyết vẫn phủ nguyên vẹn ở phía trên. Ross sững sốt quét đèn pin soi xuống chỗ đất vừa nãy. Chẳng còn đống đất nào ở đó.

“Mình thấy rõ ràng mà.” Ross đậm chân lên chỗ đất, nhưng mặt đất không hề suy suyển; đất vẫn bị đóng băng cứng ngắc.

Lẽ nào anh tự tưởng tượng ra mọi thứ? Anh cúi xuống và cuộn ống quần lên cao – không hề, vết sưng đỏ giờ còn to hơn và chuyển sang màu tím đậm. Hòn đá đúng là đập vào chân anh. Âm

thanh đó đúng là tiếng đào đất. Mấy mô đất đó đúng là từng ở đây.

Vậy là thêm một lý do nữa để nhớ đến Lia: nếu đêm nay cô ấy đến đây và chứng kiến chuyện này, Ross chắc chắn rằng anh bị điên.

Suốt tuần đó, dòng sông Winooski bỗng dung chảy chậm hẳn, khiến lũ cá cứ bơi vòng vòng hoặc bối rối dạt lên bờ. Hệ thống tivi vệ tinh của nhiều nhà tự chuyển sang đài nói tiếng Na Uy, khẩu hình của diễn viên không ăn khớp với lời thoại giống như mấy bộ phim Godzilla xưa lắc. Tại cửa hàng bách hóa Comtosook, cả bốn máy tính tiền – mới đặt mua và vừa được chuyển đến – bắt đầu tính sai, khiến cho nho có giá đến tận 45 đô la một chùm còn dưa đỏ chỉ còn một xu một pound, bẫy chuột và phi lê cá tấm bột thành ra miễn phí. Mấy người dám bàn tán về chuyện này đột nhiên quên mất mình đang nói gì, lưỡi lại cảm thấy vị ngọt của đường hay vị đắng của rau diếp xoăn, tùy vào điều họ đang nói đến.

• • •

Mỗi lần đến bác sĩ da liễu đúng là cực hình.

Nó không những nhắc cho Ethan nhớ đến mình khác người thế nào, mà còn phải thức suốt

cả ngày, vì thời gian phòng mạch bác sĩ hoạt động vốn là thời gian cậu nhóc đi ngủ. Và sau khi kết thúc tất cả mọi thủ tục thăm khám, cậu còn phải nhìn mẹ mình cố nặn ra một nụ cười như quả trứng luộc bị nứt; mẹ cậu phải cố làm như thể cậu nhóc hoàn toàn bình thường.

Hôm nay có ba khối u tiền ung thư được loại bỏ khỏi mặt cậu. Ông bác sĩ nhúng một cục bông vào cái ly được ni-tơ lỏng rồi dí lên trán và mũi Ethan. Đau đén chảy nước mắt, và bây giờ thì vết thương ngứa cực kỳ.

Mẹ cậu nhóc lái xe rẽ vào nhà. Cậu Ross chắc là ra ngoài – xe ô-tô đã biến mất. Ethan có thể tự tháo dây an toàn, nhưng cậu vẫn đợi mẹ vòng qua ghế phụ và tháo dây cho mình. “Con ổn chứ?” mẹ dịu dàng hỏi và cậu nhóc gật đầu rồi bước ra khỏi xe. Cậu để mẹ nắm tay mình bước lên thềm nhà. Đã lâu lắm rồi cậu không làm vậy, bởi vì nếu có ít thời gian hơn bất kỳ ai khác, người ta phải buộc mình nhanh chóng trưởng thành.

Ethan tuột bộ đồ đi đường dính dính mồ hôi, tròng bộ áo ngủ qua đầu và liếc về phía gương soi. Mấy vết rộp vẫn chưa xuất hiện – chắc là ngày mai. Nhưng gương mặt cậu đã trở nên giống quả địa cầu, nơi khối u bị đông lạnh chính là mấy mảng kiến tạo đang chuyển động.

Trước khi kịp nhận ra, cậu giơ tay đấm thẳng vào tấm gương. Máu chảy dọc cánh tay, nhưng ý nghĩ duy nhất trong đầu cậu bé là rõt cuộc mìnhs không phải nhìn thấy bản thân nữa.

“Ethan?” Mẹ cậu gọi. “Ethan!” Cô đã đến ngay sau Ethan, giật lấy tấm trải giường bọc tay cậu lại. “Chuyện gì đã xảy ra?”

“Con xin lỗi,” Ethan lắc lư. “Con xin lỗi.”

“Bây giờ thì con đang thỏa hiệp…”

“Thỏa gì cơ?”

“Thỏa hiệp nghĩa là chấp nhận. Chấp nhận bản thân mình.”

Ethan giật tay ra. “Vậy sao mẹ không nói thẳng ra?” cậu nhóc hét lên. “Vì sao mẹ phải dùng mấy cái từ ngu xuẩn đến mức chẳng ai hiểu nổi? Vì sao không ai nói với con sự thật?”

Cô nhìn thẳng vào con trai. “Con muốn nghe gì, Ethan?”

Cậu sụt sùi, nước mũi chảy lòng thòng. “Con đúng là quái vật.” Cậu lấy tay ôm mặt, máu dính lên cầm và má. “Nhìn con đi, mẹ. Nhìn con xem.”

Cô cố nặn ra một nụ cười. “Ethan, con yêu, con mệt rồi. Đã qua giờ ngủ lâu lắm rồi đấy.” Giọng nói của mẹ trở nên êm dịu như mật ong ấm áp. Giọng nói ấy phủ lên vai Ethan; khiến cậu phải chống cự để không được mềm lòng. Cậu nhóc

cảm giác được bàn tay mẹ nắm lấy tay mình, dắt cậu đến phòng tắm để làm sạch vết thương.

“Mẹ nghĩ không cần khâu vết thương đâu,” cô bảo rồi dùng băng gạc quấn vết thương. Sau đó cô dắt cậu nhóc quay lại phòng ngủ. Ethan trèo lên giường và nhìn chằm chằm vào khung gương đính trên tường.

“Ngủ đi một giấc rồi con sẽ cảm thấy khỏe hơn đấy,” mẹ cậu khuyên nhủ, và Ethan chẳng biết mẹ đang nói với cậu hay nói với chính bản thân mình. “Hai mẹ con mình sẽ làm gì đó thật tuyệt lúc con thức dậy – chẳng hạn như lấy kính viễn vọng tìm chòm sao Venus... hay là xem tất cả đĩa phim Chiến tranh giữa các vì sao... con thích vậy, đúng không?” Vừa nói, cô vừa cúi xuống sàn, nhặt nhạnh những mảnh gương vỡ. Cậu nhóc tự hỏi liệu mẹ có biết mẹ đang khóc hay không.

Dù cảm thấy kiệt sức, nhưng Ethan không ngủ được. Cả bàn tay và gương mặt cậu đau đớn. Cậu chờ đến khi không nghe thấy tiếng mẹ đi dọc hành lang, sau đó lén trèo xuống giường, vươn tay xuống dưới bàn nhặt lấy một mảnh gương hình tam giác mà mẹ cậu bỏ sót.

Ethan đặt mảnh gương trước mặt. Cậu chỉ có thể nhìn thấy một phần nhỏ trong gương – một phần sống mũi, một bên lông mày và một đám tàn nhang. Nếu cứ như vậy lắp ghép lại, đây có

thể là hình ảnh phản chiếu một cậu nhóc bình thường. Nhìn như vậy, cậu có thể trở thành một người hoàn toàn khác.

Eli giật mình tỉnh giấc, ngồi bật dậy thở hổn hển. Cả căn phòng thơm phức mùi táo, nồng đến mức anh phải nhìn xem thử có cái máy ép nước táo nào đặt gần giường hay không. Anh dụi mắt nhưng vẫn không tài nào xóa bỏ được hình ảnh đang nhảy múa trước mặt mình: lại là người phụ nữ đó.

Dù chưa bao giờ nghe cô ấy nói chuyện, nhưng anh biết giọng nói đó. Anh biết cô ấy có một vết sẹo ngay dưới thùy tai bên trái, môi cô mang mùi vani lẫn với mùi bất hạnh.

Mẹ anh vẫn luôn tin vào sức mạnh của những giấc mơ. Khi Eli còn bé, mẹ kể cho anh nghe về ông ngoại, người đã nhìn thấy trước cái chết của mình. Ông đi ngủ và mơ thấy một ngọn núi phủ đầy tuyết, trên đỉnh núi là một con đại bàng. Con đại bàng vươn móng vào khe núi cõi lôi ra một con rắn. Sau một hồi lôi kéo, cuối cùng con đại bàng moi ra một con rắn dính với một cái mai rùa trống rỗng. Ông run lấy bẩy, đó là điềm báo của sự hấp hối. Ba tháng sau, tại nơi tế lễ, một trận bão tuyết kỳ quái khiến ông ngoại cùng ba người đàn ông khác mắc kẹt trên đỉnh núi. Người ta tìm thấy bốn người đàn ông chết cứng. Xác của

họ có lẽ đã chẳng được tìm thấy nếu không nhờ tiếng kêu của con đại bàng dẫn đội tìm kiếm đến gần hơn.

“Khi thức giấc,” mẹ Eli thường nói, “chúng ta thấy những gì mình muốn thấy. Khi ngủ, chúng ta mới thấy điều thực sự.”

Anh thường tự hỏi không biết mẹ có bao giờ mơ đến việc kết hôn với một người da trắng, hay thấy trước căn bệnh tiểu đường đang khiến bà chết dần chết mòn. Anh tự hỏi liệu mẹ mình có biết đứa con trai duy nhất của bà thà mất một cánh tay còn hơn phải tin vào quan niệm của thổ dân châu Mỹ, thay vì tin rằng giấc mơ chỉ do đám nơ ron thần kinh nổi loạn.

Người phụ nữ luôn đến tìm anh vào ban đêm có một đôi mắt màu thủy xanh ve chai thăm thẳm, giống như mảnh đá thủy tinh mà anh tìm thấy trên bãi biển Rhode Island và đặt trên bậc cửa sổ trong phòng tắm.

Anh kéo chăn đến tận cằm và nằm xuống gối lần nữa. Chắc là do anh lại bứt rút thôi. Anh mơ thấy gái đẹp vì đã lâu rồi không chạm vào ai thực sự.

Lúc thiếp đi, anh buộc phải thừa nhận nếu đúng là vì ham muốn thì anh phải mơ thấy cô ấy trong trang phục áo tắm, hoặc đang trần truồng trong nhà tắm hơi chứ. Làm sao lại mơ thấy cô

Ấy với áo quần chỉnh tề và nằm co quắp khóc lóc trên sàn nhà như mảnh ghép của câu đố không lời giải.

Tiếng hét vút lên hoảng loạn, Meredith lao vào phòng ngủ của Lucy. Không, ôi không, đừng mà, cô thầm nghĩ. Mọi thứ trước giờ vẫn bình thường mà.

Bà ngoại cô đang ở trong phòng, vuốt mớ tóc ướt đẫm của cô cháu gái và an ủi cô bé rằng mọi chuyện đều ổn. "Con bé không ngừng la hét," bà Ruby hốt hoảng. "Cứ như nó không nghe bà nói gì vậy."

Meredith lấy hai tay ôm lấy mặt con gái và nghiêng người lại gần. "Lucy, nghe mẹ nói này. Con an toàn. Không có gì ở đây làm hại con hết. Con hiểu không?"

Giống như bức màn được vén lên, ánh mắt Lucy trở nên tinh táo, và cô bé im lặng. Khi nhận ra mình đang ở đâu và chuyện gì đã xảy ra, cô bé cuộn mình lại như lúc còn trong bụng mẹ và lùi về phía đầu giường. Lucy thì thào, "Mẹ thấy cô ấy không? Cô ấy ở ngay đó."

Lucy chỉ tay đến một điểm vốn chẳng có gì giữa Meredith và bà Ruby. Sau đó cô bé vùi đầu dưới chăn. "Cô ấy muốn con giúp cô ấy tìm."

“Tìm cái gì” Meredith hỏi.

Nhưng Lucy lại chìm vào trong thế giới của mình, và cô bé im lặng. Meredith thấy ngực mình đau nhói; tim cô nặng trĩu. “Bà ơi,” cô nói bằng giọng điệu như mượn từ đâu đó, “bà trông chừng con bé được không?”

Không đợi bà ngoại trả lời, Meredith bước nhanh vào phòng ngủ của mình. Cô nhấc điện thoại và cầm lấy tấm danh thiếp đặt trong ngăn kéo tủ cạnh giường. Cô đợi đến khi nghe tiếng “bíp”, rồi cô đọc lời nhắn cho bác sĩ Calloway, cô đầu hàng.

Khi Ross đến khu đất nhà Pike lúc 11 giờ đêm, Lia đang đợi anh. “Tôi đến muộn sao?” anh hỏi thăm giống như vẫn đợi gặp cô. Anh lén liếc mắt quan sát Lia khi sắp xếp dụng cụ. Có gì đó khác lạ với cô ấy – một sự quyết tâm mỏng manh mà Ross không muốn phá hỏng bằng cách gợi lại lần gặp trước. Thay vào đó, anh chỉ cho cô thấy những chỗ mà mấy mô đất đã xuất hiện hai đêm trước. Anh để cô xem xét cái máy đo điện động vừa chuyển đến chiều nay. Nếu cô muốn đi săn ma cùng anh, anh sẵn sàng để cô theo. Dù sao bắt đầu như vậy còn hơn là chẳng có gì.

Cô lướt tay qua cái máy quay video dựng trên giá đang hướng về phía xa. “Cha tôi có một chiếc

máy quay,” cô kể, “nhưng nó to hơn. Công kẽm
hơn nhiều.”

“Cái này là máy quay kỹ thuật số.” Ross liếc mắt
nhìn ra khoảng đất trống. Anh vẫn luôn có cảm
giác mãnh liệt ở chỗ đó. “Nếu ngồi xuống đợi,
biết đâu chúng ta sẽ gặp may đấy.”

“Tôi... được phép ở lại sao?”

“Tôi nghĩ cô đến đây là vì vậy mà.”

Lia không trả lời, nhưng lại ngồi cạnh Ross trên
mặt đất đóng băng. Sự rụt rè của cô vẫn chẳng hề
biến mất. Ross tự hỏi điều gì khiến cô ấy sợ đến
vậy – khả năng gặp ma hay vì người chồng đến
tìm cô ấy. “Cô ổn chứ?” anh hỏi thăm.

Cô gật đầu. Nếu không có ánh đèn pin bé xíu
thì hai người đúng là lọt thỏm giữa bóng tối. Lia
ngồi với tư thế hai tay ôm lấy đầu gối, váy phủ
xuống mặt cá chân. Cô liếc mắt nhìn máy đo điện
động, kim đo vẫn đứng yên. “Vậy cái máy này”, cô
thắc mắc, “sẽ báo hiệu khi có ma ở đây sao?”

“Về mặt kỹ thuật thì máy sẽ báo hiệu khi có
ma hiện hình. Quá trình chuyển đổi năng lượng
sẽ ảnh hưởng đến từ trường.”

Cô cau mày. “Tôi không hiểu.”

“Nếu như hồn ma vô hình, rồi đột nhiên biến
thành hình dạng rõ ràng – hoặc ngược lại – chúng
ta sẽ nghe thấy tiếng máy kêu lách tách.”

Hai người đều chìm vào im lặng cùng với vô vàn câu hỏi mà chẳng ai dám mở lời thắc mắc. Sau một lúc, Ross ngừng để ý đến mấy hiện tượng tâm linh mà quay sang lắng nghe tiếng hơi thở của Lia hòa nhịp thở của mình. Anh thấy rõ hai người đang gần như vai kề vai. Chỉ cần nhích vai là anh có thể chạm vào cô ấy rồi. Quý quái thật, sao anh không chịu hít thở sâu cho bình tĩnh nhỉ.

Sau gần cả thập kỷ Ross mới có cảm giác này – cảm thức về điều gì đó mãnh liệt đến mức chiếm hết tâm trí anh, như con chiên ngoan đạo quỳ gối trước điều ngoài tầm kiểm soát của con người, như sóng thần hay động đất. Cảm giác này biết đâu có thể kéo hai người bọn họ lại gần nhau hơn. Suốt một thời gian dài, anh vẫn luôn tìm kiếm linh hồn một người phụ nữ đã qua đời. Lòng anh rối bời khi cảm thấy mình bị cô gái ngồi cạnh quyến rũ. Nhưng Lia đã kết hôn, còn Aimee mới là người anh thực sự muốn kia mà.

Nếu như cảm giác cuốn hút toát ra từ Lia không phải vì anh cảm thấy cần phải giúp cô ấy, mà là vì cô ấy có thể cứu vớt anh thì sao? Nếu như anh không phải tìm kiếm một hồn ma ở thị trấn Comtosook... mà phải tìm người phụ nữ này thì sao?

Aimee đã mất rồi. Lia đang ở đây...

Ý nghĩ đều cảng đó vụt qua tâm trí và khiến

anh bức bối đến mức buộc mình phải lách ra vùng sáng ánh đèn pin và dịch người ra xa Lia. “Có chuyện gì sao?” cô vội hỏi, như hụt hơi.

Không có gì, Ross nghĩ thầm, ơn Chúa. Anh đứng dậy và bắt đầu đi lòng vòng quanh bãi đất trống.

“Anh cảm thấy gì sao?”

“Không có,” Ross đáp nhưng lại thầm nghĩ, “Đúng vậy.”

Cô đứng lên, bước về phía bóng cây. “Tôi cảm thấy gì đó,” Lia lẩm bẩm. “Như thể mọi thứ trở lên sắc bén hơn. Hữu hình hơn.”

Khi cô bước qua trước mặt Ross, anh cảm thấy một luồng gió nhẹ. Làn vayah nhẹ nhàng lướt qua tay anh. Không kịp kìm nén, anh cố tóm lấy nó nhưng làn vayah lại trượt qua ngón tay anh như làn gió thoảng qua.

Tim anh đập rộn ràng như điên. Ross, con người chưa từng để tình yêu của mình phai nhạt ngay cả khi người yêu qua đời, đột nhiên lại cảm thấy xao lòng bởi thứ vụn vặt như vết lõm nơi đầu gối cô nàng.

Anh tự nhủ mình đã cùng Aimee xây dựng một thế giới riêng; Aimee mới là người hiểu anh hơn bất kỳ ai trên đời. Nhưng sự thật là Aimee chắc chẳng thể nhận ra Ross bây giờ. Đau khổ đã khiến anh thay đổi, từ giọng nói đến dáng đi trên

phố. Aimee ngày xưa luôn hiểu điều gì làm Ross hạnh phúc.

Nhưng Lia dường như lại hiểu điều gì khiến tim anh tan nát.

Đột nhiên có tiếng khóc của một đứa bé. “Anh có nghe thấy không? Lia thì thào, vươn tay nắm lấy cổ tay Ross.

Anh nghe thấy tiếng khóc. Nhưng anh nhận ra Lia không còn để ý đến âm thanh vọng lại từ đằng xa. Cô cầm lấy đèn pin chiếu vào vết sẹo trên cánh tay Ross. “Ôi...” Lia thốt lên, đánh rơi cái đèn xuống đất, làm cho bóng tối lại bao trùm lấy hai người.

Dù không thấy được Lia, Ross biết cô đang sờ tay vào vết sẹo dưới tay áo. “Vì sao không kể cho tôi biết?”

“Cô không hỏi mà.” Ross thò tay vào túi và đốt một điếu thuốc, soi sáng gương mặt cô.

“Từ khi nào?” cô hỏi ngắn gọn.

“Đã lâu rồi. Hồi ấy tôi từng nghĩ trên đời này chẳng còn gì cho mình nuối tiếc.” Anh bắt gặp ánh mắt cô, rồi cầm lấy điếu thuốc đang cháy dở và dụi vào phần da non mặt trong cánh tay như thách thức. “Đến giờ vẫn vậy.”

Ngạc nhiên thay, Lia không hề ngăn cản anh. Cô chỉ ngồi yên chờ đến khi anh quăng đầu lộc

đi, để lại một vết bỏng dữ tợn sưng phồng trên da. "Tôi đến đây không phải để tìm ma," Lia thú nhận. "Tôi đến đây là vì khi ở bên anh, tôi không phải ngồi ở nhà và tự hỏi mình nên dùng dao, hay thuốc ngủ, hay là thuốc độc." Lông tay anh dựng đứng khi cô kề miệng vào tai anh thì thầm, "Ross, nói cho tôi biết thế giới bên kia là như thế nào."

Ross đã từng có cảm giác này trước đây – choáng váng, đau đớn như mỗi tế bào đều chực nổ tung. Lần đó khi tỉnh lại, cả ba vị bác sĩ đều nói rằng anh vừa bị sét đánh. Tay anh ôm lấy mặt Lia. Anh nghĩ thầm, "Nếu cô có thể nhìn thấy tôi rõ ràng như vậy, thì chắc là tôi còn sống rồi."

Cách đó không xa, máy đo điện động bắt đầu réo lên. Lúc đầu, âm thanh rè rè khe khẽ sau đó đột ngột to đến mức khiến Ross choáng tỉnh. Ross chưa bao giờ cảm giác được thứ gì mãnh liệt đến thế – có gì đó quan trọng sắp xuất hiện. Và chuyện này hoàn toàn hợp lý thôi: hồn ma đang bắt đầu sử dụng năng lượng phát ra giữa Lia và Ross để hiện hình.

Ross chạy đến chụp lấy máy đo điện động và cố nheo mắt để đọc số đo. "Đưa tôi cái đèn," anh gọi cho Lia.

Ngay sau đó, giày anh đạp phải cái đèn pin. Máy đo lại ngừng kêu, tiếng lách tách dần biến mất. Đó là bằng chứng xác thực nhất về ma mà

anh từng chứng kiến. Nhưng nếu lúc này hồn ma bước tới trước mặt anh và tự giới thiệu bản thân thì Ross cũng không để tâm. Anh cần tìm Lia để thấy phản ứng trên mặt cô ấy.

Ross bật đèn pin lên và soi xung quanh, nhưng cô ấy đã đi rồi.

Đây chẳng phải lần đầu tiên Ross thấy người ta chạy trốn khi chứng kiến hiện tượng tâm linh. Nhưng nỗi sợ hãi của Lia chẳng hề liên quan đến sự xuất hiện của con ma. Lý do cô ấy sợ hãi có lẽ giống với Ross – chính là thứ vẫn khiến anh run rẩy đến tận bây giờ: lần thứ hai trong đời, anh biết mình muốn một người nhưng lại không thể có được.

chương

Bốn

Cư dân thị trấn Comtosook đã bắt đầu thích nghi với hoàn cảnh không còn theo quy luật gì nữa. Người ta luôn cầm theo ô trong túi xách và ví cầm tay để đối phó với những cơn mưa lúc rơi xuống thì đỏ như máu, sau khi bốc hơi để lại một lớp bụi mịn màu đỏ. Dù có được bao bọc cẩn thận đến đâu thì cứ đúng ngọ là đám đĩa sứ lại vỡ tan tành. Mấy bà mẹ đánh thức con mình dậy để ngắm hoa hồng nở rộ giữa đêm khuya.

Rồi một thời gian sau, gấu quần bắt đầu tự tuột chỉ và chữ viết không chịu ở yên trên trang sách. Nước chẳng chịu sôi. Cư dân thị trấn bất ngờ thức giấc mà không nhớ gì. Đến khi bước ra

ngoài lấy tờ tin tức buổi sáng, trí nhớ của họ mới theo từng bước chân mà quay về. Cánh phụ nữ mở máy sấy quần áo và phát hiện ra đám áo quần màu trắng đã biến thành lông vũ. Thịt để trong tủ đông vẫn hỏng. Màu xanh dương lại hóa màu gì kỳ quái.

Vài người cho rằng đấy là vì trái đất nóng lên, hoặc tự bắn thân họ xui xéo. Nhưng khi Abe Huppinworth bước vào cửa hàng tạp hóa và nhìn thấy tất cả hàng hóa quay ngược và lật úp trên kệ, ông ta lớn tiếng thắc mắc có phải con ma thổ dân sống gần đường Otter Creek Pass liên quan đến vụ này không. Ba người khách hay mua sắm tại cửa hàng đem chuyện đó buôn dưa lê với hàng xóm xung quanh. Và chưa đến buổi tối, hầu hết người dân thị trấn Comtosook bắt đầu bàn tán liệu có nên để yên cho mảnh đất đó hay không.

Rod van Fleet chẳng hề mong đợi được nghe Ross Wakeman báo cáo điều gì. Nếu có ma thật – đúng là nực cười – thì Rod phải làm gì bây giờ? Căn nhà đã bị tháo dỡ; công nhân đang vận chuyển đống xà bần đến bãi rác. Dù có bao nhiêu chữ ký và đơn kiến nghị của người dân địa phương thì Tập đoàn Redhook vẫn tiến hành xây dựng thôi. Rod có thể gọi một thầy tế đến trừ tà cho cái tiệm bánh mì vòng sấp được xây; mà cũng có thể không cần làm

vậy. Vấn đề nằm ở chỗ ma quỷ là chuyện có thể thương lượng, nhưng tiến độ xây dựng thì tuyệt đối không thể.

Nhưng Rod vẫn muốn biết có đúng là mình đang xâm chiếm lãnh địa của một hồn ma hay không. Anh vẫn muốn biết liệu đó có phải lý do gây ra mấy bữa ăn khiến anh ăn gì cũng như mùn cưa hay vụ đêm nào bàn chải đánh răng cũng chơi trò mất tích.

“Mấy thứ này...” Rod chỉ tay vào màn hình tivi chiếu cảnh khu rừng đêm khuya mờ câm với mấy đường kẻ màu xanh và mấy quả cầu sáng rực bay lơ lửng. “Mấy thứ này là ma hả?” Anh thầm thở phào. Anh không ngờ đấy lại là cách hiện hình của ma. Mấy tia sáng và quả cầu thì làm hại được ai cơ chứ. chúng chắc chắn chẳng ảnh hưởng gì đến việc kinh doanh đâu.

Rõ ràng Ross Wakeman là một gã lừa bịp vớ vẩn. Gã ta nhận thấy cơ hội để gây dựng tiếng tăm và may mắn gặp trúng Rod.

“Đó không phải là hồn ma,” Wakeman giải thích. “Đó là tác động của hồn ma lên thiết bị theo dõi. Khi tôi ở đó, tất cả đèn pin đều tắt phut, cảnh quay bị gián đoạn và máy đo từ trường dao động rất mãnh liệt.”

“Giả thần giả quỷ,” Rod phản bác. “Có quái gì rõ ràng đâu.”

“Nếu chỉ vì có yếu tố nào đó phủ nhận kết quả đo lường thì chúng ta không thể kết luận không có yếu tố đó.” Wakeman nhún vai. “Thủ cân nhắc giá thị trường của khu đất và giá trị đích thực xem.”

“À, nhưng người ta có thể đo được giá thị trường. Đó là giá người khác sẵn sàng chi trả để có được thứ gì đó.”

“Anh cũng có thể đo được ma bằng việc người ta có sẵn sàng tin tưởng hay không.”

Đột nhiên cánh cửa dẫn ra khu công trường xây dựng bật mở. Van Fleet quay lại và nhìn thấy ba người công nhân điều khiển máy móc giận dữ lao đến, máy cái máy ủi im lìm như bầy khủng long đang say ngủ.

One, tay trưởng nhóm chọc tay vào ngực Van Vleet. “Chúng tôi bỏ việc.”

“Bọn anh không thể bỏ ngang được. Chưa xong việc mà.”

“Dẹp cái công việc quái quỷ này đi.” Anh ta cởi mũ và quăng thẳng vào van Vleet như thách thức. “Chúng nó đang khiến bọn tôi điên lên.”

“Cái gì?”

“Lũ ruồi bọ.” Một người công nhân khác tiến lại gần, tiếp tục kể lể bằng giọng Canada gốc Pháp. “Chúng chui vào lỗ tai rồi cứ vo ve trong đó.” Anh ta lấy tay xoa hai bên tai. “Vù vù vù.”

“Và khi chúng tôi vung tay đuổi chúng đi,” anh công nhân đầu tiên thêm vào, “thì chẳng có con ruồi nào cả.”

Anh công nhân thứ ba vẫn im lặng làm dấu chữ thập.

Ross ho khan, khiến van Vleet liếc sang. “Tôi cam đoan không có việc gì đâu,” van Vleet cố trấn an mấy người công nhân. “Có thể là tiếng gió thổi. Hoặc là virus gì đó.”

“Vậy thì chắc phải là virus có tính lây truyền vì mấy người Abenaki đứng trước cũng nghe thấy tiếng đó. Ông già kia còn đánh vần từ mà chúng tôi nghe thấy. C-H-I-J-I-S. Nó có nghĩa là *đứa bé* theo ngôn ngữ bộ tộc Abenaki.”

“Đĩ nhiên là lão ta sẽ nói với mấy người như vậy rồi!” van Vleet rên rỉ. “Lão ta muốn các anh bỏ đi. Lão ta muốn khiến các anh sợ hãi đến mức hành động đúng như thế này – bước xuống xe và ngưng làm việc.”

Mấy người công nhân nhìn nhau. “Chúng tôi không sợ. Nhưng nếu anh không tìm cách trực xuất con ma đó thì cứ tìm đội thi công khác đi.” Ba người gật đầu chào rồi bước ra khỏi khu vực xây dựng.

“Anh đang nói dở chuyện gì ấy nhỉ?” Ross thắc mắc.

Van Vleet chộp lấy điện thoại. “Tôi phải gọi đội khác,” anh đáp. “Bây giờ tôi không có thời gian bàn chuyện ma quỷ này.”

Ross nhún vai. “Nếu anh cần đến tôi thì anh biết là phải tìm tôi ở đâu rồi đấy,” anh nói rồi rời đi. Rod gọi điện thoại, trong lúc chờ nghe tin nhắn hướng dẫn cài sẵn, Mắt anh ta dừng lại trên màn hình tivi trong văn phòng đang chiếu mấy điểm sáng lập lòe. Wakeman chắc vô tình để lại cuộn băng. Hoặc cố tình, Rod thầm nghĩ lúc thấy vệt sáng lóe lên.

Máu bắn thẳng lên mặt cô.

Meredith vừa bước ra khỏi tòa nhà thì bị người ta tạt chất lỏng gì đó đầy tóc, chảy dọc xuống má và cổ. “Hôm nay cô đã giết bao nhiêu đứa trẻ rồi hả?” một người kháng nghị gào lên.

Cô quẹt đi mớ chất lỏng dính trên mắt. Mùi ngọt ngọt chứng minh đó không phải máu thật mà chỉ là nước giải khát Kool-Aid hoặc thứ gì đó tương tự. Văn phòng nghiên cứu của cô không phải là mục tiêu thường xuyên như trung tâm phá thai gần đó, nhưng vẫn bị người dân chống đối – vì một phần công việc của Meredith là phải chọn lựa phôi nào được sống còn phôi nào bị loại bỏ, và những người tin vào quyền được sống không tài nào chấp nhận được chuyện này. “Cứ quay lại

chỗ tôi khi mấy người vô sinh nhé," Meredith lầm bầm với đám người khó ưa, rồi rảo bước nhanh hơn đến xe hơi của mình.

Điều Meredith muốn nói, hay ép mình không được nghĩ đến trước khi an toàn trên ghế lái với điều hòa bật mạnh, chính là việc cô hiểu rõ về đám người kháng nghị đó còn nhiều hơn bất kỳ ai trong số đó biết về cô. Chín năm trước cô đã từng đi ngang qua một đám đông như vậy, ai cũng mang nét mặt đạo đức giống như đám người đứng đây hôm nay, y như mang mặt nạ mùa Halloween. Hôm đó Meredith hủy hết những cuộc hẹn tư vấn suốt cả ngày hôm đó vì biết rằng dù có đủ sức khỏe để làm việc thì cô cũng sẽ không có bụng dạ nào tư vấn cho người ta cách có con, ngay sau khi chính cô vừa phá thai.

Meredith nhớ đến phòng khám bệnh có mùi sắt thép và nước súc miệng. Nhớ đến hàng ghế chờ với mấy cô gái non nớt đến mức không tin nổi là đã vác bụng bầu. Nhớ đến mình đã thắt hai cái dây phía sau áo choàng phẫu thuật, rồi mới nhận ra mình không thể làm thế.

Nếu như mang thai không phải là lỗi lầm khủng khiếp như suy nghĩ của cô thì sao? Nếu như thời điểm mang thai không hề sai lầm, mà là vừa đúng dịp như chuông báo thức hay thông điệp gì đó thì sao? Nếu con cô không có cha thì

sao chứ? Năm Meredith mới bốn tuổi, cha mẹ cô ly dị. Cha cô bỏ đi và số lần cô gặp được cha mình đến lúc trưởng thành chắc chỉ đếm trên đầu ngón tay. Nhưng cô chính là bằng chứng tốt nhất chứng minh người ta chỉ cần có người mẹ tốt, là có thể sống tốt rồi. Nếu Meredith không thể cứu mẹ cô sống lại thì ít nhất cô cũng có cơ hội tỏ ra mình học được gì từ mẹ. Cô sẽ trở thành chỗ dựa an toàn cho con gái mình; cô sẽ dành trọn tình yêu cho con.

Hôm đó sau khi nghỉ lại, Meredith thay quần áo, nhận tiền hoàn lại và ra khỏi phòng phá thai, một người kháng nghị đã tạt một chậu máu giả vào người cô. Đúng là giọt nước làm tràn ly – Meredith dùng tay túm cổ áo người đó và gào lên rằng cô chưa hề phá thai. Cô suy sụp thốn thức trong vòng tay một người lạ mặt.

Người ta đưa bánh quy và rót sô-cô-la nóng từ bình giữ nhiệt cho cô. Họ còn để cô ngồi trên chồng chăn ấm. Người đàn ông vừa tạt nước vào người cô còn cởi áo cho cô khoác. Suốt buổi chiều hôm đó, Meredith thành người hùng.

Gần mươi năm sau, Meredith quan sát đám người khó ưa đó qua kính chiếu hậu. Cô ước mình đủ dũng cảm để quay lại đó và chất vấn liệu có ai trong số họ đã từng đưa ra quyết định làm thay đổi tương lai của bản thân. Cô ước mình có thể

dắt họ vào phòng thí nghiệm nơi đang nuôi cấy vô vàn phôi thai khỏe mạnh. Cô ước mình có thể giải thích rằng có những sinh mạng không nên tồn tại. Rằng việc phán xét và chọn lựa không hề tàn nhẫn, mà là rất nhân đạo.

Meredith lái xe ra khỏi bãi, trở về nhà, nơi con gái bé bỏng đang nằm vắng vất uể oải trên sofa vì tác dụng của thuốc chống suy nhược thần kinh. Meredith phóng bạt mạng giữa dòng xe cộ lúc tan tầm, tạt ngang đầu xe tải, đạp chân ga lên đến tốc độ 65 dặm/giờ trên đoạn đường chỉ được chạy tối đa 30 dặm, cứ như hành vi chán sống của cô có thể thuyết phục bản thân tin rằng sau bao nhiêu năm, cô vẫn đủ sức che chở cho Lucy.

Ross ngồi trong phòng cấp cứu, quét mắt qua từng gương mặt sợ hãi và bệnh tật khi họ đi ngang qua cửa tự động. Mỗi lần nhận ra đó không phải là Lia anh lại thả lỏng một chút. Anh đã nhập viện được hai ngày, đủ thời gian để kết bạn với nhân viên y tế và yên tâm rằng không có ai tên là Lia Beaumont, cũng không có người phụ nữ vô danh nào nhập viện. Đó là điều khiến anh lo lắng nhất – lỡ Lia tự hại bản thân hoặc bị chồng đánh đập trước khi Ross gặp lại cô ấy thì sao.

Anh muốn nói với cô ấy rằng anh đã không còn nhớ nổi đôi mắt của Aimee. Có lẽ đó chẳng

phải là thứ cô ấy muốn nghe. Suốt tám năm qua, Ross vẫn luôn tưởng tượng được đôi mắt ấy như thể Aimee gần anh trong gang tấc – đôi mắt to tròn hơi xếch, con ngươi màu vỏ quế, hàng mi dài đỗ bóng trên má khi cô ngủ. Nhưng từ cái đêm Lia chạm môi vào má anh và thì thầm vào tai anh, Ross chẳng thể hình dung ra gương mặt Aimee mà không liên hệ đến Lia.

Anh thay áo quần ba lần mỗi ngày nhưng mùi hoa hồng vẫn vương vấn trên người.

Anh muốn hôn cô.

Anh muốn cô.

Ross biết sẽ chẳng có kết cục tốt đẹp nào đâu. Anh sẽ không chen vào cuộc hôn nhân của Lia; anh sẽ không đặt cô vào tình thế phải lựa chọn. Nhưng anh cần biết cô có ổn hay không. Anh cần phải tin rằng cô không phải đang ngồi đâu đó tại thị trấn Comtosook với lưỡi dao kề trên cổ tay.

Đột nhiên một người phụ nữ lao đến bàn y tá, kéo theo một đứa bé như lôi món đồ chơi. “Tôi đang tìm một bệnh nhân,” chị gặng hỏi. “Tên anh ta là Ross Wakeman.”

Ross choáng tỉnh khi nghe thấy giọng nói của Shelby. Anh gọi tên chị gái.

Ethan quay đầu lại trước, rồi mới đến mẹ cậu nhóc. “Ross!” cô bước thình thịch về phía anh, gương mặt vặn vẹo vì sợ hãi. Ethan theo sau với

trang phục kín mít từ đầu đến chân để ngăn ánh nắng chiếu đến da. Phần da mặt lộ ra bên ngoài loang lổ rát máu.

Shelby quét mắt từ mặt xuống cánh tay của em trai. Cổ tay anh. “Có chuyện gì vậy? Em nhập viện bao lâu rồi? Trời đất, Ross, vì sao em không gọi cho chị?”

Sau đó cô nhìn thấy vết bỏng thuốc lá trên cánh tay Ross, kiệt tác của anh lúc gặp Lia. Vết bỏng sưng tấy và rỉ nước, khiến Shelby không dám lòng chạm vào. Có lẽ vết bỏng khiến cô nhớ đến tình trạng của Ethan. “Shel, em khỏe mà.”

“Em đang ở bệnh viện đấy.”

“Em biết. Em đang cố tìm một người. Em nghĩ cô ấy có thể bị thương.”

“Em cũng đang bị thương kìa.”

“Không có chuyện gì đâu. Tai nạn thôi.”

Cô chẳng hề tin tưởng vào lời nói của em trai nhưng vẫn hỏi han, “Em thấy khỏe không? Có chắc không?”

“Chắc chắn mà.”

“Tốt,” Shelby đáp rồi dùng hết sức bình sinh tát thẳng vào mặt em trai.

Nhin đầu Ross bị tát lật ra sau và cảm thấy bàn tay mình cũng đau rát lên chính là khoảnh khắc sáng

khoái nhất của Shelby trong bốn mươi tám tiếng vừa rồi khi em trai cô mất tích. Suốt thời gian đó cô phải gọi điện đến khắp mọi nơi, cố gắng tìm xem có ai gặp được em trai cô hay không. Nhưng rất ít người ở thị trấn Comtosook biết Ross, lại càng ít người nhận được mặt anh. Cô đã gọi đến cục cảnh sát và được nối máy với Thám tử Rochert. Anh ta bảo phải sau hai ngày thì báo cáo mất tích mới được thành lập. Vì vậy cô đành dắt Ethan ra ngoài vào ban ngày, lái xe chậm chạp khắp thị trấn, đi khắp các quán ăn và còn đòi gặp Rod van Vleet, người cuối cùng gặp mặt Ross lúc mười giờ sáng hôm trước.

“Oái, Shel,” Ross bông đùa, mặt anh vẫn bóng rát. “Em cũng rất vui khi thấy chị.”

“Em đúng là thằng khỉ.” Shelby nheo mắt. “Em có biết chị đã đi đến những đâu không? Chị vẫn bỏ công đi tìm thằng em đã biến mất không dấu vết mà chẳng buồn để lại ít ra một mẩu giấy nhắn nó sẽ đi đâu hoặc bao giờ thì về?”

“Hai mẹ con cháu còn chạy xuống dưới đường cao tốc,” Ethan châm dầu vào lửa. “Có xác một con mòng biển ở đó. Tuyệt cú mèo luôn.”

Shelby nổi xung chỉ muốn túm đầu cậu em mà lắc. “Đúng vậy đó. Dưới đường cao tốc. Vì sợ em nhảy xuống từ cầu vượt trên đường.”

“Em nói với chị rồi mà,” anh uể oải nói. “Em sẽ không tự tử.”

Cô túm lấy cánh tay em trai, ngay gần vết bóng và gặng hỏi. “Vậy đây là cái gì?”

“Coi như một cách tự sát cực kỳ thiến hiệu quả đi hả?”

Nước mắt dâng trào, khiến cô lại càng thêm bực bội. Shelby nghẹn ngào, “Chị mừng vì em thấy chuyện này hài hước. Chị nghĩ mình đúng là ngốc khi cho rằng chỉ cần quan tâm đến người nào thì người ta ít nhất phải có nghĩa vụ thông báo cho chị biết về tình trạng sống chết.” Cô gạt nước mắt. “Chị mừng vì em không tự vẫn, Ross, vì nếu làm vậy là em đang giết chị đấy.”

“Con mòng biển ấy?” Ethan vừa kể vừa túm tay áo Ross. “Một con mắt của nó còn bị khoét ra nhé.”

“Đừng lo lắng cho em nữa, được không chị? Em chưa bao giờ yêu cầu chị phải làm vậy cả,” Ross càu nhau.

“Em không có quyền lựa chọn.”

“Vậy sao chị không quan tâm đến người nào cần chị ấy?”

“Em không cần chị sao?”

“Không cần chị nhiều như chị cần em,” Ross cãi lại. “Vì Chúa, Shel, chị đang sống như con thú

đêm ấy. Chị ngăn cách bản thân với tất cả mọi người trừ Ethan. Từ lúc đến đây, em chẳng thấy chị có nỗi một người bạn đến nhà uống cà phê. Chị còn chưa hề hẹn hò trong... Chúa ơi, suốt mươi năm qua Đức Giáo Hoàng chắc còn hoạt động xã giao nhiều hơn chị. Chị mới có bốn mươi hai tuổi mà sống như cụ bà sáu mươi. Không cần đến em thì chị cũng đang tự giết mình rồi."

Cô sẽ không khuỷu xuống đây, không phải ngay giữa phòng cấp cứu, không phải trước mặt Ross, đặc biệt không phải trước mặt Ethan. Cô nắm chặt tay và cố gắng kiềm chế. "Em nói xong chưa?" cô gần giọng.

Ross nắm tay chị gái đến khi chị ngược lên nhìn mình. "Shelby. Em không tự tử đâu mà. Em hứa đấy."

"Em đã từng hứa như vậy, Ross," cô thì thào. "Nhưng hóa ra là em nói dối."

Shelby biết rõ khi Aimee qua đời, em trai cô sẽ không thoát khỏi bờ vực thẳm. Cô chứng kiến em mình mất ngủ, thân hình gầy còm tàn tạ. Cô nhìn thấy em mình cố gắng trò chuyện nhưng tâm hồn treo tận đâu. Vì vậy cô đã gợi ý cho Ross đến gặp một bác sĩ tâm lý. Đêm hôm đó, lúc ăn tối, em trai thông báo cuộc hẹn rất bổ ích và còn cảm ơn cô. Mấy ngày sau, khi Shelby bắt gặp Ross nằm trên

vũng máu, anh chỉ kịp thều thào mấy chữ “Em xin lỗi” rồi ngất lịm.

Hóa ra em trai cô chưa hề đến gặp bác sĩ tâm lý.

“Nói cho chị nghe xem,” cô chất vấn, “vì sao bây giờ chị nên tin tưởng em?”

Ross hướng về phía đằng xa, dán mắt vào tấm áp phích khuyến khích người ta hiến tặng. Anh bắt đầu kể cho chị gái nghe một câu chuyện về người phụ nữ đột nhiên biến mất. Sợ hãi... yếu đuối... xinh đẹp... tò mò: Ross dùng hết tính từ này đến tính từ khác để tạo nên một hình bóng mong manh, thế rồi đột nhiên hình dung về người phụ nữ tên Lia Beaumont này rõ dần giữa hai chị em, vừa run rẩy vừa bối rối.

Một từ khiến tâm trí Shelby choáng tỉnh. “Đã kết hôn?” cô nhắc lại.

“Cô ấy sợ chồng mình.”

“Ross à...”

Anh lắc đầu nguầy nguậy. “Chuyện không phải vậy đâu,” anh đáp. Shelby biết em mình đang nói dối; cô chỉ không biết liệu Ross có nhận ra chuyện đó hay không. “Em chỉ thấy lo lắng cho cô ấy. Cô ấy chẳng có chỗ nào để đi. Cô ấy muốn được tự do nhưng lại không tìm được lối thoát. Em nghĩ... em nghĩ cô ấy có thể muốn tự tử.”

Thế chuyện thực ra thế nào? Shelby thầm thắc

mắc, nhưng trước khi kịp nói ra thì cô đã chú ý đến nét mặt em trai. Đó là nét mặt cô biết quá rõ – chính là nét mặt của cô mỗi khi ngược mắt lên nhìn mặt trời, hay ngắm gương mặt của Ethan lúc ngủ say. Đó là nét mặt cô từng thấy ở Ross sau mỗi lần cậu tự tử. Có những khi người ta phải đổi mặt với thực tế, vô phương tránh. Shelby nghĩ em trai đã phải lòng cô gái đó, nhưng vậy thì có thay đổi được gì đâu chứ.

Giọng Shelby khiến Ross hoàn hồn. “Ross, em không thể cứu nổi tất cả mọi người.”

Anh ngả người ra sau như thể Shelby lại vừa tát anh một phát. “Một lần thôi,” anh thì thầm khe khẽ. “Một lần thôi là tốt rồi.” Anh lảo đảo chạy ra khỏi bệnh viện, cố gạt ký ức ấy đi càng xa càng tốt

Khi cậu Ross lao ra khỏi cửa kính, mặt trời như con rồng phun lửa nuốt chửng cậu ấy. Ethan đá ghế ngồi, khiến cả hàng ghế nối liền đó phải rung lên. Mẹ ngồi bên cạnh cậu bé, hai tay bung lấy mặt như lúc không dám xem cảnh người ta bị chém trong phim *Thứ Sáu ngày Mười Ba*. “Cậu Ross làm sao vậy mẹ?” Ethan thắc mắc. “Người phụ nữ đó không có ở trong bệnh viện có phải là chuyện tốt không?”

Mẹ cậu nhóc chớp mắt. “Con nghe thấy hết à.”

“Trời, con chỉ đứng cách đó hai bước chứ mấy.”

Mẹ thở dài, và Ethan biết mẹ lại đang nhầm tính trong đầu: tuổi của cậu theo năm nhân tuổi tâm lý rồi lại chia cho hằng số nào đó để ra được chỉ số ngây thơ trẻ con. “Có một lần cậu con cố cứu mạng một người lạ, nhưng lại để mất một người thân vô cùng quan trọng.” Cô siết chặt tay con trai. “Cậu Ross gặp tai nạn xe lúc đang đi cùng với vị hôn thê. Ross là người bị thương nhẹ nhất, cậu ấy bế cô Aimee ra khỏi xe và đặt bên lề đường. Trong chiếc xe đâm phải xe cậu Ross, còn có một người khác đang mắc kẹt. Cậu con đành để Aimee nằm đó rồi chạy đến xem thử người kia có sao không.”

“Và cô ấy mất à,” Ethan thở ra, mảnh ghép cuối cùng đã tìm được vị trí.

“À ừm. Bên ngoài thì Aimee có vẻ không sao, vì vậy nên cậu Ross cho rằng để cô ấy nằm đó một lúc sẽ không sao – nhưng bên trong thì khác. Nội tạng xuất huyết dữ dội. Cô ấy được đưa đến bệnh viện nhưng các bác sĩ không cứu được.”

“Giống con,” Ethan bình thản đáp. Mẹ cậu nhóc quay mặt đi.

Cậu nhóc vung vẩy hai chân, khiến cả hàng ghế lại rung lên bần bật. “Mẹ, liệu cô Aimee có cơ may khỏe hơn nếu cậu Ross lúc đó ở bên cạnh cô ấy không?”

“Chắc là không, con yêu à.”

“Cậu Ross có biết không?”

“Mẹ nghĩ là cậu Ross biết.”

Ethan nghĩ nghĩ một hồi. “Nhưng chuyện cô ấy qua đời... đâu phải là lỗi của cậu con.”

Mẹ cậu nhìn chầm chằm vào đứa con trai. “Đôi khi biết là vậy nhưng có đỡ đau được đâu con.”

Lucy ngủ rất nhiều. Thỉnh thoảng cô bé nằm mơ thấy mình đang ngủ, đang nằm trên giường. Thỉnh thoảng cô bé còn mơ thấy mình bị rượt đuổi nhưng đôi chân lại không tài nào chạy nhanh được. Có một lần, cô bé còn tưởng tượng ra một quái vật khổng lồ đã ăn thịt mình, sau đó cô nép mình trong răng hàm đen thui của nó mà cứ thế ngủ vùi.

Cô bé vẫn gào thét trong giấc ngủ, nhưng lại không thể phát ra âm thanh.

Đôi lúc có giọng nói vang lên như cửa vào da thịt. Mẹ nài nỉ cô thức dậy và ăn chút gì đó. Bà Ruby cứ tấm tắc bảo rằng Lucy đang hồi phục rất tốt. Ai cũng thấy được hai má hồng hào của cô bé, đúng không nào? Cô nghe thấy giọng nói của mẹ và bà vọng lại từ đằng xa. Cô như bị rớt xuống một cái giếng, ngừa mặt lên nhìn trời.

Mấy gương mặt thấp thoáng sau mi mắt: mẹ, bà Ruby, và cả người phụ nữ đó. Người phụ nữ

treo cổ, đứng ngay đầu giường và ngồi cạnh Lucy trên ghế sofa, gần đến mức khiến hai chân cô bé lạnh toát.

Vẫn là người đó, đứng ra bà ta phải biến mất rồi chứ. Nhưng từ khi bắt đầu uống thuốc, hình bóng người phụ nữ đó lại trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết – làn da xanh xao và đuôi mắt u buồn như thiếu ngủ. Lucy chẳng còn sợ hãi người đó, cô bé còn cảm thấy thông cảm với bà. Cô hiểu được cảm giác đứng trước mặt người yêu thương nhưng người ta lại không thấy bạn là như thế nào.

Đó là lần đầu tiên Eli được gọi đến vì một vụ phá hoại ngược. Rod van Vleet đã nộp đơn than phiền rằng căn nhà vốn đã bị dỡ bỏ nay lại được phục hồi nguyên trạng. Qua một đêm, toàn bộ khung dầm của tầng dưới đã được dựng lại. Anh ta cam đoan rằng đấy là do bộ tộc Abenaki làm. Anh ta muốn cảnh sát thị trấn Comtosook bắt quả tang hành vi đó.

Eli liếc nhìn Watson. Xem ra nó tưởng chỉ cần liếm thật nhiều thì nước dãi có thể làm tan luôn cửa kính xe hơi. Anh đã đến khu vực cắm trại của người Abenaki. Ngoại trừ ông già Az Thompson, ai nấy đều ngủ say như chết. Nhưng chỉ lát sau, khi Eli và chú chó Watson tiến vào khu đất nhà Pike thì anh lập tức hiểu vì sao van Vleet lo lắng:

phía trong hàng rào dựng tạm, căn nhà vừa được tháo dỡ đã tự ráp lại như cũ.

Bên cạnh anh, chú chó Watson rên ư ử rồi lùi lại. “Nhát như thỏ đế,” Eli lầm bầm, đạp rạp hàng rào dây kẽm tạm để bước qua. Căn nhà xộc xệch như bộ xương vỡ – mấy cây dầm và trụ chống chắp nối theo một cách quái đản nhưng vẫn chịu được sức nặng. Đáng nói là căn nhà còn vượt qua cả giai đoạn dựng khung. Vừa được trát qua loa vào mấy bức tường tầng dưới. Vài chỗ đã được gắn ván. Một đội công nhân xây dựng chắc phải mất một tuần mới làm được thế này, nếu chỉ hoàn thành trong một đêm thì đúng là chuyện không tưởng.

Eli cẩn trọng bước trên đám gạch vụn và kính vỡ, chú chó Watson đã bớt sợ cũng chạy theo. Mấy bậc thang dẫn lên hiên nhà chưa phục dựng nên anh anh phải trèo lên. Eli quét đèn pin kiểm tra xung quanh. Trong nhà vẫn còn thiếu mấy tấm ván cách nhiệt và khung cửa cũng chưa vuông vức, nhưng cấu trúc này chắc chắn và đứng vững. Anh còn ngửi được mùi sơn mới.

“Nếu mấy người thổ dân làm ra chuyện này,” Eli nhỏ giọng nói với Watson, “thì tao sẽ tự nhai luôn cái mũ. Nhưng nghĩ lại thì biết đâu món đó sẽ ngon lành hơn mấy thứ trong tủ lạnh của tao với mày đấy.” Anh rón rén bước vào từng phòng,

hoang mang không biết sàn nhà có chịu nổi sức nặng của mình hay không. Lúc anh thử lay tay vịn cầu thang, nó rơi luôn xuống đất. Mấy bậc thang rung rung dưới chân Eli. Lúc cúi xuống, anh nhận ra bậc thang chưa được đóng đinh cố định.

Tầng hai của căn nhà sơi sài hơn. Nguyên một mảng tường còn trống trơn, màn đêm đầy sao là mái nhà. Chỉ có hai phòng tương đối hoàn thiện – một phòng ngủ lớn phía cuối hành lang và phòng tắm cạnh đó. Chân Eli dẫm lên mấy mảng vữa tường và kính. Anh liếc mắt qua Watson vì chợt thấy lo lắng cho nó.

Tiếng nước chảy khiến Eli chú ý, anh tiến thẳng đến phòng tắm. Lại là người phụ nữ đó. Lần này cô ta để mở cửa. Cô ấy đang mặc một chiếc áo choàng tắm màu trắng với khăn lông màu xanh quấn trên tóc như vừa tắm xong. Cô ta nhìn chằm chằm vào anh giống như anh biết mọi câu trả lời.

Watson phục xuống đất, cuộn người lại mà rên rỉ. Sau đó nó cụp đuôi và chạy xuống cầu thang, khiến mấy bậc thang rớt vỡ khắp nơi. “Mày là chó nghiệp vụ K-9 đấy,” Eli lùa bàu, bước vào phòng tắm. Tiếng nước chảy rõ ràng hơn, mặc dù chỉ cần quét đèn pin là thấy chẳng có vết nứt hay ống nước nào. Khi ánh đèn phản chiếu vào mắt, Eli giật mình quay qua tấm gương treo trên tường. Một thứ dễ vỡ thế này mà vẫn còn tồn tại sau khi

căn nhà bị phá bỏ đúng là chuyện thần kỳ, trong khi dưới chân anh đầy kính vỡ. Bề mặt gương mù sương như phủ hơi nước. Anh dùng tay chạm nhẹ vào mặt gương, định quét đi hơi nước nhưng chẳng hề có gì xảy ra. Nếu không lý trí thì chắc anh đã tin rằng tấm gương tự phả ra hơi nước từ bên trong.

Khi Eli dí đèn pin lại gần để xem tấm gương gắn vào tường như thế nào, bề mặt đầy hơi nước bỗng hiện lên hai bàn tay, với chữ cái hiện lên từ phía sau tấm gương. Eli rút súng chĩa vào đó ngay lập tức. Nhưng chĩa vào đâu? Vào tường sao? Hay vào gương? Làm sao có thể đánh bại kẻ thù mình không thấy được.

Tim anh chực nhảy xổ lên cổ họng. Bàn tay trong gương lại càng rõ nét. Sau đó, từ phải qua trái, một ngón tay từ phía sau tấm gương viết lên mấy chữ trên mặt gương đầy sương. C-Ú-U.

“Khi thật,” Eli thở dốc, đột nhiên mặt gương trở nên sáng trong trở lại, phản chiếu hình dáng anh đang hoảng loạn. Anh lùi ra khỏi phòng tắm, chạy như điên xuống cầu thang về phía Watson. Với chú chó theo sát chân mình, Eli nhảy ra khỏi cửa chính. Anh chỉ vừa chạy tới hàng rào tạm thời bao quanh khu đất thì cả căn nhà sáng lên như cây thông Noel, rực rỡ đến mức Eli phải quay

lại, choáng váng vì vẻ đẹp nổi bật của căn nhà lọt thỏm giữa rừng cây.

Tất cả những điều này đều xảy ra tại một nơi chưa từng có điện suốt 20 năm qua.

Ross có thể đánh hơi được cái chết. Cái chết phảng phất trên hành lang, ẩn giấu trong mùi ammoniac, ga trải giường và đám thuốc viên trắng như phấn. Cái chết lén quan sát anh tại góc phòng. Anh tự hỏi liệu những người bước qua cánh cổng của viện dưỡng lão có bao giờ ngãm đến chuyện họ sẽ không rời khỏi đây nữa.

Hôm nay anh định làm điều tra cho đỡ phải cả ngày cứ nghĩ mãi về Lia. Anh không gặp cô, và cũng chẳng nghe được tin tức gì về cô ấy suốt một tuần rồi. Thay vào đó, anh nhận được hết cuộc gọi này đến cuộc gọi khác từ Rod van Vleet. Van Vleet hỏi Ross có biết chuyện căn nhà của ông Pike đang tự gắn kết không? Hoặc chuyện một viên cảnh sát đã nộp báo cáo tường thuật rằng đèn điện trong nhà dù không nối với dây điện nhưng tự bật sáng?

Ross hoàn toàn tin rằng con người không thể kiểm soát được mọi thứ. Bạn có thể thắt dây an toàn nhưng vẫn gặp tai nạn xe hơi. Bạn có thể nhảy vào đoàn tàu đang chạy nhưng vẫn sống sót. Bạn có thể dành mấy năm trời đi tìm ma, nhưng

con ma chỉ xuất hiện khi bạn mải bận rộn với chuyện yêu đương cùng phụ nữ đến mức chẳng thèm để ý. Vì vậy anh đã quyết định ngừng ngóng trông Lia. Vì khi anh ít mong đợi Lia nhất thì cô ấy lại xuất hiện.

Anh đã đến viện dưỡng lão mà không hề báo trước vì không biết liệu ông Spencer Pike có đồng ý gặp mình hay không. Và lúc này, khi ngồi đối diện, Ross cảm thấy thương xót cho ông cụ. Phần duy nhất còn linh động trên người cụ Pike là đôi mắt xanh sáng rực. Những bộ phận còn lại đều rệu rã, vặn vẹo như rễ cây bị hăm trong cái chậu quá chật.

“Dẹp bánh quế nho khô đi,” Spencer Pike lầm bầm.

“Xin lỗi?”

“Đó là thứ vớ vẩn thay tạm cho món bánh vòng thôi. Nói anh biết, bánh vòng không có vị ngọt. Vì tình yêu với Chúa, nó giống như bánh sandwich ấy. Nào có ai phết thạch ngọt lên món thịt muối và pho mát chứ hả?” Ông chồm người ra trước. “Anh làm việc cho van Vleet, vậy anh có thể nói với ông ta là tôi bảo vậy đó.”

“Nói đúng ra thì tôi không hề làm việc cho Tập đoàn Redhook,” Ross đính chính.

“Anh bán bảo hiểm?”

“Không.”

“Luật sư hả?”

“Không phải.”

“Anh là ông chủ cửa hiệu bánh vòng?”

“À, không.”

Pike nhún vai. “Cũng còn may. Thế anh muốn biết gì nào?”

“Tôi biết là khu đất vốn thuộc về vợ ông... nhưng được chuyển quyền sở hữu sang cho ông sau khi vợ ông qua đời và ông không hề có con cái.”

“Sai bét.”

Ross ngược mặt lên khỏi cuốn sổ ghi chép. “Đó là thông tin trong di chúc của bà ấy.”

“Dù vậy thì vẫn sai bét. Cissy và tôi có con, nhưng nó chết yểu.”

“Tôi rất tiếc.”

Pike cọ tay vào cái chǎn đắp trên đùi. “Chuyện đã quá lâu, lâu lắm rồi,”

“Ông Pike, lý do tôi đến đây là để hỏi liệu ông có biết về lịch sử của khu đất trước khi sở hữu không?”

“Đó là khu đất thuộc về gia đình bên vợ tôi. Truyền từ mẹ sang con gái mấy đời nay rồi.”

“Khu đất đã bao giờ thuộc về người bộ tộc Abenaki chưa?”

Ông Pike chầm chậm quay đầu lại. “Bộ tộc gì cơ?”

“Bạn họ là người đang phản đối việc quy hoạch lô đất.”

“Tôi biết bạn họ là ai!” mặt ông Pike đỏ như gác và ông bắt đầu ho khan. Cô y tá chạy đến, đong đưa liếc mắt với Ross rồi nhẹ nhàng đỡ dành cho đến khi nhịp thở của ông cụ bình thường lại. “Bạn họ chẳng thể đưa ra bằng chứng nào về chuyện nó từng là khu nghĩa địa, đúng không nào?”

“Có vài... sự kiện,” Ross cẩn thận lựa từng câu chữ, “khiến người ta tin rằng nơi đó bị ma ám.”

“Ô, chỗ đó bị ma ám thì có gì lạ. Nhưng không phải ma thổ dân châu Mỹ. Vợ tôi qua đời tại đó,” ông Pike thừa nhận với giọng điệu rời rạc và trầm thấp.

Đứa bé chết yếu; cái chết bất đắc kỳ tử của Cissy Pike; khả năng có một hồn ma không chịu yên nghỉ – Ross liên kết mọi thứ lại với nhau. “Vì khó sinh sao?”

Pike lắc đầu. “Vợ tôi bị giết hại. Bởi một người Abenaki.”

Đến giờ nghỉ trưa, Shelby đi bộ từ thư viện khoảng năm phút là đến cửa hàng tạp hóa Gas & Grocery để mua sandwich. Nhưng dạo này, do bài

báo đăng trên *New York Times*, đám phóng viên lúc nào cũng tập trung tại cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu để săn tin về khu đất đang tranh chấp. Abe Huppinworth đang đứng dưới mái hiên, vừa nháy mắt với cô vừa đưa tay quét dọn đám cánh hoa lì lợm. Shelby nhìn ông ta một lúc, rồi đột ngột rẽ sang lối khác.

Trước khi kịp nhận ra, cô đã thấy mình bước vào tòa thị chính. Thư ký văn phòng, cô Lottie đang ngồi tại bàn làm việc với một cuốn sách ăn kiêng. “Tôi chẳng hiểu nổi,” cô rên rỉ, ngược mắt nhìn lên. “Sách viết ‘mười một đơn vị’, làm như tôi sắp ăn cả đội quân ấy.”

Từ hồi Shelby bắt đầu sống ở Comtosook, cân nặng của Lottie vẫn giữ mức tròn trèm trăm ký. Cô thư ký đóng sách lại và cầm một cọng cần tây lên. “Cô biết ai phát minh ra rau xanh không? Quỷ dữ đấy.” Cô cắn một phát. “Lẽ ra tôi không nên bắt đầu ăn kiêng khi tâm tình thế này.”

“Đám phóng viên khiến cô bức悍?”

“Đám người đó đánh hơi khắp nơi để tìm chuyện quái quỷ gì đó. Tôi rốt cuộc cũng phát hết mớ bản sao giấy tờ đất đai của khu đất nhà Pike sáng nay, nên chắc tôi chẳng bị quấy rầy nữa đâu.” Cô lắc đầu. “Tôi nghĩ bên cô chắc còn kinh khủng hơn nhi.”

Shelby nhún vai. “Bọn tôi rút dây điện thoại.”

“Tôi mong bọn họ biến đi cho khuất mắt. Tôi ước tất cả mấy chuyện này qua hết cho rồi. Myrt Clooney kể với tôi là con vẹt Wally LaFleur bỗng dung bắt đầu hát mấy bản ballad của Eidth Piaf. Còn mấy pha cà phê ngay trong văn phòng này sao? Bọn tôi chẳng pha được cái gì khác ngoài nước chanh.” Cô ta đột nhiên mỉm cười với Shelby. “Cô chắc không đến đây để nghe một mụ già ca cẩm rồi. Tôi giúp được gì cho cô đây?”

Mười phút sau, lấy cớ phải tìm hiểu thông tin cho khách của thư viện, Shelby ngồi dưới tầng hầm văn phòng, xung quanh là một đống thùng chứa ghi chép về thị trấn. Hầu hết đều được cột bằng dây thun nhưng chẳng hề xếp theo thứ tự – chỉ có mấy tấm thẻ màu vàng đánh dấu ngày tháng cho giấy khai sinh và chứng tử của cư dân thị trấn Comtosook từ năm 1877 đến bây giờ.

Ross chưa hề nhờ cô giúp đỡ. Có lẽ cô ở đây vì từ hồi tranh cãi gay gắt tại bệnh viện, Ross vẫn luôn cố tình lảng tránh Shelby, nhưng vẫn lịch sự để lại giấy nhắn báo rằng mình sẽ về nhà khoảng 4 hay 5 giờ chiều; mua một lốc sữa để trong tủ lạnh thay cho phần sữa anh đã uống hết. Những lời đồi thoại chưa nói ra như bị giấu dưới tấm thảm, khiến bọn họ đi lại trong mà mà cứ sợ vấp phải. Shelby ước mình đủ dũng cảm để nói với đứa em trai bé bỏng rằng *Em có hiểu chị làm vậy chỉ*

vì thương em không? Nhưng cô lại sợ hãi vì em trai có thể đáp lại bằng một câu tương tự.

Cô chỉ muốn có một phép màu nào đó khiến em trai lại thân thiết với mình. Nhưng vì chẳng tìm được cách nào để nói xin lỗi với Ross vì đã nghi ngờ cậu em nên cô định sẽ giao cho anh thông tin này thay cho lời xin lỗi.

Thùng giấy chứng tử có từ thập niên 1930 đã sống sót qua trận lụt cuối những năm 1950, nhưng mực in nhòe đến mức Shelby chẳng đọc nổi tên người chết, nói gì đến những chi tiết khác. Đây thùng được lót bằng một bảng Báo Cáo Thị Trấn Thường Niên xuất bản với lịch năm 1966. Cô đọc được từ trang bìa, "Thị trấn Comtosook lấy tên dựa trên từ *kôdtôzik* theo ngôn ngữ bộ tộc Abenaki, nghĩa là 'nơi chôn giấu', nhằm ám chỉ trữ lượng đá granite khổng lồ nằm sâu dưới mỏ đá Angel."

Shelby thầm nghĩ đúng là chẳng còn nghi ngờ gì nữa.

Cô đào sâu hơn và bắt gặp mớ hồ sơ năm 1932. Chỗng giấy không bị nhòe nhiều lắm, nhưng cọng dây thun trỏ nén khô giòn đến mức đứt ra ngay trên tay cô. Mấy tấm thẻ đánh dấu nằm trên đùi cô phảng phất mùi lưu huỳnh và hoa khô, Shelby bắt đầu lướt qua mấy tấm thẻ. BERTELMAN, ADA. MONROE, RAWLENE. QUNCY, OLIVE.

Hai tấm thẻ đính kèm với nhau; Shelby lập tức chú ý đến chuyện đó ngay khi nhận ra cả hai tấm thẻ đều có họ PIKE. Tấm thẻ đầu tiên là giấy chứng tử của một đứa bé sơ sinh chết yểu được 37 tuần tuổi. Thời điểm qua đời ước tính: 11 giờ 32 phút sáng. Đính kèm với tấm thẻ là một tờ giấy chứng tử khác để tên bà Spencer Pike. Thời điểm qua đời: 11 giờ 32 phút sáng.

Shelby lạnh run mặc dù dưới tầng hầm cực kỳ oi bức. Không phải vì người phụ nữ này, qua đời lúc mới mươi tám tuổi trong khi mang thai. Cũng không phải vì đứa bé này chưa từng được hít thở trên đời đã chết. Shelby lạnh run vì thứ khiến hai tấm thẻ này đính chung với nhau suốt nhiều năm qua. Shelby không phải chuyên gia, nhưng cô biết chất ấy là máu.

Ruby Weber không thích thừa nhận nhưng rõ là bà đang già đi. Bà nói với mọi người rằng mình mới bảy mươi bảy tuổi, nhưng trên thực tế thì bà đã tám mươi ba tuổi. Hồng bà như bắn lề bị giật, mắt mờ đi. tệ hơn hết là bà hay ngủ gục lúc đang nói chuyện, gật gù như một bà già cao tuổi. Rồi một ngày nào đó bà chắc sẽ ngủ luôn không bao giờ thức dậy.

Nhưng chuyện đó sẽ không xảy ra trước khi Lucy được chăm sóc đàng hoàng. Ruby biết thuốc

đang có tác dụng với cháu gái, nhưng lại khiến bà trả giá – cơn ác mộng của Lucy đã thoái lui và chuyển sang phòng ngủ của bà. Bây giờ thì dù Ruby ngủ gật ở đâu và bất kỳ lúc nào, bà cũng nắm mơ nhận được cuộc gọi khiến đời mình tan nát.

Cuộc gọi xảy ra vào một ngày thứ Hai, tám năm về trước. Bà nhấc ống nghe và nghĩ rằng chắc cửa hàng thuốc gọi đến báo rằng thuốc viêm khớp đã có; hoặc con gái Luxe gọi điện từ chợ báo rằng mình sẽ đến muộn vài phút. Nhưng giọng nói phát ra từ đầu kia lại là một hồn ma.

Bà vẫn đang ngồi đó, nắm điện thoại trong tay, run lẩy bẩy khi Luxe đi mua sắm về. “Mẹ không biết là tính tiền mất thời gian thế nào đâu,” Luxe kể lể. “Làm như người ta đang tích trữ đồ đạc để đi chạy nạn đấy.” Rồi cô cẩn thận quan sát mẹ mình. “Mẹ ơi? Có chuyện gì vậy?”

Ruby vươn tay ra nắm lấy tay Luxe, cảm nhận làn da ấm áp và mịn màng như một viên sỏi. Làm sao bạn có thể kể với người nào đó rằng mình không phải là người như họ tưởng?

Lúc này, Ruby nhận thấy có hai bàn tay nắm lấy vai mình và lay nhẹ. “Bà ngoại. Bà ngoại ơi.”

Ruby không tài nào đáp lại vì tâm trí bà chỉ có hình bóng của Luxe vật vã ôm ngực khi Ruby kể với cô về người vừa gọi điện; rằng Luxe thực sự là ai; rằng Ruby là ai. Bà vẫn nhớ đến gương mặt

Luxe vàng như sáp, cứng ngắc sau cửa phòng cấp cứu khi vị bác sĩ bước ra thông báo con gái đã qua đời vì suy tim. Bà đúng là ngu xuẩn làm sao. Bà đã giữ gìn trái tim của Luxe suốt bao năm qua; giờ nghĩ lại, nói ra như thế đúng là ngớ ngẩn và vô trách nhiệm.

Ngày mẹ qua đời, Meredith vẫn còn là nghiên cứu sinh tại Boston. Cô chạy như điên đến bệnh viện đòi hỏi một phép màu. Cô điên cuồng đến nỗi bà Ruby suýt cũng tưởng cháu mình sẽ được toại nguyện. Thủ tướng tượng xem: Luxe lật tấm khăn che trên người và ngồi dậy. Bà từng chứng kiến những chuyện kỳ diệu như thế xảy ra. Ruby chưa bao giờ kể với Meredith về chuyện mình đã nói gì với mẹ con bé ngay trước khi cơn suy tim xảy ra. Bây giờ, với tình trạng của Lucy, Ruby có thể hiểu được tình mẫu tử có thể khiến phụ nữ phát rõ đến mức nào. “Merry,” Ruby đột nhiên cất tiếng, muốn được kể hết mọi chuyện. “Cháu còn nhớ lúc mẹ cháu qua đời không?”

“Ôi bà ngoại,” Meredith thở dài. “Bà mơ thấy chuyện đó à?”

Bàn tay mát lạnh của cô áp lên má bà ngoại: cử chỉ ấy khiến Ruby hiểu ra mình không thể gây ra cùng một lỗi lầm đến hai lần. Bà quyết định chôn chặt quá khứ một lần cho mãi mãi, để nó cứ phai nhạt rồi biến mất. Bây giờ là cuộc sống của bà.

Spencer Pike chưa bao giờ gọi đến thêm lần nào, lão ta chắc đã xuống địa ngục rồi.

Con chó khiến anh lo lắng. Nó nằm cách Ross khoảng một mét. Một đống to lù lù trông hoàn toàn thư giãn, ngoại trừ đôi mắt nhìn chằm chằm vào Ross không chớp từ khi anh bước vào văn phòng điều tra. Thám tử Rochert lên tiếng, "Anh Wakeman. Anh thử dành một phút đặt mình vào địa vị của tôi xem. Một gã nào đó, chuyên điều tra hiện tượng tâm linh, đến bảo tôi phải điều tra một vụ giết người chưa được giải đáp từ bảy mươi năm trước. Tôi biết tìm ai để lấy khẩu cung – tìm ma à? Và nếu tôi có tìm được hung thủ thì chắc ông ta cũng chết hoặc đã chín mươi tuổi. Chẳng có kiểm sát viên nào ở Vermont chịu thụ lý vụ án đó đâu."

Ross liếc mắt nhìn qua con chó đang nhe răng. Anh thám tử búng tay, và con chó săn lại gục xuống sàn nhà uể oải như không có xương. "Tôi cho rằng xét tình trạng tranh chấp đất đai, anh có thể thấy vụ án này đến rất đúng lúc chứ. Tất cả những gì tôi muốn nói là có một sự khác biệt rất lớn giữa một người phụ nữ chết lúc khó sinh và một người phụ nữ bị giết hại. Có lẽ ông Spencer Pike đã già quéo, cũng có thể giấy chứng tử năm 1932 có sai lệch. Nhưng nói đi nói lại thì có thể

chính thông tin còn chưa biết đó giải đáp vì sao người Abenaki cho rằng họ có quyền sở hữu mảnh đất đó."

Eli chồm tới trước, đôi mắt đen đột nhiên sắc bén. "Anh đến gặp tôi vì biết rằng tôi mang nửa dòng máu Abenaki, đúng không? Anh nghĩ tôi sẽ mở lại hồ sơ vụ án vì tôi nợ họ sao?"

Ross lắc đầu, sững sốt vì cơn thịnh nộ kia. "Tôi đến gặp anh vì anh là thám tử duy nhất đang trực," anh đáp lại.

Lời nói này khiến Rochert im lặng nhưng chỉ được một lúc. "Anh Wakeman, tôi nghĩ anh và tôi làm việc theo phong cách khác nhau đấy. Công việc của anh toàn dựa trên linh cảm, còn tôi phải dựa trên bằng chứng xác thực."

Từ lâu Ross đã biết mình không nên phí công thuyết phục mấy người hay hoài nghi. Sự thật là có rất nhiều người tin vào ma quỷ, và một khi đã chứng kiến hiện tượng tâm linh thì bạn sẽ gia nhập hội đó thôi. Đám người hay hoài nghi cũng có tác dụng giúp giảm bớt những vụ lừa bịp. Ross sẽ không cố thuyết phục Eli Rochert tin rằng ma có thật. Nhưng anh cũng sẽ không để yên cho thằng cha này cạnh khoe công việc điều tra của mình. "Thực ra công việc của tôi giống với anh hơn là anh nghĩ đấy. Chẳng phải sự liên hệ giữa

tội ác và hiện trường là dựa trên ý tưởng ai đi qua cũng để lại dấu vết sao?"

"Khoa học hình sự có thể kiểm tra dấu vân tay, nhưng làm sao lấy được..." Giọng anh ta lạc đi, và Ross nhìn Rochert cau mày suy ngẫm. Sau một hồi, anh ta tiếp tục. "Ngay cả khi vụ giết người này được phá sau bảy mươi năm thì thay đổi được gì? Vợ ông Pike cũng đã mất. Ông ta vẫn là chủ sở hữu hợp pháp của khu đất. Và ông ta vẫn có quyền bán nó đi."

"Cũng còn tùy," Ross đáp.

"Tùy cái gì?"

"Tùy vào việc ai gây ra vụ giết người đêm hôm đó."

Eli chẳng hề ngạc nhiên khi Cục cảnh sát Comtosook lại lưu tập hồ sơ về án giết người chưa phá từ xưa xưa. Chuyện này chẳng phải do các vị tiền nhiệm chăm chỉ cẩn thận, mà do khâu lưu hồ sơ cẩu thả. Nói đúng ra thì chẳng có ai thèm đi dọn dẹp tủ hồ sơ lưu trữ này. Anh phuôi đám mạng nhện dính trên tóc và kéo ra một cái thùng đầy tài liệu.

Cảnh sát trưởng Follensbee chẳng buồn bận tâm đến việc Eli làm gì trong thời gian rảnh. Khi bước lên lầu, Eli tự nhủ lý do anh làm việc này

chẳng hề liên quan gì đến chuyện anh chứng kiến tại khu đất nhà Pike. Lại không hề dính dáng đến người phụ nữ cứ xuất hiện trong giấc mơ của anh vì nguyên nhân nào đó. Anh xem lại hồ sơ vụ án này chưa được phá giải, và những kỹ thuật điều tra hiện trường bây giờ có thể giúp trả lời những câu hỏi chưa được giải đáp từ năm 1932.

Watson ngóc lên nhìn khi Eli bước vào văn phòng, nhưng lười không buồn đứng dậy. Chú chó thò ơ giương mắt nhìn Eli trút các món trong cái thùng gỗ lên bàn làm việc. Một tập hồ sơ cột dây, một chồng ảnh chụp hiện trường vụ án, một cái túi giấy đựng đồ ăn trưa, một hộp xì gà và một sợi dây thòng lọng.

Eli kéo một cặp găng tay cao su ra và cầm lấy sợi dây. Sợi dây chẳng có gì đặc biệt; kiểu dây bện sẵn xuất công nghiệp mua ở đâu cũng có. Vị cảnh sát điều tra vụ này đã khôn ngoan không tháo nút thòng lọng; sau mấy chục năm trời mà nút thắt vẫn còn y nguyên.

Anh cầm lấy mấy tấm ảnh hiện trường. Một tấm cho thấy người phụ nữ trẻ đang nằm với dây thòng lọng quanh cổ. Trên ngực và cổ đầy vết trầy xước không phải vì sợi dây, mà là vết móng tay cào – cô ta hẳn đã cố giãy dụa. Một tấm khác chụp ảnh mái hiên trông như mái kho lạnh. Eli dí mắt lại gần hơn; có một tia sáng trên mái che. Dựa

trên vũng nước dưới sàn trông như chất dịch cơ thể, anh đoán đây có lẽ là nơi treo xác. Một tấm khác đặc tả đôi chân trần thâm tím của nạn nhân.

Đứng trong túi giấy màu nâu là một cái áo có vết bẩn và đôi giày phụ nữ. Một cái túi nhỏ bằng da với quai đeo da sổng đã đứt đôi và một ống tẩu bằng gỗ bạch dương với phần tẩu thuốc làm bằng đá serpentine đặt trong hộp xì gà. Eli nhặt ống tẩu lên săm soi. Ông nội anh đã từng khắc một cái tẩu thuốc như thế này. Anh ngửi thử thì có mùi thuốc lá ngòn ngọt gắn liền với thời thơ ấu.

Đặt nó qua một bên, Eli mở báo cáo điều tra của cảnh sát.

VỤ ÁN SỐ: 32-01

NHÂN VIÊN ĐIỀU TRA: Thám tử F.Olivette

TÊN NẠN NHÂN: Cecelia Pike [hay còn được biết với tên gọi bà Spencer Pike]

NGÀY SINH: 11-09-13

TUỔI: 18

ĐỊA CHỈ: Đường Otter Creek Pass,
Comtosook, VT

THỜI GIAN/ NGÀY XÂY RA ÁN MẠNG:
12 giờ đêm đến 9 giờ sáng,
ngày 19 tháng 9 năm 1932

ĐỊA ĐIỂM XÂY RA ÁN MẠNG: Nhà Pike,
Đường Otter Creek Pass, Comtosook, VT

TƯỞNG TRÌNH SỰ VIỆC:

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2032, lúc 09 giờ 28 phút, giáo sư Spencer Pike (sinh ngày 13 tháng Năm năm 1906) gọi đến Cục Cảnh Sát Comtosook để trình báo vụ sát hại vợ mình, bà Cecelia "Cissy" Pike. Giáo sư Pike báo cáo rằng vợ mình đã qua đời tại nhà riêng vào khoảng từ 12 giờ đêm đến 9 giờ sáng. Thám tử Duley Wiggs và tôi đã đến nhà Pike để điều tra vụ báo án.

Khi đến nhà Pike, chúng tôi gặp được giáo sư Pike. Ông ta trông cực kỳ phẫn nộ. Ông ta đưa chúng tôi đến kho lạnh nơi xác vợ mình được tìm thấy. Nạn nhân đang nằm ngửa trước cửa kho lạnh. Tôi kiểm tra mạch đập nhưng không tìm thấy. Xác nạn nhân đã lạnh. Sau đó tôi đã liên lạc với chuyên viên khám nghiệm tử thi.

Nạn nhân đang mặc một chiếc váy đầm in hoa và mang ủng. Một sợi dây thòng lọng quấn quanh cổ nạn nhân. Ngực và cổ nạn nhân có những dấu cào sâu chày máu.

Dưới chân nạn nhân có nhiều vết bầm tím. Mái che của kho lạnh được chống đỡ bằng nhiều dầm xà lớn. Kết quả giám định ban đầu cho thấy nạn nhân đã bị treo cổ trên một trong những dầm xà trên cao. Ảnh chụp bao gồm ảnh cơ thể và hiện trường.

Toàn bộ khu vực được kiểm tra lấy chứng

cú. Một cái túi nhò bằng da nối với dây đeo da sống được tìm thấy phía bên trái nạn nhân. Sau khi kiểm tra, chúng tôi phát hiện dây đeo đã đứt lìa. Trong túi nhò có chứa một ít thảo mộc gì đó. Bên dưới túi nhò là một ống tẩu làm bằng gỗ bạch dương và đá serpentine. Không có bằng chứng nào chứng minh nạn nhân tự treo mình trên xà nhà được tìm thấy tại hiện trường.

Giáo sư Pike khai báo mình kết hôn với Cecelia vào năm 1931. Ông ta xác nhận mình đang là giảng viên hướng dẫn bộ môn nhân chủng học tại Đại học Vermont. Ông ta khai rằng bà Pike có thai chín tháng và vừa sinh con vào đêm ngày 18 tháng 9. Theo như lời kể của giáo sư Pike, cô hầu gái của gia đình giúp bà đỡ đẻ một đứa bé gái chết yếu vào lúc 11 giờ đêm. Ông ta nói rằng bà Pike vừa suy sụp vừa kiệt sức sau khi sinh. Theo như lời khai của giáo sư Pike thì vợ ông ta đi ngủ vào lúc gần nửa đêm. Theo báo cáo, đó là lần cuối cùng bà Pike được nhìn thấy lúc còn sống.

Giáo sư Pike khai rằng sau khi vợ mình đi ngủ, ông ta vào phòng làm việc và uống vài ly rượu. Ông ta ước lượng mình đã uống hết sáu ly rượu scotch bỏ đá. Ông ta khai rằng mình ngủ gục trên ghế ngồi trong phòng làm việc và không hề thức

dậy mãi cho đến 9 giờ sáng. Lúc đó, giáo sư Pike vào phòng xem chừng vợ mình nhưng lại thấy giường trống trơn cὸn cửa sổ bị đập vỡ. Giáo sư Pike nói rằng ông ta rà soát khắp khu nhà để tìm vợ mình rồi tìm thấy cô đang bị treo cổ trên xà nhà trước kho lạnh. Giáo sư Pike trình báo rằng ông ta đã dùng dao cắt dây đõ vợ mình xuống.

Chiếc tầu thuốc và túi da được giáo sư Pike nhận diện. Ông ta nhận ra hai vật dụng trên là tài sản của một người đàn ông thuộc bộ tộc Abenaki có tên là Sói Xám. Ông ta trình báo rằng mình đã phải đuổi Sói Xám ra khỏi nhà vào chiều ngày 18 tháng 9. Giáo sư Pike khai rằng anh đã chứng kiến Sói Xám theo đuổi và quấy rối vợ mình. Giáo sư Pike nói rằng ông biết người đàn ông đó sống lang thang, vừa mãn hạn tù vì tội mưu sát ở Burlington. Giáo sư Pike kể rằng anh đã chất vấn Sói Xám và yêu cầu anh ta rời khỏi nhà. Theo như lời khai bên khác, Sói Xám đã bị ném khỏi nhà.

Giáo sư Pike cũng không thể giải thích cô hầu gái có thể đang ở đâu khi không hề xuất hiện sau khi anh ta thức giấc vào lúc 9 giờ sáng. Vật dụng tu trang của cô hầu gái vẫn còn nguyên tại căn nhà. Phòng ngủ của cô hầu gái không có dấu hiệu

xô xát. Giáo sư Pike khai rằng cô hầu gái mười bốn tuổi chắc không đủ sức để ra tay sát hại vợ mình. Ông còn cho rằng ông chẳng ngạc nhiên nếu cô bé bỏ chạy vì hoảng sợ khi nhìn thấy vợ anh bị treo cổ.

Chuyên viên khám nghiệm, Tiến sĩ J. E; DuBois đến hiện trường lúc 10 giờ sáng đã tiến hành kiểm tra tử thi. Kết quả ban đầu cho thấy người chết vì nghẹt thở, phù hợp với việc bị treo cổ.

Eli lật sang vài trang khác. Mô tả căn nhà, vật dụng trong phòng ngủ của Cissy Pike. Dấu vết đột nhập và chống cự. Báo cáo khám nghiệm tử thi. Một bộ vân tay lấy sau khi nạn nhân đã tử vong. Một tờ khai của Pike và một tờ khai của Sói Xám đã tự nguyện đến cục cảnh sát để chịu thẩm vấn. Một tờ khai của mấy người đàn ông chứng minh Sói Xám có chứng cứ ngoại phạm vào đêm hôm đó. Một lệnh bắt giam Sói Xám được thẩm phán cấp vài ngày sau đó nhưng không được thực thi vì Sói Xám đã biến mất.

Eli liếc qua sợi dây, áo ngủ và ống tẩu. Ít nhất anh cũng gửi vật chứng đi xét nghiệm DNA xem thử Sói Xám có để lại dấu vết gì hay không. Có thể Sói Xám bỏ trốn khỏi thị trấn vì biết rằng mình sẽ bị kết tội giết người. Nhưng cũng có thể Sói Xám không bao giờ được tìm thấy vì đã

bị chôn dưới sáu tấc đất ở căn nhà đường Otter Creek Pass – tác phẩm của Spencer Pike.

Nếu vậy thì chỗ đó đúng là khu đất chôn thổ dân châu Mỹ.

Khi nhìn thấy từng tia chớp nhiệt nỗi liền những vì sao lại với nhau như trò chơi nối điểm, Ross nhớ đến lần đầu tiên mình suýt chết. Anh không nhớ được nhiều, chỉ biết rằng lúc đó anh đang nhìn lên bầu trời bị chớp xé rách, thấy cơ hội được chết đang tới và dang tay đón nhận. Phải cố lăm anh mới nhớ đến mùi tóc khét; cảm giác cơ bắp cứng lại khi dòng điện bỗng vào thân thể anh. Anh thực tình rất muốn biết cảm giác bước sang thế giới bên kia là như thế nào, ánh sáng trắng rực rõ ấy trông ra sao, nhưng nếu mấy chuyện đó có xảy ra thật thì sao anh chưa từng cảm nhận gì nhi.

Bầu trời chợt bị xé toạc trong khoảnh khắc chớp sáng, nối theo là tiếng sấm đi đúng. Ross cảm nhận được hạt mưa đầu tiên rơi trên trán.

Có rất nhiều quy định đối với quá trình điều tra hiện tượng tâm linh ngoài trời, dựa vào nhiệt độ và điều kiện thời tiết. Đâu ai muốn chụp những bức ảnh tưởng như bóng ma nhưng lại là hơi thở của mình phà lên kính. Chính vì vậy, mưa và tuyết là hai thứ cản trán. Ross đôi khi phớt lờ mờ quy định đó vì những cơn bão sét

tạo ra nguồn năng lượng to lớn khiến ma dễ hiện hình hơn trong điều kiện bình thường. Nhóm Warburton từng được gọi đến bang Connecticut ngay sau một trận bão sét vì một chiếc xe tải đã đâm phải người phụ nữ chạy ngang qua đường cao tốc. Mặc dù có đến sáu nhân chứng cho vụ tai nạn, và phía trước xe tải còn để lại một chỗ lõm to tướng, người phụ nữ bị xe tông đã biến mất. Curtis lý giải đó là do năng lượng trong không khí khiến linh hồn của cô ta đủ rắn chắc đến mức để lại dấu vết trước xe tải.

Ross đã dựng thiết bị lên mảnh đất nhỏ từ lúc tối muộn, hy vọng buổi nói chuyện với Spencer Pike và Eli Rochert có thể khiến cái thứ gì đó ám nơi này hiện hình, nhưng trận mưa đã phá ngang kế hoạch của anh. Anh cởi áo khoác ra che máy quay phim. Một tia sét dữ dội xé toạc bầu trời, đánh trúng mặt đất cách đó chỉ hơn một mét khiến mặt đất rít lên xèo xèo.

Anh chẳng hề muốn rời đi; mới có tám giờ tối và phải vất vả lăm anh mới đến được chỗ này. Anh phải lội đường rừng vì mấy chiếc xe truyền thông đậu kín phía trước khu đất. Đám phóng viên không ngừng tăng lên như lũ gián từ hồi tờ *New York Times* đăng câu chuyện về khu đất ở Comtosook, và Ross càng ngày càng khó né mặt họ. Dọn dẹp rời đi nghĩa là anh phải kéo lê

đám thiết bị qua con đường rừng giữa lúc mưa rơi xối xả.

Ross choàng túi đựng máy quay qua vai và nhét đèn pin vào túi quần short, rồi che đầu và bắt đầu đi vào khu rừng. Mặt đất đóng băng giờ trở nên lầy lội và trơn trượt dưới chân anh. Khi anh đâm sầm vào một người đang vội tiến vào khu rừng giống như anh hối hả rời khỏi đó, Ross thầm tuôn một câu chửi thề. Anh sẽ không để lộ mình. Anh sẽ nói mình cũng là phóng viên; ai biết được, vì anh cũng có mang máy quay phim mà.

Anh ngược mặt lên, vội vàng nói xin lỗi và bắt gặp Lia.

Eli vừa mới nhận ra có những món đồ ăn cho chó thơm như thịt. Mặc dù theo như những gì anh đọc được trong thành phần thì đó không phải là thịt. Người ta sản xuất thế nào đó mà chỉ cần ngửi mùi là tưởng tượng ra được sườn heo, bò bít-tết, thịt quay và thịt bò xay nướng trên lửa. Watson trông khá hào hứng, ham ăn đến mức hai tai cứ rót vào bát thức ăn. Có lẽ Eli nên gọi đến hàng đồ ăn cho chó hỏi xem họ xài loại nước xốt nào. Rưới thứ ấy lên khối đậu hũ chết tiệt kia không chừng lại ngon.

Điện thoại reo, và anh vươn tay lấy ống nghe.

“Eli,” một giọng nữ phát ra. “Tối thứ Bảy mà cậu ở nhà làm gì hả?”

Anh mỉm cười. “Thế tối thứ Bảy mà cậu còn ở chỗ làm hả, Frankie?”

Frankie Martine là một nhà nghiên cứu di truyền kiêm bạn cũ. Anh gặp cô tại Hội nghị Điều Tra Twin States. Cô đánh bại anh lúc chơi trò ném xu trúng cốc. Cô hiện đang sống ở Maine. Sau mấy năm trời hẹn đến thăm cô, rốt cuộc anh đã đến đây hai ngày trước và để tự tay đưa cô bằng chứng của vụ giết người nhà Pike. Đó là cách duy nhất – sếp anh sẽ chẳng bao giờ đồng ý chi tiền thuế của dân để làm xét nghiệm DNA cho một vụ lò mò thế này, và Frankie đã đồng ý giúp với tư cách bạn bè.

“Lý do tớ còn phải làm việc là vì có gã bạn nào đó khiến tớ phải dính lấy phòng nghiên cứu,” cô đáp. “Chúng ta quên nhanh thật.”

Eli ngồi xuống. “Có tin gì tốt cho tớ không?”

“Còn tùy cậu coi thế nào là tốt. Tớ lấy được mẫu DNA từ nước bọt dính trên tẩu thuốc. Tớ cũng lấy được DNA từ phần da dính trên dây thông lọng. Mẫu DNA trên dây có vẻ đến từ hai người khác nhau. Người thứ nhất là nữ – tớ nghĩ có lẽ là nạn nhân. Người thứ hai có DNA dính ở đầu sợi dây thuộc về nam giới.”

“Tuyệt vời.”

“Đừng mừng vội,” Frankie đính chính. “Người đàn ông để lại mẫu DNA trên dây không phải là người để lại nước bọt trên ống tẩu.”

Đầu óc Eli quay cuồng: giả sử ống tẩu thuộc về Sói Xám và nếu Sói Xám treo cổ Cissy Pike thì sao DNA của anh ta không nằm trên dây thòng lọng? Nếu không phải vậy thì điểm này có đủ để minh oan cho anh ta không nhỉ? Và nếu mẫu DNA trên dây không phải là của anh ta... thì là của ai? Tay cảnh sát điều tra? Hay là Spencer Pike?

“Eli, Eli.” Giọng nói của Frankie cắt ngang suy nghĩ của anh. “Tớ biết cậu đang thả hồn đi xa rồi đấy.”

“Xin lỗi.” Anh lắc đầu để dọn dẹp suy nghĩ. “Vậy còn túi đựng thuốc thì sao?”

“Cái gì cơ?”

“Cái thứ nhỏ nhỏ làm bằng da ấy.”

“À, cái đó à,” Frankie gật gù, “kết quả cứ sai mãi. Tớ nghĩ có gì đó trực trặc trong quá trình xét nghiệm.”

“Làm sao cậu biết kết quả sai khi chưa nắm được câu trả lời?”

“Kết quả trông quái đản lắm.”

Eli cau mày. “Quái đản theo kiểu mẫu DNA là của người ngoài hành tinh... hay là quái đản vì cậu không đọc được kết quả vì mẫu vật quá cũ?”

“Quái đản theo kiểu cậu để tờ yên thân đi rồi tờ gửi báo cáo cho cậu.”

“Chừng nào?” Eli đòi hỏi.

“Hai phút sau nếu cậu để tờ gác máy.”

“Cảm ơn nhé, Frankie.”

“Đừng cảm ơn tờ vội,” cô đáp. “Lúc tờ xong việc rồi thì chưa chắc cậu đã muốn cảm ơn đâu.”

Ethan thò đầu vào buồng tắm, noi mẹ cậu đang ngâm mình trong bồn. “Vào đây nào,” mẹ cậu nói, và cậu chạy vào, mắt vẫn dán xuống sàn nhà. Cả người mẹ được bong bóng xà phòng bao phủ từ cổ đến chân, nhưng mà, cứ nghĩ mẹ đang “không mặc gì” cứ thấy quái quái thế nào.

“Này,” cô vừa nói vừa cười. “Dáng mẹ cũng nuột lắm đấy nhé.”

Cậu nhóc lén liếc một phát: Ngày xưa chắc là thế. Chỉ có phần đầu nổi lên trên lớp bọt xà phòng. “Con không mở được,” Ethan càu nhau, chìa một hộp bơ đậu phộng về phía mẹ mình.

“Vậy à.” Mẹ cầm lấy hộp bơ, vặn một phát rồi đưa lại cho cậu. Cái hộp giờ dính xà phòng. “Con đang làm gì vậy?”

“Con đang làm món ăn vặt để xem phim.” Hai mẹ con mới thuê mấy bộ phim dễ thương dành cho con nít; Ethan muốn thuyết phục mẹ cho

phép cậu xem *Die Hard II* đang chiếu trên truyền hình cáp kia. Cậu nhóc liếc mắt qua cửa sổ ướt đẫm nước mưa. “Không được ra ngoài chơi đúng là ngứa ngáy thật.”

“Ethan.”

“Ừ thì dù không được nói nhưng đúng là ngứa ngáy thật mà.”

Khi chuông cửa vang lên, hai mẹ con đều nhảy dựng. Không phải vì khách không nên đến chơi vào lúc chín giờ ba mươi tối thứ Bảy, mà là vì chưa bao giờ có khách đến nhà. Ethan thấy mặt mẹ trắng bệch như màu bong bóng xà phòng. “Ross xảy ra chuyện rồi,” cô thì thào rồi vùt đứng dậy.

Ethan chỉ kịp quay mặt đi trước khi thấy, à ừ, thân hình của mẹ. Meredith túm lấy áo choàng tắm và quấn một cái khăn xanh quanh tóc, rồi lao xuống cầu thang.

Cậu nhóc định chạy theo mẹ, mấy món đồ ăn vặt đang đặt trên quầy bếp như chờ đợi cậu. Vậy mà đầu óc Ethan như dừng lại vào hình ảnh lướt qua mắt cậu trước khi quay mặt đi – một bàn chân lộ ra dưới lớp xà phòng.

Chẳng hiểu lý do vì sao, cảnh tượng đó khiến cậu nhớ đến cái đêm đi săn ma với cậu Ross.

Dù có tưởng tượng ngông cuồng đến đâu, Eli cũng không nghĩ đến mình sẽ hợp tác với một tay điểu

tra hiện tượng tâm linh. Anh vẫn cho rằng bằng chứng là thứ cầm được trong tay chứ không nghĩ trong đầu. Nhưng cuộc gọi của Frankie tối nay đã thay đổi tất cả. Không tìm thấy mẫu DNA của kẻ tình nghi – nhưng lại tìm thấy DNA của người khác trên sợi dây. Cả hai khả năng đều chẳng đủ để kết tội hay minh oan... nhưng nếu xem xét đến yếu tố ngoại cảnh thì có thể lầm. Eli cần thảo luận với ai đó hiểu về những điểm chưa biết về quá khứ. Người đó chính là Ross Wakeman.

Anh đứng dưới mái hiên bấm chuông cửa lần thứ hai, mưa vẫn đang rơi xối xả trên mái tôn. Wakeman đã để lại số điện thoại kèm địa chỉ và nói với Eli, “biết đâu anh sẽ thay đổi quyết định và đồng ý mở lại vụ án này thì sao.” Đôi mắt sắc bén của Eli lập tức chú ý đến tấm ván trượt dựa vào tường và đôi dép đi vườn màu vàng cạnh đó. Cảnh tượng này khiến Eli sững sốt bởi cảm giác của anh luôn rất nhạy, và Ross Wakeman chẳng có vẻ gì là người đàn ông của gia đình. Anh biết có người ở nhà vì xe hơi đậu ngay lối vào. Eli nhìn thấy một bóng dáng lướt qua ô cửa sổ sáng đèn tầng trên. Anh gõ cửa thật mạnh. “Xin chào?”

Tiếng một đống khóa cửa được mở lần lượt vang lên. Một vệt màu xanh hắt ra từ cửa sổ cạnh đó; tay áo vải bông. Cửa bật mở và một giọng nói sợ hãi vang lên. “Tôi có thể giúp gì cho anh?”

Eli không đáp được. Anh chẳng biết làm gì khác ngoài việc nhìn chằm chằm vào người phụ nữ luôn xuất hiện trong giấc mơ của mình, không nói nên lời.

Ethan nhúng tay vào mớ bọt xà phòng và thổi nhẹ. Cậu nhóc đã ngửi thấy mùi này khi đèn vụt tắt trong căn nhà bị ma ám. Cậu nhóc đứng dậy và tắt hết đèn, để bóng tối tràn ngập khắp phòng tắm. Lúc này, với hương hoa phảng phất xung quanh và cảm giác ẩm ướt lan tràn, đúng là giống hệt cảnh tượng đêm hôm ấy.

Lúc đó cậu Ross đã hỏi Ethan có thấy gì không, cậu đáp không, nhưng cậu đã lén nhìn một lần và đúng là có cái gì đó chuyển động trong bóng tối. Lúc đầu cậu nhóc cho đó là cậu Ross, nhưng nghĩ lại thì không phải. Ethan phải nheo mắt mới nhìn kỹ được hình dạng trước mặt cậu, mỏng manh như dây cước câu cá. Một gương mặt, mà có thể không phải, khi đó cậu không nhìn rõ, bây giờ lại càng mơ hồ.

Nhưng Ethan biết chắc chắn một chuyện: mùi hoa đã xuất hiện ở chỗ cậu, sau đó mới biến mất. Có cái gì đó đã theo cậu Ross ra ngoài, chứ không phải cậu Ross đuổi theo thứ gì đó.

Một tia chớp làm cả hai sực tỉnh. “Em quay lại

rồi," Ross nói, không để ý hai mắt Lia đỏ ngầu và cô đang lắc đầu nguầy nguậy. Cô đã quay lại tìm anh, và chỉ vì chuyện này thôi cũng đủ để anh cố gắng hết sức giữ cô ở lại. Anh biết chắc vào lúc này anh có thể đánh gục hàng trăm phóng viên. Anh có thể thách thức chồng cô. Anh còn có thể khiến sấm chớp ngừng lại nếu cần làm như thế.

"Em đến để nói lời tạm biệt," Lia trả lời.

Từng chữ như sấm nổ bên tai Ross. Anh chẳng thể nào lý giải được cảm giác của mình khi ở bên người phụ nữ này; vì sao làn da anh như gào thét, đầu ngón tay anh lạnh buốt mỗi khi cô có mặt. Anh tin rằng Lia cũng cảm thấy như vậy. Suốt nhiều năm qua, anh đã đi tìm câu trả lời cho cái chết của Aimee; nhưng gần đây anh mới biết mình đã đặt sai câu hỏi.

Trước khi muốn nắm bắt được thứ khác, bạn phải học cách buông tay.

"Không được." Nước mưa trút xuống tóc và chảy dài trên mặt anh. Anh không biết phải giải thích như thế nào để Lia hiểu được "rời xa" là quyết định của hai phía. Một người không để rời đi nếu đối phương chưa sẵn sàng cho phép. Thế nên anh tiến về phía cô.

Ross ôm lấy gương mặt cô và hôn. Anh nếm được sự hoài nghi trên lưỡi, vị đau đớn trên vòm họng. Anh nuốt hết và lại tiếp tục uống cạn. Cô

phải hiểu được lòng anh trống vắng đến nhường nào, và chỉ có cô, từng ngụm từng ngụm, lấp đầy trái tim anh.

Bão tố càng lúc càng dữ dội, ánh chớp xanh lè kèm tiếng sấm khiến mặt đất rung lên. Lia đẩy anh ra, đôi mắt to đầm đìa nước mắt. "Chờ đã," Ross gào lên, nhưng cô quay đầu và bắt đầu chạy vào rừng.

Anh chạy theo cô như thợ săn mồi, mắt anh dán vào cổ áo màu trắng phấp phới. Cô chạy nhanh qua bãi đất trơn trượt lầy lội nơi Ross hay quan sát, phóng qua mấy mảng đất chẳng biết mọc từ đâu ra. Cô biến mất ngay chỗ khuất trong rừng.

Ross chưa từng đặt chân đến chỗ này, anh không nhớ mình đã từng đến đây. Phổi anh quặn thắt, thở hồng hộc nhưng lại không dừng chân. Lia rẽ vào một con đường mòn hai bên mọc đầy thông non và mớ cây bụi um tùm đóng băng. Gai nhọn mọc vào dây giày, cào xước bắp chân anh rồi lại đột nhiên biến mất. Dưới chân anh, mặt đất đã tan băng, một khoảng đất nhỏ mọc đầy hoa hồng trắng bị dẫm nát.

Lia liếc mắt nhìn xuống thảm hoa nhưng không hề dừng lại. Ross cũng không rời mắt khỏi cô, dõi theo đôi chân vọt qua giữa hai bia mộ. Anh đuổi theo, chân vấp phải hai tấm bia, anh ngã úp mặt xuống bùn.

Mệt đứt hơi và choáng váng, anh khó khăn lăm mới đứng dậy được. Ánh chớp lóe lên khiến anh thấy được dòng chữ trên bia mộ. LILY PIKE, MẤT NGÀY 19 THÁNG 9 NĂM 1932. Và trên bia mộ lớn hơn là dòng chữ: CECILIA BEAUMONT PIKE, SINH NGÀY 9 THÁNG 11 NĂM 1913, MẤT NGÀY 19 THÁNG 9 NĂM 1932.

Ross ngược mặt lên và bắt gặp Lia cũng đang nhìn chằm chằm vào ngôi mộ. Cô chầm chậm vươn tay vuốt ve bia mộ nhỏ hơn, nhưng bàn tay cô lại xuyên qua tấm bia. Cô nhìn Ross, lặng yên.

Cissy Pike. Cecilia. Lia.

Ross đã từng nghe kể về những hồn ma không biết mình đã chết rồi. Anh đã từng gặp nhiều đồng nghiệp từng bị ma cắn, đánh, tát và xô. Anh vẫn luôn cho rằng con ma đầu tiên mình thấy chắc sẽ trong suốt, một bóng ma đúng như người ta mô tả, nhưng khi có đủ năng lượng thì ma trông cũng giống như người.

Ross, một người hay mất ngủ, lại luôn ngủ như một đứa bé từ khi gặp được Lia. Anh run rẩy khi cô ấy ở bên. Đó là do sức hút, theo đúng nghĩa đen: Anh lạnh như vậy là do hồn ma hút đi nhiệt lượng cơ thể anh.

“Ross,” Lia gọi, anh nghe tiếng cô vọng từ trong tâm trí. “Ross?” Phía trên bia mộ, trên mộ của chính mình, cô vươn tay về phía anh.

Dù đưa tay về phía cô ấy, anh biết chuyện này chỉ mang lại đau khổ cho mình. Ngón tay Lia khiến anh cảm thấy lạnh buốt. Thân thể cô dần trở nên trong suốt. Ross vuốt nước mưa trên mặt để nhìn cho kỹ, để anh nhớ rõ khoảnh khắc sắp qua đi lúc này là như thế nào.

Phần Hai

Năm 1932

Có hai biểu hiện của sự ngu ngốc.
Thứ nhất, tin vào điều không có thật;
Thứ hai, từ chối tin vào điều có thật.

— SOREN KIERKEGAARD

chương
Năm

Tháng 7 năm 1932

Nước chỉ cần chảy thì sẽ luôn trong lành.
Nhưng quỹ gene con người thì không giống như vậy.

— H. F. Perkins

Bài học từ Nghiên cứu Ưu sinh tại Vermont,
Báo cáo thường niên thứ nhất, năm 1927

Một ngày sau khi tôi tự sát bất thành, Spencer bảo hai vợ chồng sẽ đi tham gia lễ hội ở thành phố Burlington. Anh ấy cứ nhắc đến chuyện này trong lúc băng bó vết thương sâu hoắm trên cổ tay tôi. Anh nói, “Cissy, ở đấy sẽ có thầy bói, ảo thuật gia biết nuốt lửa và kịch lịch sử đấy. Còn có vô số trang sức được

bày bán." Anh thắt gút băng và chuyển qua lý do trọng tâm của chuyến đi chơi thị trấn: "Cha sẽ gặp vợ chồng mình ở đó."

Mặc dù thời tiết nóng đến mức khiến đám hoa bồ công anh và cúc vàng mắt đen héo rũ, anh vẫn giúp tôi mặc một chiếc áo dài tay màu trắng để che đi vết thương. "Không nên để cho ai biết chuyện này," anh thì thầm, và tôi cứ thế nhìn chằm chằm vào mảng hói bóng loáng trên đầu chồng mình cho đến khi ánh nắng phản chiếu vào đó buộc tôi phải quay mặt đi. "Em đang mộng du, chuyện chỉ có vậy. Em còn chẳng biết mình đang làm gì."

Đối với Spencer, mặt mũi trước người khác còn quan trọng hơn những gì trong lòng. Mục đích quan trọng hơn phương pháp. Đó là bản chất lý thuyết của Charles Darwin. Và tôi nghĩ rằng Spencer sẽ thờ phụng ngài Darwin nếu không ngại mấy vị tai to mặt lớn trong giáo đoàn gán cho anh cái tội bỏ đạo. Mấy ngón tay thon dài của Spencer ôm lấy mặt tôi. "Thôi nào, Cissy," anh dỗ dành. "Đừng làm anh thất vọng."

Tôi còn chưa từng nghĩ đến chuyện làm thế, nên nặn ra một nụ cười. "Được rồi," tôi đáp.

Thật ra tôi muốn nói: Đừng gọi tôi là Cissy nữa. Đó là cái tên của một nhà tiên tri ích kỷ đạo đức giả, và hãy xem cái tên đó khiến tôi biến thành cái gi. Thật ra tôi muốn nói: Mẹ đặt tên cho tôi

là Cecilia, nghĩa là xinh đẹp, một chuỗi âm tiết êm tai. Một lần nọ, lúc đầu óc quay cuồng sau khi uống rượu mâm xôi tại bữa tiệc toàn khoa, tôi bảo với chồng mình rằng tôi muốn được gọi là Lia. “Leah sao?” anh cố tình nghe sai rồi lắc đầu nguầy nguậy. “Trong kinh thánh, đó là tên bà vợ ông Jacob không ưa đâu.”

Anh đỡ tôi đứng dậy, vì “mang thai” là trạng thái sức khỏe mà Spencer chấp nhận được. Lại thêm một chủ đề mà chúng tôi không muốn nhắc đến. Vì công việc của Spencer vốn liên quan chặt chẽ đến sức khỏe tinh thần, nên hai vợ chồng chẳng ai dám thừa nhận rằng tôi có vài điểm tương đồng với đám người nhốt trong bệnh viện thành phố Waterbury.

Tôi không tài nào giải thích cho một người như Spencer hiểu được cảm giác nhìn vào gương và không nhận ra mặt mình là như thế nào. Vì sao có những ngày tôi thức dậy và phải cố gắng hết sức mới mang một lớp mặt nạ và hòa nhập với cuộc sống như bao nhiêu người khác. Tôi từng ngồi cạnh anh ấy, móng tay đâm vào da thịt đến mức bật máu thì mới có cảm giác mình tồn tại.

Tôi tưởng tượng đến cảnh mình bị đẩy ra giữa biển khơi trên một cái bè, ngủ thiếp đi dưới trời nắng gắt: chảy mồ hôi, bỏng rát và không bao giờ tỉnh giấc. Dù tin hay không thì viễn cảnh đó

vẫn dễ chịu như áp người vào tấm chăn mát lạnh. Nếu phải chết, tôi muốn được chọn chết lúc nào và ở đâu.

Sau nhiều năm luôn là kẻ bên lề, thật dễ dàng để chấp nhận rằng không có tôi thì thế giới sẽ tốt đẹp hơn biết bao. Spencer hay nói rằng tình trạng của tôi chỉ là do hóa chất trong cơ thể và não bộ mất cân bằng, nhưng tôi thừa biết mình chưa bao giờ hòa hợp với thị trấn này, cuộc hôn nhân này và cả màu da này. Tôi luôn là đứa bé cuối cùng được chọn trong nhóm; tôi là cô gái cười theo mọi người mặc dù chả hiểu gì câu chuyện cười; tôi là một phần trong tính cách mà ai cũng muốn giả vờ bỏ qua. Nhưng những thứ đó chính là tất cả của tôi, luôn luôn như vậy.

Đã hết đau. Tôi đang mang đứa con trong bụng, nó chưa bao giờ đòi hỏi bất kỳ điều gì. Và nếu tự sát đồng nghĩa với việc tước đoạt sinh mạng của đứa bé, thì coi như tôi đã hai lần giết những người mình có thể mở lòng yêu thương.

Spencer rất khôn ngoan; anh ấy vẫn luôn sử dụng sự thật như mánh khốe để thương lượng. Anh ấy không ngừng trêu chọc và tán tỉnh để đến lúc chúng tôi rời nhà đi đến thị trấn, tôi sẽ cảm thấy mong đợi buổi lễ hội. Tôi ngửi thấy mùi thuốc súng lúc bắn pháo hoa; tôi nghe được âm thanh hoành tráng của lễ diễu hành. Đứa bé trong

bụng không ngừng lăn lộn như con cá bạc trong hồ Champlain, khiến tôi vô thức đặt tay lên bụng. Spencer nhìn thấy, đặt tay anh lên tay tôi và mỉm cười. Suốt lúc đi dọc đường Otter Creek Pass, tôi nghĩ đến bà thầy bói; liệu bà ta có tìm thấy gương mặt của mẹ tôi trong quả cầu thủy tinh, hay như tôi chỉ nhìn thấy vực sâu thăm thẳm khi nghĩ về tương lai chính mình.

Câu hỏi: Thứ quý giá nhất trên thế gian là gì?

Trả lời: Quỹ gene của loài người.

Câu hỏi: Làm cách nào để quỹ gene trở nên bất tử?

Trả lời: Chỉ có bằng cách sinh con để cháu.

Câu hỏi: Nhiệm vụ ưu sinh của mỗi cá nhân với văn minh nhân loại là gì?

Trả lời: Phải đảm bảo những ưu điểm được truyền cho thế hệ mai sau nếu ưu điểm vượt trội khuyết điểm. Xét về tổng thể, nếu một người có quá nhiều khuyết điểm, những khuyết điểm đó phải được loại bỏ bằng cách để quỹ gene xấu kia chết đi cùng với người đó.

— Hiệp hội Ưu sinh Mỹ
Nguyên lý của Thuyết Ưu Sinh, năm 1926

Cái nóng khiến con đường nhũn ra như trái cây chín mềm, lề đường như pháp phồng dưới chân tôi. Đàn ông trong bộ âu phục mùa hè nắm tay phụ nữ mặc những chiếc áo đầm vải lanh thời thượng. Có những quầy bán kem chanh và kem cuộn đỏ-xanh-trắng. Sao mà ai cũng cười tươi quá.

“Anh nghe nói có một trận boxing sáng nay nữa đấy,” Spencer kể. “Một người lính ở chỗ công sự vừa bị một tay đấm Ireland từ New York City đánh bại.” Anh dắt tôi ra bên rìa đám đông và cố vuơn cổ nhìn về phía khu Đồi nơi cha tôi đang sống hiện giờ, còn vợ chồng chúng tôi lại dọn về nơi tôi sinh ra. “Không phải cha Harry sẽ đến muộn chứ,” Spencer lầm bầm. “Em có thấy cha không?”

Nhưng Spencer cao hơn tôi gần một cái đầu và anh còn đeo kính. Tôi cố dõi theo hướng anh nhìn nhưng chỉ thấy một cậu bé đi chân trần đang quỳ bên đống phân bò để nhặt mấy đồng xu lẻ do ai đó đánh rơi. Cậu bé thuộc về xã hội mà tôi không biết – những người sống trong khu ổ chuột ở phía Bắc chỉ cách đây chưa đầy trăm mét mà tưởng như cách nhau cả thế giới.

“Con yêu,” cha tôi gọi từ phía sau. Cha hôn lên má tôi. “Xin lỗi Spencer,” ông nói và bắt tay với anh. “Cha vừa xem trận boxing. Hấp dẫn

thật đấy. Nếu con nhìn vào sinh lý học của vài kẻ nhập cư..."

Dù lớn lên cùng với khoa học, nó vẫn luôn là thứ ngôn ngữ xa lại với tôi. Cha tôi, Harry Beaumont, là giáo sư môn sinh học tại Đại học Vermont, còn Spencer là giáo sư môn nhân chủng học rất tin định luật di truyền của Mendel. Cả hai người đều là học trò của giáo sư Henry Perkins, chính là người đưa thuyết ưu sinh đến với bang Vermont, đó là môn khoa học cải thiện loài người thông qua chọn lựa di truyền. Giáo sư Perkins đã từng đứng đầu đợt Khảo sát Ưu sinh tại Vermont – một nghiên cứu trên những gia đình tại bang Vermont do tư nhân tài trợ. Hiện ông đang làm tình nguyện tại Hội đồng Ủy ban Đời sống tại Vermont, giống như cha tôi và Spencer. Nhiều năm qua, hội đồng đã tập trung vào Nghiên cứu gia đình nòng cốt. Nghiên cứu theo dõi những gia đình dần lụn bại tại Vermont để xác định liệu thành tựu kinh tế và xã hội của vùng có liên quan đến kiểu người định cư ở đây hay không. Tất cả nhân viên cộng đồng và nhân viên tập sự đều có quyền tham khảo sơ đồ phả hệ của từng gia đình để phục vụ công tác. Ngoài nghiên cứu và luật triệt sản mới được ban hành, Vermont sắp gia nhập vào nhóm các bang đi đầu làm mẫu cho đất nước.

Đó là một chiến dịch cải tổ cấp tiến, kích thích đến rùng mình. Spencer luôn nói rằng mục đích không chỉ giúp Vermont tiến bộ mà còn tái dựng bang Vermont đẹp đẽ ngày xưa: một thị trấn xanh, nhà thờ màu trắng, ngọn đồi chấm phá bằng sắc thu đẹp đẽ. Cha tôi và Spencer là một trong những người đầu tiên nhận ra rằng bức tranh ấy dần bị hủy hoại vì nguồn gene Yankee mạnh mẽ dần bị thay thế bởi những cá thể kém ưu việt hơn. Những nhân viên thực địa của nghiên cứu gia đình nòng cốt đã xuống từng thị trấn để kiểm tra xem địa vị kinh tế và xã hội có liên quan gì đến chất lượng của những gia đình sống lâu đời tại đó hay không. Chẳng ai ngạc nhiên khi biết những thị trấn suy tàn chính là nơi nhiều gia đình có người thay nhau vào bệnh viện tâm thần, trại giáo dưỡng và tù giam. Vì vậy những gene lặn như đần độn hay xu hướng phạm tội cứ thế truyền lại cho đời sau – tất cả những điều đó đều được chứng minh từ sơ đồ phả hệ mà cha tôi vẫn trải ra trên bàn ăn. Vermont có thể tái tạo lại khung cảnh nên thơ của quá khứ bằng cách tập trung vào nhóm dân đó và tiến hành ngăn chặn trước khi đám gene xấu sinh sôi nở.

Spencer luôn nói các nhân viên thực địa đang tìm kiếm thứ gọi là “Gia đình lý tưởng của bang Vermont, giống như nhà chúng ta vậy.”

Từ khi kết hôn, tôi vẫn luôn cố làm tròn bổn phận. Tôi tham gia vào ban quản trị cho Hội Bảo trợ Trẻ Em, tôi là thành viên của hội Con gái của Cách mạng Mỹ, và tôi là thư ký của Hội phụ nữ tại nhà thờ. Nhưng mấy người phụ nữ mạnh mẽ ở đó, với mái tóc ngắn, miếng đệm vai và đôi tất da đó, lúc nào cũng nói những câu giống nhau; đưa ra những đề nghị giống nhau; thỉnh thoảng dáng vẻ của họ cũng chẳng khác gì nhau. Và tôi chẳng phải một trong số họ.

Đôi lúc tôi vẫn tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi không kết hôn với Spencer mà đi học đại học, sau đó tham gia làm nhân viên thực địa cho khảo sát ưu sinh như Frances Conklin và Harriet Abbott. Tôi có vui vẻ hơn không? Những người phụ nữ ấy là một phần của chiến dịch thúc đẩy Vermont tiến đến tương lai. Họ tạo ra sự khác biệt.

Spencer thường nói rằng vài người phụ nữ sinh ra là để thay đổi thế giới, số còn lại là để gắn kết thế giới. Vậy hẳn sẽ có những người không muốn tham gia cả hai nhóm đó, như tôi, vì biết rằng dù cố gắng đến đâu thì người như tôi cũng không tài nào hòa nhập được.

Cha choàng tay qua vai tôi. “Cháu trai của cha khỏe không?” ông hỏi, như thể giới tính của đứa bé là chuyện ai cũng đoán được.

“Khỏe như trâu ấy,” Spencer đáp. “Thằng bé cứ đạp Cissy cả ngày.”

Mọi người đều cười tươi. Chẳng ai nhắc đến mẹ tôi, dù cho hình bóng bà vẫn luôn liên quan đến cuộc trò chuyện. Hồi còn trong bụng mẹ, tôi có khỏe như trâu không? Có gấp phải vấn đề gì không?

Mồ hôi chảy dọc xuống ngực và xương sống. Da đầu dưới mũ trùn ngứa ngáy. Tôi nghe thấy tiếng phà trên mặt hồ kêu lên, hối hả rời bến. “Thưa cô,” một giọng nói phát ra từ bên trái. “Cô không sao chứ?”

Đó là một người đàn ông trẻ tuổi trong bộ âu phục với bông cầm chướng viền đỏ gắn trên ve áo. Mái tóc chải ngược về một bên có màu đường mật. Tay anh ta chạm vào khuỷu tay tôi.

“Cô hơi xanh xao đấy.” Anh ta mỉm cười. “Đáng yêu hơn bất kỳ thứ gì tôi thấy trong ngày hôm nay, nhưng lại lụi tàn quá nhanh.”

Trước khi tôi kịp trả lời thì Spencer đã cắt ngang. “Anh có gì muốn nói với vợ tôi sao?”

Người đàn ông kia chỉ nhún vai. “Tôi có điều muốn nói với tất cả đám đông.” Lúc bước lên bục diễn thuyết, anh ta còn nháy mắt với tôi.

“Có lẽ năm sau con nên đấu một trận boxing với gã người Ireland,” cha tôi đùa với Spencer.

“Con sẽ làm vậy nếu anh ta cứ cố tình dây dưa

với Cissy.” Sau đó lời nói của Spencer chìm ngầm trước chất giọng nam trâm đầy uy lực của người đàn ông kia.

“Thưa quý ông và quý bà,” nhà diễn thuyết giới thiệu. “Huyền thoại của Champlain!”

Đám đông tụ tập để xem vở kịch lịch sử. Nhạc công tấu lên giai điệu thổ dân châu Mỹ khi bốn người chiến sĩ da đỏ Iroquois hiên ngang bước lên. Trang phục bọn họ đều tươi như vừa thua trận, vết thương chằng chịt khắp mặt và ngực. Khi Champlain và đội chiến binh Algonquin đến nơi, chỉ cần một phát súng trường đã tiêu diệt hết toàn bộ kẻ địch. Nhà diễn thuyết nhấn mạnh, “Một thời đại đen tối của quyền lực man rợ đã kết thúc trong giờ đó. Khi Champlain anh dũng băng qua sông... từ trong hỗn loạn mang đến trật tự vĩ đại.”

Một tràng pháo tay vang lên khi mấy người diễn viên cúi chào, sau đó đám đông tan đi. Spencer hỏi, “Chúng ta nên làm gì tiếp theo nhỉ? Hình như có triển lãm về môn bóng chày hay cuộc đua ca nô gì đấy?”

Xuyên qua đám đông, tôi nhìn thấy bên kia sân khấu có một người đang nhìn tôi chằm chằm. Ông ta có làn da sẫm màu như mấy người thổ dân đóng kịch kia. Đôi mắt ông ta đen đến nỗi có thể khiến người khác hãi sâu trong đó. Ông ta

không hề mỉm cười hoặc lịch sự giả vờ dời mắt đi chỗ khác. Tôi không tài nào quay mặt trốn tránh, ngay cả khi Spencer chạm vào vai tôi. Tôi chẳng biết điều gì lôi cuốn mình hơn: cảm giác người đó có thể khiến tôi tổn thương, hoặc cũng có thể là không.

“Cissy?”

“Buổi triển lãm đi,” tôi đáp bừa, hy vọng đấy là câu trả lời hợp lý.

Khi tôi quay về phía bên kia sân khấu, ông ta đã biến mất.

Tự do và Đoàn kết

— Khẩu hiệu của Bang Vermont

Một khu đất trống trên đường Shelburne đã được sắp xếp thành khu vực triển lãm. Khi bọn tôi ngồi trên khán đài xem tiết mục Mèo làm xiếc của Bertie Briggs, tôi cầm tờ chương trình quạt lấy quạt để. Tôi nhắc mớ tóc ướt nhẹp sau gáy và cố gắng cuộn nó vào trong vành mũ. Chỗ ướt mồ hôi dưới cánh tay khiến tôi xấu hổ vô cùng.

Spencer chắc cũng thấy nóng lắm. Nhưng trong bộ áo phục kẻ sọc, anh ấy vẫn tươi tắn và bình thản như thường. Anh và cha tôi dõi mắt

nhìn theo mấy cô nàng Gypsy đang rao bán đồ thủ công – mấy cái giỏ, mô hình giày đi trên tuyết và nước thảo mộc. Bọn họ hay cắm trại bên bờ sông hoặc bờ hồ suốt mùa hè, sau đó đa phần qua mùa đông ở Canada. Bọn họ thật ra không phải dân du mục mà là thổ dân châu Mỹ – nhưng vẫn được gọi là dân Gypsy vì thói quen lang thang, làn da nâu và là cái nôi sinh trưởng cho những gia đình đông con thường ra ra vào vào trại giam hay trường giáo dưỡng. “Một lũ người sống ngoài lề xã hội lại cứ sinh sôi không ngừng,” Spencer càu nhau.

Đám người Gypsy đó là đối tượng nghiên cứu của Giáo sư Perkins – cùng với một đám người di truyền bệnh tâm thần và những kẻ dưới đáy biệt danh là “Lũ cướp biển” sống trong mấy căn lều nổi lụp xụp. Sự khác biệt giữa những gia đình này và gia đình khác, ví dụ như gia đình tôi, hoàn toàn là vì di truyền. Một người cha sống nay đây mai đó sẽ có một đứa con trai lang thang. Một bà mẹ lăng loàn cũng sẽ truyền lại tính cách đó cho con gái mình.

“Mới có ba ca phẫu thuật nữa được hoàn thành tại Brandon,” cha tôi thông báo. “Và hai ca nữa trong tù.”

Spencer mỉm cười. “Tuyệt quá.”

“Đó là những gì chúng ta mong đợi. Cha cho

rằng tất cả bệnh nhân sẽ tự nguyện một khi họ hiểu được chỉ cần một thủ thuật đơn giản là họ lại được tự do sống theo ý muốn."

Một con mèo mướp của Bertie Briggs bắt đầu đi thăng bằng trên dây. Chân nó chắc đang run rẩy, tôi nghĩ vậy mặc dù thị lực của tôi cứ thất thường. Tôi nhìn vào bụng, hít sâu và cố gắng giữ cho mình không lăn ra ngất.

Bàn tay nhỏ bé sẫm màu chẳng biết vì lấm bẩn hay vì làn da vốn thế thảy vào người tôi một tờ giấy nhăn nheo in hình trăng và sao. XEM BÓI MIỄN PHÍ. MME. SOLIAT. Lúc tôi ngược lên, cậu bé đã chạy biến vào trong đám đông.

"Em chỉ đến phòng vệ sinh thôi," tôi thông báo và đứng dậy.

"Anh đi với em," Spencer lên tiếng.

"Em hoàn toàn có thể tự đi được mà." Rốt cuộc anh ấy cũng để tôi tự đi sau khi dắt tôi ra khỏi bậc thang trên khán đài và chỉ tôi đi đúng hướng.

Khi biết anh ấy chẳng còn nhìn theo nữa, tôi quay ngoắt theo hướng ngược lại. Tôi lấy ra một điếu thuốc lá từ trong ví tiền – Spencer không cho rằng phụ nữ nên hút thuốc – và chui đầu vào lều của bà Soliat. Túp lều vừa lụp xụp vừa tối tăm với mấy ngôi sao bằng vải màu vàng đính trên tấm rèm. Bà thầy bói đội một chiếc khăn xếp màu bạc và đeo ba khuyên tai ở mỗi bên. Một con chó

lai sói thở hổn hển bên cạnh bàn, lưỡi nó hồng hồng như miệng vết thương. “Đến rồi thì ngồi đi,” bà ta nói như đang chờ tôi từ lâu lắm rồi.

Bà ấy chẳng hề có lá trà hay quả cầu thủy tinh. Bà ấy cũng chẳng thèm xem chỉ tay của tôi. Lúc tôi định đứng dậy và rời đi thì bà ấy bảo, “Đừng sợ,” giọng trầm trầm như đàn ông.

“Tôi không sợ.” Tôi cắn chặt điếu thuốc và hất cằm để chứng minh cho bà ta thấy tôi dũng cảm thế nào.

Bà ta lắc đầu và hạ mắt xuống đứa bé trong bụng tôi. “Về nó.”

Mẹ tôi mất lúc sinh con. Chắc tôi cũng sẽ như vậy. Thế thì tôi sẽ không được nhìn con mình... nhưng có thể sẽ gặp được mẹ.

“Cô sẽ làm được,” bà thầy bói đáp lại như nghe được suy nghĩ của tôi. “Điều mà cô không biết sắp trở nên rõ ràng. Nhưng điều đó cũng làm những chuyện khác trở nên vẫn đục.”

Spencer chắc sẽ cho rằng bà ta đang nói toàn những chuyện úp mở đánh đố nhau. Dĩ nhiên Spencer sẽ chẳng bao giờ đi làm một việc phi khoa học như đến gặp thầy bói. Bà ta nói cho tôi biết những chuyện ai cũng gặp phải: rằng tôi sẽ có được một số tiền; một người lạ mặt sẽ đến thăm. Rốt cuộc khi thò tay vào ví lấy ra tờ một đô la, tôi cảm thấy tay bà ấy đang nắm lấy cổ tay mình.

Tôi cố giằng tay ra nhưng bà ta siết chặt đến mức đo được mạch đập trên tay. “Cái chết đang kề cận trên tay cô,” bà ta nói rồi thả tôi đi.

Tôi hoảng hốt loạng choạng đứng lên và lao ra ngoài trời. Ô bà ấy nói đúng; số mệnh của tôi là vậy, từ khi tôi sinh ra và làm chết mẹ của mình.

Tôi bước đi trong vô định; tôi thờ ơ lướt qua vô số gương mặt. Khi thấy mình đang đứng giữa một đám thanh niên trẻ, toàn sinh viên đại học đang kéo đến lối vào Nhà Gương, tôi cố gắng thoát ra khỏi dòng người. Nhưng bọn họ đẩy tôi lên phía trước và chẳng mấy chốc tôi đã bước vào hội trường toàn là gương.

Spencer từng kể với tôi về mê cung tiêu tốn đến \$20,000 để xây dựng này. Phía sau vách ngăn là tiếng mắng cật sinh viên rú lên vì đi nhầm đường. Không khí đặc quánh như kem trứng sữa. Đường như tôi không thể nào chạy thoát; đi đến đâu tôi cũng bắt gặp hình bóng mình.

Cái nóng hầm hập sau gáy. Tôi dựa vào một tấm gương, đặt tay lên bụng nơi con tôi đang làm tổ. Tôi sờ lên má, lên xương hàm. Lê nào tôi trông kinh dị thế này sao?

Lướt tay theo từng tấm gương, tôi bước theo hình ảnh phản chiếu từ tấm gương này qua tấm gương khác... rồi tôi nhìn thấy một gương mặt khác. Mắt đen, tóc đen, cái miệng quên mất phải

cười như thế nào. Chúng tôi đứng cách nhau vài tấc, đủ để chạm vào nhau. Tôi và người đàn ông cứ nhìn tôi suốt vở kịch. Chẳng ai trong chúng tôi thở nổi.

Ôi, nóng quá. Đó là điều cuối cùng tôi nhớ được trước khi mọi thứ trở nên tối sầm.

Mọi cặp vợ chồng bình thường có nghĩa vụ phải sinh đủ số con để giữ vững quỹ gene tốt có từ lâu đời của bang Vermont.

— Hội đồng Ủy ban Đời sống Vermont,
Ủy ban Nhân tố con người, mục “Con người ở Vermont”,
trong tập báo cáo **Nông thôn Vermont:**
Chương trình hướng đến Tương lai, năm 1931

“Bình tĩnh nào, Cissy.”

Giọng nói của Spencer vọng lại từ xa. Khi ánh mắt nhìn rõ hơn, tôi nhìn quanh tìm Nhà Gương, khán dài hay quầy bán đậu phộng tẩm muối nhưng thay vào đó lại thấy một chiếc bát kiểu cổ và bình nước đặt trên tủ, chân giường mạ vàng của hai vợ chồng. Mảnh khăn ướt đắp trên trán đang nhỏ nước xuống tóc, thấm vào gối.

Anh ấy nắm tay tôi, khiến tôi nhớ đến thời còn bé hay nắm tay cha băng qua phố Nhà thờ. Tôi kết hôn với Spencer lúc mười bảy tuổi; anh chính là người lớn thứ hai đảm bảo an toàn cho tôi. Khi

nằm nghiêng người với cái bụng bầu to tướng, tôi chợt nhận ra mình chưa bao giờ có cơ hội được trưởng thành.

“Em thấy khá hơn chút nào không?” Spencer hỏi, cười dịu dàng đến mức khiến lòng tôi tan chảy.

Tôi yêu anh ấy. Mùi hương toát ra từ mái tóc anh ấy và cánh mũi cao đỡ lấy cặp kính; những cơ bắp thon dài mà bạn không tưởng tượng sẽ thấy sau lớp áo khoác và áo sơ mi phẳng lì. Tôi thích cách thỉnh thoảng anh ấy nhìn tôi với ánh mắt yêu chiều đến mức không đong đếm được. Tôi ước chúng tôi gặp nhau trên con phố đông người ở New York City, hoặc dưới mái hiên nhà hàng xóm tại Iowa, hoặc trên chuyến tàu vượt đại tây dương – bất kỳ tình huống nào cũng được, chỉ cần khiến quan hệ của tôi và Spencer tách biệt với quan hệ của anh với cha tôi.

Anh đặt tay lên bụng tôi, và tôi nhắm mắt. Thật khó để không nghĩ đến Ủy ban Nhân tố Con người nơi Spencer đang làm việc. Ủy ban vẫn luôn khuyến khích việc cẩn thận chọn lựa vợ chồng. Nhưng tôi được chọn vì là con gái của Harry Beaumont chứ không phải vì là chính mình.

Tôi tự hỏi Spencer cảm thấy thế nào sau khi quyết định một cách đầy tính toán như vậy nhưng kết quả lại chẳng ra gì.

“Làm sao em lại ở đây?” tôi hỏi.

“Em ngất đi tại buổi triển lãm.”

“Thời tiết nóng bức...”

“Nghỉ ngơi đi nào, Cissy.”

Tôi cảm thấy khỏe. Tôi muốn gào lên như thế dù sự thật không phải vậy. Hồi còn bé, rất nhiều lần tôi đã trèo lên mái nhà của một căn nhà, đứng dang tay và hét ầm lên để cả thị trấn Comtosook nghe thấy. Chẳng phải vì tôi có chuyện gì quan trọng cần nói, mà là vì cha cứ muốn tôi giữ im lặng.

Tôi thấy tính cách này như một làn khói đen cháy xen lẫn vào máu rồi bùng phát những lúc mình không mong muốn nhất. Giống như hiện giờ, lúc Spencer cứ quẩn quanh chăm bẵm tôi quá mức. Vì tôi hút thuốc. Vì chiều nay chạy đến túp lều của bà thầy bói. Hay tối qua khi tôi cắt tay.

Đôi khi tôi tự hỏi không biết liệu tính nết này có phải thừa hưởng từ mẹ hay không?

“Anh sẽ để Ruby vào chăm sóc em.” Spencer hôn lên trán tôi. “Em sẽ khỏe thôi.”

Nếu Spencer đã nói vậy thì chắc là đúng rồi.

Ruby lấp ló trước cửa phòng, đợi gọi thì mới vào. Cô hầu gái của vợ chồng tôi mới có mười bốn tuổi, tuổi thì gần nhưng em ấy và tôi khác xa nhau. Không phải vì em ấy là dân Canada gốc Pháp hay tôi lớn tuổi hơn. Khi Ruby cho rằng không có ai nhìn thấy, em ấy sẽ nhảy múa giữa những tấm vải

trắng treo trên dây phơi – xoay tròn, lắc eo vui vẻ. Còn tôi, tôi chưa bao giờ quên là bất kỳ lúc nào cũng sẽ có ai đó đang nhìn chừng tôi.

Ruby chạy vào với một bưu kiện bọc giấy màu nâu. “Cô Pike,” cô ấy nói, “xem xem cái gì được gửi đến này.”

Cô bé đặt bưu kiện xuống bên cạnh tôi và cố gắng lờ đi vết thương trên cổ tay tôi nhưng thất bại. Dĩ nhiên là Ruby biết chuyện gì đã xảy ra. Cô bé đã cầm một bát nước ấm giúp Spencer lúc anh ấy làm sạch và băng bó vết thương. Cô ấy cũng dự phần giữ bí mật.

Ruby tháo dây buộc và mở bưu kiện ra. Trong đó là một đôi giày Sears, đặt hàng qua công ty Roebuck. Đôi giày giống y như đôi mà Spencer đã tháo khỏi chân tôi. Đôi giày này lớn hơn mấy đôi tôi đang mang một số nên chắc sẽ không chật lắm. Liếc qua mé giường, tôi nhìn đôi giày Ruby đang mang. “Em mang giày cỡ số sáu đúng không?”

“Vâng thưa cô chủ.”

“Em muốn lấy giày này mang không? Tôi nghĩ sinh xong chân cũng không bé lại đâu.” Ruby ôm đôi giày của tôi trong tay như báu vật. “Chị gái cũng thường để lại đồ cũ cho em.”

“Em có chị gái sao?” Làm sao sống chung với cô bé này suốt một năm mà giờ tôi mới biết chuyện này?

“Chị ấy mất rồi. Bệnh bạch hầu.” Ruby tất bật mang ra mấy thứ đồ đạc còn trong hộp. Một đầm áo len, tất và áo con nhỏ xíu với đủ tông màu trắng bày ra khắp giường, đúng là một đống áo quần tí hon sợ là đến búp bê còn không mặc vừa, huống gì là một đứa bé.

“Ôi,” Ruby trầm trồ, nhón tay nhắc lên cái mũ đính ren. “Cô đã từng thấy thứ gì bé xíu như thế này chưa?”

Ruby trông chờ đứa bé này còn hơn tôi. Không phải vì tôi không mong chờ em bé chào đời – chỉ là chẳng ai hiểu được tôi sẽ không sống sót sau khi sinh con. Spencer dạy dỗ tôi rất tốt; khiếm khuyết này thuộc về gene của tôi. Nếu tôi tự sát bất thành thì ngày con chào đời cũng chính là ngày tôi ra đi.

Spence đã đưa cho tôi xem rất nhiều tài liệu khoa học chứng minh điều ngược lại; anh dẫn tôi đến khám tại những bác sĩ tốt nhất. Tôi gật đầu, tôi cười, thỉnh thoảng tôi còn lắng nghe. Nhưng trong đầu tôi vẫn vạch ra kế hoạch tự sát. Vậy mà lúc cảm thấy bàn chân bé bỏng của con mình quẫy đạp trong bụng, tôi nhận ra mình đã thua cuộc.

“Ôi đừng khóc, cô Pike,” Ruby nhẹ giọng khuyên trong khi tôi vẫn chưa kịp nhận ra mình đang khóc. “Em gọi giáo sư nhé?”

“Đừng,” tôi kéo chăn lau nước mắt. “Không sao, tôi khỏe. Chỉ thấy mệt thôii. Thực sự đấy.”

Đêm qua tôi nghĩ nếu cắt sâu thêm tí nữa chắc sẽ thấy được xương tủy và cả tận nơi sâu thẳm khiến mình đau đớn. Lúc băng vết thương ở cổ tay, Spencer bảo tôi phải nghỉ đến đứa bé. Dù sao tôi chỉ còn hai tháng nữa là đến lúc sinh con. Anh ấy không hiểu được rằng tôi chính là đang suy nghĩ cho đứa bé. Tôi đang cố gắng san sẻ với con mình gánh nặng đeo bám tôi suốt cả đời: cảm giác của đứa con khi biết nó là là nguyên nhân khiến mẹ nó phải chết.

Tôi biết hành động của tôi không theo logic vì tự làm hại mình cũng gián tiếp khiến đứa bé gặp nguy hiểm. Nhưng chẳng hiểu vì sao lúc tôi ngồi một mình trong đêm tối với con dao, lý trí chưa bao giờ chiến thắng. Tôi đã thử tâm sự với Spencer rất nhiều lần. Anh ấy chỉ bảo, “Nhưng anh yêu em mà,” cứ như chỉ cần lời nói đó đủ giữ tôi yên ổn sống tiếp.

Lúc này, khi Ruby ở bên cạnh, tôi cố gắng tìm câu chữ để giải thích vấn đề nan giải này. “Em đã bao giờ đi xuyên qua một căn phòng đông người và cảm thấy cô đơn đến mức không dám tiến thêm bước nữa?”

Cô bé chần chừ rồi chậm rãi gật đầu. Tôi ngẩng đầu lên nhìn vào cô bé và tự hỏi có phải nó chẳng

hở non nót như tôi nghĩ. "Cô Pike," Ruby thì thào một cách rụt rè. "Chúng ta có thể giả vờ như hai chị em."

Ruby, cô hầu gái, và tôi, vợ của một trong những người đàn ông sáng giá nhất Burlington. Tôi đáp lại, "Cứ vậy đi."

ĐỊNH LUẬT DI TRUYỀN:

Giáo sư H. F. Perkins

Bài giảng, cùng hội thảo và báo cáo chuyên đề về nguyên lý cơ bản của ngành phôi thai học, nền tảng khoa học của cơ chế di truyền, nguyên lý thí nghiệm sinh sản, và thuyết ưu sinh, áp dụng thực tiễn của di truyền đối với nhân loại. Sách giáo khoa: *Khóa luận về Sự tiến hóa, Di truyền học và Thuyết ưu sinh* của tác giả Newman.

— Bản tin Đại học Vermont, năm 1923-24

Suốt nhiều năm qua tôi vẫn luôn ngưỡng mộ Harry Houdini. Tôi đã tìm đọc tất cả những cuốn tiểu sử được viết sau khi ông qua đời năm 1926; tôi còn cất một quyển sổ lưu giữ những bài báo kể về những kỳ công của ông. Sự ngưỡng mộ không phải vì những lý do hiển nhiên, như chuyện cũng như ông, tôi hiểu về những giềng mối khiến người ta gắn bó với một nơi chốn nào đó, hoặc

cũng như ông, có khi tôi những mong được biến mất. Không phải vậy, điều khiến tôi quan tâm nơi Houdini chính là sự ám ảnh của ông với thế giới những linh hồn.

Tôi đã kể rằng Houdini cũng mô côi mẹ chưa nhỉ?

Cuốn sách mới mà tôi đang đọc thuật lại cuộc chiến dai dẳng giữa Houdini và Margery, bà đồng ở Boston. Trong những buổi gọi hồn người chết, giọng nói của bà đồng sẽ phát ra từng nhiều phía trong căn phòng, chuông bắt hồn rung lên, cái loa bay qua bay lại trên bàn trong khi những người khác nắm tay bà ta. Houdini tin rằng bà ta chỉ là kẻ lừa bịp nên đã xây một căn phòng chống gian lận và thách thức bà ta thực hiện lễ gọi hồn trong căn phòng đó. Thế nhưng trong buổi cầu hồn, một cây thước gấp đã được tìm thấy dưới chân bà đồng. Bà ta và Houdini đều cho rằng đối phương đã bí mật dàn dựng. Cuối cùng Houdini qua đời mà vẫn chưa vạch trần được bà ta, ông thể rằng nếu có ma hiện về từ thế giới bên kia thì người đó chính là ông.

Mặc dù lễ cầu hồn vẫn được tổ chức vào dịp lễ Halloween nhưng đã năm năm rồi mà ông vẫn chưa quay về.

Tôi nghĩ về Houdini thế này: nếu ông ấy không muốn liên lạc với người mẹ quá cố bằng mọi giá

thì đã không gay gắt với Margery đến thế. Ông ấy phản đối thế giới ma quỷ vì sợ rằng đó là thế giới đã vào thì chẳng thể ra.

Tôi cảm thấy mình đúng là ngu ngốc khi trốn trong tủ quần áo. Đây là chỗ riêng tư nhất, tôi kéo theo một cái bàn nhỏ, vì tủ khá chật nên nó ép chặt vào bụng tôi. Tôi có đọc về trò bàn xoay, một phương pháp gọi hôn. Lẽ ra nên có vài người ngồi đây nắm tay nhau, nhưng tôi chắc chắn không thể nào kể với Spencer về việc mình đang làm, và tôi cũng không biết Ruby sẽ phản ứng thế nào nữa.

Làn vải lụa của mấy chiếc đầm trong tủ cọ vào vai tôi. Tôi đặt tay lên bàn gỗ và nhắm mắt. “Mẹ ơi?” tôi thì thầm.

Đột nhiên một bàn tay chạm vào hông tôi. Tôi nhảy dựng và nhận ra đứa bé đang cố sức quay đạp. “Suyt, ngoan nào. Mẹ con mình đang cố nói chuyện với bà ngoại đấy.”

Nếu tìm thấy mẹ, nếu mở được một cánh cửa... vậy thì có thể sau khi chết đi, tôi sẽ tìm được đường quay lại.

Tôi hít một hơi sâu để tập trung tư tưởng. Tôi tập trung hết năng lượng lên cái bàn. “Mẹ ơi, nếu mẹ nghe được thì hãy cho con biết.”

Cái bàn nằm dưới tay tôi vẫn im thin thít. Nhưng tôi nghe thấy tiếng cửa cót két và kịp mở mắt ra khi tay nắm cửa tủ mở ra. Luồng sáng

mạnh xuất hiện, ngày càng tỏa rộng, làm nổi lên hình hài một người phụ nữ.

“Trời đất ơi, cô Pike,” Ruby thắc mắc, “cô làm cái quái gì ở đây vậy?”

Tim tôi đập mạnh đến mức mài một lúc sau tôi mới đáp lại. Tôi giả vờ như chuyện ngồi trong tủ quần áo là hết sức bình thường và hỏi: “Em cần gì sao, Ruby?”

“Bữa trưa với giáo sư... cô sẽ bỏ lỡ bữa trưa nếu không nhanh chân lên.”

Bữa trưa của tôi... tôi đã quên béng đi mất. Vào mùa hè, Spencer và tôi thường hẹn tại sân trường đại học sau giờ giảng sáng thứ Tư của anh ấy cho lớp nghiên cứu sinh. Chúng tôi sẽ ngồi dưới hàng cây sồi và tâm sự với nhau đủ mọi thứ quan trọng như nghiên cứu của Spencer, những sinh viên ưu tú nhất của anh ấy, tên cho con trai.

Ruby đã sắp xếp một cái giỏ đựng nho, thịt nguội, bánh vừng, món nui kiểu salad. “Cảm ơn em nhé,” tôi vừa nói vừa liếc mắt nhìn vào tủ quần áo trước khi đóng cửa lại.

Hôm nay Spencer đi bộ đi làm – nhà cách trường đại học ba dặm – và để lại xe ô-tô cho tôi. Một chiếc Packard Twin 6 với động cơ 12 xy-lanh. Nó là niềm vui và tự hào của anh ấy. Chiếc xe có cửa tự sát, được đặt tên như vậy là vì nó mở

ngược, xe đang chạy mà không cài chặc thì người ngồi xe có cơ ngã lăn ra đường.

Tôi đã từng nghĩ đến chuyện đó.

Bài giảng của Spencer được tổ chức trong một lớp học nhỏ có mùi dầu hạt lanh và mùi triết học. Ngay trước bức giảng, Spencer đứng thẳng, tay áo xắn lên vì nóng. Những hình vẽ mô phỏng lát cắt hộp sọ được chiếu lên màn hình sau lưng anh. “Hãy chú ý quan sát điểm khác biệt giữa kiểu hộp sọ dài và hộp sọ ngắn của người Negorid,” Spencer nói. “Xương hàm nhô ra, mũi tẹt và hình thái giống với loài linh trưởng... tất cả đều là dấu hiệu của một giống nòi đang suy thoái.”

Một cánh tay giơ lên. “Bạn họ sống sơ khai đến mức nào?” một sinh viên thắc mắc.

“Cực kỳ sơ khai.” Spencer đáp, “Cứ hình dung họ giống như trẻ con, thích màu sắc sặc sỡ và có hình thành tình hữu nghị ở mức cơ bản.” Anh liếc mắt lên đồng hồ treo trên tường và nhìn qua tôi, ánh mắt sáng lên. “Tuần sau chúng ta sẽ khám phá sơ bộ cách phân loại người thành năm chủng tộc khác nhau,” anh hứa hẹn khi cả lớp gom sách vở và rời đi. Spence vừa cười vừa bước xuống lối đi đến chỗ tôi. “Anh biết lấy gì bù đắp cho vinh hạnh này đây?”

“Hôm nay là thứ Tư,” tôi nhắc anh. “Bữa trưa

của chúng mình.” Tôi xòe ra giỏ thức ăn giấu sau lưng từ nãy giờ.

Spencer khẽ nhíu mày. “Chán thật, Cissy à, Harry Perkins yêu cầu anh gấp ông ta trưa nay. Anh sợ là mình không kịp thời gian để ăn trưa.”

“Không sao ạ,” tôi đáp lại Spencer.

“Đúng là vợ ngoan của anh.”

“Spencer?” tôi gọi với theo sau lưng anh. “Em chờ anh nhé?” Nhưng anh không nghe thấy tiếng tôi gọi, hoặc anh cố ý phớt lờ. Thở dài, tôi đành đặt giỏ thức ăn xuống và tiến đến trước bức giảng. Gót giày bốt tôi mang gõ lóc cóc trên sàn, khi đến gần màn hình chiếu, thân người tôi đổ bóng tròn vo như củ hành. Tôi giơ tay lên tạo bóng một con chó sói, rồi giả vờ như nó đang tru lên và nhảy nhót dọc theo hình mẫu hộp sọ ngắn.

“Cô Pike?”

Bị bắt quả tang, tôi xoay người lại và nhìn thấy Abigail Alcott đang trố mắt nhìn. Abigail là một nhân viên xã hội hai mươi mấy tuổi, mắt to tròn, hiện đang làm ở Sở Phúc Lợi Xã Hội. Bộ trang phục công sở với váy màu xanh hải quân và áo sơ mi trắng khiến cô ấy trông sắc sảo lạ lùng. Gần đây cô ấy thường xuyên gặp gỡ với Spencer để trao đổi về những hồ sơ chương trình đang khảo sát. Công việc của cô ấy là theo dõi đánh

giá những gia tộc suy tàn nào đang phục hồi, và những gia tộc nào sẽ hưởng lợi từ đạo luật triệt sản mới ban hành.

“Chào cô, Abigail,” tôi chào hỏi một cách lịch sự nhất vì dù sao cô ấy cũng lớn hơn tôi hai tuổi, lại có học vị hồn hoài, không như tôi, mới xong hai năm trung cấp.

“Giáo sư có ở đây không?” Cô ấy liếc nhìn đồng hồ đeo tay. “Chúng tôi có lịch hẹn phải đến Waterbury chiều này.”

Vậy nên tôi không phải là người duy nhất mà Spencer thất hẹn. Tôi tự hỏi bọn họ có kế hoạch gì ở Bệnh viện Tâm thần Liên bang. Tôi tưởng tượng cảnh cô ấy đi cạnh chồng mình, trao cho anh ấy bó hoa ngôn ngữ dệt từ những đoạn đối thoại khoa học với chủ đề hấp dẫn đến mức Spencer không thể cưỡng lại được. Xét trên phương diện này, tôi vẫn luôn là người ngoài cuộc vì chẳng biết gì về thuyết ưu sinh như chồng hay cha mình. Nếu phải ngồi vào bàn ăn chung với họ, tôi sẽ phải nói gì để vừa thú vị, vừa khiến bọn họ công nhận, thay vì cứ coi tôi như không khí nhỉ?

Tâm tính muốn nổi loạn lại sôi sục trong lòng tôi. Tôi lại quay về là cô bé lúc mười tuổi, trèo lên mái nhà và hét thật to vào đám công dân lương

thiện ở Comtosook. “Anh ấy không nói với cô sao?”

“Nói với tôi chuyện gì cơ?”

“Về cuộc hẹn với Giáo sư Perkins ấy mà. Spencer chắc là định để lại lời nhắn cho cô... nhưng chắc anh ấy bận rộn quá, cô biết đấy...”

“Cô Pike,” Abigail cắt ngang lời tôi, “lời nhắn nào cơ?”

“Lời nhắn rằng tôi sẽ thay anh ấy đến Waterbury.”

Abigail nhìn chằm chằm vào tôi, lịch sự chôn chặt những lời xét nét trong lòng: rằng tôi đâu có được đào tạo đàng hoàng cho công tác an sinh xã hội; rằng dù được sinh ra trong một gia đình toàn là học giả thì tôi cũng chưa chắc đã hiểu về thuyết ưu sinh. Ánh mắt cô ấy dừng lại trên bụng tôi. Tôi nói thêm, “Spencer tin chắc chuyến đi sẽ an toàn.”

Câu chốt hạ đã hiệu quả: Abigail thà chặt cánh tay phải còn hơn dám hoài nghi nhận định của Spencer. Mỗi cô ấy mím lại, ánh mắt dò xét tôi rồi khẽ gật đầu, “Vậy thì đi thôi.”

Vermont cần xác định tất cả các trường hợp
bệnh tâm thần trong phạm vi toàn bang
qua chiến dịch kiểm tra tâm lý đối với
tất cả trẻ vị thành niên khuyết tật
hoặc có tiền án hình sự.

— Asa R. Gifford, “Báo cáo của Chủ Tịch”, trích Báo cáo
thường niên thứ hai của Hội bảo trợ trẻ em, năm 1921

Bệnh viện Tâm thần Vermont được xây dựng tại thành phố Waterbury vào năm 1890 để giảm tải cho cơ sở tại Brattleboro. Lúc tôi mười ba tuổi, bác sĩ Stanley, nhân viên giám sát bệnh viện có ghé qua nhà ăn tối, sau khi ông đứng ra ủng hộ Đạo luật Triệt Sản năm 1927 vốn không được thông qua. Tôi nhớ như in vệt mồ hôi in trên cổ áo, việc ông ta ghét ăn cải xoăn, và cái kiểu ông cứ đứng sát rạt người tôi khi nói chuyện.

“Có lẽ cô cho rằng nhóm người hiện diện đông đảo nhất ở Waterbury là dòng họ nhà Huntington với bệnh tâm thần mang tính di truyền,” Abigail thao thao bất tuyệt khi chúng tôi đi ra từ bãi đậu xe. Lúc này chắc cô ấy đang tính giảng cho tôi những gì tôi chưa biết trước buổi gặp này. Đúng là một cô nàng liền thoáng, nhưng cũng khá thân thiện. “Nhưng không phải vậy, ở Waterbury còn có nhiều Cướp Biển và Dân Du Mục nữa.”

Lúc này thì chúng tôi đã đến cổng trước của Tòa nhà A, khu mới xây dành cho bệnh nhân nữ.

Abigail quay sang phía tôi với ánh mắt lóe sáng. "Cô cảm thấy như thế nào khi thức giấc và bên cạnh cô là người đàn ông với... tầm nhìn cờ đó nhỉ?" Vừa thốt ra câu hỏi đó, mặt cô ấy đã ửng đỏ như màu gạch xây.

Một hồi ức lóe lên: Tôi đến Văn phòng Khảo sát Ưu sinh tại phố Nhà Thờ để báo với Spencer rằng chúng tôi sắp có đứa con đầu lòng. Tôi mở cửa ra và bắt gặp anh ấy với Abigail đang cười rũ rượi vì câu nói đùa nào đó. Cô ta đang ngồi cạnh mép bàn làm việc của Spencer, tay còn đặt trên cánh tay của anh ấy. "Cissy!" anh lớn tiếng gọi tôi và mỉm cười, không biết vì thấy tôi đến hay vì cô ta đang ở đó.

Đột nhiên cánh cổng tòa nhà bật mở. Chúng tôi bị hút vào trong như lỡ bước vào vòng xoáy địa ngục. Mấy cô y tá đội mũ trắng gấp nếp thẳng tắp như sếu giấy kiểu Nhật Bản đi lại lặng lẽ, chẳng buồn để ý đến cô bệnh nhân đang sụt sùi cạnh quầy văn thư. Lại có một cô gái trần truồng chạy dọc hành lang với mái tóc ướt đẫm. Một cô gái bẩn thỉu tầm tuổi Ruby ngồi trên băng ghế với cái áo có đai khóa vào chấn song bằng gỗ sau lưng. Dưới băng ghế là một vũng nhớp nháp; tôi nghĩ chắc là nước tiểu.

"Cô Alcott!" Bác sĩ Stanley tiến đến trong chiếc áo choàng trắng tinh. Tôi tự hỏi ông ta làm

sao giữ được áo quần sạch sẽ đến thế trong môi trường thế này. Ông ta quay sang nhìn tôi. “Tôi không nghĩ rằng tôi đã có cơ hội gặp nhau...”

“Có đấy ạ,” tôi đáp, duỗi tay ra. “Cecelia Beaumont Pike.”

“Cissy sao? Cissy! Cháu cao lên nhiều đây.” Ông ta liếc qua cái bụng bầu. “Còn tăng cả bề ngang nữa. Chúc mừng cháu nhé.”

“Cảm ơn bác.”

“Hôm nay cô Pike sẽ thay thế giáo sư,” Abigail giải thích.

Bác sĩ Stanley giấu vẻ ngạc nhiên một cách tài tình. “Tuyệt vời. Nào, bây giờ thì hãy đi theo tôi, chúng ta có thể trò chuyện kỹ hơn trong văn phòng của tôi.” Ông ta đi dọc hành lang để dẫn đường. Abigail nối gót theo sau. Tôi cứ đứng đó, không dứt khỏi ánh nhìn trống rỗng của cô gái ngồi trên băng ghế.

“Cô Pike!” Abigail gọi giật và tôi đành phải quay đi.

Bác sĩ Stanley nhận ra cơ hội gây ấn tượng với Spencer thông qua tôi nên đã cố ý đi đường vòng. Bệnh nhân tụ tập dọc hành lang đông đến mức chúng tôi phải lách người đi hàng một. “Cơ quan lập pháp vừa thông qua quyết định xây dựng thêm một tòa nhà mới cho bệnh nhân nữ bị tâm thần

nặng. Các cô cũng thấy bệnh viện này quá tải như thế nào rồi đấy.”

“Tổng số bệnh nhân là bao nhiêu?” Abigail thắc mắc.

“Chín trăm chín mươi bảy,” Stanley đáp lời nhưng lại nhìn thấy y tá áp tải một cô gái đang quắc mắt giận dữ lên cầu thang, nhân viên điều dưỡng theo sau, xách một vali nhỏ. “Giờ thì là chín trăm chín mươi tám.”

Ông bác sĩ chỉ về phía hành lang dẫn đến một căn phòng rộng rãi tràn ngập ánh nắng nhưng quá tải vì bệnh nhân. “Tôi tin con người là phải chăm chỉ lao động. Vô công rồi nghề sẽ khiến đầu óc trì trệ hẳn đi.” Dọc theo dây bàn là mấy người phụ nữ ngồi đan giỏ mây hay lắp ráp kẹp phoi quần áo. Bọn họ ngược lên nhìn tôi, một quý cô giàu có trong bộ đầm bầu thời thượng, không nhận ra tôi cũng có khác gì họ đâu.

“Chúng tôi bán sản phẩm thủ công,” Stanley nói với vẻ tự hào. “Lợi nhuận thu được sẽ phục vụ cho nhu cầu giải trí của bệnh nhân.”

Dưới đây mấy sản phẩm đó có đóng dấu không? Kiểu như “miễn cưỡng làm ra bởi một người không cách nào thích nghi với thực tế của cuộc sống”.

Giám thị lại dẫn chúng tôi đi dọc hành lang, đến một cánh cửa khóa kín. “Không may là không

phải bệnh nhân nào cũng hợp tác,” bác sĩ Stanley cất giọng, khẽ liếc mắt sang phía tôi. “Tôi không chắc phu nhân đang mang bầu thì có nên...”

“Tôi ổn mà.” Để chứng minh cho lời nói đó, tôi tự tay mở cửa.

Và rồi tôi ước giá như mình chưa bao giờ làm vậy.

Hai gã đàn ông lực lưỡng chia ra đứng hai bên bồn nước, hai tay giữ chặt vai một bệnh nhân nữ trần truồng. Trước khi cô ta bị nhấn đầu xuống, tôi chỉ kịp nhìn thấy đôi môi tái và bầu ngực rúm ró như trái cây héo quắt trên giàn. Một dòng nước chảy chậm đều đều từ vòi nước gắn phía trên đầu cô ấy. Ngay bên cạnh cô ấy là một người khác nằm úp mặt trên bàn với tấm vải quấn quanh thân trên. Y tá cứ thế dùng vòi bơm nước thẳng vào trực tràng của bệnh nhân. “Thủy liệu pháp và súc ruột là hai biện pháp rất hiệu quả với bệnh nhân hung hăn,” Stanley giải thích. “Nhưng tôi dẫn mọi người đến đây để thấy một thứ khác. Thưa quý cô, tôi xin vinh dự được giới thiệu bệnh nhân đầu tiên tự nguyện triệt sản tại bệnh viện của chúng tôi. Cô ấy ở ngay đây này.” Ông ta dẫn chúng tôi đến cuối căn phòng. “Hai buồng trứng đã được cắt bỏ khi cô ấy nhập viện điều trị rối loạn đường ruột. Cô ấy xuất thân từ một trong mười gia đình có tiền sử bệnh trầm cảm và tâm

thần được theo dõi trong cuộc khảo sát. Bác sĩ Kastler và tôi đã ký tên xác nhận."

Chúng tôi dừng lại trước giường bệnh nhân đang run lập cập. Đứng cạnh giường bệnh là một bác sĩ giám thị trong áo choàng trắng giống như bác sĩ Stanley. Ông bác sĩ tâm thần vẫn hào hứng khoa tay, "Bây giờ thì cô ta ổn rồi. Mấy thứ tào lao này chẳng liên quan gì đến liệu trình chữa trị hết." Bác sĩ giám thị túm lấy cái chăn vừa lạnh vừa ướt quấn quanh người bệnh, khiến bệnh nhân chẳng khác gì xác ướp với hàm răng va vào nhau lập cập. "Chăn ướt thường rất hiệu nghiệm với mấy bệnh nhân cứng đầu," bác sĩ Stanley nói thêm.

Tôi buột miệng hỏi, "Cô ta đã làm gì?"

"Tự tử không thành. Lần thứ ba rồi đấy."

Lúc này tôi mới nhận ra hai cổ tay được băng bó thò ra khỏi tẩm chăn. Tạ ơn Chúa, may mắn thật. Nếu tôi không có cha là ngài Harry Beaumont, không có chồng là giáo sư Spencer Pike, liệu tôi có phải nằm trên cái giường này không nỗi?

"Tôi... xin phép chút..." Bước nhanh qua bác sĩ Stanley, tôi lao ra khỏi phòng và rảo bước dọc hành lang bệnh viện. Tôi vội vã lách qua dây phòng bệnh đông nghẹt và chỗ cô bé bị trói vào băng ghế, rồi đâm sầm vào một bệnh nhân ngay góc cua khuất tầm nhìn. Đó là một cô gái nhỏ thó

đen đúa với mấy bím tóc bết dầu. Vết thương chí chít từ vai đến cổ tay. Cô ta thì thào, “Bạn họ cũng sẽ cướp đứa bé trong bụng cô thôi.”

Tôi lập tức đưa tay bảo vệ bụng. Ngay trước khi cô ta kịp chạm vào, tôi đã quay lưng rảo bước thật nhanh qua hành lang mê cung dẫn ra cổng bệnh viện. Lúc đẩy cửa bước ra khỏi nơi đó, tôi chỉ biết ngồi bệt xuống bậc thang lát đá thở hổn hển. Một lúc sau, tôi xăn tay áo lên, tháo bỏ lớp băng trên cổ tay. Vết cắt thật sâu trên da vẫn chưa khép miệng.

Spencer nói rất đúng, có vài phụ nữ trời sinh ra để phục vụ công tác xã hội, nhưng tôi không nằm trong số đó. Tôi sinh ra chỉ để làm mẹ của con anh ấy, vậy mà còn chưa làm nên trò trống gì.

Mười lăm phút sau, Abigail tìm thấy tôi trong tình trạng đó. Tôi xấu hổ về hành động của mình đến mức chẳng dám nhìn thẳng vào mắt cô ấy. Cô ấy ngồi xuống cạnh tôi. Tôi biết cô ấy nhận ra vết sẹo nhưng chẳng hề đưa ra một lời nhận xét nào. “Lần đầu tiên nhìn thấy phương pháp điều trị ở đây,” Abigail thú nhận, “tôi đã quay về văn phòng nộp đơn từ chức và nói với sếp rằng mình không còn nhiệt huyết với công tác an sinh xã hội. Cô có biết sếp trả lời như thế nào không? Đó chính là lý do vì sao tôi phải dấn thân vào công tác an sinh

xã hội. Để đến một ngày nào đó, càng lúc càng ít người phải chịu đựng đau khổ."

Những lời ấy hoàn toàn hợp lý. Đó đúng là định nghĩa tóm tắt cho an sinh xã hội – làm những việc trong khả năng hiện tại để thay đổi thế giới ngày mai. Nhưng tôi vẫn tự hỏi trước khi trói nghiến bệnh nhân lại, người ta đã bao giờ hỏi vì sao cô ấy chẳng hề muốn tiếp tục sống. Phải chăng nguyên nhân sâu xa có liên quan đến việc cô ấy không thể nào sinh con nữa?

Tôi đặc biệt thắc mắc vì sao Abigail và bác sĩ Stanley tán thành phương án triệt sản mà không cho phép cô ấy tự kết liễu mạng sống. Đằng nào thì cũng đạt mục đích không để cô ấy duy trì nòi giống. Vậy sao không để cô ấy được lựa chọn?

"Thế là cô đã không từ bỏ," tôi đáp.

Abigail lắc đầu. "Cô cũng không được từ bỏ đâu đấy," cô ta nói, không hề ác ý, kéo tay áo xuống giúp tôi. "Ngày mai, tám giờ sáng. Gặp tôi ở văn phòng trên Phố Nhà Thờ."



Hỏi: Vì sao phải triệt sản?

Đáp: Để loại bỏ những cá nhân có khả năng di truyền những tính trạng gây hại cho nhân loại. Để giảm thiểu trợ cấp từ thiện. Để giảm thuế. Để hạn chế nghèo đói và đau đớn. Để làm tiếp chọn lọc tự nhiên nhưng bằng phương pháp nhân văn hơn. Triệt sản không phải để trừng phạt. Triệt sản là để bảo vệ.

— Hiệp hội Ưu sinh Mỹ

Hỏi đáp về Thuyết Ưu Sinh, năm 1926

Lúc lái xe về nhà, mặt trời đã xuống thấp đến mức rơi thẳng vào mắt tôi, phủ lên đám cúc vàng nhị đen giống như dây vương miện mạ vàng khâm dọc con đường Otter Creek Pass. Tôi mong chờ đến ngày hôm sau đến mức suýt nữa thì phát điên.

Tôi đậu xe rồi leo lên mấy bậc thang dẫn đến cổng vòm. Lúc bước đến cửa nhà, tôi đã phải thử gì đó vừa nhỏ vừa nhẹ. Nhìn xuống chân, tôi bắt gặp một cái giỏ chỉ bé bằng nắm tay. Cái giỏ được viền tinh tế, sợi mây đan chín chu và chắc chắn, khác hẳn với thành phẩm của mấy bệnh nhân mà tôi đã thấy hôm nay.

Đút món đồ ấy vào túi váy đầm, tôi bước vào nhà. “Cissy?” giọng nói của Spencer hút lấy tôi như nam châm. Tôi thấy anh ấy đang đứng ngay cửa phòng làm việc, trên tay là ly rượu scotch.

"Anh vội vàng từ đại học về nhà để xin lỗi cô vợ đáng yêu vì đã bỏ rơi cô ấy vào bữa trưa, nhưng cô ấy lại đi đâu mất và bỏ anh bơ vơ."

"Chỉ một lúc thôi mà," tôi đáp, hôn nhẹ lên má anh.

"Chuyện gì làm em vui thế?"

Tôi bắt gặp Ruby đang đứng như trời trồng dỗng tai nghe trộm từ đằng xa. "Hội Bảo trợ Trẻ Em," tôi nói dối cho qua. "Em vừa có một cuộc họp ấy mà."

Mắt Ruby trọn lên. Nếu có cuộc họp thì tôi đã nói cho cô bé biết rồi; trước giờ vẫn thế. Lúc nào tôi cũng báo cho cô bé biết giờ giấc và hoạt động của tôi, phòng khi Spencer hỏi đến.

"Có tin tốt gì sao?" anh hỏi.

"Tất cả mọi chuyện đều tốt đẹp."

Ruby theo chân tôi đến phòng ngủ và bắt đầu giúp tôi cởi khuy váy đầm sau lưng, mấy chỗ mà tôi chẳng với tay đến. "Chị biết em đang nghĩ gì," tôi cất tiếng nói. Nhưng cô bé chỉ im lặng giúp tôi kéo váy qua khỏi đầu và đưa đến một chiếc váy mỏng cotton dành cho bữa tối. Cô bé giúp tôi thắt dây váy rồi loay hoay treo chiếc váy rực rỡ kia lên. Cái giỏ mây rót ra khỏi túi áo.

Tôi nhặt cái giỏ lên, ném vào ngăn kéo tủ cạnh giường. Tôi biết cô bé tò mò về vật này nhưng

vẫn tỏ ra thản nhiên. Tôi chẳng hề nợ cô bé lời giải thích nào hết – về cái giỏ hay về chuyện tôi đã đi đâu chiều nay. Lúc này, tôi hào hứng vì cuộc hẹn ngày mai đến mức chẳng hề lo lắng chuyện gì sẽ xảy ra nếu Spencer biết được chuyện hôm nay.

Tôi nhận ra Ruby đang mang đôi giày tôi tặng. Cô bé leo vào tủ quần áo đã được dọn dẹp sau buổi cầu hôn sáng nay để treo chiếc váy lên rồi tiến đến cạnh giường. Đưa tay xuống gối, cô bé rút ra đưa tôi cuốn sách cô đã giấu hộ.

Đó là cách cô bé nói rằng Spencer không biết được bí mật của tôi. Ánh mắt chúng tôi gặp nhau. “Cảm ơn nhé,” tôi lí nhí.

“Cô Pike, cô có tin vào chuyện đó không?” Ruby thì thào trong ghê sợ. “Cô nghĩ người ta có thể quay về từ cõi chết không?”

Tôi siết chặt tay cô bé và gật đầu. Dù sao tôi chính là bằng chứng sống.

Trong quá trình nghiên cứu phả hệ những gia đình vốn là gánh nặng của tiểu bang và thị trấn, chúng tôi nhận thấy nhiều gia đình có tổ tiên là người Pháp hoặc Ấn Độ, đôi khi có lai với Mọi Đen.

— H. F. Perkins, “Dự án số 1”, Hồ sơ ESV,
“Tổng hợp dự án – Bản cũ,” năm 1926

Oxbury, một thị trấn nhỏ nằm bên bờ Hồ Champlain. Trong hồ sơ của Abigail Alcott, thị trấn được đổi tên thành Fleetville nhằm bảo vệ danh tính của người vô tội. Abigail cùu nhau đọc đường đến khu cắm trại của dân Gypsy, “Tra cứu sơ đồ phả hệ của dòng họ này chẳng khác gì điều tra dòng giống của bọn ếch trên sông.”

Sau khi xác định được gia đình cần điều tra, nhân viên thực địa sẽ rà soát hết hồ sơ tại thành phố Waterbury, Nhà tù Liên bang, Trường dạy nghề Vermont và trường công dành cho người thiểu năng tại vùng Brandon để nhận diện thành viên thuộc những gia đình đó. Sau đó, hàng loạt phỏng vấn điều tra với giáo viên, cán bộ hành chính, hàng xóm và cả những người họ hàng xa không liên quan đến mấy hành vi phạm tội của con em trong dòng tộc sẽ được tiến hành để hoàn thiện báo cáo.

Abigail cho phép tôi đọc vài ghi chép từ những đợt khảo sát tại đây: dòng họ Delacour mang huyết thống lai tạp giữa người Canada gốc Pháp và Ấn Độ. Tổ tiên của họ là hai anh em họ kết hôn theo nghi lễ Giáo hội Công giáo La Mã, có với nhau mười bảy người con, mười đứa bị ngớ ngẩn còn ba đứa thì, theo nguyên văn lời nhận xét của Abigail, thuộc dạng chẳng biết “đoan trang liêm sỉ” là gì. Con cháu đời sau là một đám nghiện

rượu, phạm tội và nghèo túng. Mấy hộ gia đình cứ thế sống chen chúc trong một túp lều nhỏ. Suốt sáu năm qua, bọn họ lang thang từ Hinesburg đến Cornwall, dạt tới Burlington, Webridge rồi chạy qua Pittsburgh. Nhưng đến mùa hè, bọn họ lại quay về Fleetville, bán mớ đồ thủ công làm lúc mùa đông và đánh cá kiếm sống qua ngày. Khiếm khuyết lớn nhất của nhóm người này là chứng đần độn, nhưng cũng không thể nào bỏ qua mối liên quan đến hành vi phạm pháp, phụ thuộc vào xã hội và thói quen lang thang đây đó.

Trong hồ sơ của Abigail, dòng họ Delacour được gọi là Moutons – cô ta mách nhỏ rằng đó là tên cô ta đặt cho bé cún cưng giống poodle. Việc đặt tên này nhằm tuân thủ nguyên tắc của nhân viên xã hội là phải bảo vệ danh tính của đối tượng. “Cô không biết lấy thông tin người nhà họ dễ dàng thế nào đâu,” Abigail kể. “Cứ đến bất kỳ thị trấn nào và hỏi là người ta sẽ bảo, Ô, bọn đó à.”

Tôi thầm nghĩ, dù sao thì ai cũng biết bọn họ là ai, vậy thì lấy tên giả còn tác dụng gì sao.

Lúc đi về phía hồ nước, tôi nhớ đến điều cha đã dạy – con người càng sống gần nguồn nước thì càng kém thành công. “Cứ nhìn đám bần dân ven sông đấy,” ông khinh khỉnh, “rồi so thử với cha xem.” Nhà của ông nằm trên đỉnh đồi thành phố Burlington, đúng là vị trí xa sông ngòi nhất.

Khi Abigail tiến đến gần, không khó để nhận ra rằng cô ấy đã từng đến đây. Đám trẻ chạy chán đất lao đến chỗ cô ta, tay vói vào túi váy lấy kẹo. Một cậu thiếu niên đang đeo mái chèo còn mỉm cười e thẹn với Abigail. “Bạn họ có biết không?” tôi thì thào. “Ý tôi là về lý do chúng ta đến đây?”

Vẫn giữ nụ cười trên môi, Abigail đáp lại. “Bạn họ biết tôi muốn tìm hiểu về cuộc sống của họ. Những người giống như tôi thường chẳng quan tâm đến họ, vậy nên họ mới chia sẻ.”

Dừng chân trước một túp lều tồi tàn, Abigail gõ lên cái cột chống lều thay cho gõ cửa. “Jeanne đang chờ chúng ta đấy,” cô nói, và y như rằng, tấm vải lều bật mở. Một người phụ nữ gầy còm trạc tuổi Abigail do dự vẫy tay mời chúng tôi vào trong, ngồi cạnh cái bàn được dọn dẹp sạch sẽ.

Mọi sinh hoạt trong nhà gói gọn trong một căn phòng. Cái thùng to đặt cạnh cửa đựng đầy nước sạch, chênh vênh bên kệ bếp là đám đĩa và ly chưa rửa. Nhưng căn phòng rõ ràng đã được dọn dẹp ngăn nắp vì chúng tôi. Đó cũng là dòng ghi chép đầu tiên trong sổ của Abigail. “Chào Jeanne,” cô nói, nhoẻn miệng cười nhưng mắt vẫn lạnh băng. “Tôi rất vui được gặp cô. Đây là phu nhân Pike.”

Đôi mắt Jeanne dán vào bụng tôi. “Con đâu lòng sao?”

“Vâng.”

“Tôi cũng có một đứa con,” Jeanne nhấn mạnh.
“Một đứa con trai.”

“Đúng vậy,” Abigail phụ họa. “Dì Louisa của cô kể cho tôi rất nhiều chuyện về Norman đấy.”

“À há,” Jeanne khẽ gật đầu. “Nó là đứa cháu cưng của dì ấy. Dì ấy vẫn thường dắt nó đi chơi mỗi khi vào rừng tìm mấy cây tùng, hắc vân sam và cây rễ máu.” Tôi liếc trộm thì thấy Abigail đang viết vào sổ. *Tóc ngắn – váy cài bằng kim băng. Tất chân tuột xuống dưới đầu gối. Có vẻ ngơ ngác.*

“Con trai của Jeanne đang học tại Trường dành cho trẻ thiểu năng ở Brandon,” Abigail giải thích cho tôi rồi quay sang Jeanne. “Louisa kể rằng cô nhận được thư con trai gửi à.”

Chuyện này có vẻ khiến Jeanne vui vẻ hẳn lên. Khi người mẹ vội vàng đi tìm bức thư để khoe với chúng tôi, Abigail ghé sát lại thì thào. “Chuyện thằng bé bị cách ly phần lớn là do chính quyền tiểu bang. Khi nhân viên xã hội đến đây, bọn họ nhìn thấy thằng bé đang ngồi đây, ăn thịt sống. Thịt sống đấy!”

Một lúc sau, Jeanne hớn hở quay lại với lá thư trong tay. “Norman được mấy tuổi rồi nhỉ?” Abigail thắc mắc.

“Tháng Mười này là thằng bé được mười tuổi rồi.”

“Sao cô không đọc cho tôi nghe thư thằng bé viết gì nha?”

Jeanne sững người mất vài giây rồi bắt đầu đọc mấy dòng chữ như gà bới của con trai mình, vừa đọc vừa ngập ngừng vì sai sót. Thế là Abigail lại viết. *Mù chữ. Cả mẹ và con.* Nhưng cô ta lại trầm trồ với Jeanne, “Ôi, thằng bé viết lách cứ như học giả ấy!”

Ánh mắt Jeanne dịu xuống như vừa tìm được một người bạn. “Cô Alcott, cô làm việc cho chính quyền... cô có thể hỏi giúp tôi khi nào Norman được trả về nhà không?”

Đột nhiên tôi hiểu được vì sao người phụ nữ này lại lo lắng khi mời người lạ vào thăm nhà như thế. Cô ấy cũng muốn thăm dò Abigail như Abigail muốn moi tin từ cô ấy. “Xin thứ lỗi,” tôi buột miệng, “tôi ra ngoài hít thở cho thoáng chút”.

Tôi thả bộ dọc con đường, cảm nhận đôi ủng lún vào lớp bùn non. Mấy cậu bé đang chơi đùa với quả bóng làm từ giẻ rách, cánh tay gầy guộc lộ cả xương in trên nền trời xanh khi cả đám rướn tay đón bóng. Nếu muốn giúp Abigail thì tôi phải đặt câu hỏi mới phải. Tôi phải cố gắng hết sức để tìm hiểu về những gia đình này.

Trước túp lều là một cụ già miệng ngậm tẩu thuốc, đôi tay thoăn thoắt đang biến mấy sợi mây thành cái giỏ. Tôi tiến đến gần với một nụ cười

trên môi, khiến cụ già khẽ ngẩng đầu lên. Chẳng cần nói hay làm ra động tác gì khác, ánh nhìn toát ra từ đôi mắt ấy cũng đủ khiến tôi rẽ sang hướng khác. Tôi hướng đến chỗ người đàn ông đang ngồi xoay lưng câu cá. Ông ta quăng rồi kéo lưới một cách chuẩn xác và khéo léo như đang trình diễn một điệu nhảy tinh tế. Chiếc quần tây kéo cao và mái tóc đen nhánh dài đến giữa lưng khiến tôi cảm thấy xấu hổ vì mái tóc ngắn thời thượng của mình.

Tỏ ra hứng thú với công việc của người ta; đó là nguyên tắc đầu tiên của Abigail. "Xin chào." Tôi bước đến tận mép nước nhưng chả đổi lấy được một cái ngoài đầu nhìn lại. "Tôi thấy ông đang đánh cá."

Tôi thầm nghĩ, làm tốt lắm, Lia. Tiếp theo thì may có nên trầm trồ vì gã ta là dân Gypsy không?

Ông ta xoay người lại, tháo con cá dài gần hai gang tay ra khỏi lưới câu. Tôi nhận ra đây là người đàn ông đã nhìn chằm chằm vào mình hồi lễ Quốc khánh. Mắt ông ta nhướn lên rồi quét qua mặt tôi như thể chưa bao giờ gặp người nào giống tôi. Có lẽ ông ta chưa từng gặp thật. Có lẽ người Gypsy cũng hiếm khi giao lưu với chúng tôi như chúng tôi hiếm khi nói chuyện với họ.

Cảm thấy lúng túng, tôi nhìn xuống giỏ đựng cá đặt dưới chân ông ta. Chiếc giỏ đầy ăm ắp cá

giãy đành đạch: có cá vược miệng nhỏ, cả mấy con cá lốm đốm có cái mũi nhọn mà tôi không biết tên. "Xin chào," tôi lặp lại, quyết tâm khiến ông ta chịu nói chuyện. "Tôi tên là Cissy Pike." Và chìa tay về phía ông ta.

Ông ta nhìn chầm chằm vào tay tôi một lúc lâu. Sau đó ông ta túm chặt tay tôi như kẻ sắp chết đuối. "*N'wibgwigid Môlsem,*" ông ta lầm bầm.

Mù chữ, chắc chắn nếu là Abigail thì cô sẽ ghi lại như thế. Nhưng tôi thì không. "Tôi là Sói Xám," ông ta dịch lại.

"Ông biết nói tiếng Anh à!"

"Giỏi hơn cô nói tiếng Alnôbak đấy," ông ta đáp.

Ông ta vẫn chưa chịu thả tay ra. Tôi nhẹ nhàng rút tay lại, tảng hắng và bắt đầu xã giao. "Ông sống ở đây sao?"

"Tôi vẫn luôn sống ở đây mà."

"Vậy hẳn là ông có nhà nghỉ?"

"Tôi có một túp lều." Ánh mắt ông ta phản chiếu hình bóng tôi, vặn vẹo như trong Nhà Gương. "Tôi chẳng có nhu cầu gì nhiều."

Mở lý thuyết về an sinh xã hội cứ thế bay vèo ra khỏi đầu tôi. "Tôi thấy ông," tôi nghe thấy mình lên tiếng, "vào ngày Bốn tháng Bảy. Khi đó ông theo dõi tôi."

“Vậy hôm nay?” ông ta đáp lại, “Cô đang theo dõi tôi sao?”

“Ồ không. Tôi còn không biết ông sống ở đây... chỉ là tôi đi cùng với Abigail Alcott.”

Mặt ông ta sa sầm. Ông ta bắt đầu thu gom vật dụng đánh cá, xoay lưng lại về phía tôi. “Vậy thì cô đến để đưa đám thiếu niên vào trường nghề phải không? Hay cô đến để tuyên bố rằng chúng tôi sẽ xuống địa ngục vì tội cầu nguyện trong một nhà thờ khác? Hay cô đến để điều tra ai say xỉn trong thị trấn và nôn thốc nôn tháo trên Phố Nhà Thờ?”

Lời nói của ông ta khiến tôi không biết nói sao. Trước nay tôi chỉ nghe kể về người Gypsy, những cái tên trên sơ đồ phả hệ, không phải người đàn ông đánh cá với làn da ấm áp không khác gì mình. “Ông còn không biết gì về tôi.”

Mặt ông ta sa sầm. “Cô nói đúng,” ông ta thừa nhận, “tôi chẳng biết gì về cô hết.”

“Có thể tôi không giống Abigail thì sao.”

Hai chúng tôi đứng cách nhau chỉ một tấc. “Có thể tôi không như mấy tay Gypsy khác thì sao,” ông ta trả lời.

Ngôn ngữ đã tạo thành bức tường ngăn cách giữa chúng tôi, và tôi không nghĩ ra cách nào khác ngoài việc tháo dỡ từng viên gạch. Vậy nên tôi chỉ vào hồ nước và hỏi. “Ông gọi đó là cái gì?”

“Cái hồ.”

“Không phải,” tôi lặp lại. “Ý tôi là theo ngôn ngữ của ông?”

Ông ta nhìn tôi một cách dè chừng. “*Pitawbagw.*”

“*Pitawbagw.*” Tôi lại chỉ qua mặt trời. “Còn cái này?”

“*Kisos.*” Tôi cúi xuống, bốc một nắm đất trong tay. “*Ki,*” Sói Xám duỗi tay ra kéo tôi đứng dậy. Ông ta dịu dàng chạm vào bụng tôi. “*Chjis.* Nghĩa là đứa bé.”

“Cô Pike!”

Tôi nghe tiếng Abigail gọi tên mình từ phía bờ hồ. “Xe cô sắp đi kia.” Sói Xám nhắc nhở.

“À vâng...” tôi che mắt cho khỏi chói nắng, cố gắng tìm Abigail, nhưng không thấy.

“Cô nên đi đi. Cô không muốn qua đêm ở đây đâu.”

“Vâng,” tôi giật mình nhận ra mình vừa thừa nhận. Đỏ mặt, tôi bắt gặp ánh mắt của ông ta. “Ông nói câu ‘Tôi sẽ quay lại’ như thế nào?”

Đó là một lời thách thức, và ông ta chấp nhận. “*N'pedgiji.*”

“Ồ, vậy thì. *N'pegdiji.*”

Ông ta phá ra cười. “Cô vừa nói với tôi rằng cô sắp xì hơi.”

Mặt tôi đỏ đến hết cỡ. “Rất cảm ơn về bài học ngôn ngữ, ông Sói.”

“*Wli nanawalmezi, Lia.*”

“Câu đó nghĩa gì?”

Ông ta chầm chậm mỉm cười. “Bảo trọng nhé.”

Tôi rảo bước thật nhanh dọc sườn đồi, i ạch vì sức nặng của đứa bé. *Chjis*. Trên đường về nhà, tôi lắng nghe Abigail kể chuyện về cặp anh em họ chém giết nhau ở quán rượu, về căn bệnh hoa liễu đang bùng phát trong một nhánh của dòng họ Delacour. “Cô có tìm hiểu được gì không?” cô ta cuối cùng cũng biết hỏi thăm đến tôi khi đã hết chuyện để kể.

Học cách nói chuyện bằng ngôn ngữ của họ. Và có lẽ là cả cách lắng nghe. “Không có gì quan trọng hết,” tôi trả lời và giữ im lặng cho đến khi về nhà.

John Delacour, biệt danh Sói Xám, là một kẻ khét tiếng trong dòng họ. Ông ta có tiền sử nghiện rượu, lạm dụng tình dục, sống lang thang và phạm tội, đã đổi tên rất nhiều lần. Ông ta bị bắt giam vào năm 1923 vì dùng gạch đập vào đầu một người đàn ông. Năm 1914, ông ta bị tống vào tù vì tội giết người. Một số họ hàng cho biết ông ta có mấy đứa con rơi. John là một kẻ dối trá và giỏi quanh co chối tội nên việc khiến ông ta thành khẩn khai báo là bất khả thi.

— Trích hồ sơ theo dõi của Abigail Alcott,
nhân viên xã hội Phòng An Sinh Xã Hội

Khi tôi về đến nhà, Ruby đang đứng ngay cổng với ánh mắt lo lắng, Spencer đứng sau cô bé một bước. “Em nghĩ em đang làm cái quái gì vậy?” Spencer gầm lên, đóng cửa sập cửa sau khi tôi vào. Anh chộp lấy cánh tay tôi, siết mạnh đến mức tôi biết chắc sẽ để lại vết bầm.

“Để em giải thích...”

“Giải thích chuyện này đi, Cissy. Giải thích vì sao anh nhận được cuộc gọi từ thư ký báo rằng em đã đến văn phòng tim Abigail Alcott. Giải thích vì sao vợ anh, người đang mang thai bảy tháng đứa con đầu lòng của anh, lại ngu xuẩn đến mức đến bệnh viện tâm thần mà không để ý đến chuyện cô ấy có thể bị thương. Và vì Chúa, cô ấy lại còn dám bén mảng đến khu trại của bọn Gypsy nữa chứ...”

“Đó đâu phải là khu trại của bọn Gypsy hả Spencer, và em vẫn ổn mà.” Tôi cố rút tay ra nhưng anh không thả. “Em chỉ muốn biết điều gì khiến anh và cha em lại bận rộn đến như vậy. Chẳng lẽ đó cũng là cái tội hay sao?”

“Tình trạng của em bây giờ không được...”

“Spencer, em mang thai chứ không bị đần độn.”

“Vậy sao?” Spencer bùng nổ. “Chúa ơi, Cissy, làm sao em có thể buộc anh phải tin tưởng lý trí của em, khi đêm hôm trước em muốn tự sát và ngày hôm sau lại chạy đến bệnh viện tâm thần...”

“Chuyện này chẳng công bằng tí nào,” tôi phản bác, mắt đau xót.

“Không công bằng sao? Thủ tướng tượng anh ngồi đây, nghĩ vợ mình có thể bị thương, hoặc tệ hơn là bị thằng điên nào đó giết hại. Abigail được đào tạo để làm những việc này còn em thì không. Con mẹ nó, em phải ở trong nhà cho đến khi anh đổi ý.”

“Anh không thể đổi xử với em như vậy.”

“Anh không thể sao?” Spencer siết tay tôi đau đến chảy nước mắt. Anh kéo tay tôi lên cầu thang. Căn phòng duy nhất được khóa kín chính là phòng ngủ của chúng tôi, và Spencer cứ thế lôi tôi vào phòng. “Anh chỉ muốn tốt cho em thôi.”

“Tốt cho ai?” tôi chất vấn.

Mặt Spencer tái mét giống như vừa ăn một cái tát của tôi. “Cissy, có đôi lúc,” anh thì thào, “anh không nhận ra em.”

Chồng tôi cứng nhắc bước ra khỏi phòng. Đứa bé trong bụng cuộn lại. “Em xin lỗi,” tôi lẩm bẩm, nhưng đáp lại chỉ là tiếng khóa cửa.

Hỏi: Giữa di truyền và môi trường, điều gì quan trọng hơn?

Đáp: Cả hai phụ thuộc vào nhau. Câu hỏi này cũng giống như câu hỏi, "Thú gì quan trọng hơn, đất hay hạt giống?"

— Hiệp hội Ưu sinh Mỹ
Giáo lý Thuyết Ưu sinh, năm 1926

Giữa đêm khuya có tiếng mở khóa. Từ nơi này mà tôi cũng ngửi thấy mùi rượu từ Spencer. Anh trèo lên giường, dán người lên sau lưng tôi và nói, "Chúa ơi, anh yêu em." Câu nói ấy cứ thế thấm vào da thịt tôi như hơi ẩm.

Vào kỳ trăng mật, Spencer và tôi đi ngắm thác Niagara. Một đêm nọ, chúng tôi cắm trại ngoài trời và làm tình dưới bầu trời đêm. Tiếng thác đổ sôi sục như máu chảy, và khi anh ấy tiến vào, tôi dám thế rằng những ngôi sao tự chắp nối thành tên của chúng tôi.

Lúc này, Spencer lật vẩy ngủ của tôi lên, chen vào giữa hai đùi. Hai chúng tôi đều đang nức nở nhưng giả vờ như không. Khi Spencer tiến vào trong, gương mặt anh ướt đẫm dán chặt vào sống lưng tôi. Tôi tưởng tượng những đường nét trên mặt anh cứ thế in hằn ở đó, như chiếc mặt nạ thần chết vẫn luôn ám theo mình.



Tôi cho rằng chúng ta có thể yên tâm kết luận trong tổng số sáu mươi hai gia đình được khảo sát... “dòng máu nói lên tất cả,” và tất cả bằng chứng đều chứng minh dòng máu sẽ vẫn tiếp tục “lên tiếng” trong những thế hệ tương lai.

— H.F. Perkins, *Những bài học từ Khảo Sát Ưu Sinh tại Vermont*: Báo cáo thường niên thứ nhất, năm 1927

Mưa máu rơi xuống từ những đám mây sét. Hoa hồng nở rộ giữa đêm khuya. Nước không sôi; câu chữ cứ biến mất khỏi sách vở. Sắc trời kỳ quái. Khi tôi thơ thẩn dạo bước trên thế giới lạ lùng này, mặt đất dưới chân đã đóng băng.

“Cissy. Cissy!”

Đôi tay nào đó đang siết lấy vai tôi. Hơi thở phảng phất trên cổ. “Spencer?” tôi lẩm bẩm trong cơn mơ ngủ.

Dần dần tôi nhận thức được đám cú vọ đang nhìn chằm chằm từ trên ngọn cây, bùn đất dính đầy gót chân và tà áo ngủ, đêm mùa hè lao xao. Tôi đang đứng trong khu rừng sau nhà và không biết làm thế nào mình đến được đây.

“Em vừa mộng du đấy,” Spencer giải thích.

Mộng du, vậy sao, chắc là vậy rồi. Nhưng tôi lại có cảm giác mình từng ghé qua đây... giống như ngón tay mình đã lướt qua mọi thứ. Spencer ôm lấy tôi và thở dài. “Cissy, anh chỉ muốn em được hạnh phúc.”

Tiếng nấc nghẹn lại trong cổ. “Em biết.”

Tôi đúng là kẻ thất bại, tôi có tất cả – một ngôi nhà đẹp, thai kỳ khỏe mạnh, một người đàn ông như Spencer – mà vẫn cảm thấy thiếu mất thứ gì. “Anh yêu em mà,” chồng tôi dỗ dành. “Anh chưa bao giờ yêu ai khác ngoài em.”

“Em cũng yêu anh,” tôi đáp lại. Giá mà thực tế cũng dễ dàng như vậy.

“Sao vợ chồng mình không quay lại giường ngủ,” Spencer đề nghị, “và quên hết mọi chuyện nha?”

Giống như chúng tôi cố tình quên đi những thứ khác. Bởi vì chuyện xấu không nói rõ ra thì đâu ai biết?

Nhưng thói quen vẫn là thói quen. Vậy nên tôi gật đầu và theo Spencer về nhà. Tôi không kìm được mà ngoái lại nhìn, không sao gạt bỏ được cảm giác mình phải tìm được thứ gì đó ở đây. Lúc bước đến cổng vòm, Spencer mở cửa giúp tôi, lau sạch dấu vết trên thềm đá.

Lúc vào phòng tắm rửa chân, tôi mới nhận ra tay trái đang nắm chặt thứ gì đó. Tôi mở tay ra, chầm chậm như nụ hoa đang hé nở: một đôi giày da mềm mại, mỏng manh, màu mật ong, đôi giày tí hon nhất mà tôi từng thấy.

chương

Sáu

Ngày 21 tháng 8 năm 1932

Trích từ bản tin trưng bày tại
Hội nghị Ưu sinh quốc tế lần ba:

31 GIÂY

Cứ mỗi 31 giây, người đóng thuế trong bang
lại phải chi \$100 cho việc chăm sóc người tâm thần,
thiếu năng, động kinh, mù và điếc tại các
Bệnh viện Liên bang. Chỉ tính trong năm 1927.

Giữa đêm khuya, bụng dưới tôi quặn lên. Cơn
đau khiến tôi thức giấc, nhìn sang Spencer
đang ngủ ngon lành tít ở mép giường bên
kia. Tôi cố gắng phớt lờ những chiếc răng đang
cắn xé mình từ bên trong.

Nhưng có gì đó rách toác, tôi sững sốt đến mức không khóc nổi. Tôi nhìn máu thấm qua tà trước của áo ngủ, cái răng nanh sắc như dao. Cái mõm sần sùi lộ ra giữa phần da bị xé mở; sau đó là cái chân với móng vuốt, cái bụng của loài bò sát rồi cái đuôi. Con cá sấu cuộn người giữa hai chân tôi, ngóc đầu lên và ngoác mõm cười.

“Cô Pike...”

Giọng ai đó đang đứng nhìn tôi bị nuốt chửng. Hầm răng cá sấu cắm pháp vào đùi tôi.

“Cô Pike... Lia!”

Lúc này, chính cái tên bí mật của tôi khiến con cá sấu biến mất. Khi chớp mắt choàng tỉnh, tôi thấy Ruby mặc áo ngủ đứng trước mặt mình, hai chúng tôi đang đứng giữa đại sảnh khách sạn Plaza. Đôi mắt cô bé thăm quan như tó chì sáp. “Cô phải quay lại giường ngủ thôi.”

Tôi lại mộng du nữa rồi. Ruby phải chịu trách nhiệm trông chừng tôi trong suốt chuyến đi này. Cô bé dẫn tôi lên căn phòng xa hoa, mở cửa phòng, cố không nhìn đến Spencer, người đang ngủ ngon lành trên giường. “Xa nhà thì có ai ngủ ngon đâu,” Ruby thì thầm một lý do giúp cho tôi. Cô bé vén chăn lên, giúp tôi an vị trên giường như thể cô mới là người chị lớn.

Tôi nuốt khan, để mắt làm quen với bóng tối.

Tôi rút chân lên thật cao, phòng khi con cá sấu còn bơi lội dưới lớp chăn.

**Trích từ chương trình
Hội nghị Ưu Sinh Quốc Tế Lần Ba:**

- I. Giới thiệu và chào đón: Tiến sĩ H. F. Perkins, Chủ tịch Hiệp hội Ưu Sinh Mỹ
- II. "Kiểm tra sinh học đối với dân nhập cư": Giáo sư Jap Van Tysediik
- III. "Phòng chống sự sụp đổ của nền văn minh phương Tây": Tiến sĩ Roland Osterbrand
- IV. "Loại bỏ dân châu Mỹ bản địa: Một nghiên cứu về cải thiện tố chất loài người": Tiến sĩ Spencer A. Pike

Hội nghị Ưu Sinh Quốc Tế Lần Ba nhóm họp tại Bảo Tàng Lịch Sử Tự Nhiên New York, và tôi nghiêm nhiên được mời đến tham dự. Nhưng dù cha tôi đến tham gia hội nghị, chồng tôi là diễn giả danh dự, tôi hoàn toàn có thể bị bỏ lại ở nhà nếu không có vụ tự cắt cổ tay và chuyện lộn xộn lần trước với Abigail Alcott.

Lúc này chúng tôi ngồi trong phòng nghỉ riêng dành cho các vị tai to mặt lớn có mặt tại hội nghị. Spencer đang chuẩn bị sẵn sàng cho bài diễn thuyết còn cha tôi đang đọc tờ giới thiệu chương

trình. Ruby ngồi im phẳng phắc tại một góc, môi mấp máy theo từng mũi đan.

Chúng tôi là những người duy nhất còn ngồi lại đây; những người khác đều đã trình bày xong phần diễn thuyết hoặc đi xuống hàng ghế thính giả. Tính đến lúc này thì chúng tôi đã gặp được người tiên phong cho phong trào triệt sản bang Michigan, một nhà sinh lý học gốc Cuba đã chúc phúc cho tôi và nói rằng nhiệm vụ của những người phụ nữ tài năng như tôi chính là phải sinh thêm vài đứa nữa để cứu giúp thế giới. Tay bác sĩ người New York nồng nặc mùi tỏi đã dành suốt một tiếng đồng hồ tranh luận cùng Spencer về chi phí chăm sóc cho con cái của gia đình thiểu năng (2 triệu đô-la) so với cái giá cho một lần triệt sản cho bố mẹ (150 đô-la).

Vừa ngồi lột vỏ cam, tôi đưa mắt nhìn qua cửa sổ, ngó đám khách mời hối hả trèo lên từng bậc thềm đá. Cái mũ của người đàn ông bị gió thổi bay đến tay gã ăn xin. Đứa bé ngồi trên bậc thềm cao vùng vằng đá chân lộ cả quần lót hồng như cánh hoa. Và còn có cha và chồng tôi đang tranh cãi về việc Spencer sẽ nói gì trong lúc diễn thuyết.

“Con chắc về ý đó đâu, cha à,” Spencer rốt ráo đi vòng vòng bên tấm hình minh họa trải trên sàn trông chẳng khác gì cái lưỡi dài ngoằng của loài

chó săn. “Chúng ta đã bỏ qua vụ sơ đồ phả hệ từ năm ngoái rồi mà.”

Chiếc giày của Spencer khẽ miết dọc sơ đồ phả hệ. Sơ đồ giống như một con bạch tuộc khổng lồ miêu tả cây phả hệ với một đám xúc tu chồng chéo lồng nhằng như quan hệ giữa các gia đình đang suy thoái. Ký hiệu chí chít trên sơ đồ, còn chú thích được viết dọc mép hình. Chấm tròn màu đen thể hiện Bệnh Tâm Thần. Chấm tròn không tô đen thể hiện Chứng Thiếu Năng. Hình vuông màu đen dành cho mấy đứa bị gửi đến trại cải tạo, hình vuông màu trắng dành cho đám tội phạm tình dục. Sơ đồ phả hệ chẳng khác gì một con báo đốm.

Vào một bữa tối lúc trước, cha tôi và Spencer chợt nhận ra ba thành viên có tiếng nói quyết định trong hội đồng lập pháp lại có tên trong cây phả hệ của mấy gia đình suy thoái nhất tiểu bang. Ngay cả ngài thị trưởng lâm thời cũng có liên quan đến một gia đình khét tiếng. Thế là hai người quyết định hủy bỏ việc vận dụng sơ đồ phả hệ để thúc đẩy phong trào ưu sinh tại bang Vermont. Bọn họ thống nhất phương án khuyến khích đám thị dân lâu năm ở Vermont sinh con, trong khi thành lập một ban khác – Hội đồng Người Khuyết Tật – trực thuộc Ủy Ban Người Quyết Tật để vận động ngành lập pháp ban hành

quy định ngăn cấm người khuyết tật kết hôn và sinh con đẻ cái. Bằng cách này, tranh luận trái chiều liên quan đến Đạo luật Triệt Sản sẽ không có gì liên quan trực tiếp đến bối cảnh của ba quan chức nói trên.

Đêm hôm đó món súp rùa trên bàn ăn khiến tôi buồn nôn đến mức phải bỏ bữa giữa chừng.

“Chúng ta đã làm việc cần làm, Spencer, để lôi kéo cộng đồng ủng hộ việc đạo luật được thông qua. Chuyện đến đây là xong. Đến lúc phải quay lại với vấn đề cốt lõi rồi.” Cha tiến lại gần tôi, lấy một múi cam và thảy vào miệng. Ông ngoắc ngoắc ngón tay trước mặt Spencer. “Con ngửi thấy gì không? Con chẳng thấy múi cam đâu... nhưng con biết nó đã từng tồn tại mà. Spencer, con không cần phải để cập đến đám sơ đồ phả hệ. Muốn đốt nó cũng được. Nhưng ai trong khán phòng mà không nhớ đến chuyện chúng ta khảo sát mấy gia đình đó năm năm trước. Con không nói thì mọi người cũng biết.” Sau đó ông bước ra khỏi phòng.

Spencer nhìn xuống sơ đồ. “Em nghĩ sao?” anh ấy hỏi, khiến tôi suýt nữa thì ngã nhào khỏi ghế.

“Tôi nghĩ gì sao?” Tôi sững sốt vì được hỏi ý kiến đến mức không nói nên lời. Tôi nhớ đến những người Gypsy có con bị chính quyền bắt đi.

Nghĩ đến Sói Xám cứ tưởng tôi đến phá hoại cuộc sống của ông, chỉ vì màu da tôi trắng.

Danh tiếng, một khi đã thành lập thì luôn đi trước người ta.

Tôi đáp, “Em nghĩ chuyện hỏng thì cũng đã hỏng rồi.” Cửa bật mở, người ta gọi tên Spencer và một tràng vỗ tay vang lên.

Hồi còn bé, tôi từng gặp qua một trận động đất lúc cha dắt tôi đến tham dự một hội nghị nhỏ của những chuyên gia ưu sinh tại San Francisco. Lúc hai cha con đứng trên hành lang chờ động đất qua đi, tôi chợt nhận ra thứ cứng ngắc như mặt đất cũng có lúc chẳng hề vững chắc tí nào.

Tiếng năm trăm người đồng loạt vỗ tay nghe như tiếng mặt đất vỡ vụn dưới chân. Spencer cuộn sơ đồ, kẹp dưới cánh tay và hùng dũng tiến vào khán phòng trong tiếng vỗ tay vang rền như sấm. “Thưa các quý bà và quý ông,” anh bắt đầu bài diễn thuyết, tôi chẳng buồn nghe anh sẽ nói gì tiếp theo.

Tôi đứng dậy, rời khỏi căn phòng, bước thật nhanh xuống lầu và tiến vào gian phòng triển lãm. Một đám trẻ con và bảo mẫu trông thật tí hon trước mô hình khủng long brontosaurus. Cái đầu khủng long quá cao, trông bé đến mức khiến tôi không nhận nổi đâu là hốc mắt của nó. Tôi cho là bộ não của nó chắc chắn lớn hơn năm

tay mình. Bên kia hành lang mới là đại diện cho trí tuệ, chính là loài tyrannosaurus với hàm răng đáng gờm.

Vậy mà theo lời Spencer, cả hai con khủng long, dù là loài ăn cỏ thấp kém hay giống săn mồi tàn ác, vẫn tuyệt chủng vì biến đổi khí hậu. Rốt cuộc, chuyện ai thông minh hơn, khỏe mạnh hơn hay có khả năng sinh sản hiệu quả hơn cũng chẳng có ý nghĩa gì. Thời tiết xấu, một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát, vẫn quyết định tất cả.

Tiếng khán giả vỗ tay rầm rầm vọng lại từ trên lầu.

Tôi quay lại nhìn Ruby vẫn đang theo sau tôi chỉ vài bước và mở lời. “Đi dạo xung quanh một tí nào.”

Rosabelle – đáp – kể – khấn,
đáp – nhìn – kể – khấn, đáp – kể.

— Thần chú của Harry Houdini và vợ,
dựa trên một kịch vui cũ về thuật đọc tâm,
nhằm chứng minh ông ta có thể trở về từ cõi chết.

Thành phố New York vào mùa hạ chẳng khác gì địa ngục là mấy. Mùi mồ hôi hòa quyện với mùi mèn mặn toát ra từ mấy thùng rác muối ven đường, hàng trăm người chen chúc, mấy cậu nhóc

bán báo không ngừng la hét đủ loại bi kịch nóng hổi để kiếm mấy xu lẻ, xe taxi tõa ra làn khói lớn vờn như những bóng ma. Nơi đây đúng là thế giới âm phủ, và bất kỳ ai ở nơi này cũng sẵn sàng chỉ cho bạn lối thoát. Trên thực tế, người chỉ đường cho tôi là một cô bé sống trong túp lều bạt. Nó cuộn tờ đô-la tôi đưa rồi giắt sau tai như điếu thuốc, sau đó dắt tôi và Ruby đến một khu giàu có cách đó ba dãy nhà. Phía trên chuông cửa là một tấm bảng nhỏ khắc dòng chữ: HEDDA BARTH, NHÀ NGOẠI CẨM.

Người phụ nữ ra mở cửa còn thấp nhỏ hơn Ruby, mái tóc dài trắng toát dài quá vai. "Xin chào các quý cô," Hedda Barth, Bà đồng của Thế Kỷ lên tiếng. "Tôi có thể giúp gì cho các cô nào?"

Nếu bà ta có khả năng ngoại cảm thì ắt bà ta phải biết rồi chứ. Tôi suýt quay người bước xuống thềm thì cảm thấy Ruby huých nhẹ từ đằng sau. Cô bé thì thào khe khẽ, "Đã đến đây rồi thì chúng ta cứ thử xem sao."

Bà Hedda đã xuất hiện trên vài tờ báo. Bà ta chuyên đấu khẩu với Houdini và đã từng gọi hồn ông chú của ngài Thị Trưởng Walker. Cơ hội để tôi được đến đây thêm lần nữa để gặp bà ta là gần như bằng không. Nên tôi đánh bạo, "Chúng tôi gọi hồn, với sự giúp đỡ của bà."

"Nhưng cô còn không hẹn trước."

“Quả vậy.” Tôi hất cằm lên như cách cha tôi vẫn làm để khiến bà ta cho rằng đó là lỗi của chính mình chứ không phải do tôi. Và như dự đoán, bà ta nép sang một bên để chúng tôi vào nhà.

Bà dẫn hai chúng tôi lên một cầu thang hẹp và giơ tay mở cửa. Tôi không biết mình có phải là người duy nhất nhận ra bà ấy chưa hề chạm tay vào thì tay nắm đã tự động xoay mở.

Chờ chúng tôi trong bóng tối là chiếc bàn hình lục giác. Hedda nói, “Phải tốn một ít chi phí đấy nhé.”

Tôi đáp lại, “Tiền bạc không thành vấn đề.”

Vậy là Hedda bảo chúng tôi ngồi xuống và nắm tay nhau. Bà ta nhìn chằm chằm vào mặt tôi và Ruby rồi phán, “Cả hai cô đều từng trải qua đau thương.”

Tôi đã từng đọc một bài báo chỉ trích phong trào ngoại cảm. Bài báo viết về một nhà khoa học ở Paris mời người qua đường thử đoán tử vi miễn phí. Chín mươi bốn phần trăm người thử cho rằng kết quả tử vi là chính xác. Nhưng trên thực tế, tất cả mọi người đều nhận lời đoán tử vi như nhau: đều trích từ tử vi của một trong những tên sát nhân hàng loạt khét tiếng nhất nước Pháp.

Chúng ta tin những gì mình muốn tin; chúng ta nghe những gì mình muốn nghe. Ai chẳng

đoán được điều Hedda Barth đã phán như đúng rồi; vậy Ruby và tôi đến đây là vì cái gì chứ?

Nhưng đột nhiên cái bàn rung lên bần bật, hai chân bàn nhấc cao khỏi mặt đất như con ngựa đực chồm lên. Đôi mắt Hedda trợn ngược, miệng thì há hốc. Tôi liếc qua Ruby như muốn hỏi chuyện này có bình thường không.

“*Ma poule.*” Giọng nói ngọng nghẹu cao hơn hẳn giọng Hedda. Tim tôi chực chờ nhảy ra khỏi lồng ngực còn đứa bé trong bụng thì vùng vằng đạp chân.

“Simone đấy à?” Ruby thì thào trong cơn hoảng hốt. Lúc này tôi mới nhận ra mình đã nghe thấy ngữ điệu này trước đây. Ruby chỉ để lộ chất giọng của dân Canada gốc Pháp đó trong lúc vô ý hoặc quá mệt mỏi.

“Cherie à, nói với bạn em là không cần phải sợ hãi. Bạn chị ở đây đều đang chờ cô ấy.”

“Đó là chị gái em,” Ruby gào lên. “Là chị Simone. Chị ấy là người duy nhất gọi em bằng cái biệt danh đó – *ma poule.* Gà con của chị.”

Là người chị đã mất vì bệnh bạch hầu. Nhưng thông điệp của chị ấy lại không mấy rõ ràng. “Chờ” có thể mang nhiều ý nghĩa. Bạn họ đang nói đến mẹ tôi? Hay đang chờ tôi đến với họ?

Đột nhiên đứa bé trong bụng trở nên im lặng. Cánh tay tôi buông thõng; bao lo âu như tan biến.

Đây có lẽ là cảm giác người ta cảm thấy trước khi ô tô đâm sầm vào gốc cây. Đây chắc là thứ ánh sáng trắng toát mà người ta hay nói đến; giây phút yên tĩnh đón nhận mọi thứ.

Đây chính là cảm giác mẹ tôi đã từng có.

Có quá nhiều câu hỏi trong đầu tôi – Tôi có được thấy mặt con trai, hay đó là chỉ là mơ tưởng hão huyền? Con trai có nhớ tôi không? Tôi có thấy đau đớn không? Tôi có biết trước chuyện này sẽ xảy ra vào lúc nào không? Nhưng lúc này, chỉ cần biết những gì bản năng mách bảo vẫn luôn đúng cũng đủ lầm rồi.

Bà Hedda đang thoát khỏi cơn lên đồng. Nước bọt chảy dài bên mép trái trông như dầu phẩy. Tôi đặt tờ mười đô-la lên bàn, định bụng sẽ nói với Spencer rằng mình đã làm mất tiền. “Hãy quay lại nhé,” bà ta lên tiếng, và tôi nhận ra bà ta ám chỉ tôi hãy quay lại khi đã đến thế giới bên kia.

Một cuộc khảo sát ưu sinh toàn diện cần phải đạt được hai thứ. Thứ nhất là những người khiếm khuyết tại tiểu bang, thứ hai là lý do vì sao họ tồn tại.

— Trích từ lá thư gửi ngày 8 tháng Mười năm 1925
từ H. H. Laughlin,
Giám đốc Văn Phòng Tư Liệu Ưu Sinh,
gửi đến Harriet Abbott.

Văn phòng bác sĩ Craigh tọa lạc tại Đại Lộ Công Viên. Tôi vừa cài nút vừa liếc nhìn con đường chẵng có vẻ gì là xứng với cái tên. Đám cây xanh chẵng đủ mang lại cảm giác công viên; nơi này vẫn là trung tâm thành phố, nơi vỉa hè xi măng áp đảo màu xanh. Tay bác sĩ sần khoa lấy khăn lau tay. Sau khi kiểm tra, gã ta vẫn cố tình lẩn tránh ánh mắt của tôi. Gã ta cất giọng cộc cằn, “Bà Pike, xin mời bà đến văn phòng sau khi sắp xếp xong mọi việc.”

Lúc quay lại bảo tàng, Spencer vẫn đang cao hứng vì những lời tán dương của đồng nghiệp, tôi không nói với anh ấy về việc Ruby và tôi đã đi đâu. Tôi còn chẵng buồn phản đối chuyện anh ấy đã lên lịch hẹn với bác sĩ giỏi nhất vùng Đông Bắc chuyên đối phó với những trường hợp thai khó. Lý do rất đơn giản: quyền quyết định chẵng còn nằm trong tay tôi. Tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra, vậy nên cần gì phải đấu tranh.

Hồi còn bé, cha từng mời một bác sĩ pháp y đến nhà ăn tối. Tôi còn nhớ như in cảnh ông bác sĩ hớ hở cầm pháp dao vào phần ức gà để mô tả tình trạng chết đuối. Ông ta còn dùng dao chỉ vào xương ức và nói rằng điều kinh khủng nhất chính là khoảnh khắc phổi như muốn nổ tung. Rồi người ta chìm xuống, cổ thở nhưng hít vào toàn là nước. Sau đó là yên nghỉ.

Tôi coi như trầm mình lần thứ ba. Tôi sẽ nằm giữa mặt trên đáy cát mịn và ngắm nhìn ánh hoàng hôn qua tầng nước biển.

“Bà Pike,” cô y tá thò đầu qua cửa gọi tên tôi. “Bạn họ đang chờ bà đấy.”

“Được rồi.” Lúc quay người lại, tôi đã kịp đeo lên mặt nụ cười giấu sẵn.

Cô y tá dắt tôi đi dọc hành lang. “Trông bà thật rạng rỡ.”

Có lẽ nét rạng rỡ lúc mang thai chẳng hề đến từ niềm vui được làm mẹ. Có lẽ hai mẹ con đều hiểu chúng tôi sẽ chết.

Văn phòng bác sĩ Craigh độc một tông màu trầm, trông vừa gai góc vừa nam tính không khác gì một khoang khách mù mịt khói xì-gà trên tàu biển. “Gomez đêm qua toàn thắng,” Craigh hờ hở lẩm bẩm. “Năm nay đúng là cuộc đua gay cấn giữa Lefty, Ruth và Gherig mà.”

Spencer vốn chẳng ưa gì môn bóng bầu dục, anh đáp khiến tôi ngạc nhiên. “Tôi cho là đội Athletics cũng khá đấy chứ.”

“Gehrig kết thúc mùa năm ngoái với 184 cú ăn điểm trực tiếp đấy nhé. Anh không thể nào tin được đâu... ô, chào bà Pike. Mời bà ngồi xuống đây.” Ông bác sĩ chỉ tay vào cái ghế bên cạnh chồng tôi.

Spencer nắm tay tôi, và hai vợ chồng đều tỏ ra e dè như trẻ con bị mời đến gặp thầy hiệu trưởng. “Tin tốt nhé,” Craigh thông báo. “Thai nhi của hai người vẫn khỏe mạnh.”

Spencer thả lỏng và quay sang bảo. “Em thấy chưa, Cissy?”

“Tôi hoàn toàn thông cảm cho lo lắng của hai người vì tiền sử sinh nở của mẹ cô. Nhưng dựa trên hồ sơ y tế của cô mà chồng cô gửi đến trước đây, biến chứng lúc sinh của mẹ cô là vì vóc dáng gầy yếu và kích cỡ của đứa bé. Cô nhìn khá nhỏ con, cô Pike à. Nhưng hông cô đúng là rất thuận để sinh con đấy. May thay, hẳn là cô được di truyền từ cha mình.”

Tôi nhớ lại vóc dáng cao kều thanh mảnh của cha, chẳng giống tôi tí nào. Nhưng tôi vẫn mỉm cười đáp lại.

“Không những bà sẽ hạ sinh đứa bé an toàn,” bác sĩ Craigh tiếp tục thao thao bất tuyệt, “mà tôi còn mong đợi bà mang đứa bé đến đây thăm tôi đấy.”

Tôi tự hỏi Spencer đã trả trước cho gã bác sĩ này bao nhiêu tiền để nói dối như thế.

Chúng tôi đứng dậy và bắt tay tạm biệt. Spencer dùi tôi xuống ba tầng cầu thang. “Craigh được coi là chuyên gia đấy,” anh ấy nói. “Mọi người, tất cả mọi người, ai cũng biết đến tên tuổi ông ta. Em

cứ nói đến chuyện sinh nở, trẻ con là sẽ có người nhắc đến tên Craigh. Vậy nên anh thật yên tâm sau những lời nói của ông ấy."

Anh ấy hôn phớt lên mặt tôi, tay choàng qua vòng eo đầy đà, tay còn lại đẩy cửa bước ra ngoài, để hai chúng tôi bị cuộc sống phồn hoa đô thị nuốt chửng một lần nữa. Mặt trời gay gắt đến mức tôi chẳng thấy được gì. Tôi đưa tay lên che nắng, để mặc Spencer dắt mình đi.

Chúng tôi đều biết chứng thiểu năng là gì, và chúng tôi cho rằng tất cả những ai không có khả năng thích ứng với môi trường xung quanh, tuân thủ những quy tắc của xã hội và cư xử một cách bình thường đều là người bị thiểu năng.

— Henry Goddard, *Bệnh thiểu năng: Nguyên nhân và Hậu quả*, năm 1914.

Cuối cùng tôi cũng muốn làm chuyện đó ở một nơi thân quen. Tôi nghĩ đến chuyện đó suốt chặng đường về nhà trên tàu hỏa, thậm chí có phần hưng phấn. "Con biết mà," Spencer nói với cha tôi lúc nhà tôi ngồi trong khoang riêng trên tàu. "Con biết chuyến đi này sẽ tốt cho cô ấy."

Chúng tôi về đến nhà lúc gần nửa đêm. Đám ẽnh ương kêu lên ôm ộp chào đón khi chúng tôi bước ra khỏi xe Parkard, một con mèo hoang với

đôi mắt vàng rực đứng trên mái kho lạnh cứ nhìn tôi chòng chọc. Khi Spencer mở cửa nhà, tiếng mở cửa nghe y hệt tiếng niêm phong bị xé.

“Ruby, đến sáng rồi hẵng dọn dẹp đồ đạc,” Spencer ra lệnh khi dùi tôi lên tầng hai. “Em yêu, em cũng vậy. Em nên lên giường ngủ nào.”

“Em phải tắm đã chứ,” tôi càu nhau. “Chỉ vài phút thư giãn riêng tư thôi mà.”

Ruby chầm chậm xoay người lại. Miệng cô bé mấp máy câu hỏi mà tôi không cho phép bật ra. “Em nghe giáo sư nói gì rồi đấy,” tôi gằn giọng. Sau mấy tuần chị chị em em thân mật, mấy từ lạnh lùng bén nhọn này là cách đuổi cô bé đi chỗ khác. Cô bé lật đật chạy lên phòng ngủ, chui vào chăn vắt óc suy nghĩ chuyện gì đã xảy ra giữa hai chúng tôi.

Tôi lấy áo ngủ và áo choàng được gấp gọn gàng từ tủ quần áo rồi đứng chờ trước cửa phòng tắm cho đến khi Spencer ló đầu ra ngoài. “Anh vẫn nước vào bồn tắm rồi đấy,” anh lên tiếng, gương cười nhìn vào bụng tôi. “Em chắc là nếu bước vào rồi thì em tự mình bước ra nổi chứ?”

Tôi cố gắng lưu giữ hình ảnh nụ cười và bờ vai rộng của anh ấy. Cảm giác yêu thương cứ thế nghẹn ngào trong cổ họng, khiến tôi không nói nên lời. Mai một lúc sau, tôi rốt cuộc mới lên

tiếng: “Đừng lo cho em”. Ý tôi là mãi mãi cũng không cần lo nữa.

Căn nhà trở lại trạng thái yên tĩnh như gã đàn ông to béo đang ngủ say: đầu tiên là mấy bức tường và sàn phòng khẽ rung lên, trần nhà phát ra tiếng thở dài, cuối cùng là tiếng không gian pháp phồng, sau đó tất cả mọi thứ trở nên im lìm. Phòng tắm tràn ngập hơi nước; tôi cởi áo quần, để mặc hơi nước xâm nhập khắp cơ thể. Tim đập nhanh tưởng như nhìn thấu được qua làn da, nhưng khi tôi nhìn vào gương thì tấm gương đã bị hơi nước che mờ. Thay vì vuốt sạch hơi nước đọng, tôi đặt tay lên đó, để lại một dấu tay. Ngón tay tôi nguệch ngoạc từng chữ cái: C...Ú...U.... Tôi tưởng tượng chuyện gì sẽ xảy ra nếu người ta tìm thấy tôi, lặng im và trắng bệch như bức tượng cẩm thạch. Tôi nghĩ đến những lời tốt đẹp người ta nói về mình; ánh mắt họ nhìn tôi đầy thương tiếc.

Một giờ sáng, nước trong bồn tắm đã lạnh. Hai chân tôi co lên hai bên bụng; cổ tay đặt trên đầu gối.

Lưỡi dao cao ráu của Spencer đang nằm lẳng lặng bên mép bồn tắm.

Tôi dè dặt cầm nó lên, vạch một đường trên cánh tay. Máu trào ra. Tôi lấy tay chấm lấy máu rồi vẽ lên môi như người ta vẫn tô son. Máu hơi

dinh dính, lại có vị mằn mặn như đồng xu. Rõ ràng nỗi chua cay đã thấm vào tận máu.

Khi vết thương vừa cắt ngừng đau, tôi lại nhấn dao xuống một lần nữa, cách vết thương kia một chút.

Hai đường thẳng song song. Một đường biểu thị sự sống của tôi, đường còn lại là của con trai tôi. Hai vết cắt sẽ giải thoát nó khỏi thân xác tôi, và nó sẽ có cuộc sống tốt đẹp hơn. Nếu không, chỉ cần con trai rời khỏi cơ thể tôi, nó sẽ lê thuộc vào người khác – Spencer hoặc cha tôi. Và một ngày nào đó, nó sẽ nhìn tôi bằng ánh mắt giống hai người đó – coi tôi là kiểu người không tài nào hiểu được thứ khoa học mà họ nghiên cứu lâu nay; kiểu người ngây thơ đến mức có thể tin rằng một thứ không đong đếm được như tình yêu lại có sức mạnh ngang thuốc nổ.

Và nếu như có phép màu nào đó, đứa bé này là con gái, chuyện sẽ còn tồi tệ hơn. Tôi sẽ là kẻ thất bại vì Spencer mong muốn một đứa con trai. Không những tôi phải chứng kiến Spencer đối xử với nó giống như với tôi mà tôi còn phải nhìn thấy con gái mắc phải những lỗi lầm giống mẹ nó: đem lòng yêu thương một người đàn ông yêu nó vì những gì nó có, chứ không phải vì nó là ai; kết hôn vì muốn tìm một người bầu bạn nhưng sau đó lại càng thấy cô đơn; sinh một đứa con để

rồi nhận ra con bé chẳng thể nào đáp ứng được kỳ vọng của người ta.

Một đường, rồi lại một đường cắt. Máu hòa quyện với nước trong bồn tắm, đỏ chói và ma mị. Cánh tay tôi giờ chẳng khác gì đường ray tàu hỏa. Rốt cuộc tôi cũng lên đường rời đi nơi khác, vì nơi này đã chẳng còn gì dành cho tôi.

Vết cắt cuối cùng, cũng là vết cắt sâu nhất nằm trên cổ tay. Vạch mẫu cho vết cắt này đã có sẵn, một đường gân xanh nhàn nhạt nằm dưới da.

Chỉ cần một nhát dao nữa để cứu lấy đứa bé. Bác sĩ sẽ hoàn tất công việc mà tôi đã bắt đầu bằng cách mổ toang bụng tôi. Rồi bọn họ sẽ dùng tay, vò đầu bút tai, sững sốt vì sao trong bụng tôi lại trống rỗng.

Tiếng đập cửa vọng vào tai tôi. Nhưng tôi chẳng còn đủ sức ngẩng đầu dậy. Thân thể cồng kềnh của tôi cứ thế chìm xuống nước.

Cửa phòng tắm bật mở, và Ruby chồm đến bên bồn tắm, hét vào tai tôi rằng hãy cố lên. Cô bé cố gắng giữ lấy tôi khi tôi chẳng còn sức nắm lấy cô bé. Lúc khản giọng gọi Spencer, Ruby hốt hoảng nhưng vẫn cố sức lôi tôi ra khỏi bồn tắm, để tôi nằm trên sàn, ướt đẫm, trần truồng và chảy máu. Spencer chạy đến cửa và lao đến chỗ tôi. "Cissy, ôi Chúa ơi, đừng mà." Anh quấn khăn quanh cổ tay

tôi. Máu thấm qua khăn ngay lập tức, khiến mặt Spencer trắng bệch. Anh ấy lao ra khỏi phòng, không quên quát Ruby: “Ở lại với cô ấy, nghe rõ chưa?” Vọng lại từ xa là tiếng anh ấy gào vào điện thoại với bác sĩ.

Với chút sức lực còn sót lại, tôi kéo áo Ruby và thêu thào cầu xin: “Hãy cứu đứa bé.” Nhưng Ruby đang khóc nức nở nên chẳng nghe thấy lời tôi nói. Vậy nên tôi đành dùng cánh tay lành lặn ôm lấy cổ cô bé. Tôi hôn lên môi Ruby để cô bé cảm nhận được sự đau đớn của tôi. “Hãy cứu đứa bé,” tôi thì thào khe khẽ. “Hứa nhé!”

Ruby gật đầu, mắt nhìn chằm chằm vào tôi. “Em hứa.”

“Vậy là được rồi,” tôi đáp và để mặc làn sóng mệt mỏi nhấn chìm mình.

Những quyền lợi của công dân không thể được đảm bảo toàn diện khi họ bắt buộc phải giúp đỡ những kẻ coi rẻ pháp luật, coi thường đạo đức, thiếu năng và có vấn đề về thần kinh.

— H. F. Perkins, *Những bài học từ Khảo Sát Ưu Sinh tại bang Vermont: Báo cáo Thường niên thứ nhất*, năm 1927

Mọi thứ đều trắng toát. Từ tay đến vai là lớp băng quấn chặt đến mức khiến tôi cảm nhận được mạch

đập dưới da. Tiếng mạch đập như đang nhắc nhở rằng tôi vẫn còn sống dù có chuyện gì xảy ra.

Phòng ngủ nóng hầm hập. Tôi vẫn nhớ cửa sổ đã được dán kín nên chúng tôi phải dùng đến quạt điện. Nhưng lúc này quạt điện đúng là vô dụng, và khi tôi đạp mờ chăn đệm xuống thì nhận ra Spencer và bác sĩ DuBois đang đứng tại cửa phòng. "Joseph," Spencer lên tiếng, "tôi biết chuyện này sẽ được giữ kín trong bốn bức tường này."

Bác sĩ DuBois là bác sĩ nổi tiếng nhất thành phố Burlington. Ông ta là người đỡ đẻ lúc tôi sinh ra; và chắc chắn là người đỡ đẻ cho con tôi. "Spencer..."

"Làm ơn đi. Tôi đang năn nỉ với tư cách là một người bạn đấy."

"Anh biết đấy, cô ấy nên được chăm sóc ở những vùng nông thôn giữa những cánh đồng bạt ngàn và ghế lắc đan bằng liễu gai – không phải như ở bệnh viện Waterbury đâu."

"Không được. Tôi không thể đối xử với cô ấy như vậy."

"Với Cissy à? Hay là với chính bản thân anh?" Bác sĩ DuBois lắc đầu ngao ngán. "Spencer, lần này không phải chỉ là chuyện của anh nữa rồi," ông nói và bước ra ngoài.

Spencer ngồi xuống bên mép giường và nhìn tôi chăm chăm. “Em xin lỗi,” tôi cố thêu thào.

“Đúng vậy, em đúng là có lỗi,” anh đáp. Mặc dù phòng ngủ vẫn nóng hầm hập, một cơn ớn lạnh vẫn chạy dọc sống lưng tôi. Một lần nữa, Spencer lại cảm thấy tôi không hoàn hảo.

Hỏi: Chính sách ưu sinh là gì?

Đáp: Chính sách ưu sinh chú trọng vào công tác loại bỏ những yếu tố di truyền không mong muốn khỏi xã hội. Triệt sản, di dân, ban hành luật pháp ngăn cấm những cá nhân kém chuẩn không được kết hôn và vân vân đều là ví dụ của chính sách ưu sinh.

— Hiệp Hội Ưu Sinh Mỹ,
Hỏi đáp về Thuyết Ưu Sinh, năm 1926

Spencer trông chừng tôi suốt một tuần rồi mới đi dạy, để tôi ở nhà với Ruby, do những nghiên cứu sinh anh ấy đã bắt đầu học kỳ. Anh căn dặn, “Em biết là em có thể gọi cho anh bất kỳ lúc nào mà.”

Ngừng phết bơ lên bánh nướng, tôi ngược mắt lên. “Được rồi.”

“Vợ chồng mình có thể đi ăn kem tối nay, nếu em thích.” Đó là cách Spencer nhắc tôi phải ráng

sống đến lúc anh về nhà. “Dạ, cũng được.” Anh ấy trông thật đẹp trai trong bộ vest mỏng, tóc vuốt ngược ra sau và cà vạt ngay ngắn như cán cân công lý. Tôi biết anh ấy đang nhìn chằm chằm vào con dao phết bơ trên tay tôi và ước lượng mức độ sát thương. Tôi liếm sạch lưỡi dao cùn ngay trước mặt Spencer, chỉ để thử phản ứng của anh ấy.

“Anh sẽ gọi Ruby vào,” anh nói rồi biến mất.

Ruby, người vẫn đang cố tình lảng tránh tôi, lê bước vào bếp khi xe ô-tô của Spencer nổ máy. Cô bé khẽ gọi, “Cô Pike.”

“Cô Weber chứ.”

“Nếu cô coi em là bạn,” Ruby òa lên nức nở, “cô phải báo trước về chuyện cô định làm chứ.” Ánh mắt cô bé dán chặt lên lớp băng quấn quanh cổ tay tôi.

“Nhưng như thế thì em sẽ không cho phép tôi làm vậy,” tôi âm thầm tự nhủ.

Tôi không cần phải nói tiếp vì một vụ lộn xộn xảy ra bên ngoài. “Đám gấu trúc Mỹ đấy,” Ruby thốt lên, chộp lấy khẩu súng săn luôn để sau cửa bếp phòng hờ mấy chuyện thế này.

“Thế thì chúng nó lên cơn dại rồi. Trời vẫn còn sáng mà.” Tôi lướt qua người Ruby, nhặt mấy viên đạn vẫn để trong tô đựng kẹo trên tủ bếp. Chúng tôi bước ra phía sân sau để kiểm tra xung

quanh, nhưng chỉ nhìn thấy hai con chuồn chuồn đang bay.

Ruby chống cây súng săn xuống đất và làu bàu. “Nếu có con gì thì chắc nó cũng chạy mất rồi.”

Tôi suýt lên tiếng đồng tình với cô bé thì nhìn thấy cánh cửa dẫn xuống kho lạnh đang hé mở. Đó là một khu nhà phụ được xây từ hồi bà ngoại còn sống, và được mẹ tôi truyền lại. Vào mùa đông, cứ cách vài ngày là người ta lại chuyển băng tảng từ hồ Champlain vào đây, đặt ngay ngắn trên lớp mùn cưa, để dành đập nhỏ chuyển vào thùng đá trong bếp. Spencer vẫn luôn đóng kín cửa cực kỳ cẩn thận. “Nếu muốn pha thêm nước vào rượu scotch thì dùng nước vòi cũng được mà” anh bảo thế.

Tôi giằng lấy khẩu súng từ trong tay Ruby và nói, “Ở yên đây nhé.” Nhưng tất nhiên là cô bé vẫn đi theo tôi. Chúng tôi bước vào trong kho lạnh, dừng lại một chút để làm quen với không gian thiếu ánh sáng. Chỉ có người hay dành thời gian lang thang trong bóng đêm như tôi mới có cảm nhận được có người thứ ba trong hầm. “Đi ra nào,” tôi lớn tiếng kêu lên, cố tỏ vẻ dũng cảm.

Không có gì.

“Tôi bảo là đi ra đây!” Bây giờ tôi đang tưởng tượng đến bọn cướp, tội phạm cưỡng bức, hoặc đám trộm cắp. Không còn gì để mất, tôi chia súng

bắn vào khối băng gần nhất. Khối băng vỡ toang, Ruby hét lớn và phía sau vai trái tôi, tiếng một người đàn ông gào lên, “Mẹ kiếp!”

Sói Xám bước ra khỏi chỗ nấp, giơ hai tay đầu hàng như trong phim. Gương mặt ông ta vặn vẹo một cách kỳ lạ vì hanh diện và kinh ngạc.

“Ông đang làm gì ở đây?” Khi đã xong chuyện, tay tôi bắt đầu run lên bần bật. Ruby co rúm lại một chỗ. Tôi trấn an cô bé, “Không sao đâu. Tôi quen ông ta.”

“Cô quen ông ta?” Ruby há hốc miệng.

Có thể là ông ta đến ăn trộm hoặc hành hung tôi. Nếu vậy, ông ấy chẳng phải có thể dễ dàng bám theo tôi vào cái hôm đến thăm làng Gypsy sao. Còn nếu muốn ăn trộm thì lẽ ra ông ta nên đến vào cái ngày cả nhà đi New York chứ. Và chuyện đồi giày da cũng không giải thích được, vì tôi chắc đó là thứ ông ấy muốn tôi thấy.

Hơn tất cả, trong phút giây này, tôi không muốn mình biến thành đúng kiểu người mà ông ta tưởng lầm trong gấp nhau trước đây.

“Sói Xám, đây là Ruby. Ruby, đây là Sói Xám,” tôi giới thiệu bọn họ với nhau giống như chúng tôi là những quý tộc người Anh đang tụ hội nơi tiệc tùng. Tôi thách ai trong hai người có ý kiến đấy.

Ruby lấp bắp trong hơi thở hồn hển, “Em sẽ báo cho giáo sư.”

Tôi chộp lấy tay Ruby và bảo. “Đừng làm vậy.” Hạt mầm tín nhiệm chạy từ lòng bàn tay tôi sang phía cô bé.

Nhưng cô bé đã sống với gia đình cuồng chủ nghĩa ưu sinh được một thời gian dài. Làn da người Canada gốc Pháp của Ruby cũng chẳng sẫm màu như da của người Gypsy. “Cô Pike,” Ruby thì thào, mắt khẽ liếc nhìn Sói Xám. “Ông ấy... ông ấy...”

“Đói bụng đấy mà,” tôi morm lời. “Em có thể giúp tôi lấy chút thức ăn trong bếp được ko?”

Cô bé nuốt lời mình định nói xuống, gật đầu rồi chạy vào nhà. Khi chỉ còn lại hai chúng tôi, Sói Xám chỉ tay vào mớ băng quần trên tay tôi. “Cô bị thương à.” Tôi gật gù. “Tai nạn sao?”

Đưa mắt nhìn chỗ khác, tôi khẽ lắc đầu.

Ông ta chăm chú nhìn mớ băng gạc, tỏ vẻ bức bối ra mặt. “Tôi mang đến một thứ giúp bảo vệ cô an toàn. Nhưng tôi đoán là mình không đến kịp rồi.”

Sói Xám lôi từ túi ra một cái túi da có dây làm bằng da sống. Cái túi phảng phất mùi của nắng hạ và mùi của ông. “Gỗ tần bì, cây độc cẩn nghiên nhỏ, hoa lan hài vàng. Dành cho

mẹ con cô.” Sói Xám đảo mắt qua bụng tôi rồi đeo cái túi lên cổ tôi, tôi ngoan ngoãn khẽ rướn người lại gần. Cái túi khiến da tôi bỏng rát. “*Kizi Nd'aib nidali.*”

“Câu đó nghĩa là gì?”

“Nghĩa là ‘Tôi cũng từng trải qua chuyện đó.’”

Tôi nhìn thẳng vào gương mặt Sói Xám và biết mình tin ông ấy. Người đàn ông này biết cảm giác bị ném vào một nơi có thể giết chết ông ấy, nếu ông ấy không kịp tự kết liễu chính mình. Nó thể hiện qua đôi mắt của ông ấy – đen huyền, sắc màu duy nhất còn lại khi tất cả màu sắc trên thế giới này bị nuốt chửng.

“Làm thế nào để nói ‘cảm ơn’?” tôi hỏi.

“*Wliwni.*”

“Vậy thì *Wliwni.*” Tôi đưa tay chạm vào họa tiết đính trên túi, một con rùa tinh xảo. “Làm cách nào mà ông tìm được tôi?”

Rốt cuộc ông ấy cũng mỉm cười. “Tất cả mọi người ở thành phố Burlington đều biết chồng cô sống ở đâu.”

“Ông để lại đôi giày da trên bậc cửa cho tôi à?”

“Tôi để chúng cho đứa bé của cô.” Ông ta dựa lưng vào cây cột chống hầm lạnh, mái tóc xõa quá vai.

“Ông không nên đến đây,” tôi nhắc nhở.

“Vì sao không?”

“Spencer không thích chuyện này đâu.”

“Tôi chả thèm đến vì gã ta, Lia,” Sói Xám đáp lại. “Tôi đến vì cô.”

Tôi không biết nên nói gì, nhưng cũng không hể gì, vì có thứ khác khiến ông ấy chú ý – Ruby đang bê một khay bày nước chanh và bánh nướng từ nhà ra. Khi chúng tôi tiến lại gần khay đồ ăn nhẹ, tôi cảm nhận được túi thuốc thảo mộc đung đưa quanh cổ mình. Sói Xám và tôi là hai người duy nhất trên thế gian này biết về *chuyện đó*. Tôi tự hỏi vì sao và như thế nào mà ông ấy lại gọi tôi là Lia, trong khi tôi chưa từng dùng cái tên này khi giới thiệu bản thân.

Đời sống xã hội của những gia tộc Mỹ lâu đời quyết định phong thái của cộng đồng. Họ chính là những thành viên cốt cán của xã hội, và những luật lệ do họ ban hành chính là những phép tắc mà người khác phải tuân theo.

— Elin Anderson, *Công Dân Nước Mỹ: Một nghiên cứu về sự chia rẽ trong xã hội*, năm 1937.

Tiếng dao nĩa lanh canh chạm vào đồ sứ, tiếng ly thủy tinh cụng vào nhau khiến tôi tưởng những thiên thần đang ca hát trên mái nhà. Cha tôi, Spencer và tôi đang ngồi tại bàn có vị trí đẹp nhất

để ngắm hoàng hôn tại Câu Lạc Bộ Ethan Allen. Nhìn qua khay hoa hồng xen lẵn sen cạn cắm giữa bàn, tôi thấy cha mình đang tảng bốc phu nhân ngài Allan Sizemore, Trưởng bộ môn Khoa Học. “Còn bao lâu thì đến ngày dự sinh nhi?”, Allen mỉm cười hỏi.

Lúc đầu, tôi chưa kịp nhận ra ông ta có ý hỏi về đứa bé. Vợ ông ta đáp lời, “Em cá là vẫn còn lâu. Em còn nhớ rõ lúc gần sinh, mình cảm giác mình béo phình như con bọ chét đeo trên mình chó săn ấy chứ.”

Tôi thích bà Sizemore lúc nào cũng thẳng thắn thế. Bà ta vươn tay qua bàn, vỗ về tay tôi. “Cố lên nhé Cissy. Mọi thứ sẽ xong trước khi cô kịp nhận ra đấy.”

“Xong sao?” Allen cười ngọt nghẽo. “Ý em là bắt đầu mới phải chứ. Vì sao ư, Spencer sẽ bắt đầu ngủ gục lúc đang giảng bài vì phải thay tã suốt cả đêm. Và Harry này, chúng ta cũng nên khắc chức danh Ông ngoại lên cửa văn phòng ông nha.”

Cha tôi hứa hẹn, “Đứa bé này sẽ cực kỳ hoàn hảo. Nó sẽ có trí tuệ của cha nó, nghĩa là sẽ biết khôn nguộn trọn cả đêm. Lại thêm sắc đẹp của mẹ nó – đủ sức quyến rũ cô bảo mẫu kiệt sức nếu nó thức giấc giữa đêm.”

“Bảo mẫu sao?” tôi quay sang thắc mắc với Spencer.

Anh ấy liếc sang cha tôi. “Anh định để em ngạc nhiên thú vị.”

“Nhưng em không cần bảo mẫu.”

Spencer đùa giỡn, “Em yêu, đấy đâu phải cho em.”

Mọi người cùng cười ngặt nghẽo. Tôi xấu hổ nhìn xuống bụng. Tôi cố ý kéo tay áo để lộ băng gạc rồi đưa tay lấy ly rượu, ánh mắt vẫn nhìn vào Spencer.

“Ôi trời, Cecelia... vết thương do cô tự mình gây ra sao?” như tôi mong đợi, bà Sizemore lập tức chú ý.

“Thật ra thì...” tôi vừa cất tiếng thì Spencer ngắt lời.

“Cô ấy làm bỗng tay trên bếp.” Anh ấy nhìn tôi bằng ánh mắt không cho tranh cãi. “Cô ấy thật sự nên cẩn trọng hơn.”

“Con chẳng nói gì với cha,” cha vừa nói vừa nắm lấy tay tôi.

“Không có gì đâu mà,” tôi giật tay ra và vô tình làm đổ ly rượu. Rượu cabernet chảy trên bụng tôi, đỏ chói như máu.

Mọi người lập tức ô lênh kêu người phục vụ. Anh ta bước ra từ căn nhà gỗ với một chông khăn ăn trắng như tuyết. Gương mặt anh ta vừa rộng vừa ngăm đen khiến tôi nhớ đến Sói Xám. Anh ta bắt đầu dùng khăn lau đùi tôi.

Spencer lập tức nổi điên, “Vì Chúa, bỏ tay mà ra khỏi cô ấy!”

Anh ấy giật lấy khăn và lau phần rượu giúp tôi. Tôi nhẹ giọng trấn an, “Chi là một cái váy đầm thôi mà, Spencer.” Và tôi quay sang nói với người phục vụ: “Wliwni.” Cảm ơn nhé.

Ánh mắt người phục vụ và tất cả mọi người ngồi đó đều quay về phía tôi. “Vậy à?” Tôi hỏi người phục vụ, giả vờ như anh ta đã nghe nhầm. “Anh nghĩ mình là ai vậy hả?” Tôi hướng mặt về phía bàn ăn và lên tiếng “Xin phép cho tôi đến phòng vệ sinh.” Lúc rảo bước dọc nhà hàng xa hoa, tôi cảm nhận anh chàng Gypsy đang nhìn theo mình. Tôi ước mình có thể xin lỗi anh ta. Tôi muốn nói với anh ta rằng tôi hiểu: hy vọng xa vời bao nhiêu thì sẽ ngã đau bấy nhiêu.

Số liệu thống kê sơ lược cho thấy bang Vermont là một trong số những nơi có nhiều người khiếm khuyết cả về thể chất và tâm thần nhất. Điều này được cho là vì thành phần dân số có quá nhiều người Canada gốc Pháp.

— H. F. Perkins, Dự án số 1, Hồ sơ ESV,
“Dự án – Cũ”, năm 1926

Bằng cách nào đó, Sói Xám luôn biết chọn thời điểm đến. Tôi thấy ông ta đứng dưới hiên nhà

khi Spencer đang có tiết giảng và Ruby đã vào thị trấn mua thịt. Ông ta bước ra từ phía sau gốc cây khi tôi thơ thẩn dạo quanh khu rừng lúc chạng vạng. Khi ông ta không xuất hiện, tôi sẽ tìm thấy vài món quà dưới mái hiên: một cái giỏ kết bằng cỏ mêt, một chiếc giày đi tuyết tí hon, một bức vẽ hình con ngựa đang tung vó. Khi gặp nhau, tôi tự hỏi sao trước đây chưa từng gặp con người này.

Tôi biết rõ mình không nên khuyến khích chuyện này. Ông ta xuất thân từ thành phần bị xã hội ruồng bỏ, chỉ kết nối bằng sợi chỉ mỏng manh. Còn tôi lại sinh trưởng ngay tại phần lõi vững chắc của cuộn chỉ. Sói Xám có làn da sẫm màu, ít nói và hoàn toàn khác với tôi, đó chính là lý do tôi nên giữ khoảng cách. Nhưng đó cũng là những điều khiến ông ta thu hút tôi.

Đường phố Burlington có đủ loại người – người Ireland, Ý, Gypsy, Do Thái – nhưng khi trưởng thành từ một gia đình sống trên Đồi, người ta sẽ học cách đeo đai che mắt như con ngựa kéo xe. Người ta chỉ thấy những người giống mình – phụ nữ với mái tóc dợn sóng, đám trẻ con trong bộ áo có cổ thủy thủ và đàn ông thoang thoảng mùi nước cạo râu. Tôi chưa bao giờ hỏi Sói Xám vì sao vẫn luôn đến tìm tôi, nhưng tôi biết chắc lý do cũng giống như vì sao tôi vẫn đợi ông ta – vì sự mạo hiểm, vì cảm giác kinh ngạc đến giật thót

giống như khi ép mũi vào cửa kính thì phát hiện ai đó ở trong cũng đang nhìn chằm chằm vào mình.

Spencer sẽ nói gì nhỉ nếu anh ấy biết tôi cảm thấy tâm hồn mình hòa nhịp với một gã Gypsy vốn chẳng hòa nhập được với xã hội?

Hôm nay tôi chẳng hề mong đợi được gặp Sói Xám, đúng là thất vọng mà. Suốt ngày nay tôi sẽ không ở nhà mà phải đến dự cuộc họp hàng tháng của Câu Lạc Bộ Klifa. Đó là câu lạc bộ phụ nữ cao cấp của thành phố Burlington; tôi nghiêm nhiên là thành viên tại đây nhờ vào vị thế xã hội của mình trong cộng đồng.

Spencer khuyến khích tôi nên dạo phố hôm nay. Chỉ cần mặc áo tay dài để che đi vết thương. Anh ấy còn đề nghị, “Thêm vào đó, một chút âm nhạc giải trí sẽ khiến em thư giãn đấy.”

Vậy nên tôi đã dành hai tiếng đồng hồ ngồi nghe người ta chơi đàn hạc, và thêm nửa tiếng cố không ngủ gật khi một nhà thực vật học thao thao bất tuyệt về những khu vườn ở Ý. Tôi gắng gượng nhờ vào nước chanh và mấy miếng bánh mì kẹp bé bằng ngón tay. Đám phụ nữ thận trọng xoa xoa cái bụng kềnh càng của tôi và trầm trồ điều tôi đã biết rồi – rằng cái thai của tôi là con trai. Tôi lấy tờ chương trình quạt phe phẩy rồi lặng lẽ chuồn xuống cầu thang khi các bà các cô đang bàn tán về sự kiện tháng sau.

Sói Xám đứng dưới mái hiên xanh lục trước ngân hàng, miệng phì phèo thuốc lá, như thể chúng tôi đã hẹn trước. Ông ta sững người khi nhìn thấy tôi trong thị trấn nhưng rồi khẽ nhướn mày và mời tôi một điếu thuốc. Chúng tôi bắt đầu tản bộ. Chẳng ai trong chúng tôi lên tiếng. Không cần phải lên tiếng.

“Câu Lạc Bộ Klifa à,” rốt cuộc ông ấy cũng cất giọng.

“Vâng.”

“Nơi đó thế nào?”

“Tất nhiên là vô cùng xa hoa. Chúng tôi ăn trên đĩa mạ vàng 14-karat và còn tiếp kiến mấy vị vua từ các quốc gia nhỏ thuộc châu Âu. Nếu không thì sao phải kén chọn hội viên như vậy chứ?”

Ông ta phá lên cười. “Chịu thua đấy.” Lúc đến góc phố, ông ta kéo tay tôi, khiến tôi sững người. Dù đã gặp nhau rất nhiều lần, những lần Sói Xám chạm vào tôi đúng là đếm trên đầu ngón tay. Tình bạn này, cuộc trò chuyện thoải mái này là một chuyện, nhưng có những giới hạn mà tôi không thể vượt qua. Ông ta nhận ra vẻ cứng ngắc của tôi nên thả tay ra và bắt chuyện. “Klifa nghĩa là gì vậy?”

“Đó là một lối đánh vần. Lê ra phải là Klifra, nghĩa là người leo núi trong tiếng Iceland.”

“Nghĩa bóng là leo lên địa vị xã hội cao hơn à?”

“Không phải vậy, các bà các cô này đâu cần leo. Họ đã đứng sẵn trên đỉnh rồi.” Tôi nhún vai. “Cái tên hàm chứa điều gì,” tôi nói xong mới sực nhớ Sói Xám chắc chẳng biết về câu thoại trứ danh đó của Shakespeare.

“Đây là câu hỏi cho Juliet,” ông ta đáp một cách khô khốc như biết rõ trong đầu tôi đang nghĩ gì. “Và để trả lời cho câu hỏi của cô, cái tên có thể là mọi thứ. Trong vài trường hợp, nó là tất cả mà cô có.”

“Ông gọi tôi là Lia,” tôi thắc mắc. “Vì sao vậy?”

Ông ta ngập ngừng, “Vì cô chẳng giống với cái tên Cissy.”

“Tên tôi trong ngôn ngữ của ông gọi là gì?”

Ông ta lắc đầu. “Có ai dùng ngôn ngữ của tôi nữa đâu.”

“Ông vẫn dùng đấy thôi.”

“Đó là vì tôi chẳng còn gì để mất.” Ông ta liếc nhìn tôi nhưng tôi chẳng muốn cho qua dễ dàng như thế. “Không có từ tương xứng. Cô không thể lúc nào cũng lấy một từ tiếng Anh và dịch sang tiếng Alnôbak được.” Sói Xám hất cằm về phía cái kim gài áo của tôi, một cái đồng hồ nhỏ xíu gắn trên áo trắng. “Đây là *Papizwokwazik*. Nhưng bản thân từ đó không có nghĩa là đồng hồ. Nó có

nghĩa là ‘thứ kêu tích tắc.’ Con hải ly có thể được gọi là *Tmakwa* – con vật cắt gỗ, hoặc là *abagôlo* – đuôi đẹp, hay là *awadnakwazid* – con vật kéo gỗ... tùy vào lúc cô nhìn nó thì nó đang thế nào.”

Tôi thích chuyện tên gọi có thể thay đổi tùy theo bạn là ai vào thời điểm nhất định. “Awadnakwazid,” tôi lặp lại từng âm tiết. Từng âm tiết cứ như dính vào miệng tôi. “Tôi ước mình có một cái tên như Sói Xám.”

“Vậy thì cứ tự đặt cho mình một cái tên. Tôi đã làm vậy đó.” Ông ta nhún vai. “Tên khai sinh của tôi là John... Azo. Nhưng chữ Sói Xám hợp với tôi hơn. Vả lại nếu ai cũng coi tôi như dân da đỏ thì tôi phải có một cái tên cho đúng điệu thổ dân chứ.”

Chúng tôi rẽ sang Phố Đại Học đông đúc và tấp nập. Tôi biết người mẹ đang dạo phố cùng con gái kia thêm vị doanh nhân đang chống gậy ngà voi và cả hai lính đi ngang kia nữa, đều tự hỏi một người như tôi đang làm gì với một kẻ như Sói Xám. Tôi tự hỏi còn ai khác sẽ bắt gặp chúng tôi. Cảm giác ấy làm chuyến dạo bộ thêm phần kích thích.

“Tôi từng leo lên mái nhà của cha và muốn nhảy xuống,” tôi kể.

“Nhà của cha cô à,” ông ta lặp lại.

“Ô giờ thì là nhà của vợ chồng tôi. Có một lần tôi nhảy xuống thật, thế là gãy tay luôn.”

“Vì sao cô muốn nhảy xuống?”

Chưa có ai từng hỏi tôi câu này. Cha tôi cũng không; những bác sĩ nối xương cho tôi cũng không hề hỏi đến. “Vì tôi có thể,” tôi đáp và quay lại nhìn ông ta. “Đặt cho tôi một cái tên đi nào.”

Ông ta nhìn chầm chằm vào mặt tôi một lúc lâu rồi nói. “*Sonoki*, nghĩa là kẻ trốn chạy.”

Đột nhiên, tôi nghe thấy ai đó gọi tên mình từ phía sau. “Cissy?” giọng Spencer vang lên, “Có phải em không?”

Có lẽ tôi đã muốn bị phát hiện như thế; có lẽ tôi luôn mong đợi chuyện này xảy ra. Nhưng khi Spencer xuất hiện ngay trước mặt Sói Xám, lòng tôi nhún ra, tay chân run rẩy, suýt tí nữa thì ngã xuống nếu Spencer không kịp đỡ. “Em yêu?”

“Em chỉ hơi choáng váng sau buổi tụ họp ở Câu Lạc Bộ Klifa thôi.”

Spencer nhìn về phía Sói Xám một cách đe dọa. “Tù trưởng, ông nên đi tiếp thôi.”

“Tôi đâu phải tù trưởng.”

Tim tôi chực chờ nhảy ra khỏi lồng ngực. Tôi đành thò tay vào túi áo và lôi ra tờ một đô la. “Được rồi đấy,” tôi cắt ngang như thể Sói Xám và tôi chỉ đang có một cuộc giao dịch nho nhỏ, “đây là giá chót rồi đấy.”

Ông ta diễn theo tôi, nhưng ánh mắt tràn ngập thất vọng. “Cảm ơn quý cô.” Ông ta trao cho tôi một bọc nhỏ gói trong chiếc khăn tay. Đó là thứ đầu tiên ông ta tìm thấy trong túi quần để ngụy tạo cho vụ giao dịch vớ vẫn kia. Sau đó ông ta biến mất giữa đám đông hướng về trường đại học.

Spencer túm lấy tay tôi mà dặn dỗ, “Anh đã bảo là em không nên nói chuyện với lũ ăn xin rồi mà. Chỉ cần bọn nó thấy em dễ lừa là sẽ bám theo em không ngừng đấy.”

“Đó là quý từ thiện Thiên Chúa Giáo mà anh,” tôi lầm bẩm.

“Thế thằng cha đó bán cho em cái gì vậy?”

Tôi liếc qua cái thứ gói trong khăn tay và bắt đầu thấy choáng váng. “Một món nữ trang rẻ tiền mà thôi,” tôi đáp, tay nhét bức chân dung tí hon vào túi xách trước khi Spencer kịp nhìn thấy. Bức chân dung giống y hệt tấm ảnh về mẹ mà tôi đặt trên bàn trang điểm.

Những gia tộc lâu đời tại Mỹ có rất nhiều cá nhân vượt trội về mặt lý luận, ham nghiên cứu xem xét hiện trạng đời sống, biết suy nghĩ sáng tạo về những vấn đề cộng đồng và xã hội nhằm hướng đến việc xây dựng một thành phố Burlington khác biệt và tốt đẹp hơn. Xã hội sẽ luôn nâng đỡ những cá nhân như vậy, chỉ cần họ không vượt quá khuôn khổ. Nhưng vì biết rõ cái giá phải trả nên rất ít người dám vượt quá khuôn khổ.

— Elin Anderson, *Công Dân Mỹ: Nghiên cứu về sự phân chia giai cấp tại thành thị*, năm 1937.

Trong giấc mơ tôi cũng cảm nhận được thân máy hình vuông với mặt số màu trắng và cái kim mảnh đang đung đưa. Trên bề mặt máy là dòng chữ “Máy đo điện từ trường TriField.” Một người đàn ông với mái tóc dài như phụ nữ đang giảng giải về cách thiết lập thông số: điện từ, tổng số, điện thế, sóng radio/vi sóng, thử pin. Ông ta mặc quần jean và cái áo thun đã sờn như nô lệ ở đồn điền.

Điện thoại di động là cái gì?

Tôi tỉnh giấc, mồ hôi đầm đìa. Quạt máy thổi vụt vụt cũng không làm giảm được sự bít bùng vì cửa sổ khóa kín. Bên kia giường trống trơn. Không ngủ được, tôi đành lê bước đến phòng tắm hất nước lên mặt rồi lại lạch bạch xuống lầu tìm Spencer.

Anh ấy đang ở trong phòng làm việc. Đèn

trong phòng đều bị tắt đi, ngoại trừ ngọn đèn bàn màu xanh. Một đống sơ đồ phả hệ trải la liệt dưới sàn gỗ. Ngoài cửa sổ, đám embers ương ombat ôp gọi tên anh. Khi Spencer ngẩng đầu lên, tôi nhận ra anh ấy đang uống rượu.

“Cissy, mấy giờ rồi?”

“Hơn hai giờ sáng rồi.” Tôi e dè tiến thêm một bước. “Anh nên đi ngủ thôi.”

Spencer lấy tay ôm mặt tôi. “Chuyện gì làm em thức giấc vậy?”

“Nóng quá.”

“Nóng à.” Spencer nhấc ly rượu lên và nốc cạn. Một con kiến đang cuống cuồng bò trên bàn, bằng một động tác gọn gàng, Spencer hạ cái ly xuống nghiền nát con kiến.

“Spencer?”

Anh ấy dùng khăn tay lau sạch ly rượu và nhìn sang tôi rồi lẩm bẩm. “Em có cho là nó cảm nhận được không? Nó có biết chuyện gì sẽ xảy ra không?”

Tôi bối rối lắc đầu. “Anh nên đi ngủ rồi.”

Trước khi tôi kịp nhận ra thì Spencer đã bế tôi ngồi lên đùi anh ấy. Anh chụp lấy tay tôi rồi chạm vào chỗ băng trên tay. “Em có biết anh sẽ chết nếu mất em không?” Spencer trầm giọng. “Em có biết em có ý nghĩa như thế nào với anh không?”

Môi tôi mấp máy không thành lời. “Em không biết.”

“Ôi, Cissy.” Anh ấy dụi đầu vào ngực tôi, hơi thở của anh ấy phả vào bụng tôi. “Em là lý do anh làm việc này.”

Nhờ vào tư tưởng truyền thống cho rằng người Anglo-Saxon mới là chủng tộc thượng đẳng, những gia tộc lâu đời tại Mỹ mới giữ vững vị trí chủ đạo của mình.

— Elin Anderson, *Công Dân Mỹ: Nghiên cứu về sự phân chia giai cấp tại thành thị*, năm 1937.

Ruby báo với tôi rằng ông ta đang đợi.

“Spencer đang ở nhà đấy,” tôi hốt hoảng khi nhìn thấy Sói Xám đứng trước mái hiên, ánh nắng trải dài trên vai ông ta như chiếc áo choàng của kỵ sĩ đấu bò tót.

“Cứ hỏi đi,” ông ta ra lệnh.

Tôi liếc vào nhà. Spencer vẫn đang tắm. Và tôi có muôn vàn thắc mắc. “Anh biết mẹ tôi sao?” Khi ông ta gật đầu, tôi chẳng lấy gì làm ngạc nhiên. “Bà ấy trông thế nào?”

Mắt ông ta dịu xuống. “Giống cô.”

Tôi chẳng nghĩ ra được thêm câu nào nên chỉ biết hối thúc, “Còn gì nữa không?”

Vậy nên ông ta kể cho tôi nghe về mẹ tôi, đứng trước hiên nhà này, ngay tại căn nhà này, nơi bà lớn lên trước khi kết hôn với cha tôi. Ông ta miêu tả màu tóc của mẹ, giống hệt màu tóc tôi. Ông ta kể cho tôi nghe bà ấy có thể huýt sáo to lanh lảnh, hơn bất kỳ cô gái nào, và cả mùi hương chanh tỏa ra từ quần áo bà. Ông ta là người làm công cho cha tôi trong đồn điền – hồi ấy nơi này vẫn là một nông trại trước khi mảnh đất đó bị bán vào tay người hàng xóm.

Ông ta còn kể có lần mẹ tôi còn dám lái một chiếc máy cày nghênh ngang tiến đến Trường đại học Vermont giữa đêm khuya.

Ông ta cho tôi biết mẹ vẫn muốn có một đứa con gái hơn bất kỳ thứ gì, để mẹ có thể nhìn thấy chính mình lớn lên một lần nữa.

Tôi dựa lưng vào tường nhà và nhắm mắt lại. Tôi đã chờ khoảnh khắc này suốt cả cuộc đời. Con tôi sẽ may mắn như tôi chứ? Nhiều năm về sau, liệu có còn ai kể cho nó nghe về tôi?

Tôi nháy mắt với Sói Xám. “Tôi sẽ chết.”

“Lia,” ông ta đáp, “chúng ta đều chết.”

Cửa nhà bật mở. Tóc Spencer vẫn còn ướt, một mảng áo sơ mi đẫm nước để lộ phần da hồng hào. “Anh tưởng mình nghe thấy em nói chuyện với ai,” Spencer chất vấn và tôi tự hỏi không biết Sói Xám có cảm thấy từng lời đều sắc như dao cạo.

“Đây là Sói Xám,” tôi thông báo, “em sẽ thuê ông ta làm việc.”

Spencer nheo mắt, cố nhớ vì sao mình lại thấy gương mặt Sói Xám quen quen, nhưng tôi biết anh ấy chẳng nhớ nổi đâu. Lúc gặp trên phố hôm đó, Spencer chỉ muốn đuổi gã Gypsy lang thang đi chỗ khác. Để anh ấy nhớ được Sói Xám thì Sói Xám phải là nhân vật quan trọng đến mức để lại ấn tượng ngay từ lần đầu.

“Mình cần sửa mái nhà. Mái nhà chính và hầm lạnh nữa. Anh bảo em phải thuê một người tháo vát để giải quyết chuyện này mà. Sói Xám à, đây là chồng tôi, giáo sư Pike.”

Spencer liếc nhìn tôi và Sói Xám thêm lần nữa rồi ra lệnh. “Thang ở trong ga-ra. Cứ làm việc đi. Anh có thể bắt đầu sửa chỗ máng xối ấy.”

“Vâng, thưa ngài.” Gương mặt Sói Xám chẳng hề có tí biểu cảm nào. Ông bắt đầu đi về phía hầm lạnh để bắt đầu một công việc không được báo trước.

Spencer nhìn theo hướng Sói Xám rời đi và gặng hỏi. “Em tìm được hắn ta ở đâu vậy?”

“Nhà Hardings giới thiệu,” tôi nói dối.

“Cal Hardings sao?” Cái tên này sẽ khiến Spencer yên tâm vì hàng xóm của chúng tôi vốn luôn là người khắt khe soi mói. “Bạn họ kiểm tra lý lịch hắn ta chưa đấy?”

"Spencer, ông ta chỉ sửa mái nhà chứ có xin làm bảo mẫu đâu."

Có tiếng va chạm lách cách vọng lại từ đằng xa. Spencer hằn học, "Anh không ưa gã ta."

Tôi đáp, "Ô, em lại thấy vừa ý."

Ưu sinh là đề án mang tính khoa học
liên quan đến bản năng di truyền và ý thức
tự gìn giữ giống nòi.

— O. F. Cook, "Tàn phá đồn điền: Những kẻ hạ đằng
làm cách nào để phá hoại ngành nông nghiệp và hủy diệt
nền văn minh," trích bài phê bình của E. R. Eastman từ

Tạp chí Di truyền học, năm 1928.

Hồi còn bé, tôi thường đến văn phòng của cha, chèm chệ trên ghế bọc da như ngồi trên ngai vàng và tưởng tượng mình là Nữ hoàng của muôn loài. Những thần dân – chính là đám bút chì và đồ chẵn giấy – xếp hàng ngay ngắn nghe tôi ra lệnh và dõi theo tôi xoay tròn trên ghế. Anh hề mua vui chốn cung đình, chính là cái máy đánh chữ, đặt sát bên tay tôi. Với chiều cao mới xấp xỉ một mét, tôi phải cố khuỳnh tay dang chân lắm mới bắt chước được vẻ uy quyền của cha ngồi trên ghế.

Còn bây giờ lúc tôi bước vào, cha đang ngồi ở bàn làm việc, mắt chăm chăm vào mấy tập tài liệu

pháp lý. Vừa thấy tôi, ông đặt tài liệu xuống ngay. “Cissy! Ngạc nhiên thật đấy. Con xuống phố có việc à?”

Mấy ngày nay, bụng tôi sấp vỡ ra, da thịt cứ như muốn nứt toác. “Cháu ngoại muốn đến thăm ông đấy.”

Cha nhìn thấy ánh mắt tôi dán lên chiếc ghế da nên cười bảo. “Con có muốn ngồi đây xoay một vòng không, như thời còn bé ấy?”

Tôi râu rĩ lắc đầu. “Con chẳng ngồi vừa nữa rồi.”

“Tất nhiên là vừa chứ. Allen Sizemore còn nhét vừa chỗ này mà.” Khi thấy tôi chẳng buồn nở nụ cười, cha đứng dậy và nắm lấy tay tôi. “Nói cho cha nghe có chuyện gì nào.”

Ôi Chúa ơi, tôi biết bắt đầu từ đâu? Từ chuyện tôi nhìn thấy lưỡi dao mà mắt sáng bừng? Từ cơn ác mộng khi mơ thấy Spencer và cha kéo đứa bé ra ngoài từ giữa hai chân tôi? Hay tôi nên cầu xin ông ấy với tư cách là một nhà khoa học: *Giả thuyết – nỗi sợ hãi là căn căn phòng hẹp kín mít không hề có cửa sổ hay cửa ra vào.*

Tôi buột miệng thì thào ra một chữ. “Mẹ.”

“Bà ấy sẽ cực kỳ tự hào về con. Bà ấy rất muốn nhìn thấy đứa bé đấy.” Cha ngừng lại. “Lo lắng là cảm giác bình thường thôi. Nhưng Cissy à, con

là người phụ nữ khác với mẹ con. Cầu Chúa cho linh hồn bà ấy được yên nghỉ. Con mạnh mẽ hơn nhiều lắm.”

“Sao cha biết?”

“Bởi vì một phần của con là kế thừa từ cha.” Đột nhiên ông đẩy tôi ngồi lên ghế da rồi xoay ghế chậm chạp như đèn kéo quân.

“Cha!”

“Gì cơ? Có ai thấy đâu?”

Thế là tôi dựa lưng ra sau và cố tìm cảm giác bình yên. Chân tôi đong đưa, hai tay thả lỏng trên tay ghế. “Thế mới là con gái của cha chứ,” cha dỗ dành rồi để tôi dừng lại. “Chiều nay cha sẽ ghé qua nhà con. Cha nghe con đang thuê một gã Gypsy làm việc.”

“Dạ được.” Tôi tự hỏi Spencer có còn kể gì thêm với cha không.

“Cha chưa bao giờ thuê một người như vậy.” Cha tựa lưng vào bàn. “Hồi học phổ thông, có một cậu học sinh thổ dân tên là Linwood... ôi Chúa ơi, cha không tin được mình lại nhớ tên cậu ta. Cậu ta trông hệt như tên thổ dân khắc trên đồng xu ấy. Tóc thắt thành bím và đại loại thế. Hồi ấy, mấy đứa con trai đều thích chơi trò Cao bồi và Thổ dân. Trò chơi yêu thích vào mùa hè là chạy đến khu South Hero để nghe thổ dân

dạy cách dò tìm dấu vết trong rừng và mấy thứ khác... nhưng cũng chỉ để chơi đùa mà thôi. Ấy vậy mà Linwood thực sự sinh sống nhờ vào đấy. Cậu ta có thể đặt bẫy, săn mồi và còn biết bắn cung. Cậu ta còn biết chế tạo cung tên nữa kia.” Giọng nói cha chất chứa sự ngưỡng mộ kỳ quái. “Cậu ta mang giày da đến trường,” ông hạ giọng. “Cậu ấy có thể làm được những chuyện mà chẳng đứa nào biết làm.”

Tôi tự hỏi liệu câu chuyện đơn giản như vậy có phải là mồi lửa ban đầu khiến cha tôi tiếp xúc chủ nghĩa ưu sinh hay không. Một cuộc gặp gỡ tình cờ chẳng có ý nghĩa gì hoàn toàn có thể biến thành một sự kiện vô cùng quan trọng. Cha tôi có thể chẳng hề Benton tâm đến một cậu bé thổ dân mang giày da, nhưng cũng lại không bao giờ quên được cậu ấy. Như tôi có thể phớt lờ người đàn ông nhìn chằm chằm vào mình hồi lễ chào mừng ngày Bốn tháng Bảy cho đến khi nhận ra định mệnh khiến ông ta đứng đấy.

Tôi quan sát biểu hiện trên mặt cha. “Còn mẹ thì sao? Bà ấy có quen người thổ dân nào không?”

Ánh sáng vẹt tắt trên gương mặt cha. Ông đáp, “Không có đâu. Bọn họ khiến bà ấy sợ chết khiếp.”

Tháng Sáu, năm 1933

Gửi Cô Martha E. Leighton

Tòa Nhà Khuyến Nông

Thành Phố

Xin chào cô Leighton,

Tôi nghĩ mình sẽ chọn bài “Đăng ký dòng dõi con người” làm chủ đề thảo luận với mấy anh chàng lớp 4-H vào cuối tháng.

Trân trọng,

Henry F. Perkins

— Thư tín của H. F. Perkins, Tài liệu ESV và VCCL,
Văn phòng Lưu trữ Công lập, quận Middlesex, bang VT

Quán ăn trong thị trấn trông vẫn như cũ, một căn nhà ốp ván xấu xí như vết bóng giộp nằm bên mép thị trấn. Nhưng mấy chuyện diễn ra xung quanh quán ăn mới kỳ lạ. Một đám xe hơi kiểu dáng thời thượng, đông chưa từng thấy ở Burlington này. Một cậu bé đi giày có bánh xe trượt qua trước mặt tôi. Lúc rẽ vào góc phố, người đàn ông tóc dài đứng dậy và trao cho tôi trái tim của ông ta.

Tôi giật mình tỉnh giấc và nép vào vòng tay Spencer. Anh dỗ dành, “Chuyện gì vậy?”

“Một giấc mơ.”

“Em mơ thấy gì nào?”

Tôi phải cắn nhắc một lúc mới đáp. “Em nghĩ là về tương lai.”

Tay Spencer vỗ về con trai trong bụng tôi, “Đúng là một sự khởi đầu.”

Styla Nestor, em vợ của Delacour “Sói Xám”, cho rằng chứng nghiện rượu và tình dục bừa bãi của ông ta có liên quan đến lối sống nay đây mai đó như dân Gypsy, chủ yếu vì dân thị trấn và các quan chức luôn muốn tống cổ ông ta đi chỗ khác. Địa chỉ tạm trú bán-cố-định duy nhất của ông ta mà Styla có thể nhớ được là Nhà tù Liên bang.

— Trích hồ sơ ghi chép của Abigail Alcott, nhân viên xã hội.

Nắng chiều như con mèo khiến cổ tôi ngứa ngáy. Bật dậy trên giường, tôi nhìn đi nhìn lại đồng hồ và sững sốt vì sao mình dậy muộn như thế. Tôi tự hỏi vì sao Ruby chưa đánh thức tôi dậy.

Tôi rửa mặt, thay quần áo và chải tóc rồi vội vàng ra ngoài. Tiếng búa đập đều đều trên đầu cho tôi biết Sói Xám đang làm việc trên mái nhà, và tôi còn quá nhiều thứ muốn hỏi ông ta.

“Cà phê nhé?” Ruby hỏi khi thấy tôi bước vào bếp.

“Để sau đi.”

“Cô Pike...” cô bé kêu lên khi tôi sắp ra đến cửa sau.

Tôi giơ tay che nắng, tiến lại chỗ phát ra tiếng ồn. “Sói Xám?” tôi gọi và suýt tí nữa thì trượt ngã khi gương mặt chồng tôi ló ra từ mái nhà chứ không phải Sói Xám. “Spencer, anh đang làm gì ở đây vậy?”

“Làm việc anh nên làm. Chiều nay anh không có tiết dạy.” Anh ấy giắt chiếc búa vào quai đeo dọc thắt lưng rồi cẩn thận leo xuống mái hiên bằng cái thang dựa vào vách tường nơi cửa sổ bị khóa kín. Lúc đứng trước mặt tôi, anh thông báo, “Anh sa thải hắn ta rồi.”

“Gì cơ... ông ta đã làm gì?”

“Có chuyện gì mà hắn ta chưa làm hả, Cissy?” Spencer đưa tôi một tờ giấy móc từ túi quần. Đó là bản sao của tòa án phán John Delacour (biệt danh Sói Xám) phải chịu hai mươi lăm năm tù vì hành vi giết người cách đây gần hai thập kỷ. Phía sau bản sao là giấy xác nhận Sói Xám được thả ra từ Nhà tù bang Vermont vào ngày 4 tháng Bảy năm nay.

“Lạy Chúa, ông ta đã ở đây khi chỉ có em và Ruby ở nhà đấy!”

“Ông ta không phải người như vậy đâu,” tôi buột miệng phản đối.

“Cissy à. Ông ta có nói với em rằng ông ta từng ngồi tù không?”

Tôi ngoảnh đi chỗ khác. “Em không hỏi.”

Spencer dùng tay ôm lấy gương mặt tôi. “Đó là lý do vì sao em cần có anh.”

John Delacour (Sói Xám) được cho là cháu nội của Missal Delacour, một ông già Gypsy. John không thừa hưởng làn da sẫm màu như tổ tiên nhưng vẫn cái dáng đi lèch thêch và phóng túng của dân Gypsy. Họ hàng của John đều cho rằng ông ta là kẻ ngạo mạn, dốt nát và vô liêm sỉ dù ông ta biết đọc và biết viết.

Nếu ai có quan tâm nghiên cứu Thuyết Tiến Hóa, chẳng cần mất nhiều công sức lần ngược cây phả hệ từ John Delacour là tìm thấy được Mắt xích khuyết thiểu.

— Trích hồ sơ ghi chép của Abigail Alcott,
nhân viên xã hội

Những ai mắc bệnh dối trá đều biết nó như chứng truyền nhiễm. Mầm bệnh luôn qua kẽ ngón tay rồi lan vào mạch máu. Có lẽ đó là lý do khiến tôi dễ dàng nguy tạo một cuộc hẹn khám thai với bác sĩ rồi nhanh chóng lái xe ra khỏi thị trấn, hướng về khu cắm trại bên bờ hồ.

Lần này khi bước qua mê cung lều trại, tôi chú ý đến màu sắc. Một người phụ nữ bước ra khỏi lều để rũ phẳng cái áo khoác đính ruy băng bảy sắc cầu vồng. Vải vóc đủ màu tung rũ như sơn vẽ giữa đám bụi mờ mịt. Tôi nhận ra đó là bà Soliat, thầy bói trong buổi triển lãm ngày Bốn tháng Bảy. Cách đó mấy túp lều là một cụ già khòm lưng ngồi trên ghế đang quấn một thanh nẹp màu tro mỏng tang quanh cái giỏ miệng rộng. Dưới chân bà có con mèo tam thể đang vui đùa, trên vai bà còn có một con chim hoàng yến. Mấy người đàn ông làm

việc cho rạp xiếc hối hả xếp dụng cụ vào mấy cái hộp màu sắc sặc sỡ, sẵn sàng cho chuyến đi đến hội chợ tiếp theo. Nếu so sánh thì cuộc sống của tôi đúng là tệ nhạt biết bao.

Lúc tôi tiến đến gần cụ bà đan giỏ, bà ấy giả vờ như tôi là kẻ vô hình. Tôi cất tiếng hỏi thăm, “Xin lỗi.” Con mèo kêu một tiếng ngao rồi bỏ chạy mất dạng “Tôi đang tìm Sói Xám. Ông John Delacour ấy?”

Có lẽ vì cái bụng bầu vượt mặt, hoặc vì ánh mắt hoang mang của tôi mà bà ấy chống tay đứng dậy, đặt con chim hoàng yến lên ghế, bỏ cái giỏ còn dang dở xuống đất rồi khập khiễng bước về phía khu rừng.

Chúng tôi đi bộ nhiều phút liền, lều trại thưa thớt dần. Cụ già chỉ cho tôi một gốc cây thông tro trui mọc dưới chân đồi. Chân mỏi nhừ nên tôi chẳng biết mình có lết nổi đến đó hay không. Tôi bắt đầu nghi ngờ liệu bà ấy có hiểu tôi đang tìm ai hay không. Nhưng đột nhiên một con đường mòn hiện ra giữa khu rừng. Mặt đất mấp mô như thể lòng đất đang cuộn sóng dưới lớp cỏ dại. Sói Xám đang ngồi giữa mấy gò đất kia.

Lúc nhìn thấy tôi đến, ông ta đứng dậy, cười tươi rói. Ông ta hớn hở reo lên, “Tôi chẳng biết đến bao giờ mới gặp lại cô đấy.”

Tôi khoanh tay bực bội. “Ông nói dối tôi. Spencer điều tra được ông đã từng ngồi tù. Cha nói mẹ tôi chẳng hề quen biết ông. Thậm chí bà ấy còn sợ chết khiếp loại người như ông đấy.”

“Loại người như tôi hả? Cô có từng nghĩ qua có thể tôi mới không phải là kẻ nói dối không?”

“Vậy vì sao bọn họ phải nói dối tôi chứ?”

“Vì sao không chứ?” ông ta phản bác. “Cô cứ đi dọc con sông mà hỏi thăm xem người ta xuất thân thế nào. Họ sẽ nói với cô rằng họ là người Pháp gốc Phi, hoặc gốc Ireland hoặc Ý. Tôi còn biết một gia đình tự nhận họ là dân da đen hoặc người Mohawk, vì như vậy còn dễ chịu hơn là làm người Abenaki. Lia, cô phải hiểu rằng ở đây không cho phép sự hiện diện của thổ dân bản địa. Bởi vì điều đó sẽ chứng minh đã từng có người sinh sống ở đây trước khi mấy gia tộc lâu đời ở đến Vermont định cư.”

“Chuyện này thì liên quan gì đến vụ ngồi tù vì tội giết người chứ,” tôi cãi lại. “Làm sao ông có thể bị kết tội nếu vô tội chứ.”

“Vô tội sao?” Ông ta sấn lại gần tôi một bước. “Vậy Spencer có kể với cô về kẻ tôi đã giết chưa? Gã ta là đốc công của mỏ đá granite. Gã ta đánh đập một người đàn ông khác vì người đó vác đá chậm. Người đó là một cụ già bảy mươi chín tuổi,

cũng chính là ông nội tôi, ông đã chết ngay trước mặt tôi đấy.”

Tôi nhớ lại báo cáo của Abigail: John Delacour là một kẻ dối trá... nên việc khiến ông ta thành khẩn khai báo là bất khả thi. “Thẩm phán sẽ thông cảm chuyện đó mà.”

Sói Xám gằn giọng, “Không thể nào, bởi những kẻ muốn loại bỏ tôi chính là những kẻ ra lệnh cho thẩm phán.”

Ngay lập tức tôi nhớ đến cảnh cha tôi ăn tối với ngài Thị trưởng Wilson ngay trước khi Đạo luật Triệt sản được thông qua. Tôi nghĩ đến lúc bác sĩ DuBois không thuyết phục nổi Spencer gửi tôi vào viện tâm thần... và cũng chẳng dám để lộ một lời nào về vụ vợ giáo sư Pike tự tử. “Ông được ra tù trước hạn,” tôi nhớ ra.

“Ư. Dù cô có tin hay không thì tôi rốt cuộc cũng có trong tay một thứ mà họ muốn, một thứ giúp tôi thỏa thuận được với họ.” Sói Xám nhìn xuống đất và đập nát đám cỏ dại dưới chân. “Lão trưởng ngục cực kỳ hào hứng với đạo luật triệt sản mới ban hành. Tù nhân nào tự nguyện thắt ống dẫn tinh sẽ được giảm năm năm tù giam. Với tôi, thế là tự do.”

Nghe Spencer kể về quá trình triệt sản là một chuyện, nhưng nghe chuyện đó từ một người

đàn ông đã làm thủ thuật lại là một chuyện khác. “Nhưng cái giá phải trả là thế nào chứ,” tôi lẩm bẩm, gò má ửng hồng.

“Tôi chẳng hề nghĩ đến việc họ sẽ làm gì với tôi, hay với gia đình mà tôi chưa bao giờ có. Tôi chỉ nghĩ rằng nếu được ra tù, tôi có thể được gặp đứa con ra đời lúc tôi đang ngồi tù.” Sói Xám nâng cằm tôi lên và dịu dàng nói, “Lia, con đáng giá để ta làm vậy.”

chương
Bảy

Ngày 1 tháng Chín năm 1932

Chúng ta đã nhiều lần chứng kiến công tác an sinh xã hội
cần đến sự cống hiến từ những công dân ưu tú nhất.

Thật kỳ lạ nếu xã hội không đếm xỉa gì đến những
cá nhân đã góp phần xây dựng xã hội vững mạnh, hy sinh
để bảo vệ giống loài của chúng ta khỏi sự xâm lấn của
chủng gene kém ưu việt. Ba thế hệ đần độn là quá đủ rồi.

— Thẩm Phán Oliver Wendell Holmes phán quyết
trong phiên phúc thẩm vụ kiện giữa Buck và Bell diễn ra tại
Tòa Án Tối Cao bang Virginia năm 1927. Trong phiên tòa,
Thẩm Phán đã chấp thuận triệt sản cho một bà mẹ
có khả năng sinh ra những đứa trẻ kém ưu việt.

Nhiều năm về trước khi bằng tuổi tôi, mẹ đã
biết yêu. Người mẹ yêu không phải mấy
anh chàng mặt ngựa xoay mù rơm trên tay

hay mấy cậu sinh viên đại học tay cầm bó hoa và ngoan ngoãn gọi ông ngoại tôi là Ngài. Lại càng không phải Harry Beaumont, chàng giáo sư trẻ tuổi kiên trì nhất trong đám người theo đuổi mẹ. Vốn là một nhà khoa học lớn hơn mẹ tôi gần mươi tuổi, Harry Beaumont có thể vừa nói chuyện yêu đương vừa giảng giải về quá trình chọn lọc tự nhiên. Harry và mấy chàng trai khác tiễn mẹ tôi về tận hiên nhà, nhưng lúc ấy mẹ lại dõi mắt nhìn theo anh chàng nhân công người Gypsy đang làm thuê trên cánh đồng sau nhà.

Làn da ông ấy tiệp màu với cây đàn piano bóng loáng mà mẹ thường biểu diễn vào tiệc trà chiều. Mái tóc ông ấy còn dài hơn tóc mẹ. Đôi mắt tinh như đai bàng đủ để xuyên thấu rèm cửa dõi theo hình bóng mẹ trong phòng. Lúc mang nước ra cho đám nhân công, bà cảm thấy mạch đập như hòa nhịp với từng chuyển động của ông.

Suốt mươi bảy năm trời bà đóng vai đứa con gái gương mẫu. Bà tốt nghiệp trường nữ sinh; đứng ngồi tao nhã và tối nào cũng rửa mặt bằng sữa bơ để giữ làn da rạng rỡ. Bà biết rõ mình được nuôi dạy để trở thành người vợ mẫu mực. Nhưng hình mẫu đó dần giống như chiếc áo choàng xa xỉ để dành mãi trong rương: sau bao nhiêu năm mặc lại vẫn chẳng hề thấy hợp.

Một ngày nọ trên cánh đồng, ông ấy là người

cuối cùng đến chìa cái cốc thiếc cho bà rót nước. Mồ hôi chảy dọc theo bờ ngực trần, thêm vết bùn dính trên lông mày. Cơ thể ông ấy toát ra mùi quả việt quất mới thu hoạch xong. Hàm răng ông ấy trắng đến lóa mắt. Ông ấy lên tiếng, “Cô là ai?”

Mẹ tôi có thể đáp, *Lily Robinson*. Hay là *con gái của Quentin Robinson*. Hoặc cũng có thể là *phu nhân tương lai của Harry Beaumont*. Nhưng những danh xưng đó không phải là thứ ông ấy muốn biết. Lần đầu tiên trong đời, bà ấy tự hỏi vì sao mình phải giới thiệu bản thân dưới danh nghĩa của người khác.

Ông ấy bắt đầu để lại những món quà nhỏ cho bà ấy dưới mái hiên; một đôi giày da tí hon; một chiếc giỏ kết bằng cỏ mêt; một bản vẽ phác con ngựa phi nước đại. Bà biết tên ông là John.

Lần hẹn đầu tiên, bà nói dối cha mẹ rằng mình sẽ ngủ qua đêm tại nhà bạn gái. Ông ấy đón bà ngay giữa đoạn đường đến thị trấn. Ông ấy nắm tay bà như đã thân thuộc từ lâu và nói rằng thế giới là ngôi nhà còn bầu trời là mái nhà. Hai người ra bờ sông, hôm ấy bầu trời đầy sao thật gần như tấm chăn mềm. Khi ông ngã xuống hôn bà, tóc ông phủ kín mặt hai người như tấm màn che riêng tư.

Ông ấy nhỏ hơn bà một tuổi, chẳng có nét gì giống với những thứ bà nghe kể về dân Gypsy.

John không hề bẩn thỉu, đần độn hay thiếu trung thực. Ông ấy hiểu cảm giác bó mình trong lớp vỏ bị người khác dán nhãn. Lily bắt đầu mong ngày trôi qua mau để đêm mau tới. Bà bắt đầu cãi lời cha và phớt lờ những dặn dò của mẹ. Giấc mơ của bà tràn ngập màu xanh đỏ. Vào đêm John tiến vào trong và khiến bà bừng nở, Lily đã khóc vì người ấy yêu chính con người bà, không phải yêu hình mẫu mà bà luôn cố trở thành.

Lúc mang thai, bà ấy đã sai lầm khi nghĩ rằng cái thai là cơ hội chứ không phải là thảm họa. Bà kích động như con chim ruồi vòng vòng trước phòng làm việc của cha mình trong khi John khoác áo sơ mi và cà vạt đi thuê với giá một đồng, bước vào cầu hôn con gái ông ấy.

Lily không nhớ, hoặc ép mình không được nhớ đến chuyện xảy ra sau đó. John bị đánh bất tỉnh, máu me be bét rồi bị kéo ra khỏi văn phòng. Năm tay cha bà run bần bật khi ra lệnh cho bà phải sắm vai con điểm lần nữa, bằng cách cưới một gã khờ không chút nghi ngờ bà. Rồi đến nụ hôn gượng gạo trong lễ đính hôn với Harry Beaumont; giây phút kinh khủng ở nhà thờ khi bà suýt thú nhận với vị hôn phu; và còn gương mặt vui vẻ của chồng bà khi biết tin bà đang mang thai.

Bà cố tìm John nhưng tìm một người không có địa chỉ thường trú là chuyện không tưởng. Bà

nghe người ta đồn ông ấy đang làm việc tại một quán rượu ở thành phố Vergennes, sau lại có tin ông ấy đi ăn cắp ngựa rồi làm công ở mỏ đá. Lúc bà biết tin đồn cuối cùng là xác thực thì John Delacour không còn làm việc ở đó nữa. Ông ấy đang bị tạm giam chờ xét xử vì tội giết hại tay quản đốc mỏ đá.

Bà ấy viết cho ông một lá thư. Miếng giấy hình vuông được ông gấp và bỏ trong cái túi treo trên cổ. Bức thư không nhắc gì đến chuyện bà kết hôn, sức khỏe của bà hay đứa bé. Thư chỉ có mấy từ, *Quay về đi*. John không hồi âm, ông biết làm thế thì hơn. Sau tháng đầu tiên, Lily chẳng còn thức giấc với hương vị của John trên đầu môi. Sau ba tháng, bà chẳng còn nhớ nổi giọng nói của ông. Sau sáu tháng, bà bắt đầu mơ thấy ác mộng rằng đứa bé sinh ra có mái tóc đen như cánh quạ và làn da màu vỏ quế.

Lily Robinson Beaumont qua đời vì sinh non, hôn mê sau bốn mươi tiếng chờ sinh. Bà căn rắng giấu kín tên John lúc qua đời. Bà không biết một ngày kia, John thực sự trở về, ngay cả khi đã biết tình yêu đời mình đã sang thế giới bên kia, nhờ thỏa hiệp với mấy tên cai ngục. Bà không biết đứa con gái bà bỏ lại, Cecelia, có mái tóc vàng óng và làn da trắng muốt như phép màu.

Người ta đã có hiểu biết đáng kể về di truyền của loài người – đủ để đảm bảo công tác triệt sản vì ưu sinh là chính sách an toàn, miễn là chính sách này được áp dụng lên những cá nhân suy thoái đến mức chắc chắn gây hại cho xã hội. Trong tương lai, khi tri thức về di truyền học được mở rộng hơn, nên áp dụng luôn chính sách này cho những cá nhân đang bên bờ suy thoái.

— Trích từ thư tín ngày 24 tháng Chín năm 1925 từ H. H. Laughlin, giám đốc Văn phòng Lưu trữ Ưu Sinh, gửi đến Harriet Abbott.

Trong mơ, tôi thấy mình sinh ra Ác Quỷ, Đức Chúa Trời, và Gã Khổng Lồ, đứa trẻ xé thân mình mà ra. Máu tuôn đầm đìa và lúc thức dậy, tôi nhận ra chấn đệm ướt đẫm vì mồ hôi. Mấy đêm liền Spencer cố mãi mà không mở được cánh cửa sổ phòng ngủ bị kẹt. Cứ nhìn anh là tôi không chịu nổi.

Đêm nay, lúc tôi giật mình tỉnh giấc, Spencer không ở bên. Tôi kéo chăn ra và trèo xuống giường, rón rén né mấy tấm ván sàn hay kêu cót két. Thảm trải sàn giúp che giấu âm thanh tôi bước xuống cầu thang. Spencer vẫn để cửa phòng làm việc hé mở.

Tôi bật cây đèn bàn. Tôi đã bước vào đây cả ngàn lần nhưng chưa bao giờ có ý định lục lọi thứ gì đó. Spencer giấu nó ở đâu nhỉ?

Trên bàn làm việc của anh ấy là một chồng hồ

sơ ngay ngắn – mớ thư từ của đồng nghiệp trong lĩnh vực ưu sinh, sách vở nhiều thứ tiếng, các tấm phim in hình rải rác khắp bàn làm việc như lá bài. Cuốn sổ nháp của Spencer đầy ghi chép. Tôi thấy được vài từ: *sinh đới, giám sát, bệnh dịch*. Lúc mò mẫm quanh bàn, tôi va phải góc bàn khiến cả chồng giấy ụp xuống đất. Ngay lập tức tôi đứng yên, hướng mắt lên trần nhà, tim muốn nhảy khỏi lồng ngực. Nhận thấy xung quanh vẫn yên ắng, tôi hít một hơi thật sâu và nhích về cái bàn đặt sát vách tường.

Tấm bản đồ di truyền về một gia đình mà tôi không biết tên đang hé mở. Tôi lướt mắt qua mấy dòng gạch đậm nối liền quan hệ giữa người bị điên trong dòng họ, giữa mấy kẻ phóng đãng và gái mại dâm, giữa học sinh trại giáo dưỡng và đám tội phạm. Tôi lần theo một nhánh gia phả có vẻ không bị ảnh hưởng bởi sự suy thoái di truyền của cả dòng họ. Vậy mà vẫn có mấy đứa cháu phải vào trường dạy nghề, bệnh viện tâm thần Waterbury hoặc nhà tù liên bang. Số phận của họ cũng suy đồi như thế hệ ông bà. Tôi đã nghe Spencer nhắc điều này bao nhiêu lần rồi nhỉ? Những đặc điểm di truyền có thể bỏ qua một thế hệ – nhưng cuối cùng dòng máu vẫn nói lên tất cả.

Tay tôi lén sờ lên phần bụng cứng ngắc. Cảm giác vừa rồi gọi là cơn đau chuyển dạ giả. Tôi ráng

mở xem thêm mấy cuộn sơ đồ phả hệ cấm trong giá cấm ô cạnh bàn. Mấy cuộn giấy đề họ Delaire, Moulton, Waverly, Olivette nhưng lại không có họ Delacour. Lẽ nào cha tôi... mà ông ấy có phải cha ruột tôi chăng? Hay là anh ấy lưu hồ sơ về gia đình Sói Xám bằng một cái họ khác?

Weber/George.

Cái tên này khiến tôi chú ý. Tôi cẩn thận kéo tấm sơ đồ ra và trải lên bàn. Chẳng khó để tìm ra tên Ruby trong đám tên viết phía dưới; Spencer còn đánh dấu nó bằng mực đỏ. Bên lề là một mớ công thức toán học và ghi chép dự đoán khả năng Ruby trở nên suy đồi như bà con trong gia đình.

Người chị gái yêu dấu của cô bé, cái người đã qua đời, được đánh dấu **Sx** in đậm, ký hiệu ấy có nghĩa là Vô đạo đức.

Đúng ra mẹ tôi cũng có thể bị gắn nhãn như thế.

“Cissy.”

Giọng Spencer âm trầm đến mức khiến tôi nhảy dựng. Anh đang đứng lù lù ở đó, trong bộ áo choàng ngủ và nhìn tôi chằm chằm. Rồi anh ấy bước vào và liếc mắt qua bàn làm việc.

Khoảnh khắc dồn vặt lúc Spencer nhìn tôi khiến tôi có cảm giác anh ấy biết tôi đang tìm cái gì. Nhưng không biết vì nguyên nhân gì, gương

mặt Spencer lại giãn ra thành mặt nạ. “Em yêu, em lại mộng du đấy à.”

“À vâng,” tôi tặc lưỡi.

Anh đưa tay đỡ lấy tôi, dắt tôi ra khỏi phòng làm việc rồi khóa cửa lại. “Có lẽ tại đứa bé đấy,” Spencer dỗ dành, ánh mắt vẫn không rời khỏi gương mặt tôi.

Hai vợ chồng đều hiểu chúng tôi đang ôm nói gà bà bà nói vịt. “Không,” tôi đáp lại. “Không phải do đứa bé.”

Tôi kêu gọi mọi người nên chú ý đến thực tế số lượng người tâm thần và đần độn đang gia tăng đáng kể, tạo áp lực lên cộng đồng cũng như chính quyền.

Chúng tôi đang thực hiện nghĩa vụ chăm sóc cho những người kém may mắn, nhưng trên thực tế lại không thể làm gì để ngăn chặn sự gia tăng về số lượng. Y học cho thấy một phương pháp đang được áp dụng thành công tại vài bang khác... Rất nên dành quan tâm đặc biệt đến vấn đề này.

— Trích từ diễn văn của Thị Trưởng Stanley Wilson tại Hội Nghị Chung Vermont, *Biên bản phiên họp Thượng Nghị Viện Bang Vermont*, năm 1931

Sáng hôm sau, tôi đang ngồi trước gương bên bàn trang điểm thì Spencer nghiêng người hôn lên má tôi. “Em cảm thấy sao rồi?” anh hỏi như thể chẳng có chuyện gì xảy ra vào hôm qua.

Tôi đặt cái lược xuống. “Em khỏe.”

Tay Spencer lén trượt xuống áo tôi, áp lên cái bụng nơi con tôi làm tổ. “Vậy con thì sao?”

“Nặng nề lắm.”

Chúng tôi là một cặp vợ chồng xứng đôi. Những đường nét thon dài dọc xương hàm của Spencer và đôi mắt lam nhạt ẩn sau cặp kính rất hợp với gương mặt trái tim và đôi mắt nâu mật ong của tôi. Đứa bé nếu thừa hưởng nét đẹp hoàn hảo của hai vợ chồng chắc sẽ xinh đẹp lắm. Nếu không tính đến việc thằng bé có thể không giống với những gì Spencer mong đợi.

“Spencer,” tôi thì thào. “Chúng ta cần nói chuyện.”

Lúc này, bàn tay anh ấy lướt dọc cánh tay tôi, từng ngón tay dịu dàng vuốt ve vết sẹo đang lên da non trên cổ tay. Chẳng khó để nhìn thấu suy nghĩ của anh ấy trong thinh lặng: nếu anh ấy không yêu tôi thì chuyện đã dễ dàng hơn biết bao.

Nhưng xét cho cùng thì anh ấy chẳng hề yêu *chính tôi*. Anh ấy còn chẳng biết tôi là ai. Nếu Spencer xấu hổ khi phải thừa nhận một người vợ chẳng mang sống chết, anh ấy sẽ cảm thấy thế nào nếu biết vợ mình mang nửa dòng máu thổ dân?

Anh ấy có viết thêm tên tôi vào đáy sơ đồ phả

hệ dòng họ Delacour không nhi? Hay anh ấy sẽ đốt trại nó? Spencer luôn biết cách che giấu chuyện của tôi với bạn bè và đồng nghiệp một cách tài tình. Có lẽ anh ấy sẽ tiếp tục làm thế. Dù sao thì đứa bé nào sinh ra chẳng đỏ hỏn và gương mặt tròn vành vạnh.

“Em biết mà,” Spencer dỗ dành, “anh không nghĩ vợ chồng mình nên nói chuyện lúc này đâu. Tâm sự... suy nghĩ... mấy chuyện đó sẽ làm tâm trí em rối bời đấy, Cissy.” Tay anh cố xoa dịu nét nhăn mày trên mặt tôi. “Em cần thứ gì đó cho khuây lâng, bạn biu một chút.” Anh móc từ túi quần ra một tờ giấy, hí hoáy viết tên mười cặp vợ chồng quen biết rồi đặt cạnh lọ nước hoa có mùi hồng leo Pháp. “Mời ăn tối. Hoặc tiệc mừng trước sinh cho con mình. Em và Ruby có thể sắp xếp chủ đề, cách trang hoàng và thực đơn.” Anh hôn lên má tôi. “Em nghĩ sao?”

Tôi vuốt phẳng tờ giấy rồi nhét vào góc gương soi. *Chúng ta sẽ ăn sườn nướng kèm khoai lang rưới xi-rô cây thích và cà rốt xốt ngọt. Rồi chúng ta nhấm nháp vang đỏ và cười nói vì mấy mẩu chuyện tẻ nhạt rồi chúc mừng sự ra đời của đứa bé sẽ khiến thế giới của em chia thành hai nửa.* Nhưng rồi tôi chỉ đáp, “Anh nói em không nên suy nghĩ nhiều mà.”

Chúng ta vẫn luôn cẩn trọng phối giống cho gia súc
nhưng chẳng hề quan tâm đến quá trình phát triển
nòi giống của chính loài người.

— Trích phát biểu của Phu nhân Bickford
trong cuộc tranh luận về Đạo Luật Triệt Sản,
ngày 21 tháng Ba năm 1931 tại Viện Dân Biểu Bang Vermont,
được trích đăng trên tờ *Burlington Free Press*

Tôi bắt đầu làm mình làm mẩy. Sáng nào tôi
cũng cằn nhằn về chuyện thai kỳ bất ổn, rằng tôi
căng thẳng, sao không thấy con động tĩnh gì, rồi
chứng ợ nóng khiến tôi yếu hẳn. Chứng lo âu tiền
sản lại càng khiến mọi thứ trầm trọng thêm nên
Spencer chẳng hề vặn hỏi khi tôi nói cứ cách ngày
là sẽ đến kiểm tra tại phòng khám bác sĩ DuBois.
Tôi chắc Spencer nghĩ dù sao tôi quấy rầy bác sĩ
DuBois cũng tốt hơn là giày vò anh ấy.

Thay vì xuống thị trấn, tôi lén đến khu trại
bên hồ. Người ta cũng ngừng soi mói sau mấy lần
thấy tôi đi cùng Sói Xám. May người còn biết tên
tôi. Sói Xám luôn giới thiệu với mọi người: “Đây
là con gái tôi”.

Cụm từ *N'Dadan*, nghĩa là “cha tôi” trong
tiếng Abenaki, nghe như tiếng tim đập.

Đêm nay trời mưa rả rích. Hai cha con ngồi
bên cái bàn sứt sẹo trong lều của Sói Xám. Trong
khi ông ấy mải mê đọc tin thể thao trên báo, tôi
lục lọi mớ đồ cất trong hộp đựng xì-gà nhỏ. Mặt

dây chuyền chạm khắc, dây buộc tóc màu tím và một lọn tóc – đó là tất cả những gì mẹ để lại cho cha. Lần nào đến đây tôi cũng mân mê nghiên cứu chúng như đang tìm lời giải đáp nào đó. Thỉnh thoảng tôi nhớ đến ngài Houdini và tự hỏi người ta cần thêm thứ gì để trở về từ thế giới bên kia.

Cha bảo nếu muốn, tôi có thể giữ hết kỷ vật của mẹ. Cha bảo ông ấy không cần đến kỷ vật để nhớ về bà. Khác với tôi, ông ấy đã được gặp bà. Tôi không biết làm sao để thú nhận thực ra tôi chỉ muốn có thứ gì thuộc về ông ấy – thứ gì đó để tôi nhớ về cha.

Cha tặc lưỡi rầu rĩ. “Đội Sox lại tiêu tung rồi,” ông thở dài. “Đúng là lời nguyền của Bambino. Đợt chuyển nhượng tồi tệ nhất trong lịch sử khi bán Manhattan vì vài đồng bạc.” Tôi đứng dậy, vờ như tham quan căn lều. Tôi chạm vào bàn chải cạo râu, dao cạo và lược chải tóc. Lúc cha quay lưng đi, tôi lén cầm tẩu thuốc đặt trên kệ và bỏ vào túi.

“Cha tưởng con thích thuốc lá điếu hơn chứ,” ông lên tiếng, chẳng hề quay lưng lại.

Tôi quay phắt lại. “Làm sao cha biết?”

Ông ngoái đầu nhìn lại. “Cha đánh hơi được con lo lắng như thế nào. Chỉ cần con nói muốn thì cha sẵn sàng đưa tẩu thuốc cho con mà.” Nhe

răng cười, ông nói thêm. “Con gái cha lại ăn cắp vật. Đúng là dòng máu của dân Gypsy mà.”

Con gái cha. Một lần nữa, danh xưng ấy khiến tôi nghẹn ngào. Tôi đáp, “Cha chưa từng hỏi liệu con có định kể chuyện này với Spencer hoặc với cha... với ông Harry Beaumont chưa?”

Sói Xám vẫn nhìn chằm chằm vào tờ báo. “Quyết định ấy không phải ở nơi cha. Cha nói ra sự thật không phải để giành lại con. Chẳng ai thuộc quyền sở hữu của ai cả.”

Tôi nghĩ đến cảnh cha ở trong tù, chấp nhận bị triệt sản để sớm ra tù gặp lại tôi. Dù ông ấy có thừa nhận hay không thì con người ai chẳng liên quan đến nhau. Chỉ cần một lần hy sinh cho ai đó, bạn đã trở thành một phần trong linh hồn của người kia. “Nhưng cha hẳn muốn con thừa nhận cha chứ.”

Khi cha ngược mắt lên, tình cảm mãnh liệt trong đôi mắt ông ấy khiến tôi lùi lại phía sau. “Cha luôn muốn nhận lại con chứ. Bằng bất kỳ giá nào. Cha sẵn sàng đánh đổi bất kỳ thứ gì chỉ để được gặp con. Con hỏi cha có muốn được nghe con nói con là con gái cha, có muốn con nói ra điều đó hay không à? Trời đất, tất nhiên là có. Một phần trong trái tim cha thôi thúc cha làm vậy. Nhưng một phần lớn hơn chỉ mong con bình

an.” Ông gấp tờ báo lại, tỉ mẩn miết theo từng nếp gấp như thể có người soi mói. “Nhưng nếu con ra ngoài và kể với thiên hạ về cha, người ta sẽ không quan tâm con tự hào về cha như thế nào. Thiên hạ chỉ để lọt tai chuyện con mang dòng máu thổ dân thôi.”

“Con không quan tâm.”

“Đấy là vì con chưa bao giờ sống như thổ dân. Con chưa từng mặc áo quần của người khác, lấy tên người khác, sống trong nhà người khác và làm công việc của người khác từ năm này qua năm khác. Nếu không làm được điều đó thì con đành bỏ trốn... và như thế càng khiến người ta nói dân Gypsy toàn như thế.” Cha buồn bã lắc đầu. “Cha muốn con có cuộc sống tốt đẹp hơn. Dù cho điều này đồng nghĩa với việc cha con mình phải giữ khoảng cách với nhau.”

Đứa bé trong bụng tôi lại lộn nhào. “Vậy sao cha lại mất công tìm kiếm con làm gì? Sao cha không cách xa con ra?”

Ông nhìn chầm chằm vào tôi một lúc thật lâu. “Sao cha có thể làm vậy được?”

Tôi đáp lại, “Vậy sao cha ép con làm vậy?”

Cha hướng mắt ra cửa, lặng ngắm mưa rơi.

“Khi đứa trẻ ra đời, con sẽ hiểu. Tổ tiên chúng ta có câu, *Awani Kia*, mang nghĩa ‘Con là ai.’

Không phải hỏi tên con, mà là về dòng tộc. Con sẽ nghe kể nhiều nếu được đi đây đi đó. Mùa đông nào cũng vậy, khi cha đến Odonak và nếu có ai đó hỏi đến, cha sẽ kể ông cố là một thầy mo, rồi nhắc đến Dì Sopi từng là bà lang vườn mát tay nhất thời ấy. Mỗi khi trả lời, cha lại thầm thía, mặc cho thiên hạ đồn đại ra sao, chỉ cần cha biết mình là ai.” Ông ngập ngừng, “Mùa đông năm nay, cha sẽ kể với họ về con.”

Đó là lần đầu tiên cha kể về những chuyến lang bạt. Tôi biết cha vẫn luôn lang thang đi đây đi đó. Nhưng lần đầu tiên tôi nhận ra lúc cha đến Canada, cha con tôi sẽ xa cách.

Tôi buột miệng, “Nếu con theo cha thì sao?”

“Đến Odonak sao? Cha không nghĩ con sẽ hạnh phúc ở đó.”

“Nhưng ở đây con cũng có hạnh phúc đâu.”

“Lia,” ông khe khẽ dỗ dành. “Cha sẽ không khuyên con đừng đi; vì cha quá ích kỷ. Nhưng giây phút con đặt chân đến Canada, con sẽ nhớ đến những gì mình bỏ lại ở đây.”

“Cha làm sao biết được.”

“Cha sao lại không hiểu.” Ông liếc sang mặt dây chuyền của mẹ. “Một người không thể sống tại hai thế giới cùng lúc được.”

“Nhưng cha chỉ vừa tìm thấy con!”

Sói Xám mỉm cười. “Ai bảo với con là cha lạc mất con?”

Tôi cúi đầu lảng tránh, chà chà ngón tay lên vết sẹo trên cổ tay trong vô thức. “Con không dũng cảm được như cha,” tôi thì thầm.

“Không,” cha đáp. “Con dũng cảm hơn cha đấy.”

Không ai có quyền làm cha làm mẹ
nếu khiến con mình chịu tội.

— Trích phát biểu của ngài Harding
trong cuộc tranh luận về Đạo Luật Triệt Sản,
ngày 21 tháng Ba năm 1931 tại Viện Dân Biểu Bang Vermont,
trích đăng trên *Burlington Free Press*

Trong phòng chơi bi-da, từng trái bi được đánh vào lỗ một cách chuẩn xác. Cha tôi cười lớn, “Spencer, con không định bại dưới tay một lão già đấy chứ.”

“Cha Harry, cứ im lặng và chơi tiếp đi nào.”

Tôi mỉm cười, đưa tay chống lưng, đứng đếm mớ dao nĩa bằng bạc trong sảnh. Spencer dặn tôi phải kiểm kê mỗi tháng một lần. Chúng tôi chưa từng làm mất cái nào nhưng anh ấy luôn bảo cẩn thận không thừa.

Tôi đang đếm đến cái muỗng bạc thứ bảy thì nghe thấy từ “Gypsy”.

Spencer đáp, “Thực ra con đành tự làm cho xong.”

“Cha chẳng ngạc nhiên tí nào.” Cha tôi gọn gàng thọc trái banh. “Trộm cắp, lừa lọc... cha không ngạc nhiên nếu dối trá cũng là một đặc tính di truyền đâu.”

“Gã ta còn từng ngồi tù vì tội giết người nữa.”

“Ôi Chúa ơi...”

“Đúng vậy.” Spencer gãi đầu càu nhau. “Con vẫn luôn ủng hộ việc tù nhân tái hòa nhập cùng xã hội. Nhưng con chẳng dám lấy vợ mình ra để thử nghiệm đâu.”

Một tiếng “cách” vang lên, rồi tiếng bi lăn vào lỗ. “Thiếu sót của Đạo Luật Triết Sản là không loại bỏ đám người hạ đẳng đã được sinh ra,” cha phàn nàn. “Đó là vấn đề tiếp theo cần được quan tâm giải quyết.”

Máu như ngừng lưu thông đến não tôi. Lời ấy không phải vì cha tôi độc ác. Ông ấy và Spencer chỉ muốn thay đổi thế giới, tạo ra một nơi tốt đẹp hơn cho con cháu đời sau.

Bằng cách loại bỏ dòng giống của một nhóm người khác.

Tôi nhìn chằm chằm vào cha và Spencer qua cửa phòng; cảm giác mọi thứ sụp đổ ngay trước mắt mình. Spencer nhe răng cười ranh mãnh. “Diệt chúng là phạm pháp đấy nhé.”

“Chỉ khi con bị bắt mà thôi,” cha tôi phá lênh cười rồi cầm lấy cây cơ. “Ván này bi trơn hay bi sọc nào?”

Trước khi kịp trấn tĩnh, tôi nhận ra mình đã vọt qua cửa phòng. Mặt tôi trắng bệch như giấy; cây cơ trên tay Spencer cọ sần sát trên đất và anh lập tức xuất hiện bên tôi. “Cissy?” anh hồi hộp gọi. “Có chuyện gì vậy? Con làm sao à?”

Tôi cố lắc đầu. “Con... vẫn ổn.”

Cha tôi nhăn mặt. “Con yêu, trông con như vừa gặp ma ấy.”

Có lẽ tôi vừa thấy một thứ không nên nhìn, một thứ vẫn luôn hiện diện quanh đây nhưng lại vô hình qua cặp mắt mù quáng của tôi. Spencer giật cái muỗng bạc ra khỏi tay tôi. “Em không đủ sức làm việc này nữa. Nên vợ chồng mình mới thuê Ruby, đúng không nào? Đến đây. Ngồi xuống nào.”

“Em không muốn ngồi,” tôi gào lên. “Em không muốn... không muốn mà...” Lúc tôi đẩy Spencer ra xa, cái muỗng cũng rơi xuống sàn nhà, gây ra tiếng động chói tai. Tôi òa khóc nức nở.

Cha siết chặt vai tôi. “Cissy, con đang mất bình tĩnh đấy. Ngồi xuống, ngay lập tức.”

“Nghe lời cha đi em,” Spencer tán thành.

Vấn đề là tôi vẫn luôn như thế. Và lúc này tôi thậm chí còn chẳng biết mình là ai.

"Cha gọi bác sĩ DuBois đi," Spencer ra hiệu cho cha tôi. Ngay lập tức cha gật đầu và nhấc ống nghe.

Spencer quỳ gối bên cạnh và đặt tay lên vai tôi. Một người chồng nên đối xử với cô vợ điên loạn như thế nào? "Cissy?" sự hoang mang khiến giọng Spencer vặn vẹo như kẹo xoắn.

Cái muỗng bạc lấp lánh dưới chân tôi. "Ôi Spencer," tôi nức nở. "Nhìn xem anh đã gây ra chuyện gì."

Tất cả đại biểu nữ tại Viện Dân Biểu Bang Vermont, ngoại trừ Phu Nhân Farr xứ Monkton vắng mặt, đều ủng hộ dự luật [về việc triệt sản năm 1931].

— Theo tờ Burlington Free Press,
ngày 25 tháng Ba năm 1931

Bác sĩ DuBois đặt ống nghe lên tai. Lúc tôi ngả người nằm lên gối, thân hình ông ta thay cho màn chăn. Sau đó ông ta bắt đầu cởi áo tôi. Lúc sực nhớ ra mình đang mang túi thảo dược Sói Xám Sói Xám tặng thì đã quá muộn.

Ánh mắt tôi chạm phải cái nhìn của ông ta. Trước khi ông ta chạm vào nó thì tôi kịp nắm lấy vạt áo và cởi luôn túi thảo dược ra. Tôi lắc đầu cương quyết, mắt nhìn chằm chằm vào ông bác sĩ đang cau mày. Sau đó tôi cài nút áo lại và chờ hành động tiếp theo của ông ta.

Ông ta là con rỗi của Spencer, nhưng tôi mới là bệnh nhân của ông ta. Chuyện này ít nhiều cũng có ảnh hưởng nhất định. Bác sĩ DuBois kéo ống nghe xuống khỏi tai. Đôi mắt ông ta ẩn chứa câu hỏi mà tôi chẳng hề có ý định giải đáp. “Đứa bé của cô vẫn khỏe mạnh,” ông ta chỉ nói vắn tắt. “Tôi cho là cô chỉ cần nghỉ ngơi đầy đủ.” Ông ta lấy hai viên thuốc ngủ ra và chăm chú quan sát cho đến khi tôi bỏ chúng vào miệng và nhấp một ngụm nước từ cái ly đã rót sẵn. “Vậy mới ngoan chứ. Cô sẽ khỏe ngay thôi. Nhưng Cissy, cô biết là cô có thể gọi cho tôi bất kỳ lúc nào có... thắc mắc đấy.”

Sau đó ông ta đứng dậy và tiến lại gần Spencer đang lòng vòng trước cửa. Lúc hai người khẽ trò chuyện, tôi xoay lưng lại, nhổ viên thuốc giấu bên má ra ngoài rồi nhét chúng vào vỏ gối.

Tôi không muốn ngủ vì sợ không gặp được Sói Xám theo như dự định chiều nay. Tất nhiên tôi sẽ phải nặn ra một lý do khác vì bác sĩ DuBois vừa khám xong. Có lẽ tôi sẽ nói mình cần đến quầy văn phòng phẩm mua giấy da để viết thiệp mời cho tiệc tối. Bọn họ chẳng hiểu được tôi không cần thuốc ngủ và cũng không màng nghỉ ngơi. Cái tôi cần là một ai đó không muốn ru ngủ tôi suốt cả đời.

Giường lún xuống khi Spencer ngồi cạnh tôi.

Tôi lăn lại gần anh ấy, mắt nửa khép nửa mở. “Em thấy mệt rồi.”

“Không phải chỉ mình em thấy mệt đâu,” Spencer đáp một cách cáu kỉnh.

Tôi chợt thấy nghẹn thở.

“Vì sao bác sĩ DuBois, người mà suốt hai tuần qua em đến khám những sáu lần vì mấy cơn đau nhức – lại không hề nhớ gì về cuộc hẹn khám bệnh với em?” Mặt Spencer tím lại, khiến mái tóc vàng càng nổi bật như bạch kim. “Vợ anh đang làm cái quái gì mà phải nói dối anh hả?” Anh túm lấy vai tôi và lắc mạnh. “Không chỉ một lần, mà hết lần này đến lần khác?”

Tôi rụt cổ lại. “Spencer, chuyện không phải như anh nghĩ đâu...”

“Đừng có bảo anh phải nghĩ gì!” anh gầm lên rồi đột nhiên dịu giọng. “Cissy, vì Chúa, em đã khiến anh biến thành cái gì vậy?”

Nhin Spencer suy sụp, tôi gượng ngồi dậy, ôm lấy đầu anh. “Spencer. Em chỉ ra ngoài đi dạo thôi. Đi dạo một mình. Em chỉ muốn là chính mình.”

“Chỉ một mình sao?” Spencer rầu rĩ lên tiếng. “Em đi dạo một mình sao?”

Tôi nhìn thẳng vào mắt anh. “Đúng vậy.”

Trộm cắp, lừa lọc... cha không ngạc nhiên nếu đối trả là một đặc tính di truyền đâu.

“Nhìn em này,” tôi nhăn nhó giải thích, chỉ tay vào bụng bầu.

“Anh thấy rồi,” Spencer đáp. “Anh biết.” Anh ôm lấy mặt tôi và khẽ hôn lên môi tôi. Lúc nụ hôn chấm dứt, lời xin lỗi chực chờ thoát ra từ miệng Spencer. “Anh xin lỗi, Cissy.” Tôi siết lấy tay Spencer khi anh đứng dậy. Mãi cho đến khi anh ấy lấy chìa khóa từ trong tủ và bước ra khỏi phòng ngủ, tôi mới nhận ra anh ấy chẳng hề có ý xin lỗi vì những gì đã xảy ra, mà là vì những gì anh ấy sẽ làm. “Bác sĩ DuBois đồng quan điểm với anh rằng em không nên ra ngoài một mình. Đặc biệt là khi cảm xúc của em không ổn định vì thai nghén. Ông ấy bảo em có khả năng... tự làm tổn thương chính mình.”

“Vậy nên Chúa không cho phép tôi gây chuyện khi người khác có thể bắt gặp. Thiên hạ sẽ đồn đại những gì nếu biết Spencer Pike kết hôn với một người phụ nữ giống đám tâm thần trong bệnh viện Waterbury nhi!”

Spencer cho tôi một cái tát chát chúa khiến tôi lập tức im thin thít. Anh ấy nhìn chằm chằm vào lòng bàn tay, sững sờ về hành động của mình. Tay tôi khẽ chạm lên mặt, cảm giác dấu tay anh dần cộm lên như tầng da thứ hai. Spencer cứng nhắc đáp, “Anh làm vậy chỉ vì yêu em.”

Khoảnh khắc cửa phòng đóng lại và khóa kín, tôi nhảy xuống giường. Tôi thử mở cái cửa sổ vẫn bị kẹt cứng. Tôi đập cửa âm ầm. "Ruby!" Tôi hét lên. "Ruby, mở cửa cho tôi ngay lập tức!"

Tôi nghe thấy cô bé đáp lại phía bên kia cánh cửa. "Em không dám, cô Pike. Giáo sư không cho phép."

Tôi đấm tay lên cửa một lần cuối cùng. Giằng co cũng chỉ khiến căn phòng khóa kín trở nên nóng nực hơn; tóc tôi ướt nhẹp sau cổ, áo đầm đìa mồ hôi. Tôi chính là cô công chúa bị nhốt trong tháp ngà. Nhưng nếu hoàng tử biết được công chúa chính là một con cóc ghẻ, liệu anh ta có sẵn sàng giải cứu tôi hay không?

Tôi bò trên sàn bằng tay và chân, mở quạt điện và dí sát mặt vào đó. Ngay lập tức tôi cảm thấy mát mẻ. Tôi tự hỏi không khí ở Canada như thế nào nhỉ. Tôi tự hỏi không biết Sói Xám có lo lắng nếu tôi không đến được.

Tôi gào vào chỗ cánh quạt đang quay như trò chơi thuở ấu thơ khiến giọng mình biến thành giọng người khác. "*Nia Lia*," tôi nói. Tôi là Lia. "*N'kadi waji nikonawak-wanawak*." Tôi muốn về nhà.

Vì vậy, chính sách này của liên bang phải được ban hành để ngăn cản sự tiếp diễn của giống nòi đần độn, yếu kém, thiếu năng và điên loạn. Nhờ vào công tác triệt sản tự nguyện, an sinh xã hội và lợi ích của những kẻ đần độn, yếu kém, thiếu năng và điên loạn mới được nâng cao.

— “Đạo luật Cải Thiện Nhân Sinh bằng Triệt Sản Tự Nguyện,”
Luật pháp bang Vermont, Luật số 174, trang 194,
Kỳ họp thứ 31, năm 1931.

“Dùng kèm với sôt hành phi thăng caramel có vẻ ngon,” Ruby nói.

Cô bé là vị khách duy nhất đến thăm tôi, giờ đang ngồi trên ghế đặt cạnh giường. Ngoài trời, trên một cái cây sau vườn, một con chim đang xây tổ. Mỏ chim nhả ra sợi chỉ màu đỏ như nhà ảo thuật kéo mớ khăn ra khỏi tay mình. “Cũng được.”

Trong phòng tôi không hề có vật sắc nhọn. Không có gì để tôi nuốt bậy hoặc dùng để treo cổ. Tôi biết thế vì Spencer ra lệnh cho Ruby phải rà soát khắp phòng. Nhưng anh ấy không hiểu được rằng tôi sẽ không tự sát, ít nhất giờ chưa phải lúc. Phòng khi... phòng khi..., tôi không nói nổi cho hết lời, nghe thật xui xẻo.

Ruby lật sang một cuốn sách nấu ăn khác. “Hay là ướp tiêu đen nhỉ.”

“Ồ,” tôi đáp, “tuyệt đấy.”

Ruby nhăn mặt. "Cô Pike, em không thể làm cả hai loại sốt cho món thịt nướng được."

Spencer cũng không phải là bạo chúa. Mỗi khi về đến nhà, anh ấy vẫn dắt tôi đi dạo quanh nhà. Anh ấy còn mua sách cho tôi, tự tay mang bữa tối lên và đút khoai tây kèm thịt gà đến tận miệng tôi như hồi hai vợ chồng còn đi dã ngoại. Anh ấy dịu dàng chải mái tóc dài của tôi, khiến tôi thoáng quên mất chúng tôi đang ở đâu và tôi là ai. Nhưng sáng nào cũng vậy, anh ấy lại khóa cửa trước khi đi làm. Và Ruby là người duy nhất tôi tiếp xúc trước khi anh ấy về đến nhà.

Tôi cố tập trung vào Ruby. "Em bảo em cần nướng đến hai mẻ thịt vì quá nhiều khách mà. Làm mỗi phần một kiểu." Hoặc để thịt sống cũng được. Ai thèm quan tâm chứ.

"Ngăn đông không đủ chỗ để hai phần thịt, lại thêm món tráng miệng nữa. Em phải để một ít trong kho lạnh thôi." Ruby hí hoáy ghi chép vào danh sách việc cần làm. "Cô nghĩ bánh gato bảy tầng thế nào? Hay là bánh Alaska bỏ lò?"

Ruby cứ lải nhải, tôi xoay mặt ra chỗ khác. Con chim cổ đỏ đang quấn sợi chỉ vòng quanh cổ, trông như máu đang chảy.

Sao phải mất công thế nhỉ, trong khi nó sắp bay về phương nam tránh rét?

“Cô Pike.” Ruby thở dài. “Cô có nghe không?”

Con chim cổ đỏ chỉ cách tôi vài mét. Vậy mà tôi chẳng biết làm sao để ra ngoài đó.

Ruby chạm vào tay tôi. “Cissy?”

“Cút đi,” tôi quát vào cô bé và trùm chăn kín mặt.

Bác sĩ cần giữ tàu
Nối trên mặt biển rộng
Nên động đắm ngu si
Dí chúng vào một chỗ
Năm mươi đồng một đứa
Nhắm mắt cửa cổ thôi.

— Trích “Quyền cát xén” của E. F. Johnstone
in trên báo về chủ đề triệt sản, lưu tại Hồ Sơ
Henry F. Perkins, tài liệu lưu trữ UVM

Ngày thứ ba bị giam cầm, tôi chẳng còn để ý đến ăn mặc. Tôi nằm bếp trên giường, đầu tóc như ổ chuột, áo ngủ vén cao. Ruby đã đến cửa hàng thịt. Spencer đang ở trường đại học. Tiếng nhạc trên đài phát thanh động thình thịch như nhịp tim của bé con.

Lúc nghe thấy tiếng ổ khóa mở ra, tôi tự hỏi làm sao Ruby có thể trở về từ thị trấn nhanh thế nỗi. Nhưng cách Sói Xám bước vào phòng đúng

là khác hẳn với bất kỳ ai. Tôi ngồi dậy, không nói nên lời khi ông ấy quỳ gối cạnh giường và ôm chầm lấy tôi. “Con kể với cậu ta rồi sao?”

“Không hề.” Tôi khoan khoái hít ngửi mùi thiên nhiên toát ra từ người ông.

“Cậu ta nhốt con vì chuyện khác sao?” Sói Xám ngạc nhiên thốt lên.

Trước khi tôi kịp giải thích, ông ấy bắt đầu tuôn ra một tràng dồn dập như tuyết lở. “Không thấy con đến, cha tưởng con đã hiểu và quyết định giữ khoảng cách.”

“Con sẽ không...”

“Nhưng cha nghĩ ngay rằng ít ra con phải nói lời tạm biệt chú. Rồi ngày hôm sau, cả ngày hôm sau nữa con vẫn không đến... cha dành chạy đến thị trấn tìm nhưng không ai gặp qua con. Sau đó khu trại xảy ra chuyện...”

“Chuyện gì đã xảy ra?”

Cha nhìn tôi. “Khu cắm trại không còn nữa. Cha qua đêm trong thị trấn, lúc quay lại, chỗ đó như bị bỏ hoang. Lều trại trống trơn, áo quần vẫn treo trên dây, đồ chơi vương vãi trên đất – giống như mọi người đã vội vã rời đi.”

“Sao mọi người bỏ đi mà không mang theo đồ đạc?”

“Vì có người cưỡng ép họ,” Sói Xám nói thẳng thừng.

Tôi nhớ đến cụ già ngồi trước lều vừa hút thuốc vừa đan mây cái giỏ bằng cỏ mật, đứa bé cầm que vẽ trên nền đất và òa khóc vì con chó dẫm lên bức tranh của cậu. Tôi tưởng tượng ra đám con gái cười rúc rích khi nhắc đến cậu trai lực lưỡng. Mọi người bị bắt đi rồi sao? Nhốt vào bệnh viện rồi triệt sản? Hay bị tàn sát?

“Khi con mất tích... sau đó mọi người cũng biến mất...” Cha siết tay. “Một người đàn ông phải tức giận đến thế nào mới gây ra nhiều chuyện như vậy.”

Tôi nhận ra cha đang ám chỉ điều gì đó. “Cha nhầm rồi,” tôi bảo với Sói Xám. “Spencer sẽ không bao giờ làm hại ai như vậy đâu.”

“Sẽ không làm vậy nếu cậu ta phát hiện ra sự thật sao?”

Hai cha con tôi nhìn nhau trong bế tắc cho đến khi một giọng nói vang lên trước cửa. “Sự thật là sao?” Spencer khẽ lên tiếng.

Anh ấy đứng đó với khẩu súng vẫn đặt trong bếp, chĩa thẳng vào Sói Xám. “Mày là tên khốn,” Spencer quát lên. “Tao thấy mày đột nhập vào nhà. Tao tưởng mày định ăn cắp thứ gì đó nên định bắt quả tang.” Anh liếc nhìn vào đôi bàn tay đang nắm chặt giữa hai cha con tôi. “Nhưng mày không cần ăn trộm, đúng không? Thứ mày cần đã được dọn sẵn lên đĩa bạc rồi.”

“Spencer, đủ rồi!”

Trước khi tôi kịp đứng dậy, Sói Xám đã lao vào Spencer, tước lấy khẩu súng. Spencer giằng co với ông ấy trên sàn nhà. Với thế mạnh của tuổi trẻ, lại đang cơn tức giận, Spencer không ngừng đấm vào mặt Sói Xám cho đến khi máu chảy be bét từ mũi và miệng, còn mắt ông ấy trợn ngược.

Tôi kéo tay Spencer nhưng anh ấy giằng ra, khiến tôi té xuống. Cảm giác đau đe dọa chạy thẳng xuống bụng và thắt lưng; tôi co rúm lại. “Cầu xin anh! Để ông ta đi đi!”

Spencer túm cổ áo Sói Xám. “Lý do duy nhất ngăn tao giết chết mày là vì hành động đó sẽ khiến tao trở nên hạ đẳng,” anh ấy thở hổn hển, kéo cha tôi xuống lầu. Tôi chạy theo, mặc cho máu chảy ròng ròng và cơn đau nhói trên cột sống. Lúc Spencer mở cửa ném Sói Xám ra, Ruby đang đứng ngoài. Cô bé nhìn thấy gương mặt máu me và hét lên, túi đồ vương vãi khắp thăm.

“Lia,” Sói Xám đau đớn hét lên. “Theo ta đi.”

Đứa bé quẫy đạp khiến tôi nhớ đến lựa chọn mình phải đưa ra. “Con không thể.”

Spencer đập ông ấy xuống bậc thềm, mặt đập xuống đất. “Nếu ngày mai mày còn lảng vảng ở Comtosook,” anh ấy đe dọa, “tao đâm bảo sẽ để mày chôn vùi phần đời còn lại trong Nhà tù

Liên bang. Cissy, nói tạm biệt với tình nhân của em thôi."

"Ông ấy không phải tình nhân của em!" tôi gào khóc với giọng nói vỡ vụn. Spencer chỉ kịp quay lại nhìn tôi khuya xuống, nước ối vỡ òa trên sàn.

Giải tỏa căng thẳng về mặt vật chất lẫn tinh thần trong chúng ta chính là nhu cầu cấp bách. Lợi ích chung của nhân loại cần đến chiến dịch này... không được phép bỏ qua một làng xóm nào vì vấn nạn người tàn tật, thiểu năng và nghèo đói nhan nhản khắp nơi... Sau khi nỗ lực hết sức để chăm lo cho những người bệnh tật, làm sao một cộng đồng còn đủ sức cải thiện cuộc sống vì tương lai?

— H. F. Perkins, *Những góc nhìn của ưu sinh*,
Hội đồng ủy ban nông thôn Vermont, trích báo cáo
Nông thôn Vermont: Một chiến dịch vì tương lai, năm 1931

Thế ra mẹ tôi đã chết như thế này: Bị banh chân ra, ngập thở vì quá sợ hãi những chuyện sắp xảy đến. Lưng và bụng tôi nóng rực, tử cung co thắt dồn dập. Ruby hoảng hốt thút thít dưới chân giường, vươn tay chờ đón một phép màu.

Lúc này còn quá sớm để đưa bé chào đời, quá sớm để tôi ra đi.

Tôi chuyển dạ suốt mươi một tiếng. Ruby vẫn ở cạnh tôi suốt thời gian ấy. Spencer vẫn ngồi trong phòng làm việc, say tí bỉ. Tôi không biết

anh đã gọi bác sĩ DuBois hay chưa. Nhưng dù câu trả lời là rồi hay chưa thì tôi vẫn sợ chết khiếp.

“Ruby”, tôi cất tiếng gọi và cô bé đến cạnh tôi. “Em nghe đây. Em phải hứa sẽ chăm sóc đứa bé nhé.”

“Cô sẽ làm được mà...”

“Tôi không đủ sức.” Tôi hiểu rõ như thế – tầm nhìn đã mờ hẳn; sức yếu đến mức không nhấc nổi cánh tay. “Kể với nó về tôi nhé. Nói với đứa bé là tôi yêu... ôi, Chúa ơi!” Tôi điếng người vì cơn co thắt trong bụng. Tất cả mọi thứ trong bụng như chùng xuống, và tôi gượng cố sức. “Ruby,” tôi thì thào. “Làm đi.”

Cảnh vật trở nên tím tái, đại dương vỗ rì rào vào tai tôi. Cơ thể tôi là cơn thủy triều. Tôi để mặc cơn đau xé rách cuốn ra xa. Tôi mở mắt mong đợi mẹ chào đón mình ở thế giới bên kia. Nhưng thay vào đó, tôi lại nhìn thấy gương mặt đứa bé.

Con gái bé bỏng của tôi.

Tôi vẫn tin mình sẽ chết lúc sinh con; tôi luôn tưởng mình mang thai một cậu con trai. Nhưng chẳng có điều nào thành hiện thực. Chỉ sau một khoảnh khắc, thế giới của tôi đã đảo lộn hoàn toàn.

Con bé òa khóc. Đó là thứ âm thanh ngọt ngào nhất mà tôi từng nghe. Lúc Ruby cắt cuống rốn và quấn tã cho đứa bé, Spencer lao vào phòng.

Đôi mắt anh ấy đỏ bừng; hơi thở nồng nặc mùi whisky. Anh khẽ khàng cất tiếng, “Em không sao. Ôn Chúa, em vẫn ổn.” Sau đó anh chú ý đến đứa bé trên tay Ruby.

“Ngài Pike,” Ruby nói. “Đến nhìn con gái ngài xem.”

“Con gái sao?” Anh lắc đầu; chuyện này không thể nào.

Tôi chìa tay ra và Ruby trao đứa bé cho tôi. Tôi nhớ mẹ, bà đã không được tận hưởng cảm giác này. Giờ khi đã ôm con trong tay, tôi nghĩ mình không thể nào cam lòng tự tử cho đến khi nhìn thấy con gái trưởng thành. Phải chứng kiến khoảnh khắc con cười với tôi, bước chân con chập chững, lần cắt tóc đầu tiên, ngày đầu tiên đi học, và nụ hôn đầu tiên. Làm sao tôi có thể bỏ qua những thời khắc ấy?

Tôi ôm lấy đứa bé. Sau mười tám năm chật vật tìm cách định vị bản thân giữa cuộc đời này, tôi nhận ra mình vẫn luôn thuộc về đây, ôm chặt lấy con gái mình.

“Tên con là Lily,” tôi thông báo.

Spencer tiến lại gần và liếc mắt nhìn đứa bé. Gương mặt đứa bé ngăm đen, tròn vành vạnh như mặt trăng, với những đường nét đặc trưng của ông ngoại.

Khi Spencer nhìn sang tôi, tôi nhận ra anh ấy vẫn luôn mong đợi đứa bé này sẽ là sự khởi đầu mới, chứ không phải dầu thêm vào lửa. "Lily," anh lặp lại và nuốt khan.

"Spencer, không phải như anh nghĩ. Sói Xám, người đàn ông đó... ông ấy là cha em. Anh hiểu về di truyền mà... anh biết diện mạo con bé vì sao mà có mà. Nhưng con bé là con anh, Spencer, anh phải tin em."

Spencer lắc đầu. "Bác sĩ DuBois nói đầu óc em có thể hỗn loạn sau khi sinh con... Chúng ta nên gọi cho ông ấy đến khám cho em." Anh giằng đứa bé ra khỏi tay tôi, quay lại nhìn Ruby và ra lệnh thẳng thừng. "Ruby, sao em không lái xe đi tìm bác sĩ đi?"

"Lấy xe..." Cô bé chưa từng lái chiếc Packard, nhưng vẫn hiểu đây không phải lúc làm trái lời Spencer. Ruby lí nhí đáp, "Vâng thưa ngài", rồi rụt rè bước ra ngoài.

Spencer theo sau, trên tay vẫn ôm đứa bé.

"Không được," tôi hét lên. "Spencer, em muốn ôm con."

Anh ấy nhìn chằm chằm vào tôi thật lâu, khiến tôi tưởng tượng anh ấy đang tua lại kỷ niệm giữa hai chúng tôi như một bộ phim. Đôi mắt anh lóng lánh nước mắt. Sau đó anh kéo ghế sang cạnh giường và ngồi vào đó, ôm Lily để tôi ngắm con.

Anh khẽ mỉm cười, khiến tôi thoảng tin tưởng Spencer sẽ hiểu được thứ gắn kết gia đình không phải dòng máu mà là tình yêu thương giữa người thân. “Cissy, em nghỉ ngơi đi,” anh dỗ dành tôi. “Anh sẽ chăm sóc con.”

Trong bất kỳ thời đại nào, chúng ta luôn chịu toàn bộ ảnh hưởng từ những giá trị đạo đức của xã hội...
Những định kiến dân tộc hay tôn giáo đang tồn tại dai dẳng trong cộng đồng có thể trở thành công cụ cho kẻ xấu chia rẽ xã hội và ngăn cản sự phát triển của nhân loại.

— Elin Anderson, *Công Dân Nước Mỹ:*
Một nghiên cứu về sự chia rẽ trong xã hội, năm 1937.

Trong giấc mơ, tôi thấy mình đang chạy trốn. Mặc cho mưa rơi xối xả, bùn đất lầy lội dưới chân, tôi phải chạy trốn khỏi kẻ đang truy đuổi mình. Lúc ngoái nhìn ra sau, tôi nhìn thấy người đàn ông thường xuất hiện trong mơ, với mái tóc dài và đôi mắt trầm lặng. Anh ta gọi tên tôi, và khi quay lại, tôi thấy anh ta trượt ngã sõng soài trên mặt đất. Lo rằng anh ta có thể bị thương, tôi ngừng lại và nhận ra tôi đang hướng thẳng đến bìa mộ mang tên mình.

Choáng tinh, tôi cảm thấy có gì nặng nặng trên đùi. Spencer đang gói trên đùi tôi. Lúc đầu,

tôi tưởng Spencer đang ngủ nhưng chợt nhận ra anh ấy đang sụt sùi. Mùi rượu toát ra từ cơ thể và tia máu in hằn trong mắt khiến tôi hoảng sợ.

“Cissy,” anh lén giọng. “Em tỉnh rồi sao?”

Cơ thể tôi đau đớn như vừa bị đập nhừ tử hết ngày này qua ngày khác. Chân tôi yếu đến mức không cử động được. Ai đó, hoặc Spencer, đã ép gạc lạnh vào giữa hai chân tôi để ngừa băng huyết. Tôi hỏi, “Lily, con bé đâu rồi?”

Spencer hôn lên tay tôi và nghẹn ngào đáp. “Cissy.”

“Con gái em đâu rồi?” Tôi gượng dậy.

“Cissy, con bé quá non tháng. Hai lá phổi...”

Tôi chết lặng.

“Con bé không qua khỏi, Cissy.”

“Lily!” tôi hét lên, gượng bước xuống giường nhưng Spencer ngăn tôi lại.

“Em không thể thay đổi được gì đâu. Không ai cứu nổi nó.”

“Có bác sĩ DuBois mà.”

“Ông ấy có ca phẫu thuật ở Vergennes. Ruby đã để lại lời nhắn để ông ấy về nhà là thấy ngay. Nhưng khi Ruby về đến nhà, con bé đã...”

“Em cấm anh nói ra lời đó,” tôi gằn giọng, “Anh không được phép nói vậy.”

Anh ấy cũng òa khóc. “Con bé qua đời trong

vòng tay anh. Con bé ngừng thở khi anh đang ôm nó.”

Tôi chỉ muốn con. “Em phải nhìn mặt con bé.”

“Không được.”

“Em phải nhìn mặt con bé!”

“Cissy, con bé được chôn cất rồi. Chính tay anh đã chôn con.”

Tôi bật dậy, đầm túi bụi vào người Spencer. “Anh không thể làm vậy. Không được mà!”

Spencer ghì chặt tay tôi, kéo tôi lại. “Chúng ta không thể rửa tội cho con, không thể chôn con trong nghĩa trang nhà thờ.” Tiếng thốn thức bật ra từ cổ họng Spencer. “Anh sợ nếu nhìn thấy con bé, em sẽ đi theo nó. Anh không thể lại mất thêm em nữa. Chúa ơi, Cissy, em muốn anh phải làm sao?”

Phải mất một lúc tôi mới hiểu được những lời Spencer nói. Vợ chồng tôi không thể rửa tội cho con, không để chôn con trong nghĩa trang nhà thờ vì đối với Spencer, con bé là con ngoài giá thú. Spencer ôm choàng lấy tôi trong khi tôi vẫn chưa hết sững sốt. Anh ấy thì thào, “Em yêu, không nên để người khác biết.”

Mắt tôi bỗng rát, cổ họng đau buốt. “Spencer, vậy những lần sau em sinh con ra vẫn giống vậy thì sao? Anh phải buộc tội vợ anh ngủ với bao

nhiều thằng Gypsy trước khi nhận ra em đang nói thật? Trước khi anh ném em đến bệnh viện để triệt sản?" Tôi lắc đầu. "Mẹ em đem lòng yêu một người thổ dân. Bà ấy gây ra lỗi lầm, không phải em. Còn em sai chỉ vì em lỡ yêu anh."

Tôi rất muốn hỏi Spencer sẽ cảm thấy thế nào nếu nhìn thấy tên mình nằm ngay dòng cuối của mấy sơ đồ phả hệ do chính tay anh vẽ ra? Nhưng thay vào đó, tôi vươn tay nhặt cái chăn dành cho trẻ sơ sinh rớt dưới chân giường. "Đưa em ra chỗ ngôi mộ."

"Em vẫn còn quá đau buồn. Em cần phải..."

"Em cần phải thấy mộ con gái em. Ngay bây giờ."

Spencer đứng dậy, nhặt từ trong khay dụng cụ đặt cạnh giường ra một cái kéo và một con dao, đút chúng vào túi áo trước để đảm bảo an toàn. "Ngày mai đi," anh ấy hứa hẹn và hôn lên trán tôi. "Cissy, vợ chồng mình làm lại từ đầu nhé."

Tôi nhìn chằm chằm vào anh ấy lâu đến mức toàn thân cứng đờ. "Được thôi Spencer." Tôi đáp bằng chất giọng cổ hữu của mình. Hai tay tôi đang run lẩy bẩy, nhưng tôi phải theo được trò chơi của anh ấy đến cùng. Tôi phải cân nhắc đến nước cờ tiếp theo.

Giữa phong trào voelkisch, quan điểm nhân sinh voelkisch rốt cuộc đã thành công trong việc tạo ra một kỷ nguyên nơi tầng lớp quý tộc không còn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giống nòi của chó, mèo hay ngựa mà tập trung vào công tác cải thiện nhân loại. Đó chính là kỷ nguyên khi nhiều cá nhân công khai hoặc âm thầm từ bỏ cả tín ngưỡng để sẵn sàng hy sinh và cống hiến.

— Adolph Hitler, trích tự truyện *Mein Kampf*, Quyển II, viết trong tù năm 1924, trước khi “Đạo luật bảo vệ xã hội khỏi giống giống hạ đẳng” vốn là một phần trong Chương Trình Diệt Chủng của Đức Quốc Xã được thông qua năm 1933

Lily vẫn còn sống. Sau một hồi suy ngẫm, đây là đáp án duy nhất. Nếu không thì vì sao Spencer cứ khăng khăng từ chối không cho tôi thấy con bé, hay cỗ quan tài, thậm chí là ngôi mộ? Hàng trăm phỏng đoán hiện lên trong tâm trí tôi: anh ấy chắc chỉ tạm giấu con bé đi, chờ đến khi có cơ hội mang đến bờ ngoài bậc thang nhà thờ; hay anh ấy đã bảo Ruby mang con bé đến bờ tại trại mồ côi; cũng có thể anh ấy đang chờ bác sĩ DuBois đến giải quyết. Còn một lý do nữa khiến tôi cố sống sau khi sinh con: Tôi phải tìm thấy con gái mình.

Tôi chờ đến khi biết chắc Spencer đã vào phòng làm việc thì mới dám thay quần áo. Động tác như rùa bò vì cái đầu nặng trịch và đôi chân run rẩy vì cơn sốt. Tôi nhét tẩu thuốc của Sói Xám vào túi áo đầm và thắt dây buộc ủng hai lần. Quan trọng hơn hết, tôi phải sẵn sàng để bỏ trốn. Tôi

cẩn thận vặn tay nắm cửa như điệp viên tình báo và rón rén bước dọc hành lang.

Đầu tiên tôi tiến đến phòng tắm, âm thầm rá soát từ giỏ áo quần đến bồn tắm. Tôi ép mình phải nhìn vào trong bồn xả nước toilet. Khi chẳng tìm thấy gì, tôi xộc thẳng đến phòng Ruby trên lầu ba, trút hết đồ đạc trong tủ và ngăn kéo ra ngoài, lật tung giường ngủ và đảo lộn toàn bộ giá sách. Làm xong hết từng đó việc, tôi khuỷu xuống.

Nghĩ kỹ lại nào, tôi ra lệnh cho chính mình. Dùng đầu óc của Spencer ấy.

Vòng xuống tầng trệt, tôi lục soát từng ngõ ngách và tất cả những nơi có thể giấu một đứa bé sơ sinh. Tôi nhón chân bước vòng qua phòng làm việc của Spencer, nơi có tiếng ly tách thủy tinh lanh canh phát ra. Lúc đến được nhà bếp, tôi gần như bật khóc. Lúc này con bé chắc đang đói bụng lắm; chắc đang lạnh lắm. Khóc lên con ơi, để mẹ tìm thấy con.

Tôi sẽ ôm con bé vào lòng thật chặt; tôi sẽ ủ ấm cho nó. Trên hành trình đến Canada, tôi sẽ kể cho con bé nghe những khung cảnh dọc đường: đàn bò thơ thẩn trên đồng cỏ, hoa cỏ lửa nở rộ hai bên đường, dãy núi nhấp nhô như đường cong của phụ nữ. Hai mẹ con tôi sẽ đứng cạnh Sói Xám bên khu định cư ở Odonak. Sói Xám sẽ chỉ vào chúng tôi mỗi khi ai đó hỏi ông rằng: “Anh bạn là ai?”

Tôi bước vào phòng bếp tối om, thầm nghĩ tới tủ rượu, thùng bột, hầm rượu. Chỉ trong phòng bếp này mà có đến hơn hai mươi chỗ để giấu con bé. Vừa mới bước một bước vào căn bếp tối đen và lạnh buốt, có ai đó đâm sầm vào tôi từ đằng sau.

Tôi cố gắng không hé lén, túm lấy sợi dây trên đầu để bật đèn lên cho sáng. Mọi thứ xung quanh trở trên rõ ràng. "Ruby, em đang làm gì ở đây?"

Cô bé run như cây sậy. "Lấy một ít... thỉnh thoảng mất ngủ, em lén pha một ly chocolate nóng. Em xin lỗi. Em biết đây là ăn cắp."

Tôi nheo mắt tra hỏi. "Con bé đâu rồi?" Hai tay không ngừng lục soát mấy cái kệ, lật tung mớ giẻ lau và kéo mấy cái thùng qua một bên.

"Ai cơ?"

"Đứa bé. Em đang giúp anh ấy giấu nó đi phải không?"

"Ôi, cô Pike," Ruby đáp với đôi mắt to mọng nước. "Đứa bé không còn nữa rồi."

"Ruby, em không hiểu. Con bé vẫn khỏe, con bé chẳng có chuyện gì hết. Tôi chỉ cần tìm được con bé. Tôi phải tìm thấy nó và mang nó rời xa nơi này."

"Nhưng giáo sư, ngài ấy bảo..."

Tôi túm lấy vai Ruby. "Em có thấy cái xác không? Có hay không?"

"Em thấy... Em thấy..." rắng Ruby lập cập va

vào nhau nhưng chẳng thể thốt ra câu trả lời tôi muốn nghe.

“Mẹ nó, Ruby, trả lời tôi đi!” Tôi lắc Ruby mạnh hơn nhưng nó giằng ra khỏi tay tôi. Tay Ruby va phải cái kệ chứa củ cải đường và đậu đóng hộp. Một lọ thủy tinh rớt xuống sàn vỡ tan tành. Mặc kệ mùi dấm hăng hắc lan tỏa ra xung quanh, tôi lật mở mấy cái thùng đựng bột yến mạch, bột bánh bích quy, xà phòng và sữa bột.

Một đôi tay cứng rắn túm tôi ra khỏi hàng kệ, kéo tôi vào trong sảnh bếp chính. “Thả em ra, Spencer,” tôi gào lên, điên cuồng vùng vẫy để được tự do.

Anh ấy quay sang ra lệnh cho Ruby: “Gọi lại cho bác sĩ DuBois lần nữa. Bảo ông ấy là chúng ta cần ông ấy có mặt ngay bây giờ.”

“Thả em ra! Ruby, anh ta nói láo. Thả Lily ra.” Tôi hét lên. “Lily!”

Spencer lấy hết sức bình sinh để lôi tôi ra khỏi bếp. Ruby chết đứng nhìn anh ta túm lấy cổ tay kéo tôi lên lầu trong tiếng gào khóc. Spencer cố át giọng tôi, “Ruby, đấy không phải chuyện của cô. Cô cũng thấy cô Pike chẳng còn giống như bình thường, và tôi phải khiến cô ấy bình tĩnh lại.” Spencer gầm lên khi tôi đạp thẳng vào cẳng chân anh ta. “Đi gọi bác sĩ. Sau đó làm những gì tôi bảo trước đó ngay.”

“Đừng nghe anh ta nói, Ruby.”

Người Ruby rúm ró lại ngay trước mắt tôi. “Đi ngay,” Spencer rống lên, “Ngay bây giờ.” Tôi đột nhiên quy xuống trong tay Spencer. Anh ấy kịp đỡ lấy trước khi tôi quy xuống sàn rồi ôm tôi lên lâu. Tôi chẳng buồn mở mắt, ngay cả khi anh ấy dịu dàng kiểm tra miếng băng giữa hai chân để xem tôi có còn xuất huyết hay không, ngay cả khi anh ấy thở dài như người đã mất hết hy vọng. Sau đó Spencer đặt tôi lên giường, tháo ủng rồi khóa cửa lại.

Tôi không nghĩ đây là thất bại.

Rốt cuộc tôi cũng biết Lily đang bị giấu ở đâu đó ngoài kia.

Vì sao không thể từ bỏ toàn bộ chương trình?...

Chúng ta tiến hành suốt bao năm qua nhưng đã đạt được gì? Còn tiền thì mọi việc còn vui, nhưng giờ đây vấn đề hoàn toàn khác. Nếu Hitler tiến hành thành công việc triệt sản hàng loạt, thi đây chính là bàn đạp thúc đẩy phong trào Ưu sinh tiến xa hơn nỗ lực của cả trăm hiệp hội Ưu sinh cộng lại. Nhưng nếu hắn ta thất bại, thi đồng nghĩa với việc phong trào sẽ thụt lùi nghiêm trọng đến mức cả trăm Hiệp Hội Ưu sinh cộng lại cũng không cứu vãn được.

— Trích thư đáp lại yêu cầu hỗ trợ tài chính gửi ngày 1 tháng Hai năm 1934 từ Henry H. Goddard đến H. F. Perkins, hồ sơ ESV, Văn Phòng Lưu Trữ Hồ Sơ Công, Middlesex, VT.

Khó nhất là đập vỡ cửa kính. Làm chuyện đó mà không tiếng động lại càng như vô vọng. Tôi phải quấn chăn quanh ghế, hy vọng như thế sẽ làm giảm âm thanh. Tôi cố ý lựa ô cửa sổ gần với cái thang mà Sói Xám và Spencer từng dùng để sửa mái nhà. Chỉ cần giải quyết xong khâu này thì mọi chuyện dễ như bỡn. Chỉ cần trượt xuống mặt đất, lén vượt qua ánh đèn tỏa ra từ cửa sổ phòng làm việc của Spencer và đi theo ánh trăng khuya.

Con gái tôi có thể bị giấu ở bất kỳ đâu trong khuôn viên rộng lớn này.

Tôi tìm trong bụi rậm bao quanh mái hiên trước nhà, không quên rà soát dưới mái hiên và xung quanh đống củi ở phía đông. Vòng ra sau nhà, tôi tra xét khắp khu rừng, vòng qua vòng lại, hết lần này đến lần khác đến khi ngồi bệt xuống đất và bật khóc nức nở.

Thật đau đớn, Spencer sẽ bảo với bác sĩ DuBois như thế khi ông ta đến đây. Tôi phát hiện ra cô ấy đang đào bới. Đây chẳng phải lần đầu cô ấy mộng du... nhưng đây là lần đầu cô ấy không tỉnh lại nữa. Tôi tự hỏi ở bệnh viện tâm thần, người ta có trói bệnh nhân trên băng ghế, hay nhấn đầu bệnh nhân vào trong nước như trong bệnh viện Waterbury hay không.

Nhưng tìm kiếm một thứ mà bạn biết rõ nó tồn tại có phải hành vi của kẻ điên không?

Tôi nhìn về phía căn nhà. Chẳng có ánh đèn toát ra từ phòng ngủ của Ruby, chảng còn bóng hình nào trong phòng làm việc của Spencer. Tôi nhắm mắt lại, tưởng tượng đến tiếng cá heo và cá voi vọng lại từ đáy biển.

Lúc chớp mắt, bức tường kho lạnh nổi bật giữa màn đêm đen. Một mảng tường trông tối hơn mấy chỗ còn lại – có lẽ ai đó chỉ khép hờ khung cửa. Tôi đứng dậy, mặc cho sợi dây vô hình nào đó lôi kéo mình thẳng tiến đến căn hầm lạnh buốt.

Để giày khẽ trượt trên lớp mùn cưa. Từng khối băng lấp lánh xếp thành hàng ngay ngắn giống như hàm răng sáng bóng của gã khổng lồ. Kia là món thịt quay Ruby làm cho bữa dạ tiệc chưa kịp tổ chức. Trên tấm thớt là một cái thùng táo cũ với nắp thùng đặt bên cạnh.

Trong thùng là con búp bê tí hon nhất, yên lặng nhất mà tôi từng thấy.

“Không. Không thể nào. Ôi không.” Tay tôi siết lấy vành gỗ thô ráp, mắt nhìn vào gương mặt con gái trong cỗ quan tài tí hon.

Lông mi con dài bằng móng tay út của tôi. Đôi má tái nhợt, trắng xanh màu sữa. Bàn tay con nhỏ xíu, nắm chặt như ốc sên. Ngón tay tôi khẽ chạm vào má lúm đồng tiền rồi vuốt ve vành tai con gái. “Lily,” tôi thì thầm. “Lily Delacour Pike.”

Trong căn hầm giá lạnh, tôi bế con gái lên. Tôi quấn chăn chặt hơn để ủ ấm cho con, ôm con sát vào ngực để con nghe thấy tiếng tim tôi vỡ vụn.

Spencer không thể nào chia cách mẹ con tôi được nữa. Muốn chia cách mẹ con tôi, phải đảm bảo tôi có đồng ý hay không trước đã.

Awani Kia, tôi thầm nghĩ. Ở thế giới bên kia, người ta sẽ hỏi con gái tôi là ai. “Con hãy kể về ông ngoại và bà ngoại, hai người đã xây dựng cây cầu bằng tình yêu,” tôi kể sát vào người con gái đồ dành. “Con hãy kể với họ về cha con, người cho rằng mình đã làm đúng. Và hãy kể với họ về mẹ.” Tôi hôn con gái, lặng thinh một lúc. “Hãy nói với họ rằng mẹ sẽ đến nhanh thôi.”

Rồi tôi đặt con gái vào chỗ cũ, lấy tay bịt miệng kìm néi nỗi đau đớn. Tôi sẽ mãi mãi tự hỏi Spencer đã nói với tôi hoàn toàn hay chỉ một nửa sự thật. Có thật là Lily ngừng thở trong tay anh ấy, hay chính anh ấy khiến chuyện đó phải xảy ra. Có lẽ một ngày nào đó anh ấy sẽ giải thích: *Anh làm vậy chỉ vì quá yêu em.*

“Em cũng yêu anh,” tôi nói thành lời.

Nhanh thôi, Spencer sẽ tỉnh giấc và đi tìm tôi. Và tôi sẽ khiến anh ta trả giá vì điều này. Có rất nhiều cách chứng minh cho chính quyền thấy chuyện gì đã xảy ra. Tôi sẽ bất chấp tất cả, dù cho phải trả giá bằng mạng sống.

Không còn nhiêu thời gian nữa. Nên tôi vươn tay vào thùng gỗ, ấp lấy gương mặt con gái chỉ bé bằng lòng bàn tay mình. Mũi và cằm con gái khẽ héch lên, tôi sẽ mang theo trong ký ức hình ảnh này. “Ngủ ngoan nhé,” tôi nói với con và tiến về phía cửa hầm.

Tôi nhớ đến bà Soliat vào ngày lễ quốc khánh mừng Bốn tháng Bảy trong túp lều với con chó lai sói. Tôi nhớ cảnh bà ấy đứng rũ cái áo choàng sặc sỡ bên bờ hồ nơi bà sống suốt mùa hè. Trong số rất nhiều điều, bà ấy đã nói, “Đừng sợ hãi.”

Tôi chẳng cần đến nhà tiên tri nào nữa. Tôi biết rõ chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Phần Ba

Năm 2001

**Người chết vẫn không ngừng
giao tiếp với người sống.**

— THOMAS HARDY

chương

Tám

Vào những đêm không phải làm việc ở mỏ đá, Az Thompson dành hàng giờ liền phân tích mớ sự kiện lùng nhùng trong trí óc. Cứ thử sống trọn một thế kỷ đi thì người ta tự nhiên sẽ biết rất nhiều thứ, như cách xác định phương hướng bằng ánh sao, nên an ủi bà quả phụ đang đau đớn như thế nào, gấu trú ẩn ở đâu suốt mùa đông. Ẩn giấu sau mớ lùng nhùng ấy là hàng loạt sự thật trần trụi, ví dụ như thứ bạn truyền cho con không phải là huyết thống mà là lòng dũng cảm. Ví dụ như bạn có thể tìm thấy tình yêu ở những nơi không ngờ đến nhất – dưới những hòn đá dọc vùng nước nông trên sông, dưới đáy cái tô

chứa đầy đậu đã lột vỏ. Tình yêu còn xuất hiện ngay lúc bạn chẳng hề mong đợi.

Đám bác sĩ gọi đó là chứng mất ngủ, nhưng Az tự biết bệnh mình. Ông không ngủ để không phải tinh dậy và tự hỏi vì sao đêm qua mình chưa chết. Ông đã đọc về những vị vua Ai Cập, cũng như Ponce de León và Tithonus, bọn họ đã cố gắng để trường sinh bất tử như thế nào. Nhưng cuộc sống vô tận có gì tốt khi bạn sống lâu hơn tất cả mọi người mà bạn yêu thương? Khi bạn chứng kiến cơ thể mình rã rời từng chút một như chiếc ô tô gỉ sét, dù trí óc vẫn minh mẫn thì có gì hay? Một lũ ngu với mớ thuốc trường sinh và ngôi mộ bằng vàng ròng... ông lắc đầu nghĩ bụng, Hãy nghĩ cho kỹ trước khi ước nguyện điều gì.

Dù mệt rũ rượi nhưng Az chẳng buồn nằm xuống giường. Ông lặng ngắm từng giọt mưa rơi trên mái lều như đang thưởng thức một đoạn phim xưa. Sau bốn tiếng nữa, mặt trời sẽ mọc và ông vẫn còn ở đây.

Đột nhiên ông nghe thấy tiếng khóc. Âm thanh ấy như đồng thời phát ra từ khu rừng và tận sâu bên trong Az, như một cơn đau nhói hơn là âm thanh. Ông tự hỏi mình có thể quăng cảm xúc ra xa để nó dội lại như người ta nói tiếng bụng hay không.

Đó... lại là âm thanh đó.

Đó không phải tiếng sấm. Âm thanh quá trầm so với tiếng trẻ con, lại quá khan so với tiếng phụ nữ. Ô không, đó là tiếng kinh cầu hồn cho một người đàn ông đã mất đi quá nhiều thứ đến nỗi không tìm được chính mình. Ai đó... có lẽ giống ông chẳng.

Az thở dài. Ông chẳng hề tin mấy chuyện tâm linh vớ vẩn. Thứ ấy chỉ dành cho đám nửa mùa thích sấm vai thổ dân. Nhưng Az biết quá khứ có thể lặp lại qua nhiều hình thái khác nhau, từ tiếng cú the thé đến ánh mắt soi mói của người lạ mặt dõi theo ông suốt dọc đường. Và ông hiểu rõ hơn ai hết quay lưng với quá khứ chỉ khiến người ta càng thêm mù quáng.

Nhưng nói lại thì vẫn có người trượt ngã trong đêm tối và khiến mình bị thương.

Dù sao đi nữa, Az mệt mỏi nghĩ, cũng phải đi xem thử thôi.

Ross ngồi trong lều, quần cái chăn hiệu Hudson Bay của Az Thompson. Quần áo anh dính đầy bùn đất. Tóc ướt nhẹp nhỏ nước vào mắt khi anh nhấp một ngụm cà phê hòa tan mà ông lão vừa pha bằng bếp lò chạy pin. Anh không ngừng run rẩy nhưng không phải do ướt lạnh, mà vì một người phụ nữ với hương hoa hồng. Một người phụ nữ

mà – anh cố lăm mới dám thừa nhận – anh đem lòng yêu thương. Một người phụ nữ không còn tồn tại trên cõi đời này.

“Anh không sao chứ?” Az dò hỏi.

Anh trông như mới gặp ma vậy.

Ross không tài nào trả lời được. Anh cúi đầu nhấp một ngụm cà phê nóng đến bỏng rát. Cảm giác đau đớn khiến nước mắt trào ra.

Anh đã thấy làn da cô trở nên trong mờ, và hàng cây trở nên sắc nét hơn Lia. Anh đã thấy vẻ bàng hoàng trên gương mặt cô ấy khi nhận ra tên mình trên bia mộ. Cô ấy cũng chẳng biết gì nhiều hơn Ross. Ross, một người chuyên nghiên cứu tâm linh, anh hiểu quỷ dữ sẽ toát ra mùi thối rữa, anh biết chuyện có con yêu tinh hút lấy sinh lực của một cô bé, nhưng anh chẳng hề ngờ rằng một con ma có thể hôn đáp lại mình.

Hồn ma không phải là hiện tượng thường gặp. Họ là những người vì lý do nào đó vẫn còn một chân vương bận ở thế giới này và không thể bỏ đi được. Ross đã nghe Curtis Warburton kể về những hồn ma quay về trả thù, và cũng có những hồn ma quay lại vì quên trả hóa đơn tiền điện. Ross nhớ mãi những câu chuyện Curtis kể về những hồn ma quay lại vì tình yêu mà họ đã bỏ lại.

Có khi nào hồn ma quay trở về vì một tình yêu chưa từng gặp gỡ?

Cái giường kêu lén cót két khi Az ngồi xuống. Ông siết tay và nhìn chầm chằm vào Ross bằng đôi mắt đen nóng rực. “Anh có muốn tâm sự về chuyện đó không?” Az khẽ hỏi.

Ross lắc đầu. Anh không thể nói ra. Từng câu chữ, từng ký ức: đó là tất cả những gì anh có được từ cô ấy.

Eli đợi trên ghế bành trong lúc Shelby Wakeman đang thay quần áo trên lầu. Lúc đầu anh ngồi phía bên trái, sau đó lại e ngại tư thế mình ngồi gác tay coi bộ thoái mái quá, nên đành dịch ra giữa ghế. Tay anh cứ vặn vẹo cái mũ đồng phục cho đến khi cô bước vào phòng và khiến anh ngừng thở.

“Tôi xin lỗi; Tôi thường không dám mở cửa nếu chưa điểm trang.”

“Sao cơ?” Eli nuốt nước miếng. “Điểm... cái gì?”

“Ý là trang điểm cẩn thận.” Shelby ngồi xuống ghế đối diện Eli, vén tóc ra sau tai và nhoẻn miệng cười ngượng ngùng. “Anh chắc là Ross... không gặp rắc rối chứ?”

“Không hề có rắc rối nào với tôi,” Eli trấn an cô. Cô cũng như bất cứ ai thấy cảnh sát viếng nhà mình giữa đêm khuya đều nghĩ đến trường hợp xấu nhất. Nếu Eli suy nghĩ cẩn thận, lẽ ra anh phải đợi đến sáng mai. Nhưng anh quá phấn khích với manh mối vừa sáng tỏ dựa trên bản xét nghiệm

DNA đến mức cần phải tìm đến ai đó giúp anh kết nối từng tình tiết lại với nhau. DNA của Sói Xám không hề có trên sợi dây thòng lọng, nhưng điều đó không đủ để loại trừ khả năng ông ta là kẻ giết người. DNA của Spencer Pike dính trên sợi dây cũng không đủ là chứng cứ kết tội. Câu hỏi đặt ra chính là ai sát hại Cissy Pike? Cô ấy có phải là nạn nhân duy nhất trong đêm đó hay không?

Eli cố nhầm đi nhầm lại mấy ý đó, và tự nhủ lý do xui khiến anh đến đây chẳng hề liên quan đến việc Shelby Wakeman cứ phảng phất trong tâm trí anh suốt ba tuần qua. Cơ thể cô ấy thơm mùi táo, giống mùi hương lan tỏa khắp phòng anh sau khi mơ về cô. Ngoài đời cô ấy còn xinh đẹp hơn. Trước khi kịp nhận ra, anh vươn tay về phía cô, rồi giật mình kìm lại.

Eli hắng giọng. “Tôi, e hèm, tôi cho rằng em trai cô đang nắm vài thông tin hữu ích cho một vụ án.”

Cô lắc đầu. “Chắc không đâu. Ross ít khi ra ngoài lắm, còn đạo gần đây cậu ấy ra ngoài làm việc mà.”

“Săn ma,” Eli đáp.

“Đúng vậy.” Shelby ngược mặt lên. “Chắc anh nghĩ cậu em tôi bị điên chứ gì.”

Eli dợm gật đầu. Anh không tài nào tưởng tượng nổi có ai đó lại dành cả đời người tìm kiếm

một thứ chỉ tồn tại trong tưởng tượng. Nhưng lúc nhìn vào đôi mắt màu xanh biển và chiếc cầm thon của cô, anh tưởng như từng tấc da trên người tê dại. “Tôi không biết mình nên nghĩ sao nữa,” anh chống chế.

Một luồng nhiệt bốc lên mặt Shelby. Cô vội đứng dậy, loay hoay đẩy ô cửa sổ đang kẹt, trong miệng lầm bầm than phiền khí trời oi ả. “Để tôi,” Eli nói và bước đến giúp cô một tay. Hai người đứng cạnh nhau bên khung cửa sổ, vai kề vai. Eli huých mạnh cánh cửa sổ, ngọn gió mát mẻ lùa vào như tách hai người ra.

“Cảm ơn.”

Eli nhìn cô. “Không có gì.”

Dù Eli định nói gì – lúc ấy chắc anh cũng chẳng phát âm nổi tên mình – thì cũng đành chịu vì tiếng bước chân lộp cộp vọng từ trên lầu. “Tôi xin lỗi. Tôi không biết có người ngủ trên lầu.”

“Ethan vẫn chưa ngủ,” Shelby trả lời khi thấy cậu nhóc bước vào phòng. Cậu bé nhỏ con, gầy teo nhưng lại mặc quá nhiều áo quần. Cái mũ che khuất đôi mắt cậu bé và chỉ để lộ nửa khuôn mặt, nhưng Eli vẫn nhìn thấy làn da trắng như sứ. Một tay cậu bé đang băng bó, tay còn lại phồng rộp lên như vừa bồng nước sôi. Cậu bé thừa hưởng nụ cười thật thùng giống mẹ.

“Ethan, con ra ngoài chơi đi,” Shelby ra lệnh.

“Nhưng trời đang mưa...”

“Tạnh mưa rồi. Đi đi.” Cô chờ đến khi cửa đóng và tiếng ván trượt ma sát chói tai trên đường rồi mới quay lại nhìn Eli, hai tay khoanh trước ngực. Trông cô như một người phụ nữ khác hẳn với vài phút trước đây. “Đấy là con trai tôi.”

Eli lặng nhìn móng tay cô bấu chặt vào cánh tay. Tư thế cứng nhắc đến mức tưởng như người cô ấy có thể gãy làm đôi.

“Anh cho là nó không bình thường chứ gì,” cô buộc tội.

Anh muốn đưa tay vuốt dọc lưng cô ấy. Anh muốn nắm chặt tay cô, để cô thả lỏng lần nữa. “Thực ra thì,” Eli đáp, “tôi chỉ đang nghĩ cậu bé thật giống cô.”

• • •

Âm thanh tròn trĩnh như hạt đậu, nhỏ xíu như hòn sỏi cứ vang lên trong đầu Spencer Pike. Dù có chặn bao nhiêu cái gối lên đầu, ông vẫn nghe thấy tiếng trẻ con khóc vang. Spencer quằn quại, cào cấu tai mình đến nỗi máu bật ra thẩm xuống cổ áo pi-ja-ma.

“Ông Pike! Lạy Chúa. Tôi cần trợ giúp ngay!” cô y tá hét vào bộ đàm.

Cần đến hai người điều dưỡng mới trói được tay Spencer vào hai bên giường. Cách xử lý này cũng từng được áp dụng với Joe Gigapoulopous, gà đòn ông bị chứng hoang tưởng đến mức thỉnh thoảng lại tự gặm cắn ngón tay mình. “Đứa bé,” Spencer thở hổn hển trong lúc y tá đang sát trùng mấy vết cào sâu hoắm quanh tai. “Vứt đứa bé đi mau.”

“Chẳng có đứa bé nào ở đây hết. Ông chỉ gấp phải ác mộng thôi.”

Lúc này, gương mặt ông đã giàn giụa nước mắt. Âm thanh đó như khiến đầu ông nứt ra làm đôi. Vì sao bọn họ không nghe thấy gi? “Đứa bé,” ông thồn thức.

Cô y tá tiêm cho ông một liều thuốc an thần. “Thuốc này sẽ giúp ích cho ông.”

Nhưng liều tiêm này chẳng hề có tác dụng. Thuốc an thần chỉ khiến ông ngủ thiếp đi, quay lại nơi đứa bé đang chờ ông. Ông nằm yên, mắt ngược nhìn lên trần nhà, chờ thuốc ngấm. Ông cảm thấy đôi tay mình thả lỏng, tiếp đó là hai chân và cuối cùng là quai hàm. “Chừng nào tôi mới chết?” Spencer nghĩ thành lời.

Cô y tá chăm chú nhìn ông bằng ánh mắt nâu điềm tĩnh. Mắt Cissy cũng có màu nâu. “Nhanh thôi,” cô nhẹ nhàng đáp.

Spencer thở dài. Câu trả lời của cô ấy còn công

hiệu hơn thuốc an thần; chẳng có loại thuốc nào khiến ông dễ chịu như vậy. Đối với đàn ông, sự thật làm họ yên lòng.

Meredith hình dung đàn ông giống như một món phụ kiện, ví dụ như chiếc thắt lưng, ví tiền hoặc đôi giày, có mang hay không cũng chẳng sao. Đúng là nếu đi chân đất, bạn sẽ nhận được vài ánh nhìn kỳ quái nhưng chẳng phải những phần quan trọng trên cơ thể đều được che chắn kỹ càng rồi sao? Người cô gặp thì cô không thích, người cô thích lại không có duyên, lý trí của một nhà khoa học trong Meredith đơn giản mách bảo chính cô phải ngừng hẳn đi để còn hạn chế thiệt hại.

Bây giờ là gần 11 giờ đêm, cô đang lái xe về nhà. Đoạn đường từ văn phòng mất bốn mươi lăm phút nếu không kẹt xe, chính là khoảng thời gian duy nhất cô để tâm trí tự do suy ngẫm về những thứ nằm ngoài nhiệm vụ phải làm. Đêm nay, do phải nghiên cứu tế bào trích ra từ bốn phôi của gia đình mang bệnh thiếu máu hồng cầu hình liềm, Meredith tránh được chuyện phải đi cùng đồng nghiệp đến bữa tiệc tối vinh danh những công ty khoa học tiên tiến. Martin đúng là mẫu người cô thích – cao dong dỏng, đầy trí tuệ với những ngón tay thon dài của một nhà khoa học. Năm đầu tiên làm việc ở Generra, Meredith mê mẩn

Martin đến nỗi sau mỗi lần hai người trò chuyện bên máy photocopy, cô phải trốn vào phòng vệ sinh đến khi má hết đỏ ứng. Lời cầu khẩn của cô đã được ứng nguyện một năm trước, khi sếp phái cô đến dự một bữa tiệc gây quỹ cùng Martin. Trong cơn say chênh choáng vì rượu sâm panh, anh ta đã dẫn dắt cô vào vũ điệu thần tiên.

Mưa rả rích suốt dọc đường Bờ Biển Phía Đông, ít nhất là cơn đau chân khiến Meredith đoán vậy. Chân trái – cái chân khiến cô vào phòng cấp cứu lúc biết tin về sự tồn tại của Lucy – nhạy cảm không thua bất kỳ thiết bị khí tượng thủy văn nào. Lúc đến chỗ rẽ, cô chuyển hướng suy nghĩ của mình từ đời sống tình cảm chưa hề tồn tại sang Lucy. Cô bé vừa ngừng dùng thuốc Risperdal nhưng chẳng hề có biến chuyển gì. Con gái cô làm đủ thứ chuyện kỳ cục như trò chuyện bên bàn ăn sáng với mấy người chẳng hề tồn tại, cài dây an toàn cho ghế ngồi bên cạnh trống trơn. Vốn là người theo chủ nghĩa khoa học, Meredith dành tự nhủ con gái cô có khiếu tưởng tượng bẩm sinh. Một người kiểm sống bằng việc nhận định cái gì là “bình thường”, giờ phải mở rộng khái niệm để bao gồm cả con gái mình trong đó.

Cô rẽ vào cổng. Ngọn đèn duy nhất còn sáng là ở phòng khách; mọi người đều đã ngủ say. Meredith vất vả bước ra khỏi xe, cố cà nhắc với cái

chân lành. Cô đột nhiên nín thở, trầm trồ trước bầu trời đêm lấp lánh ánh sao đẹp tuyệt vời. Cô đã dành quá nhiều thời gian nghiên cứu những thứ bé nhỏ liên quan đến con người đến mức quên mất thế giới này vốn đơn giản như thế nào.

Meredith mở khóa cửa và bắt gặp Lucy ngồi trên cầu thang, áo quần chỉnh tề với một cái vali đặt dưới chân. "Luce?" cô gọi nhưng con gái không hề phản ứng.

"Con bé không nghe thấy con gọi đâu."

Ruby bước xuống cầu thang. Mái tóc dài trắng như mây xõa xuống sau lưng bà; hai tay bà siết chặt lấy lan can. "Con bé đang mộng du."

Mộng du sao? Mắt Lucy vẫn mở to. "Bà chắc không?" Meredith hỏi bà ngoại. "Bà từng bị mộng du sao?"

Ruby nghiêng người lại gần Lucy, đỡ con bé đứng dậy. "Bà từng quen một người bị mộng du."

Lucy theo bà Ruby lên lầu, ngoan ngoãn như một chú cùu non. Meredith bước theo, chân vấp phải cái vali bị bỏ lại. Cái vali bật mở dưới chân cô. Bên trong là một tá búp bê với đủ loại tư thế như đang ăn, đang khóc hoặc đang bơi lội. Đôi mắt búp bê trợn trợn như những đứa trẻ ốm.

Ai về đến nhà mà nhìn thấy xe cảnh sát đậu ngay trước cửa hẵn cũng hoảng hồn. Ross chỉ kịp đậu

xe rồi ba chân bốn cẳng chạy vào, mở tung cửa và hét gọi tên Shelby.

Cô lập tức đứng dậy. "Ross!" Anh nhìn chị gái, quét mắt qua Ethan vừa xuất hiện sau lưng mình cùng tấm ván trượt, rồi lập tức chú ý đến tay cảnh sát đứng trong phòng khách.

Rồi anh trẽ tràng nhận ra cô chị đang soi mó áo quần rách và mái tóc ướt sưng của mình. Có lẽ Shelby đã gọi cảnh sát vì lo cho em trai – chị ấy có thể làm vậy lầm chứ. "Nhìn vậy chứ không có gì đâu," Ross càu nhau, thầm nghĩ chị ấy mà biết anh sợ hãi đến mức nào hắn còn lo gấp mấy. "Tôi vẫn ổn. Anh có thể kết thúc nhiệm vụ tìm kiếm được rồi."

Nghe vậy, Eli Rochert tiến về phía trước và nói. "Thực ra tôi đến đây để mời anh tham gia vào nhiệm vụ đó."

Ross muốn nhốt mình trong phòng ngủ tại nhà Shelby. Trong khung cảnh tối om cùng một chai Jameson bên cạnh, anh muốn dùng mũi dao khắc tên Lia lên cánh tay mình. Có lẽ sẽ đau đớn và chảy máu – mặc dù anh dám cá anh sẽ chẳng chết được. Anh biết rõ một điều mà chẳng ai hiểu được – anh đã chết từ lâu; nơi này chỉ còn cái xác không hồn.

Ngồi trong phòng thẩm vấn tại Cục Cảnh Sát Comtosook cùng Eli Rochert và con chó to xù đúng là một kiểu tra tấn khác lạ. Trên bàn bày la liệt mớ ảnh pháp y chụp lúc Lia treo cổ, đôi ủng cô mang và chiếc váy đầm cô mặc lúc xuất hiện trước mặt anh. Nhìn thấy những hình ảnh đó khiến lòng anh đau đớn hơn bất kỳ vết thương nào từ trước đến giờ.

“Lần trước khi gặp nhau, ừm, anh bảo mình đang điều tra cái chết của Cecelia Pike đúng không,” Eli nói.

“Lia”, Ross lẩm bẩm, “cô ấy thích được gọi là Lia.”

Anh cảnh sát cố lăm提供更多关于胃痛的信息。 Ross nghẽn bụng, mẹ nó. Làm như tôi muốn ngồi đây lăm vây.

“Anh... đã gặp cô ấy, rồi sao nữa?” Eli thắc mắc.

“Anh còn chẳng tin chuyện tôi từng gặp cô ấy thì thắc mắc làm quái gì?”

“Nghe này. Tôi cũng không ham nhò nhà ngoại cảm tư vấn...”

Ross cắt ngang, “Tôi không phải nhà ngoại cảm, chỉ có chút linh cảm thôi.”

Ross không nhịn được, đưa tay lật úp bức ảnh pháp y kinh dị chụp Lia. “Tôi chỉ có phần nhạy cảm với hồn ma. Đặc biệt là cô ấy.”

Eli thoảng do dự trước khi mở miệng. “Anh Wakeman, một tuần trước anh năn nỉ tôi lật lại một vụ án từ bảy mươi năm trước. Tôi đã đi ngược lại lý trí và lật lại vụ đó. Tôi muốn tiếp tục điều tra, mặc dù đây là việc ngoài giờ và không nằm trong phạm vi công tác.” Anh đặt tay lên bàn. “Anh nói vụ này có liên quan đến Spencer Pike. Vì sao anh kết luận như vậy?”

“Bộ tộc Abenaki đòi lại khu đất. Ông Pike hoàn toàn có động cơ gây án. Thêm vào việc nơi đó có ma – theo những gì tôi được dạy, ma chỉ quay lại ám một vùng đất vì một lý do nào đó. Tôi cho rằng nếu khu đất bị ma ám, con ma chắc phải là người thổ dân – có thể là người bị buộc tội sát nhân. Nhưng hóa ra hồn ma lại là Lia.” Anh quay lưng lại. “Tôi xin lỗi vì làm anh phí thời gian.”

“Không hẳn là phí thời gian đâu,” Eli đáp. “Dựa trên những gì anh vừa kể, nếu hồn ma Lia Pike quay về thì cái chết của cô ấy có gì đó không hợp lý.”

Gương mặt Lia vụt qua tâm trí Ross. Anh lập tức đứng dậy, định rời đi trước khi không kiềm chế nổi tâm trạng. “Bị giết hại lúc mới mười tám tuổi đúng là chẳng hợp lý tí nào. Giờ thì xin phép anh, thám tử Rochert...”

“Để tôi cho anh xem cái này trước khi anh rời khỏi đây được không?” Eli đưa cho Ross một tờ

giấy. Ross nhận ra đây là bản báo cáo hiện trường được viết vào những năm 1930. "Pike khai rằng Sói Xám siết cổ cô ấy. Theo như những cảnh sát có mặt ở hiện trường thì đúng là có dấu vết chống cự. Có ảnh chụp nơi cô ấy treo cổ, ảnh chụp dấu vân tay, ảnh chụp cửa sổ phòng ngủ chính bị đập vỡ. Tôi đã lấy được mẫu DNA trong máu nạn nhân, kèm DNA của hai nam giới khác đã có mặt ở hiện trường."

Ross cố nhịn cảm giác nghẹn ngào trong cổ họng. "Có vẻ như anh đang thuận lợi trên con đường chứng minh Pike là thủ phạm nhỉ."

Eli vờ như không nghe thấy lời Ross vừa nói mà tiếp tục lý luận. "Tuy nhiên cũng có bằng chứng phản bác kết luận đó. Những bằng chứng này khiến tôi tự hỏi không biết anh có đúng khi phán đoán Spencer Pike đã ra tay với Sói Xám rồi xử luôn vợ mình."

"Nghe này." Căn phòng chao đảo trước mắt Ross. "Bây giờ tôi không thể tiếp tục nói về chủ đề này thêm nữa."

"Tôi chẳng hề muốn anh nói gì. Tôi muốn anh giúp đỡ."

Ross ngược mặt lên. "Tôi không phải là thám tử."

"Đúng vậy," Eli nói nhẹ. "Nhưng anh biết cách

tìm được những chứng cứ mà chúng tôi không thấy được."

Danh sách tang vật:

Án mạng tại nhà Pike, ngày 19 tháng 9 năm 1932

Thu được từ kho lạnh:

Thòng lọng, bị cắt rời

Túi da

Tẩu thuốc

Ảnh chụp: dấu chân trên mùn cưa trong kho lạnh,
xác nạn nhân

Thu được từ nạn nhân:

Đôi ủng

Váy đầm

Đồ lót/ băng vệ sinh

Ảnh chụp: ảnh khám nghiệm pháp y

Thu được từ phòng ngủ chính:

Danh sách tên khách mời cho tiệc tối diễn ra
một tuần sau đó

Chăn, gối, ga giường, áo ngủ – dính máu

Chăn giữ ấm cho trẻ sơ sinh

Chậu kim loại

Ảnh chụp: cửa sổ bị đập vỡ

Ảnh chụp: nội thất bị xáo trộn

Ross về đến nhà vào lúc rạng đông. Anh bước vào nhà, thầm cảm ơn Chúa vì Shelby đã ra ngoài. Anh

nhanh chóng bước lên lầu, khóa trái cửa, chẳng buồn thay áo quần mà cứ thế trèo lên giường, mặc cho cảm xúc đau đớn dâng trào.

Những lúc suy tính về cuộc sống cá nhân, Ross luôn tưởng tượng mình sẽ độc thân suốt đời. Chuyện xây dựng gia đình chưa bao giờ nằm trong dự định của anh. Anh không hề e ngại trách nhiệm, cũng chẳng phải xấu xí hay quá ham hố cuộc sống tự do. Nhưng cứ mỗi lần muốn trao trái tim cho ai đó, anh chợt nhận ra sự thiếu vắng của một người đã đi xa.

Xung quanh anh vẫn có vài bóng hồng. Cô phục vụ ở Duluth đưa anh về nhà, còn gửi tặng một suất bò hầm đêm hôm nọ, một bà mẹ thương con quanh năm chẳng nhận được một lời tốt đẹp nào từ ông chồng thương gia, cô bệnh nhân mang vết sẹo kinh khủng sau khi điều trị ung thư vú cần được nhắc nhở mình vẫn xinh đẹp như thế nào. Nhưng cũng có những người phụ nữ chỉ muốn anh trong một hai đêm rồi sẵn sàng bỏ rơi anh ngay khi nhận ra anh cần họ nhiều thế nào. Làm sao có người phụ nữ nào dám yêu anh – gã đàn ông không chịu ra khỏi giường mấy tuần liền, dù không ngủ được, lại còn tự tử hụt hết lần này đến lần khác đến mức tin rằng mình bất tử, một kẻ không biết yêu thương chính bản thân anh ta?

Ross kéo gối đè lên đầu. Anh muốn một người phụ nữ có chung cảm xúc với mình – như thể cô ấy luôn thấy bất toàn, cho đến khi họ gặp nhau, sẵn sàng từ bỏ tất cả để theo anh từ thế giới này sang thế giới bên kia, tin tưởng tất cả những giây phút tồi tệ mà cô ấy một mình trải nghiệm chính là dành cho thời khắc họ ở bên nhau.

Anh muốn một người phụ nữ chẳng hề có thật.

Có tiếng gõ cửa, nhưng Ross phớt lờ. Chắc Shelby tưởng anh đã ngủ rồi. Anh vùi đầu vào chăn.

“Này.” Cô ngồi xuống mép giường, nhẹ nhàng đặt tay lên phần vai giấu dưới lớp chăn. “Chị biết em chưa ngủ.”

Anh kéo chăn xuống. “Làm sao chị biết?”

“Vì em có bao giờ ngủ đâu.”

“Chuyện gì chẳng có lần đầu tiên,” Ross càu nhầu.

Anh lặng nhìn Shelby lần gấp ga giường thành hình quạt rồi thả tay để nó bung ra. “Anh cảnh sát đó muốn gì?”

“Chẳng có gì.”

“Anh ta đến tận đây, đưa em về đồn cảnh sát mà không có mục đích?”

“Để em yên, Shelby. Nếu chị muốn ra vẻ gà mẹ thì sang thử nghiệm với con trai chị ấy.”

“Nhưng cái đứa đang khóc nhè không phải là con trai chị.”

Ross quệt ngón tay lên má – Chúa ơi, anh chẳng để ý. “Bây giờ em không có tâm trạng.”

“Ross, kể cho chị nghe...”

Anh nằm vật ra giường, lấy tay che mắt. “Shel, nghe này. Em không có bị bệnh gì sắp chết. Em cũng không làm gì phạm pháp. Em chỉ có một đêm khốn nạn nhắc em nhớ vì sao mình chẳng nên tổn công yêu đương làm quái gì. Vậy nên chị làm ơn quay về phòng, đến thư viện hoặc bất kỳ chỗ nào đó, để em tự liếm vết thương, có được không?”

“Em bị cô gái đang hẹn hò đá à?”

“Em chẳng hẹn hò với ai hết.” Thực ra là có. Không hẳn.

“Cô ấy là ai?”

Ross chống tay lên cùi chỏ. “Cô ấy là hồn ma của người phụ nữ bị sát hại bảy mươi năm trước,” anh đáp, hả hê chứng kiến Shelby há hốc mồm rồi nằm lại xuống gối. “Chính xác là vậy đó.”

“Em nhìn thấy ma?”

“Em nhìn thấy ma. Chạm vào ma. Và hôn ma nữa.”

“Em đã hôn một hồn ma?”

“Em yêu một hồn ma sâu sắc đến mức lòng mình tan nát.”

“Ross, được rồi đấy...”

“Đừng nói gì hết, Shelby. Đừng nói gì hết. Em hoàn toàn, một trăm phần trăm, chắc chắn biết chuyện gì đã hoặc không xảy ra với mình.”

Giọng anh trở nên quyết liệt, ánh mắt điên cuồng. “Ross,” cô nhẹ nhàng nói, “trên đời này làm gì có ma.”

Anh nổi cáu lên với chị gái. “Sao chị biết? Nếu chỉ vì chưa từng nhìn thấy, làm sao chị biết chắc thứ gì đó không tồn tại. Có thể mắt chị không có khả năng nhìn thấy, hoặc thứ ấy ngụy trang quá tốt, hoặc chị chưa đủ may mắn để thấy được thôi.”

Ross đang tự biện bạch cho bản thân mình, nhưng với Shelby, lời anh nói cũng đúng với căn bệnh của Ethan. Biết đâu trong tương lai các nhà khoa học sẽ tìm ra phương pháp chữa khỏi bệnh khô da sắc tố XP. Cô đột nhiên nhận ra dù con ma đó có thật hay không thì ngay lúc này, anh cần tin là nó tồn tại. Anh cần chị tin rằng hồn ma đó là có thật.

Cô cũng từng trải qua cảm giác đó mà.

Ross đưa tay dụi mắt. “Lạy Chúa, biết đâu em bị điên. Lẽ ra em nên bị cách ly.”

“Người khác cũng chẳng ít điên hơn em. Ai chẳng có lúc như vậy.”

“Nhìn thấy ma sao?”

“Đem lòng yêu một người không hề có thật.”

Shelby vuốt tóc em trai. Mê đắm một thứ gì đó cũng đồng nghĩa với việc nhìn nhận mọi thứ một cách mù mờ. Chỉ khi bắt đầu yêu thương, người đó mới biến thành hiện thực.”

Ross gục đầu vào vai chị, nấc lên. “Cô ấy đi rồi,” anh nghẹn ngào. “Cô ấy bỏ em mà đi rồi.”

Shelby cúi đầu hôn lên trán em trai và bảo, “Vậy thì tìm cô ấy đi.”

Ngày tháng: 21 tháng Chín năm 1932

Thời gian: 1 giờ 15 phút chiều

Người được phỏng vấn: Bà Wilmetta Sizemore

Người phỏng vấn: Cảnh sát Duley Wiggs

Địa điểm: Cục Cảnh Sát Comtosook

Hỏi: Bà nhìn thấy Cissy Pike lần cuối cùng là khi nào?

Đáp: Một tuần trước, tại Câu Lạc Bộ Ethan Allen, vợ chồng chúng tôi đã ăn tối với cha cô ấy, ông Harry Beaumont.

Tôi quen biết Cissy được mấy năm rồi; cô ấy là người vợ hoàn mỹ hết lòng yêu thương giáo sư Pike và sắp sinh con đầu lòng.

Hỏi: Cô ấy có dấu hiệu bất thường nào vào đêm đó không?

Đáp: Tôi không nghĩ vậy... Ồ, đợi đã. Cissy có làm đổ một ly rượu. Một anh phục vụ

người Gypsy đến thu dọn nhưng lại động tay động chân với cô ấy. Giáo sư Pike tức điên đến mức túm áo đẩy cậu ta xuống đất. [Tạm ngừng] Tôi không biết tên cậu phục vụ người Gypsy ấy. Nhưng anh nên tìm hiểu thử xem.

“Trời đất ơi,” Eli gắt âm lên khi nghe thấy tiếng roi đổ ầm ầm. Anh lao ra khỏi phòng tắm với nửa gương mặt còn dính đầy kem cạo râu và chạy xuống lầu, rồi bắt gặp Watson đang trốn chui trốn nhủi dưới bàn phòng khách. Nhìn thoáng qua phòng khách, anh lập tức đoán hoặc có ai đó vừa đột nhập hoặc con chó béo gần 70 cân đang rượt đuổi thứ gì đó. Tivi rót khỏi kệ, gối đệm chẳng còn nằm trên sofa, còn cái ghế dựa lưng thì ngã chỏng chơ bên cạnh ô cửa sổ bị đập vỡ. Eli cuộn xuống gần con chó. “Nhả ra nào.” Anh đưa tay ra, và Watson rụt rè há miệng, để con chuột rớt vào tay Eli.

Eli quẳng con chuột qua ô kính vỡ. “Được lắm, giỏi đấy Watson. Giờ nhà mình mở tiệm McDonalds bán mang đi cho xe hơi được đấy hả.” Tai chú chó cụp xuống. “Tao đoán mày sẽ nói đấy không phải lỗi của mày. Ô phải rồi, mày còn thông minh hơn thế nữa. Mày chẳng buồn nói gì hết cơ mà.”

Chú chó rên rỉ rồi rúc mũi sâu hơn vào tấm thảm. Eli chỉnh lại ghế sofa, rồi đặt tivi lên kệ. May mà tivi chưa tan tành. Thở dài ngán ngẩm, Eli lại gần ô kính vỡ và dựng cái ghế lên. Mấy mảnh kính vỡ lấp lánh bên bậc cửa sổ, nhưng vì cửa sổ bị đập vỡ từ bên trong nên hầu hết mảnh vỡ đều rơi xuống bụi đỗ quyên.

Đột nhiên anh quay ngoắt lại, chạy lên lầu như điên. Lần này chú chó theo sát anh. Trong phòng ngủ, Eli lật tung mó hổ sơ đặt trên tủ cho đến khi tìm ra tập hổ sơ chứa ảnh chụp hiện trường vụ án. Hình ảnh vụ án mạng ở nhà Pike được chụp từ bảy mươi năm trước, có kèm phim âm bản cỡ 4x5. Đây vẫn là nguồn ảnh tốt nhất và chụp sắc nét nhất tính đến tận bây giờ. Eli quét mắt qua tấm ảnh chụp nội thất phòng ngủ của Cissy Pike. Tiêu điểm của bức ảnh là giường ngủ, nhưng lấy được cả ô cửa sổ phía sau. Có gì đó lấp lánh bên bậc cửa? Còn sàn nhà thì sao?

Eli gãi cầm, giật mình vì mặt còng dính kem cạo râu. “Chờ cạo râu xong,” anh nói với Watson, “tao với mày lái xe dạo một vòng nhé.”

Rod van Fleet dí sát vào mặt Ross. “Nói rõ ràng xem nào,” anh ta gần giọng. “Có đúng là anh tìm ra một con ma?”

Ross gật đầu. "Không phải anh yêu cầu tôi tìm sao?"

"Không!" Rod vung tay lên trời và lùi ra xa. "Tôi chỉ bảo anh đến kiểm tra khu đất. Tôi chưa từng mong anh sẽ tìm thấy thứ gì cả." Anh ta ngồi lên chiếc xe kéo đối diện Ross. "Vậy tôi nên làm gì bây giờ? Tưới Nước Thánh lên toàn bộ khu đất hả? Hay chờ xem đầu sếp tôi xoay ngược 360 độ?"

"Khu đất ấy không phải bị quỷ ám. Chỉ là một hồn ma thôi."

"Ôi, tuyệt vời," Rod mỉa mai. "Cảm ơn vì lời giải thích của anh. Tôi phải làm sao nếu nó theo ám mấy công nhân?"

"Chuyện đấy khó có khả năng xảy ra. Curtis Warburton luôn khẳng định ma chỉ quan tâm đến chuyện riêng của họ."

"Vậy chắc cô ta sẵn sàng chuyển đi nơi khác nhỉ?"

Ross lắc đầu. "Theo lời Curtis, ma chỉ bỏ đi khi nào nó muốn. Nếu nó thoái mái với chỗ hiện tại, cảm thấy gắn bó, hoặc đơn giản là nó ương bướng thì không đời nào dời đi đâu."

"Curtis nói thế này. Curtis nói thế khác. Vậy còn chính anh thì nghĩ thế nào?"

Ross im lặng một lúc thật lâu. Rốt cuộc anh đành thừa nhận, "Tôi cũng không biết nữa."

“Vậy thì để tôi nói mình nghĩ gì. Nếu tòa án bỗng dung tin vào câu chuyện vớ vẩn này và cho rằng có một hồn ma còn quanh quẩn tại đây, tôi sẽ bị rút giấy phép xây dựng. Chuyện đó có nghĩa một trong hai phải cuốn xéo... và với một mức phí nhỏ, tôi tin anh sẽ khiến con ma kia chuyển đi nơi khác.”

Mặt Ross trở nên tái mét. “Tôi không thể ép cô ấy rời đi.”

“Vậy tôi sẽ tìm người làm được việc đó.”

Hai người hằm hè nhìn nhau, sau đó, Ross nhảy khỏi xe kéo mà không nói lời nào. Rod lặng nhìn anh bỏ đi. Đám công nhân còn chẳng thèm nháy mắt. Nhưng xét lại thì bọn họ chỉ làm công ăn lương – nên mấy chuyện lẻ té như mặt đất đóng băng vào tháng Tám, cán xéng chỉ cần chạm vào là gãy ngang, hay đinh chẳng bao giờ chịu đóng cho thẳng chỉ giúp tăng tiền làm ngoài giờ. Trong khu thương mại anh xây có một con ma. Vậy thì sao? Anh có thể kiểm lời từ nó. Mở một nhà hàng mang tên “Nhà hàng An Nghi” chuyên bán mấy món rùng rợn. Khi báo chí phỏng vấn, anh sẽ lạnh lùng phát biểu đầu tư cho nơi này đúng là một pha đánh cược lớn.

Hoặc... anh cũng có thể không xây dựng khu thương mại. Chẳng phải vùng New England có

đầy nhà nghỉ có chuyện ma ám trên gác mái hay sao. Nếu anh đã có sẵn một con ma, vậy sao không xây khách sạn tại đó?

Dĩ nhiên rốt cuộc anh vẫn phải tìm ai đó trực xuất con ma đi chỗ khác.

Chỉ để phòng hờ thôi.

Rod rút điện thoại ra từ túi áo và bấm 411. "Mở đá Angel xin nghe," một giọng nói đáp lại.

Anh kiểm tra số điện thoại, gác máy rồi gọi lại. Khi tổng đài rốt cuộc nhắc máy, Rod thở phào nhẹ nhõm. Anh cứ tưởng mình lại nghe giọng vừa rồi. "Vâng," anh đáp, "tôi muốn gặp anh Curtis Warburton."

Phòng xét nghiệm Pháp y tại Montpelier phân loại vụ án dựa trên mức độ nghiêm trọng. Chuyện này có nghĩa kết quả phân tích bằng chứng tìm được trong vụ giết người có thể xong trong một ngày, nhưng một vụ trộm đơn giản có thể kéo hàng tuần. Eli quá rành quy tắc này nên đã gọi cho Tuck Boorhies, một kỹ thuật viên từng cộng tác trước đây. "Một vụ giết người sao?" Tuck sững sốt. "Tại Comtosook á?"

"Đúng vậy," Eli xác nhận. Anh chỉ không nói rõ vụ án này xảy ra vào bảy mươi năm trước.

Tuck lấy ảnh chụp từ Eli. "Trời. Sao lại ảnh trắng đen?"

“Thợ chụp ảnh hiện trường là người theo chủ nghĩa thuần túy. Mất bao lâu vậy?”

“Còn tùy anh định đứng đó thúc hối tôi trong bao lâu,” Tuck đáp, quét hình chụp vào máy vi tính có cài Photoshop. “Anh muốn phóng to chỗ nào?”

Eli chỉ tay lên màn hình, máy tính tập trung vào cửa sổ phòng ngủ và sàn gỗ cạnh đó. Anh kỹ thuật viên bấm vài nút, chỉnh lại độ tương phản tối sáng. “Anh thấy gì không?” Eli hỏi.

“Sàn nhà.”

“Anh thấy trên sàn nhà có gì không?”

“Không có gì hết,” Tuck trả lời.

Eli nhe răng cười. “Vậy thì đúng rồi.”

Mười phút sau anh đã lấy được hình chụp phóng to sàn gỗ kèm vài tấm hình khác, trong số đó có một bức ảnh chụp cảnh ngoài sân, ngay dưới cửa sổ bị đập vỡ. Trên thảm cỏ, ngay dưới chân thang dựa vào nhà là vài mảnh nhỏ lấp lánh như kính vỡ. “Trong nhà không hề có mảnh kính vỡ,” Eli nói với Watson lúc nó đang thở hổn hển trong xe trên đường về nhà. “Nhưng lại có mảnh kính vỡ ngoài sân. Nghĩa là chẳng có ai vào bắt cóc cô ấy, mà cô ấy bỏ ra ngoài. Nhưng nếu không bị bắt cóc, vì sao cô ấy phải trốn ra ngoài?”

Eli giảm ga nhường đường cho xe khác. “Cô ấy không hề bị bắt cóc, đúng vậy. Cô ấy đang

bỏ trốn. Vì sao người ta lại trèo cửa sổ thay vì đi bằng cửa chính? Vì bạn không muốn để người khác biết mình bỏ trốn. Hoặc có thể bạn muốn xuống lâu nhưng không xuống được vì cửa phòng ngủ và cửa sổ đều bị ai đó khóa trái, nhốt bạn lại trong phòng."

Anh quay qua nhìn chú chó cưng. "Câu hỏi tiếp theo: Vì sao đồ đạc dưới tầng trệt bị xáo tung? Trong lời khai với cảnh sát, Pike nói Sói Xám đột nhập vào nhà qua cửa sổ. Nếu đúng vậy thì Sói Xám sẽ không tẩu thoát bằng cách kéo nạn nhân xuống tầng trệt – anh ta phải rời đi bằng lối vào mới đúng. Nghĩa là có người khác xáo trộn căn nhà." Anh thẩm định lại tình tiết vụ án và thử kết luận. Anh bật đèn xi-nhan rồi rẽ sang lối khác. "Mọi manh mối," anh lẩm bẩm, "đều hướng đến Pike."

BÁO CÁO ĐIỀU TRA

NGUYÊN NHÂN CÁI CHẾT: TREO CỔ

CÁCH CHẾT: TỰ TỬ

Tình tiết liên quan đáng lưu ý:

vừa mới sinh con

KHÁM NGHIỆM BÊN NGOÀI

Xác chết là phụ nữ da trắng đã trưởng thành và khỏe mạnh với diện mạo

phù hợp với lứa tuổi đã ghi nhận. Tóc vàng. Mắt nâu. Con ngươi đồng đều với kích thước mỗi bên đạt 6mm. Xác chết có chiều cao 158 cm, nặng 58 kg. Không có sẹo. Tình trạng cơ co cứng ở mức trung bình. Tình trạng tụ máu tử thi được ghi nhận ở hai bàn tay, cẳng tay, bàn chân và cẳng chân. Phía sau thân người có tụ máu nhẹ.

Hai mắt lồi. Trên cổ có vết đốt dài 2cm hiện rõ phía trước. Vết đốt kéo dài từ ngay trên sụn tuyến giáp đến ngang tai. Có chấm xuất huyết trên da ngay trên vết đốt. Dịch nhầy lẫn máu rỉ ra từ miệng và hai lỗ mũi. Lưỡi lè ra ngoài, đầu lưỡi có màu tối và khô nứt. Phần da dưới cổ có nhiều vết cào dài.

Khám nghiệm vùng ngực cho thấy hai bên vú bị sưng. Không có dấu hiệu tụ máu.

Khám nghiệm vùng bụng cho thấy bụng lồi lên với nhiều vằn kẽ. Tử cung nằm trên xương mu 10 cm đã được khám nghiệm.

Khám nghiệm tứ chi cho thấy có nhiều vết tụ máu trên hai cổ chân và cổ tay.

XÉT NGHIỆM NỘI KHOA

Xác chết được mổ bằng vết rạch chữ Y thông thường. Vị trí nội tạng vùng ngực và bụng bình thường. Dịch màng phổi và dịch màng bụng không đáng kể. Khám nghiệm

cổ cho thấy không hề có dấu hiệu thương tổn tại sụn tuyến giáp hay xương móng. Chỉ có dấu hiệu tụ máu dưới vết đòn nêu trên.

Phổi trái nặng 300 gram còn phổi phải nặng 280 gram. Phía sau thùy phổi dưới có dấu hiệu sung huyết. Tim nặng 350 gram. Không có dấu hiệu nào bất thường.

Gan nặng 1200 gram, khi mổ gan có 600cc máu ở dạng lỏng. Ngoài ra, gan có dấu hiệu nhiễm bệnh gan sung huyết nhẹ. Tuyến tụy, túi mật và ống dẫn mật đều bình thường. Lá lách nặng 100 gram, trong và ngoài lá lách không có dấu hiệu bất thường. Khám nghiệm bao tử cho thấy một ít thức ăn đang được tiêu hóa. Không có dấu hiệu dùng thuốc. Không phát hiện ra điều gì bất thường ở đường ruột.

Hai quả thận, ống dẫn nước tiểu và bàng quang bình thường.

Tử cung nặng 450 gram. Màng trong tử cung dày và đang xuất huyết. Thành tử cung dày 2cm. Khám nghiệm buồng trứng cho thấy buồng trứng phải có u nang dài 2cm. Buồng trứng trái bình thường.

Động mạch và tĩnh mạch vùng bụng bình thường. Có dấu hiệu băng huyết nhẹ sau khi sinh. Khám nghiệm vùng sọ và xương sống không phát hiện điều gì bất thường.

KHÁM NGHIỆM HIỂN VI

Lát cắt tụ máu bên sườn phải cho thấy nhiều tế bào bạch cầu trung tính bị vỡ bao quanh những tế bào hồng cầu xuất huyết. Lát cắt phổi cho thấy tình trạng sung huyết và phù nề nhẹ. Không có dấu hiệu viêm phổi. Lát cắt nơi gan sung huyết cho thấy có máu tụ. Lát cắt của những nội tạng khác đều bình thường.

“Wesley, giải thích giúp tôi nào!” Eli năn nỉ. Anh ngồi trước hiên nhà ông bạn già, trên tay là ly nước chanh đá đang đổ mồ hôi. Watson lảng lặng cuộn mình thành tấm thảm xù cuộn tròn dưới xích đu treo trên cây tuyết tùng.

Wesley Sneap là bác sĩ thị trấn từ hồi chỉ có lèo tèo vài ba bác sĩ – và nghiêm nhiên trở thành bác sĩ pháp y của quận mãi đến năm 1985. Khi các tổ chức chăm sóc sức khỏe nở rộ, cộng thêm bàn tay cầm dao mổ bắt đầu run rẩy, Wesley buộc phải nghỉ hưu. Nhưng ông vẫn giữ kính hiển vi và một phòng thí nghiệm đã chiến dưới tầng hầm. Trên tủ trong phòng khách là hộp thuốc màu đen cũ kỹ phòng khi ai có cần trợ giúp y tế.

“Ồ,” ông thở dài, “cô ấy treo cổ chết. Anh có thể nhận ra dựa trên gương mặt và mấy vết cào trên cổ.”

Ông bác sĩ đọc lướt qua báo cáo thêm lần nữa. “Có nhiều chi tiết cho thấy cô ấy vừa sinh con... như độ dày thành tử cung, sữa non, cân nặng của quả tim. Ô, cô ấy có xô xát với người khác vài giờ trước khi treo cổ. Trên cẳng chân và cổ tay cô ấy có vết bầm, nhưng dấu hiệu viêm do vết thương chỉ xuất hiện trên cổ tay. Vết bầm nơi cẳng chân cô ấy không có dấu hiệu viêm vì cô ấy đã chết trước khi phản ứng tế bào xảy ra. Chắc cô ấy đã đạp chân vùng vãy điên cuồng để thoát đi.”

“Thời điểm tử vong là lúc nào?”

“Để xem nào,” Wesley nhíu mày. “Chẳng có gì nhiều trong dạ dày, nhưng chắc là vì cô ấy mới chuyển dạ. Nhưng chúng ta có thể đoán từ thời điểm bị treo cổ... phải mất một thời gian để tình trạng tụ máu tử thi, tức là máu đọng thành vùng, xuất hiện trên tay và chân... cũng phải bốn đến năm tiếng. Xác cô ấy không thể nào bị treo lâu hơn bốn đến năm tiếng, vì quá thời gian đó thì máu sẽ tụ lại một chỗ cố định. Nhưng máu lại dồn ra sau lưng khi xác được hạ xuống.”

“Người chồng khai với cảnh sát là anh ta hạ cái xác xuống khoảng mười giờ ba mươi phút sáng... nhưng kẻ giết người đã đột nhập vào nhà lúc nửa đêm.”

Wesley lắc đầu. “Lời khai không khớp. Dựa trên báo cáo khám nghiệm tử thi, nếu xác cô ấy

bị hạ xuống lúc mười giờ ba mươi phút sáng... thì thời điểm treo cổ phải là khoảng sáu giờ sáng."

"Nếu cô ấy bị treo cổ lúc nửa đêm thì sao?" Eli thắc mắc.

"Vậy thì xác cô ấy bị hạ xuống lúc sáu bảy giờ sáng. Không thì vết tụ máu tử thi đã cố định một chỗ và không dồn ra sau lưng."

Ông bác sĩ lôi một tiêu bản nhét trong hồ sơ pháp y và giơ ra trước ngọn đèn. "Hả?"

"Ông thấy gì sao?"

"Này, tay bác sĩ pháp y có nhắc đến vết bầm bên sườn phải kèm theo dấu hiệu gan sung huyết. Có vẻ gã ta đã gom hai chuyện thành một và cho rằng đấy là vì chấn thương vật lý. Nhưng ở đây, anh ta còn nhắc đến chuyện gan có hình quả nhục đậu khấu, thấy không? Anh ta cho rằng đấy là vì mạch máu giãn nở vì hội chứng suy tim phải."

"Vậy thì sao?"

"Cứ tưởng tượng gan là đường cống dự phòng: khi tim không hoạt động bình thường thì mọi thứ sẽ nghẽn lại trong gan. Nhưng cô ấy qua đời đột ngột nên những triệu chứng này chưa kịp phát tác." Ông liếc mắt qua tiêu bản rồi bảo. "Xuống tầng hầm với tôi. Tôi sẽ cho anh xem kỹ hơn."

Eli theo Wesley xuống tầng hầm. Đàn ông bình thường sẽ dành nơi này làm xưởng thủ công hoặc phòng tập thể hình, nhưng Wesley lại dành không

gian cho một bàn xét nghiệm bằng thép không gỉ và một quầy chất đầy dụng cụ và kính hiển vi. “Tôi vẫn nhớ vụ án này,” ông ta nói, vươn tay lấy chất nhuộm màu đặt trên kệ. “Hồi tôi chuyển đến Comtosook năm 1943, người ta vẫn nhắc mãi về vụ này. Tôi còn nhớ mỗi lần đến đêm Halloween, đám thanh niên choai choai còn rủ nhau vào rừng sau nhà Pike để hôm sau có chuyện mang đi khoác lác trên trường học.”

“Thật sao? Bạn chúng nói gì?”

“Thật ra cũng chẳng có gì nhiều. Bạn chúng vào rừng là vì thách đố nhưng khi trở ra thì im thin thít. Tôi đã từng chữa trị cho một cậu nhóc vốn là ngôi sao bóng bầu dục. Cậu ta không thể nói gì suốt tháng Mười Một, phải đưa đi Boston gặp một chuyên gia chẩn chọe để kiểm tra thanh quản và mấy bộ phận khác.”

“Rốt cuộc chuyện gì xảy ra với cậu ta?”

“Không có gì, xét về mặt sinh lý. Một ngày nọ lại nói chuyện bình thường như chưa hề có chuyện gì xảy ra.”

“Ông cho rằng có chuyện gì xảy ra với cậu ta tại khu đất nhà Pike sao?”

Wesley nhún vai. “Tôi cho rằng có những chuyện tác động lên cơ thể người nhưng không được ghi chép trong sách vở. Ví dụ như trầm cảm có thể giết anh, hoặc yêu đương có thể khiến thế

giới quay cuồng. Dù đám bác sĩ kia cứ bắt cậu ấy thử hết xét nghiệm này đến xét nghiệm khác, tôi chưa bao giờ nghĩ rằng dây thanh quản của cậu ta có vấn đề gì. Suy luận của tôi đã đúng... đó là hậu quả do phải nén đau buồn.” Ông đẩy tiêu bản xuống kính hiển vi rồi hít một hơi. “À há.”

“Cái gì vậy?”

“Tơ huyết đọng lại bên trong mao mạch hình sin và có vài vùng xuất huyết. Còn có hoại tử vì nghẽn mạch tại tế bào gan.”

“Lạy Chúa, Wesley, nói cho người thường nghe hiểu đi.”

Wesley gỡ kính rồi đưa tay dụi mắt. “Tiền sản giật là một biến chứng nguy hiểm lúc mang thai. Ảnh hưởng còn nghiêm trọng hơn nếu dẫn đến hội chứng HELLP – nói ngắn gọn là bệnh tan máu, men gan tăng cao, tiểu cầu suy giảm. Hội chứng này chỉ được phát hiện cách đây hai mươi năm. Sau khi biết rõ triệu chứng, người ta đã tìm ra phương pháp chữa trị. Nhưng hồi đó lại là chuyện khác... bệnh tình chuyển xấu nhanh lấm. Tôi cho rằng gan sung huyết là vì hội chứng HELLP... chứ chẳng phải vì va đập đâu đó như tay bác sĩ pháp y đã phán bừa đâu.”

“Điều này có ảnh hưởng gì đến hướng điều tra của tôi không?”

Ông bác sĩ lắc đầu. “Không hẳn vậy. Chuyện

này chỉ có nghĩa là nếu không chết vì treo cổ, Cissy Pike cũng sẽ qua đời vì nguyên nhân tự nhiên vài ngày sau đó."

Làn da Spencer Pike ngả vàng xỉn như giấy da mục. Ông thở oxy cẩm thăng vào mũi. Ông ta lặng nhìn Eli bật băng ghi âm với vẻ bất mãn của một người biết mình chẳng còn sống được bao lâu và không muốn dành quãng thời gian ít ỏi đó với một người xa lạ. "Theo tôi biết thì bán một mảnh đất thuộc quyền sở hữu của mình đâu có gì phạm pháp."

"Đúng vậy," Eli tán thành. Anh liếc qua mấy cụ già trong viện dưỡng lão đang ngồi trong nhà ăn nhấm nháp món gì đó không rõ nhưng hắn là thích hợp với người rụng hết răng. "Chẳng qua tôi tự hỏi vì sao ông lại quyết định bán khu đất."

Pike cười khùng khục. "Tôi chỉ muốn tiếp tục lối sống sung sướng đã thành thói quen. Thám tử à, anh cứ nói với mấy gã thô dân rằng mảnh đất ấy là của tôi. Tôi có quyền tổ chức lễ hội ở đó nếu muốn. Tôi có thể quyên tặng nó cho mấy gã da trắng có chức có quyền nếu muốn. Và nếu tôi muốn giao mảnh đất cho mấy gã quy hoạch đất để đổi lấy tiền, thay vì chờ chính quyền bang Vermont sung công sau khi tôi qua đời, thì đó cũng là đặc quyền của tôi."

Lúc đó, Eli chợt nhận ra hai điều: Spencer Pike nghĩ anh đến để xoa dịu căng thẳng với đám thổ dân Abenaki đang nổi loạn, và Spencer Pike không hề nhận ra Eli mang một phần dòng máu thổ dân châu Mỹ bản địa. Anh lập tức nắm lấy thời cơ. “Có vẻ như ông đã vài lần va chạm với bộ tộc Abenaki?”

“Mẹ kiếp, đúng vậy! Một trong số chúng còn giết hại vợ tôi.”

“Đúng vậy, báo cáo cảnh sát có ghi nhận. Chắc chuyện đó đau khổ lắm.”

“Cô ấy là tình yêu của cuộc đời tôi. Không ai muốn chôn vợ và con mình trong cùng một ngày cả.”

“Tôi được biết là mộ của hai mẹ con nằm trong khu đất phải không?”

“Phải.”

Eli nghiêng đầu. “Không chôn trong nghĩa trang nhà thờ sao? Ông rất năng nổ trong giáo đoàn suốt những năm qua mà...”

“Con tôi chết lúc mới sinh,” Pike kể. “Rồi vợ tôi qua đời. Tôi... chưa chuẩn bị tinh thần để họ ra đi. Tôi muốn vợ và con ở một nơi mà họ có thể tìm tôi và tôi có thể tìm họ.” Ông quay lưng đi, sau khi chắc chắn Eli nhìn thấy mình đang khóc.

Hồ sơ gốc chẳng hề đề cập đến cái xác đứa bé.

Eli đã rà soát và đoán cảnh sát hồi đó chẳng chịu điều tra đến nơi đến chốn. Nếu không thì bất kỳ bác sĩ pháp y nào cũng sẽ thực hiện khám nghiệm tử thi. Mặt khác, nếu một người đàn ông giàu có đầy quyền lực gọi đến báo án rằng vợ anh ta bị giết hại, chẳng cảnh sát điều tra nào lại muốn xát muối vào vết thương của anh ta. Nếu Pike khai đứa bé mất lúc mới sinh, họ đành phải tin là vậy.

Eli biết người ta chỉ nhìn thấy thứ mình muốn nhìn, và cảnh sát điều tra cũng không ngoại lệ. “Ông đã phát hiện ra vợ mình,” Eli nhắc lại.

“Tôi là người cắt dây hạ xác cô ấy xuống. Tôi biết mấy người các anh muốn... giữ nguyên hiện trường. Nhưng tôi không thể chịu đựng được khi nhìn thấy cô ấy như vậy. Giống như là...” Giọng ông ta lạc hản đi. “Giống như cô ấy đang rất đau đớn.”

“Còn cha của bà nhà thì sao?”

“Cụ Harry? Ông ấy sống trên khu Đồi. Ông ấy đang dự hội nghị tại Boston và lập tức quay về nhà. Không bao giờ gượng dậy nổi sau khi biết Cissy bị giết hại... chìm trong rượu chè rồi mất hai năm sau đó.”

Ông cụ ở Boston. Vậy là có thể loại ông ta ra khỏi diện tình nghi. “Ông có nhìn thấy cái ghế nào để vợ ông đứng lên không?” Eli thắc mắc. “Vật gì đó mà vợ ông có thể dùng để trèo lên cao?”

“Vợ tôi bị giết hại,” Pike đính chính, giọng khô khốc. “Nếu muốn tự tử thì cô ấy phải với tới nóc nhà – chỗ ấy cách sàn nhà đến ba mét, và chẳng có vật gì đủ cao để cô ấy đứng lên hết.”

Eli thảng thăng đáp lại cái nhìn chằm chằm của ông già. “Thưa ông Pike, tôi chỉ muốn tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra. Dựa trên những tranh chấp xung quanh chuyện bán mảnh đất kia, chúng tôi đã có vài manh mối mới về Sói Xám. Theo suy luận của tôi thì vụ án này vẫn chưa được giải quyết hợp lý.”

“Tôi cũng thấy vậy.”

Eli chờ một lúc, biết rằng im lặng chính là cách gây áp lực mạnh mẽ nhất, nhưng Pike không thú nhận thêm điều gì. Một cô y tá mỉm cười tiến lại gần. “Đến giờ trị liệu rồi.”

Eli đứng dậy nhìn theo ông già đang bị đẩy ra ngoài. Anh chờ đến khi y tá rẽ xe lăn vào góc và mấy bệnh nhân khác mải xúc ăn, rồi lôi từ trong túi ra một đôi găng tay cao su, mở túi zip mang theo từ nhà và châm cái ly nước để trên khay của ông cụ.

• • •

Mọi thứ tại Comtosook đã trở lại bình thường. Mấy cái đồng hồ ngừng đúng nửa đêm mấy tuần

trước đã hoạt động lại; mấy cái xích đu trong sân chơi không còn rên rỉ khi trẻ con ngồi lên; đám bướm bướm xám xịt đã lấy lại sắc màu tươi tắn. Mấy bà mẹ rón rén ra khỏi nhà thả bọn trẻ chơi đùa trên phố. Đám bọ cánh cứng phát sáng bám đầy cây bạch dương đã biến mất. Mớ ảnh chụp nhanh chóng phai màu trong tiệm rửa ảnh nay lại hiện rõ, đúng là đã có thay đổi.

Những gã làm nghề mai táng từ khi tìm thấy một bông hoa mẫu đơn nguyên vẹn trong miệng mỗi khách hàng đến giờ vẫn giữ thói quen kiểm tra răng miệng của người chết. Abe Huppinworth sáng nào cũng ra quét sân trước cửa hàng bách hóa mặc dù trên sàn sạch bong kín kít. Mấy người thương nhân trung tuổi thường ngủ quên giờ lại nghe tiếng chuông báo thức, nhưng vẫn lại ngoan cố trùm chăn kín đầu, như thể cứ thế là đi vào cõi mộng. Nói chung, ai trong thị trấn cũng cảm thấy trống rỗng vì thiếu vắng thứ gì đó mà họ không hình dung được.

Shelby chỉ kịp chạy ra khỏi văn phòng luật sư, vọt vào bụi cây và nôn. Một lúc sau, cô chui miệng bằng khăn giấy, ngồi bệt bên lề đường thầm mắng nhiếc chính mình. Viết di chúc là chuyện hết sức bình thường, người lớn ai cũng đến lúc phải làm vậy, nhất là khi cô còn có một cậu con trai.

Nhưng Shelby biết rõ Ethan sẽ chẳng bao giờ được thừa hưởng chỗ tài sản mà cô vừa chuyển lại cho con mình trong di chúc.

Shelby sinh con giữa lúc trời nổi cơn giông tố. Thomas lái xe đến bệnh viện bằng chiếc xe mui xếp cũ của hai vợ chồng. Mui xe bị kẹt lúc mở ra rồi không đóng lại được nên dọc đường cao tốc, người Shelby ướt đầm nước mưa giữa cơn đau xé lòng. Khi họ đỡ lấy đứa bé sơ sinh và đặt nó lại gần Shelby, nhìn đứa bé mềm nhũn như không xương, nhớp nháp như con ếch mà cô không kìm được nước mắt. "Nhìn xem," cô cứ lặp đi lặp lại với Thomas. "Anh đã thấy đứa bé nào như thế này chưa?"

Ethan là đứa bé trai xinh xắn nhất. Lúc Shelby đưa Ethan về nhà, ai cũng phải trầm trồ với dáng vóc khỏe mạnh, mái tóc đen, bàn tay nắm lại như nắm đấm và đôi mắt màu ngọc lam của cậu nhóc. Người ta cứ mãi xuýt xoa, "Đây là một đứa bé hoàn hảo." Nhưng hóa ra thiếu sót của Ethan không phải là thứ dễ nhận ra bằng mắt thường.

Lần đầu tiên cậu bé bị ánh mặt trời làm bóng da là hồi sáu tháng tuổi. Lúc đó Thomas và Shelby vẫn sống gần bờ biển tại New Hampshire và đang lái xe đến Khu bảo tồn chim Plum Island. Vào tháng Mười, chẳng có ma nào đến bờ biển. Trên bãi cát dài hoang sơ, bên cạnh đám chim

hai âu đang tranh nhau mấy cái bánh quy giòn, hai vợ chồng đặt Ethan đang ngủ say xuống bãi cát rồi hôn nhau, tay luồn vào trong áo người kia, từng sợi tóc rin rít vì không khí đầm vị muối. "Em cảm giác mình là học sinh trung học," Shelby đùa lúc Thomas tháo cúc quần jeans và luồn tay vào giữa hai chân cô. Thomas cười phá lên, "Học sinh trung học không đi xe hơi có ghế trẻ em đâu," anh đáp.

Mái đầm chìm vào nhau, hai vợ chồng không để ý đến việc làn da con trai đã biến thành màu quả dâu tằm, càng lúc càng sậm màu dưới ánh mặt trời. Hai người không biết những vết tưởng như vết phát ban hóa ra là bóng rộp. Khuya hôm đó, sau khi chườm lạnh mà Ethan vẫn khóc thét, Shelby hiểu ra chuyện này chỉ mới bắt đầu.

Bác sĩ không tài nào chẩn đoán được bệnh này di truyền từ Shelby hay Thomas, nhưng đối với Shelby, nguyên nhân từ đâu chẳng hề có nghĩa lý gì. Cô nghĩ bệnh của Ethan là lỗi của mình, vì cô không kịp ngăn chặn nó. Vậy nên cô sẽ dành hết phần đời còn lại của mình để bù đắp cho con.

Không ai có thể nói cho cô biết Ethan còn sống được bao lâu. Mỗi lần tái khám, cô gặng hỏi ông bác sĩ da liễu nhưng ông ta bảo điều này phụ thuộc vào tình trạng tổn thương trên da Ethan trước khi chẩn đoán – cứ mỗi phút ở ngoài trời

mà không có quần áo bảo vệ hồi còn là trẻ sơ sinh sẽ rút ngắn cuộc sống của cậu bé thêm vài ngày. Shelby tưởng tượng bệnh ung thư giống như đám súp ngoài biển lâu lâu lại trồi lên mặt nước – không nhìn thấy nhưng ta biết chúng ở ngoài đó và nguy hiểm thế nào.

Làm sao có thể tự tay chôn cất con mình rồi bình tĩnh sống tiếp?

Shelby lấy tay ôm mặt. Cuốn sổ tay để mở bên cạnh. Dù có làm di chúc, Ethan vẫn không phải là người thu dọn di vật cho cô: mớ đồ sứ, những bức ảnh và thư tình ngày xưa của cô. Chính Shelby mới sẽ là người ngay ngắn gấp từng cái áo xíu xiu để quyên tặng, rồi mở rộng cửa sổ phòng ngủ để mùi của cậu nhóc tản đi xa dần, mãi đến khi có ai đó đến ở. Và người đó không phải đứa con trai đặc biệt của cô.

Cô nghe thấy tiếng xe đến gần nhưng chẳng buồn ngược lên. Thứ nhất là vì cô đang trông quá nhếch nhác. Thứ hai là vì chẳng có mấy nơi như thế này để cô bộc lộ cảm xúc tuyệt vọng, ví dụ như ngay bên đường để chẳng ai phải quan tâm. Cửa sổ trên xe mở rộng; cô còn nghe thấy tiếng đàn guitar vang trong radio.

“Cô Wakeman phải không?” Bánh xe dừng lại bên cạnh cô. Shelby không ngẩng đầu dậy mãi cho đến khi nghe tiếng thở hổn hển. Tò mò ngược lên

nhìn, đập vào mắt cô là con chó khổng lồ nhất mà cô từng thấy. Con chó đang thò đầu qua cửa sổ chiếc xe tải màu đen. Một bàn tay đè đầu con chó sang một bên, để lộ gương mặt anh cảnh sát đến nhà cô tối hôm qua.

Eli. Đúng là tên anh ta.

Cô chùi nước mắt, cố tỏ vẻ bình thường. “À, chào anh.”

Shelby cảm nhận được ánh mắt anh ta nhìn chằm chằm mình. Cảm giác này có giống với khi cảm giác bỗng rát xuất hiện trên da lúc Ethan đứng dưới ánh mặt trời không nhi? Ngạc nhiên là anh cảnh sát chẳng hỏi gì đến chuyện một người phụ nữ điên khùng ngồi trên lề đường. Anh chỉ nói, “Watson đang trên đường đi uống cà phê đấy.”

“Watson là ai?”

Eli vuốt đầu chú chó. “Đây là Watson.”

Shelby nhận ra miệng mình đang cong lên thành một nụ cười khi đứng lên. “Con chó này biết uống cà phê sao?”

Giả vờ giơ tay bụt kín cái tai cụp của chú chó, Eli ra vẻ thi thảm, “Nó đang cố kìm không lớn nhanh quá ấy mà.”

Nghe vậy, cô cười ngặt nghẽo rồi sững sốt đến mức phải đặt tay lên ngực vì không ngờ mình còn cười được thế.

"Watson sẽ cảm thấy rất hân hạnh nếu cô đi cùng chúng tôi đấy."

Shelby ngập ngừng đặt tay lên cửa sổ xe. "Watson nên học cách tự bày tỏ chứ nhỉ."

Eli rướn người sang phía chú chó, giật nhẹ tay cầm, để cửa xe mở rộng trước mặt Shelby; đúng kiểu trải thảm đỏ cho khách quý, chào đón một khởi đầu mới. "Để tôi nói cô nghe," Eli cười toe toét. "Watson hơi bị thẹn thùng đấy."

Ross rít một hơi dài rồi quẳng tàn thuốc lá vào bụi cây mọc bên hiên nhà. Hóa ra có mặt vào giây phút mất đi người thân yêu chẳng làm chuyện dễ dàng hơn. Hóa ra cảm giác chết lặng bên ngoài chẳng khiến vết thương lòng ngừng rỉ máu.

Ross chẳng biết nên tin vào điều gì nữa. Anh có thể yêu Lia mà vẫn còn tình cảm với Aimee hay không? Có khi nào Aimee có thể quay về giống như Lia nhưng chọn ra đi? Nếu vậy... chẳng phải tình cảm anh vẫn luôn tin rằng rất nồng nàn hóa ra không hề đặc biệt sao?

Nếu suy nghĩ tiếp theo hướng này, những việc anh làm suốt mười năm qua chẳng có nghĩa lý gì. Ross tìm kiếm vị hôn thê – đầu tiên là đám đầu tư tử, sau đó là điều tra hiện tượng tâm linh. Có lẽ tình yêu anh cho là định mệnh chỉ là trùng hợp.

Có thể việc anh quen Aimee, yêu Aimee rồi đánh mất cô ấy – đơn giản là để dẫn thân vào việc săn ma, và gặp được Lia.

Nhưng Rod van Vleet sẽ tìm cách trực xuất Lia. Có thể lần đầu sẽ không thành, lần thứ hai cũng thất bại, nhưng rốt cuộc cũng có lúc Lia phải ra đi dù cô ấy đang trốn ở đâu. Dù sao đi nữa, vì sao cô ấy phải ở lại, khi cô ấy đã biết mình từng là ai... và là gì?

Nghề săn ma lấy mất của anh vài năm, Ross tưởng tượng sẽ mất vài kiếp để tìm được đúng hồn ma không muốn lộ diện.

Vậy sao không chấm dứt kiếp này, sau đó tiếp tục kiếp khác?

Anh nhìn chằm chằm vào vết bong thuốc lá trên da vài tuần trước. Chỉ cách đó vài phân là vết sẹo nhắc anh nhớ mình đã kề cận tử vong như thế nào. Lặp lại việc đó chẳng hề khó khăn tí nào. Còn có mớ thuốc ngủ trắng toát như cẩm thạch đặt trong phòng tắm của Shelby. Trong hộc tủ của Ethan còn có một con dao đa dụng Thuỵ Sĩ. Như thói quen của một người lang bạt luôn đảm bảo mình phải biết lối thoát hiểm nhanh nhất phòng khi khẩn cấp, anh đã rá soát khắp nhà mấy tuần trước.

Nhưng Ross biết bước qua thế giới bên kia chẳng dễ dàng gì. Anh sẽ biến thành một hồn ma

lảng vảng ở thế giới này vì nỗi đau đớn gây ra cho chị gái, và vì những điều mình chưa làm cho Lia.

Có lẽ anh sẽ giúp Eli Rochert. Biết đâu nếu Lia dõi theo hành động của anh từ đây đó, cô sẽ có lý do ở lại... mặc cho van Vleet sử dụng biện pháp gì để trục xuất cô.

Trong cơn tức giận, anh thọc tay vào túi quần và sờ thấy thứ gì đó. Từ mỗi bên túi quần, anh móc ra một đồng xu năm 1932. Đồng xu sáng bóng như vừa mới đúc sáng nay. Anh tưởng tượng mình nằm trong quan tài, với mấy đồng xu đặt trên mắt làm phí qua sông Styx. Lia sẽ đợi anh sao? Aimee sẽ đợi anh sao?

“Đó là cái gì?”

Mải chìm đắm trong suy nghĩ, Ross giật mình vì giọng nói của cháu trai. “Cậu đang làm gì vậy?”

Mặc dù mái hiên đã cản hết ánh mặt trời, Ethan vẫn trùm kín mít từ đầu đến chân. “Cậu không biết nữa. Cháu cũng không ngủ được đúng không?” Ethan bước lại gần, nhìn vào mấy đồng xu. “Mớ xu đó, thêm một đô la là đủ mua một ly cà phê đấy.”

“Con nít học kiểu mia mai ấy từ lúc nào hả?”

“Khi thế giới càng lúc càng tệ hại,” Ethan đáp. “Bạn cháu là thế hệ Z mà.”

Ross nhướn mày. “Sau Z thì gọi là thế hệ gì?”

“Cháu đoán chắc sẽ quay lại từ đâu.” Cậu nhóc ngồi xuống xích đu và lắc lư, trong khi Ross đốt thêm một điếu. “Cho cháu một điếu được không?”

“Cháu nghĩ gì chứ?” Ross lắc đầu. Mấy hành động khiến xã hội đánh giá anh là kẻ thất bại hóa ra lại ngầu hết biết trong mắt mấy đứa nhóc tuổi Ethan.

“Mẹ bảo cậu không nên hút thuốc khi ngồi gần cháu.”

“Vậy đừng cho mẹ biết là được.”

“Cậu không nói đâu.” Anh cười. “Hơn nữa, chết vì ung thư phổi là chuyện không tưởng đấy.”

Ross nghiêng người về phía lan can trước hiên. Anh mệt lử; dù cố mấy cũng không ngủ được; vậy mà giờ anh phải nói chuyện lịch sự với một cậu nhóc chín tuổi trong khi bản thân chỉ muốn trốn đi ngủ đông hoặc dí đầu vào lò nướng, hoặc chui vào ngủ đông trong lò nướng.

“Cháu nghe cậu và chú cảnh sát nhắc đến ma tối hôm qua.”

“Cháu không nên nghe lén.”

Ethan nhún vai. “Cháu nghĩ thực sự có một nơi mà người ta sẽ đến... sau khi chết,” cậu nhóc nói. “Cậu nghĩ nơi đó trông như thế nào?”

Ngực Ross đau nhói khi nhận ra Ethan hỏi không phải vì tò mò, mà vì muốn chuẩn bị tinh

thần. Anh nhớ rõ lần đầu tiên ām cậu bé trong tay, anh đã nhìn vào đôi mắt xanh đen và nghĩ thầm, *giờ cậu cháu mình quen nhau rồi nhé.* “Cậu không biết nữa, nhưng chắc không có đàn hạc và thiên thần đâu.”

“Biết đâu mỗi người đến một nơi khác nhau,” Ethan đoán. “Ví dụ như cháu sẽ có một máng trượt và được chơi đùa ngoài trời suốt ngày. Nơi đó phải đầy ắp những điều tuyệt vời khiến cháu quên đi cuộc sống dưới này. Cậu mong muốn điều gì?”

Thế giới quái nào sẽ để một cậu bé với cả quãng đời phía trước chết đi, còn một kẻ khốn khổ không còn gì như Ross lại sống mãi? Thế giới mà anh sẵn sàng quăng đi trong chớp mắt lại là thứ quý giá và hiếm hoi đối với nhiều người không thể coi sự sống là điều hiển nhiên.

Anh thầm nghĩ, “nơi cứu chuộc” chẳng qua là từ đồng nghĩa với “ngày mai”.

Ross ngồi xuống xích đu bên hiên nhà, choàng tay qua vai Ethan và đáp: “Thứ cậu muốn là được quay lại thăm hỏi mọi người.”

Như Lia đã từng.

“Không thể tin nổi.” Shelby đứng trước mái hiên cửa hiệu Gas & Grocery, lặng nhìn con chó săn liếm cà phê âm ấm đựng trong cái tô đi mượn.

“Ồ, món này thì dễ rồi. Chỉ khi nó lên cơn thèm mứt hoặc ốc sên thì đúng là kinh khủng.”

Watson có vẻ thừa da. Da nó xếp nếp trên đầu đến mức như che kín mắt. Chú chó ngẩng đầu lên nhìn Shelby rồi sục sục mõm vào bụng cô. “Watson!” Eli quát nạt.

“Không sao đâu.” Shelby gãi gãi chỗ lông sau tai Watson. “Nó chỉ tưởng tôi là mỹ thực thôi.”

“Thế nghĩa là đẹp hả?”

“Có nghĩa là đồ ngon ăn được.”

“Khôn quá đi,” Eli lầm bầm, nhấp một ngụm cà phê trong cốc rồi nuốt những từ vừa định nói.

Hai người bị xao nhãng bởi tiếng bánh xe nghiền trên sỏi rồi dừng lại. Một anh chàng bánh bao với dài tóc trắng cùng một phụ nữ ăn mặc hoa hòe như dân Di-gan bước xuống xe. “Xin Chúa rủ lòng thương,” cô ta lầm bầm. “Chẳng biết mấy thị trấn này đã từng nghe đến lời dạy của Ralph hay không?”

“Bình tĩnh nào Maylene. Anh chỉ cần mua ít xăng khô Sterno và diêm quẹt thôi. Họ chắc phải trữ hàng để cung cấp cho đám người chưa biết điện đóm là gì.”

Shelby sấn đến một bước. Cô không tài nào nhịn nổi đám dân thành phố đến Comtosook với suy nghĩ dân bang Vermont chỉ biết mặc quần

yếm và đi chân đất, trong miệng chỉ còn bảy cái răng và nuôi nguyên đàn bò Holsteins trong phòng khách. “Xin lỗi,” Shelby lên giọng, nhưng Eli nắm lấy tay cô, khiến bao nhiêu câu chữ bay đi hết sạch.

“Cô ấy muốn nhắc là xăng khô nằm ở quầy thứ ba phía bên phải,” anh nhẹ nhàng nói. Cặp đôi kia gật đầu, tỏ vẻ sững sốt vì gặp được ai đó trong thị trấn với IQ hai chữ số rồi bước vào cửa hàng. “Đó là Curtis Warburton,” Eli nói nhỏ sau khi hai người kia vừa khuất khỏi tầm mắt. “Anh ta có một tiết mục chuyên về múa vụ ma ám.”

“Tôi biết. Em tôi từng làm việc cho anh ta.” Shelby ngập ngừng. “Nhưng chuyện đó chẳng khiến gã trông đỡ ngu ngốc hơn tí nào.”

“Một thằng ngu hơi bị nổi tiếng đấy. Gã ta đến Comtosook chắc chỉ vì một chuyện thôi. Watson!” Con chó nhắc cái đầu to đùng lên. “Đi theo hai người đó.”

Shelby giật mình sững sốt khi thấy Watson lao vào trong cửa hàng. “Tiền thuế của tôi có góp vào lương của nó không?”

“Anh chàng ấy ít tốń kém lăm. Thỉnh thoảng một miếng thịt bò ngon là được.”

“Chàng ta làm sao kể lại với anh rằng hai vợ chồng Warburton làm gì trong đấy...”

“Tất nhiên là không thể nào,” Eli đáp. “Nhưng nếu không làm vậy thì sao tôi có được vài phút riêng tư với cô chứ?”

Shelby cảm thấy cổ mình bắt đầu ửng hồng và lan lên trên. Cô nhấp một ngụm cà phê nhưng nhận ra cái ly đã trống rỗng. “Tôi nên về nhà. Ethan đang ở nhà với Ross, còn anh, à, chắc có nhiều việc phải xử lý cho vụ án của nhà Pike lắm...”

“Em trai kể với cô sao?” Shelby gật đầu. “Vậy thì cô phải biết vụ đó không nằm trong diện ưu tiên của cục cảnh sát chứ.”

Đôi mắt anh ấy không dời khỏi gương mặt cô. Ngay cả khi Shelby cố quay lưng bỏ đi, anh níu cô lại, mãnh liệt như sức hút giữa mặt trăng và trái đất. “Chuyện này nghĩa là sao?”

Eli chậm rãi mỉm cười. “Nghĩa là tất cả thời gian trên đời này đều thuộc về tôi.”

LỜI KHAI NHÂN CHỨNG

Ngày: Ngày 19 tháng Chín năm 1932

Thời gian: 11 giờ 36 phút tối

NGƯỜI ĐƯỢC PHÒNG VẤN: John Delacour
[Sói Xám]

NGƯỜI PHÒNG VẤN: Cảnh sát Duley Wiggs và
Thám tử F. Olivette, trực thuộc Cục Cảnh Sát
Comtoosook

ĐỊA ĐIỂM: Cục Cảnh Sát Comtosook

NỘI DUNG:

1. Hỏi: Mời anh khai báo tên trong khai sinh và ngày sinh?
Đáp: Sói Xám.
2. Hỏi: Đó có phải tên thật của anh không?
Đáp: John Delacour. Ngày sinh của tôi là ngày 5 tháng Mười Hai năm 1898.
3. Hỏi: Nơi cư ngụ hiện tại của anh là ở đâu?
Đáp: Tôi lang thang khắp nơi.
4. Hỏi: Tối hôm qua anh ở đâu?
Đáp: Quán Ồ Chuột. Một quán bar tại Winooski.
5. Hỏi: Anh đến đó lúc mấy giờ?
Đáp: Tôi đoán là tầm tám giờ.
6. Hỏi: Anh rời khỏi đó lúc mấy giờ?
Đáp: Tôi không biết... chắc khoảng nửa đêm? Hoặc một giờ sáng?
7. Hỏi: Nửa đêm hay một giờ sáng?
Đáp: Một giờ sáng.
8. Hỏi: Có người nào làm chứng cho anh không?
Đáp: Anh chàng pha chế rượu. Tên anh ta là Lemuel.
9. Hỏi: Anh có quen biết phu nhân Spencer Pike không?
Đáp: [Ngập ngừng] Tôi có quen biết.

10. Hỏi: Vì sao quen biết?
Đáp: Tôi từng làm vài việc lặt vặt tại nhà cô ấy.
11. Hỏi: Lần cuối cùng anh gặp cô ấy là lúc nào?
Đáp: Chiều hôm qua.
12. Hỏi: Chiều hôm qua lúc mấy giờ?
Đáp: Khoảng ba giờ.
13. Hỏi: Anh có biết phu nhân Pike đã được phát hiện tử vong hồi sáng nay không?
Đáp: Cô... cô ấy... ôi không. Ôi, lạy Chúa.
14. Hỏi: Vì sao anh giết cô ấy?
Đáp: Tôi... Chúa ơi, không, tôi không giết cô ấy.
15. Hỏi: Chúng tôi biết anh đã quay lại đó ngày hôm qua, sau ba giờ chiều.
Đáp: Tôi không hề. Tôi thẻ đấy.
16. Hỏi: John, John. Anh không nên nói dối trước mặt chúng tôi.
Đáp: Tôi... Lạy Chúa Jesus, đừng đánh tôi! Tôi không hề làm gì hết.
17. Hỏi: Mày đúng là một thằng Gypsy quen nói láo khốn kiếp.
Đáp: Tôi không hề nói láo...
18. Hỏi: Không nói láo hả? Vui thật, vì tao biết mày giết cô ấy. Mày có đánh mất vật dụng riêng tư nào không?
Đáp: Không hề.

19. Hỏi: Thật sao. Hình ảnh này quen thuộc không?
Đáp: Tôi... đó là tầu thuốc của tôi.
20. Hỏi: Nó được tìm thấy tại hiện trường. Mày cũng có mặt ở đó. Bàn tay bẩn thiu của mày sờ soạng cô ấy...
Đáp: Tôi không hề...
21. Hỏi: Ngừng thu âm đi Duley.
[TẠM NGỪNG]
Đáp: [TIẾP TỤC GHI ÂM] Chúa ơi, làm ơn... tôi sẽ khai thật. Tôi sẽ khai toàn bộ sự thật. Cô ấy là... tôi sẽ không bao giờ làm hại cô ấy, không bao giờ.
22. Hỏi: Giống như mày không hề làm hại đến nạn nhân lần trước sao John?

Sững sốt, Ross dừng chân trước căn phòng trên tầng hai đang khép cửa trong cục cảnh sát. Cô thư ký đã chỉ anh lên lầu tìm Eli Rochert. Chắc chắn là ngài thám tử không phải đang hít thuốc, nhưng mùi thuốc xông cứ phảng phất đâu đây. Mùi thuốc khiến Ross xẩm mặt mày; anh gõ cửa bước vào và bắt gặp Eli đang đứng bên cái thùng đựng đầy kính cửa sổ Plexiglas, một bàn tay đeo găng đang rút ra một tấm kính. “Anh đừng tiến lại gần. Tôi đang xịt khói đây.”

Ross phớt lờ anh ta và cứ thế bước thêm một bước. “Ai chọc tức anh à?”

Eli đặt tấm kính lên bàn. “Không phải ý vậy, tôi đang xông khói. Đốt keo siêu dính. Độc lăm nhưng lưu lại dấu vân tay hiệu quả nhất.”

“Giờ sao?” Ross bước qua người con chó khổng lồ lúc nào cũng theo chân thám tử như hình với bóng rồi nhìn chằm chằm vào miếng kính. “Sáng kiến của ai vậy?”

“Tôi nhớ hình như là công ty điện ảnh nào đó bên Nhật. Hơi bốc ra từ keo khiến Cyanoacrylate Ester đọng lại ở những nơi bị ẩm trên bề mặt. Có một quãng thời gian, trước khi giá cả leo thang, bác sĩ pháp y từng dựng lều và xông khói xác chết để xem có tìm được dấu vân tay của kẻ bị tình nghi hay không.” Eli gật gù nhìn cái hộp xông khói tự tạo. “Tôi đành phải làm một mô hình thu nhỏ thôi.”

Anh ta lôi ra một cái hộp chứa bột đèn thuỷ kèm dụng cụ giống như chổi trang điểm mà Shelby vẫn dùng. Lúc Eli quét bột lên cái ly, mấy dấu vân tay lập tức hiện rõ. “Dĩ nhiên là tôi không thể thảo luận tình tiết với một người không liên quan đến vụ án,” anh ta nói xong, ngược mắt lên và chờ đợi.

Ross đáp lại bằng việc bước tới ngồi lên ghế.

“Đây là ly uống nước của Spencer Pkie,” Eli vừa

giải thích, vừa đặt cái ly xuống để chụp lại dấu vân tay. “Chỗm được sau cuộc phỏng vấn ở nhà dưỡng lão đấy. Tôi đang lấy dấu vân tay trước khi gửi đi xét nghiệm DNA.”

“Đã biết cái ly là của ông ta thì sao anh phải kiểm tra?”

“Bên nghiên cứu có thể lấy mẫu DNA này đem so sánh với những chứng cứ đã thu thập được. Đấy có thể là bằng chứng kết tội gã giáo sư đạo mạo thông qua phương pháp chưa được áp dụng bảy mươi năm trước.”

“Vậy chuyện linh cảm thì sao?” Ross nói nhỏ.

“Chúng ta vẫn cần,” Eli đề nghị. “Nhưng giờ chúng ta đã có phương án dự phòng.” Anh đẩy một tập tài liệu về phía Ross. “Đây là dấu vân tay thu được từ tẩu thuốc trước khi tôi gửi nó qua cho Frankie để xét nghiệm DNA. Tẩu thuốc là vật dụng của thổ dân Abenaki; ông nội tôi cũng có một cái giống y chang. Nó được tìm thấy trong nhà nơi Cecelia Pike bị treo cổ. Theo suy luận thông thường thì cái tẩu thuốc là của Sói Xám. Nhưng mấy dấu vân tay của Sói Xám lấy được từ Nhà tù Liên bang... không hề khớp.”

Ross liếc qua tờ giấy thứ hai có in mười hình vuông bé xíu đều đặn như hàm răng, trong mỗi hình vuông là một dấu vân tay. Anh cố xem thử có dấu vân tay nào khớp với dấu vân tay trên tẩu

thuốc. Nhưng mấy dấu vân tay trên tầu thuốc đều hết sức mờ nhạt và thiếu phần dưới. “Sao anh biết được?”

“Nhìn vào hình dáng vân tay này,” Eli giải thích. “Ví dụ như vân sóng, vân móc, vân xoáy, vị trí vân tay nằm trên ngón nào, kích thước vân tay dựa trên số đường vân móc. Anh chỉ cần chú ý là thấy những vân tay của Sói Xám rất đặc biệt. Tám ngón tay của ông ta có vân sóng. Dạng vân tay này chỉ chiếm khoảng năm phần trăm dân số. Vân tay tôi lấy được trên tầu thuốc không rõ ràng lắm, nhưng anh thấy được đây là vân móc. Nay, xem bản phân tích chi tiết đi.”

“Phân tích chi tiết là sao?”

“Đây này,” Eli chồm qua vai Ross và chỉ tay vào chỗ những đường vân rẽ thành chữ Y. “Ví dụ như một chỗ rẽ đôi. Hoặc một đường vân bị cắt đứt đột ngột. Hoặc một chấm. Khả năng tìm được tám điểm tương đồng giữa hai nhóm dấu vân tay cũng giống với chuyện tung một hòn đá lên không trung mà không thấy nó rớt xuống.” Anh ta đẩy tập vân tay từ nhà tù sang một bên và đặt xuống bàn mẫu vân tay mới lấy được từ ly nước của Spencer Pike. “Vấn đề là – giả sử cái tầu thuốc là của Sói Xám thì những dấu vân tay trên đó không phải của ông ta. Tôi rất tò mò không biết đấy là dấu vân tay của ai.”

Ross rốt cuộc cũng thông suốt. “Nếu Spencer chạm vào nó, không chừng ông ta là kẻ dàn dựng mọi chuyện.”

“Chính xác.” Eli rướn người ra trước, đẩy Ross sang một bên, trên tay là kính lúp để xem dấu vân tay. “Nếu anh nghĩ lại thì mọi chuyện đang dần được hé lộ... theo như báo cáo cảnh sát, Pike đuổi việc và tổng khứ Sói Xám ra khỏi nhà chiều hôm đó. Anh ta tức giận với Sói Xám – tức đến mức gài người ta vào một vụ giết người. Tôi đã nhờ phòng thí nghiệm ở Montpelier giám định những bức ảnh hiện trường. Anh thấy cửa sổ trong phòng ngủ bị đập vỡ như thế nào chứ – cửa sổ bị đập vỡ từ bên trong.”

Ross vẫn thất thần. “Tôi cứ nghĩ gã chồng ra tay đánh đập cô ấy,” anh thì thào. “Nhưng cô ấy nói anh ta yêu cô ấy quá nhiều.”

“Người ta hoàn toàn có thể giết người vì yêu,” Eli đáp. “Tôi thấy suốt.”

“Vậy anh cho rằng cô ấy đang bỏ trốn khỏi anh ta?”

“Tôi không biết nữa,” Eli thừa nhận. “Nhưng tôi nghĩ cô ấy đã gây gỗ với chồng vào ngày hôm đó. Báo cáo khám nghiệm tử thi có ghi nhận vết bầm trên cổ tay vài tiếng trước khi tử vong.”

“Anh có cho rằng...” Ross nuốt nước miếng.

“Anh có nghĩ anh ta giết cô ấy rồi ngụy tạo thành một vụ treo cổ không?”

“Không thể nào. Báo cáo khám nghiệm tử thi chứng minh, và những tấm ảnh chụp... dù sao thì câu trả lời cũng là không thể. Hơn nữa từ ảnh chụp phóng to – ngay dưới chỗ treo xác là hai bộ dấu giày in lại trên mùn cưa. Một dấu giày có gót nhỏ hơn và dường như khớp với giày nạn nhân mang. Dấu giày còn lại to hơn, có thể là của đàn ông. Pike khai mình hạ xác nạn nhân. Nhưng anh ta cũng khai có ai đó treo cổ cô ấy. Vậy thì dấu chân Sói Xám ở đâu nhỉ?” Eli đặt kính lúp xuống, đẩy tập ảnh dấu vân tay qua một bên. “Đó. Pike không phải là người cầm tẩu thuốc.”

Ross kéo tập ảnh lại gần, nghiên cứu mấy đường vân song song như xoáy nước. Anh hiểu rõ tội ác và hiện trường liên quan chặt chẽ. Bất kỳ người nào từng chạm qua đồ vật hoặc người khác đều để lại dấu vết của họ. Những thám tử như Eli thường dùng những tình tiết đó để xác định kẻ tình nghi đã từng có mặt tại đây vào lúc đó, rồi điều tra nguyên nhân gì dẫn đến hậu quả. Tuy nhiên nguyên tắc trên cũng được áp dụng để chứng minh sự hiện diện của ma. Hoặc khiến một người đàn ông cân nhắc lại chuyện tự tử. Hoặc giải thích vì sao tình yêu như một bóng ma đeo bám thật lâu sau khi kết thúc.

Thám tử điều tra như Eli biết rõ một chân lý mà rất nhiều người dành cả đời để hiểu ra: bạn không thể nào sống trên đời này mà không tạo ra ảnh hưởng với người khác.

Ngực Ross đột nhiên co thắt lại như muốn ngất đi. “Anh có sao không?” Eli tò mò nhìn anh và hỏi. Ngay cả con chó cũng ngẩng đầu lên. Ross tóm lấy thứ đầu tiên vớ được trên bàn – một bộ ảnh vân tay nhét dưới xấp ảnh hiện trường. Anh cuộn xuống, giả vờ chăm chú vào mấy đường vân tay ngoằn ngoèo.

“Tôi suy đoán vậy,” Eli đăm chiêu. “Pike là một gã đàn ông quyền lực. Anh ta kể với nhân viên điều tra một câu chuyện, và bọn họ tin vì đổ thừa cho một người thổ dân dễ dàng hơn phản bội lại một người đàn ông đức cao vọng trọng trong thị trấn. Tất nhiên nếu chuyện đúng như vậy thì câu hỏi vẫn còn đó, vì sao ông Pike giết vợ?” Sau đó anh đeo găng tay cao su vào và bắt đầu gói cái ly lại để gửi qua cho bên nghiên cứu DNA. “Cũng có thể là vì tiền. Ông ta được thừa kế mảnh đất đấy thôi.”

Vẫn cau mày, Ross quét mắt từ tập ảnh vân tay đến đám vân tay lấy được trên tẩu thuốc. “Này, tôi không chắc... nhưng không phải hai vân tay này giống nhau sao?”

Eli giằng lấy tập vân tay rồi cứ thế vô vào đầu

mình. “Ừm ừm.” Sau đó anh ngồi lên ghế, lôi kính lúp ra soi kỹ. Sau khoảng năm phút, anh vuốt cằm. “Tôi sẽ bị chửi cho mà xem. Tôi sẽ nhờ chuyên gia tại phòng thí nghiệm kiểm tra lại, nhưng tôi cho hai dấu này trùng khớp.”

“Dấu vân tay đó là của ai?”

Eli nhìn sang Ross. “Của Cecelia Pike. Lấy được sau khi tử vong. Thủ tục bắt buộc.”

“Nếu Sói Xám không hề ở đó thì cô ấy làm gì với tẩu thuốc của ông ta?”

“Chắc là giữ làm kỷ niệm,” Eli đoán. “Để tưởng nhớ vài thứ khác.”

“Ví dụ như cái gì?”

“Chắc là để nhớ đến Sói Xám. Giả sử cô vợ ngoại tình... thì giết vợ rồi đổ tội cho tình nhân của cô ta đúng là một hòn đá giết hai con chim rồi còn gì.”

“Câm miệng,” Ross quát. “Anh câm miệng ngay. Không phải tình nhân. Không có tình nhân nào hết. Anh chẳng biết mình đang nói cái quái gì hết.”

“Bình tĩnh...” Eli lên tiếng. “Trong vụ này tôi không phải kẻ xấu mà.”

Ross ép mình phải thả lỏng sau khi nhận ra mình đã phản ứng như mất trí. “Chỉ là... cô ấy không thể nào ngoại tình. Anh chẳng hiểu gì về cô ấy hết.”

Eli liếc mắt nhìn Ross. “Anh cũng có biết gì hơn đâu.”

LỜI KHAI NHÂN CHỨNG

Ngày: Ngày 22 tháng Chín năm 1932

Thời gian: 8 giờ 15 phút sáng

NGƯỜI ĐƯỢC PHÒNG VẤN: Lemuel Tollandé

NGƯỜI PHÒNG VẤN: Cảnh sát Duley Wiggs và
Thám tử F. Olivette, trực thuộc Cục Cảnh Sát
Comtosook

ĐỊA ĐIỂM: Cục Cảnh Sát Comtosook

NỘI DUNG:

1. Hỏi: Anh vui lòng khai báo tên trong khai sinh và ngày sinh?
 Đáp: Lemuel Tollandé, 45A Đường Chestnut, Burlington
2. Hỏi: Anh Tollandé, anh làm việc ở đâu?
 Đáp: Quán Ồ Chuột ở Winooski. Tôi là phục vụ ở quán.
3. Hỏi: Anh có quen John Delacour, còn được gọi là Sói Xám không?
 Đáp: Dĩ nhiên. Anh ấy là bạn bè, khách quen.
4. Hỏi: Anh có gặp anh ta vào đêm ngày 18 tháng Chín không?
 Đáp: Có. Anh ấy đến lúc tám giờ, tám rưỡi, và rời đi khoảng một giờ.

5. Hỏi: Anh ta có rời khỏi quán bar vào giữa thời gian đó không?
Đáp: Tôi nghĩ anh ta có ra ngoài hút thuốc...
6. Hỏi: Anh ta rời đi bao lâu?
Đáp: Tôi không chắc. Đêm đó quán đông nghẹt.
7. Hỏi: Ô, vậy thì là năm phút? Hay là một tiếng?
Đáp: Tôi... tôi không chắc. Tôi chỉ biết anh ta rời đi rồi quay lại.
8. Hỏi: Anh ta có kể với anh là vừa bị đuổi việc không?
Đáp: Không hề... nhưng Sói Xám kín tiếng lắm. Anh ta giữ chuyện trong lòng. [Ngập ngừng] Anh ta không phải kè giết người đâu. Lần trước cũng không phải, lần này cũng không.
9. Hỏi: Anh Tolland, gần đây anh có gặp Sói Xám không?
Đáp: Sau đêm đó thì không hề.
10. Hỏi: Anh biết chúng tôi có thể tìm được anh ta ở đâu không?
Đáp: Anh ta lang thang hết nơi này đến nơi khác.
11. Hỏi: May mắn bỗn mày lúc nào chả lang thang. Và mày cũng đang nói láo, đúng không?

Lúc bước vào căn phòng ngọt ngạt ẩm mốc, ý nghĩ đầu tiên của Eli là một người rực rỡ như hoa cô Shelby Wakeman làm sao có thể thuộc về nơi này. Đang tưởng tượng khung cảnh cô ngồi trước kính vạn hoa đặt bên vườn tulip Hà Lan, hoặc bơi lội cùng đàn cá bảy sắc cầu vồng dưới biển Caribbean, anh giật mình nhận ra tâm trí mình đang trôi lạc tận đâu.

Watson vẫn chưa quen đeo dây xích nên đột nhiên giật mạnh một phát, làm anh bay vèo đến quầy trước mặt. Âm thanh vang lên khiến Shelby ngẩng đầu lên khỏi máy tính. “Ôi, xin chào,” cô lên tiếng, đứng dậy và vòng ra trước quầy. Cô chăm chú nhìn con Watson đang vẫy đuôi cố mang đến mức cái đầu lúc lắc. “Chú mày không được phép vào đây,” cô khẽ mắng, đưa tay vuốt lông nó. “Nhưng mà sao tao dám ra lệnh cho một chú chó cảnh sát được?”

Lúc cô mỉm cười với Eli, tim anh đập thình thịch như tiếng pháo ống nổ giòn tan. “Chào cô,” anh lí nhí.

Giỏi lắm Rochert. Cô ấy làm việc ở thư viện, thuộc nguyên cả cuốn từ điển và mày chỉ năn ra được từ ấy sao?

“Chú mày đang tìm thứ gì sao?” Shelby thắc mắc, Eli vừa há miệng thì chợt nhận ra cô ấy đang hỏi chuyện Watson. “Thửi cuốn *Chú chó của dòng*

họ Baskerville nhé, cùng tên với mày đấy? Hay quyển *Binh đoàn chó* của Robert Stone?"

"Thực ra nó chỉ theo chân tôi làm nhiệm vụ thôii," Eli giải thích. "Tôi đang tìm tư liệu ghi chép về thị trấn những năm ba mươi."

Anh chẳng cần đến tư liệu ghi chép những năm ba mươi. Anh đến đây vì muốn xem thử hôm nay Shelby có đi làm không. Nhưng vụ án mạng kia vẫn lớn vồn trong tâm trí nên anh dành lấy đó làm lý do. Đột nhiên Eli nhận ra bản thân bị kẹp giữa việc điều tra vụ án mạng từ bảy mươi năm trước và cảm giác thôii thúc được gặp người phụ nữ này, khiến thời gian dành cho công việc tại cục cảnh sát trở nên rất ít ỏi.

Cô nhìn thẳng vào anh với vẻ tò mò, tự hỏi vì sao một anh cảnh sát lại không biết tất cả tư liệu hành chính được lưu trữ trong văn phòng thư ký thị trấn ngay bên cạnh. "Tôi không biết chính xác tư liệu được lưu trữ ở đâu... nhưng không có ở đây."

"Cô chỉ đường giúp tôi được không?"

Trước khi Shelby kịp thắc mắc, cô thủ thư cùng ca trực vốn bất động nãy giờ xua tay bảo cô cứ đi đi. Hai người bước xuống bậc thềm trong lúc Watson chen vào đứng giữa cùn Shelby nheo mắt nhìn mặt trời.

"Trời hôm nay đẹp quá phải không?"

Cô gật gù, “Thỉnh thoảng tôi lại quên mất bên ngoài rực rõ như thế nào.”

“Cô phải làm việc trong thư viện suốt ngày sao?”

“Đúng vậy, ban đêm thì thức chơi với Ethan. Đó là khoảng thời gian duy nhất thằng bé được ra ngoài vui đùa.” Hai người thả bộ dọc Phố Main, Watson mải mê đánh hơi mấy kẽ hở trên lề đường và mấy vết kẹo cao su dính trên mặt đất.

“Cô ngủ vào lúc nào? Vất vả lắm phải không?”

Một đứa bé chạy xe scooter cố vượt lên trước từ bên trái, ép Shelby lại gần Eli. Anh có thể vờ ngã, đổ thừa cho Watson và thừa cơ ép sát người cô. Anh còn có thể đẩy Watson về phía cô rồi đưa tay đỡ lấy khi cô ngã.

Cảm giác ôm cô trong vòng tay như thế nào nhỉ?

Lúc đến được khu văn phòng hành chính, Eli cảm thấy hơi bực bội. Vì sao mấy tòa nhà trong thị trấn lại gần nhau thế này? Anh bước theo Shelby lên mấy bậc thềm đá rồi tiến vào căn phòng nhỏ phía bên phải. “Lottie,” cô gọi tên cô nàng thư ký văn phòng bé bụi, “cô giám cân đấy à?”

Chỉ cần cô ta giám được một vài lạng, Eli sẵn sàng ăn thực phẩm của Watson suốt một tuần. Nhưng cô nàng nở một nụ cười tươi rói. “Tôi nghĩ ăn kiêng có tác dụng đấy,” cô ta cười khúc khích, khoát tay cho phép hai người xuống tầng hầm mà không hề thắc mắc.

Tầng hầm tối om đầy mốc meo, mặng nhện giăng đầy trần nhà. Watson ngay lập tức giằng khòi dây xích rượt theo con chuột trốn sau đám hộp xếp chồng. Shelby thản nhiên bước qua mấy cái thùng gỗ thấp, nhảy vào giữa lối đi bé xíu chất đầy tài liệu chẳng ai ngó ngàng đến hơn nửa thế kỷ. Cô mở hộp tủ, lôi ra một tập tài liệu ố vàng. "Đây là tư liệu từ năm 1932."

Eli trân trối nhìn cô đến sững sờ. "Cô cũng có khả năng ngoại cảm như em mình sao?"

"Ross không có khả năng ngoại cảm," cô đính chính. "Tôi lại càng không. Tôi tìm được chúng vì đã từng đến đây hồi trước, lục lại từng kệ hồ sơ đến khi tìm được chỗ này."

Eli nhảy vào lối đi bé xíu, lúc đứng cạnh cô, anh mới nhận ra nơi này không đủ chỗ cho hai người bọn họ. Hai người đành ép sát vào nhau từ ngực đến eo; Eli cảm nhận được hơi thở của Eli phả lên vai mình. Dưới tầng hầm nơi không khí đặc quánh như máu, Eli tưởng như thời gian cũng ngừng trôi. Dù sao đi nữa, gần đây toàn chuyện kỳ quái xảy ra.

"Vì sao anh làm vậy?" cô khe khẽ hỏi. "Cái này chẳng giải quyết được chuyện gì hết."

Mất một lúc lâu anh mới nhận ra cô đang nhắc đến vụ án mạng. Eli nhún vai. "Con người ai chẳng làm chuyện điên khùng hằng ngày." Ánh nắng rọi

xuống từ ô cửa sổ trên trần khẽ đậu lên má cô, giống như nó cố tình tìm kiếm và cho rằng đây là đây là thứ đẹp đẽ nhất đáng được chiếu sáng. Eli cúi người, lại gần vầng sáng ấy. Nơi ấy có ấm áp không nhỉ?

Shelby lùi lại phía sau đột ngột đến mức một đống thùng rớt xuống sàn, tài liệu vương vãi đây đấy. Cô dúi tập tài liệu vào tay Eli. Watson hắt hơi một tiếng bên kia góc phòng. “Tài liệu, à ừm, thứ anh cần chắc là nằm ngay lớp trên,” cô lầm bầm.

Eli nghe lời cô, ráng sức tập trung vào chồng giấy chứng tử nằm trong tay mình. Anh liếc qua giấy chứng tử của Cecelia Pike được ký bởi bác sĩ đã viết báo cáo pháp y. Ông ta nhận điện thoại từ cục cảnh sát về một vụ án tình nghi giết người vào lúc 10:58. Thời gian tử vong được xác định vào 11:32. Dính chặt với giấy chứng tử của Cecelia bằng máu là giấy chứng tử của đứa bé sơ sinh tử vong lúc 11:32. Anh cố nhớ lại cuộc nói chuyện với Wesley Sneap. Ông ta nói Cecelia bị treo cổ lúc nửa đêm, rồi bị hạ xuống theo tư thế nằm ngửa lúc 6 hay 7 giờ sáng. Nhưng đến gần mười một giờ cảnh sát mới được gọi đến... nghĩa là Pike có dư dả thời gian để nguy tạo hiện trường.

Anh ngược mắt nhìn về hướng có tiếng bước chân. “Xin chào? Có ai dưới đó không?”

Tiếng lóc cóc vang lên, tiếp theo là tiếng

Watson phấn khởi khi gặp được bạn mới. “Này, Pilgrim. Xuống đi! Anh bạn chẳng phải giống Pomeranian nhỉ,” Frankie Martine cất tiếng. Cô mặc quần chạy bộ sọc trắng và áo thun ôm in chữ HOTBOD. Mái tóc vàng hoe cột gọn gàng sau gáy, chẳng cần son phấn nhưng cô cũng đủ hụt hụt mẩy cô người mẫu. Đây mãi là nỗi đau của Frankie – cô nàng này có trí tuệ như Marie Curie trong hình dáng Marilyn Monroe. “Eli Rochert. Làm cách nào để một cô gái tìm được anh trong thị trấn nhỉ?”

Anh nhoẻn miệng cười. “Xì, Frankie, tôi đâu có đợi hàng giao tận nhà. Cô đang làm gì ở đây vậy?”

“Đừng hòng tôi chịu giải thích chuyện này qua điện thoại.” Cô chồm qua vai anh, lúc này anh mới nhớ ra Shelby.

“Frankie Martine, đây là Shelby Wakeman. Shelby...”

“Đi đây,” Shelby lí nhí. “Tôi, ừm, phải đi đây.” Chẳng thèm nhìn anh, cô né khỏi mờ hồ sơ rồi chạy lên lầu.

“Bạn gái anh sẽ tức điên”, Frankie trêu ghẹo khi Eli dắt cô vào phòng thí nghiệm tự tạo của mình. Cô ngồi lên ghế, gác chân lên người Watson.

“Cô ấy chưa phải bạn gái tôi. Chưa đến lúc.”

“Ồ, phải rồi, ba tháng trước anh cũng nói vậy.”

Eli cau có. “Cô xinh đẹp cũng là lỗi của tôi sao?”

“Eo ơi, đấy là lời khen sao?” Frankie chồm người ra trước, rút ra một tờ giấy. “Thôi nào. Thú nhận đi. Anh yêu tôi cho xem.”

Quả thế. Vì tất cả những việc anh điều tra chẳng hề có tác dụng gì nếu Frankie không giám định chứng cứ và liên kết những manh mối kẻ tình nghi để lại. Cô lật qua những bằng chứng anh thu thập – áo quần và mấy tờ tài liệu vẫn chưa gửi đến tay cô. “Dấu vân tay đẹp đấy.”

“Tôi lấy dấu vân tay trên tẩu thuốc trước khi gửi cho cô đây,” Eli đáp.

“Vậy sao? Vân tay của ai?”

“Của nạn nhân, kỳ quái không?”

“Ừm ừm,” Frankie ậm ừ mà không bình luận gì thêm. “Sao tôi chưa nhận được cái này?” Cô cầm lấy áo ngủ của nạn nhân, bên áo dính một chấm màu nâu.

“Cô cần bao nhiêu máu? Cô đã lấy hết chỗ quần áo của nạn nhân rồi mà?”

“Màu không khớp.” Frankie trề môi. “Thỉnh thoảng tôi mới phải phân tích mẫu máu từ bảy mươi năm trước, nhưng vẫn thấy màu sai lầm.” Cô cuộn cái áo lại rồi nhét vào trong túi xách màu đen. “Phòng khi tôi rảnh rồi ghé thăm bạn bè ở phòng thí nghiệm Montpelier.” Sau đó cô thảy cho Eli một tập tài liệu. “Xem đi.”

Mô tả	Amelogenin	CSFIPO	TPOX	TH01
Sói Xám	X, Y	11, 12	8, 11	7, 7
Cecelia	X, X	10, 11	11, 12	7, 7
Spencer Pike	X, Y	9, 12	8, 8	7, 9.3
Tẩu thuốc	X, Y	11, 12	8, 11	7, 7
Đầu dây thòng lòng	X, Y	—	8, 8	7, 9.3
Nút dây thòng lòng	X, X	—	11, 12	7, 7
Túi thuốc A	—	—	—	—
Túi thuốc B	X (Y)	11 (10) (12)	11 (8) (12)	7, 7
Túi thuốc C**	X (Y)	11, 11	11 (8)	7, 7

Bảng 1 – Kết quả xét nghiệm phân loại Amelogenin

Chú thích: Những loại đặt trong ngoặc đơn () có nồng độ thấp hơn những loại không đặt trong ngoặc đơn

— Không có kết quả chắc chắn

** Hiện tượng gián đoạn giữa chừng có thể xảy ra vì DNA có hạn

Cô liếc nhìn Eli và trọn mắt khinh bỉ. “Có cần giảng bài không?”

vWA	D16S539	D7S820	D13S317	D5S818
16, 16	II, 12	II, II	9, II	II, II
16, 17	II, 12	II, 13	9, 9	II, II
17, 18	9, 10	10, 10	8, 13	10, 12
16, 16	II, 12	II, II	9, II	II, II
17, 18	—	10, 10	8, 13	10, 12
16, 17	II, 12	II, 12	9, 9	II, II
—	—	—	—	—
16 (17)	—	II (12)	9 (II)	II, II
16 (17)	—	II, II	9 (II)	II, II

“Làm ơn.”

“Được rồi. Về cơ bản, tất cả DNA là di truyền từ bố hoặc mẹ. Mẹ cho anh một phần gene, bố cho anh phần còn lại. Kết quả là một đứa bé chân to hoặc má lúm đồng tiền hoặc tóc xoăn. Tất cả những đặc điểm bên ngoài đó được quyết định bởi DNA, nhưng lại chẳng có ích trong điều tra hình sự. Vì vậy nên chúng ta xét nghiệm DNA ở những điểm khác – ví dụ như gene vWA hoặc gene TH01. Mỗi người sẽ có một loại gene nhất

định: một con số di truyền từ mẹ, số kia di truyền từ bố. DNA thu được từ bằng chứng, dù là bằng chứng cũ nghét khó nhẫn mà anh gửi cho tôi, giúp thu nhỏ phạm vi để xác định ai để lại DNA ở hiện trường.” Cô vuốt phẳng mẩy tờ giấy trước khi đưa qua cho Eli. “Mỗi cột trên này với một con số ghi phía trên là một trong những điểm cần xem xét. Tương ứng với mỗi điểm là hai con số – hai gene tương ứng – thừa hưởng từ bố và mẹ của người để lại DNA tại hiện trường. Hiểu chưa?”

“Đến đây thì hiểu.”

“Được rồi. Trước khi xét nghiệm chứng cứ, chúng ta cần mẫu so sánh – nghĩa là mẫu DNA mà chúng ta phải so sánh với DNA thu được trên dây thòng lọng hoặc túi thuốc. Mẫu so sánh thứ nhất là máu của nạn nhân, dính trên mọi bằng chứng vì cô ta vừa sinh nở. Tôi đánh dấu mẫu máu thu được là Cecelia. Còn kẻ tình nghi đang lẩn trốn, anh gặp may đấy – giả sử mẫu nước bọt trên tẩu thuốc là của anh ta, tôi đã tiến hành cô đọng và thu thập được đủ 8 điểm trên nhiễm sắc thể và ghi chú là Sói Xám. Cuối cùng là cái ly nước anh vừa gửi – mẫu nước bọt là từ một người khác với Sói Xám... nên tôi đánh dấu là Spencer Pike.”

“Chờ đã. Nghĩa là chúng ta có đầy đủ mẫu DNA của cả ba người?”

“Hai trên ba là chắc chắn. Mẫu thứ ba thì không chắc lắm. Tôi không thể nói rằng DNA này chắc chắn thuộc về Sói Xám vì tôi chẳng có mẫu nào để so sánh cả.”

“Vậy là cô chỉ biết mẫu DNA trên tấu thuốc thuộc về nam giới, và người đó không phải là Spencer chứ gì.”

“Thực ra tôi biết được nhiều hơn một tí.” Frankie rà ngón tay dọc trang giấy. Phụ phẩm của xét nghiệm là chúng ta có được thống kê cho thấy cách những gene tương ứng thường ghép đôi với tần suất như thế nào và liên quan ra sao đến chủng tộc.”

“Tôi không hiểu,” Eli càu nhau.

“Chúng ta có thể phân loại chủng tộc – da trắng, da đen, thổ dân Châu Mỹ – dựa trên kết quả thống kê. Ví dụ anh có một chiếc Rolls Royce màu trắng. Rolls Royce chỉ chiếm hai phần trăm tổng số xe ô tô.”

“Và cô biết... vì sao vậy?”

Frankie lắc đầu. “Im miệng nghe tôi này, Eli. Hai phần trăm đấy. Xe màu trắng chiếm mười lăm phần trăm tổng số xe ô tô. Để ước tính xe Rolls Royce màu trắng chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số xe ô tô, chúng ta tính mười lăm phần trăm trong hai phần trăm xe ô tô... tức là 0.3 phần trăm, nghĩa là cứ một ngàn xe thì mới

có 3 chiếc Rolls Royce màu trắng. Chúng ta cũng nghiên cứu theo phương pháp tương tự để xem tần suất những gene tương ứng này ghép lại với nhau như thế nào giữa những chủng tộc. Ví dụ như đặc điểm gene thu được từ đâu dây thừng chỉ có trên một trong 1.7 triệu người Da Trắng, và xuất hiện ở một trong số 450 triệu người Thổ Dân Châu Mỹ. Nghĩa là nếu dồn 450 triệu thổ dân vào một sân vận động, và 450 triệu dân Da Trắng vào một sân vận động khác, tôi ước tính sẽ tìm được 264 người Da Trắng có gene giống vậy... nhưng chỉ có duy nhất một người thổ dân có gene trùng khớp thôi."

"Vậy kẻ động đến sợi dây có khả năng là người Da Trắng cao hơn là thổ dân đúng không?"

"Đúng vậy. Nhưng giờ hãy nhìn vào những con số biểu thị kết quả thu được từ tẩu thuốc. Khả năng tìm được cặp gene 11, 11 tại đoạn gene D5S818 là mươi bốn phần trăm với người Da Trắng, bảy phần trăm với người Mỹ gốc Phi và mươi hai phần trăm với người gốc Tây Ban Nha. Nhưng khả năng tìm được cặp gene 11, 11 là ba mươi lăm phần trăm trong cộng đồng thổ dân Châu Mỹ, tức là gấp hai lần so với cộng đồng Da Trắng. Nếu nhìn vào tổng thể kết quả xét nghiệm trên tẩu thuốc, khả năng mẫu gene thuộc về người Da Trắng là một trên 320 triệu; người Mỹ gốc Phi

là 1 trên 520 triệu; người gốc Tây Ban Nha là một trên 41 triệu. Khả năng thuộc về người thổ dân Châu Mỹ là một trên 330,000.”

“Nghĩa là người hút tẩu thuốc này là thổ dân.”

“Đó chính là kết luận không chính thức của tôi.”

Eli gật gù. “Còn gì nữa?”

“Chẳng có gì ngạc nhiên khi lấy mẫu trên đầu dây thòng lọng đem so với mẫu tế bào da trên cổ nạn nhân cho kết quả trùng khớp với kết quả của Cecelia. Tôi chỉ lấy được bảy trên tám đoạn gene từ thòng lọng để xét nghiệm nhưng đấy vẫn xem như thành công. Sau đó tôi thử xét nghiệm thêm đoạn cuối của sợi dây. Tôi không hy vọng gì nhiều vì chẳng chiết xuất được mẫu tế bào E nào từ đoạn dây. Vậy nên tôi thử phương pháp PCR để nhân bản hàng tỉ bản sao của đoạn gene thu được, cố mài mới thu được sáu đoạn gene, đúng là phép màu. Sáu đoạn gene thu được đó đều khớp với mẫu thu được trên ly nước của Spencer.”

Kết luận này không có nghĩa Spencer thắt cổ vợ mình, nhưng ít nhất là ông ta từng đụng chạm qua sợi dây. Eli liếc qua hàng kết quả trống trơn. “Chuyện gì đã xảy ra với túi thuốc vậy?”

Frankie híp mắt. “Chuyện là nhà khoa học di truyền yêu quý nhất của anh suýt nữa thì đã lao đến giết chết gã thám tử đang năn nỉ mình giúp đỡ đấy. Eli, anh không biết cái túi ấy khó nhằn

như thế nào đâu. Tôi suýt phi tang nó nếu không nghĩ đến việc bằng chứng anh thu được ít ỏi đến mức nào.”

“Tôi mời cô bữa tối nhé.”

“Không đủ, mua cho tôi một du thuyền,” Frankie phản bác. “Lần xét nghiệm đầu tiên chẳng ra kết quả gì. Sau đó tôi đành quay lại cắt phần dây tiếp xúc với cổ nạn nhân và lấy được hai mẫu. Cả hai đều tương đồng, ngay cả cách gene kết hợp cũng tương tự nhau.”

“Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là mỗi đoạn gene có nhiều hơn một hoặc hai gene khác nhau. Nhìn đường vẽ trên biểu đồ ấy... thấy những chỗ có đến ba con số, thay vì hai không?”

“Thấy,” Eli nhíu mày. “Vậy thì sao?”

“Anh nhớ một gene từ bố và một gene từ mẹ chứ? Nếu có ba gene thì nghĩa là anh bị biến dị hoặc đấy là hỗn hợp DNA từ hai người khác nhau. Dựa trên cấu trúc gene thì không thể loại trừ Cecelia hay Sói Xám ra khỏi phạm vi kết luận được.”

Eli khe khẽ huýt sáo. “Sao không bao gồm Spencer Pike?”

“Không thể nào. Thấy đoạn gene D7S820 không? Anh ta mang cặp gene 10, 10. Nhưng túi thuốc chứa 11, (12) hoặc là cặp 11, 11. Gene này

không có trong di truyền của Spencer nên không thể nào là anh ta được."

Mô tả	FGA	D8S1179	Penta E
Sói Xám	19, 25	13, 13	—
Cecelia	19, 19	13, 14	—
Spencer Pike	20, 22	12, 14	—
			—
Túi thuốc B	—	13 (14)	—
Túi thuốc C**	—	—	—

Bảng 1 – Kết quả phân loại

Chú thích: Những loại đặt trong ngoặc đơn () có nồng độ thấp hơn những loại không đặt trong ngoặc đơn

Eli thở dài nặng nề. Tình tiết này đúng là đảo lộn suy đoán của anh về vụ án, vì kết quả xét nghiệm DNA đã chứng minh Sói Xám có mặt ở hiện trường. Nhưng lẽ nào màn dàn dựng hiện trường của Pike không liên quan đến túi thuốc thì sao. Có thể vì lý do nào đó, Sói Xám đã đeo túi thuốc một thời gian trước khi trao cho Cecelia làm kỷ vật tình yêu, và cô ấy đã vô tình giật nó xuống lúc giãy giụa...

“Còn nữa, Eli à.” Frankie do dự. “Tôi rất quan tâm vụ này, nên quay lại xét nghiệm túi thuốc và kiểm tra thêm sáu đoạn gene nữa. Thấy không?”

D18S51	D21S11	D3S1358
12, 16	30, 30	15, 15
12, 16	30, 30	15, 15
14, 17	29, 30	17, 18
13, 16	30, 30	15, 15
—	30, 30	15, 15

— Không có kết quả chắc chắn

** Hiện tượng gián đoạn giữa chừng có thể xảy ra vì DNA có hạn

Móng tay sơn tím của Frankie lướt qua các dòng chữ. “Không có một chỗ nào mà tôi tìm được bốn loại gene khác nhau. Trong mấy xét nghiệm này, ba loại khác nhau cũng không có.”

“Vậy thì sao?”

“Nếu anh và tôi nắm lấy một thứ gì đó và để lại tế bào biểu bì, khả năng là cứ một trong mươi lăm đoạn gene là tìm được bốn loại gene khác nhau. Ý

tôi là anh có hai từ bố mẹ anh, tôi có hai từ bố mẹ tôi, và khả năng chúng ta có chung một loại gene trên một hoặc hai đoạn gene là cực kỳ hiếm.”

“Cô đã nói mình gặp khó khăn khi chiết xuất mẫu DNA mà. Chắc có gì đó lẩn vào.”

“Không thể nào. Vậy nên tôi mới tiến hành thêm xét nghiệm.” Frankie vén tóc ra sau tai. “Mỗi khi gặp được những mẫu gene hỗn hợp chỉ chứa ba loại, thậm chí hai loại, thường thì hai người có quan hệ ruột thịt. Vì mỗi bố mẹ di truyền cho con một loại gene, cha mẹ và con ruột luôn có ít nhất một loại gene giống nhau. Nếu Cecelia là con gái của Sói Xám, thì mẫu gene hỗn hợp này chính là kết quả hợp lý.”

Eli lắc đầu. “Không lý nào. Cecelia là dân da trắng mà.”

Frankie rút một tờ giấy ra khỏi tập hồ sơ. “Nếu xét trên xác suất thống kê,” cô phản bác, “tôi không nghĩ vậy đâu.”

chương Chín

Ross nghĩ Eli Rochert xứng đáng xuống Địa Ngục. Đâu không cần phải gặp trực tiếp một người mới gọi là quen biết họ. Sao không thử đọc từng dòng nhật ký và cảm nhận sự kết nối giữa hai tâm hồn? Sao không lật qua từng lá thư tình ố vàng để tái hiện lại tình yêu? Sao không kết nối tâm tình qua hai bàn phím qua khung chat trên Internet? Ross hiểu Lia, gã cảnh sát nhận định sai rồi – nếu cô ấy ngoại tình, anh át phải biết.

Vì nếu ngoại tình thì chỉ có thể với anh.

Ngay lúc này, Rod van Vleet đang mời người đến đọc kinh cầu hôn, cố gắng thu hẹp phạm vi

linh hồn Lia có thể lang thang. Chắc anh ta cũng bắt đầu thuyết phục Lia, rằng thế giới này không còn thuộc về cô nữa.

Ross cau có rời giường, loanh quanh trong căn phòng ngủ nhỏ như một con vật bị nhốt trong lồng. Anh hiểu Lia nhưng lại không biết cảm giác cơ thể cô áp sát với cơ thể anh là như thế nào, cảm giác ra sao khi móng tay cô đâm sâu vào vai anh giữa màn đêm nhịp nhàng chuyển động xung quanh hai người. Anh hiểu Lia, nhưng như vậy là chưa đủ.

Từng có những lúc Ross tin vào Chúa. Không phải vì Chúa Trời tử tế hay công bằng, mà vì Chúa Trời thích chơi khăm. Chúa thích phạt những người phạm phải lỗi lầm không thể tha thứ bằng cách nhử treo thứ anh ta thích nhất trước mặt, rồi giật lại để Ross ngã sấp.

Những bức tường trong lòng anh đã khép kín, nút thắt trong cổ họng khiến không khí như tắc lại. Anh vô thức nắm lấy chiếc CD của Ethan, tay siết chặt đến nỗi lớp vỏ nhựa gãy làm đôi. Mồ hôi túa ra. Hộp sọ quá chật chội để chứa bộ não.

“Được rồi,” anh lẩm bẩm một mình. “Được rồi.”

Chuyện đang diễn ra – anh nhìn vào gương tủ quần áo nhưng ánh mắt không thấy được ảnh phản chiếu mà chỉ thấy thứ vũ khí có thể dùng.

Anh cảm nhận vết sẹo trên cổ tay trở nên ngứa ngáy. Thế giới anh chưa từng bước vào dần hiện ra trong tâm trí anh.

Xông ra khỏi phòng ngủ, Ross phi xuống lầu, lướt qua Shelby. "Em đi đâu..." cô gọi với theo.

"Ra ngoài."

Anh vọt qua mặt Ethan vẫn đang chơi dưới ánh trăng. Xe anh phóng ra khỏi lối vào nhà, băng qua những con đường đầy gió bụi của Comtosook. Năm phút sau anh mới nhận ra mình đang lái xe tới đâu. Đến khi anh đỗ xe tại góc đường Otter Creek Pass, màn đêm đã hoàn toàn buông xuống.

Những người Abenaki đến biểu tình đã quay về khu lều nghỉ đêm; mây tay nhà báo chưa bị gọi về tòa soạn đang chui rúc trong khu Best Western tại Winooski. Tạ ơn Chúa vì không thấy bóng dáng Rod van Vleet hay mấy gã điều tra hiện tượng tâm linh hay rung chuông và thổi còi lớn vởn quanh đây. Dãy máy xúc và cần cẩu khổng lồ đang duỗi thẳng cổ ngũ say xưa.

Ross chui qua dải băng và hàng rào xây dựng, tiến thẳng đến trung tâm khu đất. Gần nửa căn nhà vẫn còn ở đó, cắm chặt vào mảnh đất sau khi Rod van Vleet ra lệnh dỡ nhà. Gã quy hoạch nhà đất đã từ bỏ việc xây dựng khu trung tâm thương mại ngay tại đó. Miếng đất cách đó một trăm thước phía bên trái đang bị máy xúc đào bới để

đổ bê tông. Ross hít một hơi thật sâu: Đây là nơi Lia từng ngồi ăn tối hoặc uống cà phê sáng. Kia là là nơi cô ngả lưng vào mỗi chiều Chủ nhật êm á. Cô đặt tay Spencer Pike lên bụng mình và nói với anh mình đã có thai.

“Lia!” Tên cô bật ra từ cổ họng anh, nghe như gọi hồn.

Anh đứng đó chờ một lúc. Mảnh đất nhà Pike tĩnh lặng một cách bất thường, cứ như tất cả hoạt động đều im bặt. Không có sóc chuột trèo lên cây, không có tiếng chim ríu rít, không có tiếng ẽnh ương vọng ra từ đám cỏ. Anh phải tìm thấy Lia trước khi mấy tay nghiên cứu hiện tượng tâm linh muốn trực xuất linh hồn cô.

Ross quay lại, bước về xe trong im lặng, trầm tư suy nghĩ. Anh cảm nhận được cô không có ở đây. Những kẻ được van Vleet thuê đều mong được gặp một linh hồn – nhưng không nhất thiết phải là Lia. Dù sao Ross cũng là người duy nhất từng nhìn thấy cô.

Nếu anh đưa cho họ một con ma, một linh hồn khác, để dàn xếp vụ này thì sao?

Anh chạy nhanh về phía xe. Lúc anh đứng cách căn nhà đang bị dở bỏ khoảng ba phần tư dặm, một cánh hoa hồng rơi xuống từ bầu trời không ánh sao, chao lượn rồi hạ xuống ngay dấu chân Ross để lại phía sau.

Meredith không dám mơ một ngày tuyệt vời hơn – thời tiết đẹp, bầu trời trong xanh, và khu thương mại giữa tháng Tám mà không đông đúc như cô nghĩ. Thêm vào đó, con gái cô không còn cần đến những viên thuốc trị rối loạn thần kinh vốn chẳng có tác dụng gì trong việc cải thiện hành vi của cô bé – và còn nhiều lý do khác để ăn mừng.

Cả nhà chậm rãi dạo bước vì có Ruby đi cùng. Mặc dù bà kiêu hãnh đến nỗi không hề than phiền về cái hông đau, Meredith vẫn chú ý đến vẻ nhăn nhó trên gương mặt bà mỗi khi bước đi. Ba bà cháu đã đến ngắm những con gấu trúc tại Vườn Thủ Quốc Gia, rồi dạo qua Bảo Tàng Lịch Sử Tự nhiên để trầm trồ về viên Kim Cương Hy Vọng, sau đó chạm vào mặt trăng trong Bảo Tàng Hàng Không Vũ Trụ. Nay giờ họ đang quay về bãi đỗ xe, trên tay mỗi người là một cây kem ốc quế.

“Theo cháu,” Meredith huyên thuyên, “tất cả con đường trên thiên đàng đều được lót bằng sô-cô-la.”

“Điều này nghĩa là thời tiết trên đó không thể nóng và ẩm,” Ruby suy luận. “Đáng để thêm một sao vàng trên bản hướng dẫn du lịch.”

Một gia đình đang bước về phía họ – chắc là khách du lịch vì đeo máy chụp hình và mặc áo thun FBI. Gia đình tách ra để vòng qua Meredith,

Lucy và Ruby như dòng sông rẽ hướng rồi lại tập hợp với nhau. “Mẹ?” Lucy nói. “Con có thắc mắc này.” Lucy đặt câu hỏi suốt ngày – từ thói quen tắm rửa của mấy con khủng long đặt trong viện bảo tàng đến chuyện tổng thống ở đâu khi khách tham quan tràn vào nhà ông. “Tại sao mẹ lại không kết hôn với người khác?”

Meredith dừng bước. Trong phòng thí nghiệm, cô từng giảng giải cho Lucy nghe về quá trình hình thành sự sống, chỉ cho cô bé thấy tinh trùng và trứng kết hợp, sinh ra phôi thai và rốt cuộc biến thành bào thai. Xét về khía cạnh khoa học, tình yêu không hề liên quan đến sự sinh sản. Người cha chẳng khác gì người hiến tặng, và Meredith hoàn toàn đồng tình với nhận định đó.

Từ sau Lucy, Ruby ném cho Meredith một cái nhìn sắc lèm.

“Ô. Mẹ không cần phải kết hôn nữa. Mẹ đã có con rồi.”

Lucy trợn tròn mắt. “Mẹ, công dụng của chồng không chỉ giới hạn ở việc tạo em bé đâu. Nếu có chồng, chắc mẹ có thể ở nhà nhiều hơn.”

“Con biết vì sao mẹ phải làm việc chăm chỉ...”

Lucy quay mặt đi. “Bởi vì con phải không? Chẳng có người đàn ông nào muốn cưới vợ mang theo con riêng.”

“Lucy, không. Này” Meredith nắm lấy tay Lucy, dẫn cô bé vào góc tường. “Con yêu,” cô dỗ dành, nhưng Lucy đột nhiên thét lên.

“Đừng ngồi lên anh ta!” cô bé lùi lại khi người qua đường bắt đầu nhìn chằm chằm. “Mẹ, cậu bé kia làm sao vậy?”

Cô chỉ tay nhưng chẳng có cậu bé nào ở đó. “Lucy, có chuyện gì vậy con?”

Mắt cô bé trợn to. “Có một cậu bé ngồi đây, mặc áo tù giống như trong phim hoạt hình. Bên cạnh là một người phụ nữ bị hói, và mấy đứa bé... gầy trơ xương nhưng cứ quanh quẩn ở đây. Mẹ không thấy họ sao?”

Một người đàn ông vỗ vai Meredith. “Cô cần giúp gì không?”

“Chúng tôi ổn,” cô ngượng ngùng đáp, mắt vẫn không rời khỏi Lucy. “Hít một hơi thật sâu rồi kể cho mẹ nghe những gì con thấy.”

Người đàn ông đang ra vẻ anh hùng tiếp tục lải nhải. “Tôi sẽ gọi bảo vệ,” anh ta nói rồi chạy mất. Meredith nhìn thấy anh chạy ào vào tòa nhà phía trước: Bảo tàng Tưởng niệm Vụ Thảm sát Người Do Thái.

“Họ là những người,” Lucy thút thít, “còn ở lại.”

Văn bản cho phép khai quật hài cốt trong mảnh đất nhà Pike như nóng bỏng tay Eli nhưng anh

vẫn khư khư nhét nó trong túi áo gần tim mình để nhắc nhở về những việc anh đang làm và lý do tiếp tục. Kết quả phân tích DNA của Frankie đã phá hỏng hướng điều tra của anh. Nếu Sói Xám là cha ruột của Cecelia Pike thì hai người sẽ không có tình cảm bí mật với nhau. Túi thuốc và tẩu thuốc đều là những món quà. Nhưng Eli vẫn nghiêng về giả thiết Pike là kẻ giết người. Sói Xám vừa ra tù nhưng ngay lập tức đi tìm cô con gái mình chưa từng gặp mặt. Nếu Cecelia biết về quan hệ cha con với Sói Xám, cô có thể sẽ giữ bí mật với chồng mình – khiến Spencer Pike hiểu nhầm khi bắt gặp vợ mình cặp kè với một gã thổ dân. Hoặc biết đâu Pike phát hiện ra gốc gác của vợ rồi tiến hành thủ tiêu bằng chứng vì lo ngại ảnh hưởng đến sự nghiệp cá nhân.

Dù thế nào đi nữa, khiếu nại của bộ tộc Abenaki về mảnh đất là hoàn toàn có cơ sở.

Anh bắt gặp Az Thompson đang đứng kéo lưới săn cá chó bên bờ sông Winooski lúc bình minh. Vai gầy của người đàn ông già nhấp nhô dưới lớp vải áo sơ mi theo từng chuyển động kéo và thả lưới. “Ông tôi từng bắt được một con cá tầm từ hồ Champlain đấy,” Eli vừa nói vừa tiến lại gần từ phía sau.

“Chúng vẫn hay bơi vào đây,” Az đáp.

“Ông từng bắt được sao?”

Ông nhún vai.

“Mẹ tôi từng kể ông tôi hay buộc con cá vào ca-nô, mặc cho nó kéo thuyền ông chạy xung quanh cho tới khi mệt lử thì mới kéo nó đến chỗ cạn rồi xử nó.”

“Kiên nhẫn là mồi câu tốt nhất,” Az tán thành.

Eli nhìn ông quăng một con cá khác vào xô đựng. “Tôi cần ông giúp. Hóa ra Cecelia Pike mang nửa dòng máu của người Abenaki.”

Đưa tay vào hộp đựng mồi câu, Az thoáng ngập ngừng. “Abenaki,” ông thì thào nhắc lại. “Cậu có biết bình minh chỉ đẹp đối với những người không đặt tên theo nó hay không?”

Eli hiểu ông lão hỏi thế chứ không cần lời đáp. “Tôi biết đại loại nên tiến hành một buổi tưởng niệm, không phải sao? Một nơi để... cải táng cô ấy và con gái cô ấy?”

Az ngược mắt lên nhìn. “Chuyện gì sẽ xảy ra với mảnh đất?”

“Tôi không biết,” Eli thú nhận.

Câu trả lời dường như khiến ông lão hài lòng. “Tôi sẽ chăm sóc cho họ,” ông đáp.

“Không phải mấy gói kia,” Ross nói với cô nhân viên tuổi teen đeo khuyên trên lông mày và lỗ mũi tại cửa hàng Gas & Grocery, “Này, gói Merits mới đúng.”

Anh trả tiền cho gói thuốc, đưa mắt nhìn cô gái thối tiền. Ross mở hộp diêm, mồi thuốc và vô tình làm rớt hộp diêm xuống sàn ngay gần giày của người đàn ông đứng xếp hàng đằng sau. Anh ta cuối xuống nhặt giúp Ross. "Cám ơn," Ross lên tiếng, sau đó người đàn ông đứng thẳng lên. "Curtis phải không?"

Làn môi mỏng của sếp cũ khẽ nhếch lên. "Ross."

"Anh làm gì ở đây thế?"

"Tôi nghĩ là giống cậu thôi. Tìm một con ma."

Đầu gối của Ross run rẩy. Rod van Vleet chắc đã tìm một người khác để trực xuất hồn ma đi chỗ khác... và anh là người đã tiết lộ manh mối. "Curtis, nghe này..."

"Không, cậu mới phải nghe này, tên khỉ gió. Lúc bắt đầu hợp tác, cậu đã ký kết điều khoản không cạnh tranh với chúng tôi, cậu nghĩ tôi không dám kiện cậu ra tòa nếu cậu giật mối làm ăn với tôi sao. Cậu chi là kẻ nghiệp dư, Ross à. Cậu chẳng biết quái gì về việc chạy chương trình như thế hết."

Miệng Ross khô khốc như nhét đầy bụi. "Đây không phải là một buổi diễn."

"Nó sẽ là một buổi diễn." Curtis chọc tay vào ngực Ross. "Tôi sẽ tìm thấy con ma đó rồi tống cổ nó đi chỗ khác; tất cả những tình tiết đó sẽ khiến chương trình của tôi hút khách." Anh gạt

Ross qua một bên, dồn mạnh một đồng đô la lên bàn thu ngân rồi lấy một cái bánh mì vòng đã iu từ giò trên quầy trước khi sập cửa lại.

“Gã ta không bình thường hả?” Cô nhân viên thắc mắc, cọ cọ chiếc khuyên trong lưỡi của mình vào hàm răng dưới.

“Đúng vậy.” Ross mồi điếu thuốc, hít một hơi rồi bước ra ngoài hiên cửa hàng Gas & Grocery. Ánh sáng bên ngoài chói đến mức khiến anh phải nheo mắt. Nhìn từ đây, bỏ qua dãy máy bơm xăng cũ kỹ từ những năm 1950 và bảng tên đường Moxie cổ, người ta có thể thấy vành đai xanh bao quanh thị trấn với nhà thờ màu trắng tinh xảo. Người ta chỉ cần liên tưởng ngọn đồi đó thành mỏ đá và thung lũng giờ là Hồ Champlain. Đây là thế giới mà Lia quen thuộc.

Anh sẽ cần đến gương và dây câu. Loa, pin kèm theo laptop của Shelby. Nếu Curtis muốn trực xuất một con ma, Ross sẽ cung cấp cho anh ta.

Tất nhiên con ma đó không phải là Lia.

Cecelia Pike bị sát hại khi Duley Wiggs mới hai mươi tuổi và làm cảnh sát được tám ngày. Hiện tại, ông ta đang bị chứng Alzheimer giai đoạn đầu và sống cùng với con gái Geraldine tại vùng Đông Bắc nước Anh. “Có vài ngày ông ấy tinh táo hơn bình thường,” cô kể với Eli khi đứng trước

cửa kính đang mở ra ngoài hiên nơi Duley đang ngồi trên xe lăn. “Nhưng sau đó lại có những ngày ăn bằng muỗng cũng quên.”

Cô ấy trông như gói trà túi lọc đã được pha nhiều lần đến mức mất hết mọi mùi vị. “Tôi cảm ơn vì cô đã cho phép tôi trò chuyện với ông ấy.”

“Anh có thể trò chuyện bao lâu cũng được.” Geraldin nhún vai và nói. “Nhưng ông ấy nhớ mọi thứ lộn xộn lắm. Tôi nghĩ anh nên cân nhắc những lời ông ấy nói hết sức cẩn thận.”

Eli gật đầu rồi theo cô ra ngoài. “Bố?” Cô gọi lớn như thế ông lão bị điếc. “Bố, có người đến tìm bố. Thám tử Eli Rochert đến từ Comtosook. Bố còn nhớ mình đã từng sống ở Comtosook chứ?”

“Cậu biết đấy tôi từng sống ở Comtosook,” Duley trả lời. Ông cười, mặt nhăn nhúm như vết rạn trên đồ sứ. Ông bắt tay Eli.

“Chào ông Duley.” Eli đã mặc đồng phục cảnh sát với hy vọng gợi thêm vài ký ức. “Tôi có vài câu hỏi muốn hỏi ông.”

“Miranda, sao con không để hai người đàn ông trò chuyện riêng tư nhỉ?” Duley hỏi.

“Con là Geraldine, bố à.” Cô thở dài rồi bước vào trong nhà.

Eli ngồi xuống. “Tôi tự hỏi ông có nhớ gì về vụ giết người khi còn làm việc tại Comtosook không.”

“Vụ giết người? Ô, dĩ nhiên. Chúng ta xử lý rất nhiều vụ giết người. Không, đó không phải là vụ giết người. Đó là những vụ trộm cắp. Đúng vậy, tôi nhớ rồi. Một nhóm ăn trộm tầm bốn mươi tuổi hóa ra lại là hai gã thanh niên hoang tưởng mình là Bonnie và Clyde.”

“Nhưng những vụ giết người...”

“Có một vụ,” Duley kể. “Tôi không nghĩ ai lại quên được những gì xảy ra cho Cissy Pike. Tôi biết cô ấy. Chúng tôi học cùng trường. Cô ta trẻ hơn tôi vài tuổi. Rất dễ thương và thông minh. Được thừa kế từ cha cô. Ông ta là phi hành gia.”

“Ông ta là một giáo sư, ông Duley.”

“Thì tôi nói vậy mà!” Ông lão cau mày ra vẻ khó chịu. “Lắng nghe đi được không?”

“Vâng. Phải rồi. Tôi xin lỗi. Vậy... ông đang nói về vụ cô ấy bị giết hại...”

“Cô ấy kết hôn với một nhân vật có tiếng trong trường Đại học. Pike. Ông ta nổi tiếng khắp thị trấn vì cực kỳ sùng đạo, cậu hiểu chứ? Nhưng ông ta đối xử với Cissy như bà hoàng. Lúc chúng tôi đến nhà sau khi ông ta gọi cho cảnh sát, tôi chưa bao giờ thấy một người đàn ông trưởng thành nào lại khóc lóc như một đứa trẻ.” Ông lắc đầu. “Và sau đó ông ta chĩa súng vào đầu mình, ngay trước mắt chúng tôi...”

“Duley,” Eli gọi nhỏ nhẹ, “Spencer Pike không hề tự tử.”

“Tự tử? Ô, đúng rồi. Đó là một vụ bắt giữ con tin tại bưu điện cuối những năm 50.” Ông xoa trán. “Thỉnh thoảng... thỉnh thoảng mọi chuyện cứ chồng chéo vào nhau như thế.”

“Tôi hiểu mà.” Eli xoay chiếc mũ trên tay. Có lẽ tìm đến ông này không phải là ý kiến hay.

“Bác sĩ pháp y muốn khám nghiệm tử thi đứa bé.”

Lập tức Eli ngẩng đầu lên. “Anh ta muốn khám nghiệm sao?”

“Đúng vậy. Và Olivette – hồi đó đang làm trung úy trinh thám – không cho phép bác sĩ khai quật xác đứa bé. Ông ta nói rằng không nên tiếp tục khiến một người đàn ông như Spencer Pike đau khổ hơn trừ trường hợp bắt buộc.”

“Vậy lúc ông đến nơi, đứa bé đã được chôn cất sao?”

“À ừ. Đâu đó sâu trong rừng. Đất còn tươi mới và thậm chí còn có cả hoa. Pike nói với chúng tôi rằng đứa bé chết lúc mới sinh, khiến vợ anh ta khủng hoảng. Người ta cũng nói anh ấy chôn đứa bé vì muốn giúp vợ mình bình tĩnh lại.”

“Pike lại kể với tôi rằng ông ta chôn vợ và con cùng trong một ngày.”

“Không phải vậy, tôi biết rõ sự thật. Tôi đã dự đám tang của Cissy Pike. Chẳng có mấy người tham dự – chỉ có tôi, Olivette, cha cô ta và Pike, vừa đủ người để hạ quan tài xuống hố. Đó là một vụ ám ĩ vào hồi đó – Anh ta thậm chí không nhờ đến sự giúp đỡ của mấy xơ nhà thờ khi vợ mình qua đời. Anh ta chôn Cissy ngay bên cạnh mộ đứa bé.”

“Ông ta khai với ông mất khoảng bao lâu không? Để gọi cảnh sát?” Eli hỏi.

“Ồ, anh ta không cần phải khai báo với chúng tôi. Chúng tôi ngửi thấy mùi rượu trên người anh ta. Mùi nồng như anh ta tắm trong rượu vào đêm hôm trước.” Duley nhìn về phía căn nhà. “Cậu biết đấy, tôi có ba cô con gái và tôi không thể tưởng tượng được cảm giác thế nào nếu chúng chết khi chào đời. Tôi hiểu Pike đang cố giải tỏa cảm giác khủng hoảng đó. Nhưng anh đã làm quá, bất tỉnh nhân sự đến mức... chẳng nghe thấy ai vào nhà bắt cóc vợ mình rồi lục lọi khắp nhà. Anh ta tỉnh dậy vào giữa sáng. Anh ta gọi cho chúng tôi trước bữa trưa, may mắn thay, nhờ đó bụng dạ tôi bớt nhộn nhạo khi thấy Cissy.”

Theo nhận định của Wesley, xác Cecelia đã bị hạ xuống trước bữa trưa vài giờ.

Ý nghĩ đó cứ quay cuồng trong tâm trí Eli. “Kể cho tôi nghe về Sói Xám đi.”

“Một tên khỉ gió gian xảo. Hắn ta là dân Gypsy – ngày nay người ta gọi là thổ dân châu Mỹ. Nói láo, ăn trộm ăn cắp là chuyện nhỏ với hắn. Mọi người đều biết hắn và gốc gác gia đình hắn. Hắn mới ra tù vì tội giết người. Pike kể hắn ta đã quấy rối Cissy vài tuần trước đó. Chúng tôi tìm thấy tại hiện trường án mạng một số vật dụng cá nhân của hắn ta, kèm thêm tình trạng căn nhà và việc thiếu bằng chứng ngoại phạm thì kết luận hết sức rõ ràng. Sau đó, việc hắn ta biến mất lại xác nhận những nghi vấn của chúng tôi.”

Eli gãi đầu. “Vâng, tôi tự hỏi làm sao anh ta có thể biến mất.”

Vết ửng đỏ lan ra từ cổ ông. “Việc đó... là lỗi của tôi. Cậu biết đấy, lúc đó tôi mới nhậm chức một tuần nên nghĩ rằng nếu có thể điều tra và kết án hắn, mình sẽ trở thành người anh hùng. Vậy nên tôi chạy ra ngoài giữa đêm khuya như Columbus...”

“Columbo chứ?”

“À đúng rồi. Tôi bắt gặp Sói Xám đang say xỉn trong quán rượu nên túm lấy hắn ta để hỏi cung. Nhưng Olivette mắng tôi một trận và nói rằng chúng tôi chưa lấy đủ chứng cứ để bắt giam tội phạm, còn hỏi cung chỉ tổ làm hắn ta thêm nghi ngờ. Chúng tôi cũng bức cung một chút, theo cách thường làm nhưng hắn ta không nhận tội.

Olivette cùi tói theo đuôi hắn ta, giám sát từng hoạt động..." Duley nhìn về phía sân sau. "Nhưng tôi để mất dấu hắn. Một phút trước hắn ta còn ở đó, nhưng một phút sau hắn ta biến mất như chưa từng tồn tại." Ông liếm môi, rướn người về phía trước và thì thầm. "Tôi có giả thuyết về chuyện đã xảy ra với hắn, cậu có muốn nghe không?"

"Ông có sao?" Eli tiến lại gần hơn.

"Tôi nghĩ..." Duley úp bàn tay đồi mồi quanh tai Eli. "Tôi nghĩ có tay súng thứ hai núp sau đồi cỏ giúp Oswald trốn thoát." Ông rụt người lại và khoanh tay trước ngực. "Cậu hiểu ý tôi chứ?"

Eli thở dài. "Rất rõ ạ."

Khi Ethan thức giấc, bầu trời vẫn còn sáng trưng. Cậu bé kéo rèm lại, nhắm mắt làm theo phương pháp cậu Ross dạy, cố cảm nhận từng động tĩnh trong nhà bằng giác quan thứ sáu.

Mẹ đang làm việc tại thư viện. Chuyện này hết sức hợp ý cậu vì dạo gần đây, sống cùng mẹ khó chịu như có dằm mắc trong cổ họng. Mỗi việc Ethan làm dường như đều khiến mẹ tức giận – từ vụ để quần áo bẩn lộn trái trong giỏ mây, tới thời gian lướt web. Cậu chắc sẽ rối loạn tâm lý, nếu như mẹ không cư xử y hệt thế với cậu Ross. Những nạn nhân khác còn bao gồm mấy nhân

viên bán hàng qua điện thoại không may gọi tới nhà Wakeman và cậu bé hàng xóm dại dột nện bóng chày làm vỡ cửa sổ ga-ra. “Có chuyện gì xảy ra với chị sao?” Cậu Ross thậm chí còn thắc mắc khi cả nhà đang ăn sáng vào tối qua. Nhưng mẹ cậu giả vờ bận rộn đến mức khiến làm bỗng tay do đụng vào lò, thế rồi, “Em không thấy mình đã ép chị phải làm gì sao?”

Thôi rồi, mẹ khủng hoảng rồi.

Ethan vung chân xuống giường. Mặc vào bộ đồ ngày hôm qua, vẫn vứt trên sàn. Cậu mở cửa nhẹ nhàng và lén xuống phòng cậu Ross. Cửa phòng vẫn luôn đóng kín từ lúc cậu Ross cuỗm máy tính của mẹ rồi lén lút làm gì đó như đột nhập vào Lâu Năm Góc hoặc tương tự vậy. Cậu Ross đáng lẽ phải trông Ethan, nhưng chắc cậu nghĩ giờ này Ethan ngủ say rồi.

Ở tầng dưới, Ethan mặc áo khoác, đội mũ, thoa kem chống nắng lên tay và mặt như một thói quen khó bỏ. Sau đó cậu chuồn khỏi nhà từ cửa hông, cánh cửa đó không kêu cót két.

Mặt trời hôn lên gáy cậu, ai biết rằng buổi chiều lại nắng gắt như thế? Ethan cầm lấy ván trượt và kẹp trong nách. Cậu bước xuống đường, quẹo phải, sau đó đặt ván trượt xuống via hè và bắt đầu trượt đi. Một cậu bé đội mũ không chớp

lộn ngược đạp xe MX chạy ngang qua Ethan. “Xin chào,” cậu ta lên tiếng như thể Ethan chẳng có gì khác lạ.

“Chào cậu,” Ethan đáp lại đơn giản như đang tán gẫu.

“Ván trượt tuyệt đáy.”

“Cám ơn.”

“Sao lại mặc trang phục mùa đông?”

Ethan nhún vai. “Thế cậu đội cái mũ ngu ngia kia thì sao?”

Cậu bé quay bánh xe. “Tớ đang đến công viên trượt ván đây. Cậu muốn đi chứ?”

Ethan cố gắng giữ thái độ đứng đong, nhưng điều này thật là khó. Giờ cậu đã hiểu nếu không bước ra ngoài và khiến người khác chú ý đến mình thì sao có thể gọi là thật sự tồn tại trên thế giới này được. “Sao cũng được,” cậu nói một cách lanh lẹ, nhưng từng tấc da lại toát ra nét vui mừng. “Tớ cũng không bận gì cả.”

Nếu mình hôn anh ấy thì sao?

Đã ba ngày trôi qua, câu hỏi đó cứ lớn vỗn như cái gai dính chặt trong tâm trí Shelby. Cô hồi tưởng lại tỉ mỉ từng khoảnh khắc lúc cô và Eli đứng gần nhau trong không gian chật hẹp; cơ thể anh phảng phất mùi đàn ông như thế nào, vết sẹo

nhỏ dưới tai phải anh trông ra sao. Cô nằm trên giường tưởng tượng lượng nguyên nhân vì sao anh có vết sẹo đó: bị thủy đậu chăng, hay vật lộn với một cô gái, hay ngã vào hàng rào sắc nhọn trong khu trượt băng.

Frankie Martine. Shelby thầm nghĩ với diện mạo như thế thì ai thèm quan tâm đến việc cô gái đó có cái tên nam tính thế kia đâu.

Cô tự nhủ rằng mình không hề ghen tuông. Thứ nhất, cô không hề quen thân với Eli Rochert. Thứ hai, với kinh nghiệm ít ỏi của Shelby, tình yêu lăng mạn là phải ích kỷ, đòi hỏi và khao khát. Tình mẹ hoàn toàn trái ngược với tình yêu vì chỉ cần đến sự hy sinh. Cô đã hy sinh tất cả cho Ethan nên chẳng còn gì cho người khác. Hơn nữa phải chăng tình yêu cũng hiếm như vàng, không thể bao phủ tất cả dù dát mỏng cỡ nào.

Liệu Eli và Frankie Martine có trải qua bảy mươi hai giờ vừa qua cùng nhau không nhỉ?

Shelby ngồi tại bàn làm việc, tay đặt trên bàn phím như đang chờ đợi một khách quen xuất hiện với một câu hỏi hóc búa. Làm thế nào mà phổi của chúng ta có thể lọc được khí carbon dioxide? Vì sao khủng long tuyệt chủng? Đội Yankees giành cúp vô địch thế giới bao nhiêu lần? Cô biết tất cả câu trả lời. Cô chỉ ngại đặt câu hỏi.

Nhưng đã đến giờ ăn tối, khách tham quan cuối cùng tới thư viện đã ra về hai tiếng trước. Shelby vẫn ở lại đến tận bảy giờ dù chẳng có ai ghé vào. Thở dài thất vọng, cô gục đầu xuống bàn. Cô có thể ngồi mãi ở đây dù Eli hoặc Watson chẳng hề xuất hiện.

Vì vậy khi cái chuông treo ở thư viện kêu leng keng, Shelby bật dậy đầy hy vọng. "Ồ, là cô sao," cô cất tiếng, nhìn cô thư ký tòa thị chính lảo đảo mang một chiếc hộp màu vàng to đùng nặng trịch. Lại có chuyện gì rồi.

"Đây có thể được xem là chào hỏi không!" Lottie thở hổn hển, chùi tay bẩn vào váy mình.

"Chỉ là... chị đang chờ một người."

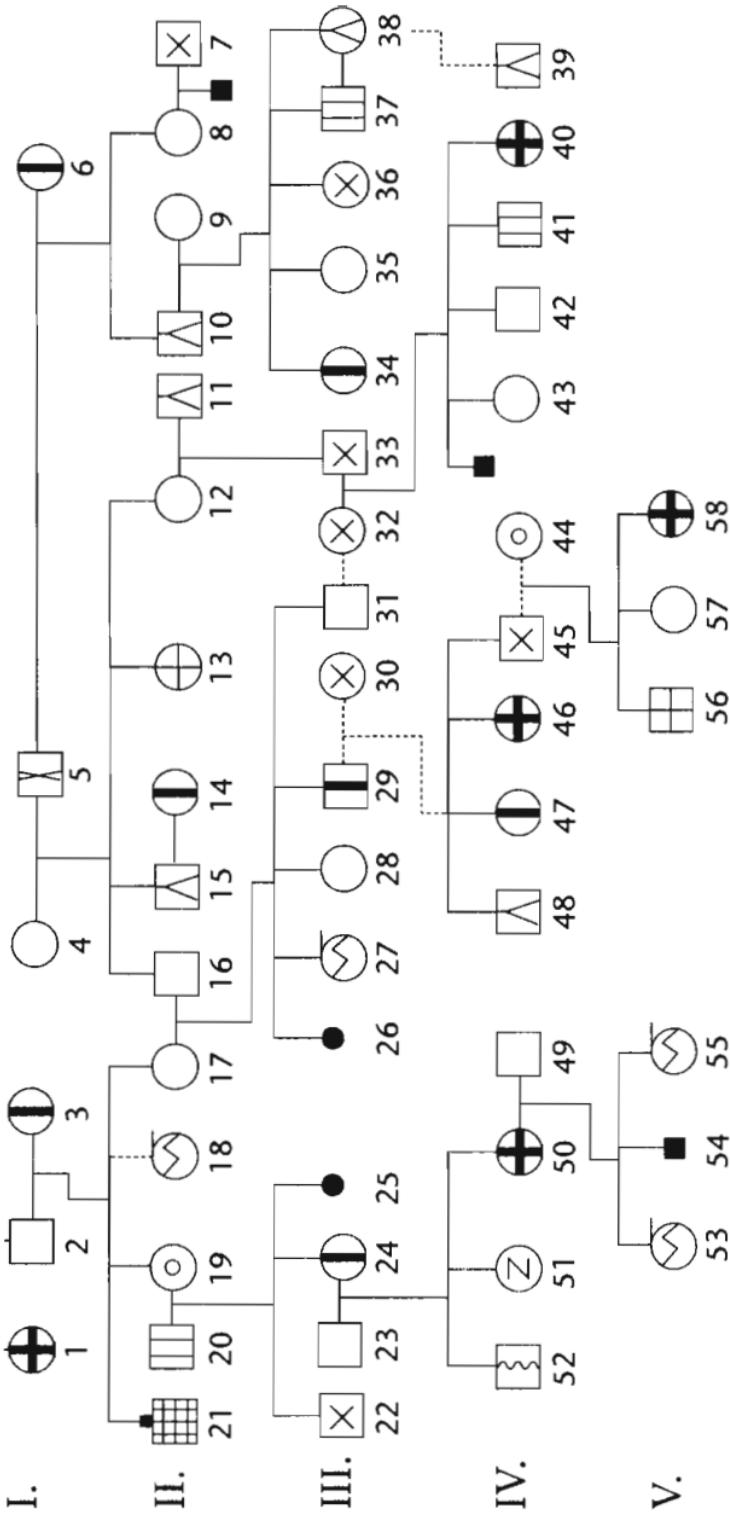
"Anh cảnh sát đẹp trai đó hả?" Lottie cười toét miệng. "Em không biết có khi nào được thấy thứ gì vừa ngon vừa không chứa calo như thế chưa."

Shelby cười lớn, tiến đến giúp Lottie kéo cái hộp vào quầy trả sách. "Tin chị đi, anh ấy cũng không tốt cho huyết áp của em đâu. Giả thế?"

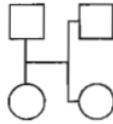
"Hôm qua bên em thay nồi hơi và tìm thấy khoảng ba mươi thùng hồ sơ mà không ai biết tới... nghe vậy là chị biết nồi hơi đó cổ xưa thế nào rồi đó. Nhưng mà em biết chị đang tìm thứ đó từ những năm 1930. Em nghĩ có lẽ chị và chàng thám tử có thể muốn đọc qua chăng." Cô nhướn mày. "Chị có thể mất cả đêm đấy."

Shelby mở nắp hộp, ho sặc sụa vì bụi bay mù mịt. Bên trong là hàng chục cuộn giấy. “Bảng kế hoạch à?” Cô vói vào trong, mở một cuộn giấy rồi lấy hai cuộn băng Hardy Boys chặn hai đầu cho khỏi quăn lại.

SƠ ĐỒ PHÂN HỆ GIA ĐÌNH WILKINS
Khảo sát Ưu Sinh bang Vermont, năm 1927



CHÚ THÍCH

	Nam	Nữ	Nam	Nữ
<input checked="" type="checkbox"/> Tâm thần	<input type="checkbox"/> Đang điều trị tại bệnh viện tâm thần	<input type="checkbox"/> Thiếu năng	<input checked="" type="checkbox"/> Nghỉ ngơi bị thiếu năng	<input type="checkbox"/> Đang theo học tại trường cho trẻ chậm phát triển
<input type="checkbox"/> Đang ở trại giáo dưỡng	<input type="checkbox"/> Phụ thuộc	<input type="checkbox"/> Đang ở trại bảo trợ	<input checked="" type="checkbox"/> Trại An Sinh Xã Hội Liên Bang	<input type="checkbox"/> Con hợp pháp
<input type="checkbox"/> Tàn tật	<input type="checkbox"/> Quáy rối tình dục	<input checked="" type="checkbox"/> Mù	<input type="checkbox"/> Nghiện rượu	<input type="checkbox"/> Con ngoài giá thú
<input type="checkbox"/> Có tiền án tiền sự	<input type="checkbox"/> Chết non	<input type="checkbox"/> Không rõ giới tính	<input type="checkbox"/> Quan hệ bất chính	
		<input type="checkbox"/> Kết hôn		
		<input type="checkbox"/> 		

Lời chú thích dường như chỉ ra mối liên quan giữa mấy kẻ nghiện rượu, tàn tật, quấy rối tình dục, con ngoài giá thú và những tên tội phạm. Shelby chú ý đến vài biểu tượng. *Đang theo học tại trường cho trẻ chậm phát triển. Thiếu năng. Nghi ngờ bị thiếu năng.* Kỳ lạ là những biểu tượng này được sắp xếp theo hướng kim đồng hồ quay để chứng minh những vấn nạn này bắt nguồn từ cặp vợ chồng kém may mắn ở vị trí trung tâm đã kết hôn, sinh con đẻ cái và lan qua thế hệ tiếp theo. Hình thứ hai là biểu đồ cột chia các gia đình thành nhóm “Văn minh” và “Kém văn minh”. Theo chú thích, nhóm “Văn minh” bao gồm những công dân gương mẫu, tuân thủ pháp luật, tự nuôi sống bản thân và tham gia vào công tác xã hội. Nhóm “Kém văn minh” chỉ những người điên và tự sát. Nhóm “Không xác định” gồm những người không hẳn là có biểu hiện điên hay tự sát, nhưng cũng không có những ưu điểm của nhóm “Văn minh”, và thường là những người không biết có đưa ra được quyết định nào đúng đắn trong đời hay không.

“Lottie,” Shelby thắc mắc, “Em tìm được cái này ở đâu?” Cô mở biểu đồ thứ hai và đặt lên biểu đồ thứ nhất. **SƠ ĐỒ PHẢ HỆ CỦA GIA ĐÌNH GYPSY, DÒNG HỌ DELACOUR.** Một tờ giấy viết tay rơi xuống sàn. “Nói với Harry – chứng

rối loạn tình dục hình như liên quan đến nhiễm sắc thể Y di truyền từ bố. Có lẽ nên sử dụng biểu đồ này để vận động cho Đạo Luật Triệt Sản?" Phía trên tất cả tư liệu đều được in tên: Spencer A.Pike, Giáo sư ngành Nhân Chủng Học, trường đại học UVM.

Trong thùng còn chứa đầy sơ đồ phả hệ, thư tín và giấy ghi chú được viết nắn nót bằng tay giải thích những ví dụ dùng trong nghiên cứu về những người có tên trên sơ đồ: Mariette, giới tính nữ, mươi sáu tuổi đang ở tại trường giáo dưỡng, có tiền án trộm cắp, cộc cằn, luộm thuộm và có xu hướng tình dục kỳ quái. Oswald có làn da đen, đôi mắt gian xảo, hay lang bạt đây đó theo kiểu du mục, rồi lại "quan hệ bất chính" và sinh ra những đứa trẻ bất bình thường. Shelby lôi ra Bảng Báo cáo thường niên lần thứ tư của chính quyền Vermont về đời sống nông thôn. Giữa trang được đánh dấu là một bài báo viết bởi giáo sư H. Beaumont và S. A. Pike. "Những tính trạng kém ưu việt có thể không xuất hiện rõ ràng," Shelby đọc lớn. "Nhưng có thể âm thầm tồn tại và sẽ giảm bớt nếu kết hôn với đối tượng phù hợp."

"Thuyết Ưu sinh," Lottie cầm một cuốn báo cáo thường niên khác lên đọc. "Cái quái gì thế này?"

"Đây là lý thuyết khoa học tập trung vào công

tác cải thiện chất lượng di truyền bằng cách kiểm soát việc sinh nở.”

“Ô, ý chị là giống như phổi giống gia súc sao?”

“Đúng vậy,” Shelby trả lời, “nhưng lại áp dụng trên người.”

Eli đã hết ca trực lúc chín giờ, nhưng trước khi ra về, anh vẫn giữ thói quen tuần tra lần cuối, dạo một vòng quanh thành phố vào ban đêm. Thông thường khi cảm thấy mọi thứ đều ổn thỏa, anh sẽ lái xe về nhà... nhưng tối nay, vụ án Cecelia Pike cứ luẩn quẩn trong tâm trí, khiến anh có cảm giác công việc vẫn chưa hoàn thành.

Anh vô thức lái xe hướng tới khu mỏ, với Watson chึêm chệ trên ghế phó lái. Phá vụ án này cũng không giúp anh được biểu dương, cũng chẳng khiến Cissy Pike sống lại. Và cũng không có gã công tố viên nào lại đưa một lão già với căn bệnh gan giai đoạn cuối ra tòa. Vậy thì vì sao nhỉ?

Watson quay qua, dựi đầu vào cánh tay Eli. “Bên ngoài lạnh lắm. Tao không mở cửa sổ bên phía mày đâu.”

Thực ra chuyện về Cissy Pike khiến anh phải trăn trở. Về ý nghĩa của quyền sở hữu – gia đình, người yêu, và gia sản – cũng như cái giá phải trả để che giấu sự thật. Là một thám tử, anh biết dù

hiểu rõ một người đến đâu thì cũng có lúc bạn phải sững sốt vì hành động của người đó. Nhưng hóa ra người ta còn có thể ngạc nhiên vì hành động của chính bản thân mình nữa.

Eli muốn đến dự buổi lễ Az Thompson sẽ tiến hành để nhặt hài cốt của Cissy Pike và con cô ấy. Không những chỉ vì anh là cảnh sát liên quan tới vụ án... mà còn vì anh là một người mang dòng máu lai Abenaki giống như cô ấy. Hơn thế nữa, anh cảm thấy có gì đó về cô ấy vẫn còn là điều bí ẩn.

Watson rón rén xích lại gần, dụi mũi vào cổ áo Eli. “Được rồi,” anh đầu hàng và mở cửa sổ. Watson thích anh lái xe kiểu này, gió thốc vào mõm nó, khiến lớp da quanh mõm rung rung như lớp cánh tí hon dập dờn. Bỗng nhiên, chú hếch mũi và cất giọng tru lên.

“Lạy Chúa, Watson, người ta đang ngủ đấy.”

Chú chó chỉ tru lên một hồi rồi đứng thẳng lên ghế, vẫy đuôi điên cuồng ngay trước mặt Eli. Eli tấp vội vào lề vì sợ lạc tay lái. Lúc xe vừa dừng bánh, Watson nhảy qua cửa sổ đang mở rồi chồm lên hàng rào bao quanh bức tường phía đông khu mỏ. Chú chó sủa inh ỏi, rồi đứng bằng hai chân sau, và cào móng vuốt vào hàng rào. Ngay lúc đó, có ai đó tiến lại gần. Là một cậu bé mang găng tay. Trời bắt đầu trở lạnh, nhưng chưa lạnh đến

mức mặc dày như thế. Eli nheo mắt, cố nhận diện gương mặt dưới vành mũ bóng chày, nhưng anh chỉ thấy được làn da sáng như mặt trăng. “Ethan phải không?” Anh gào lên.

Cậu bé ngẩng đầu lên. “Ối,” cậu nói, iu xiù trước ánh mắt của Eli. “Là chú đấy à.”

“Cháu làm gì ở đây? Ai cho cháu vào khu mỏ?”

“Cháu tự vào.”

“Mẹ biết cháu ở đây chứ?”

“Tất nhiên rồi,” Ethan đáp.

Eli biết người ta hẹn giờ nổ trong mỏ vào bình minh ngày mai – họ luôn báo cho cục cảnh sát biết để đảm bảo an toàn. Vì vậy, để Ethan lại gần khu vực gần vụ nổ chẳng phải là ý tưởng hay ho gì. “Trèo qua đây,” anh ra lệnh.

“Không.”

“Ethan, nhắc mông nhảy qua hàng rào và túm lấy cháu là chuyện nhỏ với chú đấy.”

Ethan lùi lại một bước, trong phút chốc Eli đã nghĩ cậu nhóc sẽ bỏ trốn. Nhưng sau đó cậu nhóc ném ván trượt về phía Eli, và trèo lên hàng rào. Cậu ra sức trèo như người nhện rồi nhảy xuống cạnh Eli, giơ cổ tay ra. “Đây này. Bắt cháu vì tội xâm phạm trái phép đi.”

Eli cố nín cười. “Có lẽ cháu sẽ mắt nhắm mắt mờ một chút vì đây là lần vi phạm đầu tiên.” Anh

quay về phía xe. “Muốn kể với chú làm sao mà cháu ở đây không?”

“Cháu lang thang bên ngoài và cứ thế đến đây.”

Eli liếc nhìn găng tay của Ethan lần nữa.

“Mẹ cháu không nói với chú à?” cậu bé cay đắng nói. “Cháu là một đứa quái dị.”

“Mẹ cháu chẳng kể gì với chú cả.” Eli vờ như không hề quan tâm tới việc Ethan muốn tiếp tục trò chuyện hay không. Anh trả ván trượt cho Ethan, quay về chỗ xe tải và huýt sáo gọi Watson. “Vậy thì chào cháu.”

Cậu bé há hốc miệng. “Chú bỏ cháu lại đây mà được sao?”

“Sao lại không? Mẹ biết cháu đi đâu mà.”

“Ý chú là chú tin lời cháu?”

Eli nhíu mày. “Sao chú lại không tin?”

Ethan đáp lại câu hỏi bằng cách ném ván trượt vào chỗ chở hàng phía sau xe tải rồi nhảy lên ghế phụ lái. Eli bắt đầu lái xe. “Khi chú sinh ra, những ngón tay của chú bị dính liền với nhau.” Anh nhận thấy ánh mắt Ethan nhìn chằm chằm vào bàn tay đặt trên tay lái. “Bác sĩ phải cắt chúng ra.”

“Thật là kinh dị,” Ethan buột miệng, sau đó lại đỏ mặt. “Cháu xin lỗi.”

“Này, cháu biết đấy, không sao hết. Chú sinh ra đã vậy. Điều này không ngăn cản được những gì chú muốn làm.”

“Cháu bị bệnh XP. Đại loại như dị ứng với ánh nắng mặt trời. Nếu cháu ra ngoài vào ban ngày, thậm chí chỉ cần một phút, cháu sẽ bị phỏng rất nặng. Và điều này cũng không ngăn cản được những gì cháu muốn làm.”

“Ví dụ như?”

“Mặc đồ tắm bơi lội rồi dang nắng dưới ánh mặt trời. Tân bộ khi trời còn sáng. Đi học.” Cậu nhóc nhìn vào Eli. “Cháu đang chết dần.”

“Tất cả mọi người đều vậy.”

“Đúng vậy, nhưng cháu sẽ bị ung thư da. Do những lần tiếp xúc với ánh sáng mặt trời trước khi người ta chẩn đoán được căn bệnh của cháu. Hầu hết những đứa trẻ bị bệnh XP đều qua đời trước tuổi hai mươi lăm.”

Eli cảm thấy lòng mình thắt lại. “Có lẽ chuyện đó sẽ không xảy ra với cháu đâu.”

Ethan lặng nhìn ra ngoài cửa sổ, ánh mắt xa xăm. Sau đó cậu nói, “Cháu dậy rất sớm, nên không có bạn chơi cùng. Vì vậy cháu đi ra ngoài. Trượt ván, lang thang tới gần trường. Buổi tối thì những đứa trẻ khác phải về nhà và đi ngủ. Còn cháu thậm chí không cảm thấy mệt vì đã ngủ cả ngày rồi. Cháu chỉ muốn đi đâu đó và thế là đến đây. Cháu là đứa quái dị,” cậu lặp lại. “Dù cố gắng đến đâu, cháu cũng không hòa nhập được.”

Eli quay qua nhìn cậu nhóc. “Điếc gì làm cháu nghĩ mình khác với người ta?”

Ross ngủ gật trên bàn phím, anh đang sáng tạo ra một con ma. Anh thức dậy, lưỡi chạm vào răng, cảm nhận mùi vị của sự tuyệt vọng. Thậm chí sau khi đánh răng rồi súc miệng với Listerine, anh vẫn không thể làm hương vị đó biến mất – đăng đăng như vị cam thảo, những tinh thể tí hon tan trên đầu lưỡi, để lại vị tuyệt vọng mang màu sắc hoàng hôn. Anh nhăn nhó bước xuống lầu, vào bếp rót ly nước trái cây và chợt nhận ra mình quên béng Ethan. Đã gần nửa đêm – cháu anh hẳn đã dậy được vài giờ rồi.

“Eth?” Anh gọi lớn, nhưng căn nhà vẫn yên tĩnh.

Liếc nhìn ra ngoài cửa sổ, xe Shelby vẫn không thấy bóng dáng. Cũng thật kỳ lạ – chị ấy phải về nhà từ lúc chín giờ rồi chứ, không thể trễ hơn được. Tín hiệu tin nhắn trên hộp thư thoại chớp tắt như ánh mắt ác quỷ; anh bấm nút. “Ross, Shel đây. Chị vừa tìm ra được vài thứ mà em không thể tin được đâu. Nói với Ethan rằng chị sẽ về nhà sớm, và em phải ở nhà đấy nhé... Chị có rất nhiều thứ muốn kể với em.”

Vậy thì cô không thể nào chở Ethan đi đâu được. Ross mở cửa, nhưng không chạy ra sân

trước và cũng không vòng qua sân sau. Anh chạy lên lầu, bước hai bậc thang một lúc rồi mở cửa phòng Ethan. Giường đã được xếp gọn; nhưng bộ đồ ngủ pi-ja-ma nhăn nhúm lại nằm lăn lóc dưới sàn. Cậu nhóc đâu rồi?

Ross cảm thấy khủng hoảng. Bất cứ một đứa trẻ chín tuổi nào cũng có thể gấp rắc rối, nhưng với Ethan, thế giới này còn có những mối nguy khác. "Ethan, không vui chút nào đâu," anh hét lớn. "Lết cái mông ra đây coi."

Nhưng anh biết, dù có hét lớn, Ethan vẫn không ở đó để nghe thấy tiếng mình gọi. Anh chộp lấy chìa khóa xe trong phòng, chạy vội xuống lầu. Nếu anh tìm thấy Ethan trước khi Shelby về nhà, sẽ không ai biết là cậu nhóc vừa biến mất.

Đúng lúc anh chạy đến xe mình thì một xe tải tấp vào bên cạnh. Chú chó của Eli Rochert nhảy xổ ra như quen thuộc lắm, sau đó Ethan bước ra khỏi xe. Mắt Ross kiểm tra từng chi tiết một – tất cả đều hoàn hảo, anh mỉm cười. Sau đó anh cân nhắc mình nên răn dạy đứa cháu như thế nào. Anh hết nhìn Ethan rồi tới nhìn Eli vốn đang im lặng khoanh tay. "Cháu muốn kể với chú mình đã đi đâu không?"

Trước khi Ethan kịp trả lời, Shelby tấp xe vào. Một chiếc hộp lớn nằm trong cốp xe. "Có chuyện gì ở đây thế?" Cô hỏi.

“Không có gì cả,” ba chàng trai đồng thanh.

“Thế thì cảnh sát làm gì ở nhà tôi vào nửa đêm thế này?”

Eli bước lên trước. “Anh, à ừm, đến đây vì biết em vẫn còn thức. Chơi với Ethan. Nhưng khi đến đây, em không có ở nhà. Đó, ý anh là vậy.”

Shelby sững sờ. “Anh cần tôi giúp tìm kiếm thứ gì khác hả?”

“Không, anh muốn mời em ra ngoài hẹn hò thôi.”

Lời đáp dường như cũng làm Eli bất ngờ. Ethan khẽ huých Ross, nhún vai tỏ vẻ mình cũng không biết chuyện gì đang xảy ra. Nhưng lúc này, sau khi Eli không hề hé răng về chuyện của Ethan, hảo cảm của Ross dành cho anh đã tăng vọt.

Đấy là còn chưa tính tới phản ứng của Shelby. Cô đỏ mặt quay ra chỗ khác, rồi lại nhìn vào mắt Eli. “Em đồng ý,” cô trả lời.

Từ ánh mắt hai người đắm đuối không rời thì Ethan và Ross cũng biết mình bị quăng lên Sao Mộc rồi. “Em đồng ý thật sao?” Eli hỏi lại.

Ethan khịt mũi. “Cháu lăn dùng ra mắt,” cậu nhóc la ó rồi chạy vào nhà.

Hành động cậu nhóc đã phá tan bầu không khí. Shelby tảng hắng rồi mở cốp xe. “Em giúp chị mang vào chứ?”

“Gì vậy?” Ross nhấc cái thùng lên rồi tuột tay vì quá nặng.

Shelby phủi tay dính đầy bụi vào quần. “Tư liệu lịch sử.”

• • •

“Đây được gọi là Đạo luật Cải thiện Giống nòi thông qua Triệt sản tự nguyện,” Shelby giải thích, “Đạo luật này được thông qua vào ngày 31 tháng 3 năm 1931. Vermont là bang thứ hai mươi tư trong số ba mươi ba tiểu bang thông qua đạo luật này. Từ những gì chị tìm được, có vẻ Henry Perkins là người đứng đầu sau những cuộc khảo sát trên những gia đình được cho là gánh nặng cho người nộp thuế... Spencer Pike và Harry Beaumont là cánh tay phải đắc lực của ông ta.”

Họ trải vài sô đồ phả hệ ra sàn bếp, và khoanh chân ngồi xung quanh. “Họ nghĩ rằng phạm pháp và suy đồi đạo đức là những thứ di truyền từ cha mẹ, giống như màu mắt hoặc chiều cao. Và cách tốt nhất để làm bang Vermont trở thành hình mẫu của quốc gia là phải đảm bảo toàn bộ gene di truyền phải tốt hết mức có thể. Theo logic, điều này có nghĩa là phải ngăn những người mang bộ gene kém ưu việt sinh con.”

“Tại sao dân chúng lại tin tưởng bọn họ?” Ross thắc mắc.

“Vì mấy người ủng hộ thuyết Ưu sinh những năm ba mươi đều là bác sĩ, luật sư, giáo viên, hoặc thẩm phán. Họ là những người như Oliver Wendell Holmes, Chủ Tịch Coolidge, Margaret Sanger. Dân chúng sẽ cảm thấy rằng những gì họ đang ủng hộ sẽ mang lại lợi ích lâu dài cho mọi người.” Cô kéo những tờ giấy từ Trường dạy nghề Vermont, Bệnh viện tâm thần Waterbury, Nhà tù liên bang. “Họ nhắm tới ba gia đình có những thành viên hay ra vào những cơ sở nêu trên. Gia đình Chorea bị ghi sổ đen bởi vì bị bệnh tâm thần. Gia đình Pirate sống trên thuyền và lều dựng gần bờ sông, nổi tiếng vì lối sống buông thả và vô đạo đức. Dân Gypsy hay lang bạt và dính líu với pháp luật... và còn nhiều gia đình khác nữa. Họ không nhất thiết phải có quan hệ huyết thống – những nhà nghiên cứu thuyết ưu sinh thường gọi họ là “thành viên trong gia đình” để tạo cảm giác liên quan không bao giờ tồn tại. Đến cuối những năm 1920, nhân viên xã hội tại địa phương đã ghi nhận sáu ngàn người rồi phân thành sáu mươi hai dòng họ khét tiếng. Ý tưởng chính là triệt sản những người này để họ không thể sinh ra những kẻ giống vậy.”

“Ai lại ngây thơ nghe bọn họ thuyết phục đây? Cuối cùng những gia đình này cũng phải hiểu chuyện gì đang xảy ra với họ chứ,” Ross phản bác.

“Cứ tưởng tượng nếu em sống trong lầu, có mươi đứa con, không tiền không bạc. Ngày nọ, một cô gái da trắng sang trọng bỗng dưng xuất hiện và yêu cầu được trò chuyện thì em phải ngạc nhiên đến mức chỉ biết mời cô ta vào nhà. Khi cô ta hỏi xem ảnh của con em, thì em sẽ tự hào mang ảnh ra khoe. Khi cô ta hỏi về họ hàng thì em sẽ kể những câu chuyện về gia đình. Em sẽ không biết trong lúc đó, người phụ nữ kia đang viết những lời nhận xét về căn nhà luộm thuộm và em dốt nát thế nào chỉ vì tiếng Anh của em không được lưu loát.”

Eli từng kể với Ross và Shelby những điều mình biết được từ Frankie về tính di truyền. Phát hiện của Shelby là mắt xích bị khuyết, là lý do giải thích vì sao quan hệ huyết thống của Sói Xám và Cecelia Pike đã gây ra đến cái chết của cô ấy. Phản ứng của Pike đối với tin tức đó, dựa trên niềm tin của anh ta vào thuyết Ưu sinh, rõ ràng sẽ rất cực đoan. Nhưng động cơ nào khiến anh ta ra tay giết người?

Anh chăm chú vào một biểu đồ xoắn ốc. Biểu đồ này rất khó đọc nhưng lại dễ hiểu – Liên kết từ thế hệ này sang thế hệ khác là lý do đưa gia tộc nào đó vào tầm ngắm. Một số liên kết tại phần cuối của biểu đồ là những người đàn ông và phụ nữ Eli biết. Họ đều có số phận hẩm hiu hơn người

khác. Điều này phải chăng là do vận rủi... hay do cảm giác tủi nhục đã bao vây họ? “Có bao nhiêu người bị triệt sản tất cả?” Eli hỏi.

Shelby lắc đầu. “Đó là thông tin duy nhất em không tìm thấy. Tính đến năm 1951, có 210 trường hợp triệt sản được ghi nhận tại tiểu bang Vermont – hầu hết diễn ra trong trường dạy người chậm phát triển, bệnh viện tâm thần, hoặc nhà tù. Tất nhiên, lý do khiến những người đó bị nhốt trong những nơi trên là vì lối sống của họ không giống với quy tắc xã hội: ví dụ hôn nhân không hợp lệ theo luật bang Vermont... Vì vậy các tổ chức an sinh xã hội sẽ đưa con họ đến trường nghề, người vợ bị nhốt vào bệnh viện tâm thần vì lối sống buông thả, còn người chồng sẽ bị giam vào tù vì phạm tội lạm dụng tình dục.”

“Nhưng họ tự nguyện mà,” Ross thắc mắc.

“Đấy là theo lý thuyết. Nhưng có rất nhiều mức độ “tự nguyện”. Đôi khi chỉ cần hai bác sĩ đồng ý là được. Các bệnh nhân dường như không bao giờ biết chọn lựa nào là tốt nhất cho bản thân mình.”

Eli cảm thấy cơn đau nửa đầu nhói lên từ sau mắt trái. Suốt những năm sống tại thị trấn này, anh chưa từng nghe tới dự án ưu sinh. Văn phòng khảo sát nằm trên số 138 phố Nhà Thờ giờ đã biến thành cửa hàng bán nến và hương trầm.

Anh nhớ đến bà Tula Patou sống gần bờ sông. Bà không hề có đứa con nào sau sáu mươi năm hôn nhân. Nghĩ về cậu – mẹ, cô – chú vẫn không có con, dù không phải là không cố gắng. Họ có bị triệt sản hay không?

Họ thậm chí có biết không?

Có những người sống ở Comtosook vẫn còn bị ám ảnh bởi những gì đã xảy ra vào những năm 1930. Những người đứng giữa hai luồng quan điểm. Những nạn nhân quá sợ hãi để nhắc lại chuyện xưa vì e ngại chuyện này sẽ lặp lại lần nữa. Còn những người từng ủng hộ lại im thin thít vì mặc cảm tội lỗi.

Nếu tranh chấp trên mảnh đất nhà Pike đang sắp bốc hỏa, thì phát hiện này sẽ là chất xúc tác.

Bỗng nhiên Eli nhớ lại thời điểm đứng xếp hàng cạnh mẹ để nhập học. Lúc đó anh mới năm tuổi, ánh mặt trời chiếu lên mái tóc mẹ đã chải chuốt gọn gàng. Bà nắm lấy tay anh như bao người mẹ khác, nhưng khi hai người đến gần bàn thư ký, bà hôn vào má anh và bảo rằng bà sẽ đợi anh bên ngoài. “Với diện mạo của con, con có thể đậu.” Bà nói với anh một cách ẩn ý khi anh quay lại tìm bà sau đó.

Không phải người Abenaki không nhớ những ngày người ta làm lễ rửa tội cho mấy đứa trẻ Gypsy; họ nhớ rất rõ là đằng khác.

Eli cúi xuống một sơ đồ phả hệ khác. “Giả sử ông Pike không biết gì? Nếu người vợ yêu quý của ông ta sinh ra... một đứa con có làn da ngăm đen?”

“Và cô ấy hay đi lại với Sói Xám vì ông là cha ruột của cô...” Ross cắt ngang.

“Và Pike hiểu nhầm đứa bé là con của Sói Xám.”

Với một người đàn ông đã dành cả sự nghiệp để chứng minh người Abenaki là dòng dõi kém ưu việt thì điều này không hay tí nào. Điều này lý giải vì sao Pike phải chôn đứa bé sơ sinh trước khi chính quyền thấy mặt nó. Điều này cũng giải thích vì sao ông ta sát hại vợ mình.

“Chuyện gì đã xảy ra với dự án? Tại sao dự án bị dừng lại?” Ross hỏi.

Shelby bắt đầu sắp xếp mớ tư liệu. “Tài chính cạn kiệt. Rồi sau đó đến thời Hitler. Luật Phòng chống Di truyền Gene khiếm khuyết cho đời sau của Đức Quốc Xã được xây dựng trên mô hình triệt sản những đối tượng kém ưu việt tại Mỹ.”

“Vậy luật này bị bang Vermont hủy bỏ lúc nào?”

“Đây mới là vấn đề,” Shelby giảng giải. “Luật này không hoàn toàn bị hủy bỏ. Mà bị chất vấn bởi Liên đoàn Tự do Dân sự Mỹ vào những năm 70... và cách diễn đạt đã bị thay đổi... nhưng điều luật triệt sản vẫn còn có hiệu lực.”

Một cái tên trên một biểu đồ đập vào mắt Eli. Pial Sommers, cưới Isobel DuChamps bị thiểu năng. Con cái của họ: Sopi đã chết năm lên bảy tuổi. còn có Winona và Ella. Ella Sommers đã cưới một người đàn ông mình gặp khi làm bồi bàn tại Burlington. Tên ông ta là Robert Rochert, và ông ấy là cha của Eli.

Theo như sơ đồ, Pial Sommers là một trong bảy người con và là người duy nhất không bị điên, phạm pháp hay hư hỏng. Một đường chấm nhỏ tách ông khỏi gia đình nhà ngoại và mười người anh chị em họ đầu tiên, người trẻ nhất có tên John Delacour “Sói Xám”.

Ethan lăn qua lăn lại trên giường khi cậu Ross mở cửa phòng ngủ. “Cháu vẫn còn thức sao?” Ross hỏi.

Cậu bé hướng mắt ra ngoài cửa sổ ngắm mặt trời mọc. Tấm kính cửa sổ dày vẫn bảo vệ cậu như thường lệ. Cậu biết mình gặp may; nếu Eli Rochert quyết định nói thật và nếu mẹ cậu không lôi thùng tài liệu cũ về nhà, cậu đã bị một trận nhù tử vì cái tội lén ra ngoài.

“Cháu biết cậu định nói gì,” Ethan thở dài. “Nhưng cháu cũng không cố ý khiến cậu gặp rắc rối.” Cậu chọt vào đường chỉ khâu trên ga trải giường xanh nhạt in hình đồ chơi xe tải. Có ai

khác ngoài Ross nhận ra cậu bé đang ngày một trưởng thành không? “Chỉ là mẹ không hiểu được. Và cậu cũng vậy.”

Ross ngồi xuống mép giường, đặt laptop trên tay xuống sàn. “Tại sao lại là cậu?”

Ethan quay sang nhìn chú với ánh mắt sáng rực. “Bởi vì cậu từng nhảy dù tự do, liều mạng chấn tàu hỏa, và chống trả khi có ai đó đâm dao về phía mình. Tất cả những câu chuyện cậu kể cho cháu nghe về những gì mình đã làm. Đôi khi cháu thức dậy muốn chạy đến một nơi cùng trời cuối đất, và nếu không làm được điều đó, sao cháu không chấm dứt cuộc đời mình tại đây và ngay bây giờ.”

Ross lắc đầu. “Cậu làm những chuyện đó không phải vì ham thích cảm giác mạnh. Đó là vì thỉnh thoảng cậu mất tinh thần đến mức cần cảm nhận được cái gì đó, bất kể là cảm giác gì. Và nếu kim châm không có tác dụng thì phải dùng đến dao phay.”

“Cháu biết,” Ethan thở dài. “Vậy mới ngầu chứ.”

“Vấn đề là, Eth, cậu sẽ từ bỏ tất cả để được ngồi trên giường trong một căn nhà an toàn, biết chắc rằng bên kia bức tường đang có người thà chết còn hơn tưởng tượng đến cảnh cậu bị thương.” Anh kéo một đường chỉ trên tấm chăn mà Ethan

đang nghịch, chọn ngay sợi chỉ giữa hoa văn chiếc xe tải. “Đừng cố trở thành người như cậu,” Ross khuyên nhủ, “Trong khi cậu đang cố gắng trở thành một người khác.”

Bỗng nhiên Ethan cảm thấy như có cái gì chẹn ngang cổ họng, những giọt nước mắt ngu ngốc cứ chảy ra. “Cháu chỉ muốn là người bình thường,” cậu bé thốn thức.

“Đúng vậy,... nếu không có cậu cháu mình thì những người bình thường biết lấy gì để so bì đây.”

Ethan nắc cục giữa lúc cười rộ lên. “Vậy cậu cháu mình cặp kè với nhau đi.”

“Chính xác,” Ross trả lời, mở laptop để Ethan thấy màn hình. “Vì cậu cần đến sự giúp đỡ của cháu.”

Ngay khi Eli trở về từ nhà Shelby, biết thêm một đống thông tin kinh dị mới, thì đã hơn ba giờ sáng. Vụ nổ tại khu mỏ sẽ bắt đầu vào lúc năm giờ, nhưng anh chèn gối lên đầu, ráng ngủ thêm tí nữa. Vì vậy khi tiếng chuông cửa reo lên lúc 6:30 sáng, anh nghiêm túc nghĩ đến việc xả súng dọa cho người gọi cửa biến đi. Nhưng sau khi cân nhắc thời gian bị đình chỉ công tác kèm theo mớ giấy tờ khủng khiếp để giải trình việc xả súng, anh đành ra khỏi giường, mặc mỗi chiếc quần ngắn.

Frankie vọt vào căn hộ ngay khi anh mở cửa. “Anh sẽ không thể đợi để nghe điều này đâu,” Cô cất tiếng, đi một mạch vào nhà bếp, chộp lấy bình cà phê trống rỗng và tặc lưỡi. “Tôi đã xét nghiệm chiếc áo ngủ của phụ nữ cho anh.”

“Frankie...”

“Anh nhớ thứ anh nghĩ là máu của nạn nhân chứ?”

“Nhớ chứ.”

“Thật ra không phải. Anh không để cà phê trong tủ lạnh sao Eli, như phần còn lại của thế giới văn minh vẫn làm ấy?” Cô quay qua, giơ bình cà phê lên cao. “Anh đang mặc quần chíp, Chúa ơi.”

“Quần lót. Đàn ông trưởng thành không mặc quần chíp.”

“Đàn ông trưởng thành thường mặc áo quần chỉnh tề trước khi mở cửa.”

“Frankie,” Eli thở dài, “Anh mới ngủ có ba tiếng. Đừng lồng nhằng với anh.”

Cô đã tìm ra cà phê đặt trong cái hộp trên đầu tủ lạnh, bên cạnh hộp xi giày đen bóng, và bắt đầu săm soi túi cà phê. “Phân su.”

“Không phải. Đó là cà phê Colombia.”

“Ý là vết bẩn, đồ ngốc. Trên chiếc áo ngủ của phụ nữ.”

Eli vừa ngáp vừa gãi ngực. Lúc này anh mệt đến mức chả thèm nghĩ mình có nên che đậm thân thể trước mặt Frankie hay không, mà đang hứng thú vào những gì cô thu hoạch được trong phòng thí nghiệm hơn. “Vậy phân su là gì? Một loại phóng xạ? Em định kể với anh rằng người ngoài hành tinh đã bắt cô ấy phải không?”

“Đó là phân thô, đồ ngốc. Phân su – phân em bé.”

“Đúng vậy, tụi anh biết cô ấy sinh em bé vào đêm đó. Thì sao chứ.”

Máy pha cà phê phát ra tiếng xèo xèo, Frankie lôi ra hai cái cốc cộc lệch. “Anh đã kể với em rằng người phụ nữ sinh ra đứa con chết yếu. Đứa trẻ mà chết yếu thì không ị ra phân su.”

Câu nói cuối cùng của cô cắt ngang cảm xúc của Eli, khiến anh lập tức tỉnh táo lại. “Chờ đã...”

“Đó,” Frankie nói. “Đứa bé lúc đó còn sống.”

Hôm nay là ngày chơi Bingo, và dù Eli hoàn toàn không có ý định tham gia, một nhân viên vui tính tại viện dưỡng lão vẫn đưa thẻ đến trước mặt anh. “B-II”, cô quản trò müm mĩm mặc áo liền quần giống hệt quả bí ngô reo lên. “B-II!”

Anh thấy Spencer Pike trước khi ông lão thấy anh, sau đó tiến tới gần thực tập sinh đang đầy

ông ta vào phòng. “Để anh lo việc này,” Eli nói, nắm lấy hai tay cầm xe lăn rồi đẩy ông Pike vào một góc, tránh xa cái giọng oang oang của cô quản trò Bingo.

Eli không kịp thích ứng với cảm giác căm thù toát ra từ lòng mình. Đây là kẻ cố gắng xóa bỏ gia đình anh. Là người đàn ông từng nghĩ rằng mình có quyền phán quyết ai nên sống sót. Người đàn ông đã từng đóng vai Chúa Trời.

Eli đã sững sốt khi đọc những báo cáo viết năm 1932, tại nơi hành động tàn ác diễn ra giữa ban ngày, và lệnh bắt giam không hề mảy may lọt vào mắt đám cảnh sát. Nhưng sự tàn bạo đến rất dễ dàng, tuôn trào khi trong lòng người ta giận dữ đến mức mặc bản thân cuốn theo cảm xúc.

“Biến đi,” Spencer Pike nói một cách rành mạch.

Eli cúi sát lại, ghìm vai ông Pike vào lưng xe lăn. “Ông nói dối, ông Spencer.”

“Tôi thậm chí không biết cậu là ai.”

“Mẹ kiếp, ông biết chứ. Não của ông vẫn ổn. Tôi cá rằng ông vẫn còn nhớ như in những gì mình đã làm. Tôi cá rằng thậm chí ông còn nhớ rõ tên họ.”

“Tên ai?”

“O-75,” Người quản trò vẫn gào lên. “Chúng ta đã có người chiến thắng trò Bingo chưa nhỉ?”

“Ông nghĩ mình rất thông minh khi khai với với cảnh sát rằng mình vừa hạ thi thể vợ xuống. Nhưng ông đã hạ cái xác xuống nhiều giờ trước khi báo án.”

Thái dương Spencer giật lên. “Điều này thật lố bịch.”

“Vậy sao? Ý tôi rằng tuy tôi không ở đó. Tôi thậm chí chưa ra đời. Thì sao tôi có thể biết?” Eli dừng lại. “Ông đã từng nghe về ngành pháp y chưa ông Spencer? Ông có biết ngày nay một xác chết có thể nói cho chúng tôi bao nhiêu điều hay không? Chẳng hạn như khi nào cô ta bị giết. Giết như thế nào. Dấu vết để lại là của thằng ngu nào.”

Spencer quờ quạng đẩy anh ra. “Cút khuất mắt tao.”

“Ông giết ai trước Spencer? Đứa bé, hay vợ ông?”

“Y tá!”

“Chắc ông đã tức điên khi biết mình cưới một người như vậy hả? Rồi biết con ông cũng là thứ dân đó.”

Mặt ông Pike tái mét. “Dân giì?”

“Dân Gypsy,” Eli trả lời.

Ngay tức khắc ông Pike giãy dụa ra khỏi xe lăn. Da ông tím tái, đôi mắt ẩng ặng nước xoáy vào Eli. “Cậu... Cậu...” Ông thở khò khè.

"I-20. Còn ai không?"

Ông Pike ôm ngực, vươn người túm lấy tay vịn, nhưng bị trượt rồi ngã về phía trước, đập xuống sàn. Cô quản trò hét lên, vội vàng chạy từ phòng trước đến. Hai thực tập sinh vạm vỡ tiến tới gần họ. Eli cúi xuống bên cạnh ông Pike. "Cảm giác thế nào, khi phải kháng cự trong bất lực?" Anh thì thầm.

Trong cuộc hỗn chiến sau đó, ông Pike đã hành hung nhân viên ra tay giúp đỡ ông, hét lên những lời lẽ thô tục và cào cô y tá đến rướm máu. Phòng sinh hoạt trở nên hỗn loạn khi một đám bệnh nhân cổ động ông ta, những người khác thì gào khóc, và hai người khác bắt đầu cãi nhau xem ai thắng trò Bingo trước. Eli lặng lẽ ra khỏi phòng, bước xuống sảnh chính của nhà dưỡng lão rồi đi thẳng ra cửa trước, miệng huýt sáo.

Maylene Warburton di chuyển quả cầu pha lê khoảng một gang tay về phía bên phải, ngẩng mặt lên trời đầy hy vọng. Một lúc sau, cô chửi bậy và quay sang chồng. "Curtis, em không thể gọi hồn khi có anh ta đứng ở đây. Cảm xúc tiêu cực sẽ khiến các linh hồn tránh xa."

Từ trên chiếc ghế xếp, Rod van Vleet bùng nổ. "Đã bốn tiếng rồi, anh Wakeman có vẻ chẳng

thấy khó khăn như thế. Có bao giờ quý vị nghĩ có lẽ lỗi là do chính quý vị không đây?"

"Anh thấy chưa?" Maylene hét.

"Cắt!" Curtis gào lên, vỗ vào lưng người quay phim lúc bước vào khoảng đất trống, "Johannes, nghỉ năm phút." Anh mỉm cười với vợ, dỗ dành rồi kéo cô về phía ông Rod. "Nếu tất cả chúng ta không đồng tâm hiệp lực thì chuyện những linh hồn không xuất hiện cũng chẳng có gì là lạ."

"Một linh hồn," Rod đính chính. "Tổng khứ một con là đủ lắm rồi."

Rod bắt đầu tin vào giả thuyết ban đầu của mình – ví dụ những tay điều tra hiện tượng tâm linh đều dở hơi, và những con ma có lẽ là nàng Tiên Răng. Nhà Warburton có lẽ là lựa chọn tất yếu vì Ross Wakeman vẫn hay nhắc đến Curtis và chương trình *Đêm Ông Kẹ* là một trong những chương trình về tâm linh nổi tiếng nhất trên truyền hình cáp. Thêm nữa, Curtis đã hỏi về việc phỏng vấn Rod trong khi ghi hình. Ai có thể cưỡng lại hiệu ứng quảng cáo như thế?

Nhưng sau nhiều lần ầm ĩ, khoa trương và màn trình diễn rầm rộ liên quan tới bà vợ tự xưng là có khả năng ngoại cảm của Warburton thì lại chẳng có ma quỷ nào xuất hiện. Không có tiếng dây xích bị kéo lê, không có những va chạm mạnh giữa đệm, thậm chí còn không có tiếng than khóc nào.

Máy đo EMF được đặt cố định cạnh tảng đá – Sau khi mọi người tháo hết tất cả đồng hồ, điện thoại và những thứ có thể gây ảnh hưởng tới từ trường ở đó – thì máy vẫn không nhúc nhích. Sau đó, Curtis Warburtons lại lải nhải với anh rằng thỉnh thoảng phải mất một khoảng thời gian để linh hồn chuẩn bị xuất hiện trước mặt những người điều tra.

“Ông biết đấy,” Curtis nói, “Đôi khi chúng tôi cần thêm vài đêm để những con ma cảm thấy thoải mái khi xuất hiện.” Rod trợn tròn mắt. “Đúng vậy. Vấn đề là biết đâu con ma tự quyết định rời khỏi đây mà không cần phải...”

Lời nói bị cắt ngang bởi một ánh sáng lóe lên chẳng biết từ đâu nhưng cứ di chuyển xung quanh, lướt qua những ngón chân trong giày Rod trước khi sáng bừng lên.

“Johannes,” Curtis thét lớn. “Nhắc mông qua đây!”

Ánh sáng chói đến nỗi Rod có thể thấy rõ bóng mình như ban ngày. Không nói nên lời, anh ngồi xổm xuống đất.

Nhưng cái bóng của anh lại không.

“Chúa ơi,” Rod rên rỉ. “Chết tiệt.” Khối đen di chuyển qua vùng sáng và nâng tay lên. Trên đầu, những đốm sáng màu hồng nhạt bắt đầu bay lên giữa màn đêm. Một cơn gió cuốn qua khu đất

trống, nhấn chìm từng đốm sáng vào màn đêm, khiến mùi hương nữ tính lan tỏa khắp nơi.

“Có phải,” Maylene hỏi, “con ma là phụ nữ đúng không?”

Trái tim Rod bắt đầu run lẩy bẩy. “Chính là cô ta. Chính là người vợ bị giết hại.”

“Đây không phải là nơi thuộc về bà,” Curtis hét lớn. “Đây cũng không còn là thời đại của bà nữa rồi.”

Âm thanh cảnh cáo duy nhất anh nghe được là tiếng lá xào xác trên đầu khi cành cây to bên cạnh gãy gục xuống, suýt nữa đụng đầu anh, đè nát ba lô đựng máy quay phim. “Chết tiệt,” Johannes thở hổn hển.

“Ông cần phải đi đến chỗ ánh sáng,” Curtis thúc giục.

Rod cảm thấy thứ gì đó đang ngọ nguậy trong tay mình, rồi áo khoác đang cầm trên tay đột nhiên tuột ra và bay thẳng ra giữa khoảng đất trống như bị quỷ ám. “Này!” Anh ta vọt dậy la hét. “Bà ta lấy áo khoác của tôi rồi!”

“Tôi nghĩ bà ta đang cố tái hiện cảm giác khi ông chiếm lấy vùng đất của bà ấy,” Curtis giải thích.

Rod điên cuồng quay ngoắt lại. “Đây là đất của tôi!”

“Curtis, nhiệt độ đang giảm.” Maylene vãy vãy nhiệt kế kỹ thuật số trong không khí. “Nhìn này.” Trên mặt đất, máy đo EMF chớp nháy liên hồi. Một dải sương mù trắng toát từ trên trời phủ xuống, bao trùm khắp khu đất trống.

“Tiếp tục quay phim đi Johannes,” Curtis thì thào rồi lại hét lên. “Bà không thể sống ở đây nữa đâu. Hãy bước qua thế giới bên kia. Cho chúng tôi thấy bà đã rời đi!”

Sương mù tan biến, và Rod liếc xuống mặt đất phủ đầy cánh hoa hồng. Anh khuỷu gối, nhặt một cánh hoa lên, vò nát giữa ngón cái và ngón trỏ, rồi ngược nhìn bầu trời quang đãng.

Một tiếng típ phát ra, cả ba người nhảy dựng lên. “Xin lỗi,” Johannes cất tiếng. “Đây là tiếng báo hết cuộn phim.”

“Tôi nghĩ cả hai chúng ta đều được toại nguyện.” Curtis mỉm cười nói với Rod.

Ông đứng dậy, nhìn xung quanh. “Ý anh xong rồi hả? Giờ bà ta đã đi rồi?”

“Đây chẳng phải là điều ông muốn sao?”

Rod gật đầu. “Nhưng làm sao để ngăn bà ta trở lại?”

“Một khi đã tìm thấy đường qua thế giới bên kia thì không có lý do gì để bà ta trở lại. Tất nhiên trừ khi tấm séc của ông không hợp lệ.” Curtis toét

miệng cười vì câu nói đùa của mình rồi bắt đầu thu thập những thiết bị đã mang tới. Maylene cất quả cầu pha lê vào túi lụa nhỏ xíu.

Rod đưa cho Curtis Warburton một phong bì đựng chi phí chuẩn bị sẵn, rồi tiễn anh đến cổng trước, nơi xe đang đậu. “Vậy... là xong sao? Tôi có thể khởi công bây giờ?”

“Ông có thể khởi công.” Curtis khẳng định. “Nhưng giờ ông không còn bạn chung phòng nữa.”

“Curtis.” Maylene ngoài đầu ra khỏi cửa sổ ghế phụ. “Anh có thể đưa em ra khỏi Mayberry và tìm một quán café Starbucks được không?”

“Đến ngay.” Anh bắt tay Rod. “Giúp tôi một việc được chứ? Khi ông thấy Ross Wakeman lần nữa, hãy kể với anh ta chuyện tối nay.” Anh bước vào xe, vẫy tay rồi lái xe xuống đường Otter Creek Pass.

Một chiếc xe tải cắt ngang một chiếc xe khác đang chạy trên đường. Rod nhíu mắt nhìn ánh đèn pha tiến lại gần cho tới khi tắt hẳn. Xe cảnh sát trưởng, động cơ vẫn còn chạy, vừa đậu sát vài mét bên cạnh Rod. “Ông van Vleet?” Cảnh sát trưởng lên tiếng.

“Vâng?” Tim Rod bắt đầu nảy lên. Chẳng nhẽ trực xuất một con ma là vi phạm pháp luật?

“Cái này gửi cho ông.”

Rod mở phong bì gửi từ tòa án quận, đọc văn bản rồi chửi thầm.

Anh ta vừa trực xuất xong con ma và giờ chính mình cũng phải cuốn xéo.

Khi Ethan trèo xuống thân cây, Ross ôm eo cậu nhóc. “Từ từ thôi,” Anh nói. “Không nên làm hỏng thứ gì.”

Ross cẩn thận chờ gần một tiếng rồi mới dám xuất hiện sau khi nghe được tiếng Rod van Vleet lái xe rời đi. Ross rướn lên, duỗi thẳng cơ thể trong khi Ethan tiếp đất. “Thu gom hết rồi,” anh cam đoan, tay vỗ lên chiếc ba lô đang mang. Mấy quả bóng chứa gần khí hê-li – chính là mấy đốm sáng – đang được cột lộn xộn quanh eo Ross, bay dập dờn. “Không hề để lại dấu vết nào đấy nhé.”

Mùi hương, đốm sáng, cánh hoa hồng, sương mù là chính là những hình ảnh có thật mà Ross thấy khi gặp Lia lần đầu. Nhưng lần này, chúng hoàn toàn nhân tạo. “Cháu lấy máy chiếu chưa? Dây cáp nữa? Và những tấm gương nữa?”

“Cháu thậm chí còn thu xong dây cước rồi.” Ethan cười toét miệng. “Cậu có thấy vẻ mặt Rod khi áo khoác của ông ta bay lơ lửng không?”

“Chú đã nói không được thử trò đó. Giả sử ông ta di chuyển và lưỡi câu mắc vào mu bàn tay

ông ta thì sao?" Ross liếc nhìn những thiết bị mà anh và Ethan đã sắp đặt trước khi nhà Warburton đến tối nay. Một cảm giác mỉa mai hết sức ngọt ngào khi chơi khám một gã vẫn quen giờ những mánh khóc tương tự – nhưng Ross biết quá trình bày ra những trò này đã diễn ra hết sức thuận lợi. Đầu tiên, Warburton muốn tỏ vẻ chuyên nghiệp nên sẽ không chú ý đến những thứ kỳ quái. Thêm vào đó, vùng đất ma ám này nằm ngoài trời chứ không hề bị giới hạn trong phạm vi phòng kín chính là yếu tố giúp Ross dễ dàng sắp đặt gương, ánh sáng và bong bóng giữa đêm khuya.

"Cháu không thở nổi vì nước đá khô." Ethan vừa nói vừa khoa chân múa tay. Cậu bé nhìn Ross cúi xuống phủi những cánh hoa hồng rơi ra từ vỏ gối của Shelby. "Cậu mà làm bẩn những cái này, mẹ cháu sẽ giết cậu."

"Mẹ cháu đã giết cậu trước vì cậu đã xài sạch chai nước hoa rồi," Ross đáp lại. Anh đi đến chỗ phủ đầy cánh hoa hồng trắng.

"Tuyệt nhất là tác động lên nhiệt kế. Làm thế nào mà cậu khiến nhiệt độ giảm đi vậy?" Ethan thắc mắc.

Ross nhấc thùng xốp đựng đá khô lên vai rồi đi bộ xuyên qua rừng, tới điểm anh giấu chiếc xe. "Không phải cậu," anh thú nhận. "Cậu nghĩ chúng ta vừa gặp may."

Anh cũng thắc mắc khi đang ngồi trên cành cây theo dõi buổi biểu diễn dưới mặt đất, đúng là may mắn khi lúc đó không khí trở nên lạnh hơn. Đây chắc chắn là điều có thể giải thích bằng khí tượng, ví dụ như do một cơn gió bất chợt thổi đến, một đợt khí lạnh lướt qua. Nhưng máy đo EMF lại là chuyện khác. Ross đã từng cầm cái máy đo EMF trên tay; cái máy nhạy đến mức bắt được tín hiệu có người đứng sau bức tường hoặc có sấm sét đang đến.

Anh chắc chắn rằng mình và Ethan đứng cách xa, máy EMF không thể bắt tín hiệu... nhưng cái máy vẫn réo lên. Không có vật thể nào tiếp cận để khởi động nó, cũng không có thời tiết khắc nghiệt. Có thể quy cho sự cố kỹ thuật, pin bị hư, hay hỏng hóc đâu đó.

Tia hy vọng lan ra trong tâm trí Ross. Hoặc cũng có lẽ không phải vậy, anh nghĩ.

• • •

Eli đứng bên cạnh cảnh sát trưởng, phải đóng bộ cẩn thận bởi vì viên cảnh sát trưởng rất biết tạo dáng chụp ảnh khi có dịp, ông nheo mắt khi đèn máy ảnh chớp lên. Eli không xem buổi lễ chính, lúc này cảnh sát trưởng Follingsbee đang trao cho ông Az Thompson lệnh của tòa án từ thẩm phán quận, chính thức chấm dứt việc phát triển

dự án trên vùng đất của ông Pike, hủy bỏ việc di dời những người Abenaki còn lại trong vùng đất. Thay vào đó, Eli quan sát những khuôn mặt trong đám đông – những con người anh biết bỗng nhiên nhìn hoàn toàn khác hẳn.

Ví dụ như ông Winks đã từng sa vào rượu chè quá chén, vợ ông đã bỏ ông đi với một cậu học sinh cấp 3 trong lớp tiếng Anh bà dạy. Nhưng hôm nay đây ông đang mỉm cười theo nhịp của cả ban nhạc, niềm vui ngày hôm nay càng đậm vị ngọt vì đời ông gặp quá nhiều trắc trở. Ông lão Charlie Rope nhân dịp vui này cũng công kênh cô cháu gái trên vai cùng ra xem. “Con nhìn kỹ nhé,” Eli nghe thấy ông lão nói, nhẹ nhàng xốc nẩy cô bé. “Đây là thứ chúng ta cần phải nhớ.”

Thậm chí người khắc kỷ như ông Az Thompson, người phát ngôn không chính thức của dân Abenaki, cũng xúc động bởi dịp này. Đây là một trong những chiến thắng hiếm hoi. Mỗi khi người Abenaki cố gom tiền để tranh mua đất hoặc mua quyền đánh bắt cá, họ đều bị thua do họ không được liên bang công nhận như là một bộ lạc và vì thế họ không có quyền phát ngôn. Theo như Cục Sư vụ Cư dân Bản địa, để được công nhận là một bộ lạc, một nhóm cư dân bản địa cần phải chứng minh lịch sử văn hóa được tiếp diễn trong hàng trăm năm.

Đối với dân Abenaki, lịch sử của họ có một khoảng trống bắt đầu từ những năm 1930.

Eli đã luôn cho rằng việc này là do người Abenaki có phần thiếu tổ chức, hoặc thiếu định hướng, hoặc cả hai. Nhưng giờ anh tự hỏi phải chăng họ bị đặt trong hoàn cảnh lưỡng nan. Khi Shelby nói vào đêm hôm trước – để khỏi bị đưa vào danh sách đen của những người theo thuyết Ưu sinh hồi những năm ba mươi, người Abenaki phải kết hôn khác chủng tộc, làm những công việc như người da trắng và lấy tên của người da trắng. Họ rời khỏi tiểu bang và sống cùng với những bộ lạc đang tồn tại khác. Họ giấu truyền thống của mình để bảo tồn chúng mãi mãi. Và giờ họ lại bị thiệt thòi vì điều đó.

Eli nhìn mấy người Abenaki kéo những cái trống lớn mang ra cho dịp lễ này. Giọng của họ, trầm lắng và khẩn nài, bện lại với nhau trong những giai điệu lạ lùng. Bài hát của người thổ dân không theo bài bản được viết sẵn; chúng giống như dòng sông, cứ trôi dạt tùy lòng. Eli nhớ những mùa hè bên bờ sông với gia đình nhà ngoại; nhớ tiếng nhạc thẩm qua từng khe lều vào đêm khuya, nhớ những âm thanh đưa anh vào giấc mộng.

Bài hát này là lịch sử của họ. Cũng như những ký ức khác của Abenaki, bài hát này được truyền miệng. Còn những con chữ viết ra, như tờ giấy

mà Az hiện đang cầm kia, chẳng có ý nghĩa gì, cho tới khi người ta tạo ra một huyền thoại, rồi huyền thoại đó được kể bởi đứa cháu ngoại của Charlie Rope cho con cháu của cô bé. Eli tự hỏi bao nhiêu người đàn ông và phụ nữ còn nhớ tới những gì xảy ra ở thị trấn Comtosook dưới thời Spencer Pike. Chính sự im lặng lồ lộ đã nói lên rất nhiều – rằng câu chuyện ấy sẽ không được kể lại cho đời sau, vì lý do nào đó. Eli nhận ra chính câu chuyện không lời ấy có sức nặng hơn hết thảy.

“Đây,” một giọng nói cất lên từ sau vai anh, “là sự xúc phạm.” Rod van Vleet nhìn như muốn nhổ vào đám truyền thông đông đúc đang ghi hình. “Đây là miếng đất của tôi, và thằng thắn mà nói tôi không quan tâm nó có thuộc quyền sở hữu của mấy tên đại bàng đâu hói chậm phát triển ngồi trên xe lăn hay không – Tôi đã trả tiền cho khu đất này, rất công bằng và hợp lý.”

“Tôi chắc chắn rằng ông sẽ lấy lại được tiền,” Eli nói, mặc dù anh không thấy đám bảo chót nào. “Họ đâu muốn mang tiếng cho đi xong đòi lại.”

Van Vleet nheo mắt, không vui vẻ gì với câu đùa của Eli. Anh đẩy tới những nhà phóng viên và lấy bản hợp đồng từ Spencer Pike ra khỏi túi. “Bố khỉ chúng bây”.

Anh ta xé vụn tờ giấy, ném lên trời. Chúng

xoay đảo rơi xuống nhẹ như lông vũ. Khi dõi nhìn mấy mẩu giấy chạm đất, Eli chú ý một chồi xanh nhú lên, trông như cây nghệ tây. Rõ ràng mặt đất đang tan băng. Còn ai khác biết những gì nằm ẩn bên dưới?

Eli đút tay vào túi và bước về hướng nhóm người Abenaki đang hát. Từ ngữ phát ra từ cổ họng anh, cất lên điệp khúc anh quên rằng anh đã từng biết. Và thậm chí những người ở xa vài dặm tại Swanton và Morrisville cũng đang nghe bài hát của gió mà không cần phải nhận ra chúng, họ đột nhiên dừng việc cắt cỏ và lau dọn nhà bếp, bằng cách nào đó họ nhận thức được giai điệu đã thay đổi.

Những sự biến đổi vẫn diễn ra dần dần, nhưng bởi lần này cư dân tại thị trấn Comtosook để ý nên nhận ra ngay. Khi băng keo không dính, họ mỉm cười hiểu ý. Khi đưa hấu tại cửa hàng Gas & Grocery chín nẫu tỏa tràn mùi của mùa hè ra lề đường như sương mù, mọi người đều biết. Họ tìm thấy cỏ bốn lá trong ví của mình, được kẹp giữa hai tờ tiền lớn; họ nghe linh miêu nức nở trên những ngọn đồi; họ thấy gói nầm êm ái vào buổi đêm – tất cả những điều này đều có thể được giải thích bởi nguyên nhân này khác, nhưng thay vào đó được quy cho con ma của họ.

Vì vậy lúc Ross bước ra ngoài mái hiên của nhà Shelby và nhìn thấy vật đó, anh cứ nghĩ đó là do bạn sóc hay trò đùa của đứa trẻ hàng xóm. Hoặc cũng có thể là một bàn tay hoàn toàn khác sắp xếp tỉ mỉ mười bảy viên đá nhỏ thành hình trái tim.

• • •

Đây không phải là mẹ cậu. Từ phòng ngủ, Ethan dõi mắt quan sát cái người giả mạo mẹ mình đang chuẩn bị cho buổi hẹn hò, nghêu ngao hát khi đeo đôi bông tai dành cho dịp lễ, quét lên lông mi cái thứ gì của bọn con gái ống ẹo trang điểm hay xài, xịt nước hoa vào những chỗ quái đản như sau đầu gối và trên hạt nút trước bụng.

“Hai người sẽ lao vào nhau hay sao?” Ethan hỏi.

“Lao vào nhau?”

“Đúng vậy, mẹ biết mà. Làm chuyện đó ấy mà.”

Mẹ cậu loạng choạng khi đang mang giày cao gót. “Hỏi kiểu gì thế hả?”

Cậu suy nghĩ trong một phút. “Hỏi thông minh mà mẹ.”

Cô đáp lời. “Mẹ chưa quyết định.”

Ethan kéo mối chỉ trên chăn bông. “Nếu con là mẹ, con sẽ làm thế. Nhưng chỉ khi chú ấy để mẹ thử bắn một hai phát bằng súng của chú ấy.”

Mẹ cậu cố nín cười. “Mẹ sẽ nói với chú ấy rằng con đế nghị như thế.”

Ethan xem xét những gì cậu biết về việc hôn hít – thật gớm ghiếc khi một cô gái nào đó nhổ nước bọt vào ly, rồi đưa lại cho cậu uống. “Biết đâu rốt cuộc lại không đáng.”

Cô kéo mạnh cái mũ của cậu con khiến nó xoay hẳn ra sau. “Chờ con lớn thêm chút nữa rồi hãy bàn lại vấn đề này.”

“Con sẽ không thèm hôn đứa con gái nào đâu.” Ethan nhìn mẹ mình đứng lên ngắm mình trong gương. Cậu phải thừa nhận rằng, mẹ cậu nhin... rất xinh. Cảm nhận ấy khiến căn phòng xoay xoay.

“Tin mẹ đi... Đây là thứ không thể cưỡng lại đâu. Một ngày nào đó con sẽ muốn làm những thứ khác trên thế giới này.”

“Và ai,” Ethan hỏi, “sẽ muốn làm chuyện đó với con đây?”

Mẹ cậu khụng lại, sau đó đến ngồi xuống bên cậu trên giường. Cô vuốt ve mặt cậu nhóc như thể đây là thứ đẹp nhất mà mình từng thấy, thay vì một khuôn mặt quái vật trắng bệch như phấn. “Rất nhiều, rất nhiều phụ nữ thông minh sẽ muốn,” cô trả lời, nhìn vào mắt cậu nhóc. “còn phải lấy gậy mà xua đi bớt đấy.”

“Như thế à,” Ethan trả lời, cố nén câu trả lời thật lòng: Con hy vọng mình còn sống tới khi đó.

Cô ôm cậu nhóc, cậu để mẹ ôm, dù cả năm nay cậu không chịu những biểu hiện yêu thương ướt át này nữa. Ánh mắt mẹ vẫn sáng tươi trước một thế giới không có Ethan. Chuyện này sớm muộn gì cũng sẽ xảy ra, nên cậu sẵn sàng để mẹ đi.

Trong căn phòng tối đen tại nhà Shelby, Ross được đánh thức bởi nụ hôn. Anh cảm nhận môi mềm tựa vào môi anh, tiếng thở dài hít vào trong phổi anh, và anh vươn tay ra khỏi chăn để kéo khoảnh khắc này gần hơn với anh trước khi chúng trôi qua. Anh vươn tay và thấy mình đang ôm không khí.

Anh đầy rát đồng hồ báo thức, bật đèn và đột nhiên tỉnh táo. Ngồi dậy, anh xác nhận những thứ mình đã biết: Trong phòng chỉ có một mình anh, cửa phòng vẫn đóng như tối hôm trước. Nhưng giường anh giờ trải đầy hàng trăm cánh hoa hồng.

“Em đang ở đâu?” Anh nhảy xuống đất, tung mạnh chăn gói ra sau. Anh nhấc nhẹ ném mạnh xuống sàn. Anh đẹp thành giường, đẩy giường ra xa tường. Hồn hển giận dữ, anh gục xuống thảm, úp mặt vào hai bàn tay. Chỉ một lần thôi, Ross nghĩ, anh muốn may mắn nở nụ cười. Chỉ một lần anh muốn sống vì ai đó.

Tiếng gõ cửa trở nên mạnh hơn. “Ross? Cậu ở trong đó chứ? Chị nghe thấy tiếng gì đó rơi vỡ.”

Anh đứng dậy mở cánh cửa không khóa, nó bật ra ngay. Trên hàng lang là bóng dáng chị anh đã chưng diện xong xuôi, đang cố dòm ra sau lưng anh. "Em bị ngã," anh nói dối.

"Em không sao chứ?"

"Ôn mà. Rất tuyệt vời." Ross gật đầu trước vẻ ngoài của chị. "Chị nhìn rất tuyệt."

Cô đỏ mặt. "Cám ơn em. Cuộc hẹn ấy mà. Em đã hứa sẽ trông chừng Ethan đấy."

"Em nhớ chứ," Ross nói, mặc dù anh chả nhớ chút nào. "Chờ em một phút."

Anh đóng cửa, với tay lấy quần jean quăng trên sàn trước khi đi ngủ. Làm sao anh có thể yêu Lia, một người phụ nữ giống hệt bản thân, dù làm thế nào cũng không thể thay đổi cách thức tồn tại của chính mình?

Anh vẫn cảm nhận được hương vị của cô.

Sắp rời đi, nhưng rồi anh quay lại, bước tới nhấc đống chăn lộn xộn dưới sàn rồi vút lên giường. Tấm trải giường bung ra, phảng phất hương hoa hồng nhưng những cánh hoa hồng đã biến mất mà không để lại dấu vết nào.

Thỉnh thoảng làm đầy tớ của nhân dân cũng có ích. Như tối nay, khi Eli muốn làm gì đó đặc biệt cho Shelby, một buổi hẹn đáng nhớ gần hai giờ

sáng, lúc hầu hết nhà hàng đã đóng cửa. Anh mở cửa vào quán ăn Ý và giữ cửa để cô bước vào bên trong. Cô ngửi thấy mùi rau thơm và tỏi phảng phất từ trong bếp. “Nghẽ tay trái của anh là đầu bếp sao?”

“Không... Anh chỉ biết tìm đúng người cần tìm.” Anh dẫn Shelby tới bàn tiệc đã chuẩn bị sẵn. Một chai vang đỏ đặt cạnh ngọn nến. Đóa hoa hồng đặt trên đĩa cô.

Một tháng trước, Eddie Montero đã đến tìm Eli nhờ giúp tìm ra tên nhân viên thục két máy tính tiền. Chỉ cần vài máy quay phim giám sát là đã giải quyết xong, dù Eli nghĩ Eddie chắc sẽ không đành lòng khiến trách chính mẹ mình giờ thói ăn cắp vật khi làm thay một nữ nhân viên phục vụ bán thời gian. Anh ta đến đáp bằng cách thoải mái để Eli trưng dụng nhà hàng sau giờ phục vụ. Eddie còn chu đáo chuẩn bị sẵn bữa ăn, chỉ cần hâm nóng là được. Thật không may, đây đúng là một bữa ăn đầy dinh dưỡng nhưng lại chẳng có tí thịt đỏ nào.

“Anh biết không,” Shelby cất tiếng, khi anh kéo ghế cho cô. “Em có thể hẹn hò vào giờ bình thường.”

“Nhưng thế thì anh sẽ không phải là chàng trai duy nhất được ngắm nhìn em.” Trong bộ đầm đen bó sát và giày cao gót, Shelby Wakeman trông

khác hẳn với hình ảnh như bà chuột già ở thư viện hay người mẹ nghiêm khắc. Tóc búi cao khiến ánh mắt cô thêm phần long lanh và đôi môi thêm phần dịu dàng. Nếu trước đây Eli chỉ cảm thấy thu hút thì bây giờ anh đã hoàn toàn quy phục.

Anh dọn salad và món khai vị, rồi rót rượu vào ly. "Eddie đã chọn rượu vang gì," Eli thừa nhận. "Anh không tài nào phân biệt được Riesling khác với Riunite như thế nào."

"Em biết Riunite là cái chai có nắp vặn."

"À hả. Cũng là một cách." Eli chạm ly với Shelby, lắng nghe tiếng thủy tinh vang lên lanh lảnh. "Vì buổi hẹn hò đầu tiên," anh nâng ly.

Shelby lắc đầu, đặt ly rượu xuống. "Em không thể uống mừng vì điều đó."

Một cảm giác thất vọng dâng trào trong lòng Eli. "Em không thể sao?"

"Không. Em nghĩ kỹ lắm rồi nên mới thực sự không muốn có buổi hẹn đầu tiên. Theo lệ thường, buổi hẹn hò đầu tiên đều chẳng ra gì, đúng không?"

Eli phải mất một lúc để tìm câu trả lời thích hợp. "Vậy em nghĩ chúng ta phải làm thế nào?"

Shelby mỉm cười. "Em muốn đây là buổi hẹn hò thứ hai."

"Vậy chẳng phải chúng ta đã có buổi hẹn hò thứ nhất sao?"

“À thì ý là chúng ta đã biết tất cả những điều cần thiết về đối phương rồi.”

“Thứ chúng ta không...”

“Chúng ta đã biết đủ để ngồi lại đây.”

Nụ cười lan tỏa trên khuôn mặt Eli khi anh hiểu ra mọi chuyện. “Anh ta đã làm gì... nhảy vào lòng em sao? Hay nói rằng đôi mắt em làm anh ta nhớ lại người yêu cũ?”

“Ai?”

“Người nào đó đã phá hủy buổi hẹn hò đầu tiên với em.”

Shelby gấp lại khăn ăn. “Thực ra, đây mới là buổi hẹn hò đầu tiên của em. Chuyện kia chỉ là lời đồn mà thôi.”

“Anh thấy khó mà tin được.”

“Ồ, em có thể kể với anh hàng tá câu chuyện mà...”

“Không,” Eli cắt ngang. “Ý anh rằng anh không thể tin được đây là buổi hẹn hò đầu tiên của em.”

“Vâng, ý em là kể từ khi có Ethan.”

Eli vờ ra vẻ hờ hững. “Chuyện gì đã xảy ra với bố của Ethan?”

“Em nghe tin anh ta đang sống ở Seattle. Bọn em chẳng liên lạc mấy.” Shelby nghịch nghịch thức ăn trong đĩa. “Anh ta ly hôn với em ngay sau

khi Ethan ra đời vì không chịu đựng được chuyện có một đứa con mắc bệnh XP.”

“Bệnh XP à,” anh lặp lại.

“Đó là tên chứng bệnh mà Ethan mắc phải. Thằng bé không được phép tiếp xúc với ánh sáng mặt trời. Nguyên nhân là vì khiếm khuyết di truyền cực kỳ hiếm gặp.”

Eli từng trò chuyện với Ethan về chuyện này... nhưng cũng chỉ là đế cập qua loa. Điều duy nhất đọng lại trong đầu anh là hình ảnh cậu bé bảo rằng mình sẽ không sống thọ. “Thằng bé... sẽ khỏe lên chứ?”

“Không,” Shelby thì thào. “Thằng bé không khỏe lên được đâu.”

Cầm cô hơi ngược lên, nhưng chẳng có thêm lời nào được thốt nên. Eli đặt nĩa xuống. “Chẳng có căn bệnh nào mà bác sĩ không chữa trị được, đúng không nào?”

“Điều duy nhất bác sĩ làm được là đưa ra cảnh báo trước để em biết chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng em nghĩ làm sao người ta có thể chuẩn bị tinh thần cho mấy chuyện như thế này. Mấy bác sĩ tư vấn di truyền còn chẳng hề xét đến khả năng đứa trẻ mắc bệnh XP. Và nếu gia đình Thomas không có tiền sử bệnh xơ nang thì em cũng chẳng đến gặp bác sĩ tư vấn di truyền để làm gì.”

“Bác sĩ không hề đưa ra cảnh báo trước hay sao?”

“Bác sĩ là phụ nữ. Và cô ta chẳng hề tư vấn gì hết. Cuộc hẹn của em bị hủy bỏ. Lúc đến nơi, em cực kỳ tức giận vì mệt mỏi và kiệt sức giống như những bệnh nhân khác. Một trong số họ nghe lỏm được cuộc nói chuyện của nhân viên lễ tân qua điện thoại. Hóa ra lý do mọi thứ rối tung lên là vì cô bác sĩ đã xin nghỉ một ngày để phá thai.” Shelby vô thức ôm lấy bụng. “Em suy nghĩ mãi về chuyện đó, rất nhiều là đằng khác. Đúng là cô ta lựa chọn phá thai và em không biết nguyên nhân là gì. Nhưng em nhận ra mình sẽ không từ bỏ đứa bé đang lớn lên trong bụng mình, bất chấp khả năng nó sẽ mắc bệnh xơ nang, XP hay những chứng bệnh khác. Dù bác sĩ tư vấn có nói gì cũng sẽ không lung lay được quyết định của em... nên em cũng chẳng buồn hẹn lại lần khác.”

Eli và vợ trước chưa kịp có con thì cô ta đã chạy theo người đàn ông khác. Lúc này anh tự hỏi mình sẽ làm gì nếu cô ta không những bỏ đi mà còn mang theo con anh. Anh nghĩ bất kể vì lý do gì, nỗi đau mất đi con mình vẫn luôn còn mãi, như cái hốc trên nướu sau khi nhổ răng, như vết sẹo khiến người ta không ngừng chạm vào. “Ethan có vẻ ngoan ngoãn thật đấy,” Eli khen ngợi.

“Mấy năm dành cho thằng bé còn đáng giá

hơn cảm giác sống cả đời với ai khác,” cô mỉm cười. “Thằng bé nói cho em vài lời khuyên về buổi hẹn hò này đấy. Ross cũng vậy.”

“Vậy sao?”

“Ross bảo đừng bao giờ tin tưởng một người đàn ông kiểm sống bằng việc ép người ta nói ra những chuyện tế nhị.”

“Ethan thì sao?”

“Em muốn giữ những lời vàng ý ngọc của thằng bé cho riêng mình thôi,” Shelby cười ngặt nghẽo.

Eli dựa ra sau ghế. “Em trai em, cậu ta đúng là một người thú vị.”

“Anh nói giàm nói tránh hay thật đấy,” Shelby trả lời, đưa dao trét bơ lên bánh mì. “Em thường nghe người ta nói cậu ấy lập dị hay vô công rỗi nghề.”

“Em không đánh giá em trai mình như vậy mà.”

“Vâng. Em nghĩ Ross chỉ lạc lối thôi. Chuyện đâu sẽ vào đấy một khi Ross gặp được đúng người.” Một lọn tóc rơi ra khỏi búi tóc, Shelby vén nó ra sau tai. “Hạnh phúc đến sớm hơn với một vài người. Ross muốn được hạnh phúc; khát khao đó mãnh liệt hơn bất kỳ người nào mà em từng gặp. Nhưng yêu cầu nó phải tìm ra con đường dẫn đến hạnh phúc thì... chẳng khác nào bắt nó dang hai tay ra rồi bay lên trời. Vấn đề là cậu ấy không làm được điều đó, vậy thôi.”

“Em thì sao?” anh thắc mắc. “Em chăm sóc Ethan và bảo bọc cho Ross. Nhưng ai sẽ làm chỗ dựa cho em?”

Eli vươn tay nắm lấy bàn tay Shelby đang siết chặt lấy ly rượu. Anh lặng nhìn cô thả lỏng, nhưng chỉ một lúc sau khi lấy lại được lý trí, cô rụt tay lại. “Em lại tự thán nhiều quá rồi...”

“Vì sao em hay hành động như vậy?” anh hỏi.

“Hành động gì cơ?”

“Sử dụng những từ ngữ mà chẳng ai hiểu được.”

“Từ đó có nghĩa là...”

“Anh không cần biết,” Eli ngắt lời cô. “Anh chỉ muốn biết vì sao em không bao giờ nói ra những lời thật lòng.”

Anh cứ tưởng cô sẽ lảng tránh câu hỏi đó, nhưng cô lại đáp. “Với ngôn ngữ, anh biết mình sẽ nhận lại phản hồi như thế nào. Chỉ cần em hiểu được điều gì nên nói thì em sẽ không cần phải ngạc nhiên vì phản hồi nhận được.”

Anh rướn người ta phía trước. “Vậy thì thế này. Hỏi anh những điều không nên hỏi đi.”

Cô ngập ngừng rồi nhỏ giọng thì thào như sợ xung quanh có người nghe thấy. “Eli, vì sao lại là em?”

Anh đứng dậy, kéo cô vào lòng như thay thế câu trả lời.

“Vì sao?” Shelby vẫn hỏi lại.

“Vì khiêu vũ là điều người ta vẫn làm trong lần hẹn hò thứ hai,” Eli cố ý hiểu sai câu hỏi của cô. Anh siết chặt cô vào lòng, cảm nhận gương mặt cô sát bên cằm, xương hàm của cô chạm vào xương quai xanh của mình.

“Nơi này không mở nhạc.”

“Em nghĩ vậy sao?” Eli thì thầm, dẫn dắt Shelby theo điệu nhảy cho đến khi cô cũng nghe thấy tiếng nhạc vô hình.

Ross đang đứng tại vách đá cao nhất trong mỏ đá granite, lặng nhìn đứa cháu đang trèo qua bãi đá, chông đá còn lại sau đợt kích nổ hôm qua. Sau bao lần bạt mạng, anh ngạc nhiên khi nhận ra mình vô cùng lo lắng khi người thân đang giở trò liều lĩnh. Nhưng để đổi lại phi vụ giúp Ross tại khu đất nhà Pike, Ethan đã yêu cầu được thử trò mạo hiểm trong một đêm. Cảm thấy cậu bé hoàn toàn xứng đáng với phần thưởng, Ross đành phải biến yêu cầu đó thành hiện thực.

Anh đã đặc biệt xin phép nhân viên bảo vệ – ông Az Thompson. Shelby đã đi hẹn hò nên Ross biết mình có vài tiếng đồng hồ để dẫn Ethan đến đây. Az đứng cạnh Ross, nhìn theo Ethan đang trượt dọc lối dốc lát đá granite hồng. “Ông sẽ

không gặp phải rắc rối gì vì chuyện này đúng không?" Ross thắc mắc.

"Chỉ khi nào cậu bé bị thương thôi."

"Tốt hơn hết là nó không bị sứt mẻ tí nào."

"Anh bạn liệu có gặp phải rắc rối gì không?"

Az hỏi ngược lại.

"Có lẽ là có," Ross thú thật. "Tôi lẽ ra phải chăm sóc cẩn thận cho thằng bé." Anh giơ chân đá một hòn sỏi bay vèo xuống mỏ đá sâu mấy trăm mét. "Nhân đây, tôi vẫn chưa nói lời cảm ơn với ông vì chuyện đêm kia."

"Không cần đâu."

Ross lắc đầu. "Tôi... gặp phải một đống chuyện trước khi ông cứu tôi. Tôi đã gặp được hồn ma mình vẫn luôn tìm kiếm."

"Tôi có nghe nói."

"Trông ông chẳng ngạc nhiên tí nào."

"Tôi đâu phải là người mà anh cần phải thuyết phục về chuyện đó," Az đáp.

"Eli Rochert bảo ông sẽ thực hiện nghi lễ gì đó phải không?"

"Thứ Sáu, lúc bình minh. Anh có muốn đến không?"

Ross im lặng một lúc. Eli nói nghi lễ sẽ được giữ kín, chỉ giới hạn cho những nhân viên khai quật khu đất và vài thủ lĩnh tinh thần người

Abenaki. Anh không phải là nhân viên khai quật, cũng không phải là người Abenaki nên chẳng hề hy vọng gì trong chuyện được mời tham dự. Anh còn thầm nhủ với lòng rằng nhìn thấy hài cốt của người phụ nữ từng hiện lên trước mặt anh chỉ khiến mình cảm thấy lại mất đi cô ấy thêm lần nữa.

Nhưng trong thâm tâm anh vẫn muốn có mặt ở đó vì nếu hài cốt của Lia được đưa đến nơi yên nghỉ, có khả năng linh hồn cô sẽ muốn chứng kiến quá trình đó. Biết đâu nếu thấy được Ross, cô sẽ không rời đi nữa thì sao.

“Tôi sẽ đến,” Ross nhở giọng đáp.

Az khoanh tay trước ngực. “Thứ bọn họ nên làm không phải là đào ngôi mộ này lên mà là đem Spencer Pike đi chôn sống.”

Ross nhìn chằm chằm vào ông Az. Ông là người đã phản đối dự án quy hoạch trên khu đất nhà Pike ngay cả khi chưa hề có bằng chứng xác đáng. Ông cũng là người sống lâu đến mức biết rõ về chuyện Spencer Pike ủng hộ đạo luật triệt sản như thế nào. Eli kể ông ta đã chuyển từ miền Tây đến Comtosook từ những năm bảy mươi. Nhưng Shelby cũng từng nói vào những năm ba mươi, nhiều người Abenaki đã rời bỏ quê hương để tránh trốn tránh những chiến dịch tại Vermont, sau

đó là Michigan, Minnesota và Wiscousin. Họ chắc chắn đã kể lại chuyện đó, vậy nên Az đã nghe được.

Ross thắc mắc, “Ông biết được bao nhiêu?” Az nhún vai. “Vừa đủ.”

“Ông chưa từng nói một lời nào. Ông có thể đến gặp Eli và kể với anh ta về Spencer Pike và thuyết Ưu sinh mà.”

“Vì sao phải nhắc lại chuyện khiến người ta đau đớn khi không thể thay đổi được gì?’

“Có chứ. Chuyện đó sẽ ngăn chặn bi kịch lặp lại.”

Az nhướn mày. “Anh tin sao?”

Ross dợm gật đầu, nhưng giật mình nhận ra mình đang dõi lòng. Sự thật là lịch sử vẫn luôn lặp lại hằng ngày; những lỗi lầm vẫn tái diễn hết lần này đến lần khác. Người ta vẫn luôn ám ảnh bởi những gì mình từng làm, và những gì mình chưa có thời gian để làm. “Sói Xám,” anh đột nhiên lên giọng. “Ông biết chuyện gì đã xảy ra với ông ta đúng không?”

Ông già đưa mắt dõi theo ánh trăng vàng dịu. “Nơi tôi từng sống, cứ vài năm lại có tin đồn người ta bắt gặp Sói Xám đang xếp hàng trước nhà băng, ngồi ở hàng ghế sau cùng trên xe buýt hay đánh bạc ở casino.”

“Giống hệt tin đồn về Elvis nhỉ.” Ross mỉm cười vì lẽ ra anh phải đoán được chứ. Thỉnh thoảng chuyện thật lại bị thêu dệt thành truyền thuyết, nhưng truyền thuyết sẽ chẳng bao giờ biến thành sự thật. “Ô vây thì cũng chẳng chứng minh được gì. Dù sao bây giờ ông ta chắc cũng chết từ lâu rồi.”

Az thì thào khe khẽ, “Tôi đã 102 tuổi và vẫn còn sống.”

chương
Mười

“Tôi đã giết con bé.” Az ấn vào miếng gạc tại chỗ vừa mới rút máu lấy mẫu và bình tĩnh nhìn anh thám tử đang ngồi đối diện mình trong phòng xét nghiệm.

Eli thậm chí không buồn nháy mắt. “Bằng chứng không cho thấy điều đó.”

“Theo tôi biết vẫn còn lệnh truy nã tôi.”

Ross đặt cái que đè lưỡi gắn bông gòn xuống. Sau khi thú nhận thân phận, Az đồng ý gặp Eli. Ross tưởng ông sẽ không dám vào thị trấn nhưng khi đến nơi, anh thấy ông đã đứng chờ tại cầu thang dẫn vào cục cảnh sát. Ông đồng ý cho Eli lấy dấu vân tay, ngay cả Ross cũng thấy những dấu

vân tay này giống hệt dấu vân tay Sói Xám lưu ở đồn cảnh sát. Khi Eli yêu cầu Az lấy mẫu máu để xét nghiệm DNA, thì ông lão chính là người đề nghị làm ngay lập tức.

Nhưng tại sao lại thú nhận sau bảy mươi năm?

“Tôi đã giết con bé,” Az lặp lại. “Tôi tìm thấy một cô gái lớn lên như hoàng tộc nhưng lại đi nói với nó rằng con bé không phải là công chúa. Chuyện tôi có quấn sợi dây thừng quanh cổ con bé vào đêm đó hay không chẳng có gì quan trọng. Nó sẽ không chết nếu tôi không nói nó là con gái mình.”

“Ông át phải biết rõ chấp nhận sự thật không phải là điều dễ dàng với cô ấy,” Eli đáp lời.

“Tôi chẳng hề cân nhắc đến những điều nó phải lựa chọn. Tôi chỉ muốn gặp mặt con bé, vì nó là tất cả những gì tôi đã để lại trên đời này. Chỉ là chuyện không theo như ý muốn của tôi.”

“Ông có nói với ông Pike không?”

“Không hề.”

“Vậy ông nghĩ Lia có nói với anh ta không?”

“Tôi nghĩ con bé cũng e ngại việc đó,” Az trả lời. “Trước kia anh ta từng nhốt con bé cả tuần. Con bé đã tự tử – và anh ta nói mình chỉ quan tâm, bảo vệ con bé khỏi việc tự làm tổn thương bản thân mình. Trong suy nghĩ của Spencer Pike, tự nhận là người Gypsy chẳng khác nào tự hủy hoại đời mình.”

"Tại sao ông không đưa cô ấy ra khỏi đó?" Ross buộc tội. "Ông đã có thể cứu cô ấy." Dù vậy, anh biết thậm chí nếu Az thompson đưa Lia đến Canada sinh con, cô vẫn không thuộc về anh. Cô còn sống thì rồi sẽ già đi. Lý do duy nhất anh gặp cô là vì cô đã qua đời đúng lúc đó.

"Chồng con bé nẹn tôi một trận nhừ tử rồi và ném tôi ra ngoài. Lúc quay về tìm con bé, căn nhà đã là hiện trường vụ giết người... và Spencer Pike khai với cảnh sát rằng tôi là thủ phạm. Lý do tôi sống tới chừng này đều là sự trừng phạt. Gặp được con gái, nhưng sau đó lại sống nốt quãng đời còn lại mà không có con bé bên cạnh."

Ross chăm chú quan sát, ngạc nhiên khi nhận ra nỗi đau của ông Az rất gần gũi với cảm giác của anh.

Eli lắc đầu. "Ông Az, tôi vẫn còn nhớ khi ông chuyển tới đây. Hồi đó tôi vẫn còn là một cậu nhóc. Vì sao ông quay lại Comtosook dù biết rằng mình có thể bị bắt giam vì điều mình chưa từng làm?"

"Tôi quay lại vì lời hứa với người mình yêu rằng tôi sẽ trở về." Az gỡ miếng băng gạc ra khỏi vết lấy máu xác minh thân phận của ông. "Cậu hỏi tôi thì đó là tất cả lý do đấy."

Hóa ra lén vào viện dưỡng lão không khó nếu có số tuổi tương tự những người sống trong đó. Ông

di chuyển qua hành lang viện dưỡng lão như một bóng ma, nheo mắt nhìn những cái tên trên cánh cửa cho tới khi tìm thấy cái tên mình muốn tìm.

Trong phòng, Spencer Pike đang cuộn mình trong chăn, mặt trắng bệch như bụng cá voi, tĩnh mạch nổi liền với ống truyền thuốc giảm đau. Ngón tay cái của ông ấn mạnh vào nút gọi y tá, thở phieu phào. "Tôi cần tăng liều moóc-phin."

Câu trả lời nhỏ nhẹ mà lạnh lùng. "Xin lỗi ông Pike. Ông không thể thêm thuốc tối nay."

Gầm gừ trong đau đớn, Pike nằm nghiêng về một bên với nét mặt vặn vẹo. Thậm chí sau khi Az bước ra khỏi bóng tối, phải mất một lúc lâu Pike chú ý đến người mới xuất hiện, nhưng không nhận ra là ai. "Ông là ai?" Ông Pike thở hổn hển.

Chẳng biết phải trả lời thế nào cho đúng. Suốt cuộc đời mình, ông đã đóng vai nhiều nhân vật khác nhau: John Delacour, Sói Xám, Az Thompson. Người ta thường gọi ông là thổ dân, dân Gypsy, tên sát nhân, và một phép lạ. Nhưng danh phận duy nhất ông muốn lại là thứ chẳng bao giờ ông đạt được – chồng của Lily, cha của Lia.

Có lẽ Spencer Pike đang mê sảng do thuốc an thần hoặc do căn bệnh của mình; có lẽ ông thấy sự can đảm trong mắt Az nhưng lại nhìn nhầm thành vẻ thông cảm. Nhưng có thứ gì đó khiến

ông vươn tay qua khoảng cách vài tấc mà ngỡ như vạn dặm giữa hai người để níu lấy ông Az. "Làm ơn," ông năn nỉ. "Giúp tôi."

Az choáng váng khi nhận ra ông và Spencer Pike có một điểm chung: Họ đều sẽ chết trong cô đơn, mang theo nỗi đau sang thế giới bên kia. Ông nhìn vào ông lão ốm yếu trước mặt, kẻ đã từng hủy hoại nhiều mảnh đời. "Giúp tôi ra đi," ông Pike thở hổn hển.

Thật là dễ. Một cái gói, đè xuống khoảng ba mươi giây. Một bàn tay bịt cái miệng khô đắng. Sẽ không có ai biết, và Az sẽ nhận được công đạo theo đức tin của mình: Mạng đổi mạng.

Nhưng lúc này, cái chết là những gì ông Pike muốn.

Az cảm thấy gông xiềng quấn quanh tim mình bung vỡ. "Không đời nào," ông trả lời, rồi bước ra khỏi căn phòng mà không ngoại đầu nhìn lại.

Cục Cảnh Sát Comtosook đã thuê sáu nhân viên bán thời gian giữ cho truyền thông tránh xa các khu vực khai quật. Tập hợp xung quanh trước ngôi mộ bị khai quật là Wesley Sneap, Eli, Az, một số người Abenaki được mời riêng, và ông Az. Mùi hôi thối bốc lên khỏi mặt đất, nồng như mùi quế.

Người nằm đó nên là anh, Ross nghĩ, ông Az cũng lẩm bẩm những lời tương tự. Tay của ông

lão run rẩy khi chạm vào quan tài. “Ông sẽ đưa cô ấy đi đâu?” Ross hỏi.

“Lên đỉnh của ngọn núi, nơi linh thiêng. Người Abenaki thường được chôn quay mặt về hướng Đông.” Az nhìn lên. “Hướng đó con bé sẽ thấy những gì đang diễn ra.”

Ross cố gắng nuốt cơn thắt nghẹn trong cổ họng. “Ông sẽ... ông sẽ cho tôi biết nơi cô ấy được chôn chüz?”

“Tôi không thể. Cậu không phải là người Abenaki.”

Ross đã biết câu trả lời, nhưng anh lại không kiềm được nước mắt tuôn ra. Anh gật đầu, giả vờ đá cành cây cạnh giày. Bỗng nhiên anh cảm thấy thứ gì đó được ấn vào tay mình. Một bài báo.

Bên trong là một mảnh tờ báo cũ kỹ được cắt ra từ tờ *Burlington Free Press*, bản cáo phó của Cecelia Beaumont Pike. Một tấm hình của cô ấy đang ngồi nép vào bên góc. Trong hình, cô mỉm cười yếu ớt như thể thợ chụp ảnh đã kể chuyện cười nhưng vì không thấy vui nên cô chỉ miễn cưỡng lịch sự cười một chút. “Cậu giữ mảnh báo này đi,” Az nói.

“Tôi không thể...”

“Con bé muốn thế.” Az nghiêng đầu. “Con bé nói với ta rằng con bé mơ về cậu.”

“Cô ấy... Cái gì?”

“Mơ về một chàng trai trông như cậu. Người có những thứ mà con bé không nhận ra. Cậu sẽ đến với con bé khi nó đang ngủ.” Az nhún vai. “Đây thực sự không phải là điều lạ. Cậu vẫn có thể bị ám nhiều năm bởi một người mà cậu chưa từng gặp mặt.”

“Ông săn sàng rồi chứ?” Eli nhẹ nhàng hỏi, và ông lão gật đầu.

Wesley Sneap giúp Eli cố định xà beng và mở nắp quan tài lớn. Ross té ngửa ra sau, và hai người Abenaki mặt mày tái nhợt. Eli nhìn chằm chằm vào quan tài gỗ thông có chứa những chiếc xương đã ngả vàng, lặt lìa lộn xộn trên tấm vải liệm ố bẩn. Chỉ còn một chi xếp đúng vị trí – Cánh tay phải, chạy dọc từ vai tới khuỷu tay tới cổ tay rồi đến bàn tay, gác trên xương ức nơi đã từng che chở trái tim.

Anh đứng với hai bàn tay siết chặt, cảm thấy thời thơ ấu của mình ào ạt quay về khi ông Az bắt đầu nói một ngôn ngữ nằm trong huyết quản của anh. *Kchai phanem ta wdosa...* Người mẹ và con gái. *Kchi Niwaskw...* Linh hồn vĩ đại. *Nosaka nia...* Theo tôi. Eli không biết liệu Cecelia Pike, hoặc đứa con của cô, có đang nghe thấy buổi lễ này không, nhưng anh hy vọng là có.

“*Olegwasi*,” Ông Az cất tiếng. “Mộng an lành.” Sau đó ông quay lại nhìn mọi người. “*The Ojibway* – Những người mà tôi đến gặp khi tôi rời khỏi đây – họ giữ nghi lễ khi một đứa bé được sinh ra.” Ông lấy một điếu thuốc tự quấn từ chiếc túi vải ông mang theo vào khu mộ và mồi lửa. “Thế giới Linh hồn có thể nhận biết đứa bé, và sắp xếp một nơi cho nó khi đến thời điểm con bé ra đi. Hôm nay, tôi muốn đặt tên cho đứa cháu gái của mình.”

Az nhìn mọi người một vòng, thách ai dám nói làm thế sau bảy mươi năm đã là quá trễ. “Lily,” ông gọi, nhìn về phía Đông.

Eli cảm thấy câu đáp lời trôi tuột vào cổ họng. “Lily,” anh lặp lại.

Ông Az quay sang hướng Bắc. “Lily.”

“Lily.”

Quay qua phía Tây, quay sang hướng Nam, ông gọi lên tên cô bé để cô bé được bảo vệ. Ngay khi Az quay sang Eli một lần nữa, tuyết rơi. Eli vuốt tóc, gạt đi một vài cánh hoa hồng. “Làm thôi,” ông Az cất tiếng.

Ngay lúc đó trời sụp tối, nền trời tím bầm như máu đọng. Ross Wakeman quay một vòng, như thể anh đang mong đợi thứ gì đó hiện hình, khỉ gió, sao Eli nghĩ là sẽ không có gì xảy ra chứ.

Ngay khi đó Wesley dùng xà beng nạy mở chiếc quan tài nhỏ, vốn là thùng đựng táo. Cái

thùng bằng gỗ đã mục rã vỡ bung, những thứ bên trong đổ tràn ra ngoài, và đã quá trễ để Eli kịp chạy tới cứu vãn.

Sự im lặng thổi qua nhóm người. Những khúc xương rơi ra, xoắn xuýt và có màu nâu, gỗ ghê góc cạnh. Nhưng thậm chí Eli, người không được đào tạo nghiệp vụ về những việc này, cũng nhận thấy đầu lâu bị mất. “Này... Wesley?”

Bác sĩ pháp y khuỷu gối, tay đeo găng chọc xuyên qua những thứ mảnh còn lại. “Xương sườn và xương sống vẫn còn,” anh cất tiếng, “nhưng quá lớn, không phải của trẻ sơ sinh. Tôi thậm chí không nghĩ đây là con người.”

“Thế nó là cái quái gì thế?”

Wesley nhìn lên Eli. “Những mảnh xương này theo tôi giống như miếng sườn bò nướng,” anh trả lời.

Nhiều năm sau đó, Eli sẽ nhận ra đây là khoảnh khắc anh thực sự bỏ được thói quen ăn thịt đỏ. Anh khuỷu gối xuống cạnh quan tài, cảm thấy ông Az đi đến từ phía sau. Họ nhìn về phía đường chân trời, mặc cho cơn mưa cánh hoa hồng bao phủ mặt đất, ngôi mộ, và mảnh xương trong quan tài. Một cơn gió mạnh cuốn theo cánh hoa hồng thổi qua giữa hai chân anh. Chúng bay xuống đất, sắp xếp thành chữ RW.

• • •

Trong giấc mơ, Ruby đang cố gắng vùng vẫy. Bà cảm thấy như một con sư tử đang vồ lấy ngực mình, cào cấu xương vai của mình. Bà tỉnh giấc và cố gắng ngồi dậy, nhưng con sư tử đã ghim chặt bà trên nệm và dù cố gắng đến đâu, bà cũng không thở được.

Có phải Lucy đang khóc?

Không, đó là tiếng của một đứa bé. Tiếng khóc thút thít vang lên dưới cánh cửa phòng ngủ của Ruby, thông qua vết nứt nơi ánh sáng hắt vào. Ruby đang cố gắng ngồi thẳng dậy nhưng con sư tử vùt mạnh một cú vào ngực bà.

Bà ôm chặt vết đau bên ngực trái và nặng nề đổ sập xuống sàn. Trong khoảnh khắc thấu triệt đi kèm với cơn đau chói, Ruby bỗng nhiên biết đứa bé đó là ai. Và bà nhận ra trong giấc mơ vừa nãy, bà đã cố gắng vùng vẫy vươn tới Cecelia Pike.

Ross lái xe lòng vòng, và khi anh không thể tự lừa mình nữa, anh tấp vào lề, bước ra khỏi xe, nằm trên mui xe và kính chắn gió, mỉm cười nhìn lên bầu trời. "RW," anh hét lớn. "RW."

Anh nhìn thấy việc này rõ như ban ngày, bất kể có ai khác để ý không, những cánh hoa này này rõ ràng tạo thành chữ cái đầu tên anh. Ross để ánh

mặt trời vuốt ve khuôn mặt mình. Bầu trời như in màu xanh sau mí mắt anh, và mây như kính vạn hoa – Những con hươu cao cổ đang nằm, những ấm trà hay những con nhím. Nếu người ta để tâm mà nhìn, mây có thể cho ra đủ loại hình dạng. Ross lăn qua bên phải để chừa một nửa mui xe phía còn lại. Chừa chỗ cho ai đó ngồi, nếu cô ấy muốn thế.

“Ý cậu là sao, cái xác đã biến mất?” Shelby ngồi bên cạnh Ross dưới mái hiên, hoài nghi. “Có giấy chứng tử mà.”

Cuối con đường vào nhà, Ethan đảo ván trượt thành một loạt xoáy chữ G và reo lên. “Mẹ ơi! Mẹ có thấy không?”

Shelby vỗ tay. “Thật tuyệt vời!” Sau đó cô quay sang Ross. “Nhưng bác sĩ pháp y phải xác nhận về cái xác mà?”

“Ai biết được? Eli tìm hiểu từ các bảng ghi chép, bằng chứng và những hồ sơ lưu trữ công cộng, nhưng chỉ có thể tái dựng một phần chuyện thực sự xảy ra. Giống như chơi trò giải đố khi chỉ tìm ra được một nửa rồi.”

“Anh ấy dường như biết phải làm gì.” Shelby trầm ngâm.

“Eli?” Ross nhìn vào mặt chị anh. “Chúng ta

vẫn đang nói về vụ giết người chử, hay chị có chuyện gì khác muốn chia sẻ?”

Shelby thút chân lại thật nhanh ngay khi Ethan phóng trên chiếc ván trượt tới sát chân cô. “Anh ấy rất là tỉ mỉ chu đáo, thế thôi.”

“Rõ là thế.”

Shelby liếc cậu em. “Việc này đâu thuận chiều suy luận. Nếu xác của đứa bé đã biến mất, thì có lẽ, đứa bé được chôn ở nơi khác... hoặc có lẽ chưa bao giờ được chôn cất. Ông Pike sẽ không chôn ở ngôi mộ khác vì như thế bác sĩ pháp y sẽ khăng khăng đòi đào mộ đứa bé lên, khi đó ông ta cũng không thể giải thích miếng sườn nướng thế thân. Mà ông ta dường như cũng không phải là loại người đem đứa nhỏ bỏ tại cửa nhà thờ.”

“Tại sao người ta lại bỏ xác chết ở nhà thờ?”

Shelby nhìn anh. “Ai bảo đứa bé đã chết?”

“Spencer Pike,” Ross đáp lời, và sau đó chớp mắt. “Không lẽ nào.”

“Chính xác.”

“Vì vậy nếu ông ta nói dối... và đứa bé còn sống... sau đó có lẽ có ai đó cố gắng cứu sống nó. Điều này sẽ giải thích tại sao họ tìm thấy miếng sườn nướng trong quan tài thay vì xác đứa bé... họ đã cố gắng lừa ông Pike nghĩ rằng đứa bé đã chết.”

“Đây có lẽ là điều ông Pike sẵn sàng để tin hơn,” Shelby thêm vào. “Có lẽ hồn ma của cậu ám khu đất không phải do bị hại chết? Có khi cô ta quay trở về để tìm lại con của mình.”

Ethan trượt ván tới, đôi mắt cậu sáng như sao. Cậu đã thực hiện ba lần cú nhảy xoay 360 độ, nhưng trượt chân lần thứ tư và ngã xuống. Nằm trên đường dẫn vào nhà, cậu cười sặc sụa, chảy cả nước miếng. “Nếu là chị, em nghĩ chị sẽ trở về vì con,” Ross nói.

“Không,” Shelby trả lời. “Chị sẽ không bao giờ rời đi.”

Khung cảnh thế này là quá tử tế đối với Spencer Pike. Ông ta ngồi trên chiếc xe lăn, trùm tấm chăn quanh đầu gối, đằng sau là ban công gỗ trắng, Eli ước gì có thứ gì đó xứng đáng hơn với ông – như lửa cháy, địa ngục, hoặc nhà tù thời Trung Cổ. Dù sao ông ta cũng là tội phạm giết người lợt lorioi.

Eli tựa vào ban công viện dưỡng lão; cổ găng giữ bình tĩnh. Bắt ông Pike phải tự thú nhận đã trở thành nhiệm vụ cá nhân. “Ông cảm thấy thế nào nếu bước vào phòng để đi tắm,” anh nói một cách điềm tĩnh, “và bước ra với ống dẫn tinh bị cắt?”

“Không thể nói rằng điều đó cản trở đến phong cách của tôi vào ngày nay.”

“Không may,” Eli đáp lại, “mấy nạn nhân bị triệt sản của ông chắc khó nói điều tương tự.”

“Hitler đã tạo nên cái tên xấu cho thuyết ưu sinh, và đám người theo đảng Tự Do như cậu lại đầy hết tội lỗi lên người chúng tôi. Nhưng chúng tôi cũng như cậu, mong muốn tạo một thế giới tốt đẹp hơn.”

“Bằng cách ngăn không cho người nghèo và người khuyết tật sinh con đẻ cái. Rất nhân đạo đấy.”

“Cậu chẳng biết gì cả. Con họ lớn lên mà không có bốn bức tường gọi là nhà. Họ cũng không có định hướng đạo đức. Người nào nêu cứu, chúng tôi đã cứu. Đây là việc tốt cho số còn lại.”

“Ông có bao giờ nghĩ sẽ cho họ thêm một cơ hội?”

“Tất nhiên. Nhưng họ cứ vẫn tiếp tục mắc lại sai lầm cũ.”

“Còn ông?” Eli hỏi. “Ông chưa từng mắc sai lầm sao?”

Ông Pike híp mắt lại. “Cậu muốn nhắc đến vụ đất của tôi bị bán đi để xây dựng sao?”

“Thật nực cười khi ông nhắc đến việc này. Khu đất của ông không được phép xây dựng nữa rồi.” Anh đưa cho ông Pike một bản sao lệnh cấm đã trao cho Rod van Vleet.

“Điều này... Điều này thật lố bịch,” ông Pike

nói lắp bắp. “Vùng đất của tôi không phải là nghĩa địa dân da đỏ.”

“Thực tế là thế đấy.” Eli bước tới gần hơn. “Kể tôi nghe Spencer, cô ấy có chồng cự lại ông không? Cô ấy có van xin ông dừng lại khi ông quấn dây thừng quanh cổ cô ấy hay không?”

“Cô ấy là vợ tôi.”

“Và cô có một nửa dòng máu người Abenaki,” Eli bác lại. “Điều này sẽ không làm rạng danh một thành viên của Hiệp hội Ưu sinh Mỹ, phải không?”

Anh nhìn mặt ông Pike đang hiện rõ vẻ kinh ngạc. “Lần trước khi đến đây anh cũng nhắc đến chuyện này.”

“Bởi vì đó là sự thật,” Eli nói.

Ông lão lắc đầu như muốn ngăn suy nghĩ đó thẩm sâu vào đầu óc. “Cissy không phải là... tóc cô ấy màu vàng, và da cô ấy màu trắng như sữa...”

“Và cha cô không phải là Harry Beaumont, mà là một người Abenaki tên Sói Xám.”

“Cha cô ấy...?”

“Cô ấy không đủ sức trở thành người theo đúng kỳ vọng của ông, và ông đã xử lý những vấn đề theo cách mình xử lý những việc khác không theo ý ông – loại bỏ chúng đi.” Giờ, Eli cúi xuống ông lão. “Kể tôi nghe sự thật đi, Spencer. Kể tôi nghe những gì ông đã làm.”

Ông Pike nhắm mắt lại, im lặng một lúc lâu đến nỗi Eli tự hỏi ông có phải đột quy rồi không. “Tôi đã nghĩ cô ấy yêu hắn,” Ông thì thào. “Tôi đã nghĩ đứa bé là con hắn.”

“Ông đã làm gì với đứa bé?”

Cổ họng ông như bị mắc nghẹn, và miệng ông rung rung trước khi từ ngữ được phát ra. “Tôi đã giết nó. Tôi bóp chết nó. Giấu cái xác trong hầm chứa nước đá và kể với Cissy rằng nó đã chết. Tôi nghĩ có lẽ theo cách này chúng tôi có thể bắt đầu lại từ đầu. Nhưng tôi không hề dụng vào Cissy. Tôi thế, tôi yêu cô ấy. Tôi yêu cô ấy.”

Eli nghĩ về chiếc quan tài là thùng đựng táo trong khu đất, chiếc quan tài không chứa xác đứa bé. “Ông đã làm gì với xác đứa bé?”

“Tôi chôn nó,” ông Spencer trả lời. “Ngay ngày hôm sau, tôi thấy Cissy... và tôi chôn cái thùng trước khi tôi gọi cảnh sát. Tôi phải làm điều đó hoặc họ sẽ biết những gì tôi đã làm.” Ông túm vạt áo Eli. “Tôi làm điều đó bởi vì tôi yêu cô ấy. Tất cả tôi muốn chỉ là...”

“Một cơ hội thứ hai?” Eli cắt ngang, không thương xót. “Câu hỏi là, ông có tiếp tục mắc lại sai lầm cũ không?”

Phần khó nhất cho Meredith là cố gắng giữ mình khỏi bị suy sụp khi nghe thông báo từ bác sĩ tim

mạch đang điều trị bà ngoại cô sau cơn đau tim. Họ đứng trước giường bệnh viện nơi bà Ruby đang nằm yên lặng như một cây thông Giáng Sinh, gắn đầy các loại ống và thiết bị truyền tĩnh mạch. “Bà ấy chưa thoát khỏi cơn nguy kịch,” Bác sĩ nói. “Giảm lưu lượng máu não sau nhồi máu cơ tim sẽ dẫn tới thiếu máu cục bộ... và mê sảng. Tôi nghĩ tốt nhất nên để bà ở lại đây vài ngày để theo dõi.”

Meredith thêu thào nói gì đó, không rõ là khen ngợi hay cảm ơn bác sĩ, rồi ngồi xuống chiếc ghế cô kéo tới gần cạnh giường. Bên ngoài, cô y tá đang nhờ Lucy vẽ khuôn mặt ảo thuật gia lên những con rối tay. Meredith tựa trán vào chiếc mền vải tổng hợp và nắm lấy tay bà Ruby. Ngón trỏ hắt ánh đèn máy đo nhịp thở. “Đừng bỏ con,” cô nài nỉ.

Cô cảm thấy lớp da mỏng của cánh tay bà Ruby co giật trong tay mình. Meridith ngồi thẳng dậy đầy hy vọng khi thấy mắt bà ngoại mở ra. “Ta còn khỏe, có thể tham dự tiệc tối,” bà Ruby nói, giọng bà pha vài phương ngữ tiếng Pháp Canada.

Tiệc tối? Meredith cau mày, và sau đó nhớ bác sĩ đã nói về cơn mê sảng.

“Em phải chăm sóc đứa bé đó.”

Chắc bà nói tới Lucy. “Con bé muốn ngoại khỏe hơn.”

Đôi mắt bà Ruby chậm rãi khép lại. “Em sẽ chăm sóc nó,” bà thì thào. “Em hứa, Miz Pike.”

Khuôn mặt của Shelby tươi hẳn khi nhận ra Eli đang bấm chuông. “Em rất vui vì anh ghé qua,” Cô nói, bước sang một bên để anh đi vào.

“Anh cũng vậy.”

“Đêm đó thật vui.” Shelby nhớ lúc họ kết thúc buổi hẹn trong chiếc xe tải của Eli; Cách anh cúi về phía trước và hỏi anh có thể hôn cô trước khi Watson cắn anh hay không; cảm giác tuyệt vời khi được người khác ôm vào vòng tay, thay vì mình tự ôm người đó.

“Tốt. Bởi vì anh ghé qua để cầu hôn.”

“Để... Cái gì?”

Eli cười lớn. “Anh nhận thấy em ác cảm với lần hẹn hò đầu tiên thì chắc cũng không hào hứng gì với với lần hẹn hò thứ hai. Vì vậy anh nghĩ chúng ta nên bỏ qua các buổi hẹn hò đi.”

“Có lẽ chúng ta nên tiến tới làm luôn kỷ niệm đám cưới bạc luôn ha,” Shelby nói. “Cho an toàn mà.”

“Đối với anh thì không sao,” Eli đáp lại, và đáng ngạc nhiên, Shelby còn phần nào tưởng anh nói thật. Cô tưởng tượng ngồi cạnh anh, không làm gì cả, bởi vì họ đã trải qua nhiều năm làm hết

tất cả mọi thứ rồi và giờ họ cứ thế ngồi bầu bạn bên nhau thôi. Cô nghĩ về chiếc giường khi phía bên cạnh không còn khoảng trống nữa.

“Em lấy gì cho anh nhé?” Shelby hỏi. “Nước lạnh nhé?”

“Gọi Ross giúp anh.”

Mặt cô xù xuồng. “Ô. Hóa ra anh ghé để nói chuyện với cậu ấy.”

Khoảng khắc lúng túng bị gián đoạn bởi sự xuất hiện huyên náo của Watson, chú nhảy chồm vào cánh cửa mở và giữa họ. “Tao đã nói mày ở yên trong xe tải,” Eli nói, cố gắng túm cổ nó nhưng không được.

“Không sao.” Shelby nhìn chú chó săn bắt đầu thò mũi vào phòng khách. Watson dừng lại, quay mặt lại về phía Shelby, và vẫy đuôi một cách nhiệt tình – làm đĩa kẹo, remote tivi, và một vài cuốn sách rơi khỏi bàn cà phê. Eli và Shelby cùng chạy về phía trước nhặt mớ hỗn độn. “Anh xin lỗi...”

“Không sao...”

“... có khi bức nó hết sức, cứ như cái nhọt trên mông...”

“— Còn chưa quây bằng một đứa nhóc chín tuổi đâu, tin em đi.”

Khi Shelby kiểm tra chiếc đĩa kẹo thủy tinh có mẻ miếng nào không thì Eli nhặt những cuốn sách

mở toang rơi trên thảm. Một cuốn là tạp chí ảnh của bang Vermont. Cuốn còn lại là cuốn sổ thủ công. Tò mò, Eli lật qua một số trang. “Gì đây?”

Shelby nhìn qua từ đằng sau vai anh, má cô hồng lên ngượng ngùng khi Eli lướt qua những câu chuyện cô đã đọc qua nhiều lần rồi cắt dán lại. Ngay tại trang anh đang mở là một bài báo về một cậu bé sáu tuổi bị cá mập cắn ngoài duyên hải Florida. Chân cậu nhóc bị cắn đứt rời và được thành công nối lại, nhưng mất máu quá nhiều làm cậu bé bị hôn mê. Sau vài tuần bị chẩn đoán đã chết não, thì cậu lại tỉnh dậy hoàn hảo như không có chuyện gì.

Bài báo gần nhất là về một đứa bé mới biết nói người Canada đi lạc khỏi nhà và ngủ thiếp đi dưới đóng tuyết dày vài mét. “Anh nhớ vụ này,” Eli cất tiếng. “Cậu bé bị công bố là đã chết, và được đưa vào bệnh viện...”

“Và khi bác sĩ dần dần làm ấm cậu nhóc, cậu bé đã tỉnh lại.” Shelby lấy lại cuốn sổ lưu niệm từ tay anh. “Em biết việc này thật ngu ngốc nhưng em vẫn theo dõi. Em cắt những câu chuyện nạn nhân tưởng chừng như đã chết hóa ra... cuối cùng lại không phải. Có lẽ một ngày nào đó có người sẽ sưu tầm câu chuyện về Ethan cùng lý do tương tự.”

Bỗng nhiên Ross chạy xuống cầu thang, tóc anh vẫn ướt vì mới tắm. “Tôi nghe thấy tiếng của

anh," Anh nói với Eli, khi Watson nhảy chồm vào tay anh. "Ông Pike sao rồi?"

Nhưng Eli vẫn bị thu hút bởi câu chuyện về đứa bé người Canada. "Có bác sĩ đến từ McGill," anh nói. "Ngay tại đường biên giới ở Montreal. Gia đình họ ăn hǎn ở gần đó. Shelby, em đi với anh chứ?"

Cô không suy xét tới Ethan, công việc, hay cậu em của mình. Cô không bận tâm những thứ cần chuẩn bị để qua đêm với một người đàn ông mà cô chỉ mới hẹn hò có một lần. Và cô cũng không hỏi tại sao, Eli dường như ngay lập tức cũng bị hấp dẫn trước những trải nghiệm cận tử như cô. Tất cả những gì Shelby biết là khi người ta có cơ hội để bắt gặp phép màu thì họ sẽ không do dự.

Từ tờ *Burlington Free Press*:

Burlington, VT — Tiến sĩ Thomas Smalley, hiệu trưởng trường Đại Học Vermont, thông báo về kế hoạch đổi tên Thư viện Sinh học Beaumont và Bảo tàng lịch sử nhân loại học Pike. "Trường Đại Học Vermont muốn làm rõ rằng những ý kiến tán thành của những giáo sư trong suốt quá trình nghiên cứu thuyết Ưu sinh của tiểu bang Vermont là thuộc về chính họ và không đại diện cho quan điểm của tập thể trường đại học,"

Smalley nói, trong bài phát biểu bằng văn bản. Tên mới sắp tới cho những tòa nhà này sẽ được xem xét bởi Ủy ban Cựu Sinh viên.

Khi Eli còn là cậu bé, anh từng tin rằng ranh giới quốc gia và đường xích đạo là những đường được kẻ trên mặt đất, như trong bản đồ. “Lần đầu tiên mẹ anh dẫn anh tới Canada, anh đã xin bà tấp vào lề để anh thấy lằn ranh đó,” Anh kể với Shelby.

“Anh ăn hẵn rất thất vọng nhỉ.”

“Không.” Anh cười lớn, hồi tưởng lại. “Bà lấy một viên phấn từ hộp đựng găng tay và bắt đầu vẽ. Nói rằng tất cả bánh xe trên đường cao tốc ăn hẵn đã xóa chúng đi.”

“Và anh tin bà?”

Anh liếc mắt nhìn cô. “Anh nghĩ mọi người tin vào những gì họ cần tin, phải không?”

“Em cho rằng anh không thể làm cảnh sát nếu anh không phải là người hay nghi ngờ.”

“Không hẵn như thế. Chúng ta vẫn tiếp tục cảm thấy ngạc nhiên mỗi ngày mà.”

Anh tấp xe tải vào một nhà nghỉ trên đường quốc lộ, nằm ngay bên đường vào thành phố Montreal, theo như bản đồ. Có kênh truyền hình HBO, bảng quảng cáo hứa hẹn.

Họ đã đến Canada trong thời gian kỷ lục. Tuy nhiên, giờ này cũng gần 8 giờ tối – nghĩa là hôm

sau Eli mới gặp được bác sĩ Holessandro. “Anh rất tiếc đây không phải là khách sạn năm sao Ritz,” Eli xin lỗi. “Nhưng khách sạn Ritz không cho phép dẫn chó vào.”

“Em hy vọng anh đang nói tới Watson. Và đừng lo về phần em. Em cũng rất thoải mái cắm trại ngoài trời mà.”

Chi cần tưởng tượng Shelby ép chặt người anh lên thân xe tải là Eli đã dựng cột buồm. Anh bước ra, quay sang chỗ khác, khẽ điều chỉnh quần jean. Shelby theo anh vào sảnh nhà nghỉ có một cậu bé tóc bờm nhuộm xanh đang tự chơi sắp chữ. “Anh nói được tiếng Pháp chứ?” Cô hỏi Eli.

“Không có gì phải lo lắng.” Khi Eli bước tới bàn lễ tân, cậu bé thậm chí không buồn ngẩng lên nhìn anh. “Xin chào.” Anh tròn mắt. “Bonjour (Xin chào).”

“Bonjour (Xin chào),” cậu bé đáp lại, cười với Eli và Shelby, nhất là thấy cặp này đi tay không. “Vous desirez une chambre (Anh chị muốn thuê một phòng)?”

Shelby dởm bước tới. “Để anh lo vụ này,” Eli nói. “Oui, deux chambres, s'il vous plaît (Đúng vậy, vui lòng cho hai phòng).”

Cậu bé nhìn Shelby, rồi lại nhìn Eli. “Deux (Hai phòng)? Vous-êtes sûr (Hai anh chị có chắc không)?”

“Oui (Chắc chắn),” Eli đáp lời.

Cậu trai nhướng mày, “Et Madame?” (Còn chị thì sao ạ?)

“Bon, d'accord. Avez-vous des chambres ou non (Đúng vậy, không sao cả. Thê cậu có phòng hay không)?”

“Oui, oui... ne vous fachez pas. D'abord, j'ai besoin d'une carte de crédit... (Vâng, vâng... Xin vui lòng đừng giận. Trước tiên, tôi cần thẻ tín dụng...)" Eli đặt thẻ MasterCard lên quầy lễ tân. “Voilà les cléfs pour les chambres 40 and 42 (Đây là hai chìa khóa của phòng 40 và 42).”

“Merci (Cám ơn).”

“Ou, préférez-vous plus de distance entre les chambres? Deux étages différents peut- être... (Hoặc nếu hai anh chị muốn hai phòng cách nhau xa hơn? Hai tầng lầu khác nhau...)?”

“Non, ça va comme ça (Không, không cần đâu).” Eli cầm tay Shelby và đẩy cô về phía cửa trước. “Bonne nuit, alors... (Vậy thì chúc hai anh chị ngủ ngon...)" Cậu lễ tân nói theo phía sau họ, cười lớn.

Bên ngoài, Eli tiến nhanh tới chiếc xe tải. Khi nãy cậu nhỏ dựng buồm, giờ thì cả người anh phình lên gấp đôi như búa khoan. “Eli...”

“Anh muốn đón con chó. Em biết người ta nói gì về việc bỏ mặc động vật trong xe...”

“Eli” Shelby chống tay lên hông đứng giữa bãi đỗ xe. “Chết tiệt, nghe em này!”

Anh chậm rãi quay lại, thở ra nặng nề. “Gì thế?”

“Lý do em hỏi anh có xài tiếng Pháp không... là vì em có thể làm được và em có thể đăng ký phòng khách sạn cho chúng ta. Anh chị muốn hai phòng cách xa nhau không?” Cô dịch lại, nhại câu lẽ tân. “Hai lầu khác nhau chẳng hạn?”

Xấu hổ, Eli chửi thề. “Shelby, không phải như em nghĩ...”

“Anh không biết em đang nghĩ gì,” cô phản đối, sau đó thêm vào lặng lẽ, “Em nghĩ cậu ta nói đúng. Anh có thể chỉ cần lấy một phòng.”

Eli bước vài bước về phía trước, cho tới khi anh đứng chỉ cách Shelby vài phân. “Không, anh không thể,” anh trả lời.

Anh nhìn ánh sáng phản chiếu từ mắt cô, và nhận ra cô đã hiểu lầm anh. Trong khoảnh khắc, anh ước có khả năng diễn đạt như cô. Anh ước rất nhiều thứ. “Em biết thỉnh thoảng khi em đọc một cuốn sách hoặc xem một đoạn phim thực sự tuyệt vời mà em dừng lại, chỉ để làm khoảnh khắc đó kéo dài không? Anh chẳng muốn gì hơn, ngoại trừ khiến trái tim em rung động. Nhưng điều này dẫn đến gì đó hơn nữa... thì lại quá nhanh. Những gì anh cảm nhận bây giờ – những gì chúng ta cảm nhận – là không đủ. Chúng ta không thể tìm cảm

giác đó lại một khi đã mất.” Anh hôn lên trán cô. “Anh không muốn tiến triển chậm chạp, nhưng anh bắt buộc chính mình phải làm như thế.”

“Phù du?” Shelby mỉm cười nhẹ nhàng. “Tương ái?”

Eli nháy mắt. “Em không phải là người duy nhất biết đọc từ điển đâu.” Và đằng sau vai cô một vết nứt trên vỉa hè, một dải hàng cây, và hàng rào bỗng nhiên tạo thành bức tường bao quanh thành phố, rõ như ban ngày.

Bệnh viện có phần quá sạch sẽ và quá im lặng. Khi Lucy leo lên giường ngủ, cô bé cố gắng tập trung không tạo ra bất cứ âm thanh gì – không chỉ vì mẹ và bà đang ngủ mà còn bởi vì trên tấm mền nhäu nát cùng với tấm vải nhựa trải giường đã chen chúc đầy những người Lucy có thể thấy, dù không ai khác có thể thấy.

Lucy không muốn đụng chạm tới họ, không muốn tay chân họ quay qua quay lại chạm vào mình và làm mình cảm thấy lạnh trong người đến nỗi xương cốt đau nhức. Lucy không thích cách họ nhìn vào cô bé, như thể họ đang ghen tị vì cô bé là người có thể đi lại trong phòng và được chú ý thậm chí không cần phải cố gắng. Vì vậy Lucy cuộn tròn người lại nhỏ như trái bóng, và ngắm nhìn bà cố nghỉ ngơi.

Mẹ Lucy đã nói với cô bé rằng trái tim của bà cố Ruby đã bị vỡ, và điều này làm Lucy nghĩ tới bình sứ cô bé đã từng làm vỡ một lần và cố gắng lấy keo dán dính lại. Giờ mỗi khi cô thấy cái bình đó, cô bé biết nó đã không còn tốt như xưa nữa.

Lucy cảm thấy tóc gáy dựng đứng khi một cô gái bên cạnh có mái tóc bím dài và mặc chiếc tạp dề sọc nhìn buồn cười thò tay chọc vào cô bé. Cô gái đó nhìn khoảng mười sáu tuổi, và hơi ốm yếu, hai má xanh lét. “*Ma poule*,” cô gái thì thầm.

Bỗng nhiên bà Ruby chớp mắt tỉnh dậy. “Cháu đây rồi,” bà nói, vươn tay tới Lucy.

“Mẹ đem cháu tới đây.”

Vào lúc đó, bà Ruby nhìn vô chừng xung quanh. “Mẹ hả? Bà ấy cũng ở đây?” Nhưng trước khi Lucy trả lời, bà cố chạm vào má cô bé. “Simone,” bà gọi, không phải gọi Lucy. “chị đã trở lại.”

“Cháu không phải là Simone,” Lucy thì thầm, nhưng sau đó bà cố của cô bé không còn có thể nghe được nữa. Cô gái linh hồn có mái tóc bím bước tới và đẩy Lucy ra khỏi giường.

Vào ngày 03 tháng 01 năm 2002, Alexandre Proux đã thức dậy trước mẹ cậu nhóc, cô Genevieve. Cậu bé mở cửa sau, cậu mới với tới tay nắm cửa

hồi tuần trước, bước ra mái hiên trong bộ đồ ngủ hình Người Nhện. Trời đang đổ tuyết, và cậu muốn chơi.

Ngay lúc mẹ cậu thức dậy và nhận ra cậu đã biến mất, Alenxandre đã bị chôn vùi dưới lớp tuyết. Sáu giờ sau, cảnh sát theo dõi các đường dây bắt cóc và tìm khắp mọi nơi trừ sân sau nhà Alex.

Giờ Alex đã lén ba và đang nghịch chú chó săn mà mẹ cậu mua vào Giáng Sinh năm ngoái. Chú chó bị buộc khăn, và Alex đang cố gắng lồng dây cương vào cổ chú. “Tôi cứ nghĩ rằng con chó con sẽ cắn nó,” Cô Genevieve nói. “Nhưng xem chừng con chó cũng chiều cậu bé như chúng ta vậy.”

“Chị thật may mắn.”

Alex đưa cho mẹ cậu khẩu súng rồi sau đó phi nước đại trên con ngựa già đau khổ của mình.

“Không sao tả xiết,” Genevieve thêm vào, giờ thì Alex đã ra khỏi tầm nghe chuyện. “Cái lúc thấy con mình, không hiểu động thế này, mà nằm im lìm, Alex có bao giờ chịu yên đâu. Tôi vẫn cứ nghĩ, nó giờ sẽ thức giấc. Nó sẽ mở mắt ra, nhìn tôi và ổn thỏa cả.”

Shelby hiểu. Nếu người ta mất con cái, nỗi đau không chỉ là một phần của vấn đề. Mà nó chính là vấn đề. Đột nhiên chú chó săn con chạy vào trong phòng, mom ngậm chiếc mũ cao bồi, Alex đuổi theo đằng sau. “Cô cũng có con trai mà, oui?”

“Vâng, cháu tên Ethan. Chín tuổi.”

“Thế thì cô hẳn là hiểu.”

Alex đổi hướng, bay vào vòng tay của mẹ cậu. Cô hôn lên phía sau tai cậu. “Đúng vậy,” Shelby trả lời, ngắm nhìn họ. “Tôi hiểu.”

Bác sĩ Gaspar Holessandro đội bộ tóc giả rất xấu và xem chừng ưa món cá hộp. “Tôi xin lỗi,” ông bảo, liếm ngón tay sau khi mở thêm một hộp đồ ăn khác trên bàn. “Tôi không thường ăn uống trước mặt khách hàng.” Bác sĩ Holessandro bận quá không sắp xếp buổi gặp chính thức được, nên đã đồng ý tranh thủ gặp Eli vào thời gian ăn trưa. Văn phòng của ông sát bên phòng thí nghiệm nghiên cứu tại McGill, ba ngày một tuần, đây là nơi bác sĩ nghiên cứu Hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh bằng cách cấy các ống thăm dò vào não lợn con. Bốn ngày còn lại, ông làm việc tại bệnh viện mà cậu bé Alexandre Proux đã được đưa đến trong tình trạng mặt mũi tím rịm, cơ thể cứng ngắc và tưởng chừng như đã chết.

Eli một lần nữa bẻ cong sự thật. Anh giải thích cho bác sĩ Holessandro rằng anh là thám tử tại tiểu bang Vermont, rằng đang có vụ điều tra về cái chết của một đứa bé, với những chi tiết tương tự như trong tình huống của Alex. Anh muốn biết

liệu có liệu pháp hồi phục do sốc lạnh, nhờ đó một đứa bé đã bị ngạt thở bỗng nhiên có thể sống lại khi bị mắc kẹt trong hầm lạnh hay chăng? Anh không nói với bác sĩ tất cả chuyện này đều xảy ra vào năm 1932.

Bác sĩ Holessandro nhâm nhi đuôi cá. “Ngạt thở,” ông giải thích, “sẽ gây ra tình trạng ngừng thở... và sẽ làm con người giảm oxy trong máu. Nếu giờ anh là người lớn, thì có nghĩa rằng anh sẽ hít thở nhiều hơn – Nhanh hơn và sâu hơn. Tuy nhiên những đứa bé sơ sinh – cơ thể sinh lý của chúng hoàn toàn khác chúng ta, và đối với chúng, việc thiếu oxy sẽ gây ức chế hô hấp. Vì vậy nếu một đứa bé bị ngạt thở, nó có thể dừng việc hít thở trong vài phút... và sau đó tự động thở trở lại.”

“Ý bác sĩ rằng nó sẽ không chết?”

“Khi anh dừng phần não chịu trách nhiệm hoạt động hô hấp của đứa bé, thì những phần khác của bộ não sẽ đảm nhiệm chức năng này... và việc này sẽ làm đứa bé thở gấp một vài lần. Mục đích chỉ để tiếp thêm oxy để giúp khởi động lại tim và phổi một lần nữa.” Ông cười. “Thật sự rất khó để giết một đứa bé.”

“Nhưng ai đang gây ra tình trạng ngạt thở – chắc chắn rằng anh ta cũng chú ý đứa bé đang thở gấp chứ.”

“Tùy thuộc vào người đó rời đi nhanh như thế

nào. Chẳng phải cậu nói chuyện này xảy ra trong hầm chứa nước đá?"

Eli nhún vai. "Đúng vậy."

Bác sĩ Holessandro lắc đầu. "Đúng là căn hầm lạnh sẽ gây tác động có tính bước ngoặt trong tình huống này. Như đứa bé đã bị ngạt... sau đó thở hổn hển... và đang ở trong môi trường lạnh giá. Trong trường hợp đó thì những gì đã xảy ra với Alexandre sẽ bắt đầu xảy ra với đứa bé kia. Da dẻ sẽ trở nên lạnh hơn, do đó sẽ làm giảm lưu lượng máu, làm lạnh não, gây ra vùng dưới đồi não hạ thấp quá trình trao đổi chất tới mức cơ bản. Có lẽ việc xảy ra thậm chí nhiều hơn thế – đứa bé càng nhỏ tuổi, sự phản xạ càng mãnh liệt, sẽ làm cho hệ thống của cơ thể tạm dừng theo cách đó."

"Vậy đứa bé sẽ nhìn như đã chết, nhưng thực ra lại không chết?"

"Chính xác. Tình huống này giống như chức năng tiết kiệm năng lượng của máy tính... màn hình tắt nhưng cậu không mất dữ liệu. Tương tự, khi lưu lượng máu chỉ luân chuyển tới những bộ phận cơ quan thiết yếu, da đứa bé sẽ trở nên xanh xao và lạnh ngắt. Đứa bé sẽ không thở một cách rõ rệt, không bắt được mạch. Như Alex."

"Đứa trẻ có thể duy trì tình trạng đó bao lâu?"

"Nó không thể sống được," bác sĩ Holessandro nói một cách thẳng thừng. "Về mặt khoa học,

theo sách giáo khoa, việc này sẽ không xảy ra. Nhưng quy tắc sinh học lại không giống với quy tắc vật lý, và khi chúng ta thấy tình huống của Alex – thỉnh thoảng cơ chế ấy lại hiệu quả.” Ông nhai miếng cá cuối cùng. “Vậy đứa trẻ của cậu còn sống chứ?”

“Đứa trẻ của tôi?”

“Đứa bé cậu nói. Đứa bé trong tình cảnh đó.”

“Ồ, đúng rồi,” Eli nói. “Chúng tôi thật ra không biết.”

“Vậy nếu đứa bé còn sống, ăn hẳn ai đó đã cố gắng làm ấm nó lên. Đây là cách duy nhất để cơ thể thoát khỏi cơ chế ngủ đông. Đặc biệt một đứa trẻ sơ sinh không thể tự cục cựa nên chúng không thể tự làm ấm bản thân mình.”

Ai đã có mặt vào đêm đó để làm ấm đứa bé? Spencer Pike, cũng có thể, nhưng ông đã thú nhận rằng đã giết đứa bé. Tại sao lại thừa nhận giết người, đó rõ là tội nghiêm trọng hơn, trong khi ông ta có thể giấu đứa bé ở nơi khác, để cho nó sống? Hay cũng có thể bà Cecelia Pike đã giấu được đứa bé vài giờ trước khi bà ta chết. Có lẽ Az Thompson đã đem nó đi, và hãy còn những điều ông chưa kể.

Nhưng nếu đứa bé đã sống trở lại... thì giờ cô bé đang ở nơi quái quỷ nào chứ?

“Hy vọng cuộc nói chuyện sẽ giúp cậu tìm ra câu trả lời,” Bác sĩ Holessandro nói.

“Chắc chắn rồi,” Eli đáp lời. Nhưng anh vẫn thấy mình còn chưa hỏi đúng câu cần thiết.

“Đã đủ rồi nhé,” Ross nói, khi anh đưa cho Ethan một bình bắp rang bơ, sau đó ngồi phịch xuống ghế bánh bên cạnh cậu nhóc. Họ đang ngồi trên đường dẫn vào nhà lúc nửa đêm, xem một đoạn video chiếu trên bức tường trắng ga-ra xe. Đây là phim có dán nhãn dành cho người trên 17 tuổi, đầy súng đạn và người chết các thứ, Ethan biết mẹ cậu sẽ tức điên lên nếu bà phát hiện ra.

“Tại sao lại để trong bình ạ?” Ethan hỏi.

“Chúng ta hết tô sạch rồi.” Ross cười toe toét khi màn giới thiệu đầu phim bắt đầu chiếu. “Thế này có phải tốt hơn ở bãi chiếu bóng không?”

Ethan gật đầu. “Điều duy nhất ở đây thiếu là một cô gái ngồi đằng sau.”

Ross lập tức mắc nghẹn bỗng ngô. “Chúa ơi, Ethan. Không phải cháu còn quá trẻ để nghĩ về việc này?”

“Cũng tùy. Cũng do hầu hết mọi đứa con trai khác thường nghĩ tới những chuyện này khi chúng mười bốn hoặc mười lăm tuổi, mà lúc đó cháu chết mất rồi.”

Ross quay sang, đèn chiếu rọi cảnh phim lên má và trán, bóp méo khuôn mặt anh. “Ethan, cháu đâu biết chắc được.”

“Những cậu con trai thường quan hệ tình dục khi họ mười bốn tuổi?” Ethan nói, cố tình hiểu sai ý ông cậu. “Cậu bao nhiêu tuổi khi quan hệ lần đầu tiên?”

“Chắc hẳn không phải vào lúc chín tuổi rưỡi.”

“Thế lần đó như thế nào?”

Trên màn hình, hai cảnh sát bắn vào một tên xấu đang lái chiếc xe mui trần. Chiếc xe mui trần lao vào vách và nổ tung thành biển lửa. Ethan biết diễn viên đóng thế trong cảnh phim này đã mặc đồ chống lửa và thoát khỏi đó nguyên lành. Người ta cứ thế chết trên phim rồi sống lại rồi lại chết, như một trò đùa.

Cậu nhóc có thể thấy rằng ông cậu của mình đang cố gắng lựa lời, nhưng cậu cũng biết những gì cậu Ross sẽ nói với cậu đều là sự thật. Không giống như mẹ cậu, chỉ muốn giữ cậu làm trẻ con càng lâu càng tốt, cậu Ross hiểu chính xác người ta nên trải nghiệm những gì trên đời trước khi ra đi. “Khá tuyệt vời,” Ross trả lời. “Cảm giác giống như được về nhà.”

Không hiểu sao, Ethan cứ thấy cách diễn đạt ấy sai sai. Cậu nghĩ tới những từ “quấn quýt”, “ướt át”, “bùng nổ”, như những đối thoại trên kênh

Playboy phát ra từ loa tivi mặc dù không đóng tiên thì không xem hình được. Cậu tự hỏi phải chăng mẹ cậu ở Canada đang làm những thứ đại loại như “quần quýt”, “ướt át”, “bung nổ” với thằng cha Eli, cái người đã làm bà cảm thấy hạnh phúc mỗi khi ông ta ghé qua. Mấy ngày này, đầu óc bà toàn nghĩ tới tay thám tử đó. Cậu nhớ cách hai người nói chuyện với nhau trong khi bà làm bánh pancake vài đêm trước, ông ta kể vớ vẩn về một cây gậy nhún thông minh mà ông thấy quảng cáo trên tivi, không chỉ biết đếm số lần nhảy mà còn biết tự phát lời động viên, rồi kêu tên người chơi nữa. Thế mà mẹ cậu khen “Nghe hay nhỉ”.

“Hay là sinh nhật tới cho con món ấy đi,” Ethan đề nghị, và mẹ cậu quay sang cậu, ngơ ngác.

“Món gì hả con?”

“Gậy nhún ấy ạ?”

“Gậy nào nhỉ?” Mẹ cậu hỏi rồi lắc đầu, tung lật mặt miếng bánh lần nữa, dù nó đã chín từ đời nào.

Cậu Ross vẫn tiếp tục giải thích. “Cậu nghĩ khi cháu ngủ với một ai đó, cháu đã mang một phần của cô gái đó theo cháu. Không chỉ là những thứ về mặt thể chất – như tế bào hay đại loại thế, mà còn một phần nào đó khiến cô gái đó là chính cô ấy.”

Ai cũng đều có một người dành cho mình, Ethan nghĩ. Ai cũng có, trừ chính cậu. “Có lẽ cháu

chỉ có thể hôn một cô gái để giờ và mãi về sau cô gái đó sẽ chỉ nghĩ đến cháu. Cậu biết đấy, đó là cậu bé mắc bệnh đó và đã chết mà tôi đã hôn."

"Ethan, cháu không..."

"Cậu Ross," cậu nói một cách mệt mỏi. "Cậu cũng đừng nói dối cháu nữa đi."

Ý nghĩ mình sắp chết luôn thường trực, như hòn đá tắc trong dạ dày. Cậu biết do mình xui xẻo khi số phận bốc thăm trúng bộ gene xấu, cậu sẽ chết trẻ, không còn đường chọn lựa. Cậu không muốn tìm đến Chúa Jesus, hay làm di chúc, hoặc bất kể những gì mà mọi người hay làm khi họ biết trước họ sắp lìa cõi trần. Cậu chỉ muốn sống.

Trong phim, một tên bị máy cưa xích cắt rót tay.

Ethan với lấy bàn tay của cậu mình. Cậu vén ống tay áo để lộ vết sẹo ở mặt trong cánh tay. "Tại sao?" Cậu thì thào.

"Sự khác biệt giữa chúng ta là cháu là anh hùng, Ethan, còn ta là tên hèn nhát." Ross đẩy tay Ethan ra và kéo ống tay áo xuống. "Cá nhân cậu sẽ đảm bảo cháu sẽ được hôn một cô gái trước khi cháu mất, thậm chí nếu ta phải thuê một cô nào đó," Anh nói, và rõ là không nói giỡn, điều này làm Ethan muốn khóc.

Một loạt tiếng súng phát ra từ loa. Ethan thọc tay vào bình bắp rang bơ, tạo ra tiếng sột soạt như

lá mùa thu. “Giờ cậu còn cảm thấy như muốn chết nữa không?” Cậu nhóc hỏi.

Ross lắc đầu. “Không.”

“Cháu cũng vậy,” Ehan nói, quay mặt lên màn hình.

Eli thuộc dạng cảnh sát không thể ngủ được khi vụ án vẫn chưa kết thúc. Lại thêm chút bứt rứt dục tình còn vướng vất, nên cơn bão nửa đêm vừa tan, anh ra ngoài đi dạo dọc bãi đỗ xe của nhà nghỉ. Watson đang nằm gần một ô đỗ xe còn trống, đầu tựa lên hai chi trước, mắt dõi theo Eli bước trên mặt đất lầy lội.

Shelby đang ngủ. Anh nghĩ vậy. Ban tối cô hôn anh chúc ngủ ngon mà say đắm đến mức vài giờ sau đó anh vẫn còn có thể cảm nhận được ngực và hông cô áp trên người mình. Sau đó cô đóng cửa phòng nhà nghỉ trước mắt anh. Đây là một loại trùng phật, anh chắc chắn như thế, cho đáng cái tội đạo đức “chờ tình cảm tiến triển từ từ”.

Anh tự hỏi cô mặc gì khi ngủ. Áo ngủ lụa? Hay pi-ja-ma vải flanen?

Hay không mặc gì?

Mà sao anh lại muốn từ từ? Cô đã nói với anh rằng cô cũng thích anh, và cô đã sẵn sàng. Nếu anh bước vào bên trong và gõ cửa phòng cô, có khi cô

chỉ quấn hờ tấm khăn ra mở cửa. Eli dám chắc nếu có điều gì đó gạt được vụ giết người ra khỏi đầu óc anh, thì đó là làm tình với Shelby Wakeman.

Nhưng người phụ nữ khiến anh rung động nhiều nhất trong khoảng thời gian ngắn ngủi chính là vợ anh. Anh cưới cô chỉ vài tháng sau cuộc hẹn hò lần đầu tiên, đinh ninh rằng tình yêu của cô dành cho anh cũng đậm sâu như kẽm đào tại Atlantic. Thế rồi cô bỏ anh theo một tên khác.

Eli sẽ không để việc này xảy ra với anh một lần nữa. Cách dễ nhất để không bị b้อง là tránh ra đám cháy tiềm tàng.

“Sữa nhé.”

Eli quay qua thấy Shelby đang đứng cách đó vài mét trong chiếc áo thun ba lỗ và quần dài in hình quả dâu. Cô bước tới gần hơn, đi chân đất trên nền đất ướt. Chỉ mới nhìn bàn chân trần của cô, Eli đã đổ mồ hôi hột. “Chuyện gì thế?”

“Sữa. Hâm nóng. Giúp ngủ ngon đấy.” Cô mỉm cười với anh. “Anh không ngủ được, đúng không?”

Cô chẳng hiểu gì.

“Em vẫn làm thế khi nhịp sinh học rối lên – anh biết đấy, kể từ khi thức đêm cùng với Ethan rồi đi ngủ khi trời sáng trăng.”

Eli không nghe được câu nào ngoài từ “đi ngủ”. Anh gật đầu, tưởng tượng lúc chạm vào cô. Ngực

áo thun cô mặc nhô lên, thấp thoáng nét da thịt, và Eli cảm thấy anh như ngừng thở.

Thiếu dưỡng khí, anh nghĩ.

Eli nhìn xuống đất, lấy lại bình tĩnh. Một dấu chân của Shelby, mảnh khảnh và bằng phẳng, tình cờ đạp lên dấu chân anh – lớn hơn, rộng hơn. Đây là hành động gợi tình nhất mà anh từng thấy.

Chúa ơi, mình mất bình tĩnh rồi.

Quái quỷ thật, anh vừa nghĩ thầm vừa bước qua mặt đường đầy bùn, về phía cô. Chuyện gì xảy ra thế này, anh nghĩ, di chuyển trên con đường đầy bùn về phía cô. Anh có thể đã đưa cô lên giường chỉ trong vòng ba phút, hậu quả tính sau. Anh đi ngang qua Watson, qua vệt dấu chân chồng lên nhau khiến người anh nóng bừng bừng – bỗng anh dừng lại.

Hai dấu chân chồng lên nhau, như trong những tấm ảnh được chụp tại hiện trường vụ án sau khi bà Cecelia Pike bị sát hại: Lần đầu tiên Eli chú ý chi tiết đó là khi anh dùng tấm ảnh để chỉ ra lỗ hổng trong giả thuyết Sói Xám có mặt ở đó treo cổ Cecelia. Hiển nhiên nếu Cissy bị bắt cóc từ phòng ngủ sau khi sinh con, thì bà sẽ không mang giày ống rồi để lại dấu chân đằng sau. Bà sẽ chạy chân trần từ giường ngủ, như Shelby.

Đôi giày của ông Pike in dấu nổi bật hơn... Ông là người đã hạ thi thể xuống mà. Nhưng có một

dấu giày của một người phụ nữ in hẳn lên dấu giày của ông ta, y như như dấu chân anh và Shelby vừa nãy – dấu chân nhỏ hơn của một người phụ nữ chồng lên dấu chân to hơn của một người đàn ông, và rõ ràng dấu chân người đàn ông kia phải có trước.

Một người phụ nữ chết rồi hẳn không thể bước đi.

“Anh biết tìm đứa bé ở đâu rồi,” Eli nói.

Ross tin về cuộc sống ở thế giới bên kia. Hơn nữa, anh cũng tin rằng người mình yêu kiếp này chính là người mình yêu kiếp trước, trước nữa. Đôi khi mình lỡ hẹn với người đó, tỉ như cô ấy tái sinh vào sau Thế chiến thứ nhất còn mình mãi đến thập niên 50 mới ra đời. Cũng có khi giữa đường đời chạm mặt nhưng không nhận ra nhau. Nếu gặp đúng người, thì sẽ yêu điên cuồng, thật lòng, sâu sắc, và có lẽ sự vô tận mở ra chỉ dành riêng cho họ.

Giả sử Lia Pike sinh ra để dành cho Ross thì sao? Nếu cô bị giết trước khi cô có thể tìm thấy anh, sau đó lại đầu thai thành Aimee... rồi cô ấy chỉ ngẫu nhiên qua đời sau khi yêu anh? Giả sử giờ cô ám anh bởi vì không có cách liên kết nào khác?

Giả sử lý do anh muốn tự tử không phải do trầm cảm, mất cân bằng chất hóa học trong não, rối loạn nhân cách ranh giới, hay những lý do gì

mà người ta gán cho anh... mà chỉ vì nếu kết liễu đời này, anh có thể bắt đầu một cuộc sống khác với người phụ nữ của đời mình?

Anh nhìn vào bảng tin cáo phó trong tay mà ông Az Thompson đã đưa cho anh vài ngày trước. Giờ, xác của Lia đã nằm tại nơi mà cô ấy thuộc về. Phần còn lại của cô đang đợi anh. Cô thậm chí đã bày tỏ như vậy, bằng cách viết tắt chữ cái đầu tên anh.

“Ross!”

Tiếng Shelby văng vẳng dưới cầu thang. Anh gấp hình của Lia lại và nhét tấm hình vào trong túi sau đó bước vào phòng khách, thấy Eli Rochert và chị anh đang tươi cười, thêm chú chó khổng lồ đứng giữa.

“Ethan đâu rồi?” Shelby hỏi.

Ross nhìn đồng hồ treo tường. Anh không đeo đồng hồ – tại sao mất công đeo khi anh đâu thể tăng tốc thời gian của mình trên Trái Đất này – và cũng không để ý rằng đêm đã trôi qua. “Em đoán cậu nhóc vẫn còn chơi trượt ván bên ngoài.”

“Chị sẽ đi xem thử.” Shelby băng ngang qua bếp, sau đó quay lại nhìn Eli. “Làm đi. Kể với cậu ta đi.”

“Kể với em chuyện gì?” Ross hỏi.

Eli ngồi xuống ghế rồi lôi ra một nấm giấy tờ, trải ra nệm. “Ông Pike đã bóp ngạt đứa bé, ông

nghĩ đứa nhỏ đã chết rồi. Rồi ông bỏ đứa bé trong kho lạnh khi ông ta báo tin ấy cho vợ. Đứa bé tự hồi sinh..."

"Sao chứ?"

"Cứ tin tôi lần này đi. Rồi nó hít thở trở lại, sau đó lại lâm vào chế độ ngủ đông bởi vì cơ thể nó rất lạnh. Nhìn như chết nhưng lại không phải."

Ross ngồi xuống. "Được rồi," anh nói, lắng nghe kỹ hơn.

"Cecelia Pike muốn thấy xác của đứa con mới sinh. Bà đã phá cửa phòng ngủ do ông chồng khóa bà bên trong, và tìm thấy đứa bé trong kho lạnh, đứa bé nhìn lạnh lẽo, nhợt nhạt và giống như đã chết. Bà ta ôm nó lên và khóc lớn... Đó cũng là nguyên nhân ông Pike tìm thấy bà. Ông ta nổi điên khi cứ nghĩ vợ mình đang than khóc cho đứa con giữa bà và tình nhân, thế rồi ông ta treo cổ bà. Nhưng đứa bé không chết." Anh chia một bức ảnh cho Ross, hình phân tích dấu chân. "Có người dẫm lên lớp mùn cưa ngay dấu chân của Pike, đi đôi giày ống y hệt đôi giày tháo khỏi xác bà Cecelia Pike – một cô gái tên Ruby."

"Ruby?"

"Đúng vậy. Cô ta là người hầu gái sống chung với họ, tuổi còn nhỏ. Khi tôi gặp Duley Wiggs, một ông cảnh sát lớn tuổi, ông đã đề cập đến cô-

bé – mặc dù tôi không nhớ vào lúc nào. Ông kể rằng ông Pike với cô gái của mình không xuất hiện tại buổi lễ đám tang lớn tại nhà ông. Tôi nghĩ ông ta nói về Cissy... nhưng giờ tôi nhận ra ý ông ta là cô hầu gái."

"Tại sao không có ai đề cập về cô gái đó?"

"Bởi vì cô ta là một người hầu gái, và người hầu có nghĩa rằng phải vô hình. Và bởi vì cô ta đã biến mất vào đêm đó. Ông Pike không muốn kể với tôi về cô ta, bởi vì cô ta có lẽ đã biết ông giết vợ."

"Vậy nếu Ruby đem theo đứa bé và biến mất vào đêm đó..."

"Đứa bé có thể sẽ vẫn còn sống, giờ có lẽ khoảng 70 tuổi, và sẽ là người kế thừa miếng đất," Eli kết thúc. "Thêm vào đó, Ruby có thể đã điền giấy tờ này nợ. Tôi đã lục tìm trên Internet. Một người phụ nữ tên Ruby Weber được sinh ra ở Northeast Kingdom, chuyển đến Comtosook với gia đình vào năm 1925, và biến mất trong hồ sơ tiểu bang Vermont vào năm 1932. Giờ bà ta đang sống tại số 45 Thistlehill Lane tại Gaithersburg, Maryland."

Ross dường như không thể thốt tên người phụ nữ ra khỏi cổ họng. Ruby Weber. RW. Lia không phải đang bày tỏ với mọi người đứng xung quanh mộ cô rằng cô yêu anh. Mà cô chỉ muốn chỉ Eli và những người khác theo đúng hướng.

Khi Meredith bằng tuổi Lucy, chú chó Blue của cô từng bị xe tải đâm phải. Mẹ cô đã đem nó đến bác sĩ thú y để kiểm tra, và thay vì khóc lóc, Meredith chơi trò ảo thuật cho khuây. Cô làm đồng xu biến mất, trái bóng cao su đỏ biến mất, một bó hoa giấy cũng biến mất, rồi lôi chúng ra một cách kỳ diệu từ tai cô, từ một hộp bánh và từ ngăn kéo bằng bạc. Cô làm những điều này cho bà Ruby xem, bà vốn rất hiểu cô. "Cháu yêu," bà bảo với Meredith, "Có những thứ con không thể lấy lại, không bao giờ."

Nhiều năm sau, Meredith biết cô vẫn còn may mắn khi bước qua tuổi ba mươi lăm mà bà ngoại vẫn còn. Cô cũng đã trải qua mất mát lần đầu tiên khi mẹ cô qua đời sớm, và cô biết những mất mát này có thể ăn mòn con người ta như mối mọt, dần dần rỉ rả, cho đến khi trái tim của người đó không còn gì ngoài đống bụi.

Cô nghĩ về cái chết như đường viễn chinh khâu: Mỗi khi người ta mất một người thân, vết chỉ lại xổ ra một chút. Người ta vẫn có thể tiếp tục sống nhưng mãi mãi sẽ chạm phải những gì trước đây mặc nhiên được hưởng. Nếu bà Ruby qua đời, sẽ chẳng còn người thân nào ngoài Meredith và Lucy. Họ không có cô,dì, chú, bác và anh chị em họ; không có bữa đoàn tụ gia đình hoặc bữa ăn tối vào Giáng Sinh. Chỉ mỗi hai mẹ con với nhau.

“Bà không được phép ra đi,” Meredith nói, như chuyện hẳn là phải thế. Cô siết chặt tay bà ngoại của mình. “Bà không được phép ra đi cho tới khi con đồng ý.”

Cô gần như nhảy cẳng lên khỏi ghế khi bà Ruby siết chặt tay cô lại. Nhìn xuống, cô thấy mắt bà mở to – và thậm chí bà nhận ra cô. “Meredith,” bà Ruby trả lời, giọng bà ngắt quãng và yếu ớt, “ai nói gì về chuyện chết chóc đấy nha?”

Sau khi Eli ra về và Ethan đi ngủ, Ross nhốt mình trong phòng. Shelby gõ cửa để đem cho anh một ít thức ăn nhưng anh đưa lại. Chừng một giờ sau, cô chị quay lại, mong có thể vào phòng nói chuyện, nhưng anh mặc mỗi quần lót mở cửa và bảo anh không muốn nói chuyện.

Shelby ghét chính mình khi cứ phải làm chuyện này, nhưng khi không nghe động tĩnh gì bên trong, cô cạy cửa vào xem để yên tâm là Ross chỉ ngủ thiếp đi, rồi nhét dao cạo râu của cậu em vào túi mình.

Cô ngủ chập chờn suốt đêm hôm đó, mơ những hình ảnh trắng đen về việc đi trên một khu đất nóng đến nỗi làm chân cô thủng một lỗ. Khi cô thức dậy đã là chín giờ sáng ngày hôm sau, đầu cô đau như muốn nứt ra và có ai đó đang mở radio quá to.

Nghĩ mình biết chắc là ai làm, cô huỳnh huých chạy sang phòng Ethan trước, hẳn là nó chứ không ai. Nhưng cậu nhóc vẫn còn đang ngủ, cuộn tròn trong chăn và rõ ràng tiếng ồn phát ra từ phòng xa hơn nữa. Shelby bước tới phòng Ross, và gõ cửa. "Ross," Cô hét lớn, "tắt ngay đi!"

Nhưng tiếng nhạc không dừng lại. Cô đẩy cửa và thấy cửa không khóa. Tiếng radio om sòm, hóa ra là tiếng báo thức được đặt trước.

Giường được xếp gọn gàng, tủ quần áo trống trơn, và đồ đạc của Ross lại biến mất.

Trên gối là một mẩu giấy.

Shel, cô đọc, em xin lỗi vì ra đi theo cách này. Nhưng nếu em có khi nào làm được điều gì đúng đắn, thì em đâu phải đưa em trai chị biết nữa.

Một tiếng thét cuộn lên bên trong cô. Ross vừa để lại cho cô một mẩu tin nhắn tự tử.

Ross ngồi trong xe, nhìn vào dải cây phong Nhật Bản, lảng nghe ngôn ngữ của loài chim, và nghĩ rằng đây là nơi rất phù hợp để kết thúc mọi thứ. Anh hít thở sâu, nhận ra rằng những việc anh sắp làm sẽ làm thay đổi cuộc sống của nhiều người hơn là chính bản thân anh. Nhưng sao anh *không làm* điều đó được?

Anh lái xe vòng quanh thị trấn Comtosook vài

giờ, cho tới khi quyết định và tìm được mọi dụng cụ cần thiết. Anh có thể nói anh làm điều này vì Lia nhưng không hẳn thế. Anh đang làm điều này vì chính anh, để chứng minh rằng cuối cùng cũng có chuyện anh làm được thành công.

Anh vươn người sang ghế hành khách, cầm lên mẩu giấy có địa chỉ của bà Ruby Weber được viết nguêch ngoạc, và sau đó bước ra khỏi xe.

Hộp thư đề tên WEBER/OLIVER, Ross tự hỏi phải chăng người phụ nữ này đang sống cùng ai đó. Anh bước trên con đường gạch dẫn tới cửa trước và bấm chuông.

“Họ không có ở nhà.”

Ross quay qua nhìn người hàng xóm đang cầm vòi nước tưới bãi cỏ bên cạnh. “Chị có biết họ đi đâu rồi không?” Anh hỏi. “Tôi ghé qua mà không báo trước...”

“Anh là người nhà của họ?”

Ross nghĩ về Lia. “Đúng vậy.”

Chị hàng xóm tiến tới gần hơn. “Tôi không biết phải nói với anh thế nào về việc này,” cô nói một cách cảm thông. “Nhưng bà Ruby đang ở trong bệnh viện.”

Ross loanh quanh trên tầng lầu hành chính của bệnh viện và tìm được văn phòng làm việc nhưng cô thư ký đã đi nghỉ giải lao, chỉ có áo khoác thí

nghiệm của bác sĩ còn treo bên trong cánh cửa. Mặc áo khoác vào, anh hướng tới khu chăm sóc tim mạch và hỏi thăm các biểu đồ về bệnh nhân Ruby Weber, anh xem xét kỹ trong vài phút, ghi nhớ tuổi bà, bệnh trạng và số phòng. Tuy nhiên, khi anh tới căn phòng đó, một người phụ nữ đang ngồi với bà Ruby bên cạnh giường.

Không mong muốn có thêm khán giả ngồi đây, Ross giả vờ bận rộn ở trước cửa căn phòng cho tới khi người phụ nữ nắm tay một bé gái rời khỏi. Khi họ đi khuất tầm mắt anh, Ross lảng lặng vào bên trong. "Bà Weber," Anh nói, "Tôi muốn nói chuyện với bà."

Bà có mái tóc màu xám thép và đôi mắt như ngọn lửa xanh. Da bà nhăn nheo như bánh tráng. "Ồ, tôi còn lạ gì nữa. Các phụ tá của ông dường như đều muốn đâm, thọc, và chọt lấy máu của tôi."

Ross cởi áo khoác bác sĩ ra, gấp lại và để trên ghế. "Bởi vì tôi không phải là bác sĩ."

Anh nhìn khuôn mặt bà khi bà đang đấu tranh quyết định xem thử có nên nhấn nút gọi y tá và tổng cổ anh đi... hay đơn giản chỉ nghe thử anh nói gì. Sau một vài phút, bà Ruby kê gối ngồi dậy. "Cậu là bệnh nhân? Cậu nhìn rất giống đang bị đau."

"Thế à."

"Đau chỗ nào hả?"

Ross ngẫm nghĩ. “Chỗ nào cũng đau.” Anh bước một bước về phía trước. “Tôi muốn nói chuyện với bà về năm 1932.”

“Tôi biết thế nào việc này cũng tới,” bà thì thào. “Lên cơn đau tim là một sự cảnh báo.”

“Bà đã ở đó. Bà biết chuyện gì đã xảy ra với Lia.”

Bà quay đầu nghiêng qua một bên, và Ross sững lại khi nhìn thấy vẻ quý phái của bà. Người phụ nữ này, ông bà tổ tiên từng được Spencer Pike vẽ lại như một nhóm người đang thoái hóa, có nét nghiêng y như hình nữ hoàng in trên đồng tiền vàng hay hình đầu nữ thần khắc ở mũi tàu. “Có những thứ không thể kể,” bà Ruby nói.

Thôi coi như cũng đã cố gắng. Thở dài, Ross cầm chiếc áo khoác lên, dợm bước ra.

“Nhưng cũng có những thứ không thể cứ giữ mãi bí mật được.” Bà nhìn Ross. “Ai lại muốn biết chuyện đó chứ?”

Anh định giải thích về sự phát triển, về sự phản đối của người Abenaki, về cuộc điều tra của Eli. Nhưng cuối cùng, anh chỉ trả lời một câu đơn giản, “Tôi.”

“Tôi từng làm việc cho ông Spencer Pike. Lúc đó tôi mười bốn tuổi. Bà Cissy Pike chỉ mới mười tám, chồng bà lớn hơn bà tám tuổi. Đêm đó họ đã cự cãi với nhau, và bà Spike bắt đầu trở dạ, sớm

hơn dự sinh ba tuần. Đứa bé gái bé bỏng chưa từng thấy. Khi đứa bé chết, bà Pike phát cuồng. Chồng bà nhốt bà trong phòng, tôi sợ quá nên nhặt nhạnh vội vàng vài thứ rồi rời đi.” Bà gấp tấm chăn trong tay. “Sau này tôi nghe bà chủ bị giết vào đêm đó.”

“Bà có thấy cái xác không?” Ross nhấn mạnh.
“Bà có thấy xác của đứa bé không?”

Bà Ruby mở rồi lại khép miệng, như thể bà đang cố gắng định hình lại lời nói của bà. Khuôn mặt bà đỏ ửng, một chiếc máy đo gì đó bắt đầu kêu hối hả.

Cánh cửa mở ra. “Bà ngoại ơi? Tiếng ồn gì vậy?
Bà không sao chứ?”

Ross quay lại, định giải thích. Rồi anh thấy mình đang thấy khuôn mặt của Lia Beaumont Pike.

chương

Mười Một

“A nh là tên quái quỷ nào vậy hả?” cô gái ấy hỏi. Tuy nhiên, cô không chờ câu trả lời mà quay đầu ra cửa và hét lớn gọi y tá. Rồi bỗng nhiên nhân viên bệnh viện xuất hiện đong đúc trong phòng, tranh nhau tới cạnh giường bà Ruby và trấn an rằng hẳn bà sẽ không lên cơn đau tim nữa. Lia lắng nghe từng lời chuyên môn của họ như miếng xốp hút nước. Cô đứng cứng đờ cho đến khi tiếng máy đo lại bình thường, cơn nguy hiểm đã qua. Chỉ sau đó vai cô mới thả lỏng, buông dần đôi tay siết chặt.

Ross chuồn ra khỏi phòng, không gây chú ý. Đó không phải là Lia. Anh biết điều này bởi vì cô

không nhận ra anh. Cô cũng có những điểm khác biệt khó nhận thấy – tóc dài hơn, xoăn hơn, có màu vàng nâu mật ong thay vì màu vàng nhạt lúa mì. Cô cũng có một cô con gái nhỏ; khóe miệng đã có nếp hằn, nhưng đôi mắt nâu nổi bật và vẻ buồn rầu lại như nhau.

Cô còn quá trẻ, không thể nào là con của bà Lia Pike. Nhưng vẻ ngoài lại quá giống, chắc hẳn là người thân trực hệ.

Những bác sĩ và cô y tá mặc áo trắng bắt đầu nối đuôi nhau đi ra, như một chuỗi ngọc trai. Ross nhìn lén lại vào trong phòng. “Cậu ta là một người bạn cũ,” Ross nghe được trước khi cánh cửa đóng sầm lại và cắt ngang cuộc nói chuyện giữa hai người.

Và thế là anh biết: Ruby Weber là kẻ dối. Bà ta đâu phải là bạn cũ của anh.

Cũng như bà không bỏ lại đứa bé khi rời nhà ông Pike.

Shelby học được rằng người mất tích phải trọn 24 giờ mới ra thông báo kiếm tìm; rằng có năm đường chính dành cho xe hơi hướng ra khỏi Burlington; rằng nếu từ đây mà đáp máy bay, thì có thể bay đến Chicago, Pittsburgh, Philadelphia, thành phố New York, Boston, Cleveland, hoặc Albany.

Và cô cũng biết có khoảng 2,100 người bị báo cáo mất tích mỗi ngày.

Em trai của cô chỉ là một trong số đó.

Cô không rời mẩu giấy Ross để lại, kể từ khi cô tìm thấy nó cách nay năm giờ trước. Mực trên tờ giấy đó như hằn lên lòng bàn tay cô những chữ tượng hình, như nhật ký của mất mát. Eli đã đến khi cô gọi và hứa sẽ đích thân tìm mọi ngóc ngách của thị trấn Comtosook, và nhờ đến cảnh sát tại Burlington. Nhưng Shelby biết nếu Ross không muốn bị tìm thấy, cậu ta chỉ đơn giản làm mình biến mất.

Hồi còn học trung học, một cầu thủ đá bóng đã tự tử bằng cách nhảy xuống một hẻm núi. Tin tức hiển hiện tất cả trên mọi mặt báo; trường cho lập phòng tư vấn tạm thời ngay trong sảnh; vòng hoa tưởng niệm và gấu bông trang trí trong khuôn viên trước. Ross muốn tới xem hiện trường xảy ra. “Jesus,” anh nói, nhìn mặt nước cuộn sóng dữ dội và bờ đá lởm chởm. “Nếu người ta tự tử theo cách này, chắc hẳn sẽ hiệu quả.”

“Thế nếu là em thì định chọn cách nào?” Cô hỏi, với sự tò mò kỳ cục, giờ nghĩ lại, cô không tin nổi là hai chị em từng bàn về chuyện đó. Cô cũng cố hết sức mà không nhớ rõ khi đó Ross đã trả lời như thế nào. Uống thuốc, dùng súng hay dao? Cậu ta có tự nhốt mình trong một nhà

nghỉ vô danh nào đó, lao xe xuống vực, hay tự sát trong xe?

Khi Ross nhập viện do lần tự tử cuối cùng, cô đã tới thăm anh. Khi đó Ross còn lơ mơ thuốc mê nên hắn cậu không nhớ gì về cuộc nói chuyện khi đó. "Cố gắng sống trên vùng đất khô ráo," Ross đã từng nói, "trong khi chị là con cá."

Tiếng điện thoại rung lên, và Shelby phóng từ phòng Ross xuống dưới sảnh nhà cô. "Shelby hả?"

"Eli?" Trái tim cô như chìm xuống.

"Cậu ta có gọi cho em không?"

"Không."

"Được rồi... Nhớ để đường dây điện thoại trống khi Ross gọi nhé."

Cô yêu anh, bởi vì anh bảo "khi Ross gọi" đầy chắc chắn, chứ không phải "Nếu sẽ gọi". "Vâng," cô hứa, và sau đó cúp máy và thấy Ethan đang đứng ở cửa phòng cô, nhìn đầy đau khổ.

"Con nghĩ đây là lỗi của con," cậu nhóc bộc bạch.

Shelby vỗ nhẹ vào giường để cậu ngồi bên cạnh cô. "Không phải tại con đâu Ethan, tin mẹ đi. Mẹ từng nghĩ mẹ có lỗi, bởi vì mẹ không làm được những gì cậu Ross cần mẹ làm."

"Không, ý con không phải thế." Mặt cậu méo mó. "Cậu Ross và con đã nói về việc chết chóc vào đêm hôm trước."

Shelby chậm rãi quay lại. “Thế cậu nói gì với con?”

“Nói rằng cậu là một tên hèn nhát.” Ethan lo lắng vân vê tấm chăn. “Con đã hỏi cậu về những vết sẹo. Chắc do con khơi ra mà cậu cứ nghĩ về chuyện đó.”

Cô thở phào nhẹ nhõm. “Ethan, con không khơi gợi gì cả. Những ý tưởng ấy đều tồn tại trong đầu cậu Ross rất lâu trước khi cậu con tới đây.”

“Vậy tại sao cậu lại làm thế?” Ethan khóc òa lên. “Tại sao cậu lại muốn chết?”

Shelby suy nghĩ trong ít phút. “Mẹ không nghĩ cậu con muốn chết. Mẹ nghĩ cậu chỉ là không muốn sống.”

Họ ngồi im lặng trong phút chốc. “Cậu cũng hứa tìm cho con một cô gái.”

“Hả, cái gì?”

Ethan đỏ mặt. “Để hôn. Để con biết hôn là sao.”

“À. Và cậu con dự định tìm cô gái này ở nơi nào?”

“Con không biết. Không phải có nơi mà người ta có thể trả tiền để làm những việc này sao?” Cậu nhóc nhún vai. “Con nghĩ cũng có khi cậu biến mất để làm việc đấy.”

Shelby tưởng tượng cảnh Ross đi loanh quanh ở khu nhà hát tại New York, gã gẫm một cô gái điếm mang giày cao gót và mặt ván da rắn đến

hôn một cậu bé chín tuổi. Nghe phát sợi, nhưng hẳn là đỡ hơn cảnh Ross tự tử trong cô độc. "Hy vọng thế," cô bảo.

Trong hai đêm vừa qua, Ross đã ngủ trên băng ghế sau cửa xe anh, đậu tại cửa hàng Wal-Mart ngay phía sau hồ bơi và khu đỗ nướng. Vào ban ngày, anh hay lui tới bệnh viện, và lảng lặng vào trong phòng để gặp bà Ruby mỗi khi cháu gái bà không ở đó, giờ anh đã biết tên cô là Meredith. Ross không muốn hỏi bà Ruby thông tin về gia đình ông Pike, và bà Ruby cũng không tự kể; thực tế, những cuộc nói chuyện của họ lại lảng sang những chuyện linh tinh, kiểu như: họ sống ở đâu, họ đã làm gì, làm thế nào mà họ trở thành như bây giờ. Ross nhận thấy anh thích bà Ruby – Bà sắc sảo, thẳng tính, và còn nhớ lâu làu hệ số đánh banh trung bình của từng cầu thủ trong đội Orioles. Anh biết họ cùng thu được điều gì đó qua những cuộc viếng thăm hằng ngày – bà Ruby đang cân nhắc có nên tin tưởng anh để kể quá khứ đè nặng bà như hòn đá trong lòng hay không, còn Ross thì được gặp người phụ nữ đã cưu mang đứa con của Lia.

Bà không kể với anh về Lia, hoặc đứa con của cô, nhưng bà lại kể với anh về Meredith, một người mẹ đơn thân đã làm việc rất chăm chỉ. Về

Lucy, hay sợ hãi chính bóng của cô bé. Bà cười mỗi khi Ross bắt chước dáng ông bác sĩ tim mạch chân khuỳnh khoàng như đang đóng tã dày. Và mỗi khi Ross đến, mặt bà Ruby lúc nào cũng sáng lên.

Không giống như khuôn mặt của Lia.

Meredith thường rời bệnh viện vào lúc 3 giờ chiều để đón Lucy tại trại hè, và quay trở lại vào lúc 4 giờ 30, vì vậy Ross sắp xếp thời gian cuộc viếng thăm trong giờ ấy. Hôm nay, anh đẩy cửa phòng bệnh viện và thấy bà Ruby đang ngồi trên chiếc ghế gần cửa sổ.

“Ồ, bà khác quá kia,” Ross nói.

“Ta hy vọng được chạy marathon hôm nay nhưng cô y tá lại đề nghị ngồi thế này.”

“Bà nên ngồi thế này thì hơn.” Anh đặt một gói quà vào lòng bà. “Bà mở ra đi.”

“Cậu không cần phải quà cáp gì đâu mà,” Bà Ruby ngần ngại. Nhưng hai lần thăm trước, Ross đã tặng bà một bó hoa màu tía anh hái trên đường quốc lộ, và một chồng tạp chí cũ. Những món quà này bà có thể thường thức được... nhưng lại kể với Meredith rằng chúng do một cô y tá thân thiện mang tới.

Bàn tay bà loay hoay trên dải ruy băng của gói quà rồi kéo ra một bộ bài. “Ta đã từng là tay cự phách món bài xì tố đấy,” bà Ruby nói. “Ta chơi

với những cô gái khác trong nông trại, vào giờ giải lao hút thuốc.”

“Tôi thì chỉ mới học. Đứa cháu ruột chỉ cho tôi.”

Bà bắt đầu xào bộ bài, đôi tay xương xẩu của bà nhanh nhẹn hơn anh nghĩ. “Thế thì ta sẽ nhẹ nhàng với cậu. Có cá cược gì không?”

“Tôi không nhận ra là bà nghiện thế,” Ross đùa. “Có lẽ tôi sẽ mang thêm ít tiền cho lần tới.”

“Cậu nói như kiểu nhát gan sợ cược ấy.”

“Sự thật là, bà Ruby,” Anh thừa nhận, “Tôi chỉ còn khoảng bốn mươi đô la trong túi thôi.”

Bà Ruby không phản ứng với câu nói của anh; bà vẫn tiếp tục xào bài và cau mày. “Chơi không cược gì thì chán lắm. Ta đang tính tới chuyện chơi bài cờ đĩ, nhưng linh cảm mách bảo chơi kiểu thế hóa ra ta được lợi hơn.”

“Chúng ta có thể cược thứ khác được mà. Cái gì miễn phí ấy.”

“Nếu cậu đang nghĩ tới chuyện vui thú, ta phải nói với cậu rằng ta không phải là loại người phụ nữ đó.”

Ross nhìn vào mắt bà. “Thế còn sự thật thì sao?”

Không khí dường như đông lại xung quanh họ. Bà Ruby vỗ bộ bài, sắp xếp lại chúng ngay thẳng. “Nhưng thế thì chẳng có ai thắng cả,” bà trả lời.

“Bà Ruby,” Anh đáp lại, “làm ơn đi.”

Bà nhìn anh rất lâu. Sau đó lại tiếp tục xào bài.
“Đặt cược đi.”

“Tôi sẽ trả lời bà một câu hỏi,” Ross bắt đầu.

Bà Ruby gật đầu đồng ý, chia họ mỗi người hai lá bài, một nửa một úp. Ross có một con bồi, bà Ruby có đầm cơ. Bà nhíu mày, chờ anh mở lá bài đặt cược. “Hai câu trả lời,” Ross nói.

“Ta theo.” Bà chia tiếp hai con bài lật nửa. Ross được một con hai chuồn, bà Ruby được con đầm rô.

“Bà thắng rồi,” Ross cất tiếng.

“Ta đã nói mình chơi giỏi mà.”

Anh nhìn vào tay mình. “Ba câu hỏi tùy bà chọn.”

Bà Ruby vẫn theo, và tiếp tục chia thêm hai quân nữa – Ross có một con sáu chuồn và xì chuồn, bà Ruby có đôi già.

Bà Ruby cược tất. “Ta sẽ kể cho cậu mọi thứ,” bà nói một cách nghiêm nghị, Ross gật đầu. Họ lật hết các quân bài. Ross nhìn vào con ba cơ của bà. “Thế con ba cơ này có đánh bại con hai chuồn không?”

“Không phải chỉ nhờ nó,” bà Ruby nói. “Nhưng năm con đồng chất của cậu thắng hai đôi của ta.”

“Nhưng bà có đôi già mà? Và tôi đâu có sảnh?”

“Ù, chắc là tổ đái người mới chơi.” Bà vươn tới

lấy lá bài của anh, và Ross chú ý tay bà đang rung rung. “Vậy,” bà nói, nhìn lên anh.

“Vậy,” anh trả lời nhẹ nhàng.

Một ống dịch truyền kêu bíp, túi dịch chẳng còn bao nhiêu. Và ngay khi cô y tá thay xong túi truyền, Meredith và Lucy hẳn đã về. “Ta được xuất viện vào sáng mai,” bà Ruby nói.

“Thế thì tôi sẽ đến nhà bà để nhận được câu trả lời.”

“Ta mong đợi cậu tới.” Anh đứng dậy và bắt đầu đi ra khỏi cửa khi cô y tá bước vào căn phòng. “Ross,” bà Ruby gọi. “Cám ơn bộ bài của cậu.”

“Rất vui lòng.”

“Ross!” Anh quay lại, tay anh đặt trên ô cửa. “Do ta cố ý nhường mới thua ván đó thôi,” bà Ruby nói.

Ross mỉm cười. “Tôi biết.”

Shelby đang mơ về khung cảnh máu me nhầy nhụa tràn khắp đường thì tiếng điện thoại làm cô thức giấc. “Aaaa, chết tiệt,” Ross nói khi cô nhắc điện thoại. “Giờ là buổi trưa, lúc chị ngủ. Em thì sinh hoạt giờ khác nên quên mất.”

Cô bật ngồi dậy lập tức, tấm chăn cuốn quanh eo cô. “Ross? Cậu ổn chứ? Chị nghĩ cậu đã chết rồi!”

“Em không chết. Em đang ở Maryland.” Ross dường như thực sự choáng váng. “Sao chị nghĩ thế?”

“Chị không biết nữa – Rõ ràng có một loạt thông tin gây nhiễu. Lời nhắn tự tử cậu để lại cho chị, rồi trước đó cậu cũng tự tử mấy lần rồi còn gì.”

“Đó không phải là tin nhắn tự tử. Đó là lời chào tạm biệt ngắn gọn mà.” Khi Shelby im lặng, Ross thêm vào, một cách phiền muộn. “Em hiểu ý chị rồi. Nghe nè, có anh Eli đó không?”

“Anh Eli đang ở bên ngoài tìm xác cậu.” Shelby châm chọc.

“À. Vậy nhờ chị chuyển lời giúp em. Nói với anh ta rằng em đã tìm thấy bà Ruby Weber.”

Shelby phải mất một lúc lục lại thông tin ba ngày trước. “Cô hầu gái năm xưa à? Bà ta đã nói gì với cậu?”

“Chưa có gì cả.” Ross thừa nhận.

“Khi nào cậu trở lại?”

“Em không biết.”

Sự im lặng mong manh bỗng len vào giữa họ. “Nhưng cậu sẽ trở về chứ?”

Trước khi anh kịp trả lời, tiếng tổng đài tự động vang lên, thông báo Ross sắp hết cước điện thoại. “Nhớ nói với Eli,” anh nói trước khi đường dây điện thoại bị cắt.

Shelby vẫn cầm ống nghe. Trong phòng cô, ánh sáng mặt trời dội vào tấm rèm che, hăm hở muốn lao vào phòng. Shelby tháo chăn, kéo mở rèm cửa, để ánh sáng tràn vào đôi chân trần của cô. Cậu em cô không nói cậu sẽ trở về. Nhưng cậu ta cũng không nói cậu ta sẽ không trở về.

Tại ngưỡng cửa nhà bà Ruby, Ross bấm chuông và đút tay vào túi quần, nhận ra trong ấy ngập đầy cánh hoa hồng. “Tôi biết,” anh nói lớn. “Tôi cũng lo lắng.”

Ra mở cửa là một phụ nữ cao to lực lưỡng có mái tóc xù thắt nhiều bím nhỏ. “Chúng tôi không muốn mua bán gì cả,” cô nói và định đóng sầm cửa.

“Tôi không phải đến để bán bất cứ thứ gì. Tôi đến đây để gặp bà Ruby. Nói với bà tôi là Ross.”

“Giờ bà Weber đã ngủ rồi.”

Một giọng nói, phát ra từ bên trong căn nhà. “Không, ta chưa ngủ!”

Cô y ta chăm sóc sức khỏe nheo mắt và bước sang một bên để Ross vào căn nhà. Cô lẩm bẩm gì đó trong miệng với một ngôn ngữ mà Ross không hiểu, và anh chắc rằng anh cũng không muốn hiểu. Ross theo cô vào phòng khách, chỗ bà Ruby đang ngồi trên ghế bành phủ tấm khoác da cừu lênh chén. “Chào mừng bà đã về nhà,” anh nói.

“Chào mừng đến nhà ta.” Bà Ruby quay qua cô y tá chăm sóc sức khỏe. “Tajmallà, cô có thể cho chúng tôi ít phút được không?”

Với vẻ chịu đựng khiến Ross liên tưởng tới những nữ tu người Châu Phi đầu quấn khăn thêu tay, cô y tá lặng lẽ bỏ ra ngoài. “Bệnh viện đã gửi cô ấy tới đây,” bà Ruby nói, nhìn cô bước ra ngoài. “Cô ấy đang chỉ ta tiếng Swahili. Ngôn ngữ thật tuyệt vời. Giống như là một dòng sông đang chảy qua não bộ.”

Ross ngồi xuống đối diện với bà Ruby. “Tiếp tục đi. Làm tôi ấn tượng đi.”

Bà tập trung. “*Miya...* không đợi đã, phải là *Liya...*”

Lia?

“*Liya na tabia yako usilaumu wenzako,*” bà Ruby nói liền một mạch.

“Đấy là câu chào à?”

“Không. Câu trên có nghĩa rằng, ‘Đừng đổ lỗi cho người khác những việc mà tự mình gây nên.’”

“Ross lắc đầu. “Thôi tôi nghĩ tôi sẽ bắt đầu học những câu kiểu ‘Xin chào, tên tôi là Ross.’”

“Thực ra,” bà Ruby nói, “Tôi đã nhờ cô ấy dịch lại dùm câu đặc biệt đó,” bà vươn lấy cái điều khiển, tắt tivi đang chiếu tập phim truyền hình dài tập. “Cậu biết đấy ta nghĩ ghi nhớ câu này

trong đâu sẽ có ích.” Trước khi ta có thể kể cho cậu phần còn lại của câu chuyện, cậu cần phải giải thích trước. Tại sao cậu lại muốn lật lại mọi chuyện vào lúc này?”

Ross nghĩ về Lia đang ám khu đất; nghĩ về Shelby đang mở cuốn sơ đồ phả hệ; nghĩ về những cánh hoa hồng đầy ắp trong túi anh. “Bởi vì tôi cần biết chuyện gì đã xảy ra với một người tôi yêu,” anh nói.

Ruby kéo tấm chăn lông cừu lên một chút. “Ông ta bảo tôi chôn đứa bé đi.”

“Spencer Pike à?”

Bà gật đầu. “Cậu phải hiểu, giáo sư – tôi chưa bao giờ gặp người nào như ông ta trước đây. Ông ta có cách nói lôi cuốn người ta đồng tình mà có khi chưa kịp nhận ra vì sao. Tôi luôn tự hỏi đây có phải là lý do khiến bà Cissy Pike cưới ông hay không.” Bà Ruby nhìn Ross. “Bà có quen một người bạn, người da đỏ, và họ lén lút gặp mặt nhau. Giáo sư biết giữa hai người họ có chuyện gì đó. Một ngày nọ, ông thấy người thổ dân đó vào phòng bà, ông bèn ném người đó ra khỏi nhà, đánh bà Pike... đến nỗi làm bà chuyển dạ.”

“Vậy tại sao đứa bé lại còn sống?”

Bà Ruby dường như ngạc nhiên bởi câu hỏi. “À, chuyện đó. Lúc ấy ta mới mười bốn tuổi, chưa từng biết gì về chuyện sinh nở. Rồi sau khi xong

xuôi mọi việc, ta nghe thấy tiếng đứa bé khóc..." Giọng bà nhỏ dần. "Giáo sư Pike đã đem đứa bé đi để vợ ông nghỉ ngơi. Ta đang lau chùi dọn dẹp bên trong thì ông bước vào và nói rằng đứa bé đã chết. Ông đã để cô bé trong kho lạnh và ông muốn ta chôn con bé vào trong thùng táo cũ trước khi vợ ông thức giấc."

"Ông ta có nói làm sao đứa bé lại chết không?"

Bà Ruby lắc đầu. "Ông ta không nói và ta cũng không hỏi. Ta cứ nghĩ rằng ta đã biết câu trả lời rồi. Khi ta đi vào kho lạnh thì thấy cô bé ở đó, như là một con búp bê được cuộn trong chăn. Nhìn nó như thiên thần thế này thì làm sao mà chôn nó xuống đất cho đang, nhưng ta không thể làm gì khác. Vì vậy ta đặt cô bé vào thùng táo cũ, nhưng để nắp mở. Thôi thì để ông ta cứ tự tay chôn đứa bé nếu ông ta muốn.

"Lúc ta bước vào, ông ta đang vui đầu uống rượu trong phòng làm việc. Vì vậy ta đi ngủ. Giữa đêm ta nghe thấy tiếng đứa bé khóc. Ta thức dậy và bước ra ngoài, đi theo tiếng khóc đấy." Bà rùng mình. "Đến bây giờ, thỉnh thoảng ta vẫn còn nghe thấy tiếng khóc đó, trước khi đi ngủ. Ta đi tới kho lạnh, chỗ phát ra âm thanh. Nhưng khi ta bước lên hiên nhà kho, ta va phải chân của bà Cissy Pike." Giọng bà Ruby dần nhỏ lại như thi thảm. "Bà treo cổ lên thanh xà, mắt bà mở lớn, và

đỏ ngầu... Ta hét lên. Ta cứ nghĩ giáo sư đã giết bà – và sau đó sẽ tới ta. Ta quyết định chạy trốn ngay tức khắc, rồi ta lại nghe tiếng khóc. Đứa bé ta đã tận mắt nhìn thấy nó chết giờ đang ở bên trong thùng táo, ngọ nguậy và la hét.”

“Vậy là bà đưa bé theo.”

Bà Ruby liếc lên nhìn Ross. “Ta đã hứa sẽ chăm sóc cho đứa bé đó dù dù có chuyện gì có xảy ra. Vì vậy ta lấy miếng thịt nướng chúng ta chuẩn bị cho bữa tiệc tối đặt trong thùng táo thay thế, và đóng đinh cái nắp lại, như giáo sư muốn ta làm lúc ban đầu. Sau đó ta ôm đứa bé và chạy trốn.”

“Giờ cô bé đâu rồi?” Ross hỏi.

Bà Ruby nhìn xa xăm. “Đứa bé còn rất nhỏ và ốm yếu. Cô bé đã chết trên đường đến Baltimore.”

Ross nghĩ về Lia, Lily, về Meredith. Và bỗng nhiên anh hiểu tại sao bà Ruby lại nói dối. “Bà chưa từng kể với đứa bé đó,” Anh nói nhỏ nhẹ.

Đôi mắt của bà Ruby nhìn anh, không gian thít lại như thể không từ ngữ nào có thể len vào. Sau nhiều năm gìn giữ bí mật to lớn như gánh nặng của thần Atlas, Ross đã đến chia sẻ bờ vai gánh vác. Nhưng bà kể với anh không có nghĩa bà sẽ sẵn sàng kể với bất kỳ người nào khác.

Bỗng nhiên có một loạt tiếng bước chân, cô bé nhỏ mà Ross thấy mấy hôm trước chạy vào. “Bà cố Ruby, chúng con về rồi nè!”

Một lúc sau, Meredith vào phòng, cô y tá Tajmallla đi theo. “Bà cảm thấy thế nào rồi?” Cô hỏi bà Ruby, trước khi mắt cô tia sang Ross. “Anh nữa hả!”

Ross đứng dậy. Anh định tự giới thiệu, nhưng một lần nữa sững ra vì sự giống nhau một cách kỳ lạ giữa người phụ nữ này và Lia Pike. Anh tự hỏi cô sẽ làm gì nếu anh vươn tay chạm vào má cô để chắc chắn rằng cô có thật.

“Tôi không biết anh là ai, hay anh đang làm ăn kinh doanh gì với bà của tôi,” Meredith nói, “nhưng tôi không...”

“Tên cậu ta là Ross, cháu yêu à,” bà Ruby cắt ngang. “Cậu ta đến đây để mời cháu ra ngoài ăn tối.”

“Cái gì?” Ross và Meredith cất tiếng cùng lúc.

“Ta chắc rằng ta đã đề cập tới việc này rồi. Tuần trước đấy.”

“Tuần trước bà còn ở trong bệnh viện mê sảng nói chuyện với những ai ai đó mà.”

Bà Ruby mỉm cười chắc chắn với cô. “Ross là bạn cũ... của bạn ta. Và ta đã kể với cậu ta rất nhiều về cháu.”

Ross cảm thấy Meredith đang săm soi anh, hắn là thấy anh chẳng có gì đáng để mắt. Sau đó cô nhìn lại người phụ nữ mà cô tin là bà của mình

– một người phụ nữ gần đất xa trời – và ánh mắt cô dịu lại. Phải chăng đây là cách bà Ruby tổng khứ Ross đi? Hay để ép anh kể với Meredith sự thật? Hay đây là cách bà Ruby làm anh hiểu tại sao trước nay bà lại không kể?

Dù sao đi nữa, Ross sẵn lòng đi ăn tối với người phụ nữ này. Cho dù anh chỉ có thể ngồi đối diện và ngắm nhìn khuôn mặt mà anh không bao giờ quên.

“Xin lỗi, um, cảm phiền anh chút nhé?”
Meredith nói một cách lịch sự rồi quay qua bà Ruby, hạ giọng, nhưng vẫn lọt tai Ross. “Bà Ruby, anh ta không phải kiểu người cháu thích...”

“Merry, con phải hẹn hò thực sự thì mới biết mình thích gì chứ.” Bà Ruby mỉm cười. “Ta đã có Lucy và Tajmallा bầu bạn rồi.”

“Cà phê đi,” Ross cho ý kiến. “Tôi mời cô ly cà phê nhé?”

Meredith quay qua nhìn bà Ruby một lần nữa. “Khi bà cảm thấy khỏe lại thì nhớ nhắc cháu xử lý bà đấy nhé,” Cô lẩm bẩm và sau đó quay qua Ross. “Uống ly cà phê thôi nhé.”

Cô bước đi cứng ngắc bên cạnh anh. Ross nhìn bà Ruby, gương mặt bà thản nhiên, như tay chơi xì tố kỳ cựu. Và khi anh bước cùng Meredith ra khỏi phòng khách, hai con người lạ mặt này cứ nghẽn họng

biết nhiều về đối phương hơn thực tế, Ross nhận ra nước hoa của cô phảng phất mùi hoa hồng.

Meredith tự nhắc nhở bản thân, lý do duy nhất cô làm việc này là để bà Ruby không lên cơn đau tim lần nữa. Cô nhìn một cách chán ghét khi Ross gạt nhanh những ly cà phê rỗng, băng cassette và những gói thuốc lá ra khỏi ghế ngồi cho khách trên chiếc xe hơi cà tàng cũ kỹ của mình và ném chúng ra ghế sau. "Xin lỗi," anh nói, và mở cửa cho cô.

Bên trong bay mùi thuốc lá nồng nặc. Meredith nhìn anh đi qua phía ghế tài xế. Tóc anh dài gần chạm tới vai, cắt ngang đơn giản; anh mặc một áo sơ mi ngắn tay kiểu bowling, bên trong mặc chiếc áo lót thun ba lỗ; quần jean có một lỗ thủng ngay đùi. Anh trông như mấy tay nhạc công chơi guitar nhận tiền xu ở ga tàu điện ngầm, hoặc nghệ sĩ lang thang ngồi trong quán cà phê tối tàn viết mấy bài thơ dở tệ hại. Mấy người kiểu anh này hay tiện tay viết lách nọ kia lên mấy mảnh giấy linh tinh rồi nhét vào túi áo khoác, rồi có khi quên luôn. Hắn người như anh kiếm sống bằng nghề lái taxi, trong khi những người như cô bận làm luận văn tiến sĩ. Thường mấy gã như vậy cô không bao giờ buồn liếc mắt đến lần thứ hai.

Chiếc xe nổ máy ngay khi khởi động, đúng

là một phép màu kỳ diệu. “Vậy,” anh mỉm cười. “Chúng ta tới nơi nào đây?”

“Đi gần thôi.” Meredith chỉ đường cho anh tới quán Starbucks đầu tiên cô nghĩ tới, và khi anh quay mặt lái xe cô nghĩ sự thất vọng trong mắt anh hẳn là do mình tưởng tượng thôi.

Đôi mắt thất vọng ấy là do cô. Đôi mắt làm cô những tối những vùng nước người ta phải lội qua khi đi trong rừng mưa, xanh thăm thẳm đến nỗi một khi đã đắm chìm trong đó thì không thể, cũng không muốn dứt ra.

Anh cầm lên một gói thuốc. “Cô có phiến không?”

Cô cảm thấy phiền, thực sự phiền, nhưng đây là xe anh. Cô kéo cửa sổ xuống khi anh mồi cái món gây ung thư và hít một cái thật sâu. Hai má anh như hõm vào sâu hơn, làm hai góc cạnh cứng đơ trên khuôn mặt anh được thả lỏng. “Chỉ để cho anh biết,” Meredith tuyên bố, “Tôi không có thói quen nghe theo sự sắp xếp của bà.”

“Tất nhiên vậy rồi.”

“Điều đó có nghĩa là gì?”

Ross thổi một luồng khói ra khỏi cửa sổ. “Nghĩa rằng người như cô có thể tự kiểm cuộc hẹn hò cho mình.”

Meredith thấy mặt nóng bừng. “Như tôi,” cô

lặp lại, bỗng nhiên dè chừng. “Làm sao anh biết về tôi?”

“Tôi không biết gì cả,” Ross thú nhận.

“Vậy tại sao anh không dừng việc giả định đi.”
Nhưng, Meredith nghĩ, không phải cô cũng đang làm việc tương tự với anh ta hay sao?

Anh lái xe bằng tay phải, điều thuốc cầm trên tay trái. Đầu điều thuốc lật lòe như nút bấm trả lời nhanh trên trò chơi truyền hình. “Chỉ là cô gợi cho tôi nhớ tới một người tôi từng biết. Cô ấy cũng xinh đẹp như cô vậy.”

Trong cuộc đời mình, hiếm khi Meredith được khen vẻ bề ngoài của mình. Hoàn hảo, thông minh, sáng tạo – những tính từ này thường gắn với cô hơn. Nhưng đó là do cô cố ý chọn phô ra trí tuệ sắc sảo của mình hơn là ngoại hình, thế rồi người đời phản ứng thuận theo. Xinh đẹp sao, cô ngẫm nghĩ.

Cô tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với người phụ nữ anh từng biết, cô ta đã qua đời hay cãi vã với anh, hoặc bỏ anh mà đi. Meredith nhìn Ross một lần nữa, và lần này, thay vì một tên thất bại, cô lại thấy một người có tâm sự.

Ngạc nhiên thay, cô bỗng muốn nghe anh tâm sự.

“Vậy giờ sao?” Ross hỏi, và cô nghĩ chẳng nhẹ anh cũng có thể đọc được tâm trí cô.

“Vậy cái gì?”

“Vậy... chúng ta có bước vào trong hay không?” Anh liếc ra ngoài cửa cổ, và cô nhận ra họ đã tấp vào bãi đỗ xe của quán cà phê Starbucks. Anh cũng có lúm đồng tiền trên má trái khi cười.

“A. Vâng.”

Ross bước qua cửa xe bên và mở cửa cho cô. Họ bước vào quán cà phê và thấy đã có vài người đứng xếp hàng trước họ. “Cô muốn uống gì?” anh hỏi.

Lần đầu tiên trong nhiều năm, Meredith không có câu trả lời sẵn sàng.

Bruno Davidovich đã từng là một hậu vệ chuyên nghiệp, một vệ sĩ quán bar và thậm chí còn làm đầu bếp trên tivi trước khi bước vào công việc nhận dạng nói dối. Anh nói với Eli, bí quyết là không bao giờ rời mắt khỏi đối tượng. Anh luôn đúng giờ như đồng hồ Thụy Sĩ, đúng hẹn từng giây, đây cũng là một trong những lý do Eli thích thuê anh. Một lý do khác là dáng vóc khổng lồ của Bruno thường làm người ta sợ, dễ khai báo sự thật.

“Cố gắng thư giãn đi,” Bruno nói với ông Spencer Pike, khi ông đang bị buộc ngồi với máy phát hiện nói dối. Ông Pike đã đồng ý cuộc kiểm tra khi Eli yêu cầu, nói rằng ông muốn chuyện

này kết thúc. Hai ống ghi lại hoạt động phổi giờ được dán vào ngực và bụng ông, hai miếng kim loại móc vào ngóc tay đeo nhẫn, vành đo huyết áp được quấn xung quanh cánh tay mảnh khảnh.

“Hôm nay là thứ Tư hả?” Bruno hỏi.

Ông Pike đảo tròn. “Đúng.”

“Có phải tên ông là Spencer Pike?”

“Đúng.”

“Ông là một người khỏe mạnh?”

Một khoảng lặng. “Không.”

“Ông đã bao giờ nói dối chưa?” Bruno lại hỏi.

“Có rồi.”

“Ông đã bao giờ nói dối về chuyện gì đó rất nghiêm trọng?”

“Cũng có rồi.”

“Ông có bao giờ nói dối để không bị dính rắc rối?”

“Đã từng.”

Eli lắng nghe Bruno tiếp tục những câu hỏi của mình, và xem cách anh từ từ dẫn tới những câu hỏi liên quan. Đây không phải là bài kiểm tra nói dối được sử dụng trong tòa án, cũng không liên quan gì tới việc xác nhận tha bổng hay buộc tội ông Pike. Nhưng Eli cần biết để tâm trí anh thanh thản rằng tại sao ông Spencer Pike nghĩ rằng ông ta phải chịu trách nhiệm cho đứa bé không bị giết, nhưng lại chối tội giết vợ.

“Đứa bé sinh ra đã chết?” Bruno vẫn tiếp tục hỏi.

“Không.”

“Ông có ôm đứa bé sau khi nó được sinh ra?”

“Có.”

“Ông có giết đứa bé sau khi nó được sinh ra?”

Ông Pike nhẹ thở một hơi dài.

“Có,” ông trả lời.

“Ông có đánh vợ trước khi đứa bé được sinh ra?”

“Có.”

“Ông có đánh vợ sau khi đứa bé được sinh ra?”

“Không.”

“Ông có hăm hại vợ mình?”

Ông Pike cúi đầu. “Có.”

Bruno nhìn ông Pike. “Ông có treo cổ vợ ông?”

“Không,” ông trả lời.

“Cám ơn,” Bruno nói. Anh kéo các bảng in từ máy phát hiện nói dối và bước vào sảnh, Eli đi theo.

Khi Eli đang đợi, Bruno đánh điểm từng biếu đồ. “Sao rồi?”

“Nhìn này. Khi tôi hỏi ông ta có làm tổn thương vợ mình không, ông ta trả lời một cách quả quyết... đó là một câu hỏi kiểm soát. Sau đó tôi hỏi ông ta có giết vợ mình không, phản ứng sinh lý của ông ta không mạnh mẽ như câu hỏi vừa rồi.”

“Ông ta không làm việc đó,” Eli thì thào.

“Có vẻ thế.” Bruno do dự. “Cậu muốn tôi dọa ông ta một chút không, để xem liệu chúng ta có thu hoạch được gì khác?”

Eli liếc nhìn qua cửa. Mắt ông Pike ngẩn ngơ nhìn xa xăm vào vật gì đó bên ngoài cửa sổ. Hai bàn tay ông rũ trên tay vịn xe lăn. “Không,” Eli trả lời. “Ông ta xong việc rồi.”

Cho tới khi nhân viên tại quầy Starbucks cởi bỏ tạp dề và bắt đầu lấy giẻ lau chùi bàn ghế gần chỗ Ross và Meredith đang ngồi thì cô mới nhận ra họ đã ngồi đây năm tiếng đồng hồ. “Những đứa bé hiện tại là quy tắc của tự nhiên,” cô tranh luận. “Có nhìn loài khỉ đột xem? Những con đực lưỡng xám luôn được con cái tìm kiếm, bởi vì chúng sống lâu đến nỗi bộ lông chuyển thành màu xám. Vì vậy khi đến lúc tìm kiếm bạn tình, mấy con cái thường kiểm một phổi ngẫu có thể cho những đứa con của chúng cơ hội sống lâu.” Meredith cảm thấy não bùng bùng sắc sảo khi bảo vệ công việc của mình, và cô biết đấy không chỉ do tách macchiato caramel thứ tư. “Tất cả những gì chúng tôi đang làm trong phòng thí nghiệm là làm cho tự nhiên hoạt động trơn tru hơn một chút thôi.”

“Nhưng khoảng cách giữa việc loại bỏ những phôi thai bởi vì chúng mang bệnh xơ nang và loại

bỏ thai vì không có gene quy định mắt xanh thì bao xa?"

Meredith suy nghĩ một lúc. "Theo lý thuyết, đôi mắt xanh là một gene lỗi, vì vậy điều này cũng có thể xảy ra. Nhưng hầu hết những đặc điểm mà các bậc cha mẹ không mong muốn liên quan tới hàng trăm loại gene hoạt động cạnh nhau. Đó là chỗ Hilter đã sai hoàn toàn. Người ta không thể chỉ xác định gene ngu dốt hay yếu đuối hay xấu xí tại một điểm trên sợi DNA."

"Chưa có thôi," Ross nói. "Nhưng một khi cô tìm ra thì sớm muộn gì liệu pháp tế bào gốc cũng được sử dụng để loại bỏ những... đặc điểm không mong muốn. Và bỗng nhiên cô sẽ có một thế giới đầy những con người hoàn hảo như người sống trong phim Thị trấn Stepford."

"Đầu tiên, có sự khác biệt giữa chữa trị cho một người đã bị bệnh, với việc thiết kế một cơ thể không bệnh. Thứ hai, 99,9% các nhà khoa học làm nghiên cứu này đều có những lý do đúng đắn – không phải bởi vì họ mắc chứng hoang tưởng sẽ tạo ra một chủng tộc thượng đẳng. Thứ ba, anh không thể nào chỉ trích tôi cho đến khi anh nói chuyện với người phụ nữ có ba đứa con bị chết bởi bệnh bạch cầu, bà ấy đến cầu xin có được một đứa trẻ không chết non nữa." Meredith lắc đầu. "Tôi có tấm biển trong phòng làm việc để chữ *Phương*

Cách Cuối Cùng. Tôi đặt tấm biển đó vì có những cặp cha mẹ coi chở tôi là hy vọng cuối cùng, rồi cũng chính những người đó vài tháng sau xuất hiện với đứa bé khỏe mạnh trên tay. Chẳng có bậc cha mẹ nào sẽ phải đau khổ vì có những đứa con bệnh tật nữa.”

“Và ai ra định nghĩa thế nào là Bệnh tật?” Ross khuấy đều trong ly cà phê. “Cháu tôi bị bệnh XP. Cô có bao giờ nghe về căn bệnh đó?”

“Chắc chắn rồi.”

“Nếu theo phân loại định hướng thì hẳn nó sẽ bị đề nghị loại bỏ. Nhưng Ethan là một đứa bé rất thông minh, sắc sảo, và can đảm nhất mà tôi từng gặp. Và thậm chí nếu cậu bé chỉ có thể sống thông minh, sắc sảo và can đảm trong mười năm hoặc mười ba năm hoặc ba mươi năm, thì ai có thể bảo thời gian đó không tốt hơn là chặng còn sống được ngày nào?”

“Không phải tôi,” Meredith đồng ý. “Tất cả điều này đều phụ thuộc vào cha mẹ đứa bé.”

“Những có rất nhiều bậc cha mẹ ngoài kia đều đang muốn loại bỏ những cậu bé như Ethan...”

... Lúc đó thì chưa có Ethan thực sự đâu,” Meredith tranh luận. “Mới chỉ là một nhúm tế bào.”

“Sao cũng được. Vấn đề là, các bậc cha mẹ đòi hỏi khác nhau. Giả sử phương pháp này chẩn

đoán ra một căn bệnh không phát tác cho tới khi người đó ba mươi hay bốn mươi tuổi? Hoặc nếu soi thấy những khuynh hướng gây ra bệnh tim hoặc ung thư... nhưng cả đời không phát bệnh thì sao? Hoặc như có lúc nào đó chẩn đoán được đứa bé sau này lớn lên có xu hướng tự sát?" Ross nhìn chằm chằm vào mắt cô. "Con người cũng có quyền loại bỏ những phôi thai đó không?"

Meredith nhíu mày. "Và nếu những cặp cha mẹ bị điếc dùng biện pháp chẩn đoán phân loại để sinh ra đứa con thừa hưởng đặc điểm di truyền ấy? Thế sẽ là tạo ra một đứa trẻ khuyết tật."

"Đa số khách hàng của cô hẳn không làm như thế."

"Quả vậy," Cô thừa nhận. "Nhưng chuyện này có xảy ra. Và đó chính là lý do cho thấy công việc của tôi không phải là hiện thân của ác quỷ. Để cho cha mẹ biết trước con cái của họ sẽ trở thành như thế nào là sai sao?"

"Thế khi đứa trẻ phát hiện ra rằng nó sinh ra không đúng như định trước thì sao?" Ross hỏi, nhìn cô rất kỹ.

"Cái này tùy thuộc vào các bậc cha mẹ sẽ nói với đứa bé đó hay là không. Nếu mọi chuyện đều tốt đẹp, ừ thì, nó sẽ vui thôi... bởi vì nó có ra sao thì cha mẹ vẫn yêu thương nó."

"Tình yêu không có liên quan gì tới khoa học

cả," Ross nói. "Tình yêu không đi kèm *bởi vì*, mà là *bất kể* ra sao."

"Thế nhưng sao không thử?" Meredith tiếp tục tranh luận. "Thành thật mà nói, anh không có thứ gì muốn thay đổi cho tốt hơn trước khi anh được sinh ra hay sao?"

Ross không trả lời trong giây lát. Rồi anh hỏi, "Cô đã tìm được gene hạnh phúc chưa?"

Cô im lặng, nhìn anh, tự hỏi về từ đâu mà có lời đáp vậy. Âm thanh duy nhất là tiếng sột soạt của giẻ lau sàn trên sàn gạch. Meredith nhận ra, vào lúc này, Ross Wakeman thật khác biệt làm sao – trong năm giờ họ ngồi với nhau, đây là lần đầu tiên anh cho người ta cái nhìn khác về mình. Tự nãy giờ họ nói về Lucy, về sức khỏe của bà Ruby, về sự nghiệp của Meredith... và không nói gì về anh. Meredith không thể nhớ có cuộc hẹn nào mà câu chuyện lại không xoay quanh người đàn ông cô đi cùng. Ross đang làm những gì mà chính cô thường làm.

Cô không biết gì về người đàn ông này, người đã làm cho tâm trí cô quay vòng, trừ việc anh ta có một đứa cháu bị bệnh XP, rằng anh biết bà ngoại của cô, và làm tim cô hơi xao động mỗi khi anh mỉm cười. "Tôi xin lỗi," Meredith nói. "Toàn là tôi nói suốt."

"Không. Tôi muốn biết về cô mà."

“Tôi cũng muốn biết về anh,” Meredith thừa nhận.

“Tôi e rằng chẳng có gì thú vị cả đâu.” Ross châm một điếu thuốc.

Cô vẩy tay xua đám khói. “Những thứ này sẽ giết chết anh.”

“Tôi ước được như thế.”

“Tại sao?”

“Tại vì tôi chết không được,” Ross thừa nhận.

Ngoài ý muốn, Meredith bật cười. “Như siêu nhân hả, trừ khi tôi lấy đi sợi dây chuyền làm từ đá Kryptonite của anh?”

“Không, không phải vậy. Tôi đã từng bị đạn bắn vào người, bị xe đụng, bị sét đánh, và mỗi lần như thế tôi đều vượt qua không sao cả.”

“Anh đang nói đùa tôi.”

“Tôi còn giữ phiếu khám của bác sĩ đây này.”

Meredith choáng váng trong một lúc. “Đúng là món quà kỳ diệu.”

“Không hẳn đâu, khi cô muốn cứu người khác hơn là bản thân mình,” Ross nói.

“Đứa cháu của anh nhỉ.”

“Nó và những người khác.”

Cô nghiêng người về phía trước, bị cuốn hút bởi ánh đau buồn trong mắt anh. “Người mà anh bảo tôi giống sao?”

Anh không trả lời – anh dường như không thể trả lời vào lúc này. Meredith tự hỏi cảm giác ra sao khi có một người đàn ông say mê cô kể cả sau khi mình đã chết. Anh có thể nhìn thấy khuôn mặt của cô trên khuôn mặt của người khác. Nhân viên phục vụ tại quán Starbucks tiến tới bàn họ. “Anh không được hút thuốc tại đây.”

Ross quay sang người phục vụ. “Xem ra tự thiêu cũng không được đâu nhỉ.”

Cậu phục vụ nháy mắt. “Anh trai, anh làm bất cứ việc hư hỏng gì trong lúc rảnh rỗi thì đó là chuyện của anh.”

Meredith ho nhẹ che giấu nụ cười. “Có lẽ chúng ta nên đi.” Cô do dự. “Tôi rất thích ở bên cạnh anh. Tôi nghĩ lần cuối cùng tôi nói thế với một chàng trai và thật sự có ý như thế là lúc tôi đang làm bánh bùn tại sân cát trường mẫu giáo.”

“Và tối nay tay cô thậm chí không bị dính cát nhé.”

“Thật không ngờ nhỉ.” Meredith nhìn anh bén lèn. “Anh sẽ lưu lại trong thị trấn một thời gian phải không? Anh biết đấy, có lẽ chúng ta lại gặp nhau. Lần này đi ăn một bữa hàn hoi, hay ăn vặt gì đó, nếu anh muốn như thế.”

“Tôi không thể.”

Bỗng nhiên mắt cô nhìn vào tay trái anh. Trống không. “Anh đồng tính à,” cô bỗng nói.

“Không phải thế.”

Một cảm giác cũ dội lên – cô như ở vào thời điểm đêm hôm trước, lúc cô bỗng thấy mình không hấp dẫn hoặc thiếu cái gì đó. Meredith cảm thấy rõ ràng. “À, vậy được rồi.” cô nhanh nhẹn chìa tay ra. “Vậy, rất vui được biết anh.”

Anh nắm lấy tay cô với sự tôn kính, lật qua lật lại giữa lòng bàn tay anh một lúc lâu như thể cô được tạo nên bởi thứ pha lê tinh tế chứ không phải từ máu, thịt bình thường. “Meredith,” Ross nói thì thào, “Tôi rất thích em. Tôi thích em rất nhiều. Nhưng có một người khác.”

Người phụ nữ giống với Meredith. Cô cúi đầu. “Tôi xin lỗi,” cô nói thầm. “Tôi không nhận ra hai người vẫn còn...”

Cô cảm thấy tay mình bị ấn vào thứ gì đó. Một mảnh tạp chí bị cắt ra, vàng nhạt và phai mờ, nhưng vẫn có thể thấy rõ khuôn mặt của người phụ nữ ở giữa. Một khuôn mặt như Meredith trong gương. Chú thích ảnh ghi; *Lia Beaumont Pike, 1914-1932.*

“Đây là bà ruột của em,” Ross nói. “Và anh yêu bà.”

Ross nhận ra đây là một cuộc chiến mà Meredith đang thua cuộc. Cô đứng khoanh tay, lưng thẳng, mắt đầy giận dữ. Ross và Ruby, đang ngồi trên

ghế bành, thay phiên nhau chịu đựng cơn giận dữ của cô và đẩy nó trở lại, với hy vọng rằng cô sẽ tin những điều mà họ đang cố gắng bày tỏ.

“Khi ta nói với mẹ cháu rằng nó không phải là con của ta, nó thậm chí không phải tên là Luxe, mà thật sự là Lily Pike,” Ruby kể lại, “nó đã lén cơn đau tim và qua đời. Cháu có còn trách bà không muốn khơi lại chuyện này một lần nữa không?”

“Có!” Meredith bùng nổ. “Bà không thể giấu điều như thế được!”

“Em sẽ làm nếu như điều này cứu mạng người ta,” Ross chỉ ra.

Cô quay sang anh, nổi điên như một con gấu bị thương. “Giải thích cho tôi đi. Sao anh có thể biết người phụ nữ đã chết trước khi anh được sinh ra?”

“Anh gặp cô ấy tại nơi làm việc.”

“Làm việc. Anh làm gì để sống, kêu dậy những người chết hả?”

Ross trao đổi ánh mắt với bà Ruby. “Anh không kêu dậy họ. Anh chỉ đi tìm họ.”

“Hay quá hả. Vậy là những lúc rảnh rỗi khi không bị sét đánh hay gì đó thì anh đi săn ma. Bà ngoại à, cháu không biết làm thế nào mà tên này thuyết phục bà về việc anh ta đã làm nhưng anh ta là một tên điên. Cháu nghĩ...”

“Ta nghĩ cháu nên lắng nghe cậu ta, Meredith,”

bà Ruby cắt ngang. “Anh ta đang kể với cháu sự thật.”

“Sự thật. Vậy giờ bà cũng tin vào ma quỷ? Được rồi. Gọi hôn bà ngoại này của tôi lên đi. Nếu bà ta còn ở đây và nói với tôi những điều tương tự, tôi sẽ tin anh.”

“Không thể thực hiện theo cách này,” Ross giải thích.

“Thật thuyết phục.”

Bà Ruby hơi trề môi. “Đừng trút lên đầu người đưa tin chứ.”

“Vậy thì cháu phải làm gì? Cám ơn anh ta vì đã đến đây để nói cho cháu biết cả cuộc đời của cháu là điều dối trá?”

“Không phải là điều dối trá,” Ross phân trần. “Chỉ là... không phải như em từng nghĩ thôi.” Anh bước tới gần Meredith. “Em là hậu duệ đích truyền của Lia Pike. Và điều này có nghĩa em đang sở hữu một mảnh đất ở Comtosook, Vermont.”

Anh ước gì anh có thể nói với cô rằng từ mảnh đất đó, cô có thể nhìn thấy những ngọn núi xanh tươi đến hoa cả mắt, và không khí trong lành không tưởng. Anh ước anh có thể chỉ cô địa điểm mà anh đã chớm nở tình yêu với Lia.

“Tôi không muốn bất động sản tại Vermont,” Meredith nói.

“Có một nhóm người thổ dân Abenaki đã ở đó, đấu tranh để giữ lại vùng đất không bị quy hoạch.”

“Đó không phải là vấn đề của tôi.”

“Đúng thế, nhưng nếu em là chủ sở hữu, em sẽ phải quyết định làm gì với vùng đất đấy.”

“À, tôi hiểu rồi, giờ chúng ta đang đi đến đâu rồi nhỉ. Anh là một nhà hoạt động bảo vệ quyền lợi thổ dân.”

“Tôi là...”

“Và nếu anh thuyết phục được tôi rằng tôi cũng có mang một phần dòng máu Abenaki, thì hiển nhiên tôi phải đứng về phía họ hàng mình đúng không? Chẳng lẽ chỉ có mình tôi thấy cái điều rành rành ra đó? Anh nhìn tôi xem.” Meredith xõa tung búi tóc. “Tóc tôi màu vàng. Da tôi trắng. Nhìn có giống như tôi mang dòng máu thổ dân bản xứ không?”

“Không, mà Lia cũng thế. Nghe nè, em là nhà khoa học,” Ross tranh luận. “Ông cố của em, Az Thompson vẫn còn sống. Chúng ta hãy kiểm tra DNA để chứng minh điều này với em.”

“Và sau đó thì sao?”

Ross nhìn bà Ruby, và sau đó nhìn cô. “Sau đó thì tùy thuộc vào em.”

Meredith nheo mắt lại. “Chính xác anh nhận

được gì từ những chuyện này? Tiền lót tay từ người Abenaki? Một thỏa thuận hứa trước?"

"Chẳng có gì." Ross liếc qua bàn, nhìn vào thông báo tử của Lia. "Tôi chỉ muốn giúp cô ấy."

Bỗng anh nhận ra có một bàn tay nhỏ bé đang đầy đầu gối anh, làm anh phải tránh ra. Lucy – Cô con gái nhỏ của Meredith, cô bé đúng ra giờ này đã phải đi ngủ, lại đang nghe lén cuộc nói chuyện. "Lucy!" Bà Ruby gọi. "Cháu đang làm gì ở đây thế?"

"Trở về phòng ngay," Meredith ra lệnh.

Nhưng Lucy chỉ vào đôi mắt sáng dịu dàng như trăng và gò má trắng trẻo của Lia. "Bà ta mất đứa con."

Anh thấy cả người tê dại.

"Lucy." Meredith ngồi xổm xuống. "Mẹ không biết con nghe được bao nhiêu, nhưng..."

"Hãy để cô bé nói," Ross thì thào.

"Bà ta nói với cháu hoài." Lucy do dự. "Bà ta nói với cháu rằng chú đang đến."

Giọng của Ross căng lên. "Ai?"

"Người phụ nữ đó," Lucy nói, chỉ vào hình của Lia. "Bà ta là người phụ nữ mà cháu thấy vào giữa đêm."

Eli đã không nhận ra chỗ anh ở y như cái hang

cho tới khi anh thấy ánh mắt của Shelby. “Nhà cửa sơ sài lắm,” anh phân trần, vội mở rộng cửa và lo lắng nhìn sàn gỗ xước xát, chiếc ghế bành tằm tằm lót vải hoa, khi xưa coi còn được. Một chồng đĩa bẩn từ tuần trước ngâm trong bồn rửa, thêm một đống giày chiếc này chiếc kia nằm lộn xộn ở cửa ra vào. “Anh, à ừ... không biết là em tới,” Eli xin lỗi.

“Ôi!” Ethan chạy ào qua giữa hai người. “Sau này con có thể có một chỗ như thế này không?” Không đợi câu trả lời, cậu chạy theo Watson lên lầu, và bỗng nhiên thét lên vui sướng.

Eli ngược lên trần. “Cậu nhóc ắt hẳn tìm thấy khu tập bắn.”

“Anh có khu bắn súng trong nhà hả?”

“Giờ thôi,” Eli nói. “Nhưng anh có máy chơi game PS2.”

“À ha. Vậy là Watson nghiên game đua xe nha?”

“Tất nhiên là không rồi. Do nó không có ngón cái gạt cần điều khiển.” Eli để cô bước vào căn bếp, đặt túi đồ ăn xuống, cô hứa hẹn nấu một bữa thịnh soạn.

Bữa tiệc vào ba giờ sáng thì có sao?

Shelby lập tức lảng xăng trong bếp của anh, lấy rau củ ra rửa và sắp xếp các món khác vào tủ lạnh hoặc lò nướng. Giờ sau khi nghe em trai mình gọi điện báo vẫn ổn, không bỏ xác trong mương

công nào đó, cô trở thành một người khác. Cô kể chuyện có lần ngăn chặn Ross lúc cậu ta chuẩn bị tự tử như thế nào – một khía cạnh khác của Ross làm Eli ngạc nhiên. Đây là một anh chàng có hơi u sầu nhưng anh không nhận ra Ross có vẻ muốn tự sát. Hoặc có lẽ anh không muốn thấy anh ta như vậy.

Vậy là Ross đã rời khỏi Maryland tìm kiếm Ruby Weber, và Eli thì đang được một người phụ nữ xinh đẹp nấu bữa tối cho. Sau cùng anh nghĩ đời mình cũng tươi lên đôi chút. “Em biết đấy, chúng ta có thể ăn pizza để sẵn trong tủ đông kia.”

“Nhưng thế thì em không thể gây ấn tượng với anh.”

“Em đã gây ấn tượng rồi.” Eli bỗng nhớ tới người vợ cũ. Trước khi ra đi và mang theo mọi thứ, cô từng nhờ một người thiết kế đến xem nhà, người này tư vấn cô chọn các thứ trong phòng sao cho khớp và xoay quanh một món chủ đạo – tấm thảm, cái bàn hay cái đèn. Vào lúc đó anh nghĩ đấy là ý tưởng ngu ngốc nhất mà anh từng nghe, nhưng giờ Eli đã hiểu. Anh sẽ rất hạnh phúc nếu được xây dựng căn phòng xung quanh Shelby. Một căn nhà. Một cuộc sống.

Anh nhìn cô xếp mấy hũ tiêu ớt trên tủ búp phê – chỉ là một mảnh màu nhỏ xíu mà bỗng nhiên căn bếp của anh nhìn một trăm phần trăm

tốt hơn rồi. Cô quay qua, bưng một khay bằng xốp đựng gà trên tay. “Anh giúp em để vào tủ lạnh,” cô nói, đột nhiên Eli nhảy bật lên lấy thân mình chắn cửa tủ.

“Được rồi,” Shelby nói chậm rãi. “Anh thà ăn khuẩn Salmonella à?”

“Không phải.” Eli vươn tay ra sau lưng lấy một tấm ảnh đính trên cửa tủ. Sau đó anh bước qua một bên và mở cửa tủ lạnh.

Tới lúc đó Shelby đâm ra không quan tâm đến món gà nữa. “Gì thế?” Cô hỏi, chỉ vào tấm ảnh trong tay anh.

“Không có gì.”

“Không có gì, không có gì hả? Hay là cô bạn gái cũ?” Cô ấn khay gà vào tay anh, giật lấy tấm ảnh, nhanh tới mức các huấn luyện viên ở trường cảnh sát chắc cũng phải khen. Cô liếc nhìn, rồi héto âm lên.

Eli lấy lại tấm ảnh, cố không buột ra câu *Thấy chưa, anh nói rồi mà.*

“Em hy vọng đây không phải là cô bạn gái cũ,” Shelby nói một cách yếu ớt.

Anh liếc xuống tấm ảnh của Cecelia Pike đang treo cổ trước mái hiên kho lạnh. Mặt cô tím ngắt, lưỡi thè ra, mắt lồi đỏ ngầu. “Anh xin lỗi,” Eli thì thào. “Như anh đã nói, anh đâu có ngờ em đến.”

“Thế anh biết thì sẽ tháo hết những tấm ảnh tử thi ra khỏi tủ lạnh hả? Chúa ơi, Eli, tại sao những tấm hình này lại gắn trên cửa tủ lạnh?”

“Để nhắc anh nhớ. Anh làm thế mỗi lần anh đang tập trung phá án.”

Ethan chạy như bay vào trong nhà bếp. “Mẹ biết chú Eli có gì không?”

“Một bảng đạo đức làm việc đồi bại hả?” Shelby nói.

“Không, máy chơi PlayStation.” Cậu bé quay qua Eli. “Cháu muốn có một cái chết đi được.”

“Thế thì chơi cho thỏa đi.” Eli nói, và Ethan lượn đi nhanh như lúc cậu đến.

Shelby bắt đầu thái nấm. Eli ngồi xuống, ngắm nhìn cơ bắp của cô di chuyển bên dưới lớp áo thun mỏng khi cô cử động. “Tự ái là sẽ thành ra như vậy sao?”

“Đúng vậy.”

“Thế thì không chừng như Ross vẫn đỡ hơn, chỉ có máu me các thứ.” Cô nhìn lên nghĩ ngợi. “Không, thực sự em không cảm thấy đỡ chút nào cả.”

“Quy tắc đầu tiên khi bước vào nghề điều tra các vụ tử vong: Cái chết không có gì đẹp. Chưa bao giờ.”

Anh nhìn tay cô chợt ngừng trên thớt, ân hận bịt miệng không kịp. “Shelby...”

“Tại sao khi chúng ta rất, rất muốn thứ gì đó, chúng ta lại nói ‘muốn chết đi được’?”

“Anh nghĩ bởi vì chết là vụ đánh đổi cuối cùng.”

Shelby bắt đầu bày đĩa salad. “Điều này có thể hiểu như là: Em săn sàng đánh đổi để con em được sống.”

Không biết phải nói gì, Eli nhìn xuống tấm hình trên quầy. Cecelia Pike đã bị giết, và bằng cách nào đó, con cô được thoát. Nhưng ai là tên giết người mới được? Chứng cứ đã nói với anh đó không phải là Sói Xám, và linh cảm của anh mách bảo cũng không phải là Spencer Pike. Ruby Weber, nếu cô ta có mặt ở đó, cũng sẽ không đủ sức để nhắc bỗng Cissy lên, luôn thòng lọng vào cô rồi treo lên mái hiên kho lạnh. Thế nhưng nhìn vào góc dưới của bức ảnh, một vết quanh co kéo dài trong mùn cưa ướt như kéo lê thứ gì đó khi vật lộn, là gót chân hay giày ống?

Anh chắc chắn hy vọng rằng Ross sẽ trở về với nhiều mảnh ghép của câu đố trong túi.

“Ném thử cái này đi,” Shelby nói, trước khi anh có thể trở về hiện tại cô đã áp môi cô vào môi anh.

Kèm với vị ngọt có chút vị nhân nhẫn, vị chua, vị dầu ăn.

Thất vọng có hương vị không?

Cô lùi lại. “Đợi đã, đừng nói. Anh thích trộn salad kiểu Pháp đúng không?”

“Anh không thích thêm nước sốt đâu,” Eli trả lời.

“Hả. Em chưa từng biết anh lại là người ăn salad không thế đấy.”

Eli mỉm cười. Anh kéo cô lại gần, nắm ớt trong lòng bàn tay cô rơi xuống như confetti trong phòng bếp, bức hình rót xuống sàn, không ai nhớ tới nữa. “Chúng ta nói về salad chớ hả?” Anh hỏi.

Temezôwas, là thời điểm thu hoạch, chỉ thế cũng đủ để làm ông Az lo lắng. Mùa kết thúc cho tất cả... lại thêm trắng đang tròn như con mắt mù trắng sữa – đây không phải là lúc thích hợp tiếp tục đặt thuốc nổ cho nổ đá granite tại khu mỏ Angel. Cho dù vụ nổ sẽ diễn ra lúc 5 giờ sáng khi chẳng có ai hiện diện... Ông Az tuần tra xung quanh, biết rằng có gì đó không ổn, chỉ là không biết khi nào sẽ xảy ra chuyện.

Tối nay bầu trời bất ổn, những vệt hồng vắt ngang dọc qua những ngôi sao như bình minh không thể đợi. Và thời tiết rất nóng – nóng đến nỗi người ta có thể nghe thấy những chú chồn đang hát với nhau, đinh bông bồ công anh đang nở bung hạt. Az rẽ vào rìa bắc của khu mỏ, nơi phần lớn thuốc nổ được nhét chặt vào lõi khoan

trong đá. Còn có những túi nổ ammonium nitrate bên dưới, những que nổ, kíp nổ, và dây nổ không vận hành bằng điện. Nhưng thiết bị hẹn giờ sẽ được kích hoạt bằng máy tính để làm nổ lần lượt toàn bộ số bom sau đó, cho tới khi gần tám tấn đá nổ tung. Quy trình gồm hai bước, một nửa khu mỏ sẽ được kích nổ vào rạng sáng ngày mai, nửa còn lại cho nổ nốt một vài ngày tới, sau đó thợ mỏ sẽ vào trong và khai thác những phiến đá để đem bán. Ông Az mơ về những mảnh đá vụn, mùi khói, những chỗ sưng và những vết sẹo; cuộc chiến quyết liệt được gây ra bởi sự chuyển đổi. Ông đã thuyết phục ông chủ mỏ cố đợi thêm một tuần, và chàng trai trẻ ấy đã cưới. “Ông cứ làm việc canh gác đêm, tù trưởng à,” anh ta nói. “Và để tôi ra quyết định.”

Chẳng có gì ngạc nhiên sau đó Az phát hiện một tên xâm nhập. “Này,” ông hét lớn nhưng tên kia vẫn tiếp tục bước đi. Az chạy chậm chạp, xương cốt ông bây giờ chỉ làm được thế, và khi đến gần thì nhận ra gã say rượu khét tiếng của Comtosook.

Abbott Thule đã sống lâu hơn hầu hết những người khi xưa lắc đầu nhìn ông ta nằm say xỉn và vật ngoài hiên tiệm Gas & Grocery, có khi còn ngủ khỏa thân dưới cột đèn giao thông duy nhất trên con lộ chính. Ông xuất thân từ một gia đình

có truyền thống ma men, hầu hết họ hàng không may mắn có bộ gan khỏe như ông. Ông mang dòng máu lai thổ dân, từng có đến bốn vợ, có lần hai cô cùng lúc trong giai đoạn buông thả hồi năm 1985. Abbott cũng chưa khi nào có nghề ngỗng gì đàng hoàng. “Vì Chúa, Abbott, ông đừng có để té chết đó.” Az túm lấy cánh tay ông già tám mươi tuổi và xoay người ông ta lại.

“Tôi đến để nói chuyện với ông. Về chuyện mà tôi đã nghe được.”

Ông Az không rảnh dỗi dành một tên say rượu. “Tại sao ông không xuống dưới gặp Winks and xem thử liệu anh ta có thể cho ông mượn cái võng một đêm không, nhé? Tôi còn phải trực ở đây.”

Ông Abbott dừng bước. “Khi tôi còn là một đứa bé, mẹ tôi đã đưa tôi đến bệnh viện. Không phải vì cơ thể bị bệnh, do cái đầu tôi có vấn đề. Có một bà kia, tôi không nhớ tên bà ta, nhưng bà ta tới nói mấy chuyện rất là trái đạo, kiểu như mẹ tôi không cưới hỏi gì, rồi có hai đứa con với hai người khác nhau. Vì vậy họ đem mẹ tôi đi, và cả tôi, cả chị tôi nữa, Chúa phù hộ cho linh hồn chị, chúng tôi bị đưa tới hai trại giáo dưỡng khác nhau.” Ông hít một hơi thật sâu. “Chuyện là... chuyện là, Az, tôi có bốn người vợ. Nhưng tôi không có con, đâu phải do tôi không cố gắng, ông biết chứ? Và tôi tự hỏi...” Ông nhìn lên, mắt

âng ặng nước. “Liệu họ có làm gì với tôi tại đó mà tôi không nhớ?”

Trước cái nhìn của ông Abbott, Az nhớ lại lưỡi dao ánh thép. Ông lại cảm thấy những bàn tay vạch đùi của mình, ông gắng nuốt xuống cảm giác buốt nhói dưới hạ bộ. Nhớ lại chuyện ấy chẳng khác nào trải qua cuộc phẫu thuật lần nữa, quá đau đớn và quá ít thuốc tê.

“Abbott.” Az đặt tay ông lên vai ông bạn già. “Để tôi lấy cho anh ly cà phê.”

Họ tiến về văn phòng của khu mỏ, phin cà phê kiểu Pháp mới pha, đang nhỏ giọt. Rốt cuộc, Az nhận ra mình đã sai lầm. Đây là cơn nứt gãy ông cảm nhận thấy trong không khí, sự tàn phá đang đến. Không nổ bùng như thuốc nổ, mà từ từ bung tỏa như những cây bồ công anh khô kia. Từ từ rồi người ta sẽ nhớ lại. Càng nhớ nhiều, nỗi buồn đau càng lan khắp cõi đất này.

Meredith biết khoảnh khắc xe Ross tiến vào địa hạt thị trấn Comtosook, bởi vì bỗng nhiên kính chắn gió bị bướm đêm bám đầy, cánh của chúng vỗ nhịp nhàng như tiếng đập của trái tim. Anh bật cần gạt, gạt chúng ra, rồi Meredith bắt gặp Lucy đang trốn dưới chiếc áo len ở băng ghế sau.

Bà Ruby được gửi cho cô chăm sóc viên Tajmallalành nghề, cô này nhận việc mà như thể bị xúc

phạm, đến nỗi Meredith đã lưỡng lự không biết có nên để bà ngoại cô vào viện dưỡng lão không. Hầu hết chuyến đi về phía Bắc không có gì đặc biệt, chỉ có tiếng radio cập nhật tình hình giao thông.

Meredith không nói chuyện với Ross. Cô tập trung tất cả sức lực để dựng lên rào chắn, những mong đầy bật lại những gì anh nói với cô ở Vermont, để cô còn có thể trở về với nhà mình, công việc của mình. Đêm đó, lúc ở quán Starbucks, cô đã nhìn làn khói thuốc của anh uốn éo như những chữ cái và tin rằng đây là một thông điệp bí mật. Cô choáng váng với mùi vani tỏa ra từ làn da anh. Cô đã nhấp ly cà phê của anh khi anh bước vào nhà vệ sinh, ngay tại chỗ anh chạm môi để khi hôn anh thật sự, cô sẽ nhớ lại hương vị ấy. Thật chẳng ngờ.

Hóa ra cô chỉ tự lừa mình.

Sau biết bao cuộc hẹn hò thất bại, sau hàng loạt người đàn ông lão luyện cô đã gặp và đánh giá, thì hóa ra một anh chàng cô không bao giờ để ý lại làm cô có cảm giác mà chưa từng ai khác đã cho cô. Thoạt nhìn, Ross Wakeman chẳng là ai cả. Thêm một lần nhìn lại, mới thấy được ở anh sự hài hước, nét quyến rũ, và tính đa cảm.

Và anh lại đang say đắm một người phụ nữ khác, một người đã ra đi.

“Vậy,” Meredith nói lớn. “Đây hả?”

Ross gật đầu. “Thị trấn Comtosook.”

Khi họ lái xe, Meredith bắt đầu chú ý xung quanh. Ví dụ, gió thổi qua cành cây nghe vi vút như tiếng đàn hạc. Trẻ em đang chơi lò cò nhảy lên lơ lửng trong không trung lâu hơn bình thường. Sự hồ nghi len lỏi vào lòng cô.

Họ rời đường lớn và rẽ xuống một con đường đất. Nhưng thay vì dừng lại ở một trong mấy căn nhà họ đi ngang, Ross lại lái xe xuống tận ngã tư cuối con đường rồi đậu xe ngay bãi trống. “Chúng ta đang ở đâu?” Cô hỏi.

Giờ gần tối, bầu trời nhìn như lớp vỏ sáng bóng của trái cà tím, bọn chim nước đã rời ổ cất tiếng gọi tình. Meredith theo chân Ross vào rừng cây.

Cô là một nhà khoa học, cô tự nhắc mình như vậy, thế nhưng vẫn tò mò.

Với Lucy dính chặt bên cạnh, Meredith bước qua từng rẽ cây, đất đá và những gì còn sót lại như mảnh vỡ gạch ngói. Bỗng nhiên khu rừng mở ra một khoảng trống rộng lớn có dài băng chấn bao quanh. “Đây là nơi anh sống?”

Ross thì thào gì đó nghe như *tôi cũng ước vậy*.

Trong phút chốc Meredith nhận ra nơi cô đang đứng. “Ôi, Chúa ơi,” Cô thở dài và nắm lấy tay Lucy dẫn cô bé về lại chiếc xe đang đậu.

Cô mới đi một hai bước thì Ross đã túm tay xoay cô lại. “Em sẽ ở lại đây,” anh nói, ánh nhìn

hoang dại. Meredith nhận ra mình đã sai. Mãi cho tới lúc này, cô mới hiểu anh thực sự là một tên điên.

Anh ta cao to hơn cô, mạnh hơn cô, và bây giờ rừng tối chỉ có mỗi ba người. Vì vậy Meredith khoanh chéo tay trước ngực, cố lấy can đảm. Cô đứng đợi con ma nào đó hiện ra, hoặc tới khi Ross nhận ra ở đây chẳng có gì mà chờ.

Đầu gối Lucy run cầm cập tưởng như nghe ra tiếng. “Yên nào”, cô dỗ con, “chẳng có gì đâu mà.”

Nghe thấy cô nói, Ross chầm chậm quay lại. Sự tan vỡ hoàn toàn trong mắt anh làm miệng cô khô lại. Nếu có một người yêu cô nhiều đến thế thì sao? “Tôi... Tôi xin lỗi,” cô thì thào.

Ross xông ra khỏi khu rừng theo con đường mà họ đã vào. Meredith nắm tay Lucy và bước theo sau. Cô tự nhủ điều này đúng chứ đâu có gì lạ, vì cô không phải là Lia, không phải.

• • •

Shelby đang thay áo thì tự nhiên thấy rùng mình nổi da gà. Cô chạy nhanh về cửa sổ, thấy chiếc xe rẽ vào vừa tắt đèn pha. “Ross,” Cô thì thào, rồi vui sướng reo lớn, chạy nhanh xuống lầu đón em trai, vẫn còn mặc nguyên quần ngủ.

Trên lối vào nhà, cô ôm chầm lấy cậu em. “Cám ơn Chúa, em đã về.”

Anh mỉm cười. “Em phải tranh thủ đi xa thường xuyên hơn mới được.”

Nhìn ra phía sau vai anh, Shelby chú ý một người phụ nữ đang bước ra khỏi chiếc xe. Rồi một cô bé. “Shel,” Ross bảo, bước lùi về phía sau, “Em muốn chị gặp cháu gái của Lia Pike.”

“Chuyện ấy vẫn còn phải xét đã,” người phụ nữ nói, nhưng vẫn chìa tay ra để Shelby bắt. “Meredith Oliver. Và con gái tôi, Lucy. Tôi rất xin lỗi vì làm phiền chị vào đêm khuya thế này...”

“À không. Chúng tôi chỉ mới vừa thức dậy,” Shelby đáp lời. “Vào trong đi, tôi sẽ chuẩn bị chỗ cho hai người.”

Ross bước vào trước họ, bước đi cung nhắc như người đau chân hay hông, mặc dù Shelby biết về mặt thể xác cậu chẳng làm sao. Cô tự hỏi phải chẳng cậu đã tìm thấy điều gì tồi tệ, hay là nhận ra điều cậu kiểm tìm không phải là thuốc chữa bách bệnh như cậu tưởng.

“Em mệt lử rồi,” Ross càu nhau và tiến thẳng lên cầu thang.

Thật khó để nói ai sững sờ hơn về thái độ ít mến khách đến vậy, Shelby hay Meredith. Bình tĩnh lại, Shelby ngồi xuống ngang tầm Lucy. “Con trai cô đang ở bên ngoài phía sau nhà, bên mé cánh cửa kia. Cô nghĩ nó có thể hơn cháu một, hai tuổi gì đấy, cháu muốn ra chơi không?”

Lucy lại dính chặt hơn với Meredith. “Đi đi con,” Meredith thúc giục, tách con gái cô ra.

Cô bé bước đi như đang làm nhiệm vụ.

“Lucy chậm thích nghi với những chỗ lạ.”
Meredith giải thích.

Còn lại Shelby với người phụ nữ rõ ràng cũng không muốn ở đây như cô con gái. “Tôi có thể, um, lấy cho cô một tách cà phê?” Khi cô rót cà phê cho cả hai người, Shelby thầm quan sát Meredith. Tóc vàng hoe, đôi mắt màu hạt dẻ... nhìn cô quen quen như gặp ở đâu mặc dù xét hoàn cảnh sống của hai người, thì đâu có liên hệ gì.

Meredith đứng trước cửa sổ nhà bếp, ngắm nhìn con gái đang đi ra sân sau. Thở phào thư giãn, cô ngồi xuống. “Tôi đoán rằng chị cũng tin vào ma quỷ?” Cô hỏi.

“Tôi tin vào em trai mình.”

Bực tức, khó chịu, Meredith nhìn ra chỗ khác. “Chỉ là Ross xuất hiện bất thình lình, chị cũng hiểu đấy, rồi nói rằng tôi phải đến Vermont.”

Một thoáng mát mẻ vút qua mặt cô. Shelby cũng nghe tiếng Ross trượt ra khỏi miệng cô ngọt mềm như kẹo. Cô tự hỏi liệu Meredith có chú ý chuyện ấy không.

Shelby đẩy một bình nhỏ đựng kem và hũ đường viên tới cô khách. “Thỉnh thoảng có những thứ rất khó tin nếu chưa nhìn tận mắt.”

“Chính xác,” Meredith đồng ý. “Một trăm năm trước, không ai có thể cho rằng một vật thể ở mức độ phân tử lại quy định về chiều cao, màu da hoặc trí thông minh của một người – nhưng giờ hãy nhìn vào những gì chúng ta tin tưởng.”

Rồi có lẽ một trăm năm sau, chúng ta sẽ tin vào linh hồn, Shelby nghĩ. Nhưng thay vào đó cô nói một cách lịch sự hơn, “Vậy đó là công việc của cô đang làm? Nghiên cứu DNA?”

“Không, thật ra em làm Chẩn đoán di truyền tiền cấy phôi. Đó nghĩa là...”

“Tôi biết từ đó có nghĩa là gì,” Shelby ngắt lời. “Tôi thực ra đã từng...”

Cô dừng lại, thả chiếc thìa cô đang cầm xuống làm cà phê trong ly bắn tung tóe. Cô như thấy lại tờ lịch đánh dấu mực đỏ; Bác Sĩ Oliver, nhà di truyền học. Cuộc hẹn đó đã bị hủy bỏ, bởi vì bác sĩ Oliver phải thực hiện ca nạo phá thai. Đầu cô quay về phía cửa sổ, nhìn về phía hai hình ảnh bé nhỏ đang chơi trong sân. “Cô đã không bỏ đứa bé,” Cô thì thào.

Meredith nghiêng đầu. “Xin lỗi?”

“Không có gì,” Shelby nói, mỉm cười tươi rói rồi rót thêm café cho Meredith.

Lucy không muốn ra chơi ở cái sân sau rùng rợn trong đêm tối khiếp đảm ngay tại thị trấn sơn gai

ốc này. Cú đêm ở sát gần, trời đêm như cái bát úp chụp lấy cô bé. Thêm nữa, đứa bé mà cô kia nói tới lại không ở đây; Lucy chỉ có một mình ở nơi rùng rợn này.

Cô bé bước về phía khu sân nhỏ, lướt tay lên những món đồ cho thấy quả có một đứa trẻ đang hiện hữu, ở đâu đó. Một cây gậy bóng chày, tựa vào hàng rào. Một chiếc ván trượt Razor Scooter được gấp gọn gàng ngay cạnh chiếc ghế đầu. Bướm đêm bao phủ khu vườn, bay lượn như bầy tiên trên những bông hoa nở rộ giữa đêm khuya. Lucy tựa gần hơn để đọc bảng tên cây cắm lên cọc. Hoa loa kèn thiên thần, hoa mặt trăng, mẫu đơn xanh.

Cô bé bước thêm một bước nữa, lấy chân đẩy chiếc ván trượt đi. Lucy nhìn chiếc ván trượt trên con hẻm và đâm sầm vào cây cột có treo đèn lồng. Một giọng nói vang lên trong đầu cô. “Này, bạn đang làm gì đấy?”

Những linh hồn luôn luôn nói y chang như thế với cô, như có chiếc radio bật lên trong não. Lucy lại, tim đập thình thịch, tưởng như sẽ thấy một khuôn mặt trăng toát lơ lửng. Cô nuốt nước bọt. “Bạn là ma hả?” Cô hỏi.

“Chào hỏi kiểu quái gì thế? Chưa ra ma đâu.” Ethan trả lời, cậu bé cầm lấy chiếc ván trượt từ

con bé khó chịu nhô xíu đã xâm nhập vào khu sân sau của mình. Cậu làm một cú đá lật, cho con bé lác mắt. *Ma* nữa chứ. Làm như cậu cần nó nhắc chuyện đó.

Cậu lướt ván vòng ngược lại, thở hổn hển. Cô bé có lẽ ít tuổi hơn, có mái tóc bím và đôi mắt nhuộm đầy sợ hãi đến mức không thể thấy rõ được màu sắc thực sự. Cậu chắc mềm con bé muốn chạm vào người cậu chết đi được, để xem có xuyên qua được không. “Bạn là ai?”

“Lucy.”

“Và bạn đang làm gì trong khu sân sau nhà mình, Lucy?”

Cô bé lắc đầu. “Có người bảo mình tới đây.”

Ethan dẫm tấm ván trượt một cái cho nó nhảy gọn gàng lên tay. Thêm một kỹ thuật khá ngầu. Với tay mơ thì cậu không muốn thể hiện nhiều quá. “Bạn đang tìm linh hồn sao? Mình biết cách nè. Cậu mình đã chỉ cho.”

Cô bé khiếp đảm. Nó mở miệng định nói gì đấy, nhưng âm thanh tắc nghẹn, nó vỗ vỗ ngực, nuốt nước bọt. “Vào... trong...”

Ethan sững lại. “Vào bên trong? Bạn muốn vào bên trong?”

“Ống... hít...”

Cậu chạy như thể ngọn lửa đang bén tới lòng

bàn chân, và đẩy phẳng cánh cửa nhà bếp. “Bạn ấy không thở được,” Ethan thở hổn hển.

Một người phụ nữ lao ngang qua cậu nhanh đến nỗi cậu không kịp thấy rõ khuôn mặt cô. Ngay khi cậu trở lại khu sân sau, cô ta đã ngồi cạnh Lucy, đẩy ống hít vào miệng cô bé. “Thư giãn đi Lucy,” người phụ nữ nói trong khi mẹ Ethan vòng tay ôm cậu.

“Bệnh hen suyễn,” cô thì thào.

Ethan nhìn làn da nhợt nhạt của Lucy. Cậu nhận ra cô bé không khác mấy với những con ma mà cô nhắc đến. “Bạn ấy có... bạn ấy có, đại loại như sắp chết không?”

“Nếu cô bé không được uống thuốc đúng hạn, hoặc không định kỳ đi bác sĩ.”

Ethan sững sờ. Đây là một đứa trẻ, bình thường cũng như bao đứa trẻ bình thường khác, lại có thể bị chết yếu như vậy. Cũng như cậu. Cũng có hàng ngàn, hàng triệu – đứa trẻ bình thường chết vì bước xuống đường và chạy vượt mặt xe buýt, hoặc xuống sông đi bơi và không bao giờ trở lại nữa. Người ta không bao giờ đoán trước được.

Mẹ Lucy ngồi bên đứa con gái bé bỏng của cô thêm một chút nữa. “Vào trong đi,” cô bảo. “Ngoài này ẩm quá, không tốt cho con.”

Lucy bước theo như một chú cừu, ngang qua Ethan. “Họ sẽ tìm mình,” cô bé nói, như thể cuộc

trò chuyện của hai đứa chưa từng bị gián đoạn chút nào.

Az không thể rời mắt khỏi cô. Ông nhận ra mình nhìn chằm chằm vào Meredith Oliver khi họ ngồi đối diện nhau trong phòng thí nghiệm bang đặt tại thành phố Montpelier, hai người vừa lấy máu, khuỷu tay còn bịt miếng bông, đằng đẵng chờ đợi kết quả kiểm tra quan hệ họ hàng. “Ta xin lỗi,” ông Az cất tiếng. “Ta thật vô ý.”

Cô mở miệng như định tiếp lời – nhưng sau đó chỉ nhún vai. “Hắn ông cũng thấy chuyện này là lùng, như tôi.”

Quả là rất lạ. Đầu tiên, cô nhìn giống Lia một cách đáng kinh ngạc. Thứ hai, việc xét nghiệm nhận họ hàng là đã kỳ quặc rồi, mà hai người lại còn được hộ tống bởi Ross Wakeman và Eli Rochert.

Meredith dường như hiểu cảm giác của ông. Cô mỉm cười để làm ông thả lỏng – Cô có lúm đồng tiền, nhưng chỉ có bên má trái, như ông. “Vậy,” cô đùa. “Ông thường đến đây?”

“Một hay hai lần một tuần.” Ông Az cười lại với cô, ngắm cô mở to mắt khi cũng để ý thấy lúm đồng tiền của ông. “Ở đây cho ăn trái cây và bánh Oreo miễn phí mà.” Họ lại ngồi xuống băng ghế,

cảm thấy thoải mái hơn. “Cô sống ở Maryland?” ông Az hỏi.

“Vâng. Với con gái tôi.”

“Con gái.” Ông nói với thái độ trân trọng; ông chưa hề biết mình có thêm một hậu duệ nữa.

“Lucy. Con bé tám tuổi.”

“Con bé có giống cô không?”

Meredith chật rãi lắc đầu. “Con bé giống mẹ tôi. Tóc đen, mắt đen.”

Giống mình, ông Az nghĩ; và một bức tường vô hình rơi xuống chắn ngang giữa Meredith và ông, ông biết cô cũng đang nghĩ thế.

“Eli nói với ta rằng cô làm bác sĩ ở đó.”

“Ông Thompson.” Cô gọi tên ông một cách chân thành, nhưng có một sự đanh thép trong giọng nói của cô làm ông nhớ đến tính ương ngạnh của Lily. “Với tất cả sự tôn trọng, nhưng nhiều khả năng là chúng ta sẽ rời khỏi nơi đây như hai người lạ, giống như lúc bước vào.”

“Cô Oliver, tôi không biết con gái mình nhiều. Và tôi chưa từng biết tới cháu ngoại mình. Tôi chỉ hy vọng rằng – nếu xét nghiệm xong mà cô vẫn là người xa lạ, thì coi như tôi cũng bổ sung thêm cho nỗ lực tìm kiếm cháu con.”

Bỗng nhiên Eli và Ross bước nhanh ra khỏi phòng nghiên cứu, cầm theo vài tờ giấy, ông bác

sĩ nghiên cứu rượt theo. “Tôi cần khoảng tám tiếng hơn để nghiên cứu cho thấu đáo trường hợp này,” ông nói.

“Thư giãn đi,” Eli ngoài lại nói, sau đó đưa tập hồ sơ cho ông Az.

Ông Az nhìn tờ giấy cứ như viết bằng tiếng của bộ tộc Navajo. Các nhóm số nhằng nhịt chẳng có nghĩa gì với ông. “Có lẽ cậu nên để bác sĩ đọc cho chúng ta.”

Nhưng Meredith giật tập giấy khỏi tay ông. “Để tôi xem nào.”

“Cô không thể...”

“Cô ấy có thể đấy, ông Az. Cô ấy thường làm những việc này mà.”

“Làm gì?”

Meredith trả lời mà không ngẩng lên, tay vẫn lướt theo cột sổ. “Chẩn đoán di truyền học. Tôi sàng lọc những phôi thai để khách hàng có thể có những đứa con khỏe mạnh hơn.”

Ông Az nhởn nhơ còn nhỏ, đúng dịp thu phân, thời khắc khi ngày và đêm dài như nhau và thời gian ngừng lại, ông dựng đứng được quả trứng sống trên một đầu. Cảm giác lúc này cũng giống như vậy; khi quá khứ và hiện tại va chạm nhau. “Giống như ông ngoại của con,” Ông thì thào. Rồi lại quay qua Eli. “Ông Spencer Pike có biết việc này?”

“Làm sao có thể?” Meredith nói. “Ông ta đã chết.”

Ông Az cười lớn. “Ta cũng ước vậy. Ai bảo cô thế?”

Ông thấy cô quay sang, mắt cô nhấp nháy kích động. Ross và Eli bỗng nhiên đánh mắt nhìn xuống sàn. Và ông Az nhận ra vấn đề không phải là những gì Ross đã nói với Meredith, mà về những gì anh ta chưa nói.

“Tôi chưa cảm ơn cậu,” Eli nói, “vì đã đem Meredith đến đây.”

Anh và Ross đang đứng bên ngoài phòng nghiên cứu tiểu bang, đợi Meredith bước ra khỏi phòng tắm, nơi cô trốn vào để bình tĩnh lại trước cú sốc rằng ông cổ ruột của cô, và kể cả ông nội ruột của cô vẫn còn sống. Az vẫn điềm tĩnh, ông đã nói với Ross và Eli hãy để cô được yên tĩnh một lát, rồi ông đánh chiếc Pacer cũ kỹ về khu mỏ để không bị trễ giờ làm.

“Tôi không làm thế vì anh,” Ross trả lời.

“Tôi biết. Nhưng cũng như nhau cả thôi,” Eli lấy xấp kết quả xét nghiệm DNA quạt quạt. Thời tiết nóng kinh khủng, anh hy vọng cái cô Meredith Oliver kia bình tĩnh lại mau chút. Anh liếc nhìn Ross, đang ngồi trên bậc cửa, tóc phủ

xuống mặt, che cả mắt. “Tôi cũng không cảm ơn cậu vì tự trở về nhà,” Eli nói.

Ross ngược lên. “Có phải Shelby nhờ anh tìm kiếm không? Chị ấy là chúa làm quá mọi sự. Tôi đâu có để lại tin nhắn ám chỉ tự sát gì...”

“Tôi nghĩ cũng dễ hiểu lắm như thế vì cậu từng tự tử mà.”

Ross sững sốt quay lại, ngồi xuống. Anh liếc mắt nhìn Eli. “Chị ấy kể với anh à?”

“Đúng vậy.” Có người sẽ nói tình cảm anh chị em hay tình mẹ con ít mãnh liệt hơn dục tình giữa đàn ông và đàn bà. Nhưng tất nhiên, sẽ có người nói khác. Eli nhìn xuống cái quần tây xanh còn mới, thở dài, và ngồi xuống đất ngay cạnh Ross. “Cậu có biết cô ấy lo cho cậu thế nào không?”

“Tôi có thể tự chăm sóc bản thân mình.”

“Đúng vậy,” Eli trả lời. “Cô ấy lo đúng chuyện đó.” Anh tì khuỷu tay lên đầu gối. “Nghe nè. Tôi đã thấy rất nhiều chuyện không hay ho xảy ra, những chuyện không ai biết. Tôi thấy những người gặp những chuyện không thể tưởng tượng. So sánh với việc đó, cậu còn có một cuộc sống tốt đẹp phía trước mà.”

“Và anh biết như vậy vì anh cho tôi xem hình ảnh khám nghiệm tử thi với anh?”

“Tôi biết bất cứ anh chàng nào có một người

núi Shelby chờ đợi cậu ta thì không có quyền nghĩ tới việc tự tử."

Ross nghiêng đầu. "Anh yêu chị ấy?"

Eli gật đầu. "Đúng vậy. Tôi nghĩ thế."

"Nếu chị ta muốn chuyển tới sống tại Burlington, anh có đi không?"

"À hả."

"Nếu chị ấy muốn đi tới Seattle?"

Eli lưỡng lự, rồi đột nhiên nhẹ nhõm. "Cậu biết đấy, tôi sẽ theo."

"Thế liệu những nơi chị ấy muốn đi, rất khó để đến?"

"Như New Zealand? Cũng đi chứ," Eli trả lời. "Khi yêu nhau bất kể thì người ta sẽ làm mọi cách để được gần nhau."

"Vậy giả sử như nơi mà chị ấy muốn đến thậm chí còn khó đi theo hơn là New Zealand? Một nơi mà anh không thể đến bằng thuyền, máy bay hoặc tên lửa? Giả như chị ấy đến một nơi mà chỉ có một cách để anh có thể theo là bắn một phát vào đầu, hoặc treo cổ trên tủ áo, hoặc đâm xe vào cửa ga-ra? Tôi làm thế bởi vì tôi yêu người ta bất kể," Ross nói. "Không phải mặc dù vậy."

Anh bỗng đứng dậy, ánh nắng chiếu trực diện làm Eli lóa mắt. "Tôi sẽ tới cái nơi khi gió đang giữ cô ấy," Ross thì thầm, rồi bước vào trong.

Eli tựa đầu lên gối. Được huấn luyện làm cảnh sát nên anh luôn nghĩ về việc tự tử là một cách trốn chạy, chứ không phải chuyện mà người ta muốn hướng về. Anh nghĩ về Shelby, nhớ cách cô nhìn những tấm ảnh tử thi của Lia Pike. *Tự ái sẽ thành ra như thế này sao?*

Miệng Eli khô khốc. Anh chống tay định đứng dậy thì Ross lao ra từ cánh cửa. "Meredith," anh la lớn. "Cô ấy biến mất rồi."

Trên chuyến xe buýt từ Montpelier đến thị trấn Comtosook, Meredith hình dung chuyện đời của từng hành khách. Cậu thiếu niên đang dựa balo ngủ đằng kia chạy trốn khỏi con đường sắp đặt sẵn để rong ruổi phiêu lưu trên cung đường Appalachian. Ông lão với bộ ria mép cong mặc bộ vét bằng vải bông sọc nhăn kia là một nhà giả kim đã dành nhiều năm luyện tách vàng từ mọi thứ. Một người mẹ trẻ đang loay hoay với đứa nhỏ còn ẵm ngửa thật ra không phải mẹ ruột của nó, mà là cô hầu gái đã đánh cắp đứa nhỏ từ trong nôi và trốn đến Maryland.

Ruby không phải là bà ngoại của cô, bà ngoại của cô đã mất vào năm 1932. Tổ tiên của Meredith không phải đến từ Acadia và Pháp; tổ tiên cô đã ở đây từ lâu rồi. Và ông ngoại của cô lại không phải là một chàng trai đã làm tan vỡ trái tim bà

Ruby và để bà mang cốt nhục của mình – như lời nói dối mà cô đã được nghe kể từ hàng năm nay. Ông ngoại của cô là một nhà khoa học, nghiên cứu các đặc điểm không đạt chuẩn được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và cố gắng ngăn chặn việc đó.

Trái táo thì có bao giờ rụng xa gốc táo.

Từ trạm xe buýt ở thị trấn Comtosook, Meredith đã bước vào nhà Shelby. Và tại đây, Shelby đã kể với cô sự thật – từ hậu quả kinh hoàng của việc áp dụng Thuyết Ưu sinh mà ông ngoại cô đã nghiên cứu đến sự thật rằng Spencer Pike vẫn còn sống, nếu không nói là sống quá tốt, tại viện dưỡng lão cách đây mười dặm đường. Cô kể cho Meredith tất cả những chi tiết mà em trai của cô đã lược bớt đi: Cái chết dữ dội của Cecelia Pike, sự biến mất của Sói Xám, lời thú nhận mới chỉ vào tuần trước của ông Az. Giờ cô hiểu vì sao người Abenaki ra sức đấu tranh vì mảnh đất tan hoang đó. Không phải vì tổ tiên, và cũng không phải vì giá trị miếng đất. Mà để tìm lại bản chất của những thứ đã mất đi mãi mãi.

Một lần, một cặp vợ chồng đau khổ đã đến văn phòng Meredith, nhờ cô giúp họ thụ thai một đứa con gái. Họ đã có ba cháu trai, thêm một bé gái chết non vì chứng đột tử ở trẻ. Họ muốn chắc chắn rằng khi đậu thai, họ sẽ lại có một bé gái.

Meredith đã từ chối ca này, không phải vì làm không được, mà vì biết họ chắc sẽ không hài lòng với kết quả. Họ muốn một bản sao y hệt như đứa con đã mất, mà khoa học đâu phải là nơi tạo ra phép màu như thế.

Thật ra là *chưa* thôi.

Vậy ông ngoại của cô, trước tình huống tương tự như thế, có nhận ca này không? Khoa học là do người tạo ra định đoạt. Cô bỗng nhớ về cuộc nói chuyện với Ross tại quán Starbucks. Công nghệ chẩn đoán di truyền và liệu pháp thay thế đem lại nhiều điều tốt đẹp, nhưng vẫn cần phải lập ra một ranh giới cho nó, cái ranh giới đó đến bây giờ vẫn chưa được định ra bởi chính phủ hay tổ chức đạo đức nào: Ai sẽ là người được chọn lựa đặc điểm di truyền nào đáng giữ lại, đặc điểm di truyền nào thì loại bỏ khỏi bộ gene con người? Nhà khoa học, tất nhiên. Nhưng nhà khoa học như Meredith... hay nhà khoa học như ông Spencer Pike?

Cô nhìn tờ hướng dẫn đường vào viện dưỡng lão mà Shelby đã cho cô, cùng với chiếc xe cho mượn. Rẽ trái ngay tại cột đèn, sau đó rẽ phải là tới. Nếu ông Pike vẫn còn sống, cô không hiểu tại sao Ross và anh bạn thám tử lại không thử lấy máu của ông để xét nghiệm thân nhân cùng cô, làm vậy đơn giản hơn nhiều xét về mặt khoa học. Có phải bởi vì họ muốn cô gặp ông Az Thompson,

người đã hy sinh nhiều hơn tất thảy những gì Meredith có thể làm? Hoặc bởi vì không ai muốn dính dáng tới một người đã gây biết bao thương tổn khổ đau như Spencer Pike?

Viện dưỡng lão trông trang nghiêm, tòa nhà kiểu xưa với lối vào lót gạch, hai bên là hàng cây sồi rợp bóng. Meredith bước lên cầu thang, tiến vào sảnh. Mặc dù thiết kế rất dễ chịu và đầy ánh nắng, nhưng vẫn có mùi khó chịu bốc lên từ trong phòng, dường như rì qua các vết nứt giữa gạch lót sàn. Đây không phải là mùi của xác chết, mà là mùi nuối tiếc ngòn ngọt, cay cay. Mùi này bám vào quần áo Meredith, và nhiều tuần sau đó, dù bộ đồ ấy đã giặt ủi vài lần, nhưng cô vẫn cứ cảm thấy cái mùi ấy thoang thoảng.

Một cô y tá đang đeo ống nghe ngồi tại quầy lễ tân, dây ống nghe có gắn con khủng long nhựa ngộ nghĩnh. “Tôi có thể giúp gì cho chị?”

“Tôi đến đây tìm người.”

Cô y tá cười. “Chị nhìn còn trẻ quá với chổn này. Chị tìm ai?”

“Spencer Pike.”

Cô y tá nhíu mày. “Ông ấy hôm nay không khỏe lắm...”

“Tôi... tôi là thân nhân,” Meredith nói.

Cô y tá gật đầu, đưa cho cô một tấm thẻ gắn lên áo thun và dẫn cô xuống đại sảnh. Phòng ông

Spencer Pike nhìn không khác gì những phòng khác, cửa phòng nào cũng đầy hình mặt cười dán xung quanh bảng tên người lưu trú bên trong. Trông y như trường mẫu giáo, và trong phút chốc cô bỗng lấy làm mừng rằng mẹ mình không phải trải qua giai đoạn trở lại thành trẻ con này, trước khi mất. Cô đẩy cửa mở ra.

Bóng tối dần rút đi, tất cả bóng đèn đều tắt. Một máy thở phát ra tiếng soàn soạt ở đâu đó bên trái cô, cô chỉ thấy mấy cái bóng đồ vật lờ mờ. Bước rón rén vòng quanh vật thể lớn nhất, đây át hẳn là chiếc giường, Meredith bước đến phía bên kia căn phòng và hé mở rèm cửa.

Ông Spencer Pike rất bạc nhược và không còn lông tóc, như một bào thai. Một tấm chăn trắng đang phủ lên người ông không che hết xương xẩu lồ lộ. Cô bước tới cạnh giường, cứ nghĩ cảm thấy oán giận, căm ghét hoặc buồn đau, thế nhưng cô chẳng cảm thấy gì cả. Ông lão này như thể là một người xa lạ.

Điều tạo nên một gia đình không phải là máu mủ, hay bộ gene, hoặc những gì được di truyền. Người ta chỉ có thể nhìn vào Meredith, mẹ cô và bà Ruby, nhìn ông Spencer Pike đang hấp hối một mình là sẽ hiểu.

Mê mệt trong giấc ngủ nhờ morphin, ông cưa mình, tay vướng phải đống dây nhợ đang nối vào

đầu và thân trên. Ông sắp siết ngạt chính mình, Meredith nghĩ, và lập tức tự hỏi: Thế thì có phải chuyện xấu không? Nhưng cô vẫn tiến lại, gỡ rối cho các dây ống.

Tay ông chậm rãi giơ lên, nắm lấy cổ tay cô. Khi Meredith nhìn xuống, cô nhận ra ông đã thức tỉnh và chảy nước mắt. Ông cố gắng nói, nhưng không nổi vì ống oxy cắm vào miệng. Cô luống lự, rồi kéo cái ống thở ra.

“Ta xin lỗi,” ông Spencer Pike nói. “Ta thực sự xin lỗi.”

Meredith sững sờ. “Không sao cả,” cô thì thào, hơi lui ra xa.

“Đừng đi, Làm ơn đừng đi vội.”

Cô nuốt nước bọt, sau đó gật đầu. Kéo chiếc ghế lại gần giường, cô ngồi xuống bên cạnh ông ngoại mình.

Hơi thở của ông trở nên thắt thường hơn, và nỗi đau thoáng vụt qua mặt ông. “Cissy,” ông Spencer Pike cất tiếng, “em sẽ đợi anh chứ?”

Meredith đã quên một điều hiển nhiên – nếu cô thực sự giống như bà ngoại đã qua đời của mình, thì người đàn ông này hẳn sẽ nhận ra cô nhanh nhất.

“Vâng, Spencer,” cô trả lời với giọng đều đều. “Bao lâu cũng được.”

Ông thả người nằm lại, tiếp tục giấc ngủ chập chờn. Meredith vẫn giữ lời hứa. Cô ngồi với ông ngoại của mình, nghe tiếng máy trợ thở bơm khí vào phổi ông. Cô ngồi cho tới khi bản hòa âm của những máy móc trợ sinh trong phòng trở thành một nốt đơn ngân dài. Cô ngồi cho tới khi những cô y tá bước vào định tiêm thêm morphin cho ông Spencer Pike, rồi họ thuyết phục Meredith rằng cô rời đi được rồi, bởi vì ông đã qua đời.

Tuck Boorhies đang cáu kỉnh, và anh ta hoàn toàn có lý do như vậy. Anh đang dở trận đánh golf thì Eli gọi điện buộc phải có mặt ở phòng thí nghiệm Montpelier trong vòng một tiếng rưỡi nữa. Nếu anh không chịu đến, Eli dọa sẽ buộc anh tội cản trở thi hành công vụ.

Eli dọa dẫm thế thôi, Tuck biết thế, nhưng nghe giọng Eli nghe như thể anh đang cheo leo bên bờ vực và định thò cổ ra nhìn xuống, thế nên Tuck tò mò muốn biết chuyện gì đang xảy ra, hơn là đánh nốt ván golf. Lúc Tuck đến, Eli đang đi qua đi lại trước cửa, và lập tức đẩy anh vào phòng ảnh để phóng lớn các bức ảnh chụp hiện trường. Lần này họ soi vết chân. Tuck dùng Photoshop tăng độ tương phản, rõ ràng có những dấu chân phụ nữ trên nền mùn cưa ẩm, nhưng đáng chú ý hơn là vết kéo lê dài trên đất.

Tuck ngẩng đầu lên, cầm sẵn máy chụp hình. “Thế bây giờ làm gì?” anh hỏi Eli, anh này đang kéo một túi to xuống dưới cái móc gắn trên trần nhà. Trong túi đựng hơn 300ml nước. Eli còn rải một đống mùn cưa vừa lấy từ trại ngựa gần đó lên sàn nhà.

“Theo Wesley Sneap, một đường tiết niệu của con người có thể chứa tối đa 400ml chất lỏng,” Eli nói.

“Thế thì sao?” Tuck nhướng mày.

“Thì anh cứ giúp tôi một tay đă, nhé?” Eli trèo lên ghế, nhờ Tuck đỡ cái túi nước rồi buộc nó vào cái móc. “Ông Sneap còn nói rằng vào thời điểm tử vong, tín hiệu kích thích từ não đến các cơ vòng tại hậu môn và niệu quản tắt, gây ra hiện tượng són phân và nước tiểu.”

“Ra vậy.”

Eli dùng chân gạt mùn cưa xuống dưới vị trí cái túi nước, rồi đứng lùi ra sau.

“Ok Tuck, chọc thủng bàng quang của tôi đi.”

“Sao chứ?”

“Bàng quang của tôi đó,” Eli chỉ tay lên cái túi.

Tuck cho rằng thôi thì không nên chọc giận một gà đang mang súng, lại còn trả tiền cho mình. “Thôi được rồi”, anh lầm bầm, lấy cây viết chọc thủng cái túi.

Hai người đứng nhìn dòng nước chảy xuống đống mùn cưa dưới đất. Nó làm nhòa đi dấu chân, khiến các đường viền không còn rõ nét. Khi cái túi chảy hết nước, đống mùn cưa bị ướt có kích thước cỡ cái miệng cổng. “Anh chụp giúp tôi chỗ đó nhé, Tuck?” Eli nhở, mở cửa ra khỏi phòng.

Tuck liếc nhìn cái bao đựng súng của Eli nằm chỏng trơ trên bàn, rồi đến cái máy ảnh Polaroid. Anh nhún vai, chụp vài tấm.

Trong khi mấy tấm ảnh lấy liền dần khô, Eli trở vào, cầm theo cái thùng gỗ thưa. “Sao rồi?”

“Thì trông y như vũng bùn, chứ anh nghĩ nó sẽ ra sao nữa?”

Eli cầm tấm ảnh Tuck chụp lên xem, rồi đặt xuống cạnh hình hiện trường phóng lớn: “Anh nhìn xem có phải hai vũng bùn nhìn khác nhau không?”

Quả vậy. Mảng mùn cưa ẩm trong tấm ảnh Polaroid chỉ nhỏ bằng phân nửa mảng ướt trên tấm ảnh hiện trường. Trước khi Tuck kịp trả lời, Eli mở cái thùng gỗ, dùng sức lôi ra một khối nước đá chừng 60 x 30cm. Anh đặt đứng nó lên đám mùn cưa, rồi lôi về hướng vũng mạt cưa ướt khi này, để lại vết kéo dài. Rồi anh ngồi xuống cái ghế cạnh Tuck, thò tay moi ra trang ô chữ của tờ *New York Times*.

“Anh làm gì đó?” Tuck hỏi.

“Thì giải ô chữ.”

“Không,” Tuck chỉ về đống mạt cưa giữa phòng, “tôi hỏi cái kia kia.”

Eli nhìn sang. “Tôi đang đợi”.

Ethan đang xếp lại mấy đôi giày thì nghe trong nhà có tiếng hét. Cậu chạy lên phòng hai mẹ con Lucy, đẩy cửa vào.

Cô bé đang ngồi trên nệm, run cầm cập. “Lucy?”, Ethan nhích lại gần. “Em không sao hả?”, cậu nhìn quanh phòng, mẹ con bé đi đâu không biết. Mới nửa đêm, chắc cô ấy chưa về phòng ngủ. “Em thở được không?”

Cô bé gật đầu, buông lỏng bàn tay đang nắm chặt tẩm chăn. “Em đánh thức anh dậy hả?”

“Đâu, anh đang thức mà.” Ethan rẽ giày trên tẩm thảm. “Mẹ em đâu?”

Cô bé nhìn quanh, có vẻ bây giờ mới để ý mẹ mình không có đó. “Em không biết, mẹ anh đưa em đi ngủ.”

Ethan nhe răng cười. “mấy bà mẹ có khác gì nhau đâu.”

Cô bé hơi cười lại. Ethan cố nhớ lại cách mẹ dỗ mình khi gặp ác mộng. “Uống sữa nhé,” cậu nói, “em muốn anh lấy cho em chút không?”

“Sao em phải uống sữa?”

“Anh không biết. Uống sữa hâm nóng trong lò vi ba sẽ giúp ngủ ngon. Khi nào anh mơ thấy ác mộng mẹ toàn làm thế.”

“Chắc anh chẳng bao giờ bị thế đâu.”

“Có chứ. Ai chẳng có lúc gặp ác mộng.”

“Khi mơ anh sợ nhất cái gì?”

“Bị mắc kẹt dưới ánh mặt trời,” Ethan nói thẳng, “còn em?”

“Ma,” Lucy thì thầm.

Hai đứa cùng yên lặng, căn nhà thanh vắng đột nhiên có gì đó rờn rợn. Dù sao, Ethan biết sẽ đỡ hơn nếu có ai ở cạnh. “Anh không có sợ ma.”

“Em thì không sợ mặt trời,” Lucy đáp.

Đúng ra anh nên kể thêm với cô. Ross tự dằn vặt, rõ ràng do anh mà Meredith biến mất. Cô đã đi mấy tiếng rồi, cũng không gọi hỏi thăm Lucy. Có lẽ cô cần thêm thời gian để tĩnh tâm suy nghĩ.

Hoặc có khi cô chẳng muốn nghĩ gì nữa hết.

Anh đập đầu nhẹ nhàng vào gốc cây đang dựa. Giờ anh chỉ ước trở về quá khứ trong năm phút. Chỉ cần năm phút là đủ nói với Meredith Oliver rằng anh rất hiểu cảm giác đột nhiên thức dậy rồi thấy đời mình thành ra hoàn toàn không như mình vẫn tưởng.

Cuộc đời ai chẳng có đôi lần nuối tiếc, để nhắc rằng đôi khi muốn mà đâu thể có được. Cứ nhìn anh xem, thế mà anh lại sống lâu hơn Aimee. Rồi Az cố tìm con gái của mình, cuối cùng lá vàng phải khóc lá xanh. Rồi Shelby nhìn con trai chết dần mòn từng ngày. Ethan, sinh ra đã bệnh tật. Đến một lúc nào đó, ai nấy đều sẽ bị cuộc đời này làm thất vọng. Nỗi thất vọng chính là điểm chung của thế nhân.

Nghĩ theo hướng đó, Ross cảm thấy mình cũng không đến nỗi cô độc. Khi đang kẹt trong xoáy nước thì người ta khó lòng tự cứu mình, nhưng sẽ có thể được cứu nếu có ai đó chịu chìa tay ra.

Có lẽ chính vì vậy mà anh đi Maryland tìm Meredith.

Người anh hùng đời thường không mặc áo choàng, không nhảy khỏi tòa nhà cao ngất hay chặn viên đạn bằng tay. Họ cũng chảy máu, cũng bầm dập, và siêu năng lượng của họ chính là khả năng lắng nghe, yêu thương. Người hùng, chính là những con người bình dị biết rằng cho dù đời họ rối tung, họ vẫn có thể giúp đỡ cho đời người khác. Và biết đâu ta giúp người, thì người sẽ giúp ta.

Khi Ross ngẩng mặt lên, anh không ngạc nhiên khi thấy cánh hoa hồng rơi lả tả từ bầu trời đêm. Anh nhắm mắt mỉm cười, rồi giật mình nghe

tiếng trẻ con khóc. Chắc là con linh miêu đang mùa gọi bạn. Đi ra phía khoảnh đất trống, anh thấy Meredith đang ngồi sụp trên mặt đất.

“Cô làm gì ở đây?” anh hỏi, khi cô gái đứng dậy, bàn tay và móng tay dính đầy đất, Ross nhận ra đó không phải là Meredith.

Ai đang gọi tôi đó? Tôi nhìn quanh, sợ rằng mình bị phát hiện. Nhưng không có ai cả, chỉ là sợ bóng sợ gió, cơn sợ to rộng như thân cây sồi già kia. Tôi cúi xuống, lục lọi từng bờ cây bụi cỏ. Anh ta giấu con bé ở đâu chứ?

Tôi nghe tiếng khóc, chắc chắn là vậy. Có lần, câu lạc bộ Klifa có buổi nói chuyện của một nhà động vật học chuyên về rừng rậm Phi châu, ông này cũng từng đến gặp Spencer. Ông nói rằng trong tự nhiên, con mẹ nhận ra tiếng kêu của con non mới đẻ. Cứ thử thả một đám hà mã vào hổ, con mẹ và con con chắc chắn tìm được nhau. Đánh đuổi con hươu cao cổ khỏi đồng cỏ, nó vẫn tìm được đường về. Thai nhi nghe được tiếng mẹ từ khi còn trong bụng, khi ra đời, nó nhận ra mẹ mình giữa những người khác.

Bàn tay tôi úa máu. Tôi đã lật tim từng tảng đá, từng bụi cây. Tôi lại nghe tiếng con bé, lặng thầm gọi tên tôi.

Lần này mọi giác quan của tôi đều tập trung, tôi đứng dậy, quay người đi về hướng kho lạnh. Tôi đẩy

của, bước qua nền đất phủ đầy mạt cua, rồi thấy con mình.

Lông mi con bé vút dài như móng tay ngón út của tôi. Gò má con xanh nhợt nhạt.

Lily. Lily Delacour Pike.

Ngay cả sau khi tôi đã đặt con vào lại thùng gỗ, tôi vẫn cảm thấy sức nặng của thân người con trên tay mình. Cảm giác mất mát sẽ luôn còn đó.

Anh sẽ không bao giờ chịu nghe tôi nói, không bao giờ hiểu. Cách duy nhất để anh thấy mình đã gây ra những gì, là khiến anh phải chịu đựng y như vậy. Phải lấy đi thứ anh muốn nhất trên đời này.

Trong hầm có một tảng nước đá tương đối nhỏ, tôi cạy nó ra, lôi nó đi, dựng nó đứng lên. Tôi cột sẵn nút thòng long quanh cổ mình, rồi cột đầu còng lai quanh xà nhà. Chờ mẹ nhé con ơi, tôi nghĩ thầm, rồi nhảy theo chân con.

Đau đớn hơn tôi tưởng tượng, cơ thể kéo trì tôi xuống, phổi tôi như nổ tung, rồi đất trời tối sập.

Nhưng rồi con tôi khóc, khóc nữa. Qua cánh cửa sổ kho lạnh, tôi lúc lắc trên dây thòng long như món đồ treo trang trí, tôi thấy nắm tay con bé quơ lên. Nó đã trở lại với tôi, mà tôi đã ra đi.

Lily, tôi thảm thét lên trong đầu, cố càu cấu tháo sợi dây. Nhưng tôi buộc quá chặt. Lily. Tôi đá chân, tôi càu cấu nhưng giơ tay lên không nổi nữa.

Trời ơi, tôi mất con nhũng hai lần.

*Con bé nghe tiếng tôi, dù tôi không la lớn nỗi nữa.
Nó sẽ băng qua đồng cỏ tìm tôi, nó sẽ bơi đến tìm tôi
từ đáy hồ sâu nhất.*

*Tôi thầm hứa với con tôi, như cha tôi từng hứa,
trước khi ông tìm được tôi: Tá sẽ tìm lại con.*

Khi cô ấy lại biến mất, Ross mới nhận ra nãy giờ mình nín thở. Anh thở ra một hơi dài lặng lẽ. Curtis Warburton hẳn sẽ nói cái Ross thấy chỉ là ảo ảnh còn sót lại, sự lặp lại của một sự kiện lớn, cứ diễn đi diễn lại như video phát tự động. Curtis hẳn sẽ nói hồn ma không có ở đó, chỉ là năng lượng còn vương vấn thôi. Nhưng Ross đã tận mắt chứng kiến, biết rằng không phải vậy. Đây không phải là dấu vết còn lại, hồn ma của Lia đã trở lại để kiểm tìm điều gì đó.

Nhưng cô không tìm con mình, cũng không tìm Ross. Mãi khi hình bóng cô tan biến, Ross mới sực nghĩ ra cô tìm gì: Ở mé kia khoảng trống là Meredith Oliver, sững sờ không tin nổi, cô ấy vừa nghe và thấy mọi điều Lia muốn nói.

chương

Mười Hai

Meredith ngồi im trong yên lặng khoảng mười phút, giữa màn đêm đang bủa vây quanh cô. Lòng cô tan thành nước, và Meredith biết mình không thể di chuyển, suy nghĩ hay hít thở ngay lúc này. Cô chợt nhận ra vũ trụ này bao la là thế nhưng mình lại quá bé nhỏ, không chứa hết nổi những khả năng vượt ngoài trí tưởng tượng của bản thân.

Như hồn ma chẳng hạn.

Liệu người ta có hóa điên đột ngột như khi bị cùm,... hay ngắt công tắt điện? Tâm trí cô không tài nào tiếp nhận nổi cảnh tượng vừa nãy. Cảm giác giống như nghe thấy không còn mặt trời

mọc vào buổi sáng: Niềm tin vững chắc vào thực tế của của Meredith đã đảo lộn, tòa nhà chọc trời hóa ra chỉ là ngôi nhà xây bằng những lá bài.

Nhưng chuyện này không phải là ảo giác; cũng không phải lời của kẻ mất trí. Meredith đã tận mắt nhìn thấy một hồn ma. Hình bóng người phụ nữ vụt biến mất nhanh như khi xuất hiện. Một người phụ nữ giống cô như đúc.

Meredith nhớ lại những lần mình bảo với Lucy rằng ma chẳng có thật. Vậy mà niềm tin giờ biến thành hoài nghi – nếu cô nhận định sai về chuyện này, thì còn nhầm lẫn bao nhiêu chuyện nữa? Có lẽ bầu trời không thật sự màu xanh, có lẽ khoa học không thể trả lời tất cả mọi thứ, có lẽ cuộc sống của cô không hề hạnh phúc. Cô chỉ biết chắc một điều: thế giới sáng nay lúc mình thức dậy rất khác biệt so với thế giới trước kia.

Cô cúi xuống chạm vào mặt đất, biết đâu nó cũng không rắn chắc như cô nghĩ. Cô lại rùng mình, cảm nhận có gì đó đang choàng qua vai. Mãi đến lúc Ross khoác áo lên người cô, cô vẫn còn hoài nghi có ai đó đang ngồi cạnh mình.

Quay đầu lại, cô ấp úng. “Chuyện đó... chuyện đó vừa xảy ra sao?”

“Đúng vậy.” Ross có vẻ sốc không kém gì cô. Meredith cẩn thận quan sát anh. Cô vẫn chưa hoàn toàn tin vào những điều anh kể về chuyện

săn ma, về bà ngoại cô. Mấy người tin vào chuyện này đều điên điên khùng khùng... nhưng có vẻ cô đã bắt đầu tin như họ. Cô ráng nhớ lại những chuyện Ross đã kể với mình – ngẫm nghĩ lại những lời nói từng bị cô gạt sang một bên.

“Bà ấy giống em như đúc,” Meredith lên tiếng.

“Anh biết.”

“Nhưng... nhưng mà...” cô chẳng nói trọn thành câu.

Cô thấy tay Ross nắm lấy tay mình, mái tóc dài cọ lên má cô khi anh cúi sát lại. Anh đang khóc. “Anh biết,” anh lẩm bẩm, trong khi thật lòng anh muốn nói, mình không sao hiểu được.

Không tin vào ma quỷ, nhưng cô tin vào nỗi đau. Cô hiểu được cảm giác cô đơn dù người ta không hề muốn vậy. Những cảm xúc này chân thật đến nỗi nó vượt khỏi những điều không tưởng, biến thành điểm tựa để cô níu lấy. Tâm trí Meredith quay cuồng, cảm giác sợ hãi, vụt tự tử. “Hóa ra chuyện là vậy à?” Meredith tự hỏi. “Bà ấy... tự tử sao?”

“Anh nghĩ vậy.” Giọng anh khàn khàn trong đau đớn.

“Chúng ta không thể giúp gì sao?”

“Chuyện đã xảy ra,” Ross đáp. “Bà ấy đã ra đi rồi.”

Linh hồn đã đối diện với Meredith. Cảm giác giống như nhìn vào chính mình trong gương – không hẳn vì diện mạo giống nhau, mà vì ánh mắt Lia Pike có thứ gì đó mà Meredith nhận ra mình cũng có. Meredith không hiểu được ranh giới giữa sự sống và cái chết chỉ là một nét mực vò hìn, nhưng cô biết một người mẹ chẳng muốn làm gì khác ngoài việc bảo vệ con mình bình an.

Bản năng làm mẹ là bẩm sinh, ăn sâu vào từng tế bào. Phụ nữ có thể cảm giác được con từng nằm trong bụng sau khi sinh nở; sau một thời gian dài chia sẻ máu thịt, hai mẹ con sẽ trở thành một phần của nhau. Nếu đứa bé qua đời – dù còn là phôi thai, hay lúc mới sinh, hay năm lên mười ba tuổi do bệnh khô da sắc tố XP – thì một phần linh hồn của người mẹ cũng chết theo. Sau khi nhìn vào khuôn mặt tĩnh lặng của đứa bé, Lia hẳn chỉ muốn mau mau kết thúc.

“Bà ấy vẫn dõi theo con gái mình,” Meredith nói.

Dù biết cơ thể người rồi sẽ phân hủy thành chất hữu cơ, thì Meredith hy vọng mẹ cô vẫn tồn tại trong hình dạng nào đó, ở một nơi có cửa sổ hướng về thế giới để bà được thấy Meredith, Ruby và Lucy. Đây cũng là hy vọng của Lia Pike... nhưng bà ấy vẫn chưa đặt chân đến nơi đó. Nếu

cô đến được nơi đó, nhiều năm sau, chẳng biết con gái bà có nhận ra bà hay không?

Meredith quay sang Ross. “Anh nghĩ cuối cùng hai mẹ con có tìm được nhau không?”

Anh không trả lời, anh không thể trả lời. Hai tay anh ôm mặt thốn thức. Nỗi buồn ấy vừa sâu thẳm vừa tăm tối như giếng nước; là nỗi buồn mà Meredith đã chứng kiến trên khuôn mặt Lia Pike khi bà biết tin con gái mình đã ra đi.

“Ross,” cô gọi tên anh. Lúc này cô đột nhiên nhớ tới những lời anh đã từng nói, những điều cô không thèm đếm xỉa đến nhưng hóa ra là sự thật: Con người có thể tưởng tượng mình đang yêu một người không hề tồn tại. Cô dè dặt chạm vào tay anh, để anh biết rằng lúc này cô sẽ giữ lấy anh nếu anh rơi xuống. Nhưng anh giropic tay mình ra, để lộ vết sẹo trên cổ tay nhẵn nhụi.

“Họ sẽ tìm thấy nhau,” anh đáp, tránh không nhìn vào cô. “Họ sẽ làm được.”

“Đứa bé vẫn còn sống,” Eli giải thích, “Nhưng cô ấy nghĩ đứa bé đã chết nên đã treo cổ tự tử.” Anh đi lòng vòng quanh nhà bếp của Shelby, tự rót một ly nước trong lúc thuật lại những tình tiết. “Cô ta kéo một khối nước đá lớn ra ngoài hiên, dùng nó làm bệ đỡ để với đến xà nhà. Nhưng lúc ông Pike tìm thấy cô ấy vào sáng sớm, nước đá đã tan đi,

khiến hiện trường giống như là một vụ giết người hơn là tự tử. Sau bảy mươi năm, anh đã chính thức khép lại vụ án.” Anh lắc đầu. “Chúa ơi. Cảnh sát bọn anh có thể hơi chậm một chút, nhưng không đáng bị nhận xét là kém năng lực đâu.”

Lúc bước ngang qua Shelby tại bàn ăn, anh chạm vào vai cô. “Và vẫn chưa hết,” Eli ngồi xuống đối diện cô. “Spencer Pike đã qua đời vào đêm qua.”

Anh cứ nói mãi, nhưng Shelby chẳng nghe thấy gì. Cô chỉ chăm chú vào cảm giác khi tay Eli rời khỏi vai mình, giống như có gì mất mát.

Một ý nghĩ chợt vụt qua trong tâm trí Shelby. Cô không còn tưởng tượng nổi trước khi gặp được Eli Rochert, cuộc đời mình ra sao.

Ồ, chết thật, cô thầm nghĩ, mình yêu anh ấy mất rồi.

Shelby tin rằng tình yêu tựa như nhật thực – đẹp đến nghẹt thở, lôi cuốn và khiến người ta mù quáng. Cô chưa từng né tránh chuyện yêu đương, nhưng cũng không mong muốn bắt đầu một quan hệ. Người ta hay ví von “đắm vào bể tình” chính là như vậy, một khi đã yêu, át phải mê trầm tận đáy.

Cô cũng từng yêu chồng cũ say đắm – cô biết cảm giác tim đập nhanh khi nghe giọng của một người đàn ông qua điện thoại ra sao, và cảm giác

thế giới ngừng quay khi hôn nhau. Nhưng cô tin rằng tình yêu đó đã chấm dứt, giống như nhiều mối tình khác. Yêu là săn sàng nhảy khỏi vách đá với niềm tin ai đó đứng dưới đáy vực sẽ đón được bạn. Nhưng với Shelby, anh chồng cũ đã chạy mất dép trước khi cô chạm đáy. Và thú thật là, cô không chắc mình muốn nhảy thêm lần nữa.

“... và nếu em nghĩ theo hướng đó... Shelby, này, em không sao chứ?” Eli nắm tay Shelby để cô chú ý, nhưng cô tỏ vẻ do dự. Anh lập tức quay lại. “Có chuyện gì sao?”

Hàng ngàn câu trả lời nhảy loạn lên trong đầu cô. Cô buột miệng: “Nếu em đang hấp hối, anh có thể hiến tặng em một quả thận chứ?”

Eli bối rối nhìn cô. “Ý em là thận của anh?”

“Anh còn hiến tặng được thận của ai khác sao?”
Cô trừng mắt nhìn anh. “Sao nào?”

“Anh... anh... được chứ. Anh sẽ tặng mà.”

Shelby rên rỉ vùi mặt vào lòng bàn tay.

“Anh trả lời không đúng sao?” Eli hoang mang thắc mắc.

Cô buộc mình nhìn thẳng vào mắt anh. “Em muốn yêu anh, Eli. Nhưng đồng thời, em cũng không muốn. Khi em ở bên anh, em không nghĩ mình đã từng làm điều gì đúng đắn hơn thế. Nhưng một khi thừa nhận việc đó, thì mọi chuyện

sẽ tuột dốc thôi. Nhìn xem tình yêu đã khiến em trai em ra nông nỗi nào. Hay với Sói Xám hoặc Lia Pike. Hay... Nay, có gì đáng cười hả?"

Bên kia bàn, Eli cười toe toét đến tận mang tai. Anh lại nắm lấy tay cô, khiến cô không kịp giãy ra. "Tình yêu," anh lặp lại, đó là những gì anh cần nghe. "Em nói Tình Yêu."

Lucy úp lòng bàn tay vào đèn pin, đến khi ánh đèn biến thành màu đỏ. Ethan thì kẹp đèn pin giữa hai đầu gối khẳng khiu, da cậu trắng nhợt đến mức tưởng thấy rõ cả cơ và xương. Căn cứ bí mật này – nằm dưới tấm bạt nhựa phủ trên cái bàn ngoài trời – sắc mùi khói, nhưng vây cũng đáng. Đây là thể ước đầu tiên của Ethan, cậu muốn chuẩn bị kỹ càng hết sức.

Cậu bé hơ lưỡi dao Thụy Sĩ qua ngọn nến. "Sẵn sàng chưa?" Lucy hỏi.

Hóa ra cô bé nhỏ hơn cậu nhóc chưa đầy một tuổi, nhưng người ta sẽ không nhận ra chuyện này khi trò chuyện với hai đứa. Lucy nhảy dựng lên nếu con nhện chân dài xuất hiện cách cô bé cả nửa mét, ai cũng biết cô bé sợ nhện như sợ con rồng Puff trong phim Chú rồng thần kỳ. Cô bé yên lặng đến nỗi thỉnh thoảng Ethan quên mất cô bé đang ngồi cạnh cậu. Cô bé thậm chí không

thể đứng thăng bằng trên ván trượt của cậu mà không bị ngã.

Nhưng cô bé biết đọc tên mọi từ mô tả bộ phận cơ thể người trong từ điển và luôn kể rằng mẹ là người dạy cho mình biết. Cơ thể cô bé toát ra mùi hương của bánh quy đường. Và sau đợt cắm trại suốt mùa hè, da cô có màu rám nắng đẹp tuyệt vời mà Ethan chưa từng thấy.

Cô kể với Ethan cảm giác bơi lội trong hồ, ngủ gật dưới ánh nắng mặt trời rồi giật mình tỉnh giấc vì cảm giác nóng nực và chóng mặt đến mức không biết hôm nay là ngày mấy và vì sao mình lại ngủ ngoài này. Cậu nhóc kể với cô bé về cảm giác tóc gáy dựng đứng lúc con ma theo cậu Ross ra khỏi căn nhà cũ kỹ bị ma ám. Cô bé thú nhận thỉnh thoảng mình trốn trong chăn giả bộ không có đó khi hồn ma xuất hiện. Cậu miêu tả cảm giác bỗng rát khi bác sĩ sử dụng một chất lỏng để đóng băng tế bào tiền ung thư trên da.

“Nhanh nào, Ethan,” Lucy nhắc. “Em ngập thở muốn chết rồi.”

Cô bé hay nói đệm kiểu “muốn chết rồi”, “muốn chết đi được”, nhưng mẹ cậu cẩn thận không bao giờ nhắc đến mấy câu đó, phòng khi cậu làm điều ngu xuẩn.

“Được rồi.” Ethan rời đèn pin lên con dao, rồi bỏ đèn pin xuống, tiếp đó là con dao. “Rồi. Em

cầm cái này đi.” Cậu đưa đèn pin cho Lucy và lau sạch lưỡi dao – không nên phát tán bệnh dịch hạch – rồi lại hơ nó qua ngọn nến thêm lần nữa. Khi cậu liếc mắt lên, Lucy dường như tái mét một cách bất thường. “Em không phải sắp ngất đi đấy chứ?”

Cô bé cau có giơ cổ tay mình ra.

Ethan giơ tay phái ra song song với cô bé. “Anh sẽ giúp em tìm một con ma trước khi ma bắt được em,” cậu nói.

Cô bé trùng mắt nhìn cậu. “Em sẽ dắt anh ra chỗ có ánh nắng mặt trời.”

“Vì lòng can đảm,” Ethan nói rồi nhanh nhẹn vạch một đường giữa cổ tay mình và cô bé. Cậu áp sát hai vết thương hở vào nhau.

Lucy hít sâu. “Vì lòng can đảm.” cô bé quấn dài băng xé từ áo thun của Ethan quanh hai cánh tay trong khi chờ đợi và hy vọng sự can đảm sẽ hòa vào nhau chặt chẽ như máu.

Az bị tiếng chim hót đánh thức. Ông nằm im trên giường một lúc, lắng tai nghe tiếng chim sẻ mỏng manh hòa quyện vào âm thanh lảnh lót của chim đớp muỗi và giọng hót trầm trồm của chim lợn. Phải mấy tuần nay ông mới lại nghe thấy giai điệu này, lũ chim bắt lăng từ khi ông kể với những người Abenaki khác về nghĩa địa thổ dân,

rồi giúp mang theo chiếc trống tới mảnh đất nhà Pike để biểu tình.

Ông chậm rãi ngồi dậy, cảm nhận từng đốt sống kêu cót két. Vung chân xuống giường, ông thử đẩy dép ra chạm chân trần xuống nền đất.

Thật là ấm áp, đúng với tiết trời vào tháng Tám. Không hề lạnh buốt như trước nữa.

Az vén cửa lều bước ra ngoài.

Thế giới dường như đã thăng bằng trở lại, không lệch đi đôi chút dù vẫn quay, đến một lúc ai cũng phải chú ý. Az bẻ một đóa hoa từ nhành kim ngân mọc cạnh túp lều, lặng ngắm mặt hoa tụ lại thành giọt. Ông nâng đóa hoa lên miệng và nếm thấy vị ngọt thay vì vị nước mắt.

Một chiếc máy bay xé toạc bầu trời làm hai, vậy mà bầu trời chẳng hề sụp đổ. Az đứng yên, không còn cảm giác quá khứ dồn nén khiến đầu mình đau như búa bổ. Ông nhấp mắt lại, lập tức cảm nhận được phương bắc nằm ở đâu.

Az đổ nước vào ấm đun cà phê, sau đó đong cà phê bột. Ông rửa tay, rửa mặt và cẩn thận chỉnh lại trang phục, chỉ cần cài nhầm một hột nút cũng ảnh hưởng đến vận may mấy tháng trời đấy. Ông không hề thay đổi thói quen thường ngày, ngay cả trong thời gian Comtosook đang bị ốm bàu. Dù sao bạn cũng không thể đi ngược lại quy luật vật

lý: Az hiểu rõ tình trạng hỗn loạn sẽ xảy ra, nhưng rồi cũng đến lúc mọi chuyện sẽ lắng xuống.

Nếu là phù thủy, chắc Ross sẽ truyền sức mạnh sang cho chị gái. Không phải sức mạnh cơ bắp kiểu đàn ông, mà là tinh thần chịu đựng, đó là cách để vượt qua tất cả. Vì anh không có chút nào tinh thần ấy, nên anh càng hiểu thấu. Thay vào đó, anh chỉ biết dọn dẹp lại mớ tài sản bỏ trong túi xách. Ross để dành cái áo sơ mi mềm mại nhất lại cho Shelby vì cái áo có mùi của Ross, và anh biết chị ấy sẽ muốn lưu lại vật kỷ niệm. Đồng hồ để lại cho Ethan với hy vọng Ethan có thêm thời gian được sống. Anh sẽ mang theo mấy đồng xu năm 1932 để rải dọc đường như Gretel rải vụn bánh mì để dẫn dắt Lia tìm thấy anh.

Hỏi: Loại người nào sống ba mươi lăm năm trên đời mà tài sản chỉ đủ để đựng trong một cái túi vải dù?

Đáp: Loại người chưa bao giờ có ý định nán lại cõi này lâu dài.

Sau khi gặp được hồn ma của Lia, anh đưa Meredith về nhà. Anh nghe thấy tiếng Meredith trò chuyện với bà Ruby lúc 5 giờ sáng, phấn khích kể lại những gì cô đã chứng kiến. Cô hứa sẽ quay lại Maryland sau vài ngày nữa, sau khi đã dàn xếp xong vài chuyện ở đây. Ross đoán là chuyện

mảnh đất và đám tang ông Pike. Anh không biết liệu Meredith có tin vào những điều anh nói về ma, nhưng lúc này anh chẳng hề để ý. Anh chỉ nghĩ đến Lia, nhưng cô ấy sẽ không quay lại. Anh biết rõ điều này, rõ ràng như cảm giác hít thở mấy ngày này không khác gì uống phải hắc ín, từng ngày trôi qua như cưa vào da thịt. Anh mệt mỏi, mệt muốn chết, và anh chỉ muốn được ngủ một giấc.

Ross thò tay vào túi đồ một lần nữa. Con dao cao của bố để lại cho Shelby. Dụng cụ đo lực điện động – tất nhiên là thuộc về Ethan. Anh lôi ra tấm ảnh hồn ma chụp được cùng với Curtis – hình bóng bên hồ – và mỉm cười. Anh có thể tặng nó cho Meredith.

Anh chắc chắn sẽ không để lại lời nhăn nào. Nghĩ tới cảnh chị mình diễn dịch tờ giấy nhăn trong lần rời nhà trước, anh quyết định chẳng để lại lời nào. Anh tỉ mẩn xé mấy tờ giấy trên bàn thành mảnh vụn rồi quăng vào thùng rác.

Rồi anh nhìn thấy Lucy Oliver đang đứng trên hành lang nhìn vào phòng. “Chào cháu,” anh lên tiếng. Thực ra mà nói con bé khiến anh không thoải mái. Ánh mắt trong trẻo màu bạc, sáng rực nổi bật trong khi những nét còn lại bình thường, và con bé cứ ra vẻ như quen biết anh được mấy tháng chứ không phải mấy ngày. Đêm nay con bé

mặc quần short jean và áo thun in chữ MADAME PRESIDENT. Trên cổ tay con bé có dán băng dính in hình yêu tinh Shrek. “Cháu té vì đứng trên ván trượt sao?” Ross thân thiện đặt câu hỏi.

“Không phải,” Lucy đáp, không buồn giải thích gì thêm. “Cháu đến báo là sắp đến giờ ăn rồi.”

Ross cố nặn ra một câu trả lời đại loại như “Được rồi”, hoặc là “Chú xuống ngay”, nhưng lại buột miệng thắc mắc. “Lia có nhắc đến chú với cháu không?”

Lucy chầm chậm gật đầu. “Thịnh thoảng ạ.”

“Cô ấy nói gì?”

Thay vì trả lời, Lucy quét mắt khắp phòng Ross rồi nhìn chằm chằm vào đống đồ gọn gàng. “Chú đang làm gì vậy?”

“Chú đang chuẩn bị sẵn sàng để rời đi,” Ross đáp.

“Đi đâu?”

Lúc nhìn vào con bé, anh cảm giác Lucy biết câu trả lời của anh không phải là một nơi cụ thể.

“Chú chưa đi được đâu,” Lucy dõng dạc xác nhận.

Anh nghiêng đầu. Con bé biết được bao nhiêu chuyện chứ? “Vì sao chưa được?”

“Vì đến giờ ăn sáng rồi.” Lucy bước thêm một bước, chìa cánh tay dán băng dính ra. “Xuống nhà

nào," cô bé nói, lảng lặng chờ đến khi Ross nắm lấy tay mình.

Meredith chưa hề mong đợi nhiều người sẽ đến viếng đám tang của Spencer Pike, nhưng đứng một mình cùng Eli Rochert và một con chó săn khi cha xứ làm lễ tang đúng là hơi xấu hổ. Nhưng nghĩ đến bộ tộc Abenaki đang biểu tình vì dự án xây dựng, cô biết mình nên cảm tạ trời đất vì không có ai chạy đến đây nỗi trống. Meredith không dắt Lucy theo vì con bé chẳng biết người này là ai, và một đứa nhạy cảm như vậy tốt nhất không nên đến nghĩa trang làm gì. Shelby chắc chắn sẽ có mặt nếu Meredith ngo lời, nhưng cô cần người chăm sóc Lucy hơn là cần ai đó kề cận an ủi trong lễ tang của một người đàn ông mà cô chẳng hề quen thân. Còn Ross, ai biết anh ta đang ở đâu. Meredith chẳng hề gặp anh sau cái đêm nhìn thấy Lia, mà cô cũng không muốn gặp lại. Với anh, lời chia sẻ xem chừng không hợp như lời từ chối.

“Mời cô?” cha xứ nhắc, nhưng cô chẳng hiểu gì. Cô nhìn qua Eli cầu cứu, và anh gật đầu ra hiệu về đồng đất.

Meredith bốc một nắm đất rồi rải lên quan tài ông Pike. Eli âm thầm tuồn một tấm séc cho cha xứ. Meredith dành tự nhủ đấy cũng là một

phần của nghi thức. Tiền đấy trích từ đâu... Tiền của Eli? Hay từ quỹ thị trấn? Hy vọng cả hai đều không phải. Spencer đã rút khô thị trấn Comtosook rồi.

Cha xứ nói lời chia buồn với Meredith rồi trình trọng bước đến chiếc VW Bug và lái xe đi mất. Bài hát của nhóm Simon và Garfunkel phảng phất vọng lại từ cửa sổ xe mở toang. Bàn tay to lớn của Eli khẽ chạm vào vai cô. “Muốn tôi đưa cô về nhà không?”

Meredith nhún vai. “Tôi muốn ở lại thêm một lúc nữa.”

“Được rồi,” Eli đáp. Anh dắt theo chú chó quay đi, nhưng quay lại và tháo điện thoại nhét bên thắt lưng đưa cô. “Gọi cho tôi khi nào cô xong nhé?”

Meredith cảm ơn rồi dõi theo bóng anh lái xe xa dần. Cô tự hỏi Shelby có nhận ra cô ấy may mắn đến mức nào mới đúng lúc gặp được một người đàn ông như vậy. Một làn gió nhẹ thoổi tung làn váy đen tuyển khi cô đứng nhìn ngồi mộ mới đắp. “Tạm biệt,” cô khe khẽ nói vì cảm thấy ai đó cần được yên nghỉ.

“Thoát nợ rồi,” cô nghe giọng nói phát ra từ phía sau.

Az Thompson đứng cách đó vài mét, trên mình là bộ vest đen rộng thùng thình phối với áo sơ mi

trắng và cà vạt. "Tôi không tưởng tượng được sẽ gặp ông ở đây," Meredith đáp.

"Ông không đến vì harkin ta." Az nhìn xuống ngôi mộ nơi quan tài vừa chôn xuống. "Đã lâu rồi ông mới cảm thấy vui vẻ vì sống lâu hơn ai đó." Ông ngược mắt lên nhìn Meredith, "Cháu có muốn đi dạo một lúc không?"

Cô tuột giày cao gót ra, xách vung vẩy trong tay và chân trần bước theo Az. Ông leo lên đồi, băng qua mấy ngôi mộ. Thỉnh thoảng lòng bàn chân cô lại buồn buồn vì có gì đó chạm vào. Ông dừng lại nơi cây liễu rũ xuống, bên cạnh là một băng ghế đá sát một bên. "Nơi này không hề thích hợp để suy ngẫm tí nào," ông càu nhau cau có.

"Thế ông thường đi đâu?"

"Đến chỗ thác nước," Az lập tức đáp lại. "Hoặc nằm dài dưới bầu trời đầy sao." Ông quay sang nhìn cô rồi nằm xuống đất. "Hiểu lời ông nói rồi chứ?"

Cô thoáng do dự trong chốc lát vì bộ váy này không phải của cô, nhưng sau đó vẫn ngồi xuống cạnh Az, dõi mắt ngắm nhìn bầu trời. "Ông thấy gì trên đó?" cô đặt câu hỏi giống như lúc đang vui đùa với Lucy.

"Những đám mây," Az thành thật đáp lại.

Meredith ôm gối. Trên khuỷu tay cô là vết bầm

sau đợt rút máu vài ngày trước. Az cũng có một vết tương tự. “Tôi hỏi ông một điều được không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Chỉ là... tôi không biết nên gọi ông là gì. Ông Thompson, hay Az, hay John?”

“Ông vẫn luôn ước mơ cả sân vận động toàn người hâm mộ gọi mình là Ted Williams, nhưng nếu được một cô gái gầy teo gọi bằng *N'mahom* cũng vui lắm rồi.”

“Tù đấy nghĩa là gì?”

“Ông ngoại của tôi.” Ông nhìn thẳng vào Meredith. “Ông đoán là nếu gọi ra như vậy thì cháu sẽ thực sự tin tưởng mọi chuyện.”

Cô gật đầu. “Nhưng cũng không đem lại điều gì tốt đẹp cho mọi người.”

“Vì sao cháu nói vậy?”

Nước mắt tuôn trào trên mặt Meredith. Cô sảng sốt nhưng tự nhủ đây là vì ngày hôm nay thời tiết oi bức và cô đang thiểu ngủ. “Quá nhiều chuyện đã xảy ra,” cô thì thào. “Quá nhiều người bị tổn thương.” Cô nghĩ đến những người như Az, Lia, người Abenaki tồn tại như vô hình trong thị trấn, rồi cô nghĩ đến Ross. “Chuyện này tưởng như chẳng hề liên quan đến cháu, nhưng hóa ra cháu lại là nguyên nhân.”

“Con người ai cũng khổ sở đi tìm ý nghĩa cuộc

sống. Vì sao lại là tôi, vì sao lại là lúc này. Thật ra mọi chuyện không phải tự dung xảy ra mà không có nguyên nhân. Đôi khi điều quan trọng là chỉ cần ở bên cạnh ai đó đúng nơi, đúng lúc mà thôi."

"Chỉ vậy thôi sao?" cô thắc mắc.

"Từng ấy cũng đủ lắm rồi." Ông quay đầu lại mỉm cười. "Hôm nay cháu về nhà sao?"

Meredith dự định bay về Baltimore chiều hôm đó. Nhưng cô sẽ hoãn chuyến bay sang ngày hôm sau. Cô không muốn ký ức cuối cùng trước khi rời khỏi Comtosook lại là đám tang của Pike. "Cũng sắp rồi ạ," cô trả lời. "Ông sẽ viết thư cho cháu chứ?"

"Ông không thích viết lách. Pike và đám người đó từng viết bao nhiêu thứ, mà đâu có thứ nào tốt lành. Người Alnôbak vẫn thích lưu giữ lịch sử qua chuyện kể hơn là văn viết."

"Vẫn còn một chương dài chưa viết đấy," Meredith lẩm bẩm.

"Vậy thì cháu phải là người kể chuyện rồi."

Lúc nhận ra ông nói nghiêm túc, cô lắc đầu. "Cháu không biết kể về chuyện gì hết."

"Không quan trọng. Cứ biết đoạn nào thì bắt đầu từ đoạn ấy là được."

"Ý ông là kể cho Lucy sao?"

"Kể cho bất kỳ ai muốn lắng nghe," Az đáp.

Cô vén tóc ra sau vành tai. “Về chuyện đó... cháu sẽ đọc di chúc vào chiều nay. Eli đã sắp xếp một thẩm phán viết lời phán quyết để mảnh đất thuộc về cháu, vì cháu là con gái của mẹ... và bà ấy là người thừa kế chính thống nhất... Cháu muốn... cháu muốn ông nhận lấy nó.”

Ông phá lên cười. “Ông biết làm gì với mảnh đất to đùng thế kia?”

“Cháu nghĩ ông muốn chia sẻ nó với người khác.”

Meredith đưa tay bứt một cọng cỏ. “Miễn là cháu và Lucy vẫn có một chỗ ở mỗi khi quay về thăm ông là được. Ông sẽ giúp cháu dàn xếp mọi chuyện chứ?”

“Tìm một gã tên là Winks Champigny. Anh ta có tên trong danh bạ đấy. Anh ta biết phải làm thế nào. Ông sẽ giúp cháu, nhưng ông sẽ rời khỏi đây một thời gian.”

“Đời cháu đúng thật là. Cháu gặp một người đàn ông tuyệt vời, nhưng lại lỡ chuyến.” Meredith cười cười nhìn ông. “Ông sẽ ở đây lúc cháu đến thăm được không?”

“Chắc chắn rồi,” Az đồng ý.

“Em chắc là không sao chứ?” Shelby hỏi lần thứ mười. Cô nhìn hình bóng Meredith phản chiếu trong gương, tay đeo sợi dây chuyền lên cổ.

“Vì sao lại không yên tâm? Bọn trẻ tự chơi đùa với nhau. Em chỉ việc ngồi trên ghế ngâm kẹo xem phim thôi mà.”

Đúng là chuyện hiếm với Shelby – cô được mời đi ăn tối và hẹn hò. “À thì chị biết em phải thu dọn đồ đạc cho chuyến bay ngày mai. Chỉ cần Ross về đến nhà thì nhiệm vụ của em sẽ kết thúc.”

Anh đã ra ngoài để lấy lại mớ thiết bị còn đặt trong nhà Pike. Meredith không tài nào hiểu nổi vì sao anh lại đợi đến tận tám rưỡi tối mới đi. “Chị biết Eli sẽ đưa chị đi đâu không?”

“Một nhà hàng năm sao nào đó ở Burlington.” Cô ngả người ra giường bên cạnh Meredith, cười toe toét đến mức mỏi cả cơ mặt. “Mình đã hẹn hò với anh ấy chục lần rồi,” Shelby lẩm bẩm. “Ở cửa hàng, sang nhà anh, lái xe đi dạo cùng nhau. Vậy mà sao vẫn cảm thấy thế này?”

“Vì chị cuồng anh ta đến phát điên rồi,” Meredith châm chọc. “Do chất dopamine do não tiết ra đấy.”

“Đành để chuyên gia di truyền giải thích tình yêu bằng phản ứng khoa học vậy.”

“Những người không hề biết yêu đương là gì như bọn em thích cách nghĩ như vậy hơn.”

Shelby lật người nằm sấp lại. “Bố Lucy là người thế nào?”

“Một thằng cha không đáng mặt làm bố,”
Meredith trả lời. “Bố Ethan thì sao?”

“Tất nhiên là anh em cùng hội với thằng cha kia,” Shelby chống tay lên cằm. “Em từng yêu hắn ta sao?”

“Đắm đuối.”

“Chị cũng vậy.” Cô nhìn thằng vào Meredith. “Thỉnh thoảng chị giả vờ không quen biết Eli. Hoặc vờ như anh ấy không phải là điều cuối cùng chị nhớ đến trước khi chìm vào giấc ngủ. Một kiểu mê tín, em biết không – đừng quá coi trọng tình yêu thì không ai cướp nó khỏi mình được.”

“Chẳng ai cướp nó ra khỏi tay chị được đâu,”
Meredith phản đối. “Tình yêu thăng hoa hay thất bại vì hai người trong cuộc... chứ không phải vì âm mưu của định mệnh.”

“Em nghĩ vậy sao? Em chưa từng nghĩ mình phải ở bên cạnh ai đó sao?”

“Lạy Chúa, không hề! Nếu tin trên đời này bạn chỉ có một tri âm tri kỷ, tìm một trong sáu tỉ người... xét về mặt toán học thì đúng là cầm chắc thất bại. Làm sao gấp được?”

Shelby lắc đầu. “Vậy nên mới cần đến số mệnh. Nếu không sinh Ethan, chị sẽ không ly hôn với Thomas. Nếu Ethan không mắc bệnh khô da sắc tố XP, chị sẽ không chuyển đến một thị trấn nhỏ thế này, chỉ vì nhà cửa cách xa nhau để Ethan

thoải mái vui đùa vào ban đêm. Nếu Ross không bị dồn vào đường cùng, em ấy cũng không đi điều tra mảnh đất nhà Pike. Tất cả những chuyện này dù kinh khủng thế nào... nhưng rốt cuộc lại để chị gặp được Eli."

"Chị có từng nghĩ số mệnh muốn chị kết hôn với Thomas không?"

"Này, ban đầu thì..."

"Thì vậy đó. Số mệnh," Meredith tranh luận, "chỉ là thứ mà người ta sáng tạo ra để giải thích những gì mình không hiểu. Nếu chị nghĩ Eli là người số mệnh dành cho chị, chị sẽ tự nhủ mọi chuyện đã được sắp đặt. Và nếu anh ta khiến chị đau khổ, chị sẽ nghĩ anh ta không phải là người số mệnh lựa chọn. Em đã dành mười năm trời tìm kiếm một người đàn ông vừa bước vào phòng không cần tìm cũng nhìn thấy em. Nhưng em chưa bao giờ tìm được. Em thừa nhận mình đúng là xui xẻo trong chuyện yêu đương nhưng cũng có thể tự nhủ mình chưa gặp được đúng người thôi. Dù sao ngộ nhận mình là nạn nhân lúc nào cũng dễ dàng hơn chấp nhận thất bại mà."

Shelby ngồi dậy. "Vậy điều gì khiến em cảm thấy một người đàn ông vô cùng cuốn hút khi đứng giữa đám đông? Còn cảm giác sét đánh giữa em và cậu ta thì sao? Cảm giác quyến luyến mãnh liệt chỉ sau lần đầu gặp gỡ như thế nào?"

“Vì yêu,” Meredith đáp lại. “Tình yêu là lý do. Không phải số mệnh.” Cô nhớ đến chuyện Lia, chuyện cô đã hiện thân nơi khoảng trống trong rừng. “Cũng có những điều chị không thể giải thích. Ví dụ như người đàn ông đỡ một viên đạn cho vợ mình, bất chấp bản năng cầu sinh nguyên thủy. Hoặc chuyện cô bé bí mật viết trong nhật ký một câu mà chỉ người yêu cô đích thực sẽ nói, và khi hai người gặp nhau, tay trong tay, anh ta đã nói đúng lời ấy.”

“Chuyện đó xảy ra rồi sao?”

“Ô, chưa đâu,” Meredith đáp. “Nhưng em vẫn chưa hoàn toàn từ bỏ hết hy vọng đâu. Vấn đề là nếu tình yêu xuất hiện, đó là vì em đi tìm và gặp được anh ta. Không phải vì số mệnh sắp đặt.”

“Vì sao hử, Meredith! Em đúng là khô khan mà.” Chuông cửa reo lên dưới lầu. Shelby nhảy xuống giường, xỏ chân vào 2 chiếc giày khác nhau và hỏi. “Đôi nào đẹp hơn, giày bệt hay giày cao gót?”

“Nếu là số mệnh,” Meredith bông đùa, “thì chẳng khác gì nhau hết.”

Shelby cười toe toét, xỏ chân vào đôi cao gót. Sau khi nhìn lại mình trong gương một lần cuối, cô hối hả xuống lầu mở cửa. Meredith bước theo sau.

Eli đứng đó, trên tay là một cành hoa hồng phấn, cạnh đó là một nụ nhỏ hơn chìa ra, giống như hai mẹ con. Anh đang mặc một bộ

vest xám đậm, bên trong là áo trắng ủi thẳng tắp kèm cà vạt màu trái nam việt quất. “Này,” Shelby trêu ghẹo, “bảnh bao quá chừng.”

“Em... em trông...” Eli lắc đầu. “Anh học thuộc một đống từ nhưng chẳng nhớ được gì hết.”

“Tác dụng của dopamine ấy mà,” Shelby an ủi.

“Rạng rõ?” Meredith gợi ý. “Lặng lấy? Hớp hồn?”

“Không phải,” Eli cuối cùng cũng đáp được. “Thuộc về anh.”

Az nhấp một ngụm rượu whisky Ross vừa mang đến mỏ đá. Hai người ngồi trên ghế xếp Az chôm được từ kho chứa vật dụng, vừa uống rượu vừa ngắm nhìn bầu trời như cái vạc bị lật nghiêng, khiến những vì sao tung tóe khắp nền trời. “Cậu có biết tôi đúng ra phải bảo cậu rời khỏi đây không,” ông càu nhau.

“Cứ nói đi.”

“Đi đi,” Az bảo.

“Ông biết tôi sẽ không rời đi mà,” Ross nói.

Az nhún vai. “Trong mỏ đá có thuốc nổ. Ngòi nổ được gài khắp mọi nơi. Máy tính sẽ lập trình cho nổ ngay bình minh sáng mai. Ông liếc mắt sang Ross và cất lời cảnh cáo: “Đừng làm gì ngu xuẩn nghe chưa?”

“Ngo xuǎn,” Ross cứ lặp đi lặp lại. “Ngo xuǎn à. Thế nào mới gọi là ngo xuǎn? Theo đuối không chỉ một mà đến hai người phụ nữ không còn trên cõi đời này có gọi là ngo xuǎn không?”

“Này,” Az giơ tay chỉ vào chai rượu, “đưa chai rượu qua đây.”

Ross tung chai rượu sang cho Az, sau đó chứng kiến Az thảy chai rượu vào trong mỏ đá khiến nó vỡ tan tành. “Ông làm cái quái gì thế?”

“Muốn tốt cho cậu thôi.” Az chậm rãi đứng dậy, cắp ghế xếp vào nách. “Giúp tôi trông chừng chỗ này vài phút được không?”

“Ông đi đâu đấy?”

“Hút thuốc,” Az đáp.

Ross lặng nhìn ông men theo mỏ đá đi xa dần. “Ông đâu có hút thuốc!” Ross gào lên nhưng ông già không nghe thấy, hoặc chẳng buồn nghe. Anh đứng dậy, đút tay vào hai túi quần và dõi mắt nhìn xuống đám thủy tinh vỡ vụn từ chai rượu hiệu Bushmill. Từng mảnh thủy tinh sáng lấp lánh. “Khi thật,” Ross chửi thề, giơ chân đá một hòn sỏi bay vèo xuống vực sâu. Cảm giác thích thú, anh lại đá thêm một hòn sỏi nữa. Anh ngoái nhìn ra sau nhưng chẳng thấy bóng dáng Az đâu. Anh đốt một điếu thuốc, thảy nó xuống mỏ đá. Điếu thuốc hạ cánh cách bọc thuốc nổ chưa đầy gang tay rồi tắt ngấm.

Anh mệt mỏi với chuyện bắt đầu lại một cuộc đời mới vì cuộc sống trước kia chẳng có gì vui thú. Giống như Lia, anh cũng bị quá khứ trói buộc. Khi Aimee ra đi, lòng anh cũng chết theo. Rồi khi anh tìm lại một người cho anh hy vọng sống, hóa ra cô ấy đã qua đời cách đây bảy mươi năm.

Anh tưởng tượng điều thuốc ấy rơi xuống đúng nơi đặt thuốc nổ, gây ra một âm thanh điếc tai làm rung chuyển mặt đất, đẩy anh ngã xuống mỏ đá. Anh hình dung thân thể mình bị cắn nuốt bởi ngọn lửa. Từng ánh lửa liếm vào áo quần, khiến nỗi đau rợn rụng theo. Vì sao lại là mình? Vì sao mình lại gắn bó với với không chỉ một mà đến hai người phụ nữ đã chết? Anh có phải là sợi dây gắn kết siêu nhiên hay không? Hay là một con tốt thí của vũ trụ? Một tia chớp thu hút những linh hồn lạc lối? Cũng có thể anh đang chịu trừng phạt. Khi Aimee qua đời, Ross được tung hô như một anh hùng, nhưng bản thân anh biết rõ mình hoàn toàn đối lập với hình tượng đó.

Hồi còn bé, anh rất thích đọc truyện tranh. Anh không ngừng kinh ngạc về sức mạnh và lòng dũng cảm được thể hiện qua từng trang giấy thăng thót như lề đường. Chỉ cần những siêu anh hùng xuất hiện trên trang truyện, anh đã cảm thấy họ đang hướng đến sự vĩ đại. Anh kể với Meredith mình là kẻ bất tử, nhưng anh

không phải là Siêu Nhân, lại càng không phải là Captain Marvel. Anh thậm chí còn chẳng có chút gì may mắn. Người ta thì gặp được cô gái trong mơ, trúng thưởng vé số cào, nhặt được tờ mười đô la trên phố. Vận xui cũng phải chấm dứt, tiếp theo đó là những chọn lựa sai lầm, nhưng với anh hai điều đó chẳng khác gì. Anh không thể tiếp tục một cuộc đời vô nghĩa, và cũng không có cách nào cứu được một người đáng được sống.

Ross trèo lên hàng rào an toàn. Anh đứng tay chống nạnh, chân mở rộng giống hệt hình ảnh chúa cứu thế hoặc tội phạm bị xử bắn, mà cũng có thể là cả hai. Từng hơi thở khó nhọc như nuốt phải mảnh chai; từng bước chân như bước trên bàn đinh. Nhảy đi, anh thầm nghĩ, rồi mọi thứ sẽ được bắt đầu lại.

Anh trượt chân nhưng lập tức lấy lại thăng bằng, bật cười vì sự cảnh giác của mình. Anh cẩn thận như chú hề trong rạp xiếc giữ cái ghế thăng bằng trên mũi – vì sao một thứ cổng kềnh và nặng nề như thế lại thăng nổi trọng lực nhỉ.

Khẽ cúi người ra phía trước, Ross lấy lại thăng bằng để khỏi ngã nhào qua hàng rào. Nhưng cái mũ bóng chày in chữ *Đêm Rùng Rợn* xoay tròn rồi hạ cánh ngay trên khối thuốc nổ.

Trên sàn diễn, chú hề có thể làm rót cái ghế, nhưng anh ta sẽ giơ tay chụp được trước khi nó

rót xuống vỡ tan. Dù sao anh ta cũng phải diễn đi diễn lại một màn hết đêm này qua đêm khác. Ross lùi xa khỏi hàng rào, lách thêch quay về nhà.

Rod van Vleet vừa đốt sạch lương cuối cùng tại quán bar duy nhất ở Comtosook. Đây là nơi duy nhất đón chào anh sau vụ việc quy hoạch mảnh đất gây ra biết bao xáo trộn. Oliver Redhook đã đích thân gọi điện thông báo anh bị đuổi việc rồi yêu cầu trả điện thoại và xe ô tô về tổng công ty ngay thứ Hai. “Tôi có thể phái một con khỉ đã qua huấn luyện đến Vermont,” Redhook gào lên trong điện thoại, “gửi anh đi đúng là một sai lầm chết người.”

Thực tế éo le đến mức anh pha rượu lại là một trong những gã thô dân đánh trống ngay trước xe kéo của công ty anh suốt ba tuần liền. Để ăn mừng thắng lợi, anh ta vui vẻ mời Rod ba chầu rượu rồi mới tính tiền vào những lượt tiếp theo. Đến ly thứ tám, đầu óc anh chẳng còn tỉnh táo để nhắc nổi ly rượu. Cái ly trơn nhẵn trông tí hon đến mức anh tính hỏi mượn anh chàng pha chế rượu một cái kính lúp để nhìn cho rõ.

“Thêm một ly,” anh lè nhẹ mà còn nghe không rõ giọng mình.

Anh chàng pha rượu lắc đầu. “Không được, ngài van Vleet. Trừ khi ngài tự gọi taxi đi.”

“Taxi là tôi chứ còn ai nữa,” Rod càm ràm.

Anh pha rượu liếc mắt nhìn người phụ nữ ngồi cạnh Rod. Cô ta có mái tóc dài đen tuyền, vai u thịt bắp như hậu vệ chơi bóng bầu dục. Nhìn kỹ lại, hóa ra đó là đàn ông. Rod nốc cạn ly rượu. “Thôi vậy,” anh lè nhẹ. “Tôi tự xác đến Burlington kiểm một bữa tiệc thâu đêm nào đó là được.”

“Làm vậy đi,” anh pha rượu đáp. “Nhưng coi chừng đâm xe vào đâu đấy.”

Rod thò tay vào túi quần, móc ra một chùm chìa khóa. Anh ta loạng choạng rồi ngã dụi vào quầy bar bóng loáng. “Đáng đời chúng mày.”

Ánh đèn xe cảnh sát lóe lên kính chắn gió, hắt một luồng sáng xanh nhạt lên da Shelby. Không cảm thấy lạnh nhưng cô vẫn rùng mình quấn chặt áo khoác Eli quanh người. Eli chu đáo đậu xe ở một góc khuất để Shelby khỏi nhìn thấy cảnh tượng đổ nát kèm cái xác nằm trên đường, nhưng cô vẫn quay đầu lại cố nhìn hiện trường tai nạn.

“Anh xin lỗi,” anh áy náy nói với cô ngay khi nghe thấy tiếng bộ đàm vang lên trên đường đến nhà hàng. “Anh phải ghé qua một lát.”

Shelby hoàn toàn thông cảm, vậy nên lúc này mới có cảnh cô bước xuống xe, giày cao gót lộc cộc dọc lề đường ẩm ướt. Bên ngoài không gian ấm cúng trong xe là một mớ âm thanh hỗn độn,

từ tiếng còi xe cứu thương đến tiếng la ó của cảnh sát và tiếng máy ảnh tanh tách chụp lại hiện trường. Cô tiến lại gần, có phần tin chắc sẽ nhìn thấy Ross.

Cô không có mặt tại hiện trường tai nạn nơi Aimee qua đời, nhưng cô thấy những vụ sau này, khi xe Ross lật nhào, bác sĩ cấp cứu phải cố định nó vào cáng cứu thương giống y hệt cái cáng đặt bên kia lề đường.

Lúc điện thoại gọi đến báo tin về Ross, cô đang cho Ethan bú sữa. Cô suýt tí nữa thì mặc kệ tiếng chuông vì không tài nào vừa loay hoay ôm đứa con đang buồn ngủ vừa trả lời điện thoại. Đến giờ cô vẫn không nhớ nổi nhân viên cảnh sát gọi điện báo tin là đàn ông hay phụ nữ. Chỉ có vài từ sót lại trong trí nhớ, chúng bám chặt như xi măng trong ký ức cô, thỉnh thoảng lại sống dậy: Ross, tai nạn, nghiêm trọng, người đi cùng, tử vong.

Thời gian ngừng lại, Ethan vùng vẫy lăn từ đùi cô xuống đám gối đặt trên ghế sofa. Shelby cố gắng tưởng tượng hình ảnh Ross máu be bét nhưng trong đầu cô chỉ thấy hình ảnh cậu học sinh lớp năm gầy gò với ánh mắt phun lửa muốn đến đập gã ngôi sao bóng bầu dục học lớp mười một một trận nhừ tử vì đã khiến trái tim Shelby tan nát.

Lúc này, cô đẩy hai người cảnh sát qua một bên

để nhìn cho kỹ hơn. Áo quần rách nát, khuôn mặt trầy xước nhưng Shelby vẫn nhận ra được diện mạo của gã doanh nhân muốn quy hoạch mảnh đất nhà Pike.

Một cánh tay túm lấy khuỷu tay Shelby và kéo cô lùi lại phía sau. Eli trừng mắt giận dữ nhìn cô. “Em đang làm gì ở đây vậy?”

“Em... em phải xem.”

“Không ai muốn xem cảnh tượng này hết. Rod van Vleet gây tai nạn xe. Chẳng biết là chiếc xe bốc cháy vì va chạm hay vì hơi cồn toát ra từ tài xế nữa.”

“Anh ta không sao chứ?”

“Tất nhiên, nhưng anh ta bị vài chấn thương và bỏng da,” Eli kéo cô quay lại xe trước khi cô kịp hoàn hồn. Anh mở cửa, nhét cô vào trong xe và ra lệnh. “Ngồi trong này.”

“Em không phải Watson.”

Ánh mắt anh thoảng trở nên dịu dàng. “Anh biết mà. Watson quen nghe lời. Em thì không.”

Đúng lúc Eli quay lại để hoàn thành công việc phải làm, Shelby buột miệng gọi tên anh. Anh lập tức quay lại. Shelby không hiểu vì sao cô cảm thấy cần nói với Eli những suy nghĩ trong đầu. Rốt cuộc cô cũng lên tiếng, “Ross suýt chết trong một vụ tai nạn xe.”

Eli xoay người về phía đống đổ nát vẫn nghĩ ngút khói. “Suýt chết thì tính làm gì.”

Ethan trộm được máy đo EMF từ phòng ngủ Ross. Sau một hồi cân nhắc, cậu bé chọn cho mình cái áo thun ngắn tay – vốn chỉ được phép mặc trong nhà. Một tiếng gõ nhẹ lên cửa thông báo Lucy đã sẵn sàng. Cô bé rón rén bước vào phòng, ánh mắt mở tròn vì lo lắng khiến Ethan bật cười. “Chúng ta chưa ra khỏi nhà mà. Bình tĩnh đi.”

“Ồ hen.” Lucy hồn hển thì thào, “Tình huống xấu nhất thì chuyện gì sẽ xảy ra?”

Với Lucy, tình huống xấu nhất là khi cô bé trở nên hoảng loạn. Chú Ross từng bảo ma không làm hại người. Với Ethan, tình huống xấu nhất, ờ thì còn tồi tệ hơn tưởng tượng của Lucy nhiều. Ethan từng kể với Lucy rằng mình sẽ bệnh nếu ở ngoài trời nắng, nhưng cậu bé chưa bao giờ nhắc đến cái giá phải trả – ung thư da, vết thương hở, tử vong. Nếu biết, cô bé sẽ chẳng bao giờ đồng ý với kế hoạch này. Nhưng Ethan suy nghĩ kỹ lắm rồi, nếu phải chết trẻ, cậu bé muốn được tự do làm việc mình thích. Cậu không muốn ở trong một phòng bệnh Nhi với mấy con khủng long màu tím ngu ngốc được vẽ trên tường để đánh lừa con nít.

Biết đâu giữ vững hy vọng sẽ thay đổi số phận

– biết đâu ký ức bằng máu giữa cậu và Lucy đêm qua sẽ làm Lucy dũng cảm hơn và cậu sẽ mạnh mẽ hơn. “Được rồi,” Ethan giặt máy đo EMF vào lưng quần rồi mở cửa sổ phòng mình ra. “Chúng ta sẽ trượt dọc cột chống xuống mái hiên rồi nhảy xuống.”

“Phải dùng cách này sao?”

“Ngoài cách này thì chỉ còn cách bước qua chỗ mẹ em ngồi trong phòng khách thôi.” Cậu nhóc vừa nói vừa đặt một chân lên bậc cửa sổ. “Anh đi trước.”

“Chờ đã.”

Ethan quay đầu lại. “Lucy. Chúng ta đã thảo luận rồi, nhớ không? Từ khi sinh ra em đã nhát như gà nhép, anh thì mang căn bệnh quái gở. Vậy thì sao? Chỉ có những kẻ thất bại mới không chịu thay đổi thôi.”

“Nhưng nếu đây chính là số phận của chúng ta, nên chúng ta sinh ra phải như vậy thì sao?”

“Vớ vẩn,” Ethan phản bác. “Anh nói cho em nghe – Lúc phân chia gene tốt, Chúa ra ngoài uống cà phê, để một thằng ngu thế chỗ nén mới xảy ra chuyện này.” Cậu bé nhìn chằm chằm vào Lucy. “Nếu người ta không thể thay đổi thì trưởng thành có ích gì?”

Cô bé gật gù tán thành. “Chính xác là chúng ta sẽ đi đâu?”

“Đến nơi duy nhất mà chúng ta vừa gặp được ma vừa ngắm mặt trời mọc ở Comtosook,” Ethan đáp. “Tin anh đi.” Cậu bé giơ cánh tay trắng như sữa ra, lảng lặng chờ đến khi Lucy đặt tay mình vào đó rồi nắm chặt. Sau đó hai đứa bé vội vàng leo qua cửa sổ, tiến vào bóng đêm với quyết tâm không muốn trở thành kẻ thất bại.

Bên bờ hồ Champlain, Az Thompson nhớ lại lúc con gái Lia đến đây cùng một nhân viên xã hội, và ông đã dạy cô vài từ bằng tiếng thổ dân. Lúc ấy, ông sợ đến mức chẳng dám thú nhận mình là ai hay mình biết con bé. Thay vào đó, ông dạy cô những câu bằng tiếng Abenaki; khiến cô nuốt chung vào bụng, để chúng mọc rễ bên trong, đâm chồi nảy lộc thành khu vườn nhỏ bé bao bọc đứa cháu cô đang mang.

Lời nói dù vô hình và mỏng manh thế nào vẫn luôn ẩn chứa sức mạnh vĩ đại. Lời nói có thể vững chắc như pháo đài và sắc bén như kim loại. Chúng có thể cắn, tát, khiến người ta hoảng loạn và để lại thương tích. Nhưng khác với văn bản, chúng chẳng giúp gì được. Không có lời hứa nào từng cứu sống mạng người; hoàn thành lời hứa chỉ có tác dụng cứu rỗi linh hồn.

Đối với Az, chân lý đó hóa ra không hề sai. Sau tất cả, tất cả những gì còn lại là những câu đã viết

và những lời đã nói. Ông nhìn xuống thùng đựng tất cả tài liệu, gác phả đặt bên bờ sông ngay tại nơi ông thường đặt cái xô đựng cá. Lén vào tầng hầm khu hành chính rồi lấy đám tư liệu còn lại về dự án ưu sinh bang Vermont chẳng có gì là khó vì không ai buôn khóa cửa sổ dưới hầm.

Az biết cách duy nhất khiến lời nói mất đi hiệu lực là phải xóa bỏ chúng. Dĩ nhiên những gì đã phát ra không thể nào rút lại được, nhưng người ta có thể ngăn không cho người khác bàn tán, nghe ngóng và đào sâu những điều ấy. Ông cầm cuộn băng dính mua từ cửa hàng Gas & Grocery, tách một đầu băng dính rồi dán lên áo ngay dưới tay mình. Nhắc chồng hồ sơ chi tiết của Spencer Pike lên, ông ôm lên ngực, quấn băng dính một vòng để cố định lên người.

Trong lúc quấn toàn bộ tài liệu và sơ đồ gác phả quanh thân thể gây guộc, Az nhớ đến con gái mình: ánh mắt cô sáng lên khi thấy ông đang đến, động tác dùng tay ôm lấy bụng bầu, dáng cô đứng ngoài khu cắm trại của dân Gypsy như cành phong lan giữa cánh đồng hoa cúc dại. Dĩ nhiên muốn trồng phong lan trên đất ấy thì vẫn được, chỉ cần có ai đó chịu bỏ thời gian và khao khát được nhìn thấy nhành lan ấy sống sót.

Tâm trí ông lại trôi dạt xa hơn, quay về khoảnh khắc nhìn thấy Lily xinh đẹp của lòng mình vào

buổi chiều đầu tiên khi ông đến làm thuê cho cha cô. Ông từ cánh đồng quay về để lấy thêm giỏ đựng quả và nhìn thấy cô với mái tóc bạch kim và làn da trắng muốt đang khiêu vũ dưới hiên nhà theo điệu hát khe khẽ. Cô giơ tay như đang ôm một người bạn nhảy trong tưởng tượng, nhảy một điệu van-xơ. Cô không hề nhận ra có người đang nhìn, và chỉ cần có vậy đã đủ hớp hồn Az. Az thầm nghĩ cô ấy cần một người bạn nhảy, và thế là câu chuyện bắt đầu.

Ông tự hỏi Meredith đã bàn bạc với Winks về mảnh đất hay chưa. Ông băn khoăn không biết cô có quay lại Comtosook như đã hứa. Ông không thân thiết đến mức thấu hiểu được cô. Thỉnh thoảng những lúc sắp đi vào giấc ngủ, ông lại nhầm cô thành Lia. Hai người giống nhau, nhưng còn hơn thế nữa. Az không thể nói thay lời con gái, nhưng ông nghĩ Lia chắc sẽ tự hào lắm.

Lúc dán xong tập tài liệu cuối cùng lên người, cuộn băng dính cũng vừa hết. Az bước xuống hồ nước. Đã giữa tháng Tám mà nước vẫn lạnh buốt, khiến mắt cá chân ông té cứng. Ông cảm thấy mờ tài liệu quần quanh hông bắt đầu thấm nước. Giấy là bọt biển hút nước, neo giữ ông dưới đáy hồ đầy bùn.

Az hít một hơi thật sâu trước khi lặn xuống. Ông bước dọc đáy hồ, chân đá phải mấy con ốc,

đá sỏi và kho báu bị lãng quên. Để mặc bong bóng thoát ra khỏi phổi, ông nằm ngửa ra, chìm nghỉm vì sức nặng của quá khứ buộc quanh người, lặng lẽ chờ đợi bình minh đến.

“Anh xin lỗi.” Eli nói với Shelby lần thứ ba mươi, khi anh mở cửa nhà và chú chó Watson nhảy ra mừng.

“Không phải lỗi của anh mà.”

Sau vụ tai nạn xe kia, hai người không chỉ lỡ mất giờ hẹn đặt bàn mà còn lỡ luôn giờ nhà hàng mở cửa. Bây giờ là 2 giờ sáng, đến McDonalds còn không mở cửa để hai người kiếm gì lấp bụng. Eli quăng chìa khóa vào cái tô trên kệ bếp đựng ba trái chuối héo queo. “Mình đúng là đối tượng hẹn hò dở tệ,” Eli lẩm bẩm lúc mở tủ lạnh. “Anh còn chẳng có gì để nấu cho em. Trừ khi em muốn ăn bánh mì trét mù tạt.” Anh săm soi ổ bánh mì cũ. “Có thể làm món nấm penicillin và mù tạt này.”

Đột nhiên Shelby vòng tay ôm chầm lấy anh từ phía sau. “Eli,” cô thỏ thẻ, “em thậm chí còn không thấy đó.”

“Không đói sao?” Anh giật mình quay lại đối mặt với cô.

Cô tháo lỏng cà vạt của anh rồi nhắc chân ra khỏi đôi giày cao gót. Lúc đi chân trần, cô trông

thật bé nhỏ và mỏng manh đến mức khiến Eli liên tưởng đến bông tuyêt chớp mắt một cái là vụt tan biến. “Không,” cô đáp, “nhưng em thấy hơi nóng.”

Eli thầm nghĩ, em đang ám chỉ với anh sao. Shelby quay lưng lại, nhắc tóc lên và bảo. “Kéo khóa váy giúp em đi.”

Anh đưa tay kéo dây kéo xuống, mỗi răng cưa mở ra là một lần Eli cảm giác tâm trí mình run rẩy. Làn da Shelby chính là thứ trắng nhất, mịn màng nhất mà Eli từng thấy. Kéo xuống dưới thêm tí nữa thì móc khóa áo ngực hiện ra trước mắt anh.

Anh lùi ra xa. Đàn ông chỉ nhịn được đến thế này thôi. “Có lẽ, à ừ, em nên tìm áo quần gì đó để thay ra,” anh đề nghị.

“Ô, khi thật,” Shelby thản nhiên đáp lại. “Em chẳng mang theo áo quần gì hết.” Cô với tay ra sau, kéo nốt dây kéo xuống, mặc cho váy đầm trượt xuống đất. Trước mặt anh là cảnh tượng da thịt ẩn hiện dưới vải ren hết sức mê hồn. Cô quay lại mỉm cười rồi bước lên lầu, Watson lập tức theo gót.

Eli chẳng cần nghĩ gì thêm. Anh tháo bộ đàm và điện thoại ra khỏi thắt lưng, tắt máy, sau đó gác ống nghe chêch ra khỏi điện thoại cố định. Làm vậy là trái với quy định của cục cảnh sát, nhưng vụ khi nãy đủ cho đêm nay rồi. Và thú thật, anh chẳng thèm quan tâm nếu thế giới sắp bị hủy

diệt, miễn là anh đang cùng Shelby lúc chuyện đó xảy ra.

Lúc đọc xong hết tất cả tạp chí quảng cáo được gửi đến nhà Shelby suốt tháng này, Meredith nhận ra có gì đó hết sức khác thường – đó là cô vừa yên ổn đọc hết chỗ tạp chí đó. Con gái cô vẫn thường tranh thủ những lúc Meredith rảnh rỗi ngồi một mình để hỏi những điều mình thắc mắc, ví dụ như vì sao môi có màu hồng, vì sao hai mẹ con không được phép nuôi chó. Vậy mà tối nay Lucy chẳng hề quấn quýt lấy cô. Ethan cũng không. Theo như lý luận toán học, một căn nhà có hai đứa nhóc dưới mười tuổi lẽ ra phải ấm ỉ hơn gấp hai lần mới phải.

Cô đặt tờ tạp chí Đồ gốm Barn xuống, cất tiếng gọi với lên lầu. Không có tiếng trả lời, nhưng bọn trẻ chắc đang đóng cửa chơi điện tử. Meredith bước lên lầu và lắc lắc tay đầm cửa bị khóa trái. “Ethan,” cô gọi to. “Hai đứa đang làm gì trong đó?”

Vẫn không có tiếng trả lời, cô bắt đầu cảm thấy căng thẳng. Cô lấy một cái móc áo làm bằng dây kẽm từ tủ quần áo, bẻ thẳng và chọc vào ổ khóa. Ở khóa bật mở, Meredith bước vào phòng ngủ của Ethan và nhìn thấy một cái chuồng heo đặc trưng của đứa con trai lộn xộn – chẳng có gì mất tích, ngoại trừ hai đứa nhóc.

Cửa sổ mở toang.

Cô chạy vội xuống lầu, tìm danh sách số điện thoại khẩn cấp đặt bên điện thoại. Khi nãy cô mới nói với Shelby rằng cô sẽ chẳng bao giờ cần đến chúng đâu.

Lúc Ross bước vào bếp, Meredith quăng điện thoại cái rầm, quay mặt lại, nước mắt đầm đìa. “Nhà hàng đóng cửa, còn bộ đàm và điện thoại của Eli đều tắt hết. Lê ra anh ta phải mở điện thoại chứ. Cục cảnh sát còn chẳng thèm cung cấp thông tin gì mặc dù số điện thoại của Eli có phải bảo mật đâu...”

Vẻ đờ đẫn trên mặt Ross lập tức biến mất. “Có chuyện gì?”

“Bạn trẻ,” Meredith đáp. “Hai đứa đều mất tích.”

“Bao lâu rồi?”

“Em không biết. Em không biết nữa. Em vừa lên lầu nhưng không thấy hai đứa.”

“Em cũng không liên lạc được với Shelby và Eli à?”

Cô lắc đầu.

“Được rồi. Để anh đi tìm hai đứa.”

“Anh không tìm được đâu. Anh đâu biết bọn nó đi đâu.”

"Anh biết. Ở yên đây, phòng khi hai đứa gọi điện hoặc Shelby về nhà." Nhưng vừa bước ra khỏi cửa, Ross biết chắc Meredith sẽ theo sau anh.

Ai mà biết có bao nhiêu sắc thái của màu đen? Đứng dưới bầu trời không có ánh trăng chẳng khác gì giấu mình dưới chăn. Mũi giày sneaker của Lucy vừa chạm đến rìa mỏ đá trông như một vòng tròn khổng lồ trống rỗng. Một bước, một sai lầm là sẽ rơi xuống. Lucy phải nheo mắt lại mới thấy Ethan vừa thả tay ra khỏi lan can an toàn và biến mất ngay trước mắt mình.

Hơi thở cô bé như đong đạc lại thành khói chẵn ngang họng. Cô bé muốn hét lên, nhưng Ethan sẽ nghĩ gì nếu biết cô bé không chỉ sợ ma, mà còn sợ phải đến gặp ma? Sau đó cái đầu cậu nhóc ló lên cạnh mắt cá chân Lucy. "Em đợi được mời sao?" Ethan càu nhau. Lúc này Lucy mới nhận ra Ethan đang bám chặt vào cái thang dẫn xuống mỏ.

Ethan kể ở đây có ma, là hồn ma của tay quản đốc mỏ bị gã điên nào giết chết. Cậu bé cam đoan chắc chắn sẽ nhìn thấy ma. Cậu bé còn nói với Lucy hai đứa có thể phải né tránh một người gác đêm nhưng đường như chỉ có hai đứa ở đây. Có lẽ đây là điềm may mắn, có lẽ chuyện này nghĩa là hai đứa ở đây không có gì sai trái. Lucy bắt đầu lóng ngóng leo xuống thang. Những cột đá khổng

lồ vây quanh cô bé, như biết chuyển động trong bóng tối. Gót giày sneaker trượt một phát, khiến Lucy té xuống một ụ đá sỏi. “Em có sao không?” Ethan hét lên. Cậu bé chắc có quay lại nhìn, nhưng trời tối đến mức không nhìn thấy Ethan.

Lucy nhận ra từ trước tới giờ hắn Ethan luôn sống trong bóng tối thế này.

Hai đứa bò qua mấy kẽ đá hẹp đến mức Lucy phải nín thở, leo lên những cột đá nơi chỉ có chỗ đặt chân bằng hy vọng; trèo xuống rồi leo lên những phiến đá cheo leo. Hai đứa đứng thăng bằng trên mấy hòn đá nhọn chồng chéo như do người khổng lồ sắp xếp. Thỉnh thoảng hai đứa mất thăng bằng, khiến một đám đá gra-nít rơi xuống ầm ầm, bụi tung lên mù mịt. “Em không sao chứ?” giọng Ethan khẽ bay vào tai cô bé, và hai đứa vẫn tiếp tục tiến lên phía trước.

Tay chân Lucy liên tục bị trầy xước, cô bé bị một vết cắt sâu đến mức không dám xem thử. Cô đụng trúng lưng Ethan và nhận ra hai đứa đã leo qua phía bên kia mỏ đá. “Chúng ta sẽ chờ ở đây,” Ethan ra lệnh, chỉ tay lên hai phiến đá granite nghiêng ngả chênh vênh tựa vào nhau thành hang đá hình chữ A.

Ethan leo lên trước dẫn đường. Sau đó Lucy nắm tay Ethan để cậu bé kéo cô lên, nhưng mấy ngón tay bụi bặm trơn trượt tuột khỏi nhau, khiến

Lucy lại té xuống. “Này, Lucy, em có sao không?” Ethan gào lên.

Nước mắt dâng lên, nhưng cô bé gượng đứng dây. “Vâng,” cô bé đáp rồi cẩn thận leo lên vách đá, cố gắng đặt chân thật vững vào kẽ đá rồi mới thả tay leo tiếp lên trên. Lên được hang đá, cô bé thả mình nằm sõng soài, nhắm mắt lại trong khi Ethan lắp đặt thiết bị săn ma. Lúc lấy lại được hơi thở, cô bé ngồi dậy, bật đèn pin quét qua khoảng cách hai đứa vừa vượt qua.

Lucy trợn tròn mắt khi nhìn về mẩy cột đá cao chót vót, vách đá lởm chởm và khoảng cách xa típ tắp. Cái thang leo xuống mỏ cách xa đến mức Lucy tưởng tượng hai đứa bắt đầu cuộc hành trình từ lâu lắm rồi.

Cô bé bắt đầu trở nên dũng cảm hơn mình tưởng rồi.

“Giờ chúng ta phải làm sao?” Lucy thắc mắc.

“Không làm gì cả. Giờ là lúc phải chờ đợi.” Hai đứa ngồi xuống, vai kề vai, run lấy bẩy không chỉ vì lạnh mà còn vì nhận ra mình đã làm gì. “Em có biết ngồi sao là gì không?” Ethan mở lời sau một hồi yên lặng nhưng Lucy chỉ lắc đầu. “Chính là một vụ nổ xảy ra khoảng chừng hàng trăm năm trước đây, nhưng chúng ta chỉ thấy được nó bây giờ.”

“Vì sao vậy?”

“Vì ánh sáng phải mất từng ấy thời gian mới đến đây.”

Lucy thầm nghĩ, có lẽ ma cũng giống như vậy. Có lẽ cảm giác đau buồn chuyển động bằng tốc độ khác với cuộc sống thực, nên ma mới xuất hiện sau khi qua đời nhiều năm. Cô bé nheo mắt nhìn lên bầu trời tìm một ánh sao. Khi vụ nổ xảy ra ắt phải ôn ào, chói chang và kinh khủng lắm. Nhưng ngôi sao cô bé thấy được lúc này quả là rất xinh đẹp.

Có lẽ mọi thứ đều tốt đẹp hơn nếu nhìn từ xa.

Trước khi cái máy trong tay Ethan bắt đầu kêu lên bíp bíp, Lucy biết cái gì đó đang tiến lại gần. Cô bé cảm nhận được áp lực không khí ép lên da, nghe thấy tiếng vọng trống rỗng vang lên trong tai. Lông tay dựng đứng và bụng cô bé trở nên nhộn nhạo. Ethan thì thào, “Có phải chỉ mình anh thấy vậy, hay là nhiệt độ đột nhiên lạnh hơn hẳn nhỉ?”

Cái máy bắt đầu réo lên inh ỏi. “Lucy,” Ethan thì thầm. “Đứng dậy đi.”

Cô bé đứng dậy, bước ra khỏi hang đá và thầm nhủ, *Mày không dọa được tao đâu.*

Ethan kể với Lucy rằng hồn ma không thể hiện hình nếu không có năng lượng. Nỗi sợ là một dạng năng lượng có thể gói cuộn lại như trái bóng. Lucy triệu hồi tất cả nỗi sợ giấu dưới chăn

và sau lớp áo quần cất trong tủ. Cô bé nhớ đến những cơn khủng hoảng khi con ma lao thẳng vào mặt mình. Cô bé khép hờ mắt, tập trung tâm trí. Một lúc sau, khi hé mắt ra nhìn, cô thấy một người đàn ông bước về phía mình.

Đó là một thân ảnh đàn ông, nhưng không phải là người thật. Ông ta trong suốt giống như người phụ nữ vẫn vào phòng ngủ Lucy. Cô bé nhìn thấy vách đá lởm chởm hiện lên sau vai và cột sống của người đó. Ông ta ăn mặc rất kỳ quặc, với váy kẻ sọc nhìn y chang cái chăn cũ và quần dài không có chỗ đeo thắt lưng, phía trên là áo vest phối với đồng hồ bỏ túi bằng vàng sáng lấp lánh. Ông ta có bộ ria mép vền giống như ông chủ rạp xiếc, còn mái tóc ép sát vào đầu. Trong đầu Lucy vang lên tiếng ông ta ra lệnh, *Đi làm việc mau*.

Lucy cảm nhận đầu gối va vào nhau lập cập. Cô thầm đáp lại ông ta, *Cút đi*.

Ngạc nhiên thay, con ma làm đúng như lời cô bé ra lệnh. Ông ta tiến về phía trước hai bước, lao thẳng qua người Lucy, khiến xương và máu cô bé đông cứng như đá, rồi biến mất.

Lucy mỉm cười. Cô bé còn cười một lúc rồi nhìn xung quanh, nhưng không còn ai ám mỏ đá này nữa. Cảm giác nhộn nhạo trong bụng cũng biến mất theo. Chạy vào trong hang đá, cô bé ngồi xuống cạnh Ethan và bắt gặp cậu ta đang

đập cái máy đo EMF vào phiến đá granite. “Cái này đúng là hàng dởm,” Ethan càu nhau.

Lucy nhìn chằm chằm vào Ethan. “Anh không thấy gì sao?”

“Không, báo động sai đấy.” Cậu bé ngược lên thắc mắc. “Sao vậy? Em nhìn thấy rồi sao?”

“Đúng vậy,” Lucy đáp với vẻ chưa hết ngạc nhiên và ngồi xuống kể lại mọi chuyện với Ethan.

Shelby có vô số từ dành cho dịp này: Trơn mượt, khoái lạc, tận hứng, rực rỡ. Cô tưởng tượng trên trần nhà sơn đầy từ ngữ. Nhưng khi bàn tay Eli vuốt ve khắp cơ thể cô, khi móng tay cô cắm vào lưng anh, kéo anh lại gần hơn, Shelby nhận ra mình không tài nào tiếp tục suy nghĩ.

Cơ thể anh thon dài, săn chắc, từng đụng chạm dịu dàng như lời hứa anh thì thầm. Cô thả mình theo sự dẫn dắt của anh vì cô nhận ra mình đã quên phải làm gì và làm thế nào mới đúng. Khi tay chân hai người đan vào nhau, Shelby còn không nhớ nổi mình đã từng hoài nghi tình yêu.

Anh hôn từ mắt cá chân lên bắp chân, đâu gối, đùi, đến khi cô run rẩy không ngừng. Lúc anh dừng lại rồi hôn sâu, cô rướn người sát vào anh, nhắm mắt lại tận hưởng viễn cảnh vàng son, ngọc lục bảo lấp lánh và hồng ngọc tung vãi khắp nơi. Hai người bốc cháy hừng hực, tiêu biến thành

chuẩn tinh và tân tinh rồi lan ra khắp vũ trụ. Eli chuyển động như toàn bộ thời gian đều thuộc về mình. Ngay lúc Shelby nghĩ mình không kiềm chế được nữa, cô thấy anh trước mắt mình, bắt cô nhìn vào anh và thẩm thía rằng đời mình đã thật sự rẽ hướng. “Trước kia em đã đi đâu?” Eli lẩm bẩm, rồi họ lấp đầy nhau.

Hai cơ thể rung động nhịp nhàng như đang kể chuyện. Lúc hai người thăng hoa, Shelby quên hết tất cả những từ mình đã học được, ngoại trừ một từ: *Chúng ta*.

Khi Eli thiếp ngủ trong vòng tay Shelby, cô rút tay lại rồi cuộn người sát vào anh, thẩm ghi nhớ những đám tàn nhang trông như chòm sao và mây lọn tóc hơi xoắn trên đầu anh. Cô ngửi thấy mùi cơ thể mình phảng phất trên da anh.

Có gì đó châm chích vào đùi Shelby, khiến cô phải loay hoay tìm vị trí nằm cho thoải mái. Nhưng vật đó như dịch chuyển theo từng cử động của Shelby. Rốt cuộc Shelby dành sờ soạng và bắt được một vật sắc nhọn nhỏ xíu. Cô giơ vật đó lên trước ánh nắng mặt trời xuyên qua tấm rèm, nhăn mày. Kiểu dáng này, cách sắp xếp những viên đá này trông rất quen thuộc.

“Chào em.” Eli vươn tay về phía cô.

“Chào anh,” Shelby thì thầm bên môi anh, quên béng hết tất cả mọi thứ xung quanh ngoại

trừ Eli. Một dây chuyền kim cương mà Ross từng trao cho Aimee, rồi lại làm mất trong phòng ngủ tại nhà Shelby cứ thế tuột khỏi tay cô.

Đó là cảnh tượng đẹp đẽ nhất mà Ethan từng chứng kiến – vệt hồng da cam nhỏ xíu hiện ra, ráng hồng che mờ ánh sao khi đêm chuyển thành ngày. Lúc này, Ethan chỉ ước bình minh lặp lại thêm lần nữa, dù cho điều đó có nghĩa cậu bé sẽ già thêm một ngày và tiến gần đến cái chết hơn một chút.

Lúc Ethan trèo lên đỉnh hang đá, Lucy vẫn còn ngủ say. Cậu bé ngồi khoanh chân, vươn tay ra trước. Mỗi khi mặt trời tiến thêm một bước trên bầu trời, làn da lại có thêm một vết phồng nước.

Nhưng Chúa ơi, vậy cũng đáng giá. Để chứng kiến ánh ban mai xuất hiện mà không bị ngăn cách bởi lớp kính. Để cảm nhận bình minh đến thay vì chỉ nhìn.

Lúc này, cánh tay trái của Ethan đã trở nên đỏ chót, ngứa như điên. Lucy tiến lại gần, ngáp dài rồi nhìn thấy cánh tay cậu bé. “Ethan!”

“Không sao đâu mà.” Nhưng đúng là có sao. Ai cũng thấy được. Đột nhiên có gì đó le lói dưới mỏ đá khiến cậu bé phải chú ý. Một hột nút màu bạc – hoặc một cái khóa màu bạc, đại loại vậy. Đó là một cái mũ bóng chày. Khi Ethan rướn người

ra khỏi mỏm đá để đọc dòng chữ viết trên mõm, cậu bé lẩm bẩm: “Kỳ quái thật.” Chưa kịp nói với Lucy rằng cậu bé nghi ngờ cái mõm là của cậu Ross thì nó đã nổ tung trước mắt Ethan.

Như mọi buổi sáng khi Mỏ đá Angel kích nổ để khai thác đá granite, hệ thống máy tính kích hoạt ngòi nổ đầu tiên, chờ vài phút để đá bụi lắng lại trước khi kích hoạt ngòi nổ tiếp theo. Đá sỏi bay tứ tung, bụi li ti tạo thành một đám mây hình nấm; đất đá phủ thành lớp trên nóc xe Ross. Sau vụ nổ thứ nhất, vụ nổ thứ hai cũng được kích hoạt. Một hòn đá granite đập vỡ kính chắn gió trên xe Ross. “Ôi Chúa ơi,” Meredith gào lên, vọt ra ngoài lúc Ross vẫn chưa kịp dừng xe và chạy thực mạng về phía mỏ đá, nơi con gái cô có thể đang ở đâu trong đó.

Từng cột đá đồ nhào như cờ đô-mi-nô, va chạm với những cột đá bên cạnh, thổi tung đá bụi mùi mít khiến Meredith không tài nào nhìn thấy gì ngoài phạm vi một mét trước mắt mình, nói gì đến dưới đáy mỏ. Ross bắt kịp cô. “Anh không tìm thấy ông Az,” anh hét lên. “Anh không biết làm sao để dừng vụ nổ lại.”

Hít vào một đống bụi đá, cả người lấm lem bụi bẩn, Meredith điên cuồng níu lấy hàng rào dây thép. “Lucy!” cô gào lên. “Lucy!”

Phản hồi duy nhất là một loạt âm thanh nổ tung. Tiếng đá sụp đổ còn to hơn tiếng thuốc nổ vọng thẳng vào tai Meredith. Sau đó là thời điểm tạm ngưng, vài giây yên lặng xen kẽ với tiếng cột đá lật nhào như núi lở.

Nếu là người khác sẽ không nghe thấy tiếng thở dốc rồi tiếp theo là tiếng thút thít nhưng Meredith chắc chắn bắt được âm thanh đó giữa cát bụi tan hoang. "Lucy," cô thì thào, nheo mắt xem thử mình có phải vừa bị thính giác đánh lừa hay không. Cô nhìn thấy, co rúm trong hang đá, thấp thoáng giữa làn bụi mù mịt là cái áo thun màu đỏ tươi của Lucy. Meredith nhún người níu lấy hàng rào và bắt đầu leo lên.

"Meredith!"

Meredith nghe thấy tiếng Ross hét lên, rồi im bặt và leo lên ngay phía sau cô. Có khả năng đợt nổ sáng nay vẫn chưa kết thúc, đây chỉ là giây phút ngắn ngủi trước khi ngòi nổ tiếp theo được kích hoạt. Nhưng Meredith chẳng thèm quan tâm. Cô chỉ chăm chú vào Lucy và Ethan đang ở dưới đáy, cách đây vài trăm mét, và trèo xuống cái thang dẫn xuống dưới.

Xuống đến đáy mỏ, Meredith bàng hoàng vì những cột đá khổng lồ cao gấp sáu lần mình. Lấy lại quyết tâm, cô leo lên cột đá đầu tiên, thầm vạch ra con đường ngắn nhất giữa con gái và

mình. Đá cứa vào lòng bàn tay, máu chảy ra khiến việc bám víu càng trở nên khó khăn gấp bội. Cô trượt chân té xuống, hét lên vì cổ chân bị thương. Ngay lúc đó, Lucy thoáng nhìn thấy bóng mẹ. Meredith nghe thấy tiếng cô bé hét lên, “Mẹ ơi!” nên lại tiếp tục ép mình tiến lên phía trước thêm vài chục mét.

Tiếng còi ré lên, tiếp theo đó là ba tiếng nổ. “Lùi lại,” Meredith hét lên, bảo hai đứa trẻ quay về hang động vừa tìm được. Ngay khi phía bên kia bị cho nổ tung, cô ôm đầu, như thể làm thế đỡ được chút gì. Vụ nổ cách xa nơi cô trú ẩn, nhưng mà chấn động lại khiến mặt đất dưới chân cô rung chuyển. Cô cảm thấy tảng đá dưới chân mình trượt đi nên giơ bàn tay trơn trượt cố bấu víu giữ thăng bằng. Bên chân bị thương gãy giòn dưới sức nặng của của tảng đá chèn phía trên.

• • •

Lại nữa sao.

Ross nhìn khói thuốc nổ tan tành như phim quay chậm; tiếng đất đá dịch chuyển ầm ầm liên tiếp vang vọng vào tai anh, hòa nhịp với tiếng tim đập thình thịch. Anh không thể nào khiến thời gian trôi nhanh hơn, không tài nào ra lệnh cho tay chân mình nhanh nhẹn hơn. Thế giới xung quanh anh nổ tan thành nhiều mảnh vụn; giác

quan anh đang cực nhạy – âm thanh càng lúc càng điếc tai, vụ nổ càng lúc càng kinh khủng – nhưng giữa khung cảnh lộn xộn này, tiếng Ethan kêu cứu vang lên rõ mồn một hơn tất cả mọi tiếng động.

Ross không cảm giác được mặt đất đang rung chuyển, bỏ ngoài tai những tiếng nổ vọng lại và không màng đến khả năng băng qua bên kia một cách an toàn là hết sức mong manh. Tất cả những gì Ross biết là anh sẽ không để người mình yêu thương chết đi thêm lần nào nữa. Ross là người duy nhất cứu được cháu mình. Và đây là việc nhất định phải làm.

Để lịch sử không thể lặp lại lần nữa.

Lúc đến được chỗ Meredith, hai bắp chân Ross chỉ chít vết thương vì cạnh đá sắc nhọn. Máu chảy xuống dọc má anh vì vết cắt ngay thái dương do một mảnh đá bay xẹt qua. Meredith bị mắc kẹt dưới một khối đá to bằng người đàn ông trưởng thành. “Bạn trẻ,” Meredith hổn hển lên tiếng, và Ross gật đầu với cô.

Anh đặt ủng vào kẽ hở giữa hai tảng đá, vươn tay ra leo lên. Cứ như vậy. Thỉnh thoảng đá sụp xuống ngay dưới chân hoặc anh sẽ trượt tay; nhưng từ dưới chân cột đá, Ross vẫn không bỏ cuộc, vẫn tiếp tục tiến về phía trước. Anh không ngừng hướng mắt về phía Ethan và Lucy đang đứng trên mỏm đá sau màn bụi mù mịt chờ mình.

Hai tảng đá vốn chụm vào nhau để tạo thành chỗ ẩn náu cho Lucy và Ethan đột nhiên đổ sụp. Lucy hét lên, nhích về phía rìa mỏm đá càng xa càng tốt. “Nhanh lên nào,” cô bé gào khóc. “Làm ơn đi mà!”

Sau một ngàn năm, hoặc cũng có thể chỉ một nhịp tim, Ross đến được phía dưới cột đá đang sụp đổ. Ross duỗi tay ra tìm chỗ bấu víu, đạp mạnh chân vào tảng đá lấy đà leo lên. Từng bước từng bước, đến khi ngẩng đầu lên, Ross đã thấy được mũi giày sneaker màu đen của Ethan.

Một tiếng nổ vang lên sau lưng, sau đó Ross nhận ra mình đang đổ theo bức tường đá nãy giờ đang leo. Anh lăn qua trái rồi lấy tay che đầu trong khi từng hòn đá với kích thước hơn hai mét vuông rơi ào àt như mưa. Lúc này, tiếng Lucy nức nở nghe rõ mồn một, Ross còn nghe thấy tiếng hai đứa đang gào tên mình. Anh đứng dậy, hốt hoảng nhìn quanh.

Mỏm đá nơi Ethan và Lucy đang đứng vẫn còn sừng sững. Nhưng giữa tảng đá anh đang đứng và mỏm đá kia là một khe nứt sâu hoắm. Một khe nứt rộng gần hai mét, sâu chừng năm mét cắt ngang chiều dài của mỏ đá, cô lập hai đứa bé trên một hòn đảo trơ trọi đá sỏi.

Ross nhìn quanh nhìn quắt, rồi quét mắt xuống khe nứt mới hình thành. Mạch đá granite nứt

toác ra, tạo thành hai bức tường chạy dọc khe nứt sâu hoắm. Đường duy nhất còn lại là phải đi vòng qua khe nứt đến rìa phía nam mỏ đá, leo dọc bức tường đá lên lan can bảo vệ để băng qua phía bên kia khe nứt. “Nghe lời chú này,” Ross hét lên. “Hai đứa phải nhảy xuống thôi.”

Meredith đã chứng kiến tất cả – quá trình Ross băng qua bãy đá ngắn ngang một cách thần kỳ, lúc anh cẩn trọng leo lên tiếp cận vị trí của Lucy và Ethan, khoảnh khắc kinh hoàng khi ngọn núi đá dưới chân anh sụp đổ. Lúc bóng anh khuất khỏi tầm mắt, cô gào thét gọi tên anh, quay quắt tìm anh, khiến cái chân đau buốt đến mức suýt ngất lịm. Trong lúc cố giữ tinh táo, cô chứng kiến cảnh khe núi nứt toạc thành hai nửa, cô lập bọn trẻ về phía bên kia.

Vòng qua khe nứt, rồi trèo ra khỏi đó trước khi vụ nổ tiếp theo được kích hoạt là chuyện không khả thi. Anh đã đúng – cách duy nhất cứu được Ethan và Lucy là bắt được hai đứa sau khi chúng nhảy xuống. Nhưng Lucy – Lucy làm sao nhảy xuống được. Chuyện đó đòi hỏi một sự can đảm vô cùng lớn lao mà con gái cô chưa từng có.

Nước mắt tuôn trào trên mặt Meredith. “Lucy”, cô hét lên, “nghe lời đi con.”

Hai mẹ con cô sẽ chết ở đây, bị đất đá vùi lấp.

Cô ước gì lòng can đảm là thứ có thể gửi sang cho con gái. Ngay lúc nghĩ đến đó, Meredith thấy Lucy lùi lại một bước, chạy nhanh hết sức mình rồi tung nhảy giữa không trung.

Cô bé mạnh mẽ lao vào vòng tay Ross, khiến cả hai đều ngã nhào. Sang đến bên bờ an toàn, cô bé dường như không dám thả tay ra khỏi Ross. Anh cảm thấy vừa vui sướng, vừa ngạc nhiên vì chưa từng nghĩ cô bé sẽ nhảy trước cả Ethan. Ross hôn lên trán cô bé. “Chú đỡ được cháu rồi,” Ross thì thầm vào mái tóc Lucy khi cô bé vùi vào vai anh nức nở. “Cháu an toàn rồi.” Anh tách cô bé ra khỏi người mình. “Chú cần phải đón Ethan, được không nào?”

Lucy hít mũi, “Vâng ạ.” Cô bé lấy tay ôm lấy đầu gối, đầu vùi vào đó, cả cơ thể vẫn run lên bần bật.

Ross lại đứng lên, khum tay quanh miệng thành cái loa và hét lên. “Ethan, chú không để cháu ngã đâu.” Anh thấy cháu mình gật đầu, chạy nhanh hết tốc lực đến rìa mỏm đá rồi nhảy qua.

Ethan đúng là Siêu Nhân, cậu bé đang bay, và không gì, không gì có thể ngăn cản cậu bé cứu lấy thế giới, hay ít nhất là bản thân mình. Ethan nhắm tịt mắt để không nhìn thấy khoảng cách

giữa mình và cậu Ross xa đến mức nào cũng như những tảng đá sắc nhọn như hàm răng nhẹ ra dưới đáy khe nứt. Cậu bé duỗi từng ngón tay ra xa hết mức có thể, trong đầu thầm niệm chú: *Tôi là chim; Tôi là máy bay; Tôi đã bay đến nơi này.*

Lúc ngón tay chạm phải vật gì cứng cứng, cậu bé chớp mắt, bỗng nhận ra mình đã nhào vào vòng ôm của cậu Ross. Cậu níu chặt, đến khi nước mắt tuôn trào nhanh đến mức không nói nên lời. Hai chân Ethan trượt xuống khỏi chân Ross, vững vàng đứng thẳng trên mặt đất.

Cậu Ross thở hổn hển, “Cháu bị phạt là cái chắc rồi.”

Ngay lúc đó, mặt đất dưới chân hai người bỗng nhiên sụp xuống.

Ross cảm thấy hai cậu cháu đang trượt xuống khe nứt nên lật người xuống dưới để đỡ cho cháu. Ethan ngã mạnh lên người anh, đất đá rơi xuống khắp lưng và chân cậu bé. “Đứng dậy mau,” Ross ra lệnh, túm đứa cháu đứng thẳng lên. “Cháu có sao không?”

Ethan không nói nổi thành lời, nhưng vẫn gật đầu. Ross nhìn lên phía trên. “Lucy!” anh hét lên. “Cháu đâu rồi?”

Một gương mặt trắng trèo tí hon ló ra bên rìa khe nứt trên đầu. Nước mắt chảy dọc đôi má cô

bé. Ross nhìn lên bức tường đá dựng đứng, nhẩm tính có vài chỗ anh có thể làm điểm tựa để trèo lên, nhưng anh sẽ không trèo lên nổi nếu mang theo Ethan. Lucy cũng không đủ khỏe để kéo hai người lên cùng lúc.

“Ethan, cậu sẽ cần đến sự trợ giúp của cháu,” Ross dỗ dành. “Cậu sẽ đặt cháu lên vai, rồi cháu phải tự mình leo lên trên nhé. Lucy!” anh hét lên. “Chú cần cháu phải níu lấy Ethan lúc nó gần đến nơi nhé.”

Anh chờ cô bé đáp lại, nhưng không hề có câu trả lời. Từ dưới này, anh không thấy được Lucy đang ở đâu. Nhưng nếu lại đứng chờ, ngồi nổ tiếp theo có thể bị kích hoạt. Cơ hội để leo lên có thể bay mất. “Bắt đầu nào,” anh vừa nói với Ethan vừa cùi xuống để cậu bé trèo lên vai mình. “Lúc cháu leo lên trên, Lucy sẽ đón cháu.”

Lucy run rẩy đến mức không thở nổi. Cô bé nhìn thấy thế giới đảo lộn xung quanh mình – bình minh trở nên xám xịt, mặt đất vụt biến mất, mẹ thì bị mắc kẹt. Ross và Ethan đang kẹt dưới hố sâu còn cô bé đứng trên này, mọi thứ chẳng hề giống như bình thường. Cô bé lấy tay ôm đầu, thầm mong mọi thứ biến mất. Dù sao cách này vẫn hiệu quả mà – nếu không muốn thấy những gì trước mắt mình thì cứ nhắm mắt lại là xong.

“Lucy!” Đó là giọng chú Ross. Chú Ross muốn cô bé giúp Ethan leo lên. Nhưng nếu vậy thì cô bé phải lại gần khe nứt, ngay chỗ rìa đá vừa sụp đổ. Lucy không đủ can đảm để đến đó.

“Này!” Bàn tay của Ethan ló lên trên miệng khe nứt. “Này, Lucy, em đâu rồi? Cậu Ross, em ấy không chịu đến đây.”

“Lucy!”

Lucy lấy tay bụt tai lại. Tất cả mọi chuyện sẽ biến mất, để rồi khi tỉnh giấc, cô bé chỉ thấy mình nằm trên giường, với ánh mặt trời len lỏi qua cửa sổ và không phải bận tâm đến mấy hồn ma nữa.

Mà đúng là cô bé chẳng cần phải bận tâm đến mấy hồn ma nữa rồi. Lucy ngược mắt lên, thả hai tay ra. Dũng cảm không có nghĩa là không thấy sợ chết khiếp. Bạn vẫn luôn thấy sợ chết khiếp, nhưng vẫn tiếp tục những gì mình cần làm.

Cô bé bắt đầu bò đến bên rìa khe nứt, thoảng dừng lại vì lòng bàn tay đẩy một hòn đá rơi xuống vực sâu. Nuốt nước miếng, cô bé mở mắt nhìn xuống dưới và thấy Ethan đang bám vào vách đá như một con nhện cách mình hơn một mét.

Lucy nằm sấp xuống, úp mặt xuống đất rồi vươn cánh tay phải ra. Cô bé cảm thấy mấy ngón tay Ethan chạm vào ngón tay mình nên siết chặt, như chìa khóa cắm vào ổ khóa.

Không đủ sức kéo Ethan lên, Lucy đành biến mình thành mỏ neo. Cậu bé níu lấy tay Lucy để nhích lên, túm lấy vai Lucy rồi leo ra khỏi khe nứt.

Hai đứa nhìn chằm chằm vào nhau, thở hổn hển. "Lucy," Ethan gọi bằng chất giọng khàn khàn như đàn ông trưởng thành.

Lucy cố nặn ra một nụ cười. "Sao anh leo lên lâu vậy?" cô bé thì thào.

Ross cõng Lucy trên lưng, chỉ cho Ethan bước từng bước trong lúc cẩn thận nhầm tính con đường băng qua bãі đá đến cái thang bên kia mỏ đá. Anh phải chuyển hướng mấy lần vì dư chấn từ mẩу vụ nổ ở xa khiến đất đá dịch chuyển. Ý nghĩ không bao giờ đến được nơi đó chưa từng hiển hiện trong mắt anh, và chỉ cần có vậy cũng đủ làm động lực thúc đẩy anh tiến lên phía trước.

Đến chỗ cái thang đã gỉ sét, anh đỡ Lucy lên bậc thang và bảo cô bé trèo lên. Ethan trèo lên ngay sau cô bé. "Gọi 911," Ross ra lệnh. "Nếu cần thì cứ xông thẳng vào văn phòng cảnh sát nhé."

Ethan gật đầu. "Cậu không leo lên sao?"

Ross ngoái đầu lại nhìn. "Chưa phải lúc này," anh đáp, khẽ siết lấy đùi Ethan. "Đi mau."

Sau đó anh quay lại theo lối cũ, hốt hoảng tìm kiếm tảng đá to tướng chèn lên chân Meredith. Anh không hề nghe thấy tiếng cô đã một lúc –

có thể là cô không hề lên tiếng, mà cũng có thể vì anh quá bận rộn không nghe nổi. Lúc này, có quá nhiều tảng đá vương vãi khắp mỏ, khiến việc ghi nhớ vị trí của Meredith cực kỳ gian nan. Anh leo lên một ụ đá nhỏ và nhìn thấy cánh tay của Meredith.

“Meredith!” Anh lên tiếng, sau đó cô lắc đầu tỉnh dậy.

“Lucy đâu rồi?”

“Con bé vẫn ổn. Trèo ra ngoài rồi.”

Cô không thấy nhưng vẫn biết chân mình bị bẻ ngoặt một cách kỳ cục. Tảng đá chèn lên đùi cô to gấp đôi Ross, dày bằng cánh tay anh. Để cứu cô ra khỏi chỗ đó, Ross cần phải tìm một hòn đá nhỏ hơn làm đòn bẩy nâng tảng đá lên, kéo Meredith ra khỏi đó trước khi cái đòn bẩy sụp đổ. Sau đó anh phải tìm cách cố định chân cô để còn cõng cô trên lưng như cõng Lucy vừa nãy. “Đi tìm thêm trợ giúp đi Ross,” Meredith vừa khóc vừa nói.

“Tôi chính là sự trợ giúp duy nhất.” Anh quay quắt tìm thứ gì đó – cái gì cũng được – để nâng tảng đá lên. “Tôi sẽ cố nhấc tảng đá lên.”

Cô run lẩy bẩy vì vừa đau vừa sợ hãi. “Quay lại đi.”

Ross cố nâng tảng đá từ phía dưới nhưng nó không thèm dịch chuyển. Đằng xa tiếng còi chói tai lại ré lên, báo hiệu một đợt nổ mới chuẩn bị

được kích hoạt. Anh điên cuồng nhìn xung quanh để xác định vị trí khối thuốc nổ hay ngòi nổ. Ánh mắt anh dừng lại chỗ Meredith, sự thật trở nên rõ mồn một trước mắt hai người.

Anh không thể cứu được cô.

Anh cúi xuống, vén tóc ra khỏi mắt Meredith. “Suyt,” anh thì thào, và một ngòi nổ ở đâu đó phía bên trái bắt đầu rung lắc.

“Ross, đi đi. Làm ơn.” Cô bắt đầu khóc dữ dội hơn. “Em muốn anh chắc chắn phải an toàn rời khỏi đây.”

Anh cố nặn ra một nụ cười gượng gạo. “Anh phải nói với em bao nhiêu lần nữa đây? Anh không thể chết được.”

Cô rướn người níu lấy tay anh. Chuyển động nhỏ ấy vậy mà khiến đống đá giữa hai người dịch chuyển. Ross trượt chân, đầu gối đập xuống ngay bên cạnh đầu Meredith. Hai người đồng thời nhìn thấy cái ống hình trụ màu đỏ cách họ chỉ một mét.

Ross nhảy lên tảng đá đang chèn lên chân Meredith, vươn tay túm được khối thuốc nổ. Anh túm chặt nó, nhấc chân chạy điên cuồng, dẫm lên bãi đá lởm chởm vỡ vụn, chạy thật xa vào sâu trong mỏ đá. Vào khoảnh khắc đó chẳng có gì quan trọng hơn việc chạy càng xa càng tốt khỏi

Meredith trước khi hệ thống máy tính kích hoạt ngòi nổ.

Ngòi nổ cộm lên trong lòng bàn tay anh. Vào khoảnh khắc trước khi Ross thả tay khỏi nó, trước khi vụ nổ với sức nóng hơn một trăm mặt trời thiêu rụi tất cả mọi ngóc ngách nơi anh đang đứng, mọi thứ đột nhiên trở nên rõ ràng. Ross đã cứu được Meredith, anh đã cứu được tất cả mọi người. Có lẽ anh đã bù đắp xong những thiếu sót của cả đời mình. Sức nổ khiến anh ngã nhào, đầu đập mạnh vào một tảng đá sắc nhọn. Ngay lúc tưởng mình đã tìm được lý do để sống, Ross chợt nhận ra mình không phải là người bất tử.

Lúc Eli và Shelby đến nơi, chiếc xe cấp cứu đầu tiên đã rời đi. Cảnh sát mặc đồng phục được điều từ thị trấn kế bên đang thả dây lùng sục khắp mỏ đá. Một thám tử đang thẩm vấn ông chủ Mỏ đá Angel vừa vội vã đến nơi cùng với luật sư của doanh nghiệp. Không ai biết Az Thompson, người gác đêm, đã đi đâu mất; sự vắng mặt đó khiến ông ta trở thành con cừu thế tội dễ dàng nhất.

Eli lao thẳng đến chỗ bác sĩ cấp cứu. “Bạn trẻ. Bạn trẻ đâu rồi?”

“Bạn chúng vẫn ổn. Vài vết trầy xước và bầm tím. Xe cứu thương đã đưa hai đứa đến bệnh viện rồi.”

Cảm giác Shelby đang quy xuống bên cạnh, Eli đưa tay vừa ôm vừa đỡ cô đứng dậy. Anh cúi sát lại, thì thầm vào tai Shelby những lời vô nghĩa nhưng lại là sợi dây cứu mạng để cô níu chặt.

“Chúng ta đi được chưa?” Shelby thắc mắc. “Ngay bây giờ được không? Đến bệnh viện được không?”

Chưa kịp trả lời, một hồi hỗn loạn cạnh lan can bảo vệ đã lôi kéo sự chú ý của Eli. Ba nhân viên cứu hộ cẩn thận nâng một cái cáng ra khỏi mỏ đá. Thân người được buộc cố định trên cáng, tối tả đầy máu me là Meredith.

“Ôi Chúa ơi,” Shelby hít sâu, lặng nhìn Meredith đã bất tỉnh nhân sự được người ta nâng vào xe cứu thương đang chờ sẵn. Đột nhiên Shelby nhận ra kia là xe của Ross. Cô túm lấy áo một bác sĩ cấp cứu. “Em trai tôi đâu? Em trai tôi đâu rồi?” Khi bác sĩ không trả lời, cô vẫn không chịu thả tay ra. “Ross Wakeman,” cô gào lên. “Nó phải ở đâu quanh đây thôi.”

Tất cả đều im lặng. Không ai dám đáp lại câu hỏi của cô, và chỉ thế thôi cũng đủ nói lên câu trả lời. “Không,” Shelby òa khóc, ngã quy xuống đất khi Eli vòng tay ôm lấy cô. “Không thể nào!”

“Ross đến bệnh viện rồi,” Eli cam đoan, sau đó quay ngoắt về phía một trong số những nhân viên cứu hộ. “Đúng không?”

“Đúng vậy, anh ta đang ở trong bệnh viện.”

“Thấy chưa?” Eli đỡ Shelby đứng dậy, cẩn thận diu cô về xe tải. “Chúng ta sẽ đến bệnh viện tìm Ethan. Và tìm Ross nữa.”

“Được.” Shelby gật đầu, nước mắt vẫn tuôn rơi.
“Được rồi.”

Eli đóng cửa xe. Ngay lúc Eli đang vòng qua đầu xe đến ghế lái, bác sĩ cấp cứu vỗ vào vai anh. “À ừ, Thám tử này. Về người đàn ông kia ấy mà...”

“Anh ta đang ở trong bệnh viện.” Eli lặp lại.

“Đúng vậy, nhưng đây là vấn đề thủ tục thôi,” bác sĩ cấp cứu giải thích. “Anh ta tử vong trước khi chúng tôi đến nơi.”

Ross đang lái xe, Aimee ngồi bên ghế phó lái. Anh nói, “Đan Mạch.”

Cô nghĩ một lúc rồi đáp, “Kyrgyzstan.”

Anh không tài nào rời mắt khỏi Aimee cứ như lâu lăm rồi không được gặp cô, dù biết chuyện này không thể nào xảy ra... hai người chưa bao giờ xa nhau quá bảy mươi hai giờ. Chỉ khi nào Aimee phải trực ca đêm mới thế. Ross dời mắt khỏi con đường để ngắm nhìn góc cạnh trên mặt Aimee, lướt qua màu mắt và dừng lại nơi mái tóc thắt bím kiểu Pháp đong đưa trên lưng cô. “New York,” anh lầm bẩm.

Aimee trợn mắt. "Thôi nào Ross, lại chữ K nữa sao?"

"Em đã đi học suốt mười lăm năm, hãy vận dụng kiến thức môn Địa lý đi nào."

"Vậy thì Kalamazoo."

Anh nhẹ răng cười, mắt nhìn ra bên ngoài kính chắn gió. Xe bon bon chạy, ngoài trời đang mưa tầm tã, nhưng anh thể mình vừa thấy ai đó quen thuộc đang thơ thẩn dọc đường cao tốc – hình như là cô giáo trường mẫu giáo hồi xưa. Ross vẫn còn nhớ bà ấy thường mặc một cái áo chui đầu màu vàng, mái tóc quấn chặt vào lô cuốn màu trắng. Anh nhìn qua kính chiếu hậu nhưng bà ấy đã biến mất. "Oshkosh," Ross đáp.

Aimee co chân lên ghế. Cô ấy đã tháo giày ra vì chẳng bao giờ thích ngồi xe mà mang giày. "Thiên đường."

"Thiên đường không phải là tên của một nơi chốn nào."

"Đĩ nhiên là đúng chứ," Aimee cãi lại.

Ross nhướn mày. "Em chắc chắn đấy à." Anh nhìn qua ô cửa sổ bên cạnh và suýt lạc tay lái: phía sau xe, đối diện con đường là mẹ anh. Bà đang mặc áo len đính ngọc trai, chính là cái áo hồi nhỏ anh vẫn đưa tay mân mê mấy hạt ngọc trai mỗi khi ngồi trong lòng mẹ. Bà mỉm cười vẫy tay với anh.

Mẹ anh qua đời từ năm 1966. Giáo viên trường mẫu giáo của anh còn qua đời trước đó nữa. và Kyrgyzstan vẫn còn là một phần của Liên Bang Xô Viết khi Aimee qua đời.

Và Thiên đường không phải là tên của một nơi chốn nào.

Ngay khi vào khúc cua, hai người đột nhiên nhìn thấy một chiếc xe container đang hướng thẳng về phía họ. "Ross!" Aimee hét lên, trong khi anh bẻ tay lái về làn đường phía bên trái, nhưng đã quá muộn để nhìn thấy chiếc xe ô tô cỡ nhỏ khuất sau xe container kềnh càng đang lao tới.

Cửa kính vỡ tan tành, bánh xe rít lên trên mặt đường ẩm ướt và tiếng sắt thép chát chúa bất ngờ va chạm vào nhau. Ross cố lết ra khỏi cái xe bị lật nhào. Xe container bị lật nghiêng bên kia đường, tài xế lái xe bị hất tung, chèn lên còi xe khiến tiếng còi không ngừng ré lên. Ross vội vàng mở cửa ghế phó lái, rướn người vào trong mở dây an toàn cho Aimee.

Vai cô bị thương, máu thấm ướt áo, nhưng không hề dính lên gương mặt mịn màng xinh xắn hình trái tim. Mái tóc thắt bím kiểu Pháp rời tung vì phần đuôi tóc đã bung ra. Tóc xõa xuống ngực Aimee như hình cánh quạt. "Aimee," anh thì thào. "Chúa ơi!"

Anh ngồi bệt xuống, kéo cô vào lòng khóc nức nở. Ký ức quay về khiến lòng anh đau đớn. Anh đưa tay vén mái tóc bết lại vì nước mưa ra khỏi mặt Aimee. “Anh không thả em đi đâu hết. Anh không rời khỏi đây đâu.”

Aimee chớp mắt nhìn anh. “Ross,” cô nói, mắt nhìn ra phía sau lưng anh, “anh phải để em đi.”

Suốt mấy năm trời anh không hề nhớ ra những lời đó, từng câu chữ mang theo mệnh lệnh từ Aimee có thể giúp anh thoát khỏi lối lầm vì đã không có mặt lúc cô trút hơi thở cuối cùng. Ross cúi người ôm siết lấy cô, nhưng có ai đó đang đứng sau lưng ráng hết sức kéo anh đứng dậy.

Anh giật dữ quay người ra sau và nhìn thấy Lia.

Với Aimee đang nằm trong vòng tay, còn Lia lại đứng sau lưng, Ross sững sờ. Anh thầm nghĩ đây đúng là một cơn ác mộng, một cảnh tượng dưới địa ngục. Hai người phụ nữ đều cần anh; mỗi người nắm giữ một nửa trái tim anh. *Mình phải đi về phía ai?* anh thầm nghĩ, và *mình phải để mất ai?*

Lia kéo anh đứng dậy, lôi anh về phía ghế của nạn nhân ngồi trong xe kia đang nằm sát bên hàng rào trên đường cao tốc. Biết chắc đây là phép thử phải vượt qua, Ross cố gắng ra khỏi Lia để quay lại chỗ Aimee.

Nhưng lúc này anh chẳng còn thấy Aimee đâu hết, vì chiếc xe kia đã chắn ngang ở giữa. Phẫn nộ, Ross giằng ra khỏi tay Lia, mở tung cửa chiếc xe Honda màu xanh đã lật nhào. Một cơ thể rúm ró gục sau tay lái. Ross ngửi thấy mùi xăng nên đoán chắc cái xe có thể nổ tung bất kỳ lúc nào.

Anh lần mò tìm dây an toàn nhưng khóa lại bị kẹt. "Aimee," anh quay đầu lại, hét lên, "Anh đến ngay đây. Em ráng nhịn một tí." Quay lại bấm vào khóa một lần nữa, lần này khóa dây an toàn bật mở. Ross khó nhọc vươn người vào trong và kéo tài xế đang bất tỉnh ra khỏi đống đổ nát. Anh kéo người đó ra một khoảng xa, đặt bên bìa rừng. Một luồng sáng kèm theo sức nóng đột nhiên tỏa ra, chiếc xe đã bốc cháy ngùn ngụt.

Một đoàn còi xe vang lên inh ỏi, voi nước cứu hỏa lập tức chĩa vào chiếc xe. Khi bác sĩ cấp cứu chạy tới, Ross túm lấy anh ta. "Trong xe kia có một người phụ nữ cần sự giúp đỡ," anh gào khóc.

"Có người chăm sóc cho cô ấy rồi," bác sĩ cấp cứu quỳ xuống cạnh Ross. "Người này tên gì?"

Ross không hề biết tên người xa lạ này. Anh liếc xuống thân hình đang được ngọn lửa chiếu sáng giống như đã làm chín năm trước. Ngay trên trán cô tài xế là một vết thương vừa dài vừa sâu, máu chảy khắp mặt, thấm vào áo đầm màu đen. Nhưng Ross nhìn thấy và nhận ra gương mặt đó.

Mọi thứ trở nên khác biệt. Chúa ơi. Ross khàn khàn kêu lên. “Tên cô ấy là Meredith.”

F. Juniper Smugg đã công tác ở Bệnh Viện Fletcher Allen tại thành phố Burlington được ba mươi bảy ngày rồi. Anh đang trong đợt trao đổi luân phiên cho phòng y khoa cấp cứu, nhưng mong muốn của anh lại là ngành da liễu hoặc phẫu thuật thẩm mỹ, một ngành gì đó không liên quan đến sự sống và cái chết cũng như tạo điều kiện để anh mở phòng mạch tư nhân và không phải đương đầu với những bất ngờ xảy ra tại trung tâm y tế tĩnh. Dù vậy, anh vẫn hết lòng vì nhiệm vụ nên không hề ngần ngại đảm nhận việc đưa cái xác xuống nhà xác, sau tất cả những việc người ta đã làm với anh ta, nào là sốc điện cấp cứu nào là đặt ống thở, mặc dù chỉ cần là bác sĩ sơ cấp cũng biết anh ta đã ngã từ tối lúc đến bệnh viện rồi.

Trong thang máy chỉ có mình anh. Anh bấm nút, chờ cửa khép lại và quay người về phía mặt có gắt gương để chiêm ngưỡng dáng vẻ bản thân khi ngâm nga bài hát của nhóm Smash Mouth. Vừa đến đoạn điệp khúc của bài *All Star* thì một bàn tay tóm lấy tay anh ta.

Người đàn ông đã tử vong nằm trên cáng bỗng nhiên ngồi dậy. Anh ta khàn khàn quát lên, “Câm miệng đi nào.”

Khi cửa thang máy mở ra trước lối vào nhà xác, cái xác đã đứng thẳng dậy, còn tay bác sĩ nội trú lại gục trên cáng. "Có ai giúp tôi một tay không?" Ross hỏi anh nhân viên đang chưa hết bàng hoàng. "Anh ta ngất rồi."

Khi Az Thompson đặt lên bờ hồ Champlain, sau hai mươi bốn giờ, xác ông đã sẵn sàng cho việc chôn cất theo tục lệ truyền thống. Winks Champigny đóng vai trò là người phát ngôn cho bộ tộc Abenaki đã đề nghị để Az Thompson an nghỉ trong khu đất mới giành lại nằm giữa hẻm núi Otter Creek Pass và đường Montgomery. Xác ông được chôn vê phía đông, đặt nghiêng để dễ ngắm mặt trời.

Nhiều tháng sau đó, một khu vườn không theo nguyên tắc bốn mùa, chẳng có ai trồng cũng tự động sinh sôi quanh nấm mộ – mấy cây mâm xôi không hề khô héo vào mùa đông, hoa thủy vu vươn mình lên khỏi lớp tuyết, cây nhựa ruồi và dây thường xuân đâm chồi nảy lộc vào giữa tháng Bảy. Nơi đó bỗng dựng trở thành địa điểm hẹn hò cho những đôi tình nhân yêu thích không gian riêng tư và mùi hương hoa hồng giữa tiết trời tháng Mười Hai. Ở đó, người ta thường bắt gặp hình ảnh cậu bé tóc đen đang đuổi theo một cô bé tóc vàng giữa rừng hoa dại, hai đứa bé đút

cho nhau từng quả mâm xôi đến khi môi và tay trở nên đỏ như máu.

Đêm đó Eli không về nhà. Một đống hồ sơ kèm theo việc thẩm vấn ông chủ mỏ đá, trong khi việc duy nhất anh muốn làm là được gục xuống cạnh Shelby và ngủ một giấc kéo dài cả ngàn năm.

Nhưng anh không biết lúc này Shelby có sẵn sàng gặp anh hay bất kỳ ai hay chưa.

Anh đã ôm cô lúc cô khóc ngất trong bệnh viện, mãi cho đến khi cô ngược mặt lên và bảo mình cần về nhà để sắp xếp mọi thứ. Eli đoán là phải chuẩn bị cho tang lễ, nhưng anh cảm thấy cô đang dựng lên một bức tường ngăn cách không cho bất kỳ ai giúp đỡ cô. Cảm giác này khiến anh tức điên. Anh sẽ tắm một phát rồi qua thằng nhà đó, dù cô có muốn hay không.

Anh đút chìa vào ổ khóa nhưng nhận ra cửa đang mở. Lúc cửa mở ra, anh gom hết tinh thần phòng thủ, sẵn sàng cho bất kỳ chuyện gì. Nhưng không hề có tên trộm nào trong bếp. Chỉ có Shelby đang thọc tay vào tô bột.

“Em đột nhập,” cô run run cất tiếng, “vào nhà một cảnh sát.”

Eli ôm chặt lấy Shelby, hôn lên trán cô. “Anh rất tiếc. Anh thực sự rất tiếc.”

Cô đang khóc nức nở, bàn tay đưa lên gạt nước

mắt để lại một vệt trăng. “Em không thể ở yên trong nhà. Em còn không thể gọi... đến nhà tang lễ. Đám phóng viên gọi đến liên tục, mà em còn chẳng hiểu họ nói gì. May bác sĩ trong bệnh viện đã kê thuốc an thần cho Ethan và Lucy nên em đã cho hai đứa uống thuốc và để chúng ngủ trên giường anh. Em vừa nấu súp. Có bánh mì nữa. Chuông điện thoại có reo lên một lúc, nhưng em không... Em đã cho Watson ăn rồi.”

Shelby đang lảm nhảm toàn thứ vô nghĩa nhưng Eli hiểu rõ từng lời phát ra từ miệng cô. Anh nhẹ nhàng vỗ về cô trong vòng tay mình, tưởng tượng dấu tay màu trăng nhỏ xinh đang dính trên áo khoác, trông ma quái như con ma xuất hiện trong gương nhà ông Pike. Shelby quẹt mũi vào áo anh. “Em sẽ đi ngay nếu anh muốn.”

“Đừng,” anh thì thào. “Đừng bao giờ rời xa anh.”

Meredith chẳng có nét gì giống với Lia. Đến giờ, Ross cũng chẳng biết làm sao mình có thể nhìn ra nét tương đồng. Đôi mắt cô ấy cách xa nhau hơn, mái tóc cũng khác. Làn da cô ấy trông mềm mại như Lia, nhưng anh không dám chạm vào để xác nhận vì sợ quấy rầy giấc ngủ của Meredith.

Cả người Meredith đang bị buộc vào giường để cố định vết thương. Chân cô đã được cố định, treo lên và bó bột. Cô được truyền rất nhiều

thuốc giảm đau. Ross được phép vào phòng thăm cô đơn giản là vì không ai trong bệnh viện nỡ lòng từ chối một người đàn ông vừa bị tuyên bố tử vong vài giờ trước đó.

Đầu tiên anh thử đi tìm Shelby và Ethan, nhưng hai người đã xuất viện. Lucy cũng rời đi theo hai người. Nhưng khi gọi về nhà thì không ai nhắc máy, còn hệ thống tin nhắn thoại cũng bị tắt đi. Lê ra Ross đã gọi cho Eli, nhưng không tài nào nhớ ra số điện thoại của anh ta, anh còn chẳng biết mình có từng biết số điện thoại của Eli hay không nữa. Bác sĩ khoa thần kinh khám cho Ross sau khi vết thương trên đầu đã may xong nói với anh rằng trí nhớ của anh sẽ như vậy – có vài chuyện quên đi mà không chắc có khi nào nhớ lại được. Ví dụ như anh chẳng nhớ chuyện gì đã xảy ra sau khi bắt gặp cảnh tượng Meredith hoảng loạn tìm kiếm bạn trẻ khắp nhà Shelby. Anh không nhớ vì sao có mấy vết sẹo màu trắng mảnh chằng chịt như mạng nhện trên cổ tay mình.

Nhưng anh nhớ được gương mặt Lia, chính là gương mặt anh muốn thấy dù phải chết đi lần nữa – mà anh thật đúng vừa mới chết đi. Anh có thể gọi về cô ấy và Aimee, cứ như hai người bạn họ chỉ cách anh chưa đầy một mét. Ross biết lẽ ra mình có thể ở lại nơi đó, dù đó có là chỗ nào đi nữa. Nhưng vượt trên mong muốn được ôm

Aimee trong vòng tay, được bước theo sự dẫn dắt của Lia... anh muốn được ở bên cạnh chị gái, cháu trai, và Meredith nữa.

Ross đã dành mấy năm trời tìm kiếm một thứ gì đó mà chưa từng nhận ra cái mình tìm được chưa chắc đã quan trọng bằng quá trình tìm kiếm vật đó. Từng khoảnh khắc được sống, chứ không phải là giây phút chết đi, mới là thứ làm nên đời người.

Anh nhìn thấy một giọt nước mắt lăn dài trên má Meredith. Đôi mắt cô mở to, nhìn chằm chằm vào Ross. "Lucy," cô thì thào.

"Con bé vẫn khỏe."

Khi nhận ra khung cảnh xung quanh, Meredith giật mình sững sốt rồi khóc nức nở vì cảm giác đau đớn trên chân, bàn tay Ross khẽ vỗ về giúp cô bình tĩnh lại. "Anh là ma hả?"

Anh cười đáp lại. "Không phải vậy."

"Khối thuốc nổ – nó nổ tung trong tay anh mà. Em nhìn thấy anh", cô phản bác, rồi lại dịu giọng nói tiếp. "Họ nói với em... anh đã chết." Cô cố gượng dậy, nhưng vừa dịch chuyển cái chân thì cảm giác đau đớn lại dâng trào.

"Nằm yên nào." Anh ngắm nhìn gương mặt cô, nhìn vào vết sẹo trên trán mà mình chưa từng nhận ra. "Chân em bị gãy ngay vết thương bị tai nạn lần trước. Chấn thương sáu chỗ. Xương mác

và xương chày vỡ vụn nên người ta phải mổ và gắn ốc vít cố định lại.” Ross đoán Meredith sẽ cho rằng bác sĩ đã kể với anh về tình trạng của cô, nhưng cô hỏi điều khác, khiến anh ngạc nhiên vì sự sắc sảo của cô.

“Em chưa bao giờ kể với anh rằng mình từng bị tai nạn mà,” cô nói với vẻ ngờ vực.

Anh ngồi xuống bên mép giường. “Lúc đó em lái một chiếc xe Honda màu xanh lá, mặc áo đầm màu đen,” Ross khẽ đáp. “Em còn bị một vết cắt ở đây.” Anh chạm tay lên trán cô. “Người ta không bao giờ tìm thấy giày của em.”

“Anh đừng nói là mình có khả năng ngoại cảm đấy nhé,” Meredith thì thào yếu ớt.

“Không phải.” Ross giải thích. “Anh đã có mặt ở đó.”

Anh nhìn chằm chằm vào cô, không hề chớp mắt, cho đến khi ký ức được chôn sâu trong lòng cô như một tia lửa nhỏ chợt bùng cháy, cô trợn mắt thật to. “Cứu em hai lần rồi,” cô nói bằng chất giọng nghẹn ngào, vươn tay níu lấy tay anh. Mi mắt cô nhắm lại. “Siêu nhân.”

Anh chờ đến khi Meredith thở đều đều mới siết chặt tay cô và thừa nhận. “Có lẽ vậy.”

Bên ngoài bệnh viện, Ethan vừa đung đưa chân vừa chờ khoảnh khắc Lucy bị bắt gặp. Dưới trời

mưa tí tách, cô bé đang rón rén bước đi trên bức tường gạch cao hơn mét, khuất sau tầm quan sát của chú bảo vệ. Khi đến cuối bờ tường, cô nhún người, như vận động viên thể dục biểu diễn thăng bằng trên xà rồi nhảy một phát xuống ngay phía sau chú bảo vệ, khiến ông ta hết hồn.

Chú bảo vệ quay ngoắt lại, nhưng Lucy lại nở một nụ cười ngọt ngào hết biết, khiến ông ta không đành lòng nổi giận với cô bé.

Suốt một tháng vừa rồi, cô bé trở nên nghịch ngợm lạ thường. Cô bé lúc nào cũng tìm cách leo lên mái nhà, thò đầu ra khỏi cửa sổ xe đang chạy băng băng và lại còn dám đến tiệm băng đĩa thuê một đống phim kinh dị về tên sát nhân xài cưa điện. Ethan biết mình phải chịu trách nhiệm trong việc tạo ra một con quỷ nhỏ. Bác sĩ trị liệu rối loạn cảm xúc hậu sang chấn nói rằng đó là phản ứng khi người ta đã trải qua cảm giác cận kề cái chết. Dĩ nhiên Ethan thẩm thía cảm giác này hơn ai hết.

Cậu bé kéo tay áo, sụp vành mũ bóng chày xuống thấp. Ethan không hề có cảm giác mình là đứa quái dị vì ai đến bệnh viện cũng lùng lẳng đủ thứ dây nhợ và túi. Thêm vào đó, cậu bé chẳng còn là kẻ kỳ dị nhất nhà. Vinh dự đó giờ đã thuộc về cậu Ross, người đã được kết luận chết lâm sàng nhưng vẫn còn sống để kể về trái nghiệm đó.

Cậu Ross hoàn toàn khỏe mạnh, ít nhất cậu nói thế với đủ loại phóng viên báo chí đến phỏng vấn cậu, từ Oprah, Larry King và cả Reverend Billy Graham. Sau hơn một tháng trời theo dõi, rốt cuộc cậu Ross cũng được phép xuất viện. Khoảng thời gian theo dõi dài đến một tháng trời chẳng phải vì lý do sức khỏe mà là để đủ thứ bác sĩ đến chọc ngoáy nghiên cứu lý do vì sao cậu Ross sống lại. Meredith cũng đã xuất viện. Mẹ cậu và Eli đã đến đẩy xe đưa hai người về nhà.

Lúc cậu Ross nằm viện, Ethan đã đến thăm mấy lần. Ethan đã dạy đủ trò cho cậu Ross, giờ ông cậu đã biết chơi bài xì tố kha khá. Hai cậu cháu cũng tâm sự đủ điều. Dù Ethan không hề cho phép bản thân kỳ vọng quá nhiều, làm sao người ta có thể ngừng hy vọng chuyện may mắn hiếm hoi như cậu Ross biết đâu lại được di truyền đến đời sau.

Lần trước khi Ethan đến chơi, cậu Ross đã để cậu bé chén sạch bách mẩy viên thạch Jello màu xanh lá cây và một tô mì, rồi dắt cậu bé sang thăm phòng Meredith. Cô ấy bảo với Ethan mặc dù DNA của cậu bé không có khả năng tự sửa chữa, có nhà khoa học nào đó ở New York đã nghiên cứu thành công một loại thuốc chữa trị những nơi DNA đã bị tổn hại. Các đồng nghiệp trong phòng nghiên cứu của cô cũng đang tập trung vào liệu

pháp thay thế gene, vốn có khả năng chữa chứng khô da sắc tố XP một cách vĩnh viễn.

Ai biết được vận may có thể xảy ra lần thứ hai hay không? Dù sao gia đình này đã có tiền lệ rồi mà.

“Xem này.” Lucy kéo tay cậu bé và chỉ tay. “Kỳ lạ thật.”

Đó là cầu vồng đôi, một cầu vồng nép dưới viền cong của một cầu vồng khác. Nhưng người ta chỉ nhìn thấy nửa bên trái, đường cong vươn lên giao với bầu trời rồi tan vào nền mây xám xanh.

Dù Ethan và Lucy không thấy được nửa bên phải còn lại, cậu bé biết nó vẫn tồn tại. Niềm tin đó không phải là vì suy nghĩ mơ mộng hay viển vông mà dựa trên quy luật của tự nhiên. Dù sao thì chỉ cần bạn biết một phần của sự vật đó có thực, thì phần còn lại cũng tồn tại đâu đó ngoài kia.

LỜI CẢM ƠN

Tin rằng có ma giống như mang thai – hoặc là bạn tin, hoặc không tin, không bao giờ có chuyện nửa tin nửa ngờ. Vì vậy lúc xây dựng hình tượng nhân vật Ross Wakeman, tôi biết mình phải tìm được ai đó không những tin mà còn phải biết cách giải thích cho tôi hiểu vì sao lại tin. Thật may mắn là tôi có quen biết với Hiệp Hội Tâm Linh Atlantic – đặc biệt là Jason Hawes và Grant Wilson, hai người đã đưa tôi đi săn ma và khiến tôi tin rằng có rất nhiều thứ không thể nhìn thấy bằng mắt thường. Ngoài ra còn có Andy Thompson, người đã giải thích cho tôi hiểu khả năng ngoại cảm nghĩa là gì. Những gì họ dạy lý thú đến mức tôi chỉ muốn viết thêm một truyện ma nữa để có lý do theo chân họ khám phá.

Như đã hứa: xin cảm tạ những người bạn tại Hội phụ nữ yêu sách đã nhiệt tình giúp tôi nghĩ tên cho tựa sách, họ là: Lori Maurillo Thompson,

Sherry Fritzsche, Sandy Langley, Joyce Doherty, Laurie Barrows, Connie Picker, Sara Reynolds, Nancy Martin, Claudia Kari, Pamela Leigh, Suzi Sabolis, Linda Shelby, Carol Pizzi, Diane Meyers, Karen Sokoloff, and MJ Marcks.

Xin cảm ơn những giáo sư thân thiết – Dr. Elizabeth Martin, Lisa Schiermeier, Dr. David Toub, Dr. Tia Horner, hai chuyên gia—Dr. Aidan Curran and Dr. Daniel Collison; tư vấn pháp luật, Jennifer Sternick, Andrea Greene Goldman, Alan Williams, and Allegra Lubrano; và nhân viên điều tra lão luyện, Trung úy cảnh sát Frank Moran. Xin đặt biệt cảm ơn cảnh sát Claire Demarais từ Cục cảnh sát Bang Rhode Island vì đã dạy tôi những điều cơ bản về khoa học hình sự. Sindy Follensbee, cảm ơn vì đã luôn nhanh chóng hoàn thành công việc tốc ký với nụ cười trên môi. Cảm ơn Rebecca Picoult vì đã hỗ trợ dịch tiếng Pháp và đi cùng tôi đến tham quan Thư Viện Nghệ Thuật Đương Đại Massachusetts; Jane Picoult, Steve Ives và JoAnn Mapson đã đọc bản thảo và thúc đẩy tôi không được lười biếng. Aimee Mann đã giúp chuyển tải cảm giác đau thương của Ross thành âm nhạc, tiếp thêm cảm hứng để tôi viết thành tác phẩm. Gửi đến người đại diện Laura Gross lời cảm ơn chân thành vì mười năm hợp tác và hy vọng sẽ kéo dài thêm ba mươi bốn mươi năm

nữa. Cảm ơn Laura Mullen và Camille McDuffie đã mang tác phẩm của tôi đến với công chúng. Và tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến tất cả mọi người tại nhà xuất bản Atria đã yêu mến quyển sách này, đặc biệt là Judith Curr, Karen Mender, Sarah Branham, Shannon McKenna, Craig Herman, và Paolo Pepe. Biên tập viên tại Atria, Emily Bestler, không chỉ là một người đầy tài năng đã thúc đẩy tôi viết hay hơn mà còn là một người bạn thân thiết, là chỗ dựa tinh thần quý giá nhất.

Và cuối cùng, cảm ơn Kyle, Jake và Samantha đã chia sẻ thời gian bên mẹ với những nhân vật hư cấu, cùng chồng tôi, Tim, vì đã góp phần tạo nên cuộc đời tôi.

LỜI TÁC GIẢ

Quyển sách này hoàn toàn dựa trên hư cấu. Nhưng Dự án Ưu sinh tại Vermont những năm 1920 và 1930 là có thật. Đây là một chương trong lịch sử vừa được phát hiện và là nguyên nhân của nhiều bi kịch và nỗi xấu hổ ánh hưởng đến nhiều tầng lớp cư dân bang Vermont. Những tư liệu thu được từ đợt Khảo sát Ưu sinh nay được lưu trữ tại Văn Phòng tư liệu Hành Chính tại Middlesex, bang Vermont. Những ví dụ minh họa trong quyển sách này được trích từ một phần tư liệu thu được.

Spencer, Cissy Pike, Sói Xám, Harry Beaumont và Abigail Alcott là những nhân vật được tôi sáng tạo nên, nhưng Henry F. Perkins là nhân vật có thật. Theo lời của Nancy Gallagher trên trang web cá nhân mang tên “Phong trào Ưu sinh tại Vermont: Một tư liệu lịch sử” (www.uvm.edu/~eugenics), Henry F. Perkins là giáo sư ngành động vật học tại Đại Học Vermont. Ông ta là người lên kế hoạch

cho đợt Khảo sát Ưu sinh tại Vermont để phục vụ cho nghiên cứu di truyền. Ông ta cho rằng thông qua nghiên cứu, tuyên truyền trong cộng đồng và ban hành luật pháp, cộng đồng những người kém ưu việt tại bang Vermont vốn đang trên đà tăng nhanh sẽ thu nhỏ. Tài lãnh đạo của ông ta chính là nguyên nhân thúc đẩy việc thông qua Đạo luật Triệt sản tại bang Vermont vào năm 1931. Sau đó ông tiếp tục giảng dạy môn di truyền gene và thuyết Ưu sinh tại đại học Vermont đến lúc nghỉ hưu năm 1945.

Dù được gọi là Đạo luật Cải thiện Nhân loại thông qua Triệt sản tự nguyện, người ta vẫn nghi ngờ những đối tượng triệt sản có thực sự tự nguyện đồng ý hay không. Bằng chứng cho thấy chỉ cần có chữ ký xác nhận của hai bác sĩ thì bệnh nhân sẽ bị triệt sản. Có ba mươi ba bang thông qua Đạo luật Triệt sản. Trong phiên tòa xét xử tội ác chiến tranh trong Thế chiến thứ hai, Đức Quốc Xã đã tuyên bố rằng những chương trình ưu sinh tại Mỹ là nền móng cho kế hoạch diệt chủng.

Dưới sự vận động của Liên đoàn Tự do Dân sự Mỹ (viết tắt là ACLU) trong những năm 1960 và 1970, nhiều bang đã bãi bỏ đạo luật kể trên. Những bang khác chỉnh sửa đạo luật để loại bỏ những điều khoản liên quan đến Thuyết Ưu sinh và chú trọng hơn vào mục tiêu bảo vệ quyền lợi

của người dân. Một vài bang thậm chí đã ban hành thông cáo chính thức chấm dứt chiến dịch ưu sinh và bày tỏ sự ăn năn vì dính líu đến chương trình này. Vermont không hề đưa ra phát biểu nào.

Henry Perkins qua đời năm 1956, đúng vào thời điểm cấu trúc DNA được phát hiện. Thuyết Ưu sinh lại mang một bộ mặt mới, ẩn danh dưới kỹ thuật sinh sản và chẩn đoán gene. Lịch sử một lần nữa lặp lại khi Dự án Bản đồ gene người được khởi công tại Cold Spring Harbor, bang New York vào năm 1910, ngay tại địa điểm đặt Văn phòng Nghiên cứu Ưu sinh mới tại Trạm Thực nghiệm Tiến hóa.

Với những độc giả mong muốn tìm hiểu thêm về Thuyết Ưu sinh, tôi đã đính kèm danh sách tư liệu và sách báo đã giúp ích trong việc hoàn thành tác phẩm này. Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn đến Fred Wiseman, Charlie Delaney, và Marge Bruchac đã góp ý cho tôi về phần khắc họa nội tâm của người dân bộ tộc Abenaki; cảm ơn Mike Hankard và Brent Reader về phần dịch thuật ngôn ngữ Abenaki, cùng với Joseph Alfred Elie Joubert đến từ khu định cư thổ dân Châu Mỹ tại Odonak, P. Que, Canada, đã giúp tôi sửa lại cách dùng từ Abenaki và dạy tôi phát âm thế nào cho đúng. Tôi cũng mang ơn Keven Dann, người đã tìm ra những tư liệu ESV vào năm 1986, mang sự

thật phơi bày với thế giới. Nhờ vào những phát hiện và tác phẩm của ông ấy, tôi mới có thể xây dựng ý tưởng cho quyển sách này. Cuối cùng, tôi vô cùng cảm kích Nancy L. Gallangher, người đã tận tâm giảng giải những gì mình viết trong bài nghiên cứu Vì Vermont tốt đẹp hơn: Dự án Ưu sinh tại tiểu bang Green Mountain và chia sẻ những thông tin có thật. Những độc giả nếu mong muốn được tìm hiểu sâu hơn về chủ đề này có thể tìm đọc sách hoặc ghé qua trang web “Dự án Ưu sinh tại Vermont: Một tư liệu lịch sử” (www.uvm.edu/~eugenics). Tôi đã sử dụng rất nhiều tài liệu và đánh giá tại đó để tái hiện bối cảnh lịch sử cho tác phẩm.

Nếu không có những tài liệu của những cá nhân kể trên, tôi sẽ không thể nào hoàn thành tác phẩm của mình.

Jodi Picoult
Tháng Bảy năm 2012

TƯ LIỆU THAM KHẢO

Anderson, Elin. – Công Dân Nước Mỹ: Một nghiên cứu về sự chia rẽ trong xã hội, năm 1937. Cambridge, MA, Harvard University Press, năm 1937.

Bandler, James. “Phương pháp của Perkins.” Tạp chí Vermont Chủ Nhật, Rutland Herald, ngày 9 tháng Tư năm 1995

Dann, Kevin. “Đóng vai thổ dân: Chân dung bộ tộc Abenaki những năm đầu thế kỷ Hai Mươi.” Trích bài phát biểu tại đại học Vermont, Burlington, Vermont, tháng Mười Một năm 1999.

Trung tâm nghiên cứu DNA Dolan, phòng thí nghiệm Cold Spring Harbor, New York. “Tư liệu ảnh của Phong trào Ưu sinh Mỹ.” Nguồn từ trang web www.eugenicsarchive.org.

Khảo sát Ưu sinh tại bang Vermont và Hiệp hội Dân sinh Vermont. Tài liệu, Văn Phòng Lưu Trữ Công, Middlesex, VT.

Gallagher, Nancy L. Vì Vermont tốt đẹp hơn: Dự án
Ưu sinh tại Tiểu Bang Núi Xanh. Hanover, NH:
University Press of New England, năm 1999.

Gallagher, Nancy L. "Phong Trào Ưu Sinh tại Vermont:
Một tư liệu lịch sử". Nguồn tại trang web www.uvm.edu/~eugenics

Kincheloe, Marsha R. và Herbert G. Hunt, Jr. Giường
trống: Lịch sử Bệnh viện Bang Vermont. Barre, VT:
Northlight Studio Press, năm 1988.

Luật Bang Vermont. Phiên điều chỉnh luật hai năm một
lần lần thứ 31, năm 1931: điều 194–96, mục 174: Đạo
luật Cải thiện Nhân loại thông qua Triệt sản tình
nguyễn.

Oatman, Michael. "Bóng tối bao trùm: Henry Perkins
and cuộc Khảo sát Ưu sinh tại Vermont." Triển lãm
tại Thư viện Nghệ thuật Đương đại Massachusetts,
mùa xuân năm 2001.

Wiseman, Fred. Phát thanh lúc bình minh: Tóm lược
lịch sử bộ tộc Abenaki. Hanover, NH: University
Press of New England, năm 2001.

Mục lục

Phần Một — Năm 2001.....9

Chương Một.....	10
Chương Hai.....	49
Chương Ba.....	100
Chương Bốn.....	191

Phần Hai — Năm 1932.....245

Chương Năm.....	246
Chương Sáu.....	302
Chương Bảy.....	358

Phần Ba — Năm 2001.....405

Chương Tám.....	406
Chương Chín.....	488
Chương Mười.....	564
Chương Mười Một.....	614
Chương Mười Hai.....	689

Lời cảm ơn.....769

Lời tác giả.....773

Tư liệu tham khảo.....777

HAI CỒI NGƯỜI TA

JODI PICCOULT

Trần Nguyên Hương *dịch*

Chịu trách nhiệm xuất bản: PHAN THỊ THU HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung: DƯƠNG THÀNH TRUYỀN

Phụ trách bản thảo: HUYỀN TÔN NỮ KIM TUYÉN

Biên tập và sửa bản in: ĐÀO MAI LY

Bìa: NGUYỄN MINH HẢI

Trình bày: NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (028) 38437450

E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đàm Tráu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 37734544 - Fax: (024) 35123395

E-mail: chinhhanhhanoi@nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 280D Trung Nữ Vương,

Phường Bình Thuận, Quận Hai Châu, Đà Nẵng

Điện thoại: (023) 63539885

E-mail: chinhhanhdanang@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: (028) 35261001 – Fax: (028) 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Khổ: 13 cm x 20 cm, số: 419-2020/CXBIPH/14-16/Tre

Quyết định xuất bản số 88/QĐA-NXBT, ngày 20 tháng 02 năm 2020

In 1.500 cuốn, tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ: 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2020

ISBN: 978-604-1-15979-2



Author photograph: © Adam Bouska
<http://www.adambouska.com>

JODI PICOULT là tác giả có sách bán chạy nhất theo bình chọn của *New York Times*. Bà đã xuất bản 25 tiểu thuyết, bao gồm **Siêu Thoát**, **Luật nhà**, **Nơi chốn lưu đày**, **Những điều nhỏ bé vĩ đại** và các tác phẩm khác.

Bà hiện đang sống ở New Hampshire với chồng và ba con.

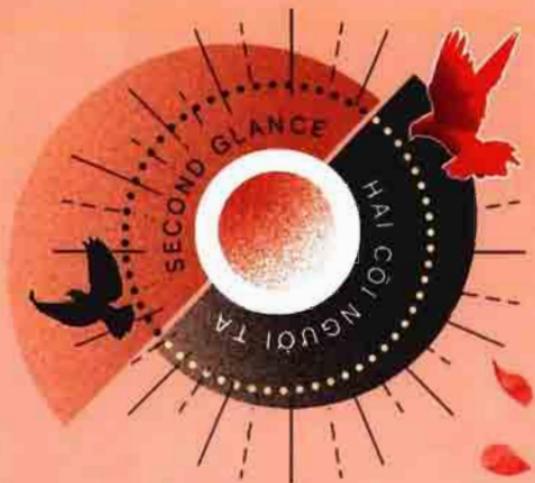
JodiPicoult.com

Facebook.com/JodiPicoult

[@jodipicoult](https://Twitter.com/jodipicoult)

[@jodipicoult](https://Instagram.com/jodipicoult)

Trong một bài phỏng vấn đăng trên tờ *New York Times*, tác giả Jodi Picoult cho biết trong số những sáng tác của mình, bà thích nhất tác phẩm **Second Glance** vì nó viết về “những điều rồi sẽ quay trở lại ám ảnh chúng ta: những hồn ma và lịch sử”.



“SHELBY tin rằng tình yêu tựa như nhật thực – đẹp đến nghẹt thở, lôi cuốn và khiến người ta mù quáng. Cô chưa từng né tránh chuyện yêu đương, nhưng giờ cũng không mong muốn bắt đầu một quan hệ. Người ta hay ví von “đắm vào bể tình” chính là như vậy, một khi đã yêu, át phải mê trầm tận đáy.

Cô cũng từng yêu chồng cũ say đắm – cô biết cảm giác tim đập nhanh khi nghe giọng của người ấy qua điện thoại và cảm giác thế giới ngừng quay khi hôn nhau. Nhưng bây giờ cô tin rằng tình yêu đó đã chấm dứt, giống như nhiều mối tình khác. Yêu là sẵn sàng nhảy khỏi vách đá với niềm tin ai đó đứng dưới đáy vực sẽ đón được mình. Nhưng với Shelby, anh chồng cũ đã chạy mất dép trước khi cô chạm đáy. Nói thật lòng, cô không chắc mình muốn nhảy thêm lần nữa. ”



ISBN 978-604-1-15979-2



Hai cội người ta



Giá: 270.000 đ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
THE PUBLISHING HOUSE
www.vietstar.com.vn

SỐ SERI : AL 893938

